

THÁNH ĐIỂN PĀLI
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Dịch giả
Trưởng Lão Thiền Sư PHÁP MINH

Chủ giải

*Kinh
Pháp
Cú*

Quyển 3

DHAMMAPĀDATTHAKATHĀ

Kính Cáo

Sau mỗi tích chuyện có phần Cần đề là những bài kệ vịnh trích ra từ bộ Chú giải Kinh Pháp Cú mới dịch xong trong mùa Hạ kỳ 1984 này. Mong rằng các hành giả sơ cơ đang cần học tập, ôn nhuần Kinh Pháp Cú để áp dụng vào đời sống thực tế của mình cho hạp theo Chánh Pháp, sẽ được gợi hứng để có thể hoàn tất sự học cũng như chúng tôi đã hoàn tất sự dịch ra Việt ngữ vậy.

Ngoài ra, với những kệ này, quý bạn thức đêm đầu đũa có thể bày ra những câu đố về sự tích hoặc căn bản giáo lý chứa đựng trong bộ Pháp Cú mà các Phật tử phương Tây rất quý trọng, nhất là ở Tây Đức.

Nếu mọi người hiểu rành Kinh Pháp Cú và thực hành theo đó thì thế giới có thể hòa bình, an lạc.

Rất mong thay!

Tỳ khưu PHÁP MINH



MỤC LỤC

XI. PHẨM LÃO.....	1
(JARĀVAGGA)	1
XI.1- Tích BẠN BÀ THIÊN CHI SAY	1
XI.2- Tích NÀNG SIRIMA	6
XI.3- Tích TRƯỞNG LÃO NI ÚT TÁ RA BỊ TẾ	12
XI.4- Tích NHÓM TẶNG THƯỢNG MẠN	15
XI.5- Tích TỶ KHEO NI SẮC NAN ĐÀ.....	18
XI.6- Tích HOÀNG HẬU MẠT LY THĂNG HÀ.....	24
XI.7- Tích TRƯỞNG LÃO LÔ LƯU ĐÀ DI LÂN THÂN.....	30
XI.8- Tích PHẬT THÀNH ĐẠO.....	35
XI.9- Tích ĐẠI PHÚ PHÁ SẢN.....	39
XII. PHẨM TỰ NGÃ	45
(ATTAVAGGA).....	45
XII.1- Tích BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ	45
XII.2- Tích THÍCH TỬ UPANANDA	51
XII.3- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ TINH TẤN THIỀN	56
XII.4- Tích MẸ CỦA TRƯỞNG LÃO CA DIẾP ĐỒNG TỬ	60
XII.5- Tích THIÊN NAM MÁ HA KA LÁ.....	67
XII.6- Tích ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA GÂY TỘI ÁC.....	71
XII.7- Tích CỐ Ý CHIA RẼ TẶNG	74
XII.8- Tích TRƯỞNG LÃO KA LÁ	77
XII.9- Tích THIÊN NAM TIÊU KA LÁ.....	81
XII.10- Tích TRƯỞNG LÃO TỰ LỢI	84
XIII. PHẨM THẾ GIAN	88
LOKA VAGGA	88
XIII.1- VỊ TỶ KHUÛ TRẺ.....	88
XIII.2- ĐỨC VUA SUDDHODANA	92
XIII.3- CHƯ TỶ KHUÛ TU THIỀN QUÁN.....	97
XIII.4- HOÀNG TỬ ABHAYA	100
XIII.5- TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA	104
XIII.6- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA	108
XIII.7- CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT.....	111
XIII.8- CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỶ KHUÛ	118

XIII.9- NÀNG CIÑCAMĀṄAVIKĀ	121
XIII.10- ĐẠI THÍ VÔ SONG	128
XIII.11- CÔNG TỬ KĀLA.....	136
XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ.....	141
BUDDHA VAGGA	141
XIV.1- CON GÁI MA VƯƠNG.....	141
XIV.2- THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO.....	150
XIV.3- LONG VƯƠNG ERAKAPATTA.....	174
XIV.4- VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA	180
XIV.5- VỊ TỶ KHUÛU KHÔNG HOAN HỠ	186
XIV.6- QUỐC SƯ AGGIDATTA	192
XIV.7- CÂU HỎI TRƯỞNG LÃO ĀNANDA	204
XIV.8- CHUYỆN CHƯ TỶ KHUÛU	207
XIV.9- BẢO THÁP CỦA ĐẢNG KASSAPA	210
XV. PHẨM AN LẠC	216
SUKHA VAGGA	216
XV.1- HAI HOÀNG TỘC TRANH GIÀNH NƯỚC.....	216
XV.2- MA VƯƠNG TRÊU PHẬT.....	223
XV.3- ĐỨC VUA KOSALA BẠI TRẬN	226
XV.4- MỘT THIẾU NỮ GIA GIÁO.....	229
XV.5- ÔNG THIÊN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT.....	232
XV.6- ĐỨC VUA PASENADI BỐT ĂN.....	236
XV.7- ĐẠI ĐỨC TISSA CÚNG DƯỜNG CAO THƯỢNG	240
XV.8- THIÊN VƯƠNG ĐỂ THÍCH SẴN SÓC PHẬT	243
XVI. PHẨM HỠ ÁI.....	250
PIYA VAGGA.....	250
XVI.1- BỘ BA CHA - MẸ - CON XUẤT GIA	250
XVI.2- MỘT GIA TRƯỞNG KHÓC CON.....	257
XVI.3- TÍN NỮ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU GÁI.....	261
XVI.4- CÁC VƯƠNG TỬ LICHAVĪ GIÀNH KỶ NỮ	264
XVI.5- CÔNG TỬ ANITTĀGANDHA	267
XVI.6- ÔNG BÀ LA MÔN THẤT HỨA.....	271
XVI.7- NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH ĐẾN NGÀI KASSAPA	275
XVI.8- ĐẠI ĐỨC A NA HÀM.....	279
XVI.9- NANDIYA VỀ TRỜI	282
XVII. PHẨM PHẦN NỘ.....	288

KODHA VAGGA.....	288
XVII.1- THÍCH NỮ ROHINĪ.....	288
XVII.2- TỶ KHUÛ ĐÓN CÂY RỪNG	294
XVII.3- TÍN NỮ UTTARĀ	298
XVII.4- MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO.....	307
XVII.5- CHƯ TẶNG VẤN ĐẠO.....	311
XVII.6- NỮ TỶ PUNṆĀ.....	315
XVII.7- THIỆN NAM ATULA	319
XVII.8- NHÓM TỶ KHUÛ LỤC SƯ'	327
XVIII. PHẨM CẦU UẾ	333
(MALA VAGGA).....	333
XVIII.1- CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ	333
XVIII.2- ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ'	342
XVIII.3- ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y.....	345
XVIII.4- ĐẠI ĐỨC LOLUDĀYI DỐT PHÁP.....	349
XVIII.5- MỘT CÔNG TỬ BỊ CẮM SỪNG.....	353
XVIII.6- TỶ KHUÛ CŪḶASĀRI TÀ MẠNG	358
XVIII.7- NĂM CẬN SỰ NAM (VỚI NAM GIỚI).....	363
XVIII.8- TISSA NHÀ SƯ TRẺ (HAY CHÊ).....	368
XVIII.9- NĂM CẬN SỰ NAM THÍNH PHÁP	373
XVIII.10- TRƯỞNG GIẢ MENḶAKA	378
XVIII.11- ĐẠI ĐỨC UJJHĀNASANÑĪ	387
XVIII.12- DU SĨ SUBHADDA	390
XIX. PHẨM PHÁP TRỤ.....	395
(DHAMMAṬṬHA VAGGA).....	395
XIX.1- CÁC QUAN TÒA	395
XIX.2- NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI	400
XIX.3- ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA.....	403
XIX.4- ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA	407
XIX.5- NHIỀU VỊ TỶ KHUÛ THAM VỌNG	411
XIX.5- HATTHAKA TRÓ TRÊU.....	415
XIX.6- THẦY BÀ LA MÔN KHÁT SĨ	419
XIX.7- NGOẠI ĐẠO LÀM THINH	423
XIX.8- NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA	428
XIX.9- NHIỀU VỊ TỶ KHUÛ TỰ MẶN.....	431

XI. PHẨM LÃO (JARĀVAGGA)

11 bài kệ: Pháp Cú số 146 - 156

9 tích truyện



XI.1- Tích BẠN BÀ THIỆN CHI SAY

(Visākhāya Sahāyikānaṃ vatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 146)

“Ko nu hāso kimānando,
Niccamaṃ pajjalite sati;
Andhakārena onaddhā,
Paḍīpaṃ na gavesatha”.

“Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu?
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không tìm ngọn đèn?”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sư đã thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến những người bạn của bà Visākhā (Thiện Chi).

Tương truyền rằng: Có năm trăm thanh niên con nhà lễ giáo, mỗi người tự giao vợ mình đến nhà bà Visākhā bảo hộ, mong rằng các cô vì thế mà trở nên người có nét hạnh không dễ duôi. Nếu các cô đi công viên hoặc đi chùa thì phải cùng đi với bà, chớ không được đi một mình.

Một thời gian nọ, các cô rủ nhau bày tiệc rượu suốt bảy ngày. Giữa cuộc lễ tung bưng huyền áo, mỗi cô tự chiêu đãi hầu rượu chồng mình. Các thanh niên vui chơi cuộc lễ rượu suốt bảy ngày. Đến ngày thứ tám, họ phải xuất hành, ra đi làm công việc nọ, tùy theo nghề nghiệp. Các phụ nữ ở nhà rủ nhau: “Trước mặt chồng chúng ta không được uống rượu. Số rượu còn dư đây chúng ta sẽ uống lén, đừng cho các ông biết!”.

Các cô cũng đến yêu cầu bà Visākhā:

- Thưa bà, chúng con muốn đi ngoạn cảnh công viên.
- Lành thay! Vậy các cô hãy lo sắp xếp mọi việc rồi khởi hành!

Nghe vậy, các cô vầy đoàn cùng đi, lén cho người mang rượu theo đến công viên, uống cho say rồi đi lang thang.

Bà Visākhā suy nghĩ: “Việc các cô này đã làm thật không thích đáng! Rồi đây hàng phụ nữ sẽ chê trách rằng: “Bây giờ các Nữ Thịnh văn, đệ tử của Sa môn Gotama đã uống rượu và đi lang thang!”.

Nghĩ rồi bà kêu các cô mà bảo rằng:

- Nay các cô! Việc các cô đã làm thật không thích đáng! Chính ta cũng bị mang tiếng xấu lây. Chồng các cô sẽ nổi giận. Bây giờ, các cô liệu sao đây?

- Thưa cô! Chúng con sẽ giả đồ làm như mình có bệnh vậy!

- Nếu vậy, các cô hãy ý thức rõ rệt cái nghiệp tự các cô làm nhé!

Những phụ nữ ấy về nhà, giả đồ có bệnh. Các ông chồng của họ thấy vắng vợ, hỏi thăm người khác, nghe nói vợ mình bệnh, suy nghĩ rồi liền nghi: “Chắc chắn mấy cô này đã uống số rượu còn dư”. Sau khi đánh đập vợ, các thanh niên cảm thấy buồn khổ vì mình bất hạnh.

Thế nhưng, một thời gian sau, các cô lại tổ chức lễ tiệc như trước, để rồi lại thêm uống rượu, họ rủ nhau đến yêu cầu bà Visākḥā:

- Thưa bà, xin bà dắt chúng con đi dạo công viên!

Bà Visakha từ chối, nói:

- Lần trước, các cô đã làm ta mang tiếng xấu lây. Thôi các cô hãy đi, ta không dắt các cô đâu!

Các phụ nữ đẩy dùi rằng:

- Bây giờ chúng con không làm vậy nữa đâu. - Và họ theo năn nỉ rằng.

- Thưa bà! Chúng con có ý muốn cúng dường đến Đức Phật, xin bà hoan hỷ dắt chúng con đến chùa!

- Bây giờ các cô hãy sắp xếp chuẩn bị rồi đi nhé!

Các phụ nữ cho người mang theo lễ vật, nhất là hương và tràng hoa đựng trong những cái tráp, còn mình thì mang những nhạo rượu đầy lên vai, bên ngoài mặc y rộng che khuất, đồng đi đến chỗ bà Visākḥā để cùng đi với bà vào chùa, ngồi yên chỗ rồi mới lấy nhạo rượu ra uống, uống xong ném bỏ cái nhạo rồi mới vào giảng đường, ngồi ngay Đức Bồn Sư. Bà Visākḥā bèn mở lời:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho các cô đây nghe!

Các phụ nữ đã uống say, thân hình lắc lư, khởi tâm muốn nhảy múa và ca hát. Nhân đó Chư Thiên Ma Vương nghĩ rằng: “Bây giờ chúng ta sẽ nhập xác các cô này và sẽ biểu diễn những trò lố lăng trước mặt Sa môn Gotama!”.

Nghĩ rồi, Chư Thiên Ma nhập vào xác các phụ nữ say rượu. Một số các cô đứng ngay trước Đức Bồn Sư vỗ tay rồi cười. Một số nữa thì nhảy múa như khiêu vũ.

Đức Bồn Sư tự hỏi: “Cái chi đây?”. Khi quán biết rõ lý do, Ngài tự nói: “Bây giờ, ta sẽ không để cho Chư Thiên Ma Vương được phép xuống đây làm nhăng. Quả thật, suốt thời gian ta bỏ túc pháp Thập Độ Ba La Mật, Chư Thiên Ma Vương chưa hề có dịp xuống đây làm nhăng”. Thế rồi, Đức Bồn Sư từ những lông chân mày (Uṇṇo - Bạch hào mi), phóng một tia sáng để làm cho Chư Thiên kinh cảm. Ngay lúc ấy, trời đất bỗng trở nên tối đen như mực.

Các phụ nữ hoảng hốt, đâm ra sợ chết. Do đó, chất rượu trong bụng các cô tiêu tan.

Bậc Đạo Sư biến mất từ trên bảo tọa, hiện ra đứng trên đỉnh núi Tu Di, phóng ra một hào quang từ chùm lông trắng giữa hai chân mày. Ngay lúc ấy, trời đất sáng rực như được hàng ngàn mặt trăng chiếu rọi vậy.

Bấy giờ, Bạc Đạo Sư mới gọi những phụ nữ ấy mà dạy rằng:

- Các cô khi đến với ta, đã đến với tâm dễ duôi. Đúng ra, các cô không nên dễ duôi như vậy! Vì một khi Chư Thiên Ma Vương có dịp nhập xác các cô rồi, họ đã khiến các cô cười ở chỗ không đáng cười, vỗ tay ở chỗ không đáng vỗ tay v.v... Giờ đây, các cô phải ráng tinh tấn, lo dập tắt các ngọn lửa, nhất là lửa tham ái...

Nói rồi, Đức Bôn Sư ngâm kệ rằng:

“Ko nu hāso kimānando,
Niccamaṃ pajjalite sati;
Andhakārena onaddhā,
Padīpamaṃ na gavesatha”.

Làm sao vui cười, có gì thích thú, khi ở trong cõi đời luôn luôn bị thiêu đốt? Ở trong chỗ tối tăm, bung bít, sao không tìm ánh sáng quang minh?

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của kệ ngôn này là:

Ānando = Tuṭṭhi: vui thích (khánh hỷ).

Như Đức Phật đã thuyết, nơi thế gian mà chúng sanh chung sống có mười một thứ lửa⁽¹⁾, nhất là lửa tham ái hằng thiêu đốt. Có chi mà các người cười hoặc vui thích? Đừng nên hành động như thế há chẳng tốt hơn sao? Cõi đời quả thật đang bị sự tối tăm vô minh bao trùm, các người đáng lẽ phải lo phá huỷ sự tối tăm. Tại sao không đi tìm ngọn đèn Trí Tuệ?

Cuối thời pháp, năm trăm phụ nữ chứng quả Dự Lưu. Khi biết các phụ nữ ấy an trú trong đức tin bất động, Bạc Đạo Sư từ đỉnh núi Tu Di biến mất, hiện lên ngự tọa trên Phật Bảo Toạ.

Khi ấy, bà Visākhā thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn, chất rượu quả thật là ác hại. Nó đã khiến phụ nữ này đang ngồi ngay trước mặt một vị Phật như Ngài mà không thể kèm giữ được oai nghi tế hạnh, đã phải đứng dậy vỗ tay cười cợt, ca hát, nhảy múa lố lăng như thế!...

Đức Bôn Sư xác nhận:

- Phải đó! Nay Visākhā, các chất say có tên là rượu đó, đều ác hại như thế cả. Vì chúng mà người ghiền phải sa đoạ, sống đời sống bất hạnh hàng trăm ngàn kiếp.

Nghe đến đây bà Visākhā vội hỏi:

- Bạch Ngài, những người ấy thọ sanh vào thời nào?

Nghe hỏi, Đức Thế Tôn đã đem câu chuyện quá khứ kể lại để giảng rộng cái hại của sự uống rượu, như đã ghi trong Bôn Sanh Cái Bình Nước (Kumbha).

¹ Mười một thứ lửa là: lửa tình, sân, si, sanh, già, tử, sầu, bi, khổ, ưu, não.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Mượn có đi chùa, uống rượu say,
Bị Ma nhập xác, múa chân tay,
Năm trăm phụ nữ đang cười cợt,
Bị tối bao trùm, tỉnh rượu ngay!
Phật hiện ngôi trên núi Tu Di,
Phóng quang thuyết pháp, phá hoại nghi,
Chỉ rành tai hại của men rượu,
Độ hết các bà bạn Thiện Chi.*

DỨT TÍCH BẠN BÀ THIỆN CHI SAY





For ever ablaze, what laughter, what joy? Trapped in darkness, seek ye not a light?

146. Sao cười gì vậy, có gì vui, khi lửa mãi thiêu đốt cuộc đời? Đang bị bao trùm trong bóng tối, sao không tìm kiếm ngọn đèn soi?

XI.2- Tích NÀNG SIRIMA

(*Sirimāvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp cú số 147)

“Passa cittakatam bimbam,
Arukāyaṃ samussitam;
Āturaṃ bahusaṅkappaṃ,
Yassa natthi dhavaṃ ṭhiti”.

“*Hãy xem bong bóng đẹp,
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu*”.

Kệ Pháp cú này Đức Thế Tôn đã thuyết khi ngự tại Veluvana (Trúc Lâm), đề cập đến nàng kỹ nữ Sirimā (Xí Rí Ma).

Tương truyền rằng: Nàng Sirimā là nàng kỹ nữ tuyệt sắc của thành Sāvattī (Vương Xá). Trong một hạ (Mùa mưa) đã gây thiệt hại đến nàng Uttarā (Út Tá Ra), là con gái của ông Bá hộ Puṇṇaka (Pun Ná Ká), và là dâu của ông bá hộ Sumana (Xú Má Ná), rồi sau ăn năn hối lỗi, muốn cho được trong sạch, nàng đã thỉnh Đức Bổn Sư cùng với Tăng chúng đến tại nhà nàng Uttarā thọ lễ Trai Tăng để cho nàng xin sám hối. Ngày ấy, sau khi thọ thực, Đức Thập Lực đã chúc phúc bằng bài kệ này:

“Akkodhena jine kodham
Asādhum sādhunā jine
Jine kadariyaṃ dānena
Saccenālikavādinanti”.

“*Lấy Từ thắng nóng giận,
Lấy Thiện thắng ác hung,
Lấy Thí thắng xan tham,
Lấy Chơn thắng hư nguy*”.

Nghe dứt bài kệ, nàng Sirimā đắc quả Nhập Lưu. Trên đây là tóm lược đại ý, câu chuyện được giải rộng rõ ràng hơn trong Chú Giải kệ ngôn số 223, Phẩm Phần Nộ (Kodhavagga).

Khi chúng đạt Dự Lưu rồi, nàng Sirimā cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng vào sáng hôm sau đến thọ đại lễ Trai Tăng và nguyện xin để bát thường xuyên một nhóm Tăng tám vị. Từ đó trở đi, hàng ngày có tám vị Tỳ Kheo đi đến nhà nàng.

- Thỉnh các Ngài hãy nhận sữa chua, thỉnh các Ngài thọ sữa tươi.v.v... - Nói rồi nàng chế sữa chua vào đây bát Chư Tăng. Mỗi bát có thể đủ cho cả ba, bốn vị dùng. Hàng ngày, nàng sót ra mười sáu đồng tiền vàng để cúng dường sót bát.

Ngày nọ, một vị Tỳ khưu sau khi độ cơm bát dâng đến tám vị nơi nhà của nàng Sirimā, đã đi đến một ngôi chùa cách xa độ ba do tuần. Khi ấy chư Tỳ Khưu đang ngồi hầu quanh vị Thượng Tọa của mình, hỏi sư:

- Đạo hữu thọ bát ở đâu mà về đây vậy?
- Tôi độ phần cơm của nàng Sirimā để bát đến Tăng Tám vị.
- Thí chú có hoan hỷ dâng cúng không, đạo hữu?

- Thưa các Ngài! Việc dâng cúng của nàng, thật không thể nào tán dương cho xiết. Nàng dâng cúng thực phẩm hoàn toàn, mỗi bát cỡ sức ba, bốn Tỳ Khuru độ cũng đủ. Chẳng những thế thôi, nàng còn tuyệt đẹp và biết cách làm phước để bát một cách khéo léo, duyên dáng hết chỗ chê v.v...

Khi ấy, có một vị Tỳ Khuru nghe vị khách Tăng ca tụng ân đức của nàng Sirimā, tuy chưa được thấy mặt nàng mà đã phát tâm luyến ái nàng, nên nói thầm rằng: “Ta Phải đi coi mặt nàng mới được!”. Vị ấy bèn bạch xin phép Sư cả của mình rồi hỏi thăm vị khách Tăng về cách thức phân phối thế lấy bát.

- Ngày mai đạo hữu vào nhà phát thẻ trước nhất thì ắt sẽ được ở trong nhóm Tăng Tám vị.

Nghe vậy, vị ấy lập tức mang theo y bát ra đi. Từ sáng sớm, mặt trời vừa mọc, vị ấy đã vào đứng trong phòng phát thẻ trước tất cả Tăng chúng, nên lấy được số thẻ đi thọ bát ở nhà cô Sirimā trong nhóm Tăng tám vị.

Bữa hôm qua, sau lúc vị Tỳ khuru khách thọ bát rồi ra đi thì cô Sirimā phát bịnh trong mình cho nên nàng cởi hết đồ nữ trang mà nằm nghỉ.

Sáng hôm sau, khi nhóm tỳ nữ trông thấy các Tỳ khuru được cấp thẻ trong nhóm Tám vị đi đến thì báo cho cô chủ biết. Nàng không thể tự tay rước bát, thỉnh Tăng an tọa, hoặc thỉnh Tăng vào nhà, nên gọi các tỳ nữ bảo rằng:

- Nay các em! Các em hãy rước bát và thỉnh Tăng ngồi rồi dâng cháo sáng và bánh ngọt điểm tâm, rồi tới giờ cơm, hãy để cơm canh đây mà dâng nhé!

Họ thỉnh Tăng vào nhà, dâng cháo và bánh ngọt điểm tâm, đến giờ cơm, họ để cơm canh đây bát rồi báo tin cho cô chủ biết. Cô bảo:

- Nay các em, hãy đỡ ta dậy, dìu ta ra đánh lễ các Trưởng Lão!

Các nữ tỳ đỡ dìu nàng ra gần chư Tăng, nàng lão đảo quỳ xuống đánh lễ các Ngài. Vị Tỳ khuru có tình nhìn nàng rồi nghĩ thầm: “Đang bịnh mà nàng còn sắc đẹp như vậy, huống chi lúc mạnh khỏe đeo đủ đồ trang sức thì có ai mà xinh đẹp bằng nàng?”. Khi ấy, trong tâm của vị Tỳ Khuru hằng hà sa số phiền não nổi dậy. Vị ấy đâm ra si tình đến nỗi không thể độ cơm, bèn mang bát vào chùa, đập nắp lại cất qua một bên, rồi trải y ra nằm chùi lên giường. Một Tỳ khuru bạn thấy, đến yêu cầu, cố ép vị ấy ăn mà không được. Vị ấy tuyệt thực luôn.

Đến chiều ngày ấy thì nàng Sirimā từ trần. Đức vua Bimbisāra (Bình Sa Vương) gửi thông điệp Đức Bốn Sư: “Bạch Thế Tôn! Cháu gái của ngự y Jīvaka là nàng Sirimā đã từ trần”.

Bậc Đạo Sư tiếp được thánh chỉ báo tin liền gởi lời phúc đáp rằng: “Lễ thiêu xác nàng Sirimā sẽ không có, xin Đại Vương ra lệnh cho đem thi hài của nàng đặt trong bãi tha ma nào đó và cho người gìn giữ, đừng để quạ và chó cắn xé, ăn mất xác ấy”.

Đức Vua làm theo chỉ thị của Bậc Đạo Sư. Ba ngày lần lượt trôi qua, đến ngày thứ tư cái tử thi sinh lên, nước vàng rịn chảy ra theo chín lỗ (cửu khiếu). Trọn cả thi thể nứt nở ra như chén cơm nếp (Sāli).

Đức Vua truyền cho người đi đánh trống loan tin khắp thành phố rằng: “Trừ trẻ con ở nhà giữ, ai không đi xem tử thi của nàng Sirimā thì phải nộp phạt tám đồng tiền vàng”. Và Đức Vua cũng phái người đến thỉnh chư Tăng có Đức Phật dẫn đầu, đến khám thi thể của nàng Sirimā.

Bậc Đạo Sư gọi chư Tăng và bảo:

- Nay Chư Tỳ khuru! Chúng Ta sẽ đi thăm viếng nàng Sirimā.

Vị Tỳ Khuru trẻ ấy suốt bốn ngày qua, không nghe tin tức chi hết, cứ nằm lì tuyệt thực. Phần cơm trong bát của vị ấy đã thiu thúi. Cái bát đã đóng bợn nhờn. Khi ấy, một Tỳ khuru bạn của vị ấy đến báo tin:

- Nay đạo hữu! Bậc Đạo Sư cùng Tăng chúng sắp đi viếng thăm nàng Sirimā!

Mặc dù đã nhịn đói là người vậy, nhưng vừa nghe nhắc đến tên nàng Sirimā, vị ấy đã vụt dậy hỏi:

- Đạo hữu nói gì?

Khi nghe lặp lại rằng: “Đức Bôn Sư đi thăm nàng Sirimā, chắc đạo hữu cũng đi chớ?”.

- Dạ phải! Tôi sẽ đi chứ!

Sau khi đổ cơm, rửa bát sạch, bỏ vào trong cái túi dèm, vị ấy cùng đi với Chư Tăng. Đến thi lâm, Bậc Đạo Sư có Chư Tăng vây quanh đứng ở một lối, chư Tỳ Khuru Ni, các quan viên, các Cận sự nam và các Cận sự nữ, mỗi nhóm đều đứng riêng một lối phân biệt nhau.

Bậc Đạo Sư hỏi Đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương! Nàng ấy là ai vậy?

- Bạch Thế Tôn, đó là cháu gái của Ngự y Jīvaka tên là Sirimā.

- Nàng đó là Sirimā ư?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nếu thế xin Đại Vương cho người cổ động truyền rao khắp kinh thành rằng: “Hãy trả một ngàn đồng vàng mà lấy nàng Sirimā”.

Đức Vua làm y theo lời dạy, nhưng chẳng có ai ứng tiếng lên giành: “Để nàng Sirimā cho tôi!” cả. Đức Vua bèn báo tin cho Bậc Đạo Sư biết.

- Bạch Thế Tôn, không có ai mua cả.

- Nếu thế, xin Đại vương sụt bớt giá!

Đức vua cho người đi cổ động truyền rao rằng: “Hãy trả năm trăm đồng mà lấy nàng đi”. Nhưng vẫn không thấy có ai chịu mua với giá đó cả.

Đức Vua lại cho người cổ động đi rao sụt giá lần lần từ hai trăm năm mươi đồng xuống

hai trăm, rồi một trăm, năm chục, hai mươi lăm đồng, xuống đến mười đồng, năm đồng, một đồng, nửa đồng, một bát, một cắc, một xu. Và cuối cùng Đức vua cho đánh

trống truyền rao rằng: “Hãy lấy không nàng Sirimā!”, nhưng tuyệt nhiên không một ai ứng tiếng lên giành, nói: “Để tôi, để tôi” cả. Đức Vua trình cho Đức Bôn Sư biết:

- Bạch Thế Tôn! Dầu cho không cũng chẳng có ai chịu lấy nàng Sirimā cả!

Nhân đó, Đức Bôn Sư dạy Chư Tăng rằng:

Này các Tỳ khuru! Các thầy hãy coi đó! Người nữ mà quần chúng đã từng yêu mến đang nằm đây, lúc trước ở thành, người ta phải trả một ngàn đồng vàng mới được gần nàng một ngày, còn bây giờ đây, dầu cho không cũng chẳng có ai thèm lấy. Sắc đẹp có tướng sanh diệt như thế ấy, này các Tỳ khuru, hãy suy ngẫm về cái tự ngã (xác thân) uế trược này vậy!

Nói rồi Đức Bôn Sư ngâm bài kệ rằng:

“Passa cittakatam bimbam,
Arukāyam samussitam,
Āturam bahusaṅkappam,
Yassa natthi dhuvam thiti”.

Hãy ngắm xác thân tốt đẹp này chỉ là đồng xương lở lói, chông chát tật bệnh, đã được người ta tưởng là êm ái, trong đó tuyệt đối không có gì trường cửu.

CHÚ GIẢI:

Cittakatam: Trang sức, trang điểm bằng y phục, vòng hoa, ngọc ngà v.v... để coi cho đẹp mắt.

Bimbam: cái tự ngã được lập thành có đủ mình, đầu và tay chân.

Arukāyam: nhiều sự đau nhức, do nơi cửu khiếu là chín lỗ trong thân như chín vết thương hằng chảy máu mủ ra, chín lỗ là hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, một miệng, một đường đại, một đường tiểu.

Samussitam: Bộ xương người gồm có 300 khúc xương hiệp lại.

Āturam: Luôn luôn lúc nào cũng phải lo chăm sóc, nhất là bốn oai nghi, vì xác thân hằng bệnh hoạn.

Yassa Nathi dhuvam thiti: Sự trường tồn hoặc sự bền vững của thân này không có. Chỉ nên nhìn thấy khía cạnh tan vỡ, rã rời, tiêu hoại mà thôi.



Cuối thời pháp, tám mươi bốn ngàn chúng sanh chứng đắc pháp nhãn (Tu Đà Hườn đạo), vị Tỳ Khuru ấy cũng đắc Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Vương Xá có nàng Xí Rí Ma,
Mặt hoa, da phấn, tợ tiên nga!
Thấy nàng đau yếu, duyên còn thắm,
Một vì Tỳ Khuru mến thiết tha!...
Nàng chết bốn ngày thân đã sinh,
Tỳ Khuru nằm liệt bởi si tình,
Chợt nghe tiếng gọi, liền nhóm dậy,
Đi viếng "người yêu" với đệ huynh.
Than ôi, người đẹp biến đâu rồi?
Đây chỉ còn tro xác thúi thôi!
Cửu khiếu giời bỏ ra lúc nhúc,
Còn ai muốn lấy vật tanh hôi?...*

DỨT TÍCH NÀNG SIRIMĀ





147. Hãy nhìn thân thể khéo tô điểm hoặc chăm sóc này, thật ra đây bệnh tật bên trong. Nó không bao giờ trường cửu cả.

XI.3- Tích TRƯỞNG LÃO NI ÚT TÁ RA BỊ TẾ

(Uttarātherīvattu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 148)

“Parijñnamidaṃ rūpaṃ,
Roganiddhaṃ pabhaṅguraṃ,
Bhijjati pūti sandeho,
Maraṇantaṃ hi jīvitam”.

“Sắc này bị suy già,
Ổ tật bệnh, mong manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chảm dứt mạng sống”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng Lão Ni Út Tá Ra (Uttarā).

Tương truyền rằng: Trưởng Lão Ni Uttarā có tuổi thọ là một trăm hai mươi tuổi. Sau khi đi khát thực, thọ được cơm bát, trở về dọc đường bà gặp một vị Tỷ khưu. Bà hỏi vị ấy về việc đi bát và xin để bát cúng dường vị ấy. Vị ấy từ chối một vài lần rồi lặng thinh thọ bát. Bà dâng hết vật thực cho vị Tỷ khưu rồi chịu nhịn đói.

Đến ngày thứ hai, ngày thứ ba cũng như thế, Trưởng lão Ni Uttarā đã nhịn đói trọn cả ba ngày như trước. Vào ngày thứ tư, khi trời rặng sáng, với Phật Tuệ Đức Thế Tôn trông thấy duyên lành đạo quả của Nữ Ni Uttarā đã chín muồi, nên Ngài ngự đi khát thực trên con đường mà bà Uttarā sẽ đi.

Trưởng Lão Ni đi trì bình trong chỗ đông người, chợt thấy Đức Thế Tôn, bà vội vàng tách khỏi đám đông. Bất ngờ vạt y của bà thòng xuống đất, bà vấp phải nó và không thể gượng đứng nên té xuống đất. Bậc Đạo Sư ngự đến gần bà, phán rằng:

- Nay Uttarā! Xác thân (tự ngã) của người nay đã già yếu rồi, chẳng bao lâu nó sẽ vỡ tan!

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

“Parijñnamidaṃ rūpaṃ,
Roganiddhaṃ pabhaṅguraṃ,
Bhijjati pūti sandeho,
Maraṇantaṃ hi jīvitam”.

Cái hình hài suy già này, là cái rừng tập trung bệnh tật, dễ hư nát. Đã có tự tất có tan, có sanh tất có tử.



CHÚ GIẢI:

Bài kệ này có ý nghĩa rằng: “Nay Uttarā, cái sắc có tên là xác thân của cô đây, nó đã già yếu vì chất nhiều tuổi thọ rồi, và nó là khu rừng bệnh tật vì là chỗ chứa đủ thứ bệnh tật. Chẳng khác nào con chó rừng tuy còn trẻ, người ta cũng gọi là con chó rừng già (con cáo già) hoặc dây thúi địch (Galocilatā). Cái xác thân hư thối này nó dễ hư hoại vì luôn luôn có nước rịn chảy đều đều, cũng y chang như vậy, mặc dầu khi mới sanh ra sắc nó óng chuốt như vàng ròng. Hễ cái xác thúi tan rã như thế nào thì xác thân của cô, không bao lâu nữa, cũng sẽ tan rã như thế ấy. Tại sao vậy? Tại vì

mạng sống sẽ kết liễu bằng sự chết, cho nên tất cả chúng sanh hiện còn sống rốt cuộc rồi cũng phải cội chết đều nhau cả thảy”.

Cuối thời pháp, Trưởng Lão Ni đắc Tu Đà Hườn quả, kỳ dư đại chúng đều hưởng lợi ích của sự thính pháp.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Tuổi đã trăm hai vẫn giữ bình,
Ba ngày nhịn bát, cúng sư huynh,
Bữa sau vấp té vì kiệt sức,
Phật đến khuyên bà hãy cảm kinh.
Tự quán: Thân này kiệt quệ rồi,
Chỉ là một ổ bệnh tanh hôi,
Rồi đây, khối trước này tan rã,
Mạng sống tận cùng bởi chết thôi!*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO NI UTTARĀ BỊ TẾ





This body fragile, the ideal nesting place for disease. Life necessarily ends in death.

148. Nhìn đám xương bạc trắng rải rác quanh đây, làm sao ta còn tham đắm dục lạc nữa?

XI.4- Tích NHÓM TĂNG THƯỢNG MẠN (*Sambahulādhimānikabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 149)

**“Yānimāni apatthāni,
Alāpūneva sārade;
Kāpotakāni aṭṭhīni,
Tāni disvāna kā rati”.**

***“Như trái bầu mùa thu,
Bị vứt bỏ quăng đi.
Nhóm xương trắng bỏ câu,
Thấy chúng còn vui gì?”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến các Tỳ khuru làm tướng mình đắc quả.

Tương truyền rằng: Có năm trăm vị Tỳ khuru sau khi đã học đề mục Chỉ Quán của Bạc Đạo Sư truyền dạy bèn vào rừng cố gắng tinh tấn hành đạo, đắc thiền, nhưng chưa dập tắt hết các phiền não ngủ ngầm, lại tưởng lầm rằng: “Ta đã hoàn tất các phận sự của bậc Xuất gia”. Các vị ấy trở về chùa, định sẽ tường trình với Đức Bôn Sư về Đạo quả mà mình đã đắc.

Khi các Tỳ khuru về đến cửa Hương thất, Bạc Đạo Sư bảo với Trưởng lão Ānanda rằng:

- Nay Ananda! Các tỳ khuru ấy không có việc gì cần phải vào giáp mặt Ta ngay. Bảo họ đi đến bãi tha ma nọ, rồi khi trở về hãy yết kiến Ta sau!

Trưởng lão ra đón các Tỳ khuru và cho biết chi thị của Đức Bôn Sư.

Thay vì nói “Chúng ta đến thi lâm nọ để làm gì?”, Các vị ấy nghĩ thầm: “Đức Phật hằng thấy xa, chắc rồi đây cái lý do sẽ rõ rệt đối với chúng ta”. Các vị ấy bèn đi đến bãi tha ma nọ, nơi đó các vị ấy thấy những tử thi bỏ nằm dưới đất đã một hai ngày. Ngay sau khi được đến gần để quán các tử thi ấy, các hành giả gặp những xác chết mới bị bỏ, còn tươi, khiến các vị ấy khởi lòng tham ái, chùng đó mới nhận thức rằng tâm mình còn chứa phiền não.

Bạc Đại Sư đang ngồi trong hương thất, liền phóng hào quang, thị hiện như ngồi trước các hành giả ấy và thuyết dạy rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Có đẹp đẽ chẳng, khi mà nhìn thấy những bộ xương như vậy, các thầy lại khởi lòng tham ái, thích thú?

Nói rồi Đức Bôn Sư ngâm kệ rằng:

**“Yānimāni apatthāni,
Alāpūneva sārade;
Kāpotakāni aṭṭhīni,
Tāni disvāna kā rati”.**

Trái hồ lô (trái bầu) về mùa thu thì khô tàn, thân này cũng vậy, khi đã hư hoại thì chỉ còn một đồng xương màu lông hạc, rõ thật chẳng có gì vui?



CHÚ GIẢI:

Apatthāni = chadditāni: Những bộ xương bị vất bỏ.

Sārade: Trong mùa thu, những trái bầu trắng dài bị vất bỏ lung tung chỗ này, chỗ nọ hàng bị gió nắng làm cho tan hoại.

Kāpotakāni = Kapotakavaṇṇāni: Màu sắc trắng như lông chim bồ câu.

Tāni disvāna: Khi nhìn thấy những bộ xương như vậy, sao các thầy lại vui thích nỗi gì? Há chẳng nên tinh cần chế ngự tâm, đừng cho nó đam mê dục lạc hay sao?

Cuối thời pháp, các Tỳ khưu đắc quả A La Hán ngay tại chỗ đang đứng. Các vị ấy tán thán ân đức của Đức Thế Tôn, rồi đến đánh lễ Ngài.

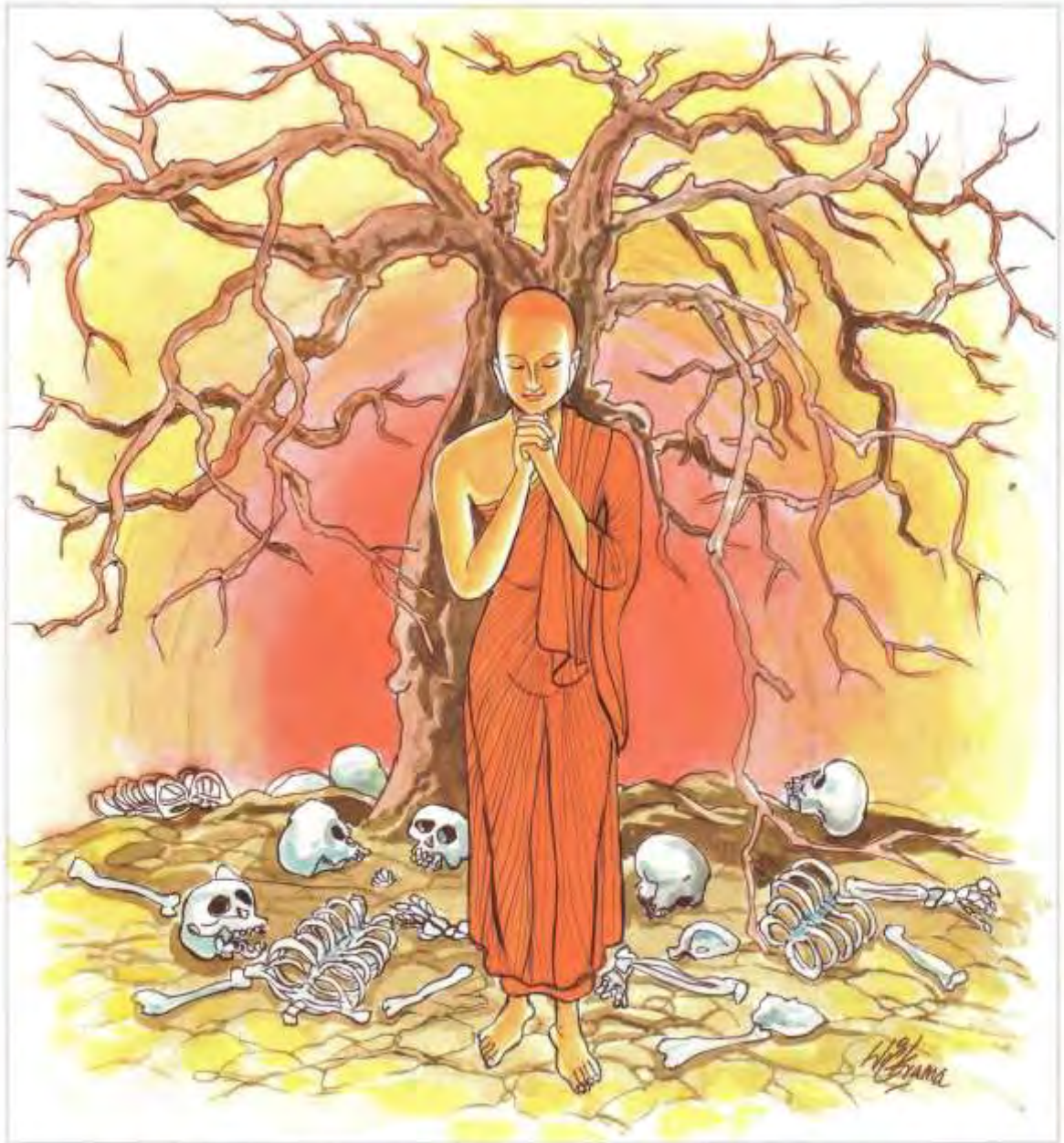


Dịch Giả Cẩn Đề

*Năm trăm Tăng lữ đến rừng xa,
Hành đạo, đắc thiên, ngộ nhận là:
Đắc quả Vô sanh, nên quyết định:
“Về trình hỷ tín với thầy ta!”.
Phật bảo: Chư Sư hãy bước vào,
Trong rừng thiêu xác thử xem sao?
Chư sư thấy xác tươi, Tâm động.
Mới biết mình chưa đắc quả cao!
Phật phóng hào quang thuyết dạy rằng:
Những que xương trắng đẹp gì chẳng?
Các thầy hết thích khi nhìn nó,
Tất cả đều thành La Hán Tăng.*

DỨT TÍCH NHÓM TĂNG THƯỢNG MẠN





Seeing bleached human bones lying all around, how could there be delight in sensuality.

149. Nhìn đám xương người bạc trắng rải rác quanh đây, làm sao ta còn tham đắm Dục lạc nữa?

XI.5- Tích TỖ KHEO NI SẮC NAN ĐÀ

(*Janapadakalyāṇī rūpanandātherīvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 150)

“Aṭṭhīnaṃ nagaraṃ katam,
Mamsalohitalepanam;
Yattha jarā ca maccu ca,
Māno makkho ca ohito”.

“Thành này làm bằng xương.
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Tỳ Kheo Ni Rūpanandā (Sắc Nan Đà), nguyên là một hoa hậu ở Ấn Độ.

Tương truyền rằng: Ngày nọ, cô ấy nghĩ rằng:

- Anh cả ta đã từ khước vương vị mà đi xuất gia rồi, thành một vị Phật, là bậc Tối Thượng Nhân trong cõi thế, con trai Ngài là Thái tử Rāhula (Ra Hầu La) cũng là bậc xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn. Ở trong một gia đình có bấy nhiêu quyền thuộc đã xuất gia như thế, ta sẽ làm gì bây giờ? Ta sẽ xuất gia cho rồi!

Cô bèn đi đến tịnh xá Tỳ khưu Ni mà xuất gia, vì tình yêu thương quyền thuộc, chứ không phải do đức tin. Cô là người có nhan sắc tuyệt đẹp, do đó được mệnh danh là Sắc Nan Đà, nghĩa là phụ nữ ưa thích sắc đẹp (Sắc Khánh Hỷ - Rūpanandā).

Cô nghe đồn Đức Bổn Sư thuyết pháp dạy rằng: “Sắc là Vô thường, là Khổ não, là Vô Ngã. Thọ... Tưởng... Hành... Thức... là Vô thường, là Khổ não, là Vô ngã”, nên tự nghĩ: “Các sắc đáng mến yêu, đáng vui thích, đáng hoan hỷ như thế mà Ngài lại khinh chê, bài bác!”. Do đó, cô không bao giờ đến gặp mặt Đức Bổn Sư.

Bấy giờ, thị dân ở thành Sāvattihī (Xá Vệ), vào ngày Uposatha (Bồ Tát), từ sáng sớm đã cúng dường Trai Tăng và Thọ Giới Bát Quan, buổi chiều họ khoác y sạch sẽ, tay mang lễ vật, nhất là hương và tràng hoa, tập họp tại Kỳ Viên nghe Pháp. Nghe Pháp rồi, họ trở vào thành, vừa đi vừa đàm luận về Ân đức của Bậc Đạo Sư.

Quả thật trong bốn hạng chúng sanh sống chung trên thế gian này, ít ai tiếp xúc với Đức Bổn Sư mà không phát sanh đức tin trong sạch. Bốn hạng chúng sanh ấy là:

1- Những người thích sắc tướng (Rūpappamāṇikā) phát tâm trong sạch khi thấy kim thân có màu vàng ròng tinh anh thanh tịnh cùng với 32 tướng tốt và 80 tướng phụ của Ngài.

2- Những người thích âm thanh (Ghosappamāṇikā) phát tâm trong sạch khi nghe âm thanh điều luyện của tiếng Ngài thuyết Pháp. Đây là hạng chúng sanh đã từng nghe Pháp từ các vị Phật quá khứ hoặc các Bậc Đại nhân Bồ Tát thuyết giảng trong quá khứ và trong hiện tại, lời giảng Pháp của Đấng Như Lai hội đủ tám chi phần Thánh Đạo.

3- Những người thích sự khổ hạnh (Lūkhappamāṇikā), thì phát tâm trong sạch vì thấy Ngài hành Đầu Đà, nhất là đắp y phần tảo (Cīvarādilūkhatam).

4- Những người thích Pháp (Dhammappamānikā), thì phát tâm trong sạch khi so sánh thấy Đức Thế Tôn là bậc trác tuyệt, xuất chúng, ưu việt, không ai bì kịp về mặt ân đức Tam Học, đáng làm gương mẫu: “Giới của Đức Thập Lực là như thế, Định là như thế, Tuệ là như thế...”. Những lời của họ ca tụng ân đức của Đức Thế Tôn, không miệng nào kể lại cho hết được.

Ni cô Rūpanandā lúc gần gũi các Tỳ khuru Ni và các Tín nữ nghe họ thường tán dương ân đức của Đức Thế Tôn thì tự nghĩ: “Thiên hạ họ ca tụng anh ta thái quá như vậy, thế mà một bữa nọ, anh ấy lại nói với ta về tội của sắc đẹp, có lẽ rồi anh sẽ đề cao sắc đẹp! Chi bằng ta cùng đi chung với các Tỳ khuru Ni, nhưng ẩn núp đừng cho Đức Thế Tôn thấy ta, để nghe Ngài thuyết Pháp”.

Khi ấy, Ni cô thổ lộ với các Tỳ khuru Ni rằng:

- Hôm nay tôi sẽ đi nghe thuyết Pháp.

Các Tỳ khuru Ni rất hoan hỷ dắt Ni cô ra đi, vì nghĩ rằng: “Quả thật lâu rồi Rūpanandā không chịu đi yết kiến, hầu hạ Đức Thế Tôn, hôm nay lại đổi ý muốn được nghe Ngài vì mình mà thuyết Pháp”.

Còn Ni Cô Rūpanandā, từ lúc khởi hành trở về sau, cứ nghĩ thầm rằng: “Ta sẽ không bao giờ xuất đầu lộ diện!”.

Đức Bôn Su biết trước rằng: “Hôm nay, Rūpanandā sẽ đến yết kiến Ta. Vậy Ta nên thuyết Pháp nào thích hợp với cô ấy đây?”. Sau khi quán xét, Ngài thấy: “Cô này chú trọng về sắc đẹp, quá ái luyến về thân xác của mình, như lấy gai lê gai, Ta cần phải dùng đến một sắc đẹp để đề bẹp sự say mê sắc đẹp của cô mới được”.

Quyết định rồi, Bạc Đạo Sư dùng thần thông hoá hiện ra một giai nhân tuyệt sắc, khoảng mười sáu tuổi xuân, mặc xiêm y màu đỏ thắm, toàn thân đeo đầy nữ trang rực rỡ, một tay đang cầm quạt đứng hầu Ngài ngay khi Ni cô Rūpanandā vừa vào chùa. Mỹ nữ ấy, chỉ có Bạc Đạo Sư và nàng Rūpanandā trông thấy mà thôi.

Ni cô này cùng các Tỳ khuru Ni vào chùa rồi thì đứng núp sau lưng các Tỳ khuru Ni. Sau khi gieo năm vóc xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, cô ngồi xen giữa các Tỳ khuru Ni mà nhìn Ngài từ dưới chân trở lên, thấy đầy đủ những tướng tốt và tướng phụ với kim thân có hào quang toả rộng ra cả sỏi tay. Kế đến, Ni cô nhìn lên gương mặt tròn đầy như trăng rằm của Ngài thì ngó thấy mỹ nữ đang đứng trong cái rạp. Nhìn mỹ nữ rồi quay lại ngắm mình, Ni cô tự hạ ví mình như con quạ đen đứng trước con Hạc chúa màu vàng rờn vậy. Từ lúc nhìn thấy mỹ nữ là người đẹp do thần thông hoá hiện, hai mắt của Ni cô không rời đối tượng đó. Ni cô nghĩ thầm: “Chao ôi, tóc cô này đẹp quá! Ôi, các tướng cô hảo quang minh! Khắp mình cô chỗ nào cũng sang quý, hấp dẫn cả”. Ni cô sanh lòng yêu mãnh liệt nhan sắc đó.

Khi biết cô rất thích thú với đối tượng đó, Bạc Đạo Sư vừa thuyết pháp vừa khiến cho cái sắc ấy vượt qua trạng thái mười sáu tuổi xuân lên đến hai mươi tuổi.

Ni cô Rūpanandā nhìn thấy sự thay đổi: “Quả thật, sắc đẹp này không bằng lúc này!”. Từ từ, Ni cô bớt mê luyến sắc ấy.

Bậc Đạo Sư khiến cho cô mỹ nữ quạt hầu Ngài từ từ biến dạng, trở thành một phụ nữ trung niên, rồi một bà lão và sau cùng thành một bà cụ già nua lụm cùm, gàn đất xa trời.

Ni cô cũng để ý, tuần tự nhìn thấy sắc đẹp xuân thời đã mất, sắc đẹp khi đứng tuổi cũng đã mất, còn trơ lại cái hình hài trong tuổi già nua đáng chán, nào là răng rụng, đầu bạc, lưng còm như cái sừng bò, tay chân run rẩy. Thấy thế Ni cô chán ngán quá chừng!

Kế đó, Bậc Đạo Sư khiến cho bà cụ hiện ra cái tướng người bị bệnh nặng thẳng phục. Bỗng nhiên, bà cụ bỏ cả cây gậy và quạt, hét lên rồi ngã nhào xuống đất, nằm lăn qua trở lại, lăn xuống đồng phân và nước tiểu của bà ta. Ni cô thấy vậy sanh chán ngán vô cùng. Đức Bôn Sư lại khiến cho bà cụ hiện lên cái tướng chết. Ngay khi ấy, cái xác bà bắt đầu sinh chướng. Theo chín lỗ, mủ và nước vàng rịn chảy ra, có giò bọ lúc nhúc, kên kên và quạ xúm lại rất rĩa cái xác thúi!

Ni cô Rūpanandā vẫn theo dõi từng biến chuyển của đối tượng: “Phụ nữ này, ở nơi đây, bây giờ đã già, bây giờ đang lâm bệnh, bây giờ đã chết. Cái tự ngã (xác thân) của ta cũng sẽ phải già, bệnh và chết như thế chẳng sai!”. Nhờ vậy, Ni cô thấy được Vô thường của Tự ngã (Attabhāva). Một khi đã thấy sự Vô thường như thế thì tự nhiên cũng thấy luôn cả sự Khổ não và sự Vô ngã. Lúc bấy giờ, đối với Ni cô, Tam giới ví như lửa nóng và giống như xác chết treo vậy. Tự nhiên, tâm Ni cô bám sát vào đề mục bất tịnh hiện tiền ấy.

Đức Bôn Sư biết Ni cô đã thấy tướng Vô thường rồi, Ngài quán xem: “Cô có thể tự mình cứu độ lấy mình chăng?”, Ngài thấy cô sẽ không thể tự độ mà phải cần có trợ duyên từ bên ngoài. Do đó, Ngài thuyết pháp thích hợp với căn cơ của Ni cô và ngâm những bài kệ này:

“Āturamaṃ asucimaṃ pūtiṃ,
Passa nande samussayamaṃ.
Uggharantaṃ paggharantaṃ,
Bālānaṃ abbipaṭṭhiṃ,
Yathā idaṃ tathā etaṃ,
Yathā etaṃ tathā idaṃ.
Dhātuye suññato passa,
Mā lokamaṃ punarāgami.
Bhave chandaṃ virājetvā,
Upasantaṃ carissatīti”.

Này Rūpanandā! Hãy quán vật phối hợp nên bởi các yếu tố, gọi là xác thân! Nó chỉ là bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thúi, có nước dơ hằng rịn chảy, bài tiết ra luôn. Thế mà những kẻ ngu mơ ước! Hễ thân này ra sao thì xác ấy cũng sẽ vậy, xác ấy ra sao thì thân này cũng sẽ vậy! Hãy quán Tứ đại, quán Không tánh, đừng trở lại Thế gian. Sau khi xa lánh Hữu dục (sự muốn tái sanh vào Tam giới), cô sẽ bước đi bình yên.

Những bài kệ này đã được Đức Thế Tôn thuyết ra để chỉ cho Tỳ khưu Ni Rūpanandā thấy rõ xác thân là phần tử rườm rà vô ích. Nhờ theo dõi thời Pháp của Đức Đạo Sư, Ni cô phát sanh trí tuệ và đắc Dự Lưu quả.

Lúc bấy giờ Đức Bổn Sư thuyết tiếp theo về đề mục Không tánh (Suññatā) để đưa tâm Ni cô đến ba đạo quả tối cao bằng pháp Minh Sát:

- Nay Rūpanandā, đừng tưởng rằng trong xác thân này có lõi chắc thật. Đối với người không để duôi thì trong đó không có lõi. Đó chỉ là một thành trì bằng xương cấu tạo nên bởi ba trăm khúc xương mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

“Aṭṭhīnaṃ nagaraṃ kataṃ,
Maṃsalohitalepanaṃ;
Yattha jarā ca maccu ca,
Māno makkho ca ohito”.

Thân này là cái thành xây bằng xương cốt và tô quét bằng máu thịt, để cất chứa sự già, sự chết, ngã mạn và dối gian⁽¹⁾.

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của kệ ngôn này là:

“Thật vậy, cũng như người triệt hạ hết mẽ cốc, đậu mè đang mọc để dọn cho trồng đất, rồi mới làm sườn gỗ dựng lên, lấy dây ràng buộc chặt chẽ và trét đất đắp nên gọi là cái thành, bên ngoài người ta cất nhà để ở. Xác thân này cũng thế, bên trong có cái sườn là bộ xương gồm có ba trăm khúc xương, có dây gân buộc xoắn dính liền nhau, có máu và thịt tô đắp lên trên, có da bọc kín bên ngoài. Để triệt hạ cái thành trì đã xây cất là cái tự ngã này, sự già với cái tướng lão, sự chết với cái tướng tử hằng phát khởi lên, liên hệ với sự ngã mạn với cái tướng say mê và sự dèm pha với cái tướng phỉ báng những hành vi đạo đức tốt đẹp. Một tự ngã như thế, quả nhiên gồm chứa cả thân và tâm bệnh hoạn, sa đoạ xuống thấp chớ không hy vọng tiến lên chỗ cao được”.



Cuối thời pháp, Trưởng Lão Ni Rūpanandā chứng đắc A La Hán. Kỳ dư đại chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích.



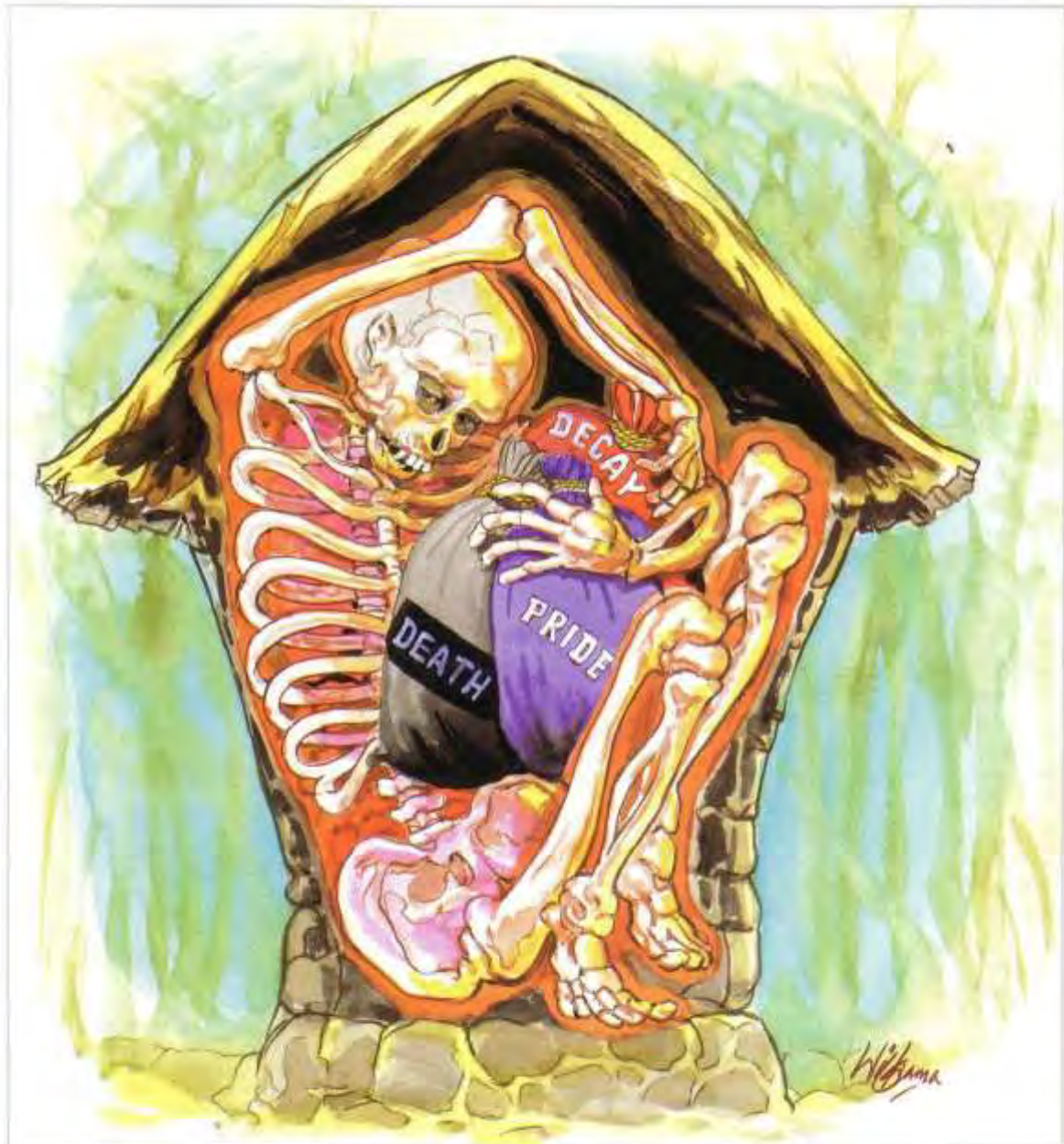
¹ Hư ngục (makkho), xưa dịch là che lấp (phủ) T.Trí Đức. Ngài Bửu Chơn dịch là dèm pha, nói xấu.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Em Phật, Hoa Khôi đã xuất gia,
Tỳ khuru Ni gọi Sắc Nan Đà,
Nghĩ mình ưa đẹp, còn Phật ghét,
Nên chẳng đi nghe Pháp Phật Đà.
Sau thấy nhiều người cứ tặng khen,
Tò mò, muốn thỉnh Pháp một phen,
Phật cho nàng thấy con người đẹp,
Phút chốc già nua, chết thúi liền.
Phật dạy: “Thân này chỉ có xương,
Kết làm thành quách, thịt làm tường,
Bên trong chứa lão tử, kiêu mạn”.
Nàng đắc Vô sanh giữa hội trường.*

DỨT TÍCH TỖ KHEO NI SẮC NAN ĐÀ





A citadel of bones, flesh and blood plastered; home of decay, death, hypocrisy and pride.

150. Một thành trì bằng xương được máu thịt tô trét, quả thật đây là nơi chôn cất tuổi già, bệnh tật, chết chóc, giả dối và kiêu mạn.

XI.6- Tích HOÀNG HẬU MẶT LY THĂNG HÀ (*Mallikādevīvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 151)

**“Jīranti ve rājarathā sucittā,
Atho sarīrampi jaraṃ upeti;
Satañca dhammo na jaraṃ upeti,
Santo have sabbhi pavedayanti”.**

***“Xe vua đẹp cũng già,
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già,
Như vậy, bậc chí thiện,
Nói lên cho bậc thiện”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Đức Vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) hỏi về sanh thú của Hoàng Hậu Mallikā (Mặt Ly).

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, Hoàng hậu Mallikā đi vào phòng tắm, rửa mặt xong liền cúi xuống định rửa bắp vế. Cùng vào phòng tắm với Hoàng hậu có một con chó mà bà rất cưng. Khi thấy bà đang khom xuống như vậy, nó khởi sự làm chuyện giao hoan bất chánh. Bà thoả thích vì sự xúc chạm của nó nên đứng yên.

Đức Vua ở tầng lầu trên nhìn qua cửa sổ, thấy rõ chuyện ấy, chờ khi Hoàng hậu trở lên mới quả rằng:

- Nay con tiện tỳ hư đốn, tại sao ngươi lại hành động như thế được?
- Tâu Bệ hạ! Thần thiếp đã làm việc gì?
- Ngươi đã giao hoan cùng con chó!
- Tâu Đại vương! Chuyện ấy không có đâu!
- Chính mắt Trẫm đã trông thấy rõ ràng. Trẫm chẳng tin ngươi đâu con tiện tỳ hư đốn!

- Tâu Bệ hạ! Bất cứ ai vào phòng tắm, người đứng nhìn qua cửa sổ này cũng thấy rõ một người thành hai như vậy cả.

- Nay dâm nữ! Ngươi không nói thật.

- Tâu Đại vương! Nếu Ngài không tin thiếp, xin Bệ hạ hãy đến phòng tắm đó, để thần thiếp nhìn qua cửa sổ xem thử ra sao?

Đức Vua bản chất đần độn, tin theo lời nàng, liền đi vào phòng tắm. Hoàng hậu đứng tại cửa sổ, nhìn xuống reo lên:

- Đại vương điên rồ ơi! Vì sao Ngài lại hành dâm cùng con dê cái như thế?

- Nay ái khanh! Chớ có nói như vậy, Trẫm không có hành động tội bại như thế!

- Chính mắt thần thiếp đã trông thấy như thế, làm sao thiếp tin được Bệ hạ chứ!

Đức vua vì kém trí đã thua mưu trí của Hoàng hậu Mallikā, đã ngỡ rằng: “Thật vậy, người đi vào phòng tắm vào giờ như vậy, sẽ có cảnh tượng tội bại với người đứng từ trên cao nhìn xuống”. Nên Ngài đã bỏ qua chuyện ấy và vẫn thương yêu

Hoàng hậu Mallikā như xưa. Riêng về Hoàng hậu có sự suy nghĩ rằng: “Đức vua vì kém trí nên bị ta lừa gạt, nhưng ta đã tạo ác nghiệp rồi, lại lừa dối Đức vua bởi vì không thật. Bậc Đạo Sư cùng với tám mươi vị Đại Trưởng lão cùng hai vị Thượng Thỉnh Văn cũng thấu rõ việc làm của ta. Ôi! quả thật vậy, tội của ta đã làm nặng lắm thay!”.

Được biết rằng: Hoàng hậu là người trợ thủ đắc lực cho Đức vua Pasenadi, chính nàng đã nhiều phen giúp Đức vua gỡ rối nhiều việc như việc cúng tế thần lửa phi pháp, việc thực hiện Trai Tăng Bất Nhị (một cuộc Trai Tăng vô tiền khoáng hậu - Bồ Thí Vô Tỷ) mỗi ngày là một trăm bốn mươi triệu tiền vàng. Cả bốn vật dụng là lọng, bảo tọa, cái bàn nhỏ và ghế thấp kê chân của Đức Như Lai đều vô giá... Tuy tạo nhiều công hạnh như thế, nhưng khi gần lâm chung Hoàng hậu Mallikā không nhớ tưởng đến thiện nghiệp đã làm, trái lại nàng bứt rứt do nhớ lại ác nghiệp tà hạnh, nên khi mệnh chung nàng thọ sanh vào Địa ngục A Tỳ.

Trong số các Hoàng hậu, Đức Vua Pasenadi sủng ái Hoàng hậu Mallikā nhất. Vì quá buồn rầu, nhớ tiếc nên Ngài suy nghĩ: “Sau khi lễ trà tỳ long thể của ái hậu xong, Trẫm sẽ đến bạch hỏi Đức Thế Tôn cho biết nơi nàng tái sanh”.

Đức Vua ngự giá đến Tịnh xá Kỳ Viên, vào đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi vào nơi phải lễ. Trong khi đối thoại, Đức Phật khiến Đức vua quên đi câu cần hỏi mà mình đã dự định. Ngài thuyết Pháp thoại đến Đức vua, Đức vua để tâm nghe Pháp, suy luận theo Pháp trong trú xứ của Đức Thế Tôn, rồi Ngài hoan hỷ ra về. Đến hoàng cung, Đức vua mới sực nhớ lại câu hỏi, phán bảo với quan hộ giá:

- Này các khanh! Trẫm dự định sẽ hỏi Bậc Đạo Sư về nơi tái sanh của nàng Mallikā, nhưng khi đến trú xứ của Ngài thì Trẫm lại quên mất. Mai này Trẫm sẽ đến Tịnh xá để hỏi lại vậy.

Hôm sau, Đức vua lại thân hành đến Tịnh xá Kỳ Viên định bạch hỏi về nơi tái sanh của Mallikā, Bậc Đạo Sư khiến cho Đức vua lại quên mục đích của mình. Việc này được kéo dài suốt cả bảy ngày, đến ngày thứ tám thì Hoàng hậu Mallikā được siêu sanh lên cõi trời Tusita (Đâu Suất), nàng chỉ chịu khổ cảnh trong Địa ngục có bảy ngày mà thôi.

Tại sao Bậc Đạo Sư phải làm cho Đức vua lãng quên như vậy?

Hoàng hậu Mallikā là người được Vua sủng ái nhất, mà bà lại là người có nhiệt tâm với Phật Giáo. Nếu Đức vua biết rằng nàng thọ khổ trong Địa ngục, Ngài còn là phạm nhân nên Ngài chẳng chịu suy xét sâu, Đức vua sẽ rơi vào tà kiến, cho rằng người nữ như Hoàng hậu Mallikā có đức tin nhiệt thành với Tam Bảo như thế, khi chết lại phải thọ sanh vào Địa ngục, thế thì ta còn bỏ thí đến chư Tỳ khuru Tăng để mà làm gì chứ? Và như thế Đức vua sẽ bãi bỏ việc đả sát cúng dường đến năm trăm vị Tỳ khuru mỗi ngày tại hoàng cung, ngoài ra với vương quyền Ngài còn có thể tạo ra những ác trọng nghiệp khác dẫn đến khổ cảnh nữa. Vì thế, Ngài khiến cho Đức vua lãng quên trong bảy ngày qua.

Vào sáng ngày thứ tám, Đức Thế Tôn đi bát và thân hành ngự đến trước Ngọ môn. Quan giữ cổng thành hoàng cung báo tin cho Đức Vua rằng:

- Tâu Đại vương! Đức Thế Tôn đang ngự đến.

Đức vua bèn ra khỏi hoàng cung rước bát và thỉnh Ngài ngự vào cung nội, nhưng Bạc Đạo Sư tỏ ý muốn ngồi nơi kho xe của hoàng gia. Đức vua hội ý, bèn thỉnh Ngài ngồi vào nơi cao quý tại nơi đó, rồi cho người dâng cúng cháo và bánh ngọt điểm tâm. Xong rồi, Đức vua ngồi xuống một bên phải lễ, đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, Trẫm định đến nơi cư ngụ của Ngài để hỏi về nơi tái sinh của Hoàng hậu Mallikā, nhưng suốt cả bảy ngày qua, khi đến Tịnh xá Trẫm đều quên mất. Bạch Đức Thế Tôn, chẳng hay hiện nay Hoàng hậu Mallikā tái sinh về cảnh giới nào?

- Nay Đại Vương! Linh bà đã sanh lên cõi trời Tusita (Đâu Suất).

- Bạch Thế Tôn! Nếu Hoàng hậu Malikkā không sanh về nơi ấy thì còn ai có thể thọ sanh lên đó được? Bạch Ngài, người nữ như Hoàng hậu thật khó kiếm. Đúng vậy, ở khắp nơi, nhất là tại các chỗ ngồi, bà cứ luôn miệng nói: “Ngày mai, thần thiếp sẽ cúng dường vật này lên Đức Thế Tôn và Tăng chúng, thần thiếp sẽ làm việc này!...”. Ngoài việc lo sắp đặt việc cúng dường, bà không có phận sự nào khác. Bạch Thế Tôn! Từ khi nâng mệnh chung, long thể của Trẫm nghe rõ rệt bản thân...

Đức Thế Tôn bèn an ủi Đức vua rằng:

- Đại vương chớ nên ưu tư, sanh tử là lẽ thường đời với tất cả chúng sanh!

Nói rồi, Ngài lại hỏi:

- Tâu Đại vương! Chiếc xe này của vị nào?

Đức Vua chấp hai tay lên khỏi đầu, đáp rằng:

- Bạch Ngài! Chiếc xe ấy của Tiên vương Trẫm.

- Chiếc này của vị nào?

- Bạch Ngài, của Phụ vương Trẫm.

- Còn chiếc này của vị nào?

- Bạch Ngài, của Trẫm.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dạy rằng:

- Tâu Đại vương, do đâu mà chiếc xe của Tiên vương Đại vương không sánh kịp chiếc xe của Phụ vương Đại vương và chiếc xe của Phụ vương Đại vương không bì kịp chiếc xe của Đại vương? Những vật hữu hình như vậy, dầu là khúc gỗ, cây mục cũng đều phải cũ, phải già, huống chi là cái xác thân. Tâu Đại vương, Pháp của bậc Trượng phu thì không cũ, không già, chớ thân của chúng sanh mà không già, không cũ là chuyện không hề có.

Nói rồi Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

“Jiranti ve rājarathā sucittā,
Atha sarīrampi jaram upeti;
Satañca dhammo na jaram upeti,
Santo have sabbhi pavedayanti”.

Cái xe vua đi dù được trang hoàng lộng lẫy cũng phải hư hoại, thân này dù có trau dồi cũng có lúc già yếu. Chỉ trừ Thiện pháp của bậc thiện nhân là không bị suy già và cứ di chuyển từ người lành này sang người lành khác.



CHÚ GIẢI

Ve = Have: Phân tử bất biến nghĩa là *chắc vậy*.

Sucitta: Các thứ xe, dầu là xe vua tốt đẹp được trang bị bằng bảy thứ báu và vật quý khác, cũng đều phải cũ lần lần cho đến cuối cùng phải tan rã.

Sarīrampi: Chẳng phải riêng toàn thể các thứ suy yếu như vậy mà cái xác thân này, dầu khéo săn sóc cách nào rồi cũng đi đến sự già yếu, tóc bạc, răng long, lưng mỏi, gôi dòn.

Satañca: Sự truyền thừa Pháp của Chư Phật là Chín Pháp Siêu Thế. Pháp ấy không một ai huỷ diệt được, không có trạng thái già cũ, suy yếu.

Pavedayam: Các bậc đức hạnh như vậy, nhất là Chư Phật hằng khẩu truyền cho các bậc Hiền Triết.



Cuối thời pháp, có nhiều chúng sanh đắc Thánh quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

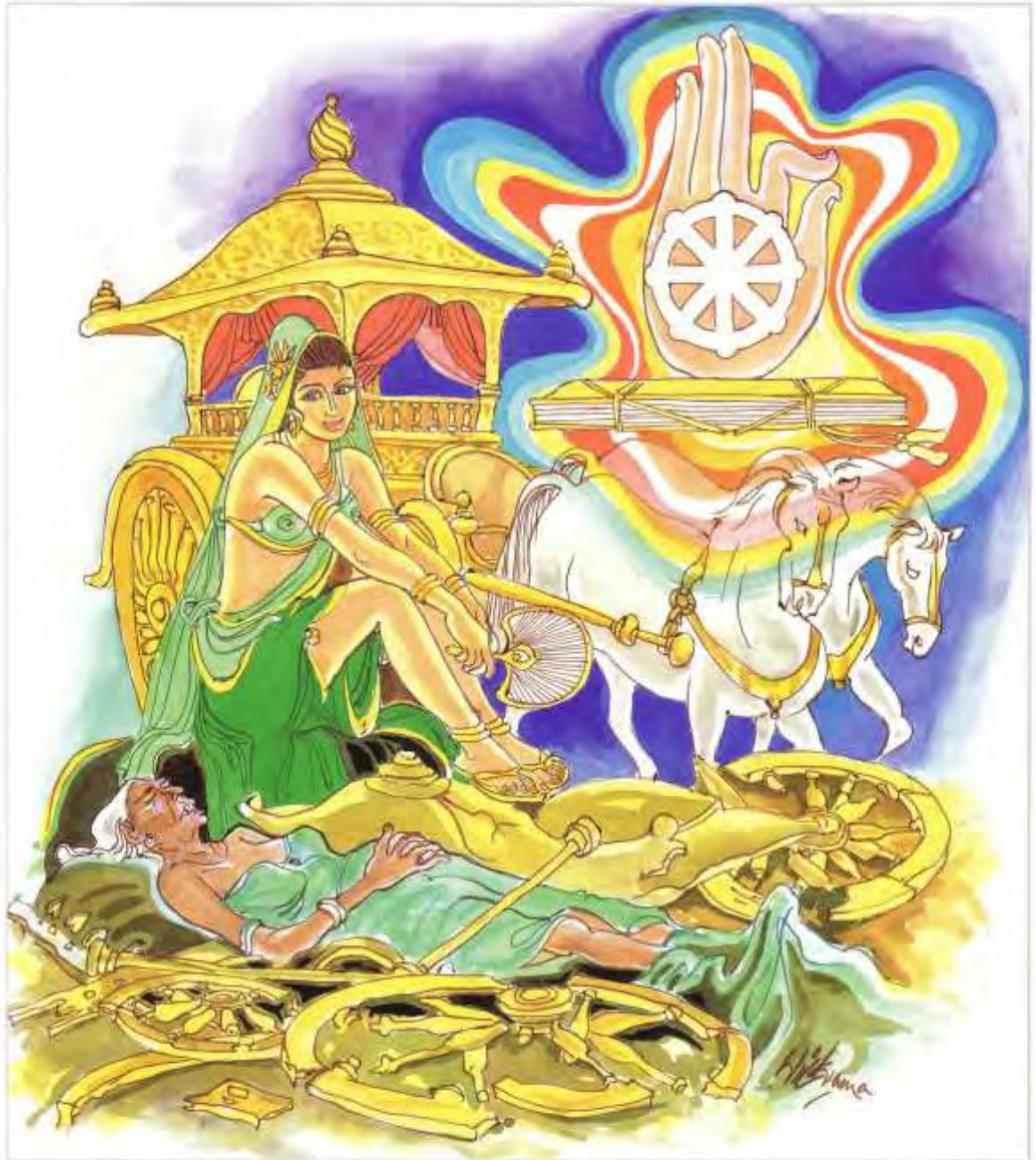


Dịch Giả Cẩn Đề

*Mạt Ly lâm chung thọ khổ hình,
Nếu Vua hỏi, Phật khó làm thình,
Chờ bà siêu thoát về Đâu Suất,
Vua mới hay bà được vãng sinh.
Nói thật, hại người cũng hại mình,
Làm thình, phải biết cách làm thình,
Đây là công án mà Phật giải:
“Nói phải hợp thời, hợp lý, tình!”.
Vói Vua, Phật hỏi chuyện xe Vua,
Long thể khi già cũng chịu nua,
Chánh Pháp truyền thừa hằng sáng tỏ,
Đời đời chẳng biết sự già nua.*

DỨT TÍCH HOÀNG HẬU MẠT LÝ THĂNG HÀ





Decorated royal coaches perish. Even so our bodies. The revered true Dhamma thrives.

**151. Xe vua được trang hoàng lồng lẫy sẽ tàn tạ, thân xác ta cũng vậy.
Chỉ có Chánh Pháp được tôn trọng nhưng vẫn hưng thịnh mãi.**

XI.7- Tích TRƯỞNG LÃO LÔ LƯU ĐÀ DI LẦN THÂN

(*Loḷudāyittheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 152)

**“Appassutāyaṃ puriso,
Balibaddova jīrati;
Mamsāni tassa vaḍḍhanti,
Paññā tassa na vaḍḍhati”.**

***“Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực,
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng Tuệ không tăng trưởng”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn đã thuyết, khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Loḷudāyi (Lô Lưu Đà Di).

Tương truyền rằng: Trưởng lão Loḷudāyi có tật thuyết pháp, tụng kinh không đúng chỗ. Khi đến nhà gia chủ thỉnh tụng kinh Cầu An (Maṅgala) thì vị ấy lại tụng kinh Cầu Siêu, như kinh: Tirokuḍḍesu tiṭṭhanti (Các hàng Nga quý đã đến nhà quyền thuộc rồi...). Trái lại, khi thí chủ đang làm lễ Cầu Siêu (avamaṅgala), đáng lẽ phải tụng bài kinh trên đây và các kinh phù hợp thì vị ấy lại tụng những kinh giải về Bồ thí, Trì giới, Tham thiền, chẳng hạn như Hạnh phúc kệ, hoặc kệ tụng Tam Bảo dài (Ratanasutta). Vì kém trí nhớ, khi đi đến chỗ này, chỗ nọ để tụng kinh, vị ấy lập tâm: “Ta sẽ tụng bài kinh này, kinh nọ”, nhưng lúc đến nơi rồi, Trưởng lão lại tụng bài kinh khác mà không tự biết.

Chư Tỳ khuru biết được việc tụng pháp phi thời của Trưởng lão Loḷudāyi như thế, bạch trình với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao Trưởng lão Loḷudāyi trong chỗ cần tụng kinh Cầu An thì lại tụng kinh Cầu Siêu. Và ngược lại, trong chỗ cần tụng kinh Cầu Siêu thì lại tụng kinh Cầu An như vậy?

- Nay chư Tỳ khuru! Chẳng phải trong kiếp này đâu, cho đến thời trước, Loḷudāyi cũng đã từng tụng như thế.

Chư Tỳ khuru cung thỉnh Đức Bổn Sư thuyết lên Bổn sanh. Đức Thế Tôn giảng rằng:

Thưở quá khứ, Bồ Tát Somadatta (Xô Má Đát Tá) là con của một vị Bà la môn Aggidatta (Ác Gí Đát Tá) trong thành Bārāṇasī (Ba La Nại). Bồ Tát Somadatta phục vụ Đức vua rất chu đáo, nên được Đức vua yêu mến. Riêng Bà la môn Aggidatta vẫn sống bằng nghề nông.

Bà la môn Aggidatta có được hai con bò, chẳng may bị chết một con, ông nói với con trai rằng:

- Nay Somadatta thân yêu! Con hãy xin Vua cho cha con bò đi.

Đại thần Somadatta suy nghĩ: “Nếu ta xin Vua ban thưởng cho mình, thì sự tình không xứng đáng như vậy!”. Ngài bảo với cha rằng:

- Thưa cha! Cha hãy tự mình đến xin Đức vua đi.

- Con ơi! Nếu thế, con hãy đưa cha đến triều đình đi.

Đại thần Somadatta suy nghĩ: “Vị Bà la môn này là người kém trí, hằng nói phi thời, dù chỉ một câu “Hãy tiến lên phía trước, hãy lui về phía sau” cũng nói chẳng hợp thời. Những câu đáng nói thì không nói, trái lại những câu không đáng nói thì lại nói. Ta hãy làm cho vị ấy ý thức trước, rồi hãy đưa đến triều”.

Bồ Tát Somadatta đưa cha đến mộ địa có tên là Vīraṇatthambhaka (Qui Ra Nát Tham Phá Ka), cột các bó cỏ lại, sắp xếp thành một quang cảnh của triều đình rằng: Đây là Đại vương, đây là quan Tể tướng, đây là Đại tướng quân... Bằng những bó cỏ, Bồ Tát chỉ dạy cho cha hiểu rõ, rồi lại dặn bảo cha rằng: “Khi cha đến hoàng cung, cần phải đi tiến về phía trước như thế này, phải đi thụt lùi như thế này...”.

Rồi Bồ Tát dạy cho Bà la môn ấy biết rằng:

- Khi cha đến yết kiến Đức vua, phải làm lễ như vậy, phải chào các Đại thần như vậy, rồi cha chúc tụng Đức vua bằng kệ ngôn này để xin bò.

Ngài dạy cho Bà la môn ấy thuộc lòng bài kệ rằng:

“Dve me goṇā mahārāja,
Yehi khettaṃ kasāmase;
Tesu eko mato deva,
Dutiyam dehi khattiyāti”.

- Tàu Đại vương, hạ thần có một đôi bò, dùng để cày ruộng nhà, nhưng một con đã chết rồi. Tàu Đại vương! Mong cầu Đại vương ân tứ con thứ hai!

Suốt cả năm trời, vị Bà la môn ấy mới thuộc được kệ ngôn ấy, trả bài cho Bồ Tát xong. Bấy giờ, Bồ Tát chỉ bảo rằng:

- Cha hãy mang chút ít lễ vật dâng lên Đức vua đi, con sẽ đợi cha ở hoàng cung.

- Này con, được thôi.

Bà la môn mang lễ vật đi đến hoàng cung, có Bồ Tát đã chờ nơi đây. Bà la môn được Đức vua ân cần hỏi han, rồi Ngài phán rằng:

- Này khanh! Khanh đến đây lâu chưa? Đây là nơi ngồi, khanh hãy ngồi vào đó, khanh cần những gì từ nơi Trẫm, khanh hãy nói lên.

Bà la môn ấy liền quỳ xuống tâu rằng:

“Dve me goṇā mahārāja...
Dutiyam gaṇha khattiyā”.

- Tàu Bệ hạ! Thần có hai con bò để cày ruộng, đã chết mất một con rồi. Tàu Bệ hạ! Ngài là bậc Sát Đế Lý cao quý, xin Ngài hãy lấy luôn con bò thứ hai đi.

Nghe vậy, Đức vua phán hỏi lại rằng:

- Này khanh! Khanh nói chi lạ vậy, hãy nói lại đi.

Bà la môn vẫn lặp lại bài kệ trên như vậy. Đức vua hiểu là Bà la môn ấy nói sai ý mình, Ngài mỉm cười quay sang Bồ Tát phán hỏi rằng: “Này Somadatta! Nhà của khanh hẳn có nhiều bò lắm nhỉ?”. Bấy giờ, Bồ Tát đáp rằng:

- Tâu Bệ hạ! Bò được Bệ hạ ban cho thì có nhiều.

Đức vua hoan hỷ trước lời thông minh ấy, Ngài ban thưởng cho Bồ Tát và Bà la môn ấy mười sáu con bò cùng với đồ phục sức cho bò và nhà ở thì miễn thuế. Rồi tiền Bà la môn ấy ra về với nhiều lễ vật.

Bậc Đạo Sư sau khi thuyết giảng Bốn sanh xong, Ngài nhận diện rằng: “Đức vua thời ấy nay là Ānanda, Bà la môn ấy nay là Loḷudāyi, Đại thần Somadatta nay chính là Đấng Như Lai”.

- Nay các Tỳ khuru! Tỳ khuru Loḷudāyi nói phi thời với những câu nói bất xứng như thế, chẳng phải chỉ có trong kiếp này mà thôi, trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi, vì là người ít nghe Pháp. Do vậy, người thiên kiến quả vẫn ví như con bò đực.

Nói rồi, Đức Bôn Sư ngâm kệ rằng:

“Appassutāyaṃ puriso,
Balibaddova jīrati;
Maṃsāni tassa vaḍḍhanti,
Paññā tassa na vaḍḍhati”.

Những người ít nghe, kém học, suốt đời chỉ như trâu nái, gân thịt dẫu lớn mạnh mà Trí tuệ không tăng thêm.

CHÚ GIẢI

Appassutāyaṃ: người kém nghe ở đây, ám chỉ người ít được nghe giảng về chân lý chứa đựng trong một hoặc hai phẩm kinh tụng, hoặc một hay hai bộ kinh văn trong Tam tạng Thánh điển. Trái lại, bậc đa văn (bahussuto) là người đã học hỏi chút ít đề mục rồi Tinh tấn công phu hành đạo.

Balibaddova jīrati: Quả thật, cũng như con bò đực (hay trâu nái) đang già, đang lớn, không phải nó già lớn vì sự lợi ích của cha mẹ nó, hoặc cho thân bằng quyến thuộc của nó thì là nó già lớn một cách vô ích. Thầy này cũng thế, không làm công việc phục dịch thầy Hoà thượng, không cố gắng hộ độ thầy Yết ma và Khách Tăng, cũng không Tinh tấn hành Thiền định, như thế tức là già lớn một cách vô ích.

Maṃsāni tassa vaḍḍhanti: Cũng như con bò đực (trâu nái) mang ách kéo cày thì hữu ích. Khi nghỉ cày tháo ách, thả đi rong trong rừng, nó tha hồ ăn cỏ, uống nước, da thịt nở nang. Thầy này cũng vậy, sau khi ra khỏi sự kiểm chế của thầy Hoà thượng và thầy Yết ma, nương nhờ Tăng mà hưởng thụ bốn món vật dụng, tẩy sạch ruột gan, bồi dưỡng thân thể, các bắp thịt nở nang, mình mập mạp béo đầy đà...

Paññā tassa: Về mặt Trí tuệ của thầy, dẫu Phàm tuệ hay Thánh tuệ cũng không phát triển thêm được gang tấc, thầy giống như các dây leo trong rừng, nương cây vào Lục căn, buông xuôi theo Ái dục, chỉ phát triển được chín lớp Ngã mạn mà thôi.



Cuối thời pháp, đại chúng an trú vào Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

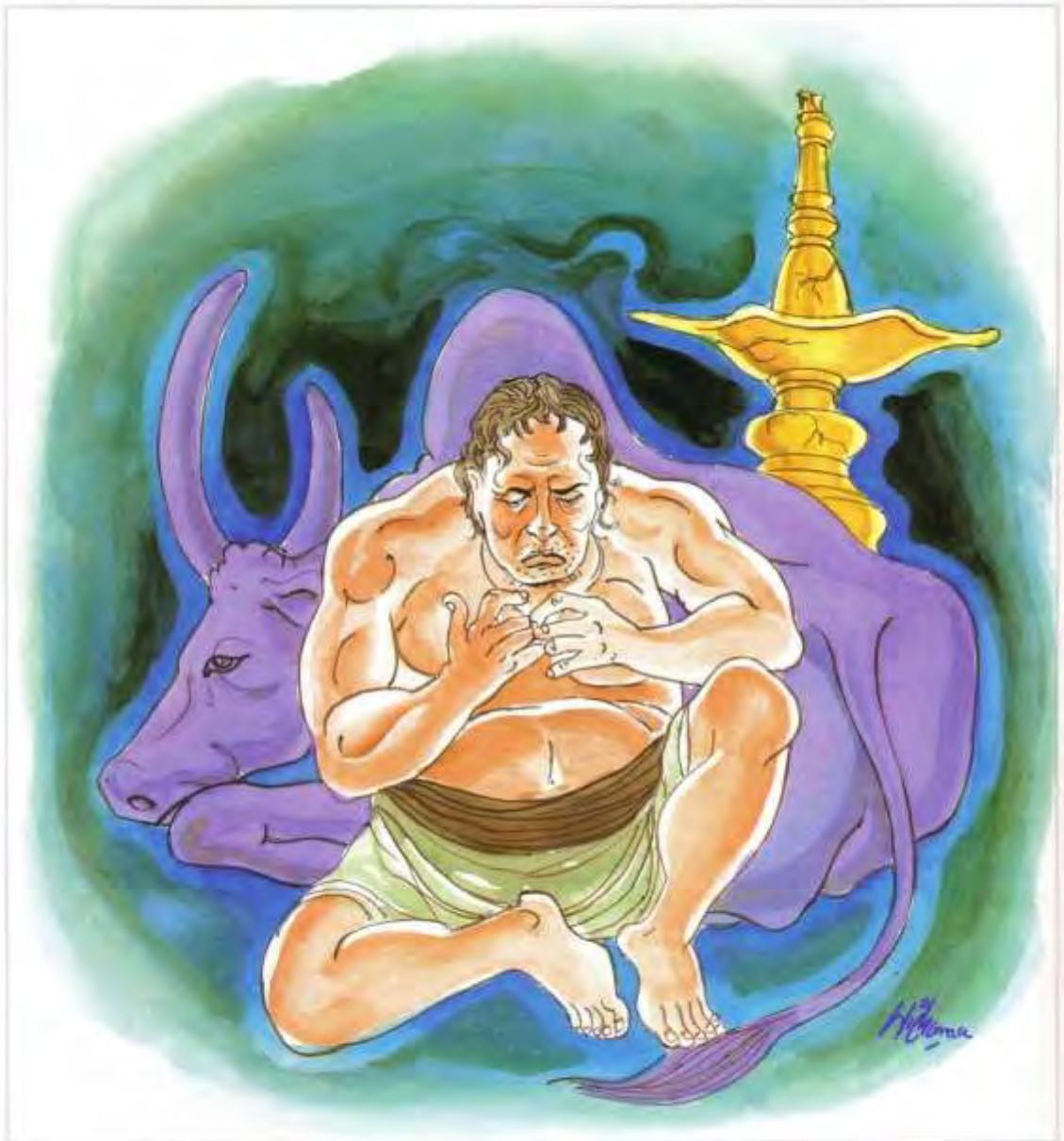


Dịch Giả Cẩn Đề

*Trưởng lão mà không hiểu nghĩa kinh,
Nhớ đâu tụng đó, chẳng quy trình,
Chư Tăng, Thiện tín đều chê trách,
Phật kể cho nghe tích Bồn Sinh:
Xưa có con trai được chúa yêu,
Một nông dân nọ muốn lai triều,
Xin Vua cấp một con bò đực,
Ráng tập lễ nghi cả sớm chiều.
Một năm qua học kệ vừa thông,
Vào gặp Đức vua lại nói ngông:
“Thần có một con bò đực chết,
Xin vua bắt hết cặp cho xong!”.
Phật dạy: Con người dốt tợ trâu,
Lớn lên chỉ được cái to đầu!
Thịt xương phát triển mà không Tuệ,
Ít học kém nghe, chẳng quý đâu!*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO LƯU LÔ ĐÀ DI LÃN THÂN





The unwise man of little learning ages like the bull. His flesh does grow. Not his wisdom.

152. Kẻ vô trí ít học lớn già như trâu đực. Thịt nó tăng dần nhưng trí tuệ không tăng.

XI.8- Tích PHẬT THÀNH ĐẠO (Pathamabodhivatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 153-154)

153. “Anekajātisamsāraṃ,
Sandhāvissaṃ anibbisam;
Gahakāraṃ gavesanto,
Dukkha jāti punappunam”.

*“Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh”.*

154. “Gahakāraka diṭṭhosi,
Puna gehaṃ na kāhasi;
Sabbā te phāsukā bhaggā,
Gahakūṭaṃ visaṅkhatam;
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ,
Taṇhānaṃ khayamajjhagā”.

*“Ôi! Người làm nhà kia,
Nay ta đã thấy ngươi!
Ngươi không làm nhà nữa.
Đòn tay ngươi bị gãy,
Kèo cột ngươi bị tan,
Tâm ta đạt tịch diệt,
Tham ái thấy tiêu vong”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bồ Tôn Sư đã cảm hứng thốt lên khi ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, về sau, Ngài thuyết lại thể theo lời yêu cầu của Trưởng lão Ānanda.

Khi Đức Bồ Tát ngồi dưới cây Bồ Đề, vào lúc mặt trời chưa mọc Ngài đã thắng toàn đội binh của Ma Vương. Trong canh đầu đêm ấy, Ngài phá vỡ màn vô minh mà đắc Túc Mạng Minh, vào canh giữa Ngài chứng đắc Thiên Nhân Minh, vào canh cuối Ngài phát khởi tâm Từ mẫn đối với chúng sanh, quán xét Thập nhị nhân duyên theo lý thuận nghịch (hoặc sanh và diệt) và đắc Lưu Tận Minh. Khi bình minh vừa ló dạng, Ngài đắc quả Chánh Biến Tri với các Pháp huyền diệu. Đó là theo truyền thống của hàng sa Chư Phật rao truyền không dứt, khi vừa chứng quả Chánh Giác. Ngài thốt lên lời cảm hứng, xuất khẩu thành kệ như sau:

153. “Anekajātisamsāraṃ,
Sandhāvissaṃ anibbisam;
Gahakāraṃ gavesanto,
Dukkha jāti punappunam”.

154. “Gahakāraka diṭṭhosi,
Puna gehaṃ na kāhasi;
Sabbā te phāsukā bhaggā,
Gahakūṭaṃ visaṅkhatam ;
Visaṅkhāragataṃ cittaṃ,
Taṇhānaṃ khayamajjhagā”.

153 - 154. Ta lang thang trong vòng luân hồi qua bao kiếp sống, tìm mãi mà không gặp kẻ làm nhà.

Đau khổ thay, kiếp sống cứ tái diễn mãi.

Hỡi kẻ làm nhà! Nay ta đã gặp được ngươi rồi.

Ngươi không được làm nhà nữa!

*Bao nhiêu rui mè của người đều gãy cả rồi,
Kèo cột của người đã tan vụn cả rồi.
Trí ta đã đạt đến Vô Thượng Níp Bàn,
Bao nhiêu dục vọng đều dirts sạch cả.*



CHÚ GIẢI

Gahakāraṃ gavesanto: Trong khi Ta đang đi tìm tên thợ mộc Ái dục, là người làm nên ngôi nhà gọi là tự ngã của Ta đây. Ta đã từng phát nguyện dưới chân Đức cổ Phật Dīpaṅkara (Nhiên Đăng), xin cho đắc Giác tuệ (Bodhiñāṇa) ngõ hầu có thể thấy gặp tên thợ làm nhà. Từ bấy lâu đến nay, Ta đã trải qua vô số kiếp luân hồi, vô số trăm ngàn lần sanh tử, cho đến vòng luân hồi mà vẫn chưa gặp mặt hẳn, vẫn chưa ngộ được Giác tuệ. Vì chưa đạt đến mục đích cứu cánh như thế, nên Ta cứ mãi trôi lăn trong biển luân hồi liên miên bất tận.

Dukkā jāti punappunam: Lời này chỉ về nguyên nhân của luân hồi là sự đi tìm tên thợ làm nhà. Một khi còn tái sanh trở đi trở lại còn phải chịu luôn cả lão, bệnh, tử. Dầu chịu khổ nhưng chưa gặp tên thợ làm nhà là chưa quay trở lại, bởi thế mới đi tìm mãi.

Diṭṭho'si: bây giờ Ta đã thấy, đã gặp người, hỏi tên thợ làm nhà! (Tức là Ta đã thấu rõ nguyên nhân sanh tử luân hồi), Ta đã đắc quả Toàn Giác!

Puna gehaṃ: Kể từ nay, trong vòng luân hồi này, nhà người không còn tạo tác nhà tức là Tự ngã cho Ta nữa.

Sabbā te phāsukā bhaggā: Ta đã bẻ gãy tất cả cây làm sườn nhà, tức nhà những phiền não còn sót lại của người.

Gahakūṭaṃ visaṅkhaṭaṃ: Cái nóc nhà gọi là vô minh của cái nhà tự ngã, do nhà người tạo ra, Ta đã phá đổ rồi.

Visaṅkhāragataṃ cittaṃ: Bây giờ, Tâm ta đã đạt đến đối tượng (cảnh giới) Níp Bàn Vô vi rồi.

Taṇhānaṃ khayamajjhagā: Ta đã chứng đạt A La Hán, tức là đã đoạn Ái dục.

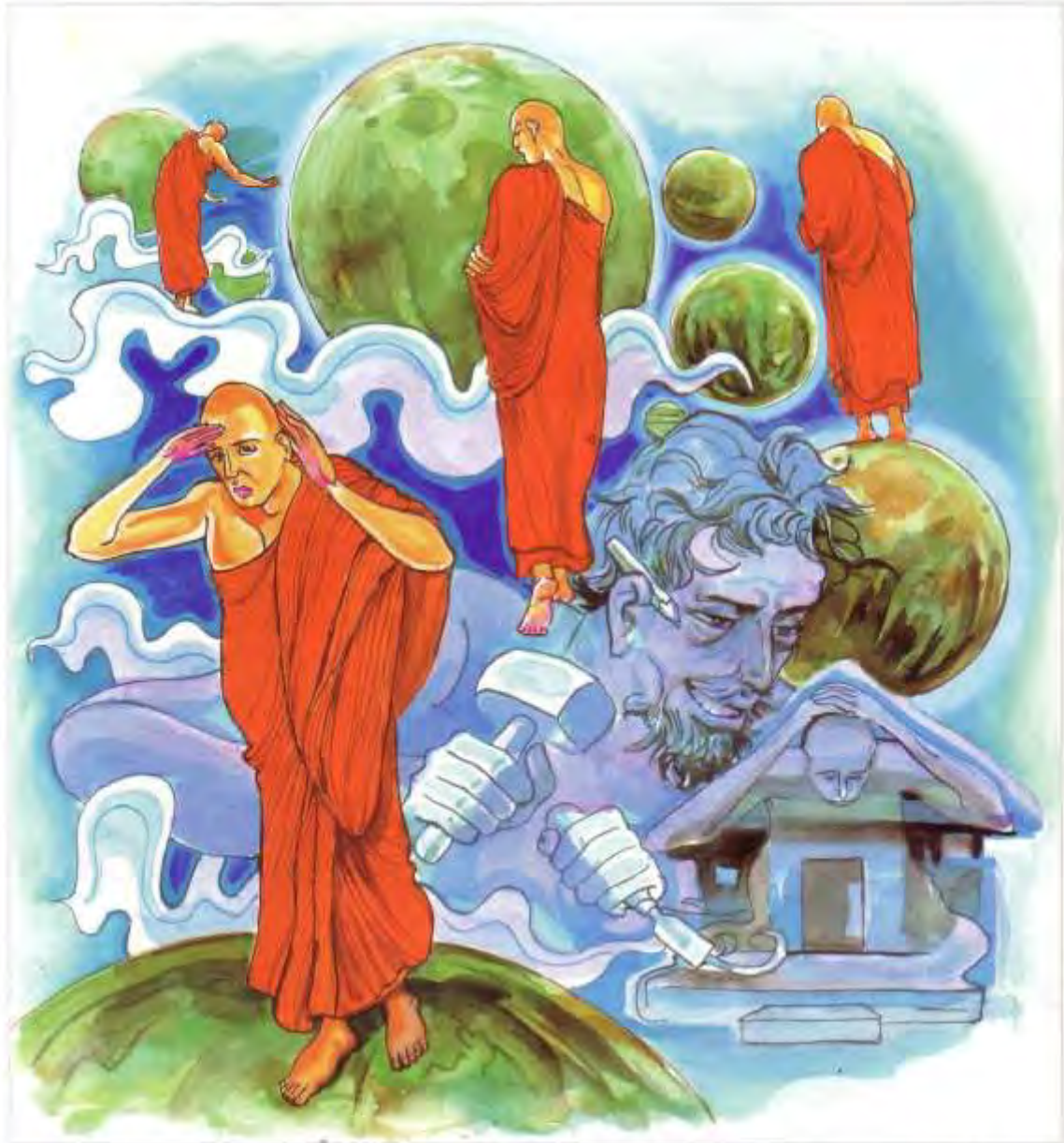


Dịch Giả Cẩn Đề

*Dưới cội Bồ Đề thắng Quỷ Vương,
Một mình chứng đạt Pháp chơn thường,
Thích Ca cảm hứng ngâm bài kệ,
Như của Phật Đà cả thập phương:
“Lang thang rong ruổi khắp san hà,
Kiếm mãi không ra thợ cắt nhà,
Luẩn quẩn Luân hồi trong biển khổ,
Vì chưa gặp một kẻ oan gia,
Hôm nay, Ta bắt gặp người rồi!
Biển khổ từ đây hết nổi trôi.
Nhà mới, người không quyền cắt nữa.
Mè rui, kẻo cũ, gãy thì thôi!
Đòn dông cũ cũng đã tiêu tan,
Tâm của Như Lai đạt Níp Bàn,
Ái dục, Vô minh đều diệt tận,
Không còn trở lại cõi nhân gian”.*

DỨT TÍCH PHẬT THÀNH ĐẠO





Long in Saṃsāra, the house-builder I sought. Never did I find. Birth's recurrence is painful.

153. Ta đã đi tìm kẻ xây nhà này rất lâu trong vòng luân hồi sanh tử, nhưng Ta chưa từng thấy được. Tái sanh thật khổ thay.

154. Hồi kẻ xây nhà kia, người đã bị diệt vong. Người không còn xây nhà được nữa. Tâm trí Ta đã vượt qua tham ái rồi.

XI.9- Tích ĐẠI PHÚ PHÁ SẢN
(Mahadhanasetthiputta Vatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 155-156)

**“Acaritvā brahmacariyaṃ,
Aladdhā yobbane dhanam;
Jiṇṇakoñcāva jhāyanti,
Khīṇamaccheva pallale”.**

***“Lúc trẻ, không Phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tôm cá”.***

**“Acaritvā brahmacariyaṃ,
Aladdhā yobbane dhanam;
Senti cāpātikhīṇāva,
Purāṇāni anutthunam”.**

***“Lúc trẻ, không Phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sur thuyết khi ngự tại Isipatane migadāye (rừng Lộc Giả), đề cập đến con trai ông Bá hộ Mahādhana (Cự Phú).

Tương truyền rằng: Công tử này sanh ra trong một gia đình cự phú trong thành Bārāṇasī (Ba La Nại), giàu có đến tám trăm triệu đồng vàng. Song thân của Công tử đã nghĩ rằng: “Gia tộc ta có đại tài sản, ta sẽ giao lại cho con ta, nó sẽ tiêu xài thoải mái, không cần phải làm việc gì khác”.

Thế là, ông bà Bá hộ rước thầy về dạy cho Công tử ca, hát, đờn, kèn, v.v... (ca vũ nhạc).

Cũng vào thời ấy, trong thành Bārāṇasī ấy cũng có một gia tộc Bá hộ khác, cũng có gia sản là tám trăm triệu đồng vàng, gia tộc này cũng chỉ có độc nhất một nàng Tiểu thư, hai ông bà Bá hộ này lại cùng có sự suy nghĩ như Bá hộ trên nên chỉ cho Tiểu thư học khiêu vũ cùng với hoà tấu.

Đến tuổi thành nhen, Công tử và Tiểu thư này được phối ngẫu thành vợ chồng, và một thời gian sau, cả song thân của hai người đều qua đời, hai phần tài sản từ đó được nhập chung về một nhà, tổng cộng là một trăm sáu mươi triệu đồng tiền vàng.

Công tử thường xuyên vào hầu Đức vua, mỗi ngày là ba lần. Bọn du đảng trong thành nghĩ rằng: “Nếu mà Công tử này trở nên nghiện rượu, thì có lẽ bọn mình sẽ sung sướng lắm! Vậy ta hãy tìm cách tập cho Công tử chè chén, nhậu nhẹt”.

Thế rồi, họ mang theo rượu ngon, thịt béo, muối hột, bọc trong một chéo vải, và lấy thêm gia vị như củ hành, v.v... ra ngồi bên đường, đón chờ Công tử đi vào triều chầu Đức vua. Khi thấy dạng Công tử đi đến, bọn du thủ du thực bắt đầu uống rượu, bỏ muối hột vào miệng, cắn một củ hành rồi đồng thanh nói:

- Chúc Công tử tiểu chủ sống lâu trăm tuổi! Nhân dịp này, chúng tôi ăn uống để chúc mừng Công tử.

Được nghe mấy lời của bọn du thực, lúc đi trở về, Công tử hỏi người chuốc rượu:

- Họ uống nước gì thế?

- Thưa ông chủ, đó là một thứ nước giải lao!

- Nước ấy có ngon ngọt không?

- Thưa ông chủ, trong cõi nhân gian này, không có thứ nước nào nên uống cho bằng nước ấy cả!

- Nếu vậy, thì ta cũng phải uống nước ấy mới được.

Thế rồi, Công tử cho người mang rượu đến và tập uống lần lần, từng chút. Không bao lâu, bọn du thực biết tin Công tử đã ghiền rượu, chúng đến tháp tùng Công tử. Công tử có đi đâu, chúng cũng đi theo đông đủ, lúc thì một trăm, lúc thì hai trăm. Công tử cho mang theo rượu, uống cho đã rồi ngồi nơi nọ, nơi kia, cho chất tiền vàng cao lên thành đống, vừa nhậu vừa bảo bộ hạ: “Lấy tiền này đi mua tràng hoa, lấy tiền này mua hương...” và ban thưởng cho ca sĩ hay, vũ nữ và nhạc công giỏi, người một ngàn, người hai ngàn đồng vàng...

Công tử tiêu pha hoang phí như vậy, chẳng bao lâu số tiền tám trăm triệu đồng của riêng Công tử hết sạch. Vị quân gia cho biết:

- Thưa chủ! Tài sản của ông đã hết sạch rồi!

- Thế phần tài sản của vợ ta không có ư?

- Thưa ông chủ! Có ạ!

- Nếu vậy, hãy đem của ấy lại cho ta tiêu xài!

Thế là số tài chánh sau này cũng bị Công tử phung phí hết sạch, rồi lần lượt đến ruộng vườn, đất cát, bò xe... Cho đến nồi đồng, mâm thau, dụng cụ, thảm chiếu, toạ cụ... Tất cả đều bị Công tử đưa đi bán để lấy tiền ăn. Đến lúc tuổi già, gia tài khánh kiệt, Công tử bán luôn ngôi nhà của mình, rồi bị chủ nhà mới đuổi ra khỏi nhà. Công tử dắt vợ đi ngụ nhờ ở vách chái nhà người khác, cầm cái mai rùa đi khát thực xin ăn com thừa canh cặn của người.

Thế rồi một hôm, Công tử đến trước cửa phước xá. Thấy Công tử thọ lãnh đồ ăn thừa do các Tỳ khưu trẻ bố thí, Đức Bổn Sư mỉm cười. Trưởng lão Ānanda bèn hỏi Ngài về lý do của cái cười nụ ấy. Đức Bổn Sư bèn giải rằng:

- Nay Ānanda! Hãy nhìn xem vị Công tử con ông Đại Bá hộ ở kinh thành này đã phung phí hết hai cái gia tài tám trăm triệu đồng vàng rồi dắt vợ đi xin ăn như thế kia! Giá như lúc thiếu niên, Công tử đừng phung phí của cải, siêng năng chăm làm công việc, thì chắc sẽ trở nên đệ nhất Bá hộ ở thành này chẳng sai. Hoặc giả nếu Công tử xuất gia hành đạo, ắt đắc quả A La Hán, vợ Công tử cũng đắc quả A Na Hàm...

Giá như lúc trung niên, đừng phung phí của cải, siêng năng, chăm làm việc, chắc sẽ trở nên đệ nhị Bá hộ ở thành này, nhờ bằng xuất gia hành đạo, chắc sẽ đắc quả A Na Hàm, vợ thì đắc Tu Đà Hàm.

Giá như lúc lão niên, đừng phung phí của cải, siêng năng chăm làm việc, chắc sẽ trở nên đệ tam Bá hộ trong thành này, nhờ bằng xuất gia hành đạo, chắc sẽ đắc quả Tu Đà Hàm, vợ thì đắc Tu Đà Hườn chẳng sai. Còn bây giờ Công tử đã bỏ cả tài sản của người cư sĩ tại gia, bỏ cả quả báu của bậc xuất gia giải thoát, thành ra phải chịu đói khát y như con cò già đứng dưới cái ao khô.

Nói rồi, Đức Bản Sư ngâm kệ rằng:

155. “Acaritvā brahmacariyaṃ,
Aladdhā yobbane dhanam;
Jiṇṇakoñcāva jhāyanti,
Khīṇamaccheva pallale”.

Lúc thanh niên cường tráng, đã không kiếm ra tài sản, cũng chẳng lo tu hành, thì khi già cả chẳng khác gì con cò già bên bờ ao, chẳng kiếm ra mồi, phải khô héo chết mòn.

156. “Acaritvā brahmacariyaṃ,
Aladdhā yobbane dhanam;
Senti cāpātikhīṇāva,
Purāṇāni anutthunam”.

Lúc thanh niên cường tráng, đã không kiếm ra tài sản, cũng chẳng lo tu hành, nên khi già nãm xuống, dáng người như cây cung gãy, cú buồn than về dĩ vãng.



CHÚ GIẢI

Acaritvā: đã không trú trong Phạm hạnh, tức là không tu hành kiên cố để đắc Đạo quả.

Yobbane: trong thời tráng kiện, của cải chưa sanh có thể làm cho phát sanh, của cải đã sanh có thể gìn giữ được, mà không kiếm được của cải.

Khīṇamaccheva: những kẻ ngu ngốc như vậy, giống như những con cò già quá sức già đứng dưới cái ao cạn hết nước, không có cá, tận tuyệt hết lương thực, không có gì để xoi cả. Như trên đã nói, ví như trong ao cạn hết nước, những người này không có chỗ ngụ; ví như trong ao hết cá, những người này gia tài đã khánh kiệt; ví như những con cò già bay đi đây đó, những người này bây giờ không có năng lực để kiếm ra tiền của dầu dưới nước hay trên bộ. Bởi thế cho nên, họ giống như con cò già nằm ủ rũ bên bờ ao khô vậy.

Cāpātikhīṇāva: *bắn ra khỏi cây cung* (cāpavinimuttā). Theo Chú giải thì ví như mũi tên đã thoát ra khỏi cây cung, bay nhanh đi cho đến hết trón thì rơi xuống, không còn lẩy lên được nữa, chỉ còn nằm dưới đất làm mồi cho mấy con mồi. Những người này cũng thế, đã trải qua ba thời (thanh, trung, lão niên), bây giờ không thể tự cất mình lên được nữa, chỉ còn chờ chết mà thôi. Do đó, Đức Bản Sư mới ví họ như những mũi tên đã thoát ra khỏi cây cung rồi (cāpāti khīṇāva) vậy.

Purāṇāni anutthunam: những người này thở than hồi tiếc dĩ vãng, nhớ mãi thời vàng son đã qua rồi, nào là “những khi ăn, nhậu, những lúc đàn ca, nhảy múa mà than ôi! Bây giờ đã không còn...”.

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Đại phú là con Bá hộ thành,
Phong lưu tài tử, điệu chơi sành,
Sau vì nhậu nhẹt, gia đình khổ,
Bán nốt ngôi nhà để độ sanh.
Đến già, chồng vợ dẫu đi xin,
Ăn mót đồ dư, ngủ quán đình.
Phật thấy mỉm cười, A Nan hỏi:
Mới hay: Đại phú ở trong thành,
Không lo tu niệm, chỉ ăn chơi,
Nhậu nhẹt, đờn ca, lúc thiếu thời,
Nay giống cò già bên suối cạn,
Mỗi mòn, đứng đợi hột cơm rơi!*

DỨT TÍCH ĐẠI PHÚ PHÁ SẢN



DỨT PHẨM LÃO





Youth wasted. Spiritual life not lived. Now an old stork broods by a fishless lake.

155. Phung phí tuổi trẻ, không sống đời tu tập: giờ đây giống như con cò già, đứng bên hồ không có cá.



Youth wasted. Spiritual life not lived. Now a mere spent arrow perishing in the forest.

156. Phung phí tuổi trẻ, không sống đời tu tập: giờ đây giống như mũi tên gãy nằm chết trong rừng.

XII. PHẨM TỰ NGÃ (ATTAVAGGA)

10 bài kệ: Pháp cú 157 - 166

10 tích truyện



XII.1- Tích BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ (Bodhirājakumāravatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 157)

“Attānañce piyaṃ jaññā,
Rakkheyya naṃ surakkhitam,
Tiṇṇam aññataram yāmaṃ,
Paṭijaggeyya paṇḍito”.

“Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết, khi ngự tại Bhesakalāvana, đề cập đến đề cập đến Hoàng Tử Bodhi (Bồ Đề).

Tương truyền rằng: Hoàng tử Bodhi cho xây toà Phi lâu có tên là Kokanada (Hồng Liên), lâu đài này không giống như các lâu đài khác, nó dường như nổi trên hư không.

Khi mới khởi công, Hoàng tử Bodhi hỏi ông thợ mộc kỳ tài rằng:

- Người có từng xây dựng toà Phi lâu này cho ai chưa hay đây là công trình đầu tiên của người vậy?

- Tâu Bệ hạ! Đây là công trình đầu tiên của hạ thần!

Hoàng tử suy nghĩ: “Nếu người thợ mộc này xây dựng toà Phi lâu xong, ta sẽ hạ sát hắn ngay, nếu không y sẽ xây dựng toà Phi lâu khác cho nhiều người, thì lâu đài của ta sẽ chẳng có gì là độc đáo cả. Ta sẽ cho móc mắt y, hay sẽ cho chặt cả tay chân y. Như thế gã sẽ chẳng có dịp xây dựng Phi lâu cho bất cứ ai khác”.

Hoàng tử Bodhi tỏ thật ý mình cho Công tử con Đại thần Sañjīvaka (Xanh Chi Vá Ká) là bạn tâm đắc của mình. Công tử suy nghĩ: “Chắc chắn Hoàng tử sẽ hạ sát người thợ mộc kỳ tài này, người có tài nghệ như thế thật hiếm, ta không nên để cho y bị chết oan uổng như thế được. Ta sẽ báo cho y biết”.

Công Tử đến thăm người thợ mộc và hỏi:

- Công việc xây dựng toà Phi lâu của ông đã xong chưa?

- Thưa đã xong cả rồi!

- Nếu thế, ông hãy lo bảo vệ lấy mình đi! Hoàng tử Bodhi sẽ sát hại ông khi toà Phi lâu hoàn tất đấy!

Người thợ mộc vô cùng kính hãi, nghĩ thầm: “May thật! Ta được tin này thật may mắn”. Ông tạ ơn vị Công tử rằng:

- Mang ơn Công tử đã có lòng tốt báo tin cho tôi được biết, tôi sẽ có cách làm điều lợi ích nên làm!

Khi Hoàng tử Bodhi đến hỏi người thợ mộc rằng:

- Này khanh, Phi lâu của Trầm khanh xây dựng đã xong chưa?

- Thưa Bệ hạ, chưa xong, còn dở dang nhiều chuyện lắm!

- Còn công việc gì dở dang đâu?

- Tâu Bệ Hạ, sau đây, hạ thần sẽ chỉ ra bây giờ. Xin Bệ hạ truyền lệnh cho đem thêm những gỗ súc.

- Gỗ súc gì?

- Tâu Bệ hạ, những gỗ tầm bộng (không có lõi) thật khô.

Hoàng tử Bodhi cho người mang gỗ đến theo yêu cầu của người thợ. Bây giờ người thợ mộc nói với Hoàng tử Bodhi rằng:

- Tâu Bệ hạ! Từ hôm nay trở đi, Ngài không nên đến gần hạ thần. Bởi vì công việc này phức tạp, rắc rối lắm sợ e có người ở một bên quấy rầy thì khó xong. Vậy nên, hạ thần xin Bệ hạ cho phép vợ hạ thần đến giờ sẽ mang cơm đến mà thôi.

Ông Hoàng chấp nhận ngay:

- Lành thay!

Ông thợ mộc vào trong một gian phòng, ngồi xuống, đẽo những gỗ súc, đóng thành cỗ xe, hình nhân điều (chim linh) có đủ chỗ ngồi cho cả mình và vợ con. Khi hoàn tất công trình, ông bảo vợ ông:

- Bà hãy bán hết đồ đạc trong nhà, rồi thu vàng bạc để dành sẵn đi.

Bên ngoài khu biệt ốc, Hoàng tử Bodhi cho quân canh gác thật nghiêm ngặt, canh phòng người thợ mộc bỏ trốn. Tuy nhiên, khi hoàn tất con chim máy rồi, người thợ mộc bảo vợ rằng:

- Hôm nay, bà hãy về dắt hết mấy đứa trẻ lại đây!

Sau khi độ điểm tâm sáng, ông thợ mộc bảo vợ con vào ngồi trong bụng con chim linh rồi theo lỗ trống cửa sổ mà thoát ra ngoài, bay đi lánh nạn.

Mặc kệ những tiếng kêu khóc của đám lính gác: “Tâu Bệ hạ, ông thợ mộc chạy trốn”. Ông ta lái máy bay thẳng đến Tuyết Sơn, tìm nơi tốt đẹp hạ cánh. Người thợ mộc đã kiến thiết một thành phố tại đó và được mệnh danh là Vua Chở Gỗ (Kaṭṭhavāhana).

Về phần ông Hoàng, sau khi ông thợ mộc biệt tích, một mặt cho người thỉnh Đức Bồn Sư đến dự lễ khánh thành toà Phi lâu do mình kiến tạo, một mặt cho rải bốn loại hương thơm như nghệ, hoa lài, v.v.. khắp toàn Phi lâu. Từ cổng ngõ bước vào, Đức vua cho trải vải trắng mới tinh.

Người ta nói: Đức vua không có con cho nên đã trải tấm vải lót đường với ý nghĩ: “Nếu số Trẫm có con trai hoặc con gái, chớ không đến nỗi tuyệt tự, thì xin cho Đức Bồn Sư sẽ bước đi trên vải trải này!”.

Khi Bạc Đạo Sư ngự đến, Hoàng tử Bodhi đánh lễ Ngài bằng cách ngũ thể đầu địa, rước lấy cái bát Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Kính thỉnh Ngài vào cung.

Đức Bồn Sư không tiến bước đầu Hoàng tử Bodhi có thỉnh cầu đôi ba lượt, Đức Thế Tôn vẫn đứng lặng yên, Ngài đưa mắt nhìn Trưởng lão Ānanda, hiểu ý Đức Thế Tôn, Trưởng lão Ānanda bảo Hoàng tử Bodhi rằng:

- Tâu Bệ hạ, xin Ngài hãy cho cuốn tấm vải trắng ấy đi. Đức Thế Tôn không muốn bước lên tấm vải trắng ấy, vì Đức Như Lai nhìn thấy được những gì sẽ phát sanh!

Đức vua y lời, cho người cuốn tấm vải lại, xong rồi lại thỉnh Đức Thế Tôn ngự vào cung, cúng dường cháo và bánh ngọt cho Ngài điếm tâm, đoạn ngồi xuống một nơi phải lễ, đánh lễ Ngài và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trẫm là người hộ độ Ngài, Trẫm là người Thiện nam đã có Quy y Ngài ba lần rồi. Nghe nói lần thứ nhất khi con còn trong thai bào của mẫu thân, lần thứ hai vào thời thanh thiếu niên và lần thứ ba khi Trẫm đến tuổi lớn khôn. Thế mà, tại sao Ngài chẳng niệm tình bước đi trên tấm vải trắng tinh của Trẫm lót đường nơi Phi lâu này?

- Tâu bệ hạ! Người đã suy nghĩ thế nào, khi người cho trải tấm vải trắng ấy?

- Bạch Thế Tôn! Con suy nghĩ rằng: “Nếu Trẫm được có con trai hoặc con gái thì Bạc Đạo Sư sẽ ngự đi trên tấm vải của Trẫm lót đường”.

- Tâu bệ hạ! Hãy hiểu rằng vì sao Như Lai không bước lên tấm vải trắng ấy đi?

- Bạch Thế Tôn! Sao thế? Trẫm sẽ không bao giờ có con trai, con gái gì chẳng?

- Thật như vậy, tâu Bệ hạ!

- Bạch Thế Tôn! Tại nguyên nhân nào vậy?

- Vì người cùng vợ người đã dễ dãi trong quá khứ.

- Bạch Thế Tôn! Trong thời nào vậy?

Tiếp đến, Đức Thế Tôn thuyết lên Túc Sanh về tiền nghiệp của Hoàng tử Bodhi như sau:

Thuở quá khứ, có đoàn thương buôn hàng trăm người đi trên một thuyền buôn ra biển. Khi chiếc thương thuyền ra giữa biển thì một cơn bão lớn nổi lên, đánh đắm con thuyền, có hai vợ chồng người thương buôn nọ nhờ bám vào một tấm ván tàu, sóng đánh tạt họ vào một đảo hoang nhỏ giữa biển nên được sống sót, kỳ dư đều chết dưới lòng đại dương. Hoang đảo ấy có rất nhiều chim trú ngụ, khi hai vợ chồng đói thì họ dùng trứng chim để ăn, khi trứng chim hết thì họ lại bắt lấy những con chim non mà dùng, rồi đến các chim lớn. Cả hai vợ chồng đều dùng trứng, chim non và chim lớn suốt cả ba thời kỳ: Thiếu niên, trung niên và lão niên, cả ba thời kỳ ấy, hai vợ chồng

thương buồn ấy đều dễ duôi như thế. Sự không dễ duôi dù chỉ là một thời kỳ thôi cũng không có. Lại nữa, trong hai người, nếu chỉ một người không dễ duôi, sự kiện này lại không hề có.

Sau khi giải rõ tiền nghiệp của Đức vua, Bạc Đạo Sư kết luận rằng:

- Tâu Bệ hạ! Nếu như lúc bấy giờ, Bệ Hạ cùng với nương nương đã giữ mình không dễ duôi, dù chỉ trong một thời kỳ, thì ắt hoàng nam hay công nữ sẽ sanh ra trong một thời kỳ. Nếu như một trong hai người không buông lung thì tùy theo người đó mà con trai hay con gái sẽ sanh lên. Tâu bệ hạ! Những ai biết nghĩ thương mình thì trong ba thời kỳ phải lo giữ mình một cách chuyên cần. Bằng không được vậy thì cũng phải ráng lo giữ mình cho được một thời kỳ.

Nói rồi, Đức Bôn Sư ngâm kệ rằng:

“Attānañce piyaṃ jaññā,
Rakkheyya naṃ surakkhitam,
Tiṇṇam aññataram yāmaṃ,
Paṭijaggeyya paṇḍito”.

Nếu tự biết thương mình, phải gắng tự bảo hộ, trong ba thời có một, người có Trí nên tỉnh ngộ, chớ mê man!



CHÚ GIẢI

Yāmaṃ: Đức Bôn Sư là bậc Pháp Vương, Ngài thuyết pháp rất thiện xảo. Ở đây, Ngài dùng danh từ yāmaṃ là *(ba) canh (trong một đêm)* để ám chỉ luôn ba thời kỳ (thanh, trung, lão) của một đời người, hoặc trong ba thời đó. Bởi vậy, ở đây, ta nên giải thích rằng: Nếu ai biết tự thương và tự giữ mình, thì đó là người khéo giữ lấy mình. Người ấy khéo giữ mình thế nào, ta nên khéo giữ mình như thế ấy”.

Ví như có người cư sĩ suy nghĩ rằng: “Ta sẽ giữ mình cho bình thân”, rồi vào trong căn phòng riêng được thu thúc kỹ lưỡng, trên tầng thượng của toà lâu đài, sau khi có đầy đủ sự giữ gìn, rồi ở trong đó; hoặc bậc đã xuất gia an cư trong động đá, được thu thúc kỹ lưỡng là các cửa lớn và cửa sổ đều đóng kín đi nữa, hai người làm như thế chưa hẳn là tự giữ mình đúng cách.

Còn người cư sĩ có tâm bình thân tùy sức mình mà tạo phước đức như Bồ thí, Trì giới v.v., hoặc bậc Xuất gia mà ráng chú tâm học hỏi các phạm sự lớn nhỏ của mình, cả hai người mới đáng gọi là đang bảo vệ mình. Như vậy, trong ba thời kỳ, người thường không thể làm, còn bậc trượng phu, Hiền trí thì dầu sao cũng tự chăm sóc lấy mình được trong một thời kỳ nào đó. Thật vậy, nếu người cư sĩ trong thời thanh niên đã lỡ mãi miết vui chơi không chuyên cần lo làm điều thiện, nếu như trong thời trung niên mắc bận nuôi vợ con mà không thể hành thiện thì đến thời kỳ lão niên cũng phải ráng lo thực hành. Được như vậy mới là người tự bảo vệ, săn sóc lấy mình. Nhược bằng ai không làm như vậy, tức là không có sự thương mình, ắt là tự mình khiến cho mình kiếp sau sa vào khổ cảnh chẳng sai.

Còn bậc Xuất gia mà trong thời kỳ đầu tiên lỡ không lo tập dượt, ôn thuận, học thuộc lâu pháp Hành, lại dễ duôi không làm các phạm sự của mình thì đến thời kỳ giữa

phải ráng chuyên cần hành Sa môn Pháp. Nếu trong thời kỳ giữa đã lỡ dễ dãi, không lo học hỏi Kinh Luật và Chú giải, thì đến thời kỳ chót cũng phải lo chuyên cần hành Sa môn Pháp. Như thế mới là người chăm lo gìn giữ tự kỷ. Bằng ai không làm như vậy, tức là người ấy không có lòng thương mình. Về sau, người ấy cũng bị lửa phiền não theo thiêu đốt họ.

Cuối thời Pháp, ông Hoàng Bodhi đắc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư hội chúng đều hưởng lợi ích do nhờ thời pháp của Đức Bổn Sư.

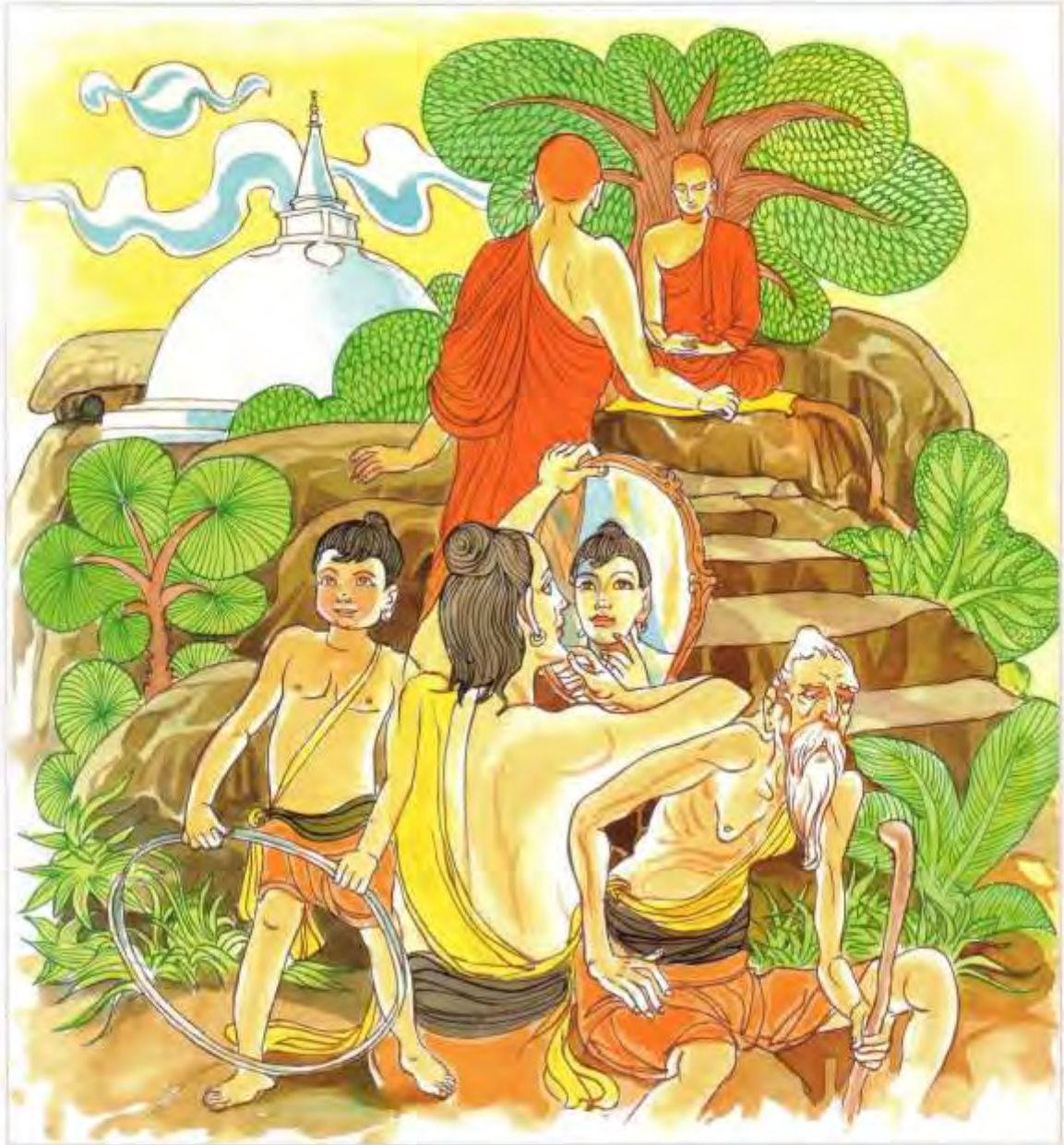


Dịch Giả Cẩn Đề

*Bồ Đề Vương muốn có con trai,
Thỉnh Phật đi trên tám vải dài,
Phật chẳng ưng đi, Vương mới hỏi,
Phật rằng: “Vương chớ khá van nài!
Kiếp trước, hai người trên đào hoang,
Trứng chim ăn hết, mạng châu toàn,
Suốt đời, chẳng tuổi nào tu niệm,
Nay tuyệt tự thì cũng chẳng oan...”.
Phật ngôn: Một đêm có ba canh,
Phải có canh nào lo Pháp hành,
Người Trí thương mình, nên Tỉnh giác.*

DỨT TÍCH BỒ ĐỀ VƯƠNG TỬ





One who loves himself should guard himself. A wise man checks at least once every night.

**157. Ai biết yêu tự ngã phải phòng hộ mình. Bậc trí tự kiểm điểm
it nhất mỗi đêm một lần.**

XII.2- Tích THÍCH TỬ UPANANDA (Upanandasakyaputtattheravatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 158)

“Attānameva paṭhamam,
Paṭirūpe⁽¹⁾ nivesaye,
Athaññamanusāseyya,
Na kilisseyya paṇḍito”.

“Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng,
Sau mới giáo hoá người,
Người Trí khỏi bị nhiễm”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự) trong thành Sāvattī (Xá Vệ), đề cập đến Trưởng lão Upananda (Ú Pá Nan Đá).

Tương truyền rằng: Vị ấy là một Trưởng lão có biệt tài thuyết pháp. Nhiều vị Tỳ khuru nghe Ngài thuyết Pháp thoai liên hệ đến Tri túc, Thiều dục, đã cúng dường thượng y của mình đến Tôn giả Upananda, rồi thọ trì Hạnh Đầu đà. Riêng về Tôn giả Upananda thì thọ dụng tất cả những vật dụng mà chư Tỳ khuru ấy xả bỏ.

Gần đến ngày an cư mùa mưa, Tôn giả Upananda đi viếng các chùa ở miền quê. Trong một chùa nọ, các Sadi trẻ rất quý mến vị Pháp sư có tài như Trưởng lão, bèn yêu cầu:

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài nhập hạ ở đây!
- Ở đây, mỗi Sư nhập hạ được dâng bao nhiêu y?
- Bạch Ngài, mỗi vị sư được một cái y choàng (Sāṭaka).

Tôn giả Upananda để lại nơi ấy đôi dép, rồi đến tịnh xá khác, cũng được thỉnh Tôn giả an cư, Tôn giả hỏi:

- Trong Tịnh xá này chư Tỳ khuru được những vật dụng gì?
- Thưa Ngài, mỗi vị được hai tấm choàng.
- Tôn giả để lại chiếc gậy nơi đó, rồi đi đến một tịnh xá thứ ba, hỏi rằng: “Trong tịnh xá này chư Tỳ khuru được vật dụng gì?”.
- Mỗi vị được ba chiếc y choàng.

Tôn giả để lại nơi ấy cái bình nước, đi đến tịnh xá thứ tư:

- Trong tịnh xá này chư Tỳ khuru được cái chi?
- Thưa, mỗi vị được bốn chiếc y choàng.
- Thôi thì ta sẽ an cư mùa mưa tại nơi này vậy.

Tôn giả Upananda an cư mùa mưa tại nơi ấy, thuyết pháp đến thính chúng cư sĩ lẫn Tỳ khuru. Các Tỳ khuru cùng cư sĩ đã cúng dường Tôn giả Upananda rất nhiều y và vải. Khi mãn mùa an cư, Tôn giả cho người đến các tịnh xá kia bảo rằng:

¹ Patirūpe (theo bản Pāli của CSCD./ Dhammagiri. India).

- Tôi cũng được vãi nhập hạ đây nhé, vì tôi đã để lại dép nơi ấy... gậy nơi ấy... bình nước nơi ấy. Vậy chư Tỳ khuru hãy gói vãi an cư mùa mưa cho tôi.

Bấy giờ, trong tịnh xá có hai vị Tỳ khuru trẻ phát sanh được hai tấm y choàng và một cái mền gấm (Kambala). Một vị đề nghị: “Đạo hữu hãy lấy hai lá y choàng, còn cái mền gấm để phần tôi”, nhưng vị kia không chấp thuận lối phân chia này. Hai vị còn đang ngồi cãi nhau gần bên đường cái thì bỗng nhìn thấy vị Trưởng lão Pháp sư từ xa đi đến. Họ bèn yêu cầu:

- Bạch Ngài, xin Ngài hoan hỷ chia những vật này hộ chúng tôi!

- Quý Sư cứ tự mình chia nhau đi chứ!

- Bạch Ngài! Chúng tôi không thể chia được, xin Ngài hoan hỷ chia hộ chúng tôi.

- Mà quý Sư sẽ tuân theo lời của ta hay không?

- Thưa vâng, chúng tôi sẽ nghe lời Ngài.

- Nếu vậy thì tốt lắm.

Thế rồi, vị Trưởng lão trao cho hai Tỳ khuru hai lá y choàng, còn mình giữ lấy cái mền quý giá ra đi, bảo rằng:

- Phần này của ta là Pháp sư đã mất công hoà giải quý vị.

Hai vị Tỳ khuru trẻ bị chơi gác, lấy làm hối tiếc, bèn về yết kiến Đức Bôn Sư bạch lại mọi việc. Bậc Đạo Sư giải rằng:

- Nay chư Tỳ khuru! Không phải bây giờ thầy ấy mới sang đoạt tài vật của hai con, làm cho hai con hối tiếc, mà trong thời trước thầy ấy đã từng làm như thế rồi.

Nói xong, Đức Thế Tôn thuyết lại Bôn sanh như sau:

Thời quá khứ, có hai con rái, một con lặn bờ sông, con kia thì lặn sâu dưới nước. Một hôm, chúng cùng bắt được một con cá hồi (màu hồng hồng) thật bự. Hai con tranh giành nhau: “Đầu cá là phần của tao, còn cái đuôi là của mày”. Rốt cuộc, hai con không thể chia đồng phần nhau được. Chúng thấy một con giã can, bèn mời nó làm trọng tài:

- Thưa cậu! Xin cậu làm ơn chia đồng phần con cá này giùm chúng tôi đi.

Con giã can nói:

- Ta đã ngồi xử kiện trong toà án của Đức vua quá lâu, vừa mới xả ra đi cho hết tê chân đây! Bây giờ ta không có rảnh!

- Thôi mà cậu, xin cậu đừng làm thái! Xin cậu làm ơn chia con cá giùm chúng tôi!

- Tụi bây có nghe lời của tao không?

- Thưa cậu, chúng tôi sẽ nghe lời cậu.

- Nếu vậy, thì ta sẽ chia hộ cho các người.

Rồi già can chia như sau: “Trong hai người, con nào đi dọc theo bờ thì nhận lấy cái đuôi. Đứa nào lặn sâu dưới nước thì được lấy cái đầu. Còn khúc giữa này sẽ là phần của ta, vì ta đã đứng ra phân xử vụ này”.

Con già can cắt đầu và đuôi giao cho hai con rái, còn mình lấy khúc giữa, con già can còn lập lại bằng kệ cho hai con rái nghe bản án như sau:

“Anutīracārino naṅgutṭham,
Sīsam gambhīracārino;
Athāyaṃ majjhimo khaṇḍo,
Dhammatṭhassa bhavissatī”.

- Con lặn gần bờ hãy lấy cái đuôi, con lặn dưới sâu hãy lấy cái đầu, còn khúc giữa này sẽ là phần của công lý vậy!

Ngâm kệ xong, con già can ngâm khúc mình cá ra đi, bỏ mặc hai con rái cá, đứng nhìn theo ăn năn hối tiếc.

Sau khi kể dứt Bồn sanh, Ngài kết luận: “Áy đấy, từ đời quá khứ, các con cũng đã ăn năn, hối tiếc như thế rồi. Hai con rái cá nay là hai vị Tỳ khuru trẻ, con già can nay là Upananda”. Sau khi giảng dạy hai Tỳ khuru trẻ rồi. Đức Thế Tôn quở trách Upananda rằng:

- Nay các Tỳ khuru, muốn xứng đáng làm vị Pháp sư thuyết pháp dạy dỗ người khác, trước hết phải tự đặt mình trên một vị trí đúng đắn.

Nói rồi, Đức Bồn Sư ngâm kệ rằng:

“Attānameva paṭhamam,
Paṭirūpe nivesaye,
Athaññamanusāseyya,
Na kilisseyya paṇḍito”.

Trước hãy tự đặt mình vào Chánh đạo, rồi sau giáo hoá kẻ khác, được như vậy người có Trí mới tránh khỏi điều làm lỗi xảy ra.

CHÚ GIẢI

Paṭirūpe nivesaye: tự đặt mình trên vị trí đạo đức thích đáng. Như trên đã nói, người nào có ý muốn làm thầy dạy kẻ khác, về các hạnh Thiểu dục, Tri túc hoặc về đường lối hành đạo của bậc Thánh nhân thì trước nhất, người ấy hãy tự mình trên đường lối nét hạnh đó. Sau hãy đem những ân đức ấy mà chỉ dạy kẻ khác. Nhược bằng, tự mình chưa đạt đến mức đó mà mong chỉ dạy kẻ khác thì trong khi chỉ dạy, ắt sẽ bị toàn thể mọi người chê trách, thật là như nhục vậy.

Người đã tự đặt mình lên Chánh đạo rồi, sau mới chỉ dạy kẻ khác, ắt sẽ được khen ngợi tán dương, cho nên không bị nhục như. Bậc Hiền trí hằng làm vậy nên không bị biếm nhẽ.

Cuối thời Pháp, hay Tỳ khuru trẻ ấy đắc quả Tu Đà Hườn. Đại chúng thánh pháp cũng được hưởng phần lợi ích.

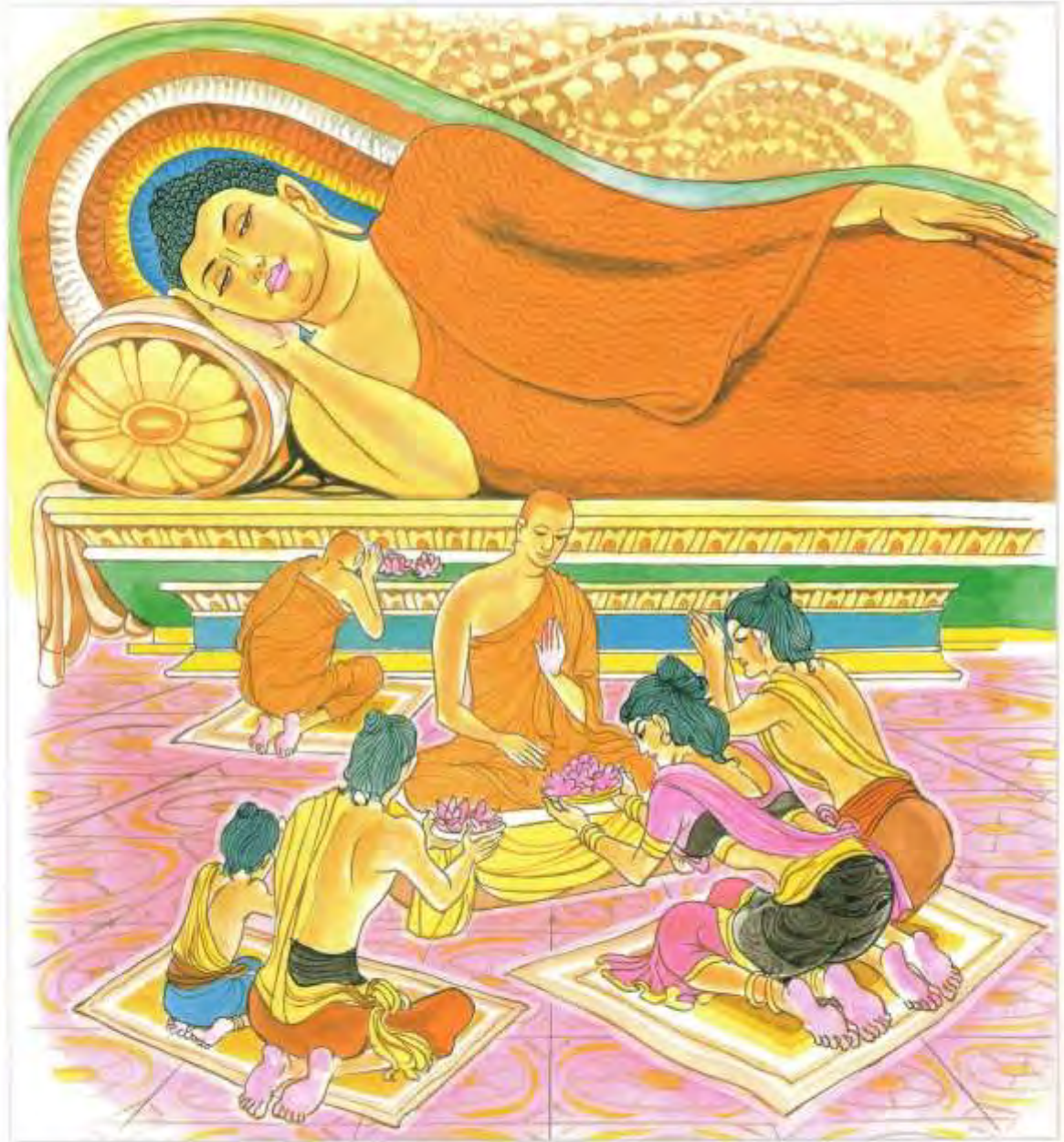


Dịch Giả Cẩn Đề

*Thuyết Pháp khuyên Tăng tập Xả ly,
Tự mình lại chấp giữ nhiều y,
Tỳ khuru tham luyến trong tài vật,
Chẳng xứng danh từ Thích tử chi!
Đừng chia lễ lộc giúp hai Sư,
Đoạt lấy chiếc mền gấm lễ dư...
Phật dạy: Trọng tài nên đứng đắn,
Xử người, phải chí công vô tư.*

DỨT TÍCH THÍCH TỬ UPANANDA





First do the right thing yourself. Then instruct others. One's own purity a wise man treasures.

**158. Trước tiên hãy tự mình làm việc chân chánh, sau đó mới dạy người!
Bậc trí trân trọng giữ sự thanh tịnh bản thân như kho báu.**

XII.3- Tích TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ TINH TẤN THIỀN

(*Padhānikatissatthera Vatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 159)

“Attānañce tathā kayirā,
Yathaññamanusāsati;
Sudanto vata dametha
Attā hi kira duddamo”.

“*Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người,
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!*”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết lên khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Padhānikatissa (Đề Xá Tinh Tấn Thiền).

Tương truyền rằng: Trưởng lão Padhānikatissa thọ huấn đề mục Tham thiền nơi Bạc Đạo Sư, rồi dẫn năm trăm vị Tỳ khưu vào rừng hành thiền, Trưởng lão dạy rằng:

- Nay chư đạo hữu! Quý vị đã may mắn được thọ trì đề mục Tham thiền từ nơi Đức Phật hiện tại. Vậy quý vị hãy chuyên cần hành Sa môn Pháp đi!

Giáo hoá chúng Tăng như vậy, thế nhưng Tôn giả ấy lại chính mình nằm ngủ.

Vào canh đầu, các Tỳ khưu đi kinh hành, đến canh giữa thì vào Tịnh thất riêng. Trưởng lão Padhānikatissa tỉnh giấc, đi đến chư Tỳ khưu ấy quở trách:

- Các vị trở vào tịnh thất với ý định “Sẽ ngủ” đấy à? Hãy nhanh chóng trở ra hành Pháp Sa môn đi chứ!

Rồi Tôn giả lại chính mình vào tịnh thất ngủ. Các Tỳ khưu đi kinh hành trọn cả canh giữa, đến canh cuối mới trở vào tịnh thất, và Tôn giả lại thức giấc, đến nơi các Tỳ khưu ấy, dẫn các vị ấy ra khỏi tịnh thất, rồi tự mình trở vào ngủ tiếp.

Tôn giả Padhānikatissa thường làm như thế, chư Tỳ khưu không thể học hỏi hoặc Định tâm trên đề mục được, tâm đã bị phóng dật nhiều, chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau rằng:

- Thầy A Xà Lê của chúng ta đã tinh tấn quá mức như thế. Vậy chúng ta hãy rình xem Ngài như thế nào?

Khi biết rõ sự việc như thế, các Tỳ khưu bàn luận với nhau:

- Nay các đạo hữu ơi! Chúng ta bị tổn hại rồi, thầy A Xà Lê chúng ta chỉ dạy chúng ta suông thôi, khi chính Ngài lại không thực hành.

Trong số năm trăm vị Tỳ khưu vất vả đó, chẳng có ai chứng đạt Pháp Thượng nhân cả.

Mãn mùa an cư, chư Tỳ khưu trở về yết kiến Đức Thế Tôn, được Ngài tự thân đón tiếp thân hữu, Ngài phán hỏi rằng:

- Nay các Tỳ khưu! Các thầy đã chuyên cần hành Sa môn Pháp, phải chăng?

Chư Tỳ khưu bạch trình lên Đức Thế Tôn mọi việc, Ngài dạy rằng:

- Thật vậy, này các Tỳ khuru, Tỳ khuru ấy chẳng phải chỉ làm tổn hại các thầy trong hiện tại, trong quá khứ y cũng đã từng như thế rồi.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, Ngài thuyết giảng rộng rãi Bốn sanh, bắt đầu bằng kệ rằng:

“Amātāpitusaṃvaddho,
Amācāriyakule vasaṃ;
Nāyaṃ kālamakālaṃ vā,
Abhijāmīti kukkuṭoti”.

“Không được cha mẹ nuôi nấng dạy dỗ, cư ngụ trong nhà thầy giáo của ta, con gà trống này không biết rõ lúc nào là chánh thời hoặc phi thời”.

Sau khi kể hết Túc sanh truyện về Con Gà Trống Gáy Phi Thời này (Akālaravakukkuṭa). Bậc Đạo Sư kết luận rằng:

- Này các Tỳ khuru, muốn xưng danh là bậc thầy dạy dỗ kẻ khác, thì phải khéo tự dạy lấy mình trước đã, người đã khéo dạy mình như thế mới đáng gọi là điều ngự.

Nói rồi, Đức Bốn Sư ngâm kệ rằng:

“Attānañce tathā kayirā,
Yathaññamanusāsati;
Sudanto vata dametha
Attā hi kira duddamo”.

Nếu muốn khuyên người khác nên làm như mình, trước hãy sửa mình rồi sau sửa người, vì tự sửa mình vốn là điều khó nhất.

CHÚ GIẢI

“**Attānañce tathā kayirā yathaññaṃ anusāsati:** Dạy người như thế nào, hãy tự dạy mình thế ấy, cũng như khi dạy người khác, mình đã nói: “Này Tỳ khuru, thầy phải tinh tấn đi kinh hành trong canh một, v.v..” thì tự mình phải cương quyết hành đạo như đi kinh hành v.v..

Sudanto vata dametha: Khéo điều mình rồi mới điều người, bằng ân đức nào mình chỉ dạy người, mình hãy tự điều bằng cách khéo dạy mình ân đức đó.

Attā hi kira duddamo: Quả thật, cái gọi là tự ngã này rất khó điều phục. Bởi thế, mình khéo tự điều thế nào, thì nên điều kẻ khác thế ấy.

Cuối thời Pháp, Chư Tăng đông đến năm trăm vị thầy đều đắc A La Hán quả hết.

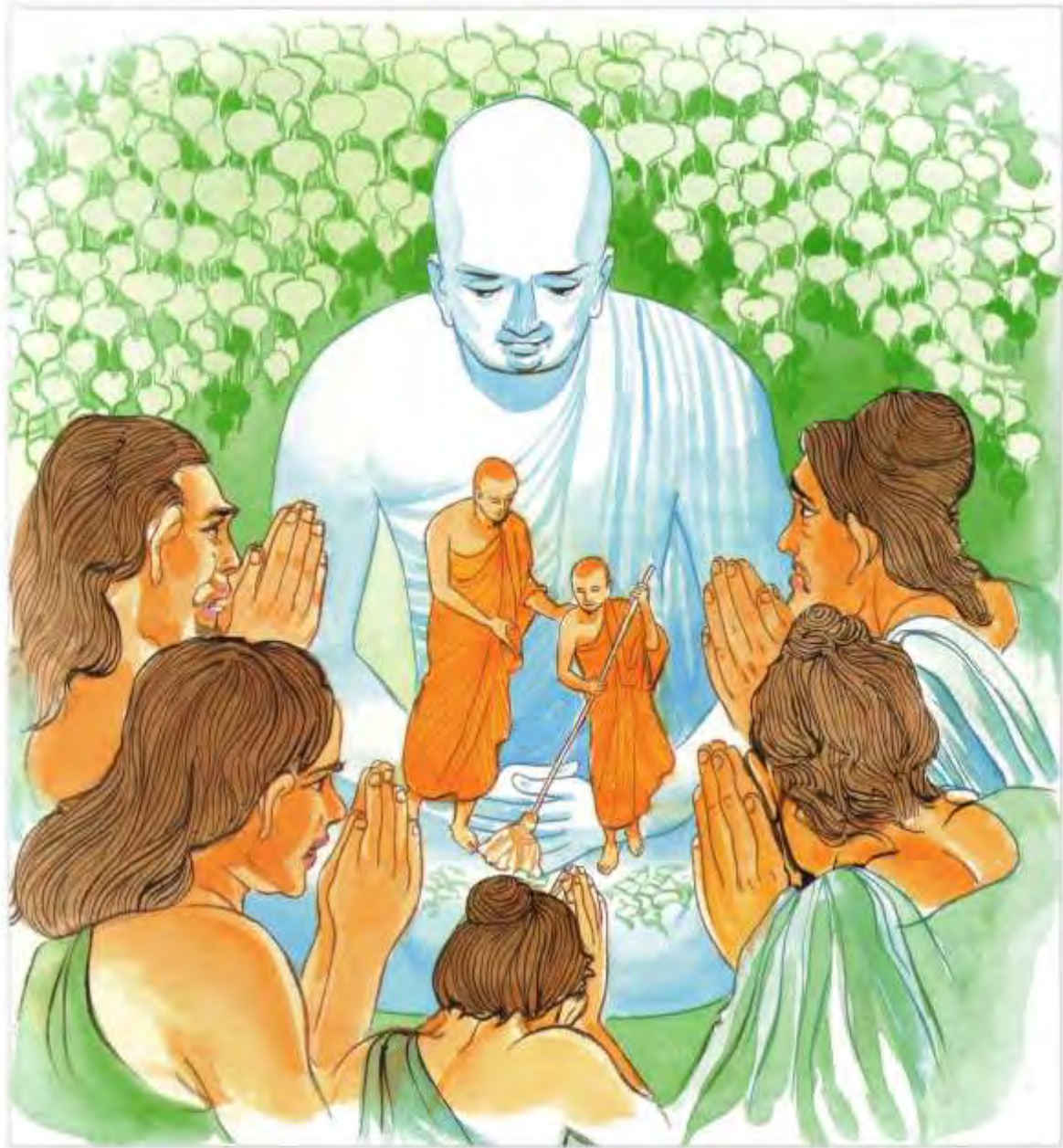


Dịch Giả Cẩn Đề

*Đề Xá có danh “Tinh Tấn Thiên”,
Ngờ đâu thầy cứ ngủ liên miên,
Cuối canh thức dậy, kêu hành giả:
“Hãy thức hành Thiên, chớ ngủ yên!”.
Mỗi đêm thức suốt cả ba canh,
Mệt mỏi thân tâm, Đạo chẳng thành,
Đệ Tử đi rình xem Trưởng lão,
Mới hay: Ông ngủ ngáy ngon lành!
Phật dạy: Tự điều rất khó khăn!
Bản thân phải huân tập siêng năng,
Để làm gương mẫu cho người khác,
Mới đáng là thầy hướng dẫn Tăng.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO ĐỀ XÁ TINH TẤN THIÊN





If one himself does exactly as one instructs, then with a well-tamed self one tames others.

159. Nếu ta làm đúng những gì ta dạy người khác làm, thì ta có thể điều phục người khác với bản thân đã được khéo điều phục.

XII.4- Tích MẸ CỦA TRƯỞNG LÃO CA DIẾP ĐỒNG TỬ

(*Kumārakassapamāthērvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 160)

“Attā hi attano nātho,
Ko hi nātho paro siyā;
Attanā hi sudantena,
Nātham labhati dullabham”.

“Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác,
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Su thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Mẹ của Trưởng lão Kumārakassapa (Ca Diếp Đồng Tử).

Tương truyền rằng: Mẹ của Trưởng lão Kumārakassapa là con gái của một Bá hộ trong thành Rājagaha (Vương Xá). Khi tuổi có trí khôn, nàng lại hướng tâm đến đời sống xuất gia. Nhiều lần Tiểu thư xin song thân cho mình sống được sống đời sống vô gia đình trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn nhưng song thân nàng không ưng thuận.

Đến tuổi cập kê, Tiểu thư xuất giá vu quy về ở nhà chồng, chẳng bao lâu Tiểu thư thọ thai. Tuy nhiên nàng chẳng hề biết được điều đó, nên vẫn làm vừa lòng chồng rồi xin xuất gia.

Một hôm, trong thành Rājagaha có lễ hội, không màng trang điểm, nàng lại chẳng tha thiết chi đến lễ hội. Công tử lấy làm lạ hỏi nguyên nhân, nàng bày tỏ nguyện vọng của mình. Công tử vô cùng hoan hỷ cho Tiểu thư được xuất gia trong Ni viện.

Khi ấy, người chồng cho sắm sửa nhiều lễ vật trọng thể đưa vợ mình đi xuất gia, nhưng vì không biết Tịnh xá Ni ở đâu nên đi ngay đến chỗ trú của chư Tỳ khưu Ni thuộc nhóm chia rẽ Tăng của Devadatta (Đề Bà Đạt Đa).

Thời gian sau, khi thai bào tăng trưởng, chư Ni biết được, hỏi nàng rằng:

- Này Sư Cô! Vì sao có chuyện lạ như thế?

- Thưa chư Hiền tỷ! Tôi cũng không rõ vì sao nữa nhưng giới hạnh của tôi không bị lấm nhơ đâu!

Chư Tỳ khưu Ni bèn đem việc này trình với Devadatta rằng:

- Bạch Ngài! Nữ Ni này xuất gia do đức tin nhưng chúng tôi không rõ vì sao nàng lại mang thai cả. Giờ đây chúng tôi phải xử sự làm sao?

Devadatta chẳng chịu suy xét kỹ lưỡng, chỉ nghĩ đến một điều là: “Đừng để tai tiếng đến chư Ni trong trú xứ của ta là những người mà chính ta hằng giáo giới”. Tôn giả nói với chư Tỳ khưu Ni rằng:

- Các cô hãy tản xuất nàng ấy ra khỏi trú xứ, cho nàng trở về đời sống thế tục đi.

Nghe Devadatta nói như thế, vị Nữ Ni trẻ bạch với chư Tỳ khưu Ni rằng:

- Thừa chur Hiền tử! Xin các Hiền tử đừng làm tổn hại đến tôi, tôi không có xuất gia riêng với Devadatta. Xin chur Hiền tử hãy đưa tôi đến yết kiến Đức Thế Tôn và trình bày việc này đến Đức Đạo Sư đi.

Chur Tỳ khuru Ni bèn dắt nàng về yết kiến Đức Thế Tôn đang ngự tại Jetavana Vihāra (Tịnh xá Kỳ Viên) trong thành Sāvattihī (Xá Vệ). Khi sự việc được trình lên Đức Thế Tôn, Ngài đã rõ biết rằng: “Nữ Ni này đã mang thai trước khi xuất gia”. Để làm sáng tỏ vấn đề này, Ngài cho mời Đức vua Pasenadi (Ba Tư Nặc), Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), ông Cūlānāthapiṇḍika (Tiểu Cấp Cô Độc), Đại Tín nữ Visākhā (Thiện Chi) cùng các đại gia vọng tộc khác đến, rồi Ngài phán bảo Trưởng lão Upāli (Ú Pa Ly) rằng:

- Nay Upāli! Giữa hàng Tứ chúng, hãy xét xử minh bạch trường hợp của Tỳ khuru Ni trẻ này!

Vâng lệnh Đức Thế Tôn, Trưởng lão Upāli cho mời nàng Visākhā đến và giao cho bà thâm nghiệm thời gian thọ thai, cùng xác minh Giới hạnh của Nữ Ni ấy trước mặt đại chúng.

Bà Thiện Chi cho người che màn chung quanh rồi tự thân bà kiểm tra từ tay chân đến rún, bụng của nàng Nữ Ni, rồi tính toán ra ngày tháng đậu thai và biết được rằng: “Ni Cô này đã mang thai trước khi xuất gia”. Bà liền thông qua cho Trưởng lão biết kết quả. Lúc ấy, ngay giữa tứ chúng Trưởng lão đã công bố bản án: “Ni cô hoàn toàn trong sạch”.

Do tiền kiếp Ni Cô này đã có phát nguyện dưới chân Đức Cổ Phật Thượng Liên Hoa (Padumuttara) nên thời gian sau, nàng hạ sanh được một hài nhi, có oai lực lớn.

Một hôm, Đức vua ngự đến Tịnh xá Tỳ khuru Ni ấy, bỗng nghe tiếng trẻ thơ, Ngài phán hỏi cận tướng rằng:

- Nay các khanh! Tiếng gì thế?

- Tâu Bệ hạ! Đứa con trai của Tỳ khuru Ni mới sanh, chính đó là tiếng của nó.

Nghe vậy, Đức vua bèn đem đứa đồng tử ấy về hoàng cung giao cho các vú nuôi. Đến ngày lễ đặt tên, đứa bé được đặt tên là Kassapa (Ca Diếp). Nhân vì các vú nuôi săn sóc từ lúc ấu thơ cho đến tuổi trưởng thành, cho nên các bà quen miệng cứ kêu cậu là Kumārakassapa (Ca Diếp Đồng Tử).

Khi chơi thể thao ở sân vận động, cậu đánh bại hết các trẻ khác. Chúng nói:

- Chúng ta đã thua kẻ không có cha mẹ.

Công tử Kumārakassapa nghe như thế, liền đi đến Đức vua Pasenadi bạch hỏi rằng:

- Tâu Bệ hạ! Các đứa trẻ luôn bảo con là đứa không cha không mẹ, xin Ngài hãy chỉ cha mẹ cho con đi!

- Các nhũ mẫu chính là mẹ của con đây.

Nghe vậy, cậu bé cãi lại:

- Không phải bấy nhiêu bà đều là mẹ của con hết. Mẹ của con phải là một bà mà thôi. Xin Bệ hạ hãy chỉ giúp bà ấy cho con!

Đức vua suy nghĩ: “Ta không thể nói gạt được đứa bé này”, nên tỏ thật rằng:

- Con ạ! Mẹ ruột của con là một Tỳ khưu Ni, Trẫm đã đến tịnh xá Ni đem con về đây.

Lúc bấy giờ, cậu bé bỗng phát sanh kinh cảm suy nghĩ chín chắn rồi nói:

- Xin Phụ vương cho con xuất gia.

- Lành thay! Con ạ!

Thế rồi, Đức vua cho sắp đặt cuộc lễ rất trọng đại và cho cậu bé xuất gia với Đức Bôn Sư.

Sau khi được thọ Cụ túc giới, ông sư trẻ được gọi là Trưởng lão Kumārakassapa (Ca Diếp Đòng Tử). Ngài thọ huấn đề mục Chỉ Quán từ nơi Đức Thế Tôn rồi, bèn vào rừng thanh vắng yên tịnh để Tinh tấn hành Sa môn Pháp, nhưng không thể giác ngộ Chánh Pháp. Trưởng lão tính trở về đánh lễ Đức Bôn Sư để xin thụ huấn đề mục hành thiền một lần nữa. Trên đường về, Trưởng lão tạm an cư trong khu rừng Mù (Andhavana). Lúc bấy giờ, có một vị Phạm Thiên, nguyên là một Tỳ khưu đồng hành Sa môn Pháp với Trưởng lão trong thời Đức Phật Tổ Ca Diếp, vị ấy đã đắc A Na Hàm quả và sau đó được sanh lên cõi Phạm Thiên. Từ Phạm Thiên giới, vị ấy bèn xuống hỏi Trưởng lão mười lăm câu hỏi, rồi tiễn Trưởng lão lên đường và bảo rằng:

- Những câu hỏi này, ngoại trừ Bạc Đạo Sư ra không một ai khác giải đáp nổi. Hãy đi về tìm gặp Bạc Đạo Sư mà học nghĩa lý của những câu này.

Trưởng lão làm theo lời chỉ bảo của vị Phạm Thiên và đắc quả A La Hán khi các câu hỏi vừa được giải đáp hết.

Kể từ khi Trưởng lão ra đi hành pháp Sa môn trong rừng, thấm thoát được mười hai năm, trong mười hai năm trường ấy, mẹ Ngài không thể ngăn được nước mắt khi nhớ đến con. Vì xa cách con trai nên bà buồn khổ, đang đi khát thực mà mặt đầm đìa nước mắt. Bỗng nhiên, gặp Trưởng lão giữa đường, bà mừng quýnh, vừa chạy đến nắm Trưởng lão vừa kêu to:

- Con ơi, con ơi!

Bất ngờ, bà té nhào xuống đất, hai vú bà tươm sữa ra dính vào y do sự xúc cảm quá mãnh liệt, bà lồm cồm đứng dậy, mang y ướt đến nắm lấy Trưởng lão.

Trưởng lão nghĩ thầm: “Nếu ta dùng lời dịu ngọt nói với mẹ ta, ắt bà sẽ hư hỏng chứ chẳng ích lợi chi cả. Vậy ta nên dùng lời cứng xẵng mà nói chuyện với bà”.

Trưởng lão suy nghĩ như thế bèn làm nghiêm, hỏi trách bà rằng:

- Bà tu làm chi thế? Tại sao bà đã xuất gia rồi mà không thể cắt đứt được sự thương yêu ấy ư?

Tỳ khưu Ni ấy suy nghĩ rằng: “Than ôi, lời lẽ của con ta sao mà chát chúa quá!”.

Tuy nhiên, bà cũng hỏi lại một lần nữa:

- Con à, con vừa nói chi vậy?

Trưởng lão cũng lặp lại như trước, khiến cho bà tỉnh ngộ, nghĩ rằng: “Ta đã không cầm được nước mắt suốt cả mười hai năm trường vì lòng thương nhớ con, nhưng con của ta nó vô tình quá, té ra đối với ta lòng nó lại cứng cõi như sắt đá, chẳng nghĩ chi đến ta cả! Thế thì ta còn nuôi tiếc nó làm gì nữa!”. Bà suy nghĩ như thế rồi, buông y Trưởng lão ra, trở về Tịnh thất, cố gắng quên đi đứa con vô tình, tinh tấn hành Đạo. Lòng thương con không còn tha thiết như trước nữa, nhờ áp chế được tình thâm mẫu tử bà chứng đạt A La Hán quả trong ngày đó. Thời gian sau, chư Tỳ khưu bàn luận cùng nhau nơi giảng đường:

- Các đạo hữu ơi! Tôn giả Kumārakassapa và Trưởng lão Ni có đầy đủ duyên lành như thế, vậy mà suýt nữa bị Devadatta làm tổn hại. Còn Bạc Đạo Sư là nơi nương nhờ của hai vị ấy, thật là kỳ diệu thay! Lẽ thường chư Phật là bậc hăng tể độ thế gian vậy!

- Vói thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được sự luận bàn ấy của chư Tỳ khưu, Ngài ngự đến hỏi rằng:

- Nay các Tỳ khưu! Các người đang bàn luận cùng nhau về việc gì?

- Bạch Thế Tôn, chuyện này...

- Nay các Tỳ khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này ta là nơi nương nhờ cho hai mẹ con Kumārakassapa mà trong quá khứ, hai người ấy cũng đã từng nương nhờ nơi Ta rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ khưu, Ngài thuyết giảng rộng tích Bốn Sinh Nigrodha (Ni Câu Luật Đà), rồi Đức Bôn Sư ngâm kệ rằng:

“Nigrodhameva seveyya
Na sākhamupasaṃvase,
Nigrodhasmiṃ mataṃ seyyo
Yañce sākhasmiṃ jīvitanti”.

- *Thà sống với con hươu Nigrodha (Ni Câu Luật Đà), chớ đừng sống Sākha. Thà chết với Nigrodha, còn hơn sống với Sākha.*

Đức Thế Tôn nhận diện Bốn sanh⁽¹⁾ rằng: “Nai Sākha trong quá khứ nay là Devadatta, hội chúng của nai Sākha nay là hội chúng của Devadatta trong hiện tại. Nai cái nay chính là Trưởng lão Ni, con nai con nay là Trưởng lão Kumārakassapa. Nai chúa Nigrodha nay chính là Đấng Như Lai vậy”.

Tiếp theo đó, Đức Bôn Sư dạy cho biết là sau khi đoạn tình mẫu tử, Trưởng lão Ni tự mình đã khiến cho mình giác ngộ Chánh Pháp: “Này các Tỳ khưu, người nào nương cậy kẻ khác thì không thể hy vọng sẽ sanh lên cõi trời, hoặc sẽ chứng đắc Đạo quả. Bởi vậy cho nên, mình hãy là chỗ tựa của mình, chớ ai đâu khác sẽ làm chuyện ấy”.

Nói rồi, Đức Bôn Sư ngâm kệ rằng:

“Attā hi attano nātho,

¹ Bốn sanh Nigrodha (Jāt.145).

Ko hi nātho paro siyā ;
Attanā hi sudantena,
Nātham labhati dullabham”.

*Chính tự mình làm chỗ nương cho mình, chứ người khác làm sao nương được?
Tự mình khéo tu tập mới đạt đến chỗ nương tựa nhiệm màu (quả vị A La Hán).*

CHÚ GIẢI

Nātho: nương nhờ. Như trên đã nói, người nào tự mình nương cậy lấy mình, kiện toàn thiện pháp rồi, ắt có thể siêu sanh lên nhà cảnh, hoặc chứng đắc Đạo quả, làm cho thấu rõ Níp Bàn được, bởi vậy mới nói tự ngã chính là chỗ nương (patiṭṭhā = nātho) của mình. Người khác là ai, xưng danh là chỗ nương của ai? Như vậy thì do mình khéo léo tự điều phục lấy mình mà đắc quả A La Hán, là chỗ nương khó mà có được.

Nātham labhati dullabham: được điếm tựa khó được trên đây ngụ ý chỉ Quả vị A La Hán vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khuru đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

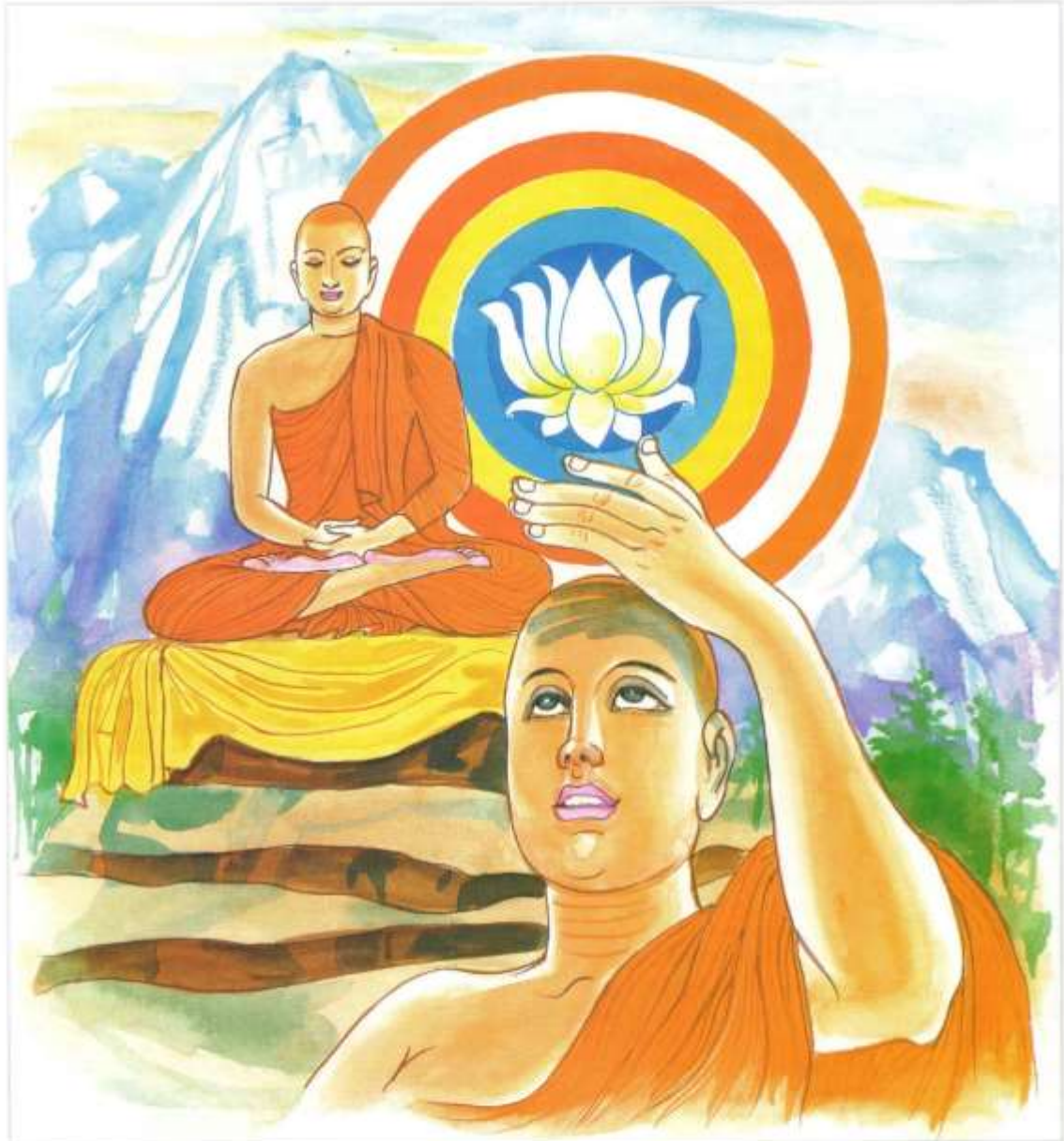


Dịch Giả Cẩn Đề

*Mười hai năm chẵn cách xa con,
Sư nữ trông chờ, dạ héo hon,
Bỗng gặp, chào mừng Sư Lậu tận,
“Lời Sư sao đáng tợ bồ hòn”.
Nhờ Minh Sát Khổ đến kỳ cùng,
Mẫu tử tình thâm tự cáo chung.
Sư nữ đắc ngay La Hán quả,
Não phiền rũ sạch, sống ung dung.
Phật dạy: “Mỗi người tự độ mình,
Lên trời hoặc đến cõi Vô sinh,
Ngoài Ta, chẳng có người ta tựa,
Tự Ta là nơi tựa tối linh”.*

DỨT TÍCH MẸ CỦA TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA





Be ye your own protector. Who else is? With a well-tamed self one's found a rare protector.

160. Hãy tự bảo hộ mình. Nào có ai khác nữa? Với tự ngã khéo điều phục, ta đã tìm được vị bảo hộ hiếm có.

XII.5- Tích THIỆN NAM MÁ HA KA LÁ

(Mahākāḷa-upāsakavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 161)

Attanā hi kataṃ pāpaṃ,
Atrajaṃ⁽¹⁾ attasambhavaṃ ;
Abhimatthati dummedhaṃ,
Vajiraṃva'mhayaṃ maṇiṃ”.

“Điều ác tự mình làm,
Tự mình sanh, mình tạo,
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Cận sự nam Mahākāḷa (Má Ha Ka Lá) đã đắc quả Tu Đà Hườn.

Tương truyền rằng: Cận sự nam Mahākāḷa đã thọ trì giới Bát quan trai đủ tám ngày trong tháng, mới thức nghe Pháp suốt đêm trong chùa.

Một hôm cũng vào ngày Trai giới, có bọn trộm đạo đã đánh cắp tài sản của một gia tộc nọ, ở gần tịnh xá Kỳ Viên vào lúc ban đêm. Trong khi chúng di chuyển vật trộm đi, gia chủ phát giác được liền báo động, cùng nhau rượt đuổi theo bọn trộm cướp. Chúng quăng bỏ những tang vật rồi bỏ chạy thoát thân. Riêng vị gia chủ vẫn theo truy lùng bọn trộm, chúng chạy tán loạn khắp bốn hướng, có một tên chạy về hướng Tịnh xá Kỳ Viên.

Bấy giờ, đêm gần mãn, Cận sự nam Mahākāḷa sau khi nghe Pháp trọn đêm, đã ra bờ hồ súc miệng rửa mặt, tên trộm ấy chạy đến hồ, quăng bỏ túi đồ trước mặt ông Thiện nam rồi bỏ chạy luôn. Những người đuổi theo bọn ăn trộm, chạy trò tới, thấy tang vật bị lấy cắp, đổ tội cho ông Thiện nam: “Mày đã khoét vách đột nhập vào nhà chúng ta mà trộm cắp đồ đạc, lại làm bộ đi nghe thuyết pháp”. Họ túm lấy ông Thiện nam đánh đập ông đến chết rồi vứt xác ông một bên mà trở về nhà.

Sáng sớm, các Tỳ khưu trẻ cùng các Sadi đi ra hồ múc nước, thấy xác ông Thiện nam như thế, bảo nhau rằng:

- Cận sự nam Mahākāḷa nghe Pháp trong Tịnh xá suốt cả đêm, nay chết như thế thật là bất ngờ, oan uổng quá!

Các Tỳ khưu trình lên Đức Thế Tôn về sự việc này. Bạc Đạo Sư đáp rằng:

- Đúng như vậy, này các Tỳ khưu! Ông ta chết bất xứng trong kiếp này, nhưng lại tương xứng với nghiệp ác đã tạo trong quá khứ.

Chư Tăng cung thỉnh Bạc Đạo Sư thuyết giảng Bốn Sự về tiền nghiệp của Mahākāḷa.

Thưở quá khứ, có một bọn cướp gần bìa rừng, thuộc vùng biên địa của Quốc vương Bārāṇasī, để giữa an toàn cho sơn dân nơi ấy, Đức vua đặt một viên quan trấn giữ nơi bìa rừng, có phận sự đưa người từ bên này rừng sang bên kia rừng, hay từ bên kia rừng sang bên này rừng.

¹ Atta – Abhimanthati (theo bản Pāḷi của CSCD. / Dhammagiri. India).

Một hôm, có chàng thanh niên cùng cô vợ xinh đẹp, khả ái của mình, đánh xe đến nơi bìa rừng ấy. Quan Tổng trấn nhìn thấy giai nhân, bỗng sanh lòng luyến ái, khi người chồng ngỡ ý rằng:

- Xin tướng quân hộ tống chúng tôi qua truông.

- Bây giờ là phi thời rồi, thôi để sáng mai, bản chức sẽ hộ tống ông bà đi sớm!

- Bẩm quan! Bây giờ vẫn còn sớm, xin Ngài hộ tống chúng tôi đi ngay.

- Thôi bạn ạ! Mời hai ông bà trở lại tư dinh của bản chức dùng cơm và nghỉ lại qua đêm.

Tuy không muốn ở lại, nhưng chàng thanh niên cũng đành chịu. Quan Trấn thủ hướng dẫn chàng đánh xe trở lại đồn trấn của mình, ông sắp xếp vật thực cho chàng thanh niên dùng.

Quan Trấn thủ có một viên ngọc quý, ông sai gia nhân lén bỏ vào nơi kín đáo trong xe của khách, rồi đến rạng đông hôm sau, qun cho hô hoán lên rằng: “Hồi hôm, có bọn ăn trộm đã lén vào tư dinh”. Nhưng người nhà của quan lại báo cáo:

- Bẩm quan, bọn ăn trộm đã lấy mất viên bảo ngọc rồi.

Sau khi bố trí binh lính phòng thủ các cổng làng, quan ra lệnh rằng:

- Hãy lục soát những người từ trong làng đi ra.

Chàng thanh niên cùng vợ đã chuẩn bị đi từ sáng sớm, khi gia nhân của quan Trấn thủ khám xét xe chàng, tìm thấy viên Bảo Ngọc trong xe ấy, ghép tội chàng rằng:

- Ngươi đã đánh cắp viên ngọc này rồi toan trốn đi phải chăng?

Chúng liền bắt trói và đánh đập chàng thanh niên, đem trình lên quan Trấn thủ:

- Thưa chủ! Tôi đã bắt được kẻ trộm bảo ngọc, chính là gã thanh niên này.

- Bản chức là quan Trấn thủ nơi này. Bản chức đã tiếp đãi nó trọng hậu, cho nghỉ lại qua đêm trong đồn. Thế mà nó lại liên hệ với bọn cướp, đánh cắp bảo ngọc của bản chức như thế. Các ngươi hãy đánh chết nó đi.

Thế là gia nhân của quan Trấn thủ đánh chàng thanh niên cho đến chết, ném xác chàng vào rừng. Quan Trấn thủ chiếm đoạt vợ chàng thanh niên bằng cách như thế. Do ác nghiệp ấy, khi mệnh chung, y bị đọa vào Địa ngục A Tỳ, bị lửa thiêu đốt trong thời gian dài đêm năm không kể xiết, khi thoát khỏi Địa Ngục, quả còn dư sót của ác nghiệp ấy, khiến cho y bị đánh chết vô cớ đã một trăm kiếp rồi.

Sau khi thuyết xong tiền tích của Mahākāḷa, Ngài kết luận rằng:

- Nay các Tỳ khuru, những chúng sanh này tự mình đã tạo ác nghiệp như thế, mới bị ác nghiệp nghiền nát trong bốn ác đạo như thế.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm kệ rằng:

“Attanā hi kataṃ pāpaṃ,
Atrajaṃ attasambhavaṃ ;
Abhimatthati dummedhaṃ,

Vajiraṃva'mhayaṃ maṇiṃ”.

Ác nghiệp do tự mình tạo, tự mình sinh ra, ác nghiệp làm hại kẻ ngu dễ dàng như kim cương phá hoại bảo thạch.

CHÚ GIẢI

Vajiraṃva'mhayaṃ maṇinti = Vajiraṃva ahamayaṃ maṇiṃ:

Bản kinh lời vàng chép là (Vajiraṃ vasmamayaṃ): như kim cương nghiền bảo thạch.

Như trên đã nói, cũng như kim cương nguyên chất đá, do đá sản xuất ra, mà trở lại nghiền nát bảo thạch Ma ni là chỗ gọi là nguồn gốc sanh ra nó thành những mảnh vụn vụn mảnh mún, hết dùng xài được như thế nào, thì cũng như thế ấy, nghiệp ác tự mình làm, tự mình sanh ra, tự mình sản xuất, nghiền nát, phá hoại kẻ ngu si, vô trí trong bốn đường ác đạo.

Cuối thời Pháp, các Tỳ khưu hiện diện đều đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cảnh Đề

*Suốt đêm nghe Pháp ở Kỳ Viên,
Vừa sáng tinh sương bị giết liền,
Xác vớt bên hồ sen trước cổng,
Tặng vào hỏi Phật nghiệp tiền khiên.
Phật bảo: Thiện nam chết chẳng oan,
Đời xưa trấn ải, ý quyền quan,
Phao vu, giết hiếp người vô tội,
Để chiếm vợ người mượn đưa đàn!”.
Kẻ ác tự mình gieo ác nhân,
Tự nhiên ác quả đến ngay thân.
Người ngu ác nghiệp nghiền tan nát,
Như ngọc Kim cương nát bảo trân.*

DỨT TÍCH THIỆN NAM MAHĀKĀḶA





A diamond being itself a stone, cuts stones. Likewise, self-wrought evil assails the fool.

**161. Kim cương chính là loại ngọc có thể cắt đứt các loại ngọc khác.
Cũng vậy ác nghiệp do tự mình tạo sẽ tàn phá kẻ ngu si.**

XII.6- Tích ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA GÂY TỘI ÁC

(Devadattavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 162)

“Yassa accantadussīyaṃ,
Māluvā sālamiṅgathataṃ;
Karoti so tathattānaṃ,
Yathā naṃ icchatī diso”.

“Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây,
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết khi ngự tại Veluvana (Trúc Lâm), gần thành Rājagaha (Vương Xá), đề cập đến Devadatta (Đề Bà Đạt Đa).

Tương truyền rằng: Một hôm, các Tỳ khưu cùng nhau hội họp tại Giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Nay chư đạo hữu! Devadatta là người phá giới, là người hành theo ác pháp, đã khuyến dụ Thái tử Ajātasattu (A Xà Thế) làm phát sanh lợi lộc đến ông một cách phi pháp, rồi xúi dục Thái tử giết cha là vua Bimbisāra (Bình Sa Vương), ông ta lại còn mưu hại Đức Thế Tôn nhiều phen nữa chứ. Do ông làm cho ái dục cùng tăng trưởng với ác giới nên ông trở nên người ác hạnh vậy.

- Với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được sự bàn luận ấy, Ngài ngự đến nơi, hỏi rằng:

- Nay các Tỳ khưu! Các người đang bàn luận về vấn đề gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện này...

Ngài phán dạy rằng:

- Nay các Tỳ khưu! Chẳng phải chỉ trong kiếp này Devadatta đã âm mưu sát hại cho được Ta đâu, mà trong quá khứ cũng đã từng như thế rồi. Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ khưu, Ngài thuyết giảng về các Bồn sanh như con nai Kuruṅga... rồi Ngài kết luận rằng:

- Nay các Tỳ khưu, giống như cây chùm gởi quất siết làm nứt chết cây Long thọ (Tala), ái dục phát sanh từ sự phá giới, thúc đẩy kẻ phá giới sa vào khổ cảnh, nhất là các Địa ngục.

Nói rồi, Đức Bôn Sur ngâm kệ rằng:

“Yassa accantadussīyaṃ,
Māluvā sālamiṅgathataṃ;
Karoti so tathattānaṃ,
Yathā naṃ icchatī diso”.

Sự phá giới làm hại mình như dây Mang la bao quanh cây Ta la làm cho cây này khô héo. Người phá giới chỉ là người làm điều mà kẻ thù muốn làm cho mình.

CHÚ GIẢI:

Accantadussīlyam: Người đáng gọi là Phá giới thật sự, là người cư sĩ tại gia, từ lúc mới sanh trở đi cứ hành động theo lộ trình của mười nghiệp bất thiện, hoặc là người xuất gia, từ ngày thọ Cụ túc giới về sau, lúc phạm các tội nặng.

Ở đây, ai là người Phá giới trong hai, ba kiếp này rồi, bây giờ chính là sự Phá giới trong kiếp thứ ba được nói đến.

Dussīlabhāvo: trạng thái Phá giới, ở đây nên giải là ái dục theo Lục căn mà khởi lên.

Māluvā sālam iv'otthatam: cái gọi là ác dục của kẻ Phá giới cũng bao trùm, quấn chặt tự thân kẻ ấy, giống như dây bìm, dây chùm gởi bao trùm cây Ta la Long thọ, trong lúc trời mưa có nước rơi xuống từ các lá cây, khiến cho nó phát triển bao vây khắp cả tàng cây vậy. Cũng như cây Ta la bị dây chùm gởi siết chặt đang ngã xuống đất, kẻ Phá giới bị cái gọi là ái dục siết chặt đang sa đoạ xuống bốn ác đạo. Kẻ thù muốn cho kẻ ấy bị thiệt hại thế nào thì chính kẻ ấy tự làm cho mình bị thiệt hại thế ấy vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cảnh Đề

*Rễ Tăng, phản Phật, có Đề Bà,
Phá giới, làm nên nghiệp xấu xa!
Lăn đá, khiến chân Phật chảy máu,
Xúi A Xà Thế giết Vua cha.
Phật rằng: Phá giới tợ dây leo,
Siết chết Ta la, rất hiểm nghèo!
Kẻ nghịch mong điều gì tai hại,
Cho ta, ta lại tự mình gieo.*

DỨT TÍCH DEVEDATTA GÂY TỘI ÁC





Corrupt behaviour is suicidal, self-ruinous like the strangling Māluva creeper on a Sāla tree.

162. Giới hạnh suy đồi tự phá hại mình như cây leo Māluva siết chặt thân cây Sāla.

XII.7- Tích CỐ Ý CHIA RẼ TĂNG

(*Saṅghabhedaparisakkanavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 163)

Sukarāni asādhūni,
Attano ahitāni ca;
Yaṃ ve hitaṅca sādhuṅca,
Taṃ ve paramadukkaram”.

“*Để làm các điều ác,
Để làm tự hại mình,
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm*”.

Kệ Pháp Cú này được Đức Bôn Sư thuyết khi ngự tại Veļuvana (Trúc Lâm), đề cập đến Devadatta (Đề Bà Đạt Đa) cố ý chia rẽ Tăng. Câu chuyện chi tiết về Devadatta cố ý chia rẽ Tăng như vậy:

Một hôm, Devadatta trông thấy Trưởng lão Ānanda đang trì bình khát thực, đã nói lên ý định của mình rằng:

- Nay đạo hữu Ānanda! Tôi sẽ hành lễ Phát lồ cùng các Tăng sự riêng, không hành Tăng sự chung với Đức Thế Tôn nữa.

Trưởng lão Ānanda im lặng không hoan hỷ cũng không chỉ trích, sau khi khát thực xong, Trưởng lão trở về bạch trình lên Đức Thế Tôn:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vào sáng nay khi con đang trì bình khát thực, Devadatta trông thấy con đang đi khát thực trong thành Rājagaha (Vương Xá), vị ấy đi đến nói với con rằng: “Nay đạo hữu Ānanda! Kể từ hôm nay trở đi tôi sẽ hành lễ Phát lồ và các Tăng sự riêng, không hành Tăng sự chung với Đức Thế Tôn và Tăng chúng nữa”. Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay Devadatta sẽ chia rẽ Tăng, tức là sẽ hành lễ Phát lồ và Tăng sự riêng.

Được nghe Trưởng lão Ānanda bạch trình câu chuyện ấy, Bạc Đạo Sư đã thốt lên cảm hứng nghĩ rằng:

Sukaram sādhunā sādhu,
Sādhu pāpena dukkaram;
Pāpaṃ pāpena sukaram
Pāpamariyehi dukkaranti.

Thiện nhân hành thiện dễ dàng thay!

Ác nhân hành thiện khó chi tày!

Ác nhân hành ác không gì khó!

Thánh nhân hành ác chẳng quen tay!

Sau khi thốt lời cảm khái này, Đức Bôn Sư bảo:

- Nay Ānanda! Việc làm đáng gọi là vô ích cho mình thì dễ làm, còn trái lại, việc làm hữu ích cho mình thì khó làm.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

“Sukarāni asādhūni,

Attano ahitāni ca;

Yaṃ ve hitaṇca sādhuṇca,
Taṃ ve paramadukkaraṃ”.

Việc hung ác thì dễ làm, nhưng chẳng có lợi gì cho ta, trái lại việc từ thiện có lợi cho ta thì rất khó làm.

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Những việc nào là bất thiện, đáng chê trách và xoay chuyển trong vòng bốn ác đạo và khi làm xong chẳng có lợi ích cho mình, những việc ấy lại dễ làm. Trái lại, việc nào làm xong có lợi ích cho mình, không có gì đáng chê trách, xoay chuyển trong vòng Thiên giới và giải thoát Níp Bàn, việc làm ấy thật rất khó làm, giống như việc kéo mặt trời đã mọc ở phương đông, từ dưới chỗ thấp của con sông, cho nó đi thụt lùi, lấy phía sau làm phía trước vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cảnh Đề

Trong thành Vương Xá, gặp A Nan,

Đại đức Đề Bà thổ lộ rằng:

“Ta sẽ Phát lồ riêng chỗ khác,

Không hành Tăng sự với Chư Tăng”.

Phật dạy : Việc hung ác dễ làm,

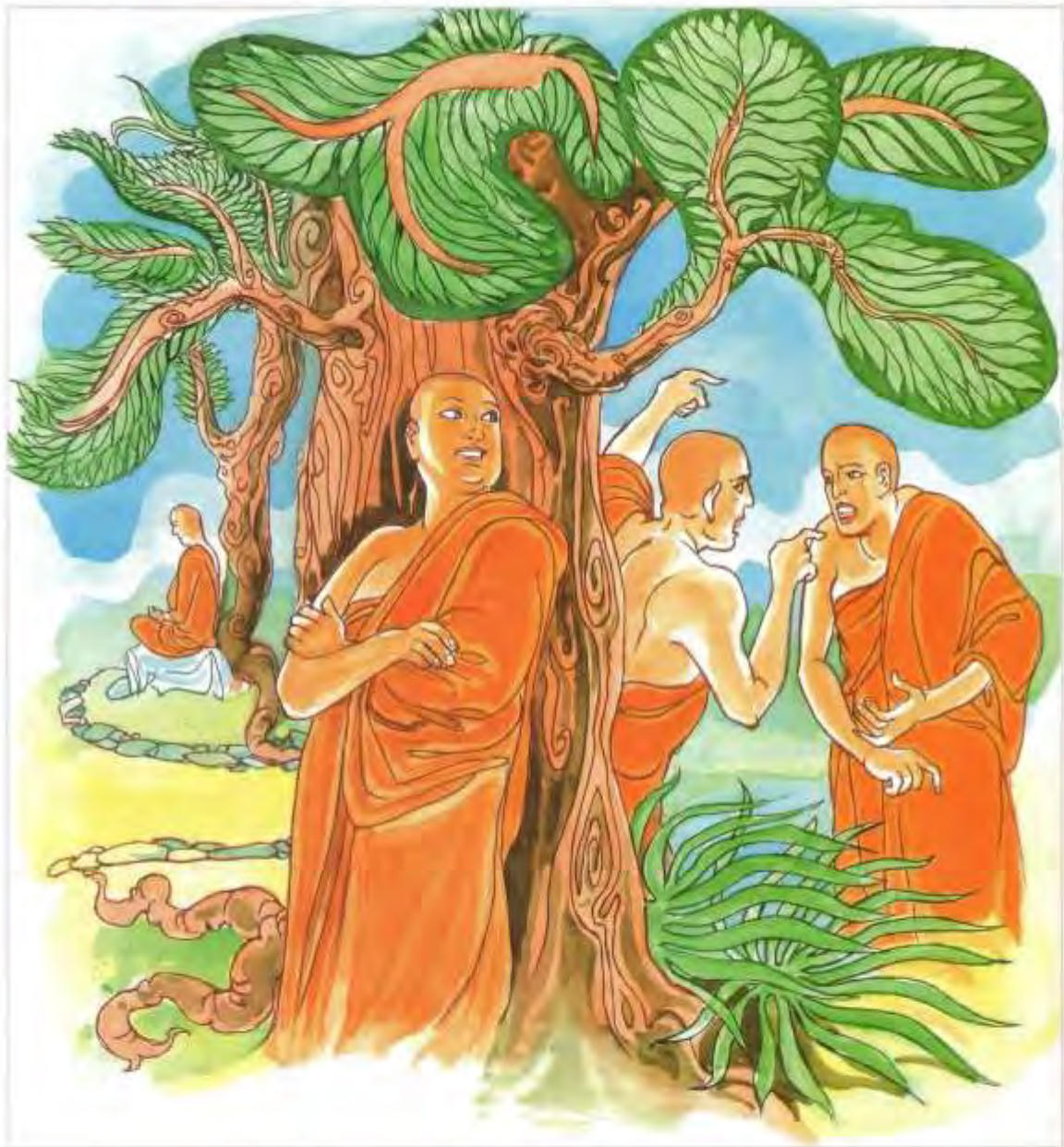
Nhưng mà bất lợi, chớ nên ham!

Việc lành, trái lại, tuy là lợi,

Nhưng khó làm nên, ít kẻ cam!

DỨT TÍCH DEVEDATTA GÂY TỘI ÁC





Calamitous, self-ruinous things are easy to do. Beneficial and worthy are most difficult to do.

163. Thật dễ tạo những ác nghiệp gây tai họa cho mình, nhưng thật khó làm những điều thiện có lợi ích đáng khen.

XII.8- Tích TRƯỞNG LÃO KA LÁ

(*Kālattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 164)

**“Yo sāsanaṃ arahataṃ,
Ariyānaṃ dhammajīvaṇaṃ;
Paṭikkosati dummedho,
Ditṭhiṃ nissāya pāpikaṃ;
Phalāni kaṇṭakasseva⁽¹⁾,
Attaghaññāya phallati”.**

**“Kẻ ngu si miệt thị,
Giáo Pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc Chánh mạng,
Chính do Ác kiến này,
Như quả loại cây lau,
Mang quả tự hoại diệt”.**

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Kāla (Ka Lá).

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattḥī (Xá Vệ) có nàng tín nữ với tâm thành tín, hộ độ cho Trưởng lão Kāla, nàng đã chu đáo trong việc phụng sự Trưởng lão như người mẹ lo lắng cho con mình.

Thân tộc của nàng thường xuyên đến tịnh xá Kỳ Viên nghe Pháp từ Bạc Đạo Sư, trở về nhà hằng tá dương: “Chư Phật thật huyền diệu thay! Giáo Pháp của Ngài thật là thậm thâm thay!”.

Nghe người nhà tán thán Pháp bảo như thế, nàng Tín nữ đã bạch với Trưởng lão Kāla rằng:

- Bạch Ngài! Tôi muốn đến tịnh xá Kỳ Viên để được nghe Pháp từ nơi Đức Thế Tôn.

- Nay Cận sự nữ! Nàng chớ nên đến nơi đó.

Sáng hôm sau, nàng Tín nữ ấy lại xin Trưởng lão lần nữa, vị ấy lại từ khước. Cả ba lần như thế, và Trưởng lão Kāla cũng ngăn cản trọn cả ba lần việc nàng Tín nữ muốn được nghe Pháp từ nơi Đức Thế Tôn.

Hỏi rằng: Tại sao vị ấy lại cản trở cô tín nữ?

Người ta đồn rằng: Vì vị ấy có suy nghĩ: “Nếu nàng ta nghe được Pháp từ Bạc Đạo Sư rồi, hẳn sẽ bỏ rơi ta”. Do vậy, ông mới cản trở cô Tín nữ ấy.

Một hôm, trong buổi sáng vào ngày Bát quan trai, độ điếm tâm và thọ giới xong, bà đi đến chùa sau khi đã dặn bảo con gái:

- Con hãy ở nhà lo việc cúng dường vật thực đến Trưởng lão cho chu đáo nhé!

Nàng đi đến tịnh xá từ mờ sáng, về phần cô con gái đã chu toàn việc mẹ dặn bảo. Trưởng lão đến nơi thọ thực tại tư gia ấy, thấy vắng bóng nàng tín nữ, nên hỏi thăm rằng:

- Mẹ của con đâu rồi?

¹ Kaṭṭhakkasseva (Theo bản Pāli của CSCD. / Dhammagiri. India).

- Bạch Ngài! Mẹ con đi đến tịnh xá Kỳ Viên nghe Pháp!

Nghe như vậy, tâm của Trưởng lão Kāla bồn chồn, lo lắng nghĩ: “Thật thế, giờ đây nàng ấy đã bỏ ta rồi!”.

Ông đi nhanh về tịnh xá, thấy nàng Cận sự nữ ấy đang ngồi trong thính chúng nghe Pháp, mới bạch với Bạc Đạo Sư rằng:

- Bạch Thế Tôn! Người nữ này rất tối trí, không hiểu được Diệu Pháp thâm sâu, xin Ngài đừng giảng thuyết về Chân đế như Uẩn, Xứ, Giới, Đế... Ngài nên nói về Bồ thí, Trì giới cho nàng ta là đủ.

Với Phật Tuệ, Đức Thế Tôn hiểu rõ thâm ý của vị ấy, Ngài phán dạy rằng:

- Thầy là người Thiếu trí, chấp theo Tà kiến quấy ác đã miệt thị Giáo pháp của Chư Phật. Như thế là thầy cố gắng tự huỷ diệt mình đó.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

“Yo sāsanaṃ arahataṃ,
Ariyānaṃ dhammajīvināṃ;
Paṭikkosati dummedho,
Ditṭhiṃ nissāya pāpikaṃ,
Phalāni kaṇṭakasseva
Attaghaññāya phallati”.

Những người Ác tuệ ngu si, vì tâm tà kiến mà vu miệt Giáo pháp A La Hán, vu miệt người hành Chánh đạo và Giáo pháp Đức Như Lai để tự mang lấy bại hoại, như giống cỏ Cách Tha, hễ sinh hoa quả xong, liền tiêu diệt⁽¹⁾.

CHÚ GIẢI

Ý nghĩa của kệ ngôn này là:

Kẻ ngu nào do sự tự tôn tự đại, chấp theo Tà kiến quấy ác, nghe ai nói: “Chúng tôi sẽ Thính pháp, hoặc chúng tôi sẽ Bồ thí” mà khinh chê, tức là kẻ ấy miệt thị Giáo Pháp của Chư Phật, miệt thị các bậc Thánh nhân và những bậc sống Chánh Mạng. Sự tà kiến của kẻ ấy giống như những trái của thứ cỏ lau có tên là Cách Tha Cách Trúc (Veḷusaṅkhatakaṭṭhaka). Hễ cỏ lau này kết quả xong là tự hoại như thế nào, thì kẻ ngu chấp theo tà kiến cũng tự hoại như thế ấy. Bởi thế, còn có kệ rằng:

“Phalaṃ ve kadaliṃ hanti,
Phalaṃ veluṃ phalaṃ naṃ;
Sakkāro kāpurisaṃ hanti,
Gabbho assaṭarim yathāti”.

“Quả thật trái chuối giết hại cây chuối, trái trúc giết cây trúc, trái lau giết cây lau, thai bào giết tài ngựa hay, cũng y như sự tự tôn giết hại kẻ đê tiện vậy”.

¹ Cách Tha Cách (Kaṭṭhaka), loại cây lau có tên là Cách Tha Cách Trúc (Veḷusaṅkhatakaṭṭhaka), hễ ra hoa kết trái rồi là chết.

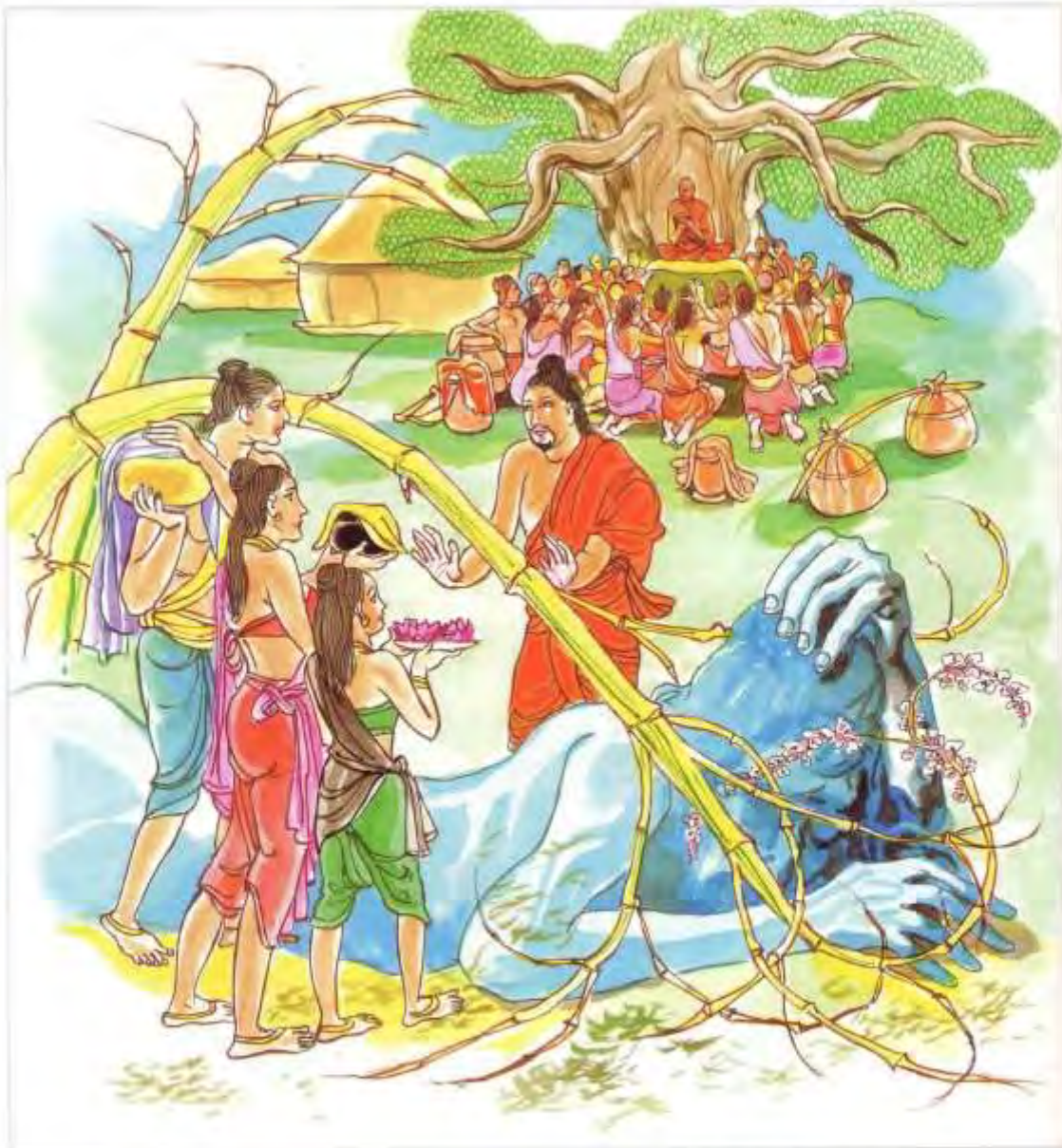
Cuối thời Pháp, bà Tín nữ đắc Tu Đà Hườn quả. Tất cả hội chúng thính pháp cũng đều được sự lợi ích.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngăn người đi thính Pháp cao siêu,
Sợ bị bỏ rơi, mất lợi nhiều,
Trưởng lão quên rằng: Chư Phật biết,
Tâm mình bỏ xén pháp và kiêu!
Phật dạy: Kẻ ngu ác tự hào,
Dám khinh miệt Pháp bậc thanh cao,
Rồi đây sẽ đến nơi tự diệt,
Như Tha Cách Trúc ở bờ ao.*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO KA LÁ





The fool's scant respect for the words of the wise invariably spells disaster for him.

164. Kẻ ngu không tôn trọng lời dạy của bậc trí tất nhiên tự gây tai họa cho mình.

XII.9- Tích THIỆN NAM TIỂU KA LÁ (Cūlakāla-upasakavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 165)

**“Attanā va kataṃ pāpaṃ,
Attanā saṃkilissati;
Attanā akataṃ pāpaṃ,
Attanā va visujjhati;
Suddhi asuddhi paccattaṃ,
Nāñño aññaṃ visodhaye”.**

***“Tự mình, điều ác làm,
Tự mình làm nhiễm ô.
Tự mình ác không làm,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình,
Không ai thanh tịnh ai!”.***

Kệ Pháp Cú này, Đức Thế Tôn thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Tịnh xá Kỳ Viên), đề cập đến Cận sự nam Cūlakāla (Tiểu Ka Lá).

Tương truyền rằng: Cận sự nam Cūlakāla là người tinh cần nghe Pháp, ông trú trong thành Sāvathī (Xá Vệ), vào ngày Trai giới, ông đến tịnh xá nghe Pháp suốt đêm, đến sáng mới trở về nhà.

Lần nọ, cũng vào ngày Trai giới, ông đến chùa nghe Pháp, trong đêm ấy có bọn cướp đào hang ngấm vào nhà một gia chủ nọ, bị gia chủ phát giác, chúng bỏ chạy tứ tán, một tên cướp chạy đến trước mặt của ông Thiện nam quăng bỏ lại gói đồ, khi ông vừa ra đến bờ hồ mức nước súc miệng rửa mặt. Câu chuyện này diễn tiến cũng giống như chuyện Mahākāla.

Những người rượt đuổi bọn cướp thấy tang vật trước mặt ông Thiện nam, nghi ngờ vị ấy là kẻ trộm, bắt lấy và đánh đập ông. Khi ấy có nhóm nữ tỳ đi đến bờ hồ mức nước, thấy được việc ấy, đã can ngăn rằng: “Ông chủ ơi, đừng đánh nữa, người này không làm việc trộm cắp như thế đâu!”.

Nhóm nữ tỳ ấy đã phân giải rõ ràng về Giới hạnh của Cūlakāla và Cận sự nam ấy được buông tha. Cūlakāla đi vào trong tịnh xá trình bày với chư Tỳ khuru về chuyện ấy:

- Bạch các Ngài! Con vừa mới bị người ta đánh gần chết, nhờ có các cô tỳ nữ ấy mà con được sống sót đây.

Chư Tỳ khuru mang câu chuyện bạch trình Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Nay các Tỳ khuru, Thiện nam Cūlakāla nhờ các nữ tỳ đội nước biện hộ và cũng do chính mình không làm tội mà được toàn mạng. Quả thật, đã gọi là chúng sanh thì phải theo cái công lệ: tự mình làm ác, tự mình nhiễm ô, rồi tự mình sa xuống ác đạo, Địa Ngục và cũng tự mình làm lành, tự mình thanh tịnh mà sanh lên nhân cảnh và giải thoát Níp Bàn.

“Attanā va kataṃ pāpaṃ,
Attanā saṃkilissati;
Attanā akataṃ pāpaṃ,
Attanā va visujjhati;

Suddhi asuddhi paccattam,
Nāñño aññaṃ visodhaye”.

Làm dữ bởi ta mà nhiễm ô cũng bởi ta, làm lành bởi ta mà thanh tịnh cũng bởi ta.

Tịnh hay bất tịnh đều bởi ta, chứ không ai có thể làm cho ai thanh tịnh được.

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Kẻ nào tự mình đã tạo nghiệp bất thiện, ắt sẽ phải thọ quả khổ trong bốn ác đạo, tự mình làm mình nhiễm ô. Còn kẻ nào tự mình đã không tạo nghiệp ác, ắt sẽ siêu sanh lên nhàn cảnh và chứng đắc Níp Bàn, tự mình thanh tịnh lấy mình. Một bên là sự thanh tịnh có tên là thiện nghiệp, một bên là sự không thanh tịnh có tên là bất thiện nghiệp, các chúng sanh tạo Nghiệp nào thì rốt cuộc sẽ phải thọ Quả của Nghiệp ấy chẳng sai, Ngoài tự kỷ ra, không có ai khác làm cho ai trong sạch được, cho nên Đức Phật đã dạy: “Không ai làm cho ai thanh tịnh, không ai làm cho ai nhiễm ô”.

Cuối thời Pháp, Thiện nam Cūlakāla quả đắc Tu Đà Hườn. Kỳ dư thính chúng đều được sự lợi ích của bài Pháp được thuyết.

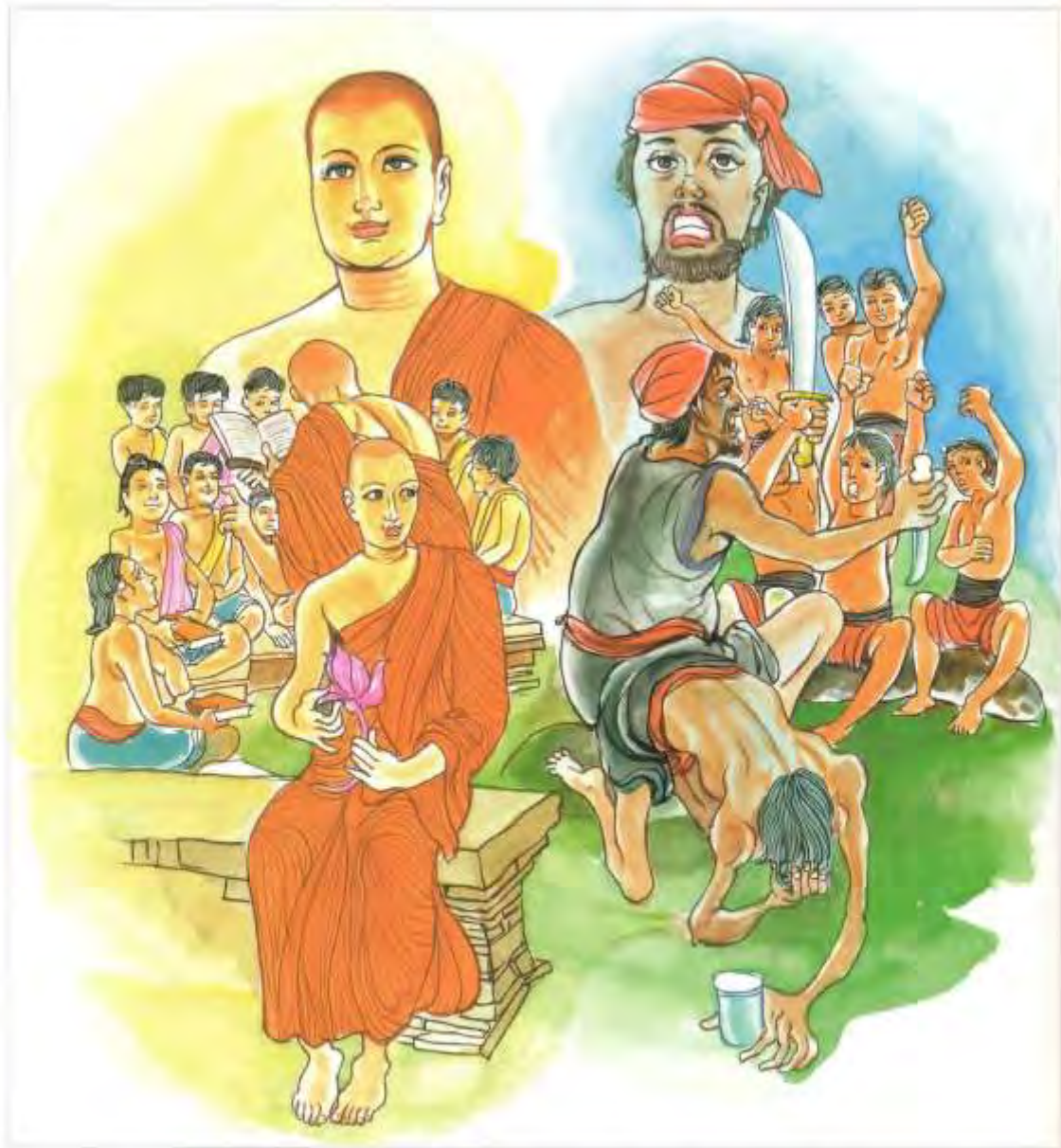


Dịch Giả Cảnh Đề

*Kẻ trộm vứt đồ bỏ chạy đi,
Thiện nam ra sớm, bị tình nghi,
Thời may, khỏi chết như ông trước,
Nhờ có lời can của nữ tỳ.
Phật dạy: Tự mình sanh nhiễm ô.
Do nơi nghiệp ác quấy hồ đồ,
Tự mình thanh tịnh, không làm ác,
Thì chẳng sa vào cảnh ác thô.*

DÚT TÍCH THIỆN NAM CŪLAKĀLA





Self-wrought evil defiles the doer. In evil undone one's truly pure. None redeems another.

165. Ác nghiệp tự tạo làm cấu uế bản thân mình. Con người thật sự thanh tịnh nhờ không tạo ác nghiệp. Không ai đền tội thay kẻ khác.

XII.10- Tích TRƯỞNG LÃO TỰ LỢI (Attadatthatheravatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 166)

**“Attadattham paratthena,
Bahunāpi na hāpaye;
Attadatthamabhiññāya,
Sadatthapasuto siyā”.**

**“Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tự lợi,
Nhờ Thắng trí tự lợi,
Hãy chuyên tâm lợi mình”.**

Kệ Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết khi ngự tại Jetavana Vihāra (Kỳ Viên Tự), đề cập đến Trưởng lão Attadattha (Tự Lợi).

Tương truyền rằng: Khi Bạc Đạo Sư nhận lời thỉnh cầu của Ma Vương, sau ba tháng nữa Ngài sẽ nhập Níp Bàn. Rồi Đức Bôn Sư cho triệu tập Chư Tăng đến và tuyên bố rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Sau ba tháng nữa, Như Lai sẽ viên tịch vậy!

Nghe tin này, bảy trăm Tỳ khuru phạm phát sanh sự kinh cảm, ngày đêm không dám rời Đức Bôn Sư. Các vị ấy bàn khoăn đi đi lại lại, thảo luận với nhau:

- Nay chư đạo hữu, chúng ta sẽ làm gì đây?

Riêng Trưởng lão Attadattha không tham gia vào việc bàn luận với chư Tỳ khuru mà nghĩ thầm: “Nghe nói còn ba tháng nữa Bạc Đạo Sư sẽ viên tịch Níp Bàn mà ta hiện nay chưa dứt trừ được tình dục, phiền não tham ái. Vậy trong thời gian Bạc Đạo Sư còn tại thế, ta sẽ tinh cần hành đạo để đắc quả A La Hán mới phải!”.

Thế nên Trưởng lão không đi đến nơi chư Tỳ khuru đang luận bàn về sự việc Đức Thế Tôn sắp viên tịch, mà tìm nơi thanh vắng để hành đạo. Chư Tỳ khuru không thấy Trưởng lão đến dự bàn như thế, bèn hỏi rằng:

- Nay đạo hữu! Vì sao đạo hữu không nhập chúng mà cũng chẳng tham gia cuộc thảo luận nào với chúng tôi cả?

Nói rồi, họ đưa Trưởng lão đến mách với Đức Bôn Sư:

- Bạch Ngài, thầy này đặc hành động như thế, như thế ...

Đức Bôn Sư hỏi Trưởng lão:

- Tại sao, thầy đã làm vậy?

Trưởng lão đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn, con nghe Ngài sắp viên tịch Đại Níp Bàn trong ba tháng tới đây, mà con thì chưa chứng đắc Giải thoát quả, cho nên con ráng Tinh tấn hành đạo để đắc quả A La Hán trong khi Ngài còn tại thế.

Sau khi khen ngợi Trưởng lão, Đức Bôn Sư dạy rằng: “Này các Tỳ khuru, thầy nào có lòng thương mến Ta thì hãy bắt chước gương của Trưởng lão Attadattha này, không phải những người dâng cúng Ta bằng lễ vật hương hoa là tôn kính Ta đâu!

Những người tôn kính Ta chính là những hành giả noi theo Chánh đạo. Bởi thế, các Tỳ khuru khác hãy nên noi gương của Trưởng lão Attadattha này”.

Nói rồi Ngài ngâm kệ rằng:

“Attadattham paratthena,
Bahunāpi na hāpaye;
Attadatthamabhiññāya,
Sadatthapasuto siyā”.

Chớ nên vì lợi ích cho kẻ khác mà quên hẳn lợi ích cho chính mình. Người biết lo lợi ích của mình mới thường chuyên tâm vào những điều ích lợi.



CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa của Kệ ngôn này là:

Là người cư sĩ tại gia, chớ nên vì sự lợi ích của kẻ khác mà lãng quên sự lợi ích của mình, mặc dù ích lợi của mình nhỏ nhen, chỉ đáng giá một đồng chĩnh, so với sự ích lợi nhiều gấp cả ngàn lần của kẻ khác. Ở đây câu nói: “Dầu sự tư lợi chỉ ít ỏi cỡ một đồng chĩnh” không ám chỉ vật thực cứng hoặc vật thực mềm mà đề cập đến kết quả của sự Hành đạo. Bởi vậy, Tỳ khuru nào đã quyết định: Ta không bỏ quên tự lợi thì dầu có công việc phát sanh đến Tăng, như việc tu bỏ Thánh pháp, hoặc việc phục vụ Thầy tổ, cũng không nên quên lãng phận sự Hành đạo để đắc Thông tuệ làm thấu rõ các Thánh quả. Bởi vậy, Tỳ khuru Attadattha này cũng là chỉ định vị Tỳ khuru nào đã quyết định bắt đầu hành Thiền Minh Sát, nguyện đắc Đạo quả ngay trong ngày nay rồi ra đi. Vị ấy nên bỏ qua các phận sự phục vụ Thầy Tổ v.v.. mà chỉ nên lo phận sự Hành đạo của chính mình. Người nào đã hiểu rõ tự lợi như thế, sau khi suy xét thấy: “Điều này ích lợi cho ta” tức là người chăm lo sự lợi ích của mình. Người ấy hãy kiên quyết chú tâm vào sự lợi ích của chính mình vậy.

Cuối thời Pháp, vị Trưởng lão đắc quả A La Hán. Chư Tỳ khuru hiện diện cũng được hưởng lợi ích của thời Pháp thuyết.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Tin Đức Bốn Sư sắp Níp Bàn
Khiến Ngài Tự Lợi phát kinh hoàng:
“Làm sao đắc quả A La Hán,
Để đáp ơn Thầy tổ nặng mang?”.
Một mình đóng cốc, quyết công phu.
Tinh tấn cầu mong Quả đặc thù.
Phật gọi Ngài ra trình mật ý,
Và khen: “Vầy mới đáng Tỳ khưu!”.
Phật dạy: Tự mình biết lợi mình,
Cần tu cho đắc Quả Vô sinh,
Cúng dường hành đạo là cao thượng,
Hơn cả suy tôn của thế tình!*

DÚT TÍCH TRƯỞNG LÃO TỰ LỢI



DÚT PHẨM TỰ NGÃ





With the highest altruism damage not one's welfare. Pursue your goal with wisdom.

166. Đừng quên phần tự lợi vì quá lợi tha đến cao độ. Hãy theo đuổi cứu cánh của mình với trí tuệ sáng suốt.

XIII. PHẨM THẾ GIAN LOKA VAGGA



- 11 bài kệ: Pháp cú 167-178

- 11 tích truyện



XIII.1- VỊ TỖ KHU'U TRỂ (*Hīnaṃ dhammamī*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 167)

**Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya,
Pamādena na saṃvase,
Micchādittṭhiṃ na seveyya
Na siyā lokavaḍḍhano”.**

**“Chớ theo pháp hạ liệt,
Chớ sống mặc, buông lung;
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng lục trần”.**

Kệ ngôn này Đức Bôn Sur thuyết khi ngự tại Jetavana, nhân đề cập đến vị Tỳ khuru trẻ.

Tương truyền rằng: Có vị Trưởng lão cùng với vị Tỳ khuru trẻ thường đến nhà của Đại tín nữ Visākhā để thọ thực từ sáng sớm.

Nàng Visākhā hằng cúng dường cháo đến 500 vị Tỳ khuru, khi Trưởng lão cùng với vị Tỳ khuru trẻ dùng cháo xong, Ngài để vị ấy ở lại, còn mình thì đến nhà một gia chủ khác.

Bây giờ, cháu nội của bà Visākhā là người phục vụ chur Tăng, dâng nước lên chur Tăng. Cô cháu gái ấy đang lọc nước để dâng đến vị Tỳ khuru trẻ, thấy gương mặt mình trong nước nên mỉm cười, vị Tỳ khuru trẻ thấy nàng mỉm cười, ngỡ nàng ta mỉm cười với mình, vị ấy cũng mỉm cười đáp trả. Thấy thế, nàng ta nói rằng:

- Người đứt đầu hay cười.

Cho rằng nàng miệt thị mình, vị Tỳ khuru trẻ tức giận mắng nàng:

- Người cũng là kẻ đứt đầu, ngay đến cha mẹ người cũng là kẻ đứt đầu.

Cô ấy than khóc, đi mách với bà Visākhā, bà Visākhā hỏi rằng:

- Này con, việc chi mà khiến con sầu não như thế?

- Thừa nội! Vị Tỳ khuru ấy đã mắng con.

Nàng thuật lại câu chuyện cho bà Visākhā nghe. Bà Visākhā đi đến bạch với vị Tỳ khuru ấy rằng:

- Xin Ngài chớ nên giận, câu nói ấy chẳng phải là câu nói xúc phạm đến Ngài đâu. Vì rằng: Ngài là người có râu tóc đã cạo bỏ, có móng tay móng chân đứt, có y

phục khác với y phục của thế tục, Ngài là người cắt đứt đời sống tại gia rồi, sống giữa hội chúng đi khát thực để nuôi mạng.

- Thật vậy, này cận sự nữ, cô là người biết tôi có râu tóc cạo bỏ... nhưng cháu của cô đâu hiểu điều đó, cô ấy đã mắng tôi là “*người đứt đầu*”, như thế có nên chăng?

Bà Visākhā không thể giảng hoà giữa cháu nội mình và vị Tỳ khuru trẻ ấy. Khi ấy, vị Trưởng lão trở lại, nghe câu chuyện cãi lầy như thế, hỏi rằng: “*Này cận sự nữ, việc gì thế?*”.

Được nghe lại mọi chuyện, vị Trưởng lão bảo vị Tỳ khuru trẻ rằng:

- Này Hiền giả! Ông hãy nhẫn nại đi, nữ nhân này không có mắng ông đâu, vì ông là người đã cạo bỏ râu tóc... nên nàng gọi ông là người đứt đầu thôi. Ông nên hiểu như thế đi.

- Đúng vậy, bạch Ngài! Nhưng Ngài hãy rầy la cô ấy đi, sao Ngài lại la rầy tôi. Nàng ấy nói tôi là kẻ đứt đầu như thế có nên chăng?

Thế là, câu chuyện hoà giải cũng không thành. Kế đến, Bạc Đạo Sư ngự đến tư gia của bà Visākhā, Ngài phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Việc gì thế?

Bà Visākhā bạch lại câu chuyện ấy. Bạc Đạo Sư quán thấy duyên lành Thánh Quả của vị Tỳ khuru trẻ. Ngài suy nghĩ “*Ta nên chuẩn y cho y, khiến y bình tâm lại là việc tốt nhất*”. Suy nghĩ như thế Ngài phán dạy rằng:

- Này Visākhā! Cháu của người nói đệ tử của Như Lai là người đứt đầu, như thế có xứng đáng chăng? Tuy là nói với ý nghĩa cạo bỏ râu tóc... nhưng cũng chẳng nên nói như thế.

Nghe vậy, vị Tỳ khuru trẻ đứng dậy, chấp tay đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài thông suốt mọi vấn đề, còn vị Trưởng lão Tế Độ Sư của con cùng nàng Visākhā lại không thông suốt.

Đức Thế Tôn biết tâm vị Tỳ khuru trẻ đã dịu lại rồi, cuộc tranh chấp trong tâm của vị ấy không còn, Ngài lại phán dạy rằng:

- Này Tỳ khuru! Sự cười hướng về dục lạc là pháp hạ liệt. Hơn nữa thọ dụng pháp hạ liệt và sống với sự dễ duôi là điều không nên vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Hīnaṃ dhammaṃ na seveyya,
Pamādena na saṃvase;
Micchādīṭṭhiṃ na seveyya,
Na siyā lokavaḍḍhano*”.

“*Chớ theo pháp hạ liệt,
Chớ sống mặc, buông lung;
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần*”.

Không nên phục dịch mục tiêu bản tiện. Không nên sống buông lung phóng dật.
Không nên ôm ấp tà kiến. Không nên nâng đỡ thế gian.



CHÚ GIẢI:

Hīnaṃ dhammaṃ: Nghĩa là Pháp hạ liệt, tức là ngũ dục. Thật vậy ngũ dục ấy, dù là chúng sanh hạ liệt như trâu, bò, lạc đà... cũng thọ dụng. Ngũ dục hằng đưa chúng sanh rơi vào khổ cảnh như địa ngục... Vì vậy ngũ dục gọi là pháp hạ liệt.

Pamādena: Nghĩa là không nên sống với sự dễ dãi, có tướng là thất niệm.

Na saṃvase: Tức là không nên ôm ấp tri kiến sai lầm.

Lokavaḍḍhano: Nghĩa là người nào hành như vậy, người ấy gọi là người ô nhiễm ở đời. Do đó (không) nên là người ô nhiễm ở đời, do không hành như vậy.

Dứt kệ ngôn, vị Tỳ khuru trẻ chứng đạt Dự Lưu Quả.



Dịch Giả Cảnh Đề

*Đứt râu, đứt tóc, khác nhau xa,
Tín nữ nhập chung để giảng hoà,
Sư trẻ còn hăng, đâu chịu kém,
Thời may Phật đến, mở oan gia.
Phật dạy: Đã là bậc Tỳ kheo,
Ngũ trần dục lạc chớ đưa theo,
Cười vui thấp thỏi, đừng mê mãi
Tà kiến nhiều khi rất hiểm nghèo.*

DỨT TÍCH VỊ TỖ KHEO TRẺ





No depraved vision, no heedlessness, and no low pursuits for worldly gains.

**167. Đừng khởi tà kiến điên đảo, đừng sống buông lung phóng dật
và đừng theo đuổi tìm kiếm những lạc thú thế gian hạ liệt.**

XIII.2- ĐỨC VUA SUDDHODANA

(Uttitthe nappamajjeyyāti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 168-169)

168. Uttitthe nappamajjeyya,
Dhammaṃ sucariṭaṃ care;
Dhammacārī sukhaṃ seti,
Asmiṃ loke paramhi ca”.

*“Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau”.*

169. Dhammaṃ care sucariṭaṃ,
Na taṃ ducariṭaṃ care;
Dhammacārī sukhaṃ seti,
Asmiṃ loke paramhi ca”.

*“Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau”.*

Kệ Pháp Cú này Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự về thành Kapilavatthu, trú trong Tịnh xá Nigrodha, đề cập về Đức vua Suddhodana.

Tương truyền rằng: Sau khi thành đạo, chứng đạt quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Bậc Đạo Sư ngự về kinh thành Kapilavatthu lần đầu để tế độ quyến thuộc, gia quyến đã tiếp đãi Ngài trọng hậu, cúng dường đến Đức Phật và chư Thánh Tăng Tịnh xá Nigrodha.

Trong buổi tiếp đón ấy, Ngài thị hiện thần thông, đi kinh hành trên hư không và thuyết pháp thoại để diệt lòng ngã mạn thái quá của dòng Sakya. Các thân quyến của Ngài ngay cả Đức vua Suddhodana cũng đánh lễ Ngài. Một trận mưa màu đỏ rơi xuống trong buổi trùng phùng ấy, người nào muốn ướt thì ướt, ai không muốn thì sẽ không có giọt mưa nào chạm vào mình.

Thế rồi, gia tộc Sakya bàn luận về điều kỳ diệu của trận mưa ấy, Bậc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Chẳng phải chỉ trong kiếp này đây, này các Tỳ khuru! Trong quá khứ mưa cũng rơi xuống khi gia tộc Như Lai được đoàn viên rồi.

Đại Đức Sāriputta và Đại Đức Moggallāna thỉnh cầu Đức Thế Tôn thuyết giảng Bôn sự, Ngài thuyết giảng Bôn sanh Vessantara. Thân quyến của Ngài, sau khi nghe xong Pháp thoại, hoan hỷ ra về không một ai nghĩ đến việc thỉnh Ngài cùng chư Tăng vào ngày mai. Ngay cả Đức vua Suddhodana cũng không nghĩ đến, vì Đức vua nghĩ rằng:

- Con của ta còn phải đến đâu ngoài Hoàng Cung nữa chứ. Thân tộc của Ngài cũng cùng chung một ý nghĩ ấy, nên ra về. Đức vua về đến Hoàng Cung, cho người sắp đặt vật thực thượng vị như cháo cơm... để dâng đến Đức Thế Tôn cùng hai muôn Tăng chúng, sửa soạn nơi ngồi cho Tăng chúng nơi Hoàng Cung.

Vào buổi sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn vận mặc y phục, tay cầm y bát, đi vào thành Kapilavatthu khát thực, theo sau Ngài là hai muôn Tăng chúng. Đức Thế Tôn dùng Phật Tuệ quán xét rằng: Chư Phật quá khứ khi về đến thân tộc, có đi khát thực

ngay nhà thân tộc hay chẳng? Hay là đi khát thực theo tuần tự? Ngài thấy rằng: Chư Phật quá khứ khát thực theo tuần tự thứ lớp.

Thế là, Đức Thế Tôn ngự đến căn nhà đầu tiên. Dân thành náo động hẳn lên với tin rằng: Thái Tử Siddhattha đi ăn xin. Các cung nữ được tin này liền trình lên Hoàng Hậu Yasodharā là mẹ của Thái Tử Rāhula, nàng Yasodharā nghe tin sét đánh ấy vội báo lại cho vua Suddhodana biết. Đức vua hồi hải chạy ra cổng Hoàng Cung, đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Con ơi! Vì sao con lại làm cho cha mất mặt như thế. Con đi khát thực như vậy đã làm tổn hại đến cha vô cùng, con không nên làm như thế. Con hãy ngự trên kiệu vàng đi tuần du Hoàng thành mới thích hơn. Nay Thái Tử con! Vì sao con làm cha mất mặt như thế?

- Nay Đại Vương! Như Lai không có làm Ngài mất mặt đâu, Như Lai đang hành theo phận sự của dòng dõi mình.

- Nay con, sự đi khát thực sống là dòng dõi của Sát Đế Ly sao?

- Nay Đại Vương! Việc làm ấy không thuộc về dòng Vua như Ngài nhưng lại thuộc về dòng dõi của Như Lai, dòng dõi Như Lai là dòng Phật. Chư Phật quá khứ hằng nuôi mạng bằng cách đi khát thực.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

168. Uttiṭṭhe nappamajjeyya,
Dhammaṃ sucariṭaṃ care;
Dhammacārī sukhaṃ seti,
Asmiṃ loke paramhi ca”.

“*Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau*”.

169. Dhammaṃ care sucariṭaṃ,
Na taṃ ducariṭaṃ care;
Dhammacārī sukhaṃ seti,
Asmiṃ loke paramhi ca”.

“*Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau*”.

168. Không nên dễ dãi phóng dật khi đứng (trì bình trước cửa người ta). Hãy trang nghiêm hành chánh hạnh (ấy). Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ được an vui ở thế gian này và trong thế gian sắp tới.

169. Hãy trang nghiêm hành chánh hạnh ấy. Không dễ dãi phóng dật. Người hành chánh hạnh ấy trang nghiêm sẽ sống an vui, ở thế gian này và trong thế gian sắp đến.

CHÚ GIẢI:

Uttiṭṭhe: Nghĩa là với miếng cơm mà mình đứng nhận trước cửa nhà người khác.

Nappamajjeyya: Nghĩa là khi vị Tỳ khuru bỏ phong tục của hạnh khát thực, lại đi tầm cầu vật thực thượng vị, gọi là người có sự dễ dãi trong vật thực mà mình đứng nhận. Nhưng nếu đi khát thực theo tuần tự thứ lớp thì gọi là không có sự dễ dãi. Hành như thế được gọi là không dễ dãi với vật thực mà mình đón nhận.

Dhammaṃ: Nghĩa là khi bỏ sự tìm kiếm bất chánh rồi, đi khát thực tuần tự, gọi là thực hành Pháp, tức là sự khát thực nuôi mạng là chánh hạnh.

Sukham seti: Chỉ sự thuyết giảng rằng khi thực hành khất thực Pháp, được gọi là thường thực hành Pháp trong bốn oai nghi, sẽ được an lạc trong đời này lẫn đời sau.

Na nam duccaritam: Nghĩa là khi đi đến nơi phi chánh đạo như lầu xanh... gọi là hành pháp (khất thực) tà hạnh. Chớ nên hành như thế, hãy thực hành chánh hạnh, không hành tà pháp.

Dứt kệ ngôn, Đức vua Suddhodana chứng Quả Dự Lưu.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Đức Phật trì bình phía ngoại thành,
Theo gương chư Phật vẫn thường hành,
Phụ vương Ngài thấy không hoan hỷ,
Bởi chấp: Ta dòng Vua chúa sanh.
Phá chấp theo tà kiến thế gian,
Độ vua đấng quả Tu đà hoàn,
Phật bèn đứng thuyết hai bài kệ
Khen pháp trì bình, chánh hạnh toàn.*

DỨT TÍCH ĐỨC VUA SUDDHODANA





Diligently active, live the Dhamma to perfection. Such life gives happiness here and hereafter.

168. Nỗ lực tinh cần sống theo chánh pháp để đạt hoàn thiện. Cuộc sống như vậy đem hạnh phúc đời này và đời sau.



Live dhamma to perfection, not half-heartedly. Dhamma-life ensures happiness everywhere.

**169. Hãy sống theo chánh pháp đến mức hoàn thiện, chớ phóng dật
buông lung. nếp sống đạo hạnh bảo đảm hạnh phúc đời đời.**

XIII.3- CHƯ TỖ KHƯU TU THIÊN QUÁN

(*Yathā pubbulaṅkaṃ passeti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 170)

“Yathā bubbuḷakaṃ passe,
Yathā passe marīcikaṃ ;
Evaṃ lokaṃ avekkhantaṃ,
Maccurāḷā na passati”.

“*Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!*
*Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp*”.

Kệ Pháp Cú này Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến 500 vị Tỳ khuru tu quán.

Tương truyền rằng: Có 500 vị Tỳ khuru học đề mục nghiệp xứ nơi Đức Thế Tôn được thành thạo phương cách hành để chứng đạt A La Hán. Chư Tỳ khuru ấy đến đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi ra đi tìm trú xứ thanh vắng hành Sa môn Pháp. Trải qua thời gian dài, các vị ấy chẳng chứng đạt được chi, bàn luận cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy trở về học đề mục nghiệp xứ khác.

Cả 500 vị Tỳ khuru cùng nhau trở lại thành Sāvattihī, đến Tịnh xá Jetavana để yết kiến Bậc Đạo Sư. Trên đường về, chư Tỳ khuru bị một trận mưa lớn, cùng nhau vào ẩn trú trong hang động, nhìn ra ngoài trời thấy những bong bóng nước nổi rồi tan, trước đó chư vị còn trông thấy những ảo ảnh, nay lại thấy bọt nước hiển hiện. Cả 500 vị lấy đề mục này mà quán niệm rằng: “*Thân này cũng giống như bọt nước kia, bởi vì có trạng thái sanh diệt nhanh chóng như thế*”.

Bậc Đạo Sư ngồi nơi Hương Thất, với tâm mình Ngài biết rõ sự suy tư của chư Tỳ khuru ấy, Ngài phóng hào quang từ Hương Thất đến các vị ấy, như hiện ra trước mắt, thuyết lên kệ ngôn rằng:

170. Như ta nhìn bọt nước. Như ta nhìn ảo ảnh. Nếu người kia nhìn thế gian này như vậy, Tử Thần không còn thấy người ấy nữa.

“Yathā bubbuḷakaṃ passe,
Yathā passe marīcikaṃ ;
Evaṃ lokaṃ avekkhantaṃ,
Maccurāḷā na passati”.

“*Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!*
*Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp*”.



CHÚ GIẢI:

Marīcikaṃ: tức ảo ảnh. Thật vậy, ảo ảnh hiện lên từ xa có thể có hình dáng như căn nhà... là vật không có hình thể, là vật rỗng không (thường xuất hiện) đối với người đến gần. Vì thế, có lời giải rằng: Tử thần không thể thấy được người hằng quán xét ở đời như uẩn... Ví như người nhìn thấy bọt nước, bởi do ý nghĩa sanh rồi diệt (và) vì như người nhìn thấy ảo ảnh, do nó là pháp tự nhiên rỗng không như vậy.

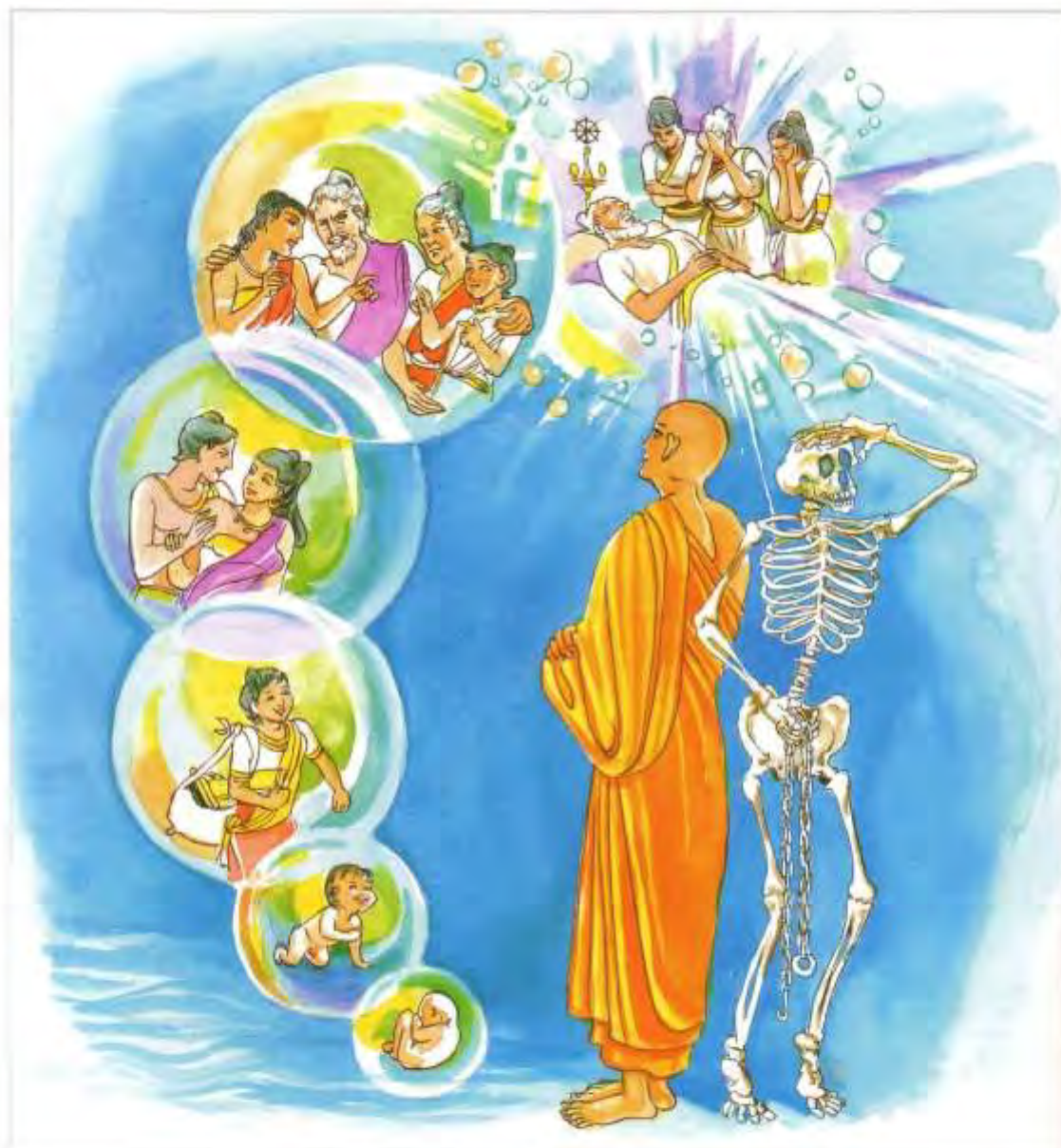
Dứt kệ ngôn, cả 500 vị Tỳ khuru chứng đạt A La Hán Quả tại chính nơi mình đứng.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Vào rừng hành chắng đắc vô sanh
Tăng lữ quay về hỏi Phật rành.
Trưa nắng theo đường nhìn ảo ảnh,
Đến chùa, mưa đổ, quán phù sanh.
Phóng quang, Phật dạy: Bọt trôi sông
Xét với thân này thể cũng đồng,
Chợ bể, lâu sò, toàn ảo mộng,
Tử thân, bậc trí, quán như không.*

DỨT TÍCH CHỮ TỶ KHUÛU TU THIỀN QUÁN





With correct vision of life one slips out of Death's grip.

170. Với tri kiến chân chánh về cuộc sống, ta vượt khỏi nhà vuốt Tử Thần.

XIII.4- HOÀNG TỬ ABHAYA

(Etha passath'imam lokanti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 171)

**“Etha passathimam lokam,
Cittam rājarathūpamam;
Yattha bālā visīdanti,
Natthi saṅgo vijānatam”.**

***“Hãy đến nhìn đời này,
Như xe Vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say”.***

Kệ Pháp Cú này Ngài thuyết ra khi ngự tại Valuvana, gần thành Rājagaha, đề cập đến Hoàng Tử Abhaya.

Tương truyền rằng: Hoàng Tử Abhaya vâng lệnh Phụ vương ra biên cương dẹp loạn, Ngài chiến thắng được giặc, ca khúc khải hoàn hồi triều ca. Đức vua Bimbisāra vô cùng đẹp dạ, ban thưởng cho chàng được trị ngôi trong 7 ngày, ngoài ra còn ban cho Vương Tử một nàng mỹ nữ tuyệt sắc, với tài vũ điệu luyện.

Hoàng Tử Abhaya thọ hưởng Vương Vị trọn bảy ngày, không hề rời Cung Vị mà ra ngoài. Đến ngày thứ tám, chàng mới ra sông tắm, khi đi chàng mang theo cô vũ nữ xinh đẹp ấy. Tắm xong, Hoàng Tử cùng với tùy tùng và nàng vũ nữ đến vườn Thượng Uyển ngoạn cảnh và nghỉ ngơi tại nơi đó. Nàng vũ nữ đang biểu diễn nghệ thuật múa hát của mình cho Vương Tử ngự lãm, chẳng may một ngọn độc phong xâm nhập vào thân nàng, khiến nàng mệnh chung trong nháy mắt, cũng giống như nàng vụ nữ của Đại Thần Santati, ngọn độc phong bén như lưỡi dao nhỏ, cắt đứt trái tim của nàng. Hoàng Tử Abhaya vô cùng sầu não, tiếc thương nàng vũ nữ với vẻ đẹp diễm lệ của nàng. Lòng Vương Tử ảo não, chàng suy nghĩ rằng:

- Ngoài Bạc Đạo Sư ra, không ai có thể làm cho ta hết sầu khổ được.

Chàng đi vào tịnh xá Veluvana, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi ngồi vào nơi phải lẽ. Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Nay Vương Tử! Vì sao ngươi lại sầu não như thế?

- Bạch Thế Tôn! Con sầu não bởi tiếc thương nàng vũ nữ diễm lệ đã chết đi.

- Nay Vương Tử! Nước mắt mà ngươi khóc cho nàng ấy khi nàng ấy chết đi, nếu gom lại còn nhiều hơn cả nước trong bốn đại dương. Nhưng nào ngươi có thấu được đâu.

Nghe như vậy, Hoàng Tử dịu bớt cơn sầu não, biết được tâm chàng với sầu khổ, Đức Thế Tôn phán dạy tiếp rằng:

- Nay Hoàng Tử! Ngươi chớ nên sầu khổ nữa, vì đó là nơi sa đọa của ngu nhân.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

171. Đến đây, hãy nhìn thế gian này, như chiếc Long xa trang hoàng lộng lẫy. Kẻ cuồng dại lặn hụp trong thế gian ấy, nhưng người thiện trí thì không luyến ái.

“Etha passathimaṃ lokam,
Cittam rājarathūpamaṃ;
Yattha bālā visīdanti,
Natthi saṅgo vijānataṃ”.

“Hãy đến nhìn đời này,
Như xe Vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say”.



CHÚ GIẢI:

Etha passatha: Nghĩa là Đức Thế Tôn chỉ vị Hoàng Tử Abhaya.

Imaṃ lokam: Nghĩa là xác thân tức là uẩn thể gian.

Cittam: Nghĩa là trang điểm lộng lẫy với vải, ngọc... ví như chiếc Long xa được trang hoàng với 7 loại ngọc.

Yattha bālā: Nghĩa là chỉ có những kẻ ngu dính mắc trong xác thân.

Vijānataṃ: Nghĩa là đối với người trí hiểu biết, tức là các bậc trí không bị dính mắc vào các phiền não, vật trói buộc như ái... dù chỉ trong xác thân này cũng không hề có.

Dứt thời Pháp, Hoàng Tử Abhaya chứng đạt Dự Lưu Quả, pháp thoại mang lại lợi ích cho thính chúng như thế.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Hoàng tử được Vua thương bảy ngày,
Tha hồ ngũ dục hưởng vui say!
Bất ngờ vũ nữ nhào lặn chết,
Hoàng tử sầu bi, kiếm Phật ngay!
Phật dạy: Về nàng vũ nữ kia,
Đau lòng từ biệt với sanh là,
Hoàng nam đã đổ hăng sa lệ
Trong cõi luân hồi mãi đoạn chia!
Kẻ trí khi nhìn cảnh thế gian,
Như xe Vua lộng lẫy muôn vàn
Cũng không thấy bận lòng lo nghĩ
Chỉ có người ngu mới tiếc than.*

DÚT TÍCH HOÀNG TỬ ABHAYA





The world looks a gaily decked royal chariot. But the wise sink not therein.

**171. Đời thế tục trông giống chiếc xe vua được trang hoàng rực rỡ.
Nhưng bậc trí không chìm đắm vào đó.**

XIII.5- TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA

(Yo ca pubbe pamajjitvā)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 172)

**“Yo ca pubbe pamajjitvā,
Pacchā so nappamajjati;
Somam lokam pabhāseti,
Abbhā muttova candimā”.**

**“Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phón dật,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che”.**

Đức Thế Tôn khi ngự tại Jetavana, đề cập đến Trưởng lão Sammajjana, tuyên thuyết kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Trưởng lão Sammajjana là người không phân biệt thời, bất cứ lúc nào vị ấy cũng cầm chổi quét rác cỏ ở khắp tịnh xá, bất kể là sáng hay chiều.

Một hôm, Trưởng lão đi đến Tịnh thất của Đại Đức Revata để quét dọn, thấy Đại Đức đang ngồi nơi chỗ ban ngày yên lặng, Trưởng lão Sammajjana nói rằng:

- Vị Trưởng lão này lười biếng quá, dùng vật thực của tín thí gia xong, đến đây ngồi yên, chỉ cầm chổi quét một chút cũng không thấy.

Nghe thế Trưởng lão Revata suy nghĩ:

- Ta nên giáo giới vị này vậy.

Ngài nói với Trưởng lão Sammajjana rằng:

- Hãy đến đây, hỏi Hiền giả.

- Bạch Ngài, có chuyện chi vậy?

- Hiền giả hãy đi tắm đi rồi đến đây.

Sau khi Trưởng lão Sammajjana tắm xong, đi đến Trưởng lão Revata, Ngài bảo vị ấy ngồi sang một bên, dạy rằng:

- Nay Hiền giả! Lẽ thường vị Tỳ khuru cứ cầm chổi quét suốt cả ngày là điều không hợp lẽ. Tỳ khuru chỉ nên quét dọn vào buổi sáng xong, đi khát thực. Khi về đến tịnh xá, ngồi vào chỗ ban ngày hay chỗ ban đêm, để tâm quán xét về 32 thể trước, để thấy được sự sanh diệt của thân này. Vào buổi chiều quét dọn tịnh xá, đó là hợp lẽ. Tỳ khuru chớ nên quét suốt cả ngày, hãy dành thời gian tạo lợi ích cho mình vậy.

Trưởng lão Sammajjana vâng theo lời giáo hoá của Trưởng lão Revata, chẳng bao lâu Ngài chứng đắc A La Hán Quả. Và trong tịnh xá có nhiều chỗ rác đã ứ đọng, bây giờ chư Tỳ khuru nói với Trưởng lão Sammajjana rằng:

- Nay hiền giả Sammajjana! Các chỗ đã ứ đọng đầy rác, vì sao hiền giả không quét?

- Thưa chư Hiền! Trước đây tôi đã quét rác trong lúc dễ duôi, nhưng bây giờ tôi không còn dễ duôi quét rác nữa.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng lão Sammajjana khoe đạo giả cao nhân, tuyên bố mình là vị Thánh Vô Lậu, nên trình lên Đức Thế Tôn về câu chuyện đó và bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vị Tỳ khưu này nói sai sự thật, vị ấy nói không đúng theo sự thật.

- Nay các Tỳ khưu! Thật vậy, trước kia con Như Lai đã cầm chổi quét trong lúc dễ duôi. Nhưng bây giờ đây con Như Lai không còn làm như thế nữa, đã đình chỉ, sống an lạc phát sanh từ Đạo Quả.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

172. Người trước kia phóng dật, về sau chuyên cần tu niệm. Người như thế rọi sáng thế gian như vàng trắng thoát ra khỏi đám mây mờ.

“Yo ca pubbe pamajjitvā,
Pacchā so nappamajjati;
Somaṃ lokam pabhāseti,
Abbhā muttova candimā”.

“Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rọi đời này,
Như trăng thoát mây che”.



CHÚ GIẢI:

Bậc trí nên hiểu ý nghĩa của câu kệ ngôn này như sau:

Người trước kia có sự dễ duôi bằng các phận sự làm đi làm lại, hoặc tụng đọc... về sau đình chỉ những việc làm đó, sống an lạc phát sanh từ Đạo Quả, gọi là người không muốn dễ duôi. Người ấy thường rọi sáng trong thế gian này như uẩn... tức là làm cho sáng chói thuần chất với trí đạo, ví như vàng trắng thoát khỏi mây mờ... là cơ hội giúp cho thế gian được sáng chói như thế.

Dứt kệ ngôn, nhiều người chứng đạt Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Đại Đức quét này thật xứng danh:
Tối ngày cầm chổi quét loanh quanh!
Chê Ngài lậu tận ta lười biếng,
Ngồi mãi, làm sao đạo quả thành?
Cũng may, Đại Đức Ly Bà Đa,
Biết có duyên lành, mới nhắc qua,
Nhờ đó hành thân, sau đắc quả,
Chùa dơ, mặc kệ, chẳng lo ra!
Tăng hỏi: Sư không quét nữa đi!
Sư rằng: Nay đã hết ngu si,
Nên không thích quét như hồi trước!
Tăng hỏi Phật Đà để phá nghi,
Phật dạy: Con Ta trước dễ duôi,
Bây giờ tinh tấn, hết buông xuôi,
Như trăng thoát khỏi vầng mây ám
Soi sáng nhân gian, ánh rạng ngời!*

DỨT TÍCH TRƯỞNG LÃO SAMMAJJANA





Mistakes corrected makes one to shine like the moon beaming out of a bank of clouds.

**172. Biết sửa chữa lỗi lầm khiến cho họ tỏa sáng như mặt trăng
ngồi tỏ nhờ thoát khỏi đám mây.**

XIII.6- TRƯỞNG LÃO ANGULIMĀLA

(*Yassa pāpaṃ kataṃ kammanti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 173)

“Yassa pāpaṃ kataṃ,
Kammaṃ kusalena pithīyati;
Somam lokam pabhāseti,
Abbhā muttova candimā”.

“*Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che*”.

Đức Thế Tôn khi trú tại Jetavana, đề cập đến Ngài Angulimāla, thuyết lên kệ ngôn này.

Bậc trí nên hiểu theo bài Kinh Angulimāla. Khi Trưởng lão xuất gia trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn, Ngài đã chuyên hành đạo, chẳng bao lâu chứng đạt quả vị A La Hán. Và khi ấy, Trưởng lão thường tịnh cư, sống an hưởng hạnh phúc giải thoát, Ngài thốt lên cảm hứng ngữ trong khi ấy rằng:

- Người nào trước kia đã dễ duôi, về sau không dễ duôi, người ấy thường rọi sáng thế gian, ví như vàng trắng thoát khỏi áng mây mờ vậy.

Sau khi thốt lên kệ hoan hỷ về sự cảm hứng xong, Ngài viên tịch Níp Bàn. Bây giờ, chư Tỳ khuru cùng nhau bàn luận nơi Giảng đường:

- Nay chư Hiền! Trưởng lão Angulimāla sẽ tái sanh về cảnh giới nào nhi?

Với Thiên nhĩ thuận tịnh siêu nhân, Bậc Đạo Sư nghe được lời bàn luận của chư Tỳ khuru, Ngài nghĩ rằng:

- Đây là thời hợp lẽ, Như Lai sẽ đoạn nghi cho Tăng chúng.

Từ nơi Hương thất, Ngài ngự ra Giảng đường. Ngồi vào nơi được soạn sẵn, phán hỏi rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Bây giờ các người đang bàn luận về việc gì?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy...

- Nay chư Tỳ khuru! Con của Như Lai đã viên tịch Níp Bàn rồi, không còn phải tái sanh vào cảnh giới nào nữa.

- Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Angulimāla giết người nhiều như thế mà được Níp Bàn sao?

- Nay các Tỳ khuru! Thật vậy, vì Angulimāla trước kia chẳng có ai là bạn lành cả, nên mới tạo nhiều ác nghiệp như thế, nhưng về sau vị ấy được thiện bạn hữu, đó là nhân khiến cho vị ấy không có sự dễ duôi. Vì thế con Như Lai đã có tạo thiện hạnh để ngăn chặn ác nghiệp xưa.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn:

“Yassa pāpaṃ kataṃ,
Kammaṃ kusalena pithīyati;

“*Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,*

Somaṃ lokama pabhāseti,
Abbhā muttova candimā”.

*Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che”.*

173. Người có hành động lành để che nghiệp xấu, người ấy rọi sáng thế gian như vàng trắng lộ dạng, thoát ra khỏi đám mây mờ.



CHÚ GIẢI:

Trong ý nghĩa kệ ngôn này, Kusalena Bạc Đạo Sư ám chỉ cho A La Hán đạo. Những câu còn lại có ý nghĩa như kệ ngôn 172.



Dịch Giả Cảnh Đề

*Tướng cướp giết người cả số trăm,
Tu rồi, đắc đạo quả cao thâm,
Lâm chung nhập Niết Bàn vô tướng
Tặng chúng hoài nghi hỏi, sợ lâm!
Phật dạy: Trước kia thiếu bạn lành,
Nên thấy tà kiến hại quần sanh
Sau nhờ bạn tốt, thầy soi thế,
Như ánh trăng rằm giữa khoảng xanh.*

DỨT TÍCH TRƯỜNG LÃO ANGULIMĀLA





Who so by the power of one's virtues reduces one's evil done, he beams like the moon...

173. Người nào dùng các phước nghiệp xóa dần các ác nghiệp đã tạo sẽ tỏa sáng như mặt trăng.

XIII.7- CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT

(*Andhabhūto ayam lokoti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 174)

“*Andhabhūto ayam loko,
Tanukettha vipassati;
Sakuṇo jālamuttova,
Appo saggāya gacchati*”.

“*Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng,
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới*”.

Kệ ngôn này được Đức BỔN SƯ thuyết ra khi Ngài ngự tại tháp Aggalava, đề cập đến thiếu nữ con gái người thợ dệt...

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Đức Thế Tôn du hành đến xứ Ālavī, thị dân Ālavī đã cúng dường đến chư Tăng có Đức Phật là vị Thượng thủ. Khi thợ thực xong, Đức Thế Tôn đã tùy hỷ phước với pháp thoại rằng:

- Nay các cận sự! Các người nên tu tập về tùy niệm sự chết như vậy: “Đời sống của ta không tồn tại, sự chết chắc chắn sẽ đến với ta. Ta chắc chắn phải chết, đời sống của ta có sự chết là lẽ thường hằng”. Người không tu tập niệm sự chết, khi lâm chung thường thường giật mình kinh sợ, than khóc kinh hoàng, ví như người trông thấy rắn độc sẽ kinh hoàng lên như thế. Còn người tu tập niệm sự chết, người ấy không có sự giật mình kinh sợ, hay hoảng hốt trong lúc lâm chung, ví như người trông thấy rắn độc từ xa, dùng cây đuôi nó đi xa như vậy. Do vậy, các người hãy chuyên niệm về sự chết đi.

Những người nghe pháp ấy, sau khi nghe Bạc Đạo SƯ thuyết giảng pháp thoại xong, chỉ tâm cầu trong phận sự của mình mà thôi.

Riêng con gái người thợ dệt vừa tròn 16 tuổi, có sự suy nghĩ rằng:

“Lời dạy của Đức Thế Tôn thật là thù diệu, ta nên là người tu tập niệm sự chết vậy”.

Thế rồi, nàng hằng chuyên tu về đề mục niệm sự chết cả ngày lẫn đêm. Riêng về Đức Thế Tôn sau khi thuyết giảng pháp thoại, Ngài tuần tự du hành về kinh thành Sāvattthī, đến tịnh xá Jetavana. Suốt cả ba năm dài, nàng tín nữ ấy luôn tu tập về niệm sự chết. Một hôm, Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn quán xét thế gian, Ngài nhìn thấy hình ảnh của nàng con gái người thợ dệt trong Giác võng của Ngài. Ngài suy xét rằng: “*Đây là nhân thế nào nhỉ*”.

Ngài thấu hiểu rằng: “*Nàng Chức Nữ này, từ khi nghe Pháp của Như Lai, tinh cần tu tập niệm về sự chết đã trọn ba năm. Như Lai sẽ ngự đến đó, nàng đi đến nghe Pháp, Như Lai sẽ hỏi nàng bốn câu hỏi, nàng sẽ trả lời đúng theo ý Như Lai, Như Lai ban cho nàng tiếng Sādhū sau mỗi câu trả lời. Nhân đó, Như Lai sẽ thuyết pháp thoại, khi dứt kệ ngôn nàng Chức Nữ ấy đã chứng đạt Dự Lưu Quả. Và nương nhờ nàng, đại chúng sẽ nhận được nhiều Lợi ích*”.

Sau khi quán xét rõ ràng rồi, Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu khởi hành đi từ Jetavana đến xứ Ālavī. Sau khi tuần tự du hành đến xứ Ālavī, Ngài cùng chư Tăng vào ngụ tại tịnh xá Aggalava.

Thị dân trong xứ Ālavī biết rằng:

- Bạc Đạo Sư ngự đến, liền đi đến tịnh xá cung thỉnh Ngài và Tăng chúng thọ thực nơi tịnh xá ấy, cả nàng Chức Nữ cũng biết được rằng: Bạc Đạo Sư ngự đến, nàng có tâm hoan hỷ rằng:

- Bạc Đạo Sư đã ngự đến nơi này rồi, Ngài là bậc Vô Thượng Pháp Vương, là bậc Tối Thượng Nhân, là bậc Thầy của Chư Thiên và nhân loại. Ngài có gương mặt sáng rực như trăng rằm, đã ngự đến Ālavī. Nàng lại suy nghĩ thêm rằng:

- Ta đã được diễm phúc chiêm ngưỡng kim thân Ngài, có màu da vàng ròng tinh anh cao thượng cách đây ba năm. Giờ đây, ta lại được duyên may chiêm ngưỡng kim thân Ngài và được nghe lời giáo giới của Ngài. Pháp thoại có hương vị thật thù thắng.

Vào sáng hôm sau, khi cha nàng đi đến hàng dệt, dặn bảo nàng:

- Này con! Tấm vải sātaka của người mướn ta dệt, ta đang dệt còn khoảng một gang tay nữa thì xong, ta phải dệt cho xong tấm vải ấy trong ngày hôm nay. Vậy con hãy cuộn tơ đi, khi xong rồi mang đến hàng dệt cho cha.

Nàng nghe cha bảo như thế, suy nghĩ rằng:

- Ta đang muốn nghe Pháp nơi Đức Đạo Sư, nhưng cha ta lại dặn phải cuộn tơ như thế. Ta phải làm sao đây nhỉ? Nghe Pháp của Bạc Đạo Sư hay là cuộn tơ cho cha ta?

Nàng lo lắng, rồi suy tư: *“Nếu ta không lo cuộn tơ cho cha, người sẽ đánh ta. Thôi ta hãy gắng cuộn tơ cho mau chóng, rồi đi đến nghe Pháp sau”*.

Nàng ngồi cuộn tơ, rồi mang cuộn tơ đặt vào giỏ đi đến hàng dệt của cha.

Bây giờ, cả thị dân trong thành Ālavī đều đến tịnh xá cúng dường Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, rồi ngồi yên lặng chung quanh để chuẩn bị nghe Pháp thoại của Đức Thế Tôn. Bạc Đạo Sư im lặng, Ngài suy nghĩ rằng:

- Ta vì nàng tín nữ này mà đến đây, du hành trọn quãng đường 30 do tuần⁽¹⁾. Hiện nay nàng Chức Nữ chưa có mặt, khi nào nàng ấy đến, khi ấy Như Lai mới giảng pháp tùy hỷ.

Đức Như Lai vẫn im lặng. Khi Bạc Tối Thượng nhân im lặng thì không một ai trong thế gian này, kể cả Ma Vương, Phạm Thiên có đủ thần lực để bạch hỏi được.

Khi nàng Chức Nữ mang giỏ đựng tơ đến tịnh xá, nàng đi vào hội chúng, đứng phía sau thính chúng, chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn. Bây giờ, Bạc Đạo Sư đưa mắt nhìn nàng, nàng hiểu rằng: *“Bạc Đạo Sư đang ngồi giữa đại chúng, Ngài im lặng nhưng lại đưa mắt nhìn ta, nghĩa là Ngài đang chờ đợi ta”*.

Vô cùng hoan hỷ, cô đặt giỏ đựng tơ xuống, đi đến đánh lễ dưới chân Đức Đạo Sư.

¹ 1 do tuần = 16km.

Hỏi rằng: Vì sao Đức Thiện Thệ trông chờ nàng tín nữ ấy?

Đáp rằng: Được biết rằng: Nghiệp đoạn tận sẽ đến với nàng trong ngày hôm ấy, nếu nàng mệnh chung trong lúc còn phàm nhân thì sẽ không có được sự sanh thú chắc chắn. Nhưng khi nàng đến nơi ngụ của Đấng Như Lai, sẽ chứng đạt Dự Lưu Quả, có được sanh thú chắc chắn, sẽ sanh về cõi Tusitā.

Bấy giờ, nàng Chúc Nữ đi vào đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi đứng vào nơi phải lễ, Đức Thế Tôn phóng hào quang 6 màu toả ra. Đợi cho nàng yên vị, Đức Thế Tôn phán hỏi nàng rằng:

- Nàng tín nữ! Nàng từ đâu đến?
- Bạch Thế Tôn! Con không biết.
- Nay tín nữ, rồi nàng sẽ đi về đâu?
- Bạch Thế Tôn, con không biết được.
- Nay tín nữ, nàng không biết thật ư?
- Bạch Thế Tôn, con biết.
- Có thật nàng biết chăng?
- Bạch Thế Tôn, con không biết.

Đức Thế Tôn phán hỏi nàng bốn câu hỏi như thế. Khi ấy đại chúng nghe nàng trả lời như thế, xôn xao trách nàng rằng:

- Nay các người, hãy nhìn xem cô con gái người thợ dệt, nàng ta đã giữu cột Đức Đạo Sư. Khi Ngài hỏi: Nàng từ đâu đến, thì nàng nên đáp là: Từ nhà đến. Khi Ngài hỏi nàng: Nàng sẽ đi về đâu, thì nên đáp là: Con sẽ trở về nhà. Khi Ngài hỏi thì nàng ta cần phải trả lời như thế chẳng là thích hợp, chẳng phải sao?

Bấy giờ, đợi cho thính chúng lặng yên, Đức Thế Tôn từ tốn hỏi nàng Chúc Nữ rằng:

- Nay tín nữ, khi Như Lai hỏi nàng: Nàng từ đâu đến? Vì sao nàng trả lời rằng: Con không biết?

- Bạch Thế Tôn! Ngài vẫn biết con từ nhà đi đến đây, nhưng Ngài hỏi: “Người từ đâu đến?” không phải là ý như vậy, mà Ngài hỏi rằng: “Con từ đâu sanh đến đây?”. Nhưng con không biết được con từ cảnh giới nào tái sanh vào cảnh giới này, nên con đáp là: “Con không biết”.

Lần thứ nhất, Đức Như Lai tán thán rằng:

- Sadhu! Sadhu! Nay tín nữ, người đã giải đáp đúng câu hỏi mà Như Lai hỏi nàng. Nay tín nữ! Thế tại sao, khi Như Lai hỏi nàng: “Người sẽ đi về đâu?” thì nàng lại đáp rằng: “Con không biết?”.

- Bạch Thế Tôn! Lẽ thường Ngài vẫn biết sau khi con nghe Pháp xong thì trở về nhà. Nhưng Ngài muốn hỏi con rằng: “Sau khi chết, con sẽ tái sanh vào cảnh giới nào?”. Nhưng con thì không biết cảnh giới tái sanh của mình, nên con đáp là: “Con không biết”.

- Lành thay! Lành thay! Này tín nữ, nàng đã đáp đúng với ý nghĩa của câu hỏi này.

Bậc Đạo Sư khi tán thán nàng lần thứ hai rồi, Ngài phán hỏi tiếp:

- Này tín nữ! Khi Như Lai hỏi nàng: “Nàng không biết thật sao?”. Vì sao nàng lại trả lời rằng: “Bạch Thế Tôn, con biết”.

- Bạch Thế Tôn! Vì con hiểu biết rằng: Hễ có thân tâm này, tất sẽ có ngày hoại diệt. Vì thế con trả lời rằng: “Bạch Thế Tôn! Con biết”.

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn tán thán nàng Chúc Nữ:

- Lành thay! Lành thay! Nàng đã đáp đúng ý nghĩa của câu hỏi Như Lai. Này tín nữ! Khi Như Lai hỏi: “Nàng biết thật sao?”. Vì sao nàng lại trả lời rằng: “Bạch Thế Tôn, con không biết?”.

- Bạch Thế Tôn! Con vẫn biết chắc chắn rằng con phải chết, nhưng sau khi chết sẽ sanh vào nơi nào, lại nữa con sẽ chết vào ban ngày hay ban đêm? Chết bằng cách nào? Nơi nào trên rừng hay dưới nước? Vào lúc nào thiếu niên hay trung niên... Con không thể biết được, nên con trả lời rằng: “Bạch Thế Tôn! Con không biết”.

Lần thứ tư, Đức Thế Tôn tán thán nàng rằng:

- Này tín nữ! Câu hỏi của Như Lai, nàng đã giải đáp đúng theo ý nghĩa như thế.

Và Ngài dạy đại chúng rằng:

- Các người không hiểu biết ý nghĩa câu hỏi của Như Lai như nàng tín nữ ấy. Những câu hỏi thâm diệu đã được nàng giải đáp phơi bày đúng lý. Các người nên tán thán nàng, chớ đừng phiền hà trách cứ nàng. Người vô nhãn gọi là người mù, cũng vậy người thiếu trí được gọi là kẻ ngu. Còn người có mắt sẽ thấy được các sắc rõ ràng, người có trí thường thấu đạo lý nghĩa thậm thâm vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Andhabhūto ayam loko, Tanukettha vipassati; Sakuno jālamuttova, Appo saggāya gacchati”.	“Đời này thật mù quáng, Ít kẻ thấy rõ ràng, Như chim thoát khỏi lưới, Rất ít đi thiên giới”.
---	---

174. Thế gian này mù quáng. Người thấy rõ thật hiếm hoi. Như (số) chim thoát khỏi lưới, ít người vào nhân cảnh.

CHÚ GIẢI:

Trong những câu văn ấy: **Ayam loko**: nghĩa là thế gian này giống như mù, vì là người không có trí tuệ.

Tanukettha: nghĩa là trong đời này ít người, tức là không nhiều, có thể liễu ngộ được Tam tướng như Vô thường, khổ, vô ngã.

Jālamuttova: nghĩa là trong đám chim sẽ bị thợ săn quăng bắt lưới, chỉ có số ít thoát ra được, những con còn lại bị dính trong lưới như thế nào. Cũng vậy đa số chúng sanh bị dính mắc tức là Ma Vương đã tóm lấy rất nhiều chúng sanh, khiến họ tái sanh

vào khổ cảnh, chỉ một số rất ít sanh về cõi trời, tức là được nhàn cảnh hay chứng đắc Níp Bàn.

Dứt kệ ngôn, nàng Chức Nữ chứng đắc Thánh Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại lợi ích cho đại chúng như thế.

Sau khi nghe Pháp thoại xong, nàng Chức Nữ hoan hỷ, nhặt lấy giỏ đựng cuộn tơ, đi đến nơi làm việc của cha. Khi ấy cha nàng đang ngồi ngủ, nàng vô ý cúi mình đi vào giỏ tơ chạm vào khung cửi, làm lay động khiến cha nàng giật mình, theo động tác thường ngày, ông kéo ngay khung cửi, thanh sắt khung cửi đã đâm ngay vào ngực của nàng Chức Nữ. Nàng chết ngay lập tức, được thọ sanh vào Tusitā.

Người cha nhìn xác con đầm máu, ngã sóng soài ra chết, ông hối hận tâm tràn ngập sâu não, than khóc thảm thiết. Với gương mặt đầm lệ, ông suy nghĩ:

- Không gì có thể làm cho ta dứt khổ sầu này được, ngoài Đức Thế Tôn ra.

Ông đi đến Đức Thế Tôn với gương mặt tràn nước mắt, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nhỏ mũi tên sầu muộn trong tâm con đi.

Đức Thế Tôn phủ úy ông rằng: “Này cận sự nam! Ngươi chớ nên sầu thảm nữa, nước mắt mà ngươi tuôn ra vì thương tiếc con mình, nay đã nhiều hơn nước trong bốn đại dương. Không gì thấu rõ sự khổ sầu của ngươi đâu, ngươi hãy diệt tắt sự thương mến đi.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại Amatagga. Cận sự nam ấy được voi sầu muộn, xin xuất gia sống đời phạm hạnh trong Pháp Luật Đức Thế Tôn, ông tinh cần hành Sa môn Pháp chẳng bao lâu chứng đạt A La Hán Quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Con ông thợ dệt có duyên lành,
Niệm chết ba năm, được vãng sanh!
Trước phút lâm chung đặc nhất quả,
Nhờ nghe lời giải bốn câu rành.
Phật dạy: Người không tuệ, mắt mù,
Chỉ nhìn sự vật lối phàm phu,
Bốn câu hỏi đó là thiên ngữ,
Không hiểu, còn cho cô gái ngu!
Thợ dệt sàu con chết, xuất gia
Vui trong nếp sống của tăng già
Về sau đắc quả Alahán,
Đáp được ân sâu Đức Phật Đà.*

DỨT TÍCH CON GÁI NGƯỜI THỢ DỆT





Of this blind world only a handful escapes like birds escaping from a net.

174. Chỉ một số ít người trong cõi đời mù quáng này đạt giải thoát như bầy chim thoát khỏi lưới.

XIII.8- CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỖ KHUỒ

(*Hamsā ādiccapathe yantīti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 175)

“Hamsādiccapathe yanti,
Ākāse yanti iddhiyā;
Nīyanti dhīrā lokamhā,
Jetvā māraṃ savāhinim”.

“*Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời;
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này*”.

Kệ pháp cú này Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến chư Tỳ khưu viếng thăm Ngài.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, có ba mươi vị Tỳ khưu đến yết kiến Đức Thế Tôn. Trưởng lão Ānanda đi đến nơi ngụ của Bạc Đạo Sư để làm phận sự của mình, trông thấy ba mươi vị Tỳ khưu đang ngồi hầu chung quanh Đức Thế Tôn, Ngài suy nghĩ:

- Khi nào Bạc Đạo Sư thăm hỏi chư Tỳ khưu ấy xong, ta hãy trở vào làm phận sự của mình.

Trưởng lão đứng đợi bên ngoài Hương thất của Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn sau khi ban những lời thăm hỏi thân hữu đến chư Tỳ khưu ấy, rồi Ngài thuyết lên Pháp thoại thức tỉnh chư Tỳ khưu.

Khi nghe được pháp âm từ nơi Đức Thế Tôn, cả ba mươi vị Tỳ khưu chứng đắc A La Hán Quả, đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, dùng thần lực theo đường hư không trở về trú xứ thanh vắng của mình.

Sau một thời gian dài chờ đợi, Trưởng lão Ānanda liền đi vào Hương Thất của Đức Thế Tôn, không thấy bóng dáng chư Tỳ khưu khách đâu cả, Ngài bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ba mươi vị Tỳ khưu ở đây đi đâu rồi?
- Này Ānanda! Các vị ấy đã theo đường hư không đi rồi.
- Bạch Thế Tôn! Các vị ấy đã theo đường hư không đi ư?
- Thật vậy, này Ānanda.
- Thế thì các vị ấy là bậc Lậu Tận hay sao? Bạch Thế Tôn.
- Đúng như vậy, này Ānanda! Chư Tỳ khưu ấy sau khi nghe Như Lai thuyết pháp, đã chứng đắc ngay quả A La Hán tại chỗ ngồi.

Bấy giờ, có con hạc đang bay trên hư không, Bạc Đạo Sư nhân đó dùng hình ảnh ấy, phán dạy Trưởng lão Ānanda rằng:

- Này Ānanda! “*Người nào khéo tu tập Tứ Thần Túc rồi, người ấy thường bay trên hư không, ví như chim hạc kia vậy*”.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Hamsādiccapathe yanti,
Ākāse yanti iddhiyā;
Nīyanti dhīrā lokamhā,
Jetvā māraṃ savāhinim”.

“N^{hư} chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời;
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này”.

174. Chim Thiên nga bay dài theo đường mặt trời. (Con người) nhờ thần thông bay giữa không trung. Bậc thiện trí thoát ra khỏi thế gian này, nhờ chinh phục Ma Vương và khách của Ma Vương.



CHÚ GIẢI:

Bậc trí nên hiểu câu kệ ngôn này như vậy:

“Đàn hạc thường bay theo đường mặt trời, tức là bay liệng trong hư không. Cũng như thế ấy, người khéo tu tập được Tứ Thần Túc, người ấy tưởng đi trên hư không do năng lực thần thông của mình”.

Người có trí là bậc sáng suốt thắng được Ma Vương, thoát ra khỏi trói buộc của Chúa Ma, tức là có được phương tiện thoát ra khỏi luân hồi, nghĩa là chứng đắc được Níp Bàn.

Dứt Pháp thoại, có nhiều chúng sanh chứng đắc Pháp nhãn.



Dịch Giả Cẩn Đề

Vừa mới về thăm Phật, kể đi
Theo đường phi điều, thật ly kỳ!
Ba mươi sư đắc La Hán quả,
Làm Đức A Nan chẳng biết gì!
Phật dạy: theo đường hướng mặt trời,
Thiên nga rong ruổi, vượt ngàn khơi,
Người thần thông giỏi, bay cao được
Kẻ trí trừ ma, thoát khỏi đời.

DỨT TÍCH CHUYỆN BA MƯƠI VỊ TỶ KHU





Like geese in flight, the wise steadily move away from the world.

**175. Như đàn thiên nga bay, các bậc trí vững vàng tiến lên
thoát khỏi cuộc đời này.**

XIII.9- NÀNG CIÑCAMĀṄAVIKĀ

(*Ekamdhammamatitassāti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 176)

**Ekam dhammaṃ atītassa,
Musāvādiṣṣa jantuno;
Vitiṇṇaparalokassa,
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ.**

*“Ai vi phạm một pháp,
Ai nói lời vọng ngữ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm”.*

Kệ pháp cú này được Đức Bôn Su thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng Ciñcamāṇavikā.

Tương truyền rằng: Trong thời đầu tiên hoàng hoá Chánh Pháp, Đấng Thập Lực có rất đông đại chúng, số lượng đệ tử ngày càng tăng thịnh, hội chúng Sa môn Thích Tử càng phát triển. Đa số Chư Thiên cùng nhân loại đi vào Thánh Vực. Khi Đạo Quang của Đức Thế Tôn càng lan rộng thì Tăng chúng càng phát sanh nhiều thắng lợi, danh thơm, tài vật càng tăng thịnh...

Bấy giờ, các ngoại đạo giống như con đóm đóm giữa ánh sáng nhật nguyệt rạng ngời. Bọn Ngoại đạo sư cuồng nộ, đứng bên ven lộ tuyên bố với chúng thị dân rằng:

- Này các người! Chẳng phải chỉ có Sa môn Gotama là vị Phật thôi. Chúng tôi cũng là vị Phật vậy. Cúng dường đến Sa môn có quả báu như thế nào, thì cúng dường đến chúng tôi cũng có nhiều quả phước như thế. Các người nên làm những gì đáng làm đến chúng tôi đi.

Tuy ngoại đạo tuyên thuyết lên như thế, những lợi lộc vẫn không phát sanh đến cho họ được. Họ liền hội họp cùng nhau rằng:

- Chúng ta hãy nêu tội trạng của Sa môn Gotama giữa đại chúng khiến cho lợi lộc của y sẽ bị tổn giảm. Nhưng chúng ta phải làm như thế nào đây nhỉ?

Trong khi ấy, trong thành Sāvathī có nàng cư sĩ ngoại đạo là Ciñcamāṇavikā, nàng ta có một nhan sắc lộng lẫy như thiên tiên, thân nàng có đầy đủ những nét diễm kiều.

Bấy giờ một gã ngoại giáo suy nghĩ được một cách vu hoạ đến Đức Thế Tôn rằng:

- Chúng ta hãy nhờ nàng Ciñcamāṇavikā nêu tội của Sa môn Gotama làm cho y cùng hội chúng của y bị tổn giảm lợi lộc.

Chúng ngoại đạo hoan hỷ tán thành kế ấy rằng: “*Thật là diệu kế*”.

Thế là, khi nàng Ciñcamāṇavikā đi đến tu viện của ngoại Đạo Sư, nàng đánh lễ xong rồi, đứng yên tại một chỗ. Bọn ngoại đạo không ngó ngang cũng không nói đến nàng chi cả. Nàng Ciñcamāṇavikā suy nghĩ rằng:

- Hẳn là ta đã phạm tội gì với quý Ngài đây, nhưng ta không biết được lỗi ấy là lỗi chi?

Nàng liền bạch hỏi rằng:

- Thưa các Ngài! Có phải là tôi đã phạm một lỗi làm trầm trọng đến quý Ngài chăng?

Bọn ngoại đạo vẫn im lặng, nàng bạch hỏi đến ba lượt:

- Bạch các Ngài! Tôi xin đánh lễ các Ngài, chẳng hay tôi đã phạm vào lỗi gì đối với các Ngài vậy? Tại sao các Ngài lại im lặng đối với tôi như thế?

- Này cô! Cô không biết rằng Sa môn Gotama đã làm chúng tôi tổn giảm lợi đắc hay sao?

- Bạch các Ngài! Tôi nào biết việc ấy đâu. Vậy thì trong chuyện này tôi phải làm sao?

- Này cô! Nếu cô muốn đem lại sự an lạc cho chúng tôi, cô hãy nêu tội Sa môn Gotama ra, như thế sẽ khiến lợi đắc của y tổn giảm.

- Được thôi, điều ấy là việc làm của tôi, xin các Ngài đừng có suy nghĩ chi cả.

Nàng Ciñcamāṇavikā đi vào Tịnh Xá Jetavana ngày hôm sau, nàng mặc chiếc áo có màu vàng như con rùa vào Tịnh Xá, tay cầm hương hoa, vật thơm... Khi vào Tịnh Xá nghe Pháp được thời gian ngắn, bấy giờ nàng đợi cho thính chúng nghe Pháp ra về hết, nàng mới ra về sau; rồi thì nàng chờ cho Đại chúng nghe pháp ra về khi ấy nàng mới đi đến Tịnh Xá, khi gặp người hỏi, thì nàng xảo quyết trả lời câu hỏi của người ấy: *“Nàng đi đâu đến Tịnh Xá vào giờ này?”*.

Nàng: *“Tôi đi đâu thì mặc kệ tôi, các người hỏi mà làm gì?”*. Thờ lúc vắng người, nàng lên trốn về trú nơi Tịnh Xá của ngoại đạo ở gần đó. Khi gần sáng, đợi có bóng người lảng vảng, là cận sự nữ hay cận sự nam đến đánh lễ Đức Thế Tôn, nàng lại giả vờ như người vừa từ Tịnh Xá Jetavana trở về, các cận sự hỏi rằng: *“Này cô! Cô ở đâu mà về thế?”*.

Nàng: *“Các người hỏi nơi trú ngụ của tôi để mà làm gì?”*.

Trải qua một, hai tháng sau, khi bị hỏi, nàng tỏ vẻ thật thà nói rằng:

“Tôi ngụ chung Hương Thất với Sa môn Gotama trong Tịnh Xá Jetavana”.

Những kẻ phàm nhân nghe vậy, phát sanh nghi hoặc rằng:

- Điều này nàng nói có thật như thế chăng nhỉ?

Đến khoảng ba, bốn tháng sau, nàng lấy vải độn vào bụng, giả như người có mang, làm cho hạng phàm nhân thiếu trí nghĩ rằng: *“Đây là thai bào do Sa môn Gotama tạo ra”*. Vào khoảng 8-9 tháng sau, nàng dùng gỗ tròn, đẽo gọt tròn lăn rồi độn vào bụng phủ áo bên ngoài, nàng còn gian xảo dùng cây đập vào tay chân, mình mẩy cho sưng lên, giống như người sắp đến thời kỳ sanh nở.

Một hôm, vào buổi chiều khi Đức Thế Tôn đang giảng Pháp thoại giữa đại chúng nơi Giảng Pháp đường, nàng Ciñcamāṇavikā đi vào giữa Giảng đường, đứng giữa hội chúng, trước mặt Đức Như Lai, nói rằng: *“Này ông Đại Sa Môn! Ông chỉ giỏi nói Pháp cho thính chúng nghe mà thôi, tiếng của ông thanh cao, giọng nói của ông ngọt ngào, lời nói của ông thật là êm ái. Riêng tôi cũng vì thế mà nay đã đến ngày*

sanh rồi. Sao ông không biết đến việc sanh nở của tôi, ông không biết điều dưỡng thai nhi bằng những loại thuốc bổ dưỡng như bơ lỏng, sữa, đậu mè... Ông không tự làm, cũng không hề sai bảo cận sự nam hay cận sự nữ của mình như bà Vīsakhā hoặc ông Anāthapiṇḍika, hoặc giả một cận sự nào khác rằng: “Hãy lo cho nàng Ciñcamāṇavikā này”. Ông chỉ là người biết hưởng thụ khoái lạc, không hề biết đến phận sự chu toàn cho thai nhi của chính mình”.

Nàng Ciñcamāṇavikā giống như người cảm phân toan bôi bản mặt trắng sáng, nàng tạo thành ác trọng nghiệp quá nặng, là phỉ báng Đức Thế Tôn, vu hoạ cho Ngài giữa đại hội chúng như thế.

Khi ấy, Đức Thế Tôn rống lên tiếng rống Sư Tử Vương rằng:

- Này Ciñcamāṇavikā! Sự việc mà nàng vừa nói đó, chỉ có nàng và Như Lai biết rõ mà thôi.

- Đúng như thế, này ông Đại Sa Môn! Điều đó phát sanh lên chỉ có ông và tôi biết mà thôi.

Đức Thế Tôn im lặng, khi ấy nơi Bảo Toạ của Đức Thiên Vương bỗng nóng ran, Ngài ngạc nhiên suy nghĩ: “Ai muốn chiếm ngôi vị của ta như thế”.

Thiên chủ dùng Thiên Nhân quán xét thế gian biết rằng nàng Ciñcamāṇavikā đã phỉ báng và vu cáo Ngài giữa đại chúng, làm phát sanh nghi ngờ cho đại chúng. Thiên Chúa suy nghĩ: “Ta sẽ thanh minh việc này giữa Hội chúng, làm thanh tịnh Giới hạnh Sa môn của Ngài”, Đê Thích sai bốn vị Thiên Tử đến phán:

- Các người hãy đến Tịnh Xá Jetavana làm rõ ràng minh bạch việc nàng Ciñcamāṇavikā vu cáo Đức Thế Tôn.

Bốn vị Thiên Tử vâng lệnh Đê Thích, đi đến Jetavana, hoá thành bốn con chuột, cắn đứt vải buộc khúc gỗ tròn, rồi nổi gió lên thổi tung vạt áo, khiến khúc gỗ tròn đột nhiên rơi xuống bàn chân của nàng Ciñcamāṇavikā, khiến hai chân nàng đau đớn kinh khủng.

Sự việc ấy, đã làm sáng tỏ giới hạnh thanh nghiêm của Đức Thế Tôn, và tố cáo sự cáo gian của nàng Ciñcamāṇavikā, đại chúng phần nộ rằng: “Này ác nữ! (Tại sao) người lại phỉ báng Đức Thế Tôn với những lời phi chân thật như thế?”.

Đại chúng tản xuất nàng ra khỏi Tịnh Xá Jetavana, cùng làm những hình phạt ô nhục dành cho nàng. Nàng Ciñcamāṇavikā vừa ra khỏi Tịnh Xá Jetavana, khuất mắt Đức Thế Tôn, quả địa cầu bỗng nứt ra rút nàng vào tận Đại địa ngục A Tỳ, ngọn lửa trong ngục A Tỳ phun ra thiêu đốt nàng vàng hực như tấm vải vàng mà nàng hằng mặc. Sau việc này, lợi đặc của ngoại giáo càng tổn giảm nặng nề, trái lại lợi đặc của Tăng chúng càng thêm tăng thịnh.

Sáng hôm sau chư Tỳ khuru cùng nhau bàn luận trong Giảng đường rằng:

- Này chư Hiền giả! Nàng Ciñcamāṇavikā đã phỉ báng Đức Thế Tôn Chánh Đẳng Giác, là bậc đáng cúng dường cao thượng hơn mọi nhân thiên, là bậc có ân đức vô lượng như thế. Với lời vu khống phi chân như thế đã mang đến tổn thất nặng nề cho nàng.

Từ nơi Hương Thất, với thiên nhĩ thuần tịnh Siêu Nhân, Bạc Đạo Sư nghe được sự luận bàn ấy, Ngài ngự đến Giảng đường, ngồi vào nơi được soạn sẵn, phán hỏi rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Bây giờ các người ngồi lại đây, bàn luận về việc chi thế?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy...

Đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Chẳng phải chỉ trong kiếp này nàng Ciñcamāṇavikā vu không Như Lai rồi phi báng. Mà trong quá khứ, nàng cũng đã từng làm như thế rồi, và cũng bị tổn hại như thế.

Theo thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, Đức Thế Tôn thuyết lại Bản Sanh Mahāpaduma trong Dvādosakanipāta với đầy đủ chi tiết rằng: “*Người không thấy được lỗi nhỏ, lớn của người khác một cách toàn diện. Tự mình chưa kịp quán xét (thì) không nên hành phạt*”. Ngài phán rằng: Trong thời đó, nàng Ciñcamāṇavikā chính là kẻ mầu của Bồ Tát Mahāpaduma, là Hoàng Hậu của Đức vua, cha của Bồ Tát, đã toan nài ép Bồ Tát hành phi phạm hạnh với nàng, nhưng Bồ Tát cự tuyệt, nàng giả vờ bệnh nặng, tâu với Đức vua rằng:

- Con của Bộ Hạ đã làm cho thần thiếp không còn muốn sống nữa, nên phải bị bệnh.

Đức vua nổi giận, cho bắt Bồ Tát ném xuống núi, là hố chôn xác bọn cướp cho chết đi.

Một Thiên nhân ngự gần sườn núi ấy, đã đỡ lấy Bồ Tát mang Ngài xuống Long Cung. Long Vương nhường cho Bồ Tát nửa Thủy Quốc, Bồ Tát sống ở Long Cung được một năm, Ngài lại trở về Nhân giới, xuất gia làm đạo sĩ trong rừng Tuyết Lãnh, chứng đắc thiên định và thần thông.

Bây giờ, có người thợ săn, y lạc đường khi đi sâu vào rừng Tuyết Lãnh, thấy Bồ Tát liền trở về báo lại Đức vua. Đức vua rất vui mừng ngự thân đến nơi cư ngụ của Bồ Tát, được Bồ Tát tiếp đón rất cung kính. Ngài thuật lại mọi việc câu chuyện, cùng với sự dâm loạn của Hoàng hậu. Nghe rõ câu chuyện, Đức vua hối hận, mời Bồ Tát trở về thay Vua trị quốc, nắm giữ Vương quyền. Nhưng Bồ Tát khước từ, trước khi từ giã Phụ vương, Ngài ban lời giáo huấn Vương Phụ:

- Tâu Phụ vương! Con chẳng còn có phận sự gì đối với Vương Quốc cả. Xin Phụ vương hãy trị dân theo đúng Thập pháp Vương, hãy từ bỏ sự thiên vị. Xin Phụ vương hãy là người cai trị Vương Quốc tốt đẹp đi, hãy xứng đáng là vị Minh quân vậy.

Đức vua đành gạt lệ từ giã đưa con thân yêu hiền trí trở về kinh thành, trên đường về Đức vua hỏi các Đại Thần rằng:

- Do ai mà Trẫm mất đứa con hiền trí, hiếu hạnh như vậy?

- Tâu Bộ hạ! Đó là do Hoàng hậu làm ra.

Đức vua nghe tâu như thế, truyền lệnh bắt Hoàng Hậu, tự thân Ngài nắm lấy hai chân Hoàng hậu đỡ lên cao, ném xuống hố bọn cướp, rồi Ngài trở về kinh thành cai trị Vương Quốc theo đúng Thập Vương Pháp của vị Minh quân.

Bồ Tát Mahāpaduma chính là tiền thân của Đức Thế Tôn, kế mẫu của Ngài nay là nàng Ciñcamāṇavikā.

Sau khi thuyết giảng ý nghĩa này xong, Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Nay các Tỳ khru! Gọi là ác nghiệp mà người đã từ bỏ pháp chân thật ấy, sống bằng pháp hư nguy phi ngôn, là người làm mất đi gốc hướng thượng cho đời sau, vì rằng: Như vậy thì không có tội lỗi nào mà người ấy không dám làm cả.

Rồi Ngài phán lên kệ ngôn rằng:

Ekam dhammam atītassa,	“Ai vi phạm một pháp,
Musāvādissa jantuno;	Ai nói lời vọng ngữ,
Vitiṇṇaparalokassa,	Ai bác bỏ đời sau,
Natthi pāpam akāriyam.	Không ác nào không làm”.

176. Không có điều ác nào mà người vọng ngữ vi phạm định luật (chân thật), và đứng dưng trước thế giới bên kia, không làm được.



CHÚ GIẢI:

Ekam dhammam: Nghĩa là pháp độc nhất, chính là pháp chân thật.

Musāvādissa: Nghĩa là trong 10 lời nói chân thật, thì một lời cũng không có đến cho người nào, người ấy được gọi là người thường vọng ngôn.

Vitiṇṇaparalokassa: Nghĩa là người đã mất gốc, dứt mãi sự tăng trưởng tốt đẹp cho đời sau. Người như thế sẽ không nhận được một trong ba loại tài sản là nhân sản, thánh sản và thiên sản.

Natthi pāpam: Nghĩa là sự nghi ngờ là tội lỗi như vậy mà người đó, tức là người như vậy không làm thì không có.

Dứt Pháp thoại, nhiều người an trú vào Dự Lưu Quả...

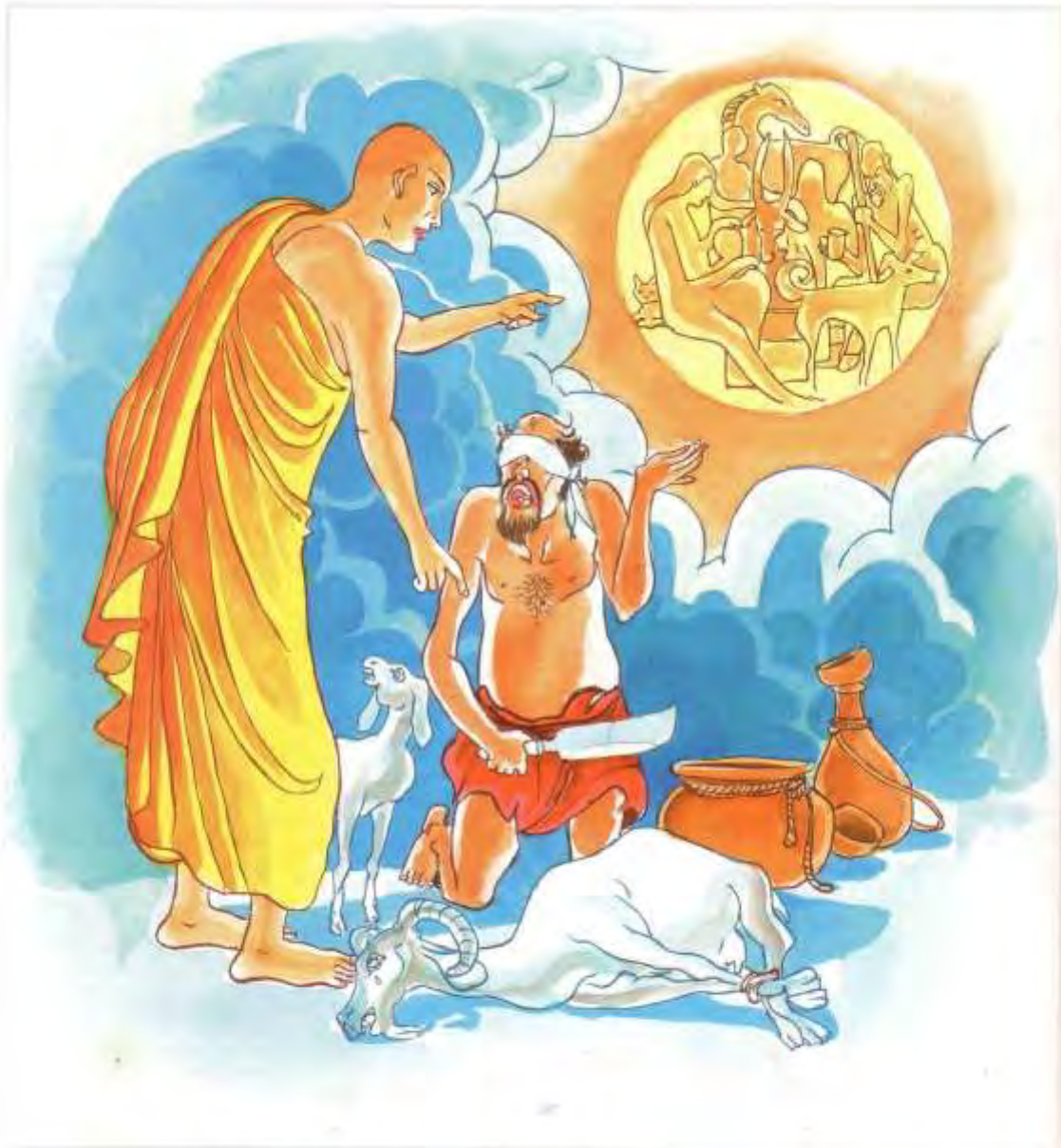


Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngoại đạo Chình Cha đẹp tợ tiên,
Hằng ngày độn bụng đến Kỳ Viên.
Để phao vu Phật trò ân ái;
Dân chúng ngu khờ cũng đảo điên!
Thiên Vương Đế Thích nóng ngai vàng,
Không thể ngồi yên, xuống đạo tràng,
Hoá chuột, cắn dây đai buộc bụng
Làm rơi khúc gỗ, dập chân nàng.
Thiện tín đứng lên đánh Chình Cha,
Người cầm gạch đá, đuổi nàng ra,
Khỏi chùa, đất sụp và chôn sống
Kẻ cố tâm bôi nhọ Thích Ca.
Phật dạy: Ai vi phạm lý chân,
Nói lời giả dối, gạt thường nhân,
Không tin quả báo, luân hồi nghiệp,
Thì có ác nào chẳng dấn thân?*

DỨT TÍCH NÀNG CIÑCAMĀṄAVIKĀ





There is no crime that a doubting, shameless liar cannot commit.

176. Không có tội lỗi nào mà một kẻ dối trá vô si với tâm đầy nghi hoặc không phạm (kẻ dối trá có thể phạm mọi tội lỗi).

XIII.10- ĐẠI THÍ VÔ SONG
(Nave kadariyā devalokaṃ vajatīti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú số 177)

“Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti, Bālā have nappasamsanti dānaṃ; Dhīro ca dānaṃ anumodamāno, Teneva so hoti sukhī parattha”.	“Keo kiết không sanh thiên, Kẻ ngu ghét bố thí, Người trí thích bố thí, Đời sau, được hưởng lạc”.
--	--

Kệ ngôn Pháp cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến cuộc thi đại thí vô song của vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Một thời nọ, sau khi Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu đi du hoá, rồi Ngài trở về trú tại Jetavana gần thành Sāvattthī. Bấy giờ, Đức vua Pasenadi đi đến Tịnh xá, bạch thỉnh rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngụ đến Hoàng cung của Trẫm thọ thực vào ngày mai.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, Đức vua trở về Hoàng cung. Vào sáng hôm sau, Ngài cho chuẩn bị mọi vật thực thượng vị để cúng dường, loan truyền trong thân dân rằng:

- Hãy đến xem sự cúng dường của Vua Pasenadi Kosala.

Dân chúng tề tựu đến Hoàng cung, chứng kiến sự cúng dường của Đức vua. Rồi đại chúng đi đến Tịnh xá bạch thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu nhận lời thọ thực vào ngày mai của thị dân Sāvattthī.

Vào sáng hôm sau, khi đã chuẩn bị đầy đủ mọi vật thí thượng vị, đại chúng đến tâu với Đức vua rằng:

- Tâu bệ hạ! Xin thỉnh Bệ hạ ngự đến xem chúng thân cúng dường Đức Thế Tôn và chư Tăng.

Sự cúng dường của thị dân hơn hẳn Đức vua ngày hôm trước. Khi Đức vua ngự đến xem, thấy thế nghĩ rằng:

“Dân chúng cúng dường hơn cả ta rồi. Một vị Vua như ta không thể thua chúng thân dân”.

Thế là, Đức vua bạch xin cúng dường Tăng chúng có Đức Phật là vị Thượng Thủ vào ngày mai.

Đức vua lại cúng dường hơn thị dân Sāvattthī, cứ như thế cuộc tranh tài về thí sự giữa thị dân và Đức vua kéo dài đến 6 lần. Đến lần thứ 7 thì chúng thị dân dốc tất cả tài lực vào cuộc đại thí, cuộc cúng dường của thị dân vô cùng long trọng, không ai có thể phàn nàn rằng: Trong cuộc đại thí này thiếu đi loại vật thực được chúng dân đem đến cúng dường.

Đức vua kinh hoàng trước đức tin của thị dân, Ngài suy nghĩ:

- Nếu sự cúng dường của ta mà thua kém chúng dân thì ta còn mặt mũi nào làm Chúa của họ được chứ.

Đức vua cứ băn khoăn, suy nghĩ tìm phương cách bố thí hơn thị dân Sāvattthī. Bấy giờ, Hoàng Hậu Mallikā đi vào yết kiến Đức Vua, thấy Ngài đang đăm chiêu suy nghĩ, bà hỏi rằng:

- Tâu Bệ Hạ! Vì sao Ngài ủ rũ như thế? Vì sao Long Thê của Bệ Hạ có vẻ rã rượi như thế này?

- Nay Hậu! Hậu chưa biết việc chi hay sao?

- Tâu Bệ Hạ! Thần thiếp nào biết được việc gì đâu?

Đức Vua tường thuật lại cuộc thi tài cúng dường giữa mình với thị dân, đã trải qua 6 lần bất phân thắng bại cho Hoàng Hậu nghe tận tường. Bấy giờ, Hoàng Hậu tâu rằng:

- Tâu Thánh thượng! Xin Ngài chớ nhọc tâm suy nghĩ nữa. Lẽ thường là vị Chúa tất phải hơn chúng dân chứ. Ngài hãy nghe và biết như thế này đi, thần thiếp sẽ giúp Bệ hạ thắng trong cuộc thí sự này.

Hoàng Hậu tâu với Đức Vua như thế, vì nàng muốn rằng sự cúng dường tối thắng này do bà sắp xếp, sự cúng dường này là cuộc đại thí sự không một thí sự nào có thể sánh bằng.

Tâu Đại Vương! Xin Ngài hãy cho làm nhà Trai đường bằng cây quý, nền được san bằng phẳng, mái nhà là cây mà phải là cây Sôla mới được. Trai thí đường này rộng rãi, đủ chỗ cho Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳ khưu ngồi theo thứ lớp cao thấp được phân theo hạ lạp. Bên ngoài là sân rộng dành cho đại chúng. Hãy cho làm 500 cây lọng trắng, lọng che Đức Thế Tôn là lọng hai tầng, còn những vị Tỳ khưu là lọng một tầng. Chọn 500 thớt tượng thuần hoá để cầm lọng che cho các Ngài. Cho làm từ 8 đến 10 chiếc thuyền vàng đặt giữa trai đường, trong thuyền ấy chứa đầy hương trầm Chiên Đàn được tán nhuyễn, cho những nàng Công Nương đứng quanh thuyền, dùng hoa sen xanh để rải hương thơm Chiên Đàn cúng dường Đức Phật và chư Tăng, cho mỗi vị Công Nương đứng quạt hầu hai vị Tỳ khưu và rải hương hoa cúng dường khắp hướng. Những vị Công Chúa trẻ tuổi sẽ mang vật thơm được tán nhuyễn đổ vào thuyền. Mùi hương thơm sẽ tỏa thơm ngát ngôi trai thí đường ấy. Rồi Đại Vương cho dâng những vật thực có đầy đủ hương vị tối thắng đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng. Như thế, Bệ Hạ sẽ thắng cuộc vì thị dân làm sao có được voi thuần hoá, cũng không thể có những Công Nương xinh đẹp trang điểm lộng lẫy phục vụ chư Tăng và Đức Thế Tôn. Xin Thánh thượng hãy thực hiện như thế đi.

- Lành thay! Lành thay, này Ái Hậu.

Đức vua thực hiện y theo lời của Hoàng Hậu Mallikā, mọi việc tiến hành được thuận lợi và tốt đẹp. Chỉ riêng về tượng chiến thì chỉ có được 499 con là thuần hoá, có thể điều khiển voi dùng vòi quấn lọng hầu chư Tăng mà thôi. Đức vua bối rối, hỏi Hoàng Hậu rằng:

- Nay Hậu! Voi chiến thuần hoá chỉ có được 499 con thôi, thiếu mất một con, vậy Trẫm phải xử trí ra sao bây giờ?

- Tâu Bệ Hạ, không có đủ 500 voi chiến sao?

- Nay Hậu, tượng chiến thì có nhiều, nhưng tượng được thuần hoá rồi chỉ có 499 con thôi. Lại nữa, có con tượng rất hung dữ, e rằng nó sẽ nổi cơn hung bạo như cuồng phong, làm hại đến chư Tỳ khru.

- Tâu Bệ Hạ! Thần thiếp biết cách sắp xếp hung tượng ấy vào đâu rồi! Bệ Hạ hãy cho hung tượng ấy đứng cầm lọng hầu Ngài Angulimāla đi.

Đức vua y theo lời của Hoàng Hậu Mallikā. Khi hung tượng cầm lọng đứng hầu Trưởng lão Angulimāla thì nó trở nên hiền thực như đã từng được dày công huấn luyện. Nó cúp đuôi vào hai chân sau, hai tai phe phẩy, đứng ôm lọng nhắm mắt che cho Trưởng lão Angulimāla. Chúng thị dân trông thấy như thế, suy nghĩ rằng:

- Tượng này có tiếng là hung dữ bậc nhất, thế mà Trưởng lão Angulimāla chinh phục được tượng hung hãn ấy.

Đức vua sau khi cúng dường vật thực thượng vị loại cứng loại mềm đến chư Tăng rồi cung kính đánh lễ Đức Thế Tôn và chư Tăng. Trải qua 7 ngày như thế, đến ngày thứ 7 thì Đức vua bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Trong cuộc đại thí vật trọng thể này, ngoài những vật bất hợp lẽ, vật nào dâng cúng hợp pháp, Trẫm xin cúng dường tất cả đến Đức Thế Tôn và chư Tỳ khru Tăng.

Người ta bảo rằng: Trong cuộc đại thí ấy, Đức Vua đã tiêu hết 14 Koti tiền vàng trong một ngày. Cả bốn vật là: lọng, bảo tọa, chân bát và bệ kê chân dành cho Đức Phật và chư Tăng Tỳ khru đều là những vật vô giá toàn bằng vàng ròng cả. Không một ai có thể cúng dường thí vật tốt bằng hơn cả Vua Pasenadi được và trong đời Đức Phật hiện tiền (kể cả chư Phật quá khứ) các Ngài chỉ có một lần Đại thí vô song mà thôi. Và cũng phải do người nữ sắp xếp (sự cúng dường ấy) đến Bạc Đạo Sư được thành tựu viên mãn.

Đức vua Pasenadi có hai vị quan Đại Thần là Kāla và Junha. Vị Đại Thần Kāla có sự suy nghĩ thấp kém rằng:

- Ôi! Sự tổn hại đã đến và vây Hoàng Tộc rồi, Đức vua đã bỏ ra 14 Koti tiền vàng trong mỗi ngày cho đại thí này, cúng dường đến các vị Sa môn ấy, khi các vị ấy chỉ có ăn rồi ngủ mà thôi. Công khổ của Hoàng Tộc sẽ đi đến chỗ suy vong mất. Hoàng Tộc sẽ có sự tổn hại như vậy rồi.

Riêng Đại Thần Junha thì hoan hỷ, nghĩ rằng:

- Sự cúng dường của Đức Vua thật là thù diệu và hy hữu, ngoài Ngài ra không một ai có thể cúng dường thí vật cao thượng được như thế nữa. Đức Vua không chia phần phước báu của mình đến các chúng sanh, việc như thế sẽ không hề có đến cho Ngài đâu. Vậy ta hãy hoan hỷ với phước báu cao thượng của Đức Vua Pasenadi.

Khi Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khru đã thọ thực xong, tay rời khỏi miệng bát, đã ngăn vật thực. Đức vua đến nhận bát và lời phúc chúc tùy hỷ nơi Bạc Đạo Sư, Đức Thế Tôn suy nghĩ:

- Đức vua cúng dường Đại thí như vậy, ví như dòng nước lớn được khai mở, nhưng đại chúng hoan hỷ không nhỉ?

Ngài dùng trí quán xét, thấy được hai nguồn tư tưởng của hai vị Đại Thần, và quán tiếp Ngài thấy rằng: *“Nếu Như Lai tùy hỷ phước cho xứng đáng với phước báu của Đức vua, thì Đại Thần Kāla sẽ vỡ tim, đầu bị bể thành bảy mảnh mà chết. Trái lại Đại Thần Junha sẽ chứng đạt Dự Lưu Quả”*.

Với tâm đại bi đối với Đại Thần Kāla, Ngài chỉ tùy hỷ phước bằng bốn kệ ngôn ngắn, rồi từ nơi ngồi đứng dậy cùng Tăng chúng trở về Tịnh Xá. Khi về đến Jetavana, chư Tỳ khưu hỏi Tỳ khưu Angulimāla rằng:

- Nay Hiền giả! Hiền giả thấy con tượng hung dữ ấy đứng cầm lọng che cho mình như thế, Hiền giả có hãi kinh chăng?

- Nay chư Hiền! Tôi không có sợ hãi đó đâu.

Chư Tỳ khưu cho rằng Trưởng lão là người khỏe Thượng Nhân Pháp, là đạo quả A La Hán, nên trình bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Tỳ khưu Angulimāla đã nói điều phi chân, sai với ý của mình.

- Nay các Tỳ Khưu! Angulimāla hằng không còn kinh sợ nữa, con của Như Lai giống như Ngưu Vương giữa đàn bò, tức là đồng với Bạc Vô Lậu rồi.

Ngài thuyết lên kệ ngôn (trong phẩm Bà la môn) rằng:

“Ta nói rằng: Người dũng cảm, cao thượng, hùng dũng, người tâm cầu ân đức lớn, người chiến thắng đặc biệt, người không rung động, người đã rửa sạch (mọi ô nhiễm) người đã giác ngộ, đó gọi là Bà la môn”.

Riêng Đức vua Pasenadi u sầu khi nghe Đức Thế Tôn chỉ tùy hỷ phước bằng bốn câu kệ ngắn, rằng:

“Bạc Đạo Sư đã không tùy hỷ phước xứng đáng với sự cúng dường của ta, giữa hội chúng Ngài chỉ thuyết lên có bốn câu kệ ngôn vắn tắt như thế, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Có lẽ ta đã thất kính với Đức Đạo Sư, đã cúng dường bất xứng đến Ngài rồi chăng? Có phải chăng ta đã làm cho Ngài không hoan hỷ. Lẽ ra Ngài sẽ tùy hỷ phước xứng đáng với đại thí này rồi. Vì Ngài hằng tùy hỷ xứng đáng với những ai hằng hạnh đại thí kia mà”.

Đức vua đi đến Tịnh Xá Jetavana, vào đánh lễ Đức Thế Tôn, xong rồi bạch hỏi Ngài rằng:

- Bạch Thế Tôn! Có phải Trẫm cúng dường vật không thích hợp chăng? Hay là vật cúng dường của Trẫm không được thanh tịnh? Hoặc Trẫm chỉ cúng dường vật bất xứng còn vật thích hợp lại không cúng dường?

- Tâu Đại Vương! Vì sao Đại Vương lại hỏi Như Lai như thế?

- Bạch Thế Tôn! Vì Trẫm thấy Ngài tùy hỷ phước đại thí chỉ bốn kệ ngôn ngắn.

- Nay Đại Vương! Đại Vương đã cúng dường đại thí vật Vô Song. Đó là sự cúng dường thí vật không sự cúng dường thí vật nào có thể so sánh được. Trong đời chư

Phật chỉ có một lần Vô Song Thí như thế thôi. Lẽ thường, đại thí như thế, người thường khó làm.

- Nếu sự kiện là như thế, vì sao Đức Thế Tôn lại không phúc chúc cho xứng với đại thí như thế.

- Nay Đại Vương! Vì trong hội chúng của Đại Vương không được trong sạch.

- Bạch Thế Tôn! Vậy trong hội chúng có làm lỗi chi thế?

Đức Thế Tôn thuật lại hai ý nghĩ của Đại Thần Kāla và Đại Thần Junha, rồi cho Vua biết rằng với tâm đại bi mẫn đối với Kāla, nên Ngài chỉ chúc phước ngắn gọn bằng bốn câu kệ mà thôi.

Được nghe như thế, Đức vua trở về Hoàng Cung cho đòi Đại Thần Kāla đến, hỏi rằng:

- Nay Kāla khanh! Được biết rằng khanh có ý nghĩ như thế, như thế phải chăng?

- Tâu Đại Vương! Có thật như thế.

- Nay khanh! Ta và Hoàng Tộc đâu có dùng tài sản của khanh hay của gia tộc khanh để cúng dường, Trẫm cũng không có làm điều chi khiến khanh buồn phiền cả. Vậy thì, tài sản nào mà Trẫm đã ban cho khanh, khanh hãy mang theo đi, khanh hãy rời khỏi Vương Quốc của Trẫm.

Đức vua sau khi tẩn xuất Đại Thần Kāla ra khỏi Vương quốc rồi, Ngài cho gọi Junha đến phán hỏi rằng:

- Được nghe rằng khanh có được ý nghĩ như thế phải chăng?

- Tâu bệ hạ! Vâng.

- Lành thay! Lành thay, Trẫm rất hài lòng về khanh, Trẫm sẽ ban cho khanh ngôi vị Quốc Vương trong 7 ngày, khanh toàn quyền xuất cửa kho ra hành thí hạnh như Trẫm đã làm.

Đức vua Pasenadi giao vương quốc cho Đại Thần Junha trị vì 7 ngày. Rồi Đức vua đến trình lên Đức Thế Tôn việc làm của mình, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nhìn thấy hậu quả xấu của kẻ cuồng si kia, y đã khinh thường sự tín thí của Trẫm cúng dường như thế đấy”.

Đức Đạo Sư phán rằng:

- Thật vậy, này Đại Vương! Kẻ ngu không hoan hỷ với thí hạnh của kẻ khác, là người sẽ nhận lấy khổ cảnh sau này. Còn Bậc Đại trí có sự hoan hỷ thí hạnh của kẻ khác nên nhận được thiên giới sau này vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti,
Bālā have nappasaṃsanti dānaṃ;
Dhīro ca dānaṃ anumodamāno,
Teneva so hoti sukhī parattha”.

“Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét bỏ thí,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc”.

177. Đúng như vậy, người hà tiện không lên cảnh trời, kẻ cuồng si không tán dương đức quảng đại.

Người thiện trí hoan hỷ bố thí, do đó được hạnh phúc về sau.



CHÚ GIẢI:

Kadariyā: Nghĩa là người có sự bôn xén, rón rít. Người không biết lợi ích đời này và đời sau, gọi là ngu nhân.

Sukhī parattha: Nghĩa là Bậc trí khi thọ hưởng Thiên sản, gọi là người có sự an lạc về sau, vì chính do quả phước tùy hỷ về sự bố thí đó.

Dứt kế ngôn, Đại Thần Junha chứng đắc Pháp Nhân. Pháp thoại mang lại lợi ích cho đại chúng như thế.

Đại Thần Junha đã cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng chư Tăng trọng cả 7 ngày như Đức vua Pasenadi thường làm.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Vua với dân thành gắng sức đua,
Trai Tăng làm phước chẳng ai thua.
Nhờ bà Mạ Ly bày mưu chước,
Dân chẳng làm hờ nổi Đức vua.
Trong lễ trai tăng bát nhị này,
Năm trăm voi, lọng hộ tăng thầy,
Thêm ban chiêu đãi dòng vương giả.
Vật thực, hương hoa cúng đủ đầy.
Dầu Vua thiết lễ tốn nhiều tiền
Phật chẳng khen theo lẽ tự nhiên,
Vì có Đại Thần không đắc ý,
Sợ ông võ sợ phải quy thiên.
Phật dạy: trai tăng phước thật nhiều,
Người tâm tùy hỷ cũng đồng siêu,
Kẻ ngu bòn rít, không khen tặng
Lợi ích không cầu, họa hại chiêu!*

DỨT TÍCH ĐẠI THÍ VÔ SONG





177. Người keo kiệt không bao giờ tán thán bố thí, vì vậy họ không bao giờ đi lên cõi Thiên.

XIII.11- CÔNG TỬ KĀLA

(*Paṭhabyā ekarajjenāti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 178)

“Pathabyā ekarajjena,
Saggassa gamanena vā;
Sabbalokādhipaccena,
Sotāpattiphalaṃ varam”.

“Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tối thắng”.

Kệ ngôn Pháp Cú này được Đức Bôn Sư thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến công tử Kāla, là con của Trưởng giả Anāthapindika.

Tương truyền rằng: Trưởng giả Anāthapindika là người viên mãn đức tin trong ân đức Tam Bảo, nhưng con trai ông là Công Tử Kāla lại không có niềm tin nơi Bậc Đạo Sư. Cậu không muốn gần gũi Đức Thế Tôn cũng như không muốn nghe Pháp nơi Ngài. Cậu không hài lòng khi thấy Bậc Đạo Sư ngự đến nhà, không muốn phục vụ Tăng chúng. Mặc dù Trưởng giả Anāthapindika nhiều phen khuyến dụ:

- Này Kāla! Con chớ nên như thế, hãy cung kính phục vụ Tăng đi.

Nhưng chàng vẫn cứ lơ là, Trưởng giả suy nghĩ:

- Con ta là Kāla này, mãi chấp giữ thành kiến sai lạc ấy, nó sẽ rơi vào địa ngục A Tỳ về sau thôi. Ta thấy con mình rơi vào khổ cảnh như thế, lại làm ngơ đi thì đó là điều không phải cho ta. Lẽ thường, chúng sanh không hoan hỷ với tài sản, không thỏa thích với tài sản, điều này không hề có đâu. Ta sẽ cải huấn lại tư kiến sai lạc của Kāla, cho nó trở lại chánh kiến bằng cách phủ dụ nó bằng tài vật.

Trưởng giả Anāthapindika nói với Công Tử Kāla rằng:

- Này con thân! Con hãy thọ trì Trai giới đi, hãy đến Tịnh xá nghe Pháp trọn đêm. Cha sẽ cho con 100 đồng vàng.

- Có thật thế chứ? Thưa cha.

- Nếu con làm được như thế, cha sẽ cho con ngay.

Công Tử Kāla nhận lời, vào ngày Trai giới, chàng đi đến Tịnh Xá, thọ trì trai giới. Nhưng chàng chẳng màng nghe Pháp, chỉ tìm chỗ ngủ cho thỏa thích, thoải mái, rồi khi trời rạng sáng, chàng từ Tịnh Xá trở về nhà. Trưởng giả hoan hỷ nói với chàng rằng:

- Con của ta đã thọ trì Giới hạnh trọn cả ngày đêm rồi, các người hãy dọn những vật thực thượng vị cho con ta dùng nhanh đi.

Trưởng giả sai gia nhân dọn vật thực ngon ngọt thượng vị, gọi người mời Công Tử Kāla dùng sáng. Nhưng khi ngồi vào bàn, Công Tử không chịu dùng ngay, mà bảo với cha rằng:

- Thưa cha! Cha hứa cho con 100 đồng vàng, nếu con thọ trì Trai giới và nghe pháp trong Tịnh Xá của Đức Thế Tôn. Vậy cha hãy ban thưởng cho con đi.

- Này con! Con hãy dùng vật thực đi, cha sẽ cho con ngay món tiền ấy.

- Thừa cha! Nếu chưa được tiền thì con sẽ không dùng vật thực.

Thấy Công Tử kẻo nài như thế, Trưởng giả cho mang tiền ra, bảo rằng:

“Này Kāla con! Vậy là 100 đồng vàng của con đấy”.

Sau khi nhận được tiền rồi, Công Tử mới dùng vật thực. Hôm sau, Trưởng giả bảo với Công Tử rằng:

- Này Kāla con! Cha sẽ cho con ngàn đồng vàng, nếu con thuộc được một câu kệ của Đức Thế Tôn thuyết giảng, nếu con nghe Pháp từ nơi chính Ngài.

Công Tử nghe vậy, chàng nhận lời đi đến Tịnh Xá Jetavana nghe Pháp với chú ý rằng: *“Ta chỉ cần học thuộc một câu kệ ngôn từ nơi Đức Thế Tôn rồi ta sẽ trở về”.* Bậc Đạo Sư quán xét, thấy được duyên lành đạo quả của Kāla đã chín muồi, Ngài liền dùng Phật Lực khiến cho Công Tử thuộc được câu kệ ngôn, khi vừa ra khỏi Tịnh Xá thì chàng lại quên ngay. Chàng trở vào lại Tịnh Xá nghe Pháp để học thuộc câu kệ ngôn khác, rồi ra về, nhưng khi ra khỏi Tịnh Xá thì chàng lại quên mất. Lần thứ ba, chàng quyết tâm rằng:

“Ta sẽ trở lại nghe pháp, lần này ta cố nhớ cho thật kỹ, học thuộc rõ ràng câu Phật Ngôn rồi mới ra về”.

Nhưng chàng đâu có hiểu rằng: Nghe với tâm như thế gọi là nghe pháp với sự tôn kính. Lẽ thường sự nghe Pháp với tâm tôn kính, tâm an tịnh như thế sẽ nhận được nhiều lợi ích, là tài sản của Bậc Thánh như Đạo Quả Dự Lưu...

Duyên lành của Kāla đã đến thời rục rờ, trí tuệ của chàng được Pháp Bảo khai thông, nghe Pháp xong chàng chứng đắc Dự Lưu Quả.

Chàng trú lại Tịnh Xá suốt đêm, vào khi trời rạng sáng, chàng cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng đến thọ trai tại nhà của mình.

Trưởng giả Anāthapindika trông thấy con mình trở về từ đằng xa, có Đức Phật và chư Tỷ khưu ngự đến đang dẫn đầu. Ông vô cùng hoan hỷ, nghĩ rằng:

“Hôm nay con ta đã làm một việc khiến ta rất hài lòng. Cứ chỉ con ta hôm nay thật khác hẳn ngày thường”.

Trưởng giả thân hành ra rước bát và cung thỉnh Đức Phật cùng chư Tăng ngự vào chỗ ngồi đã được soạn sẵn. Công Tử thưa với cha rằng:

- Thừa cha! Hôm nay con cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng đến thọ thực tại nhà chúng ta. Xin cha hãy hoan hỷ phước cùng con.

- Lành thay! Lành thay, này con.

Nhưng rồi chàng lại có sự hổ thẹn trong tâm rằng:

- Mong rằng cha ta đừng nhắc lại việc cho tiền ta trước mặt Đức Thế Tôn và chư Tăng. Mong cha ta giữ kín việc ta thọ giới Bát Quan chỉ vì 100 đồng vàng, và đi nghe Pháp chỉ vì món tiền 1000 đồng vàng.

Nhưng mọi việc ấy, Đức Thế Tôn đã thấu rõ ngọn ngành. Khi Trưởng giả cúng dường cháo đến Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ khưu xong, ông bảo với Công Tử Kāla rằng:

- Này con! Con hãy dùng vật thực sáng đi. Món tiền 1000 đồng đang đặt trên bàn cho con đây. Cha có hứa với con rằng: Khi con nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, thuộc được một câu kệ ngôn của Ngài cha sẽ cho con ngàn đồng vàng. Đây là số tiền đó, nó đã thuộc về con.

Công Tử Kāla nghe cha nói như thế trước mặt Đức Thế Tôn, chàng hổ thẹn nói rằng:

- Thưa cha, giờ đây con không còn mong được tiền như thế nữa.

Mặc cho Trưởng giả nài ép nhiều lần, chàng cương quyết không nhận ngàn đồng vàng. Ngạc nhiên trước thái độ hy hữu ấy, Trưởng giả bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con rất hài lòng về tư cách của Kāla.

- Này Trưởng giả, chuyện chi thế?

- Bạch Thế Tôn! Hôm qua khi Kāla thọ trì giới Bát quan, trọn đêm trú trong Tịnh Xá, sáng trở về nhà, nếu chưa nhận được một trăm đồng thì không chịu dùng vật thực. Nhưng hôm nay, cả ngàn đồng vàng Kāla lại cương quyết khước từ.

- Thật vậy, này Trưởng giả! Hôm nay chính quả vị Dự Lưu mà Kāla chứng đạt được còn cao quý hơn ngôi Vua Chuyển Luân, hơn cả tài sản Chư Thiên, Phạm Thiên sản nữa.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

*“Pathabyā ekarajjena,
Saggassa gamanena vā;
Sabbalokādhipaccena,
Sotāpattiphalaṃ varam”.*

*“Hơn thống lĩnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tối thắng”.*

178. Hơn quyền bá chủ trên quả địa cầu, hơn tài sản nơi Thiên giới, hơn quyền chúa tể của toàn thể vũ trụ, là quả bậc Nhập Lưu.



CHÚ GIẢI:

Pathabyā ekarajjena: Tức là cao quý hơn ngôi vua Chuyển Luân.

Saggassa gamanena vā: Nghĩa là cao quý hơn 26 cõi trời.

Sabbalokādhipaccena: Nghĩa là cao quý hơn sự làm chúa tể trong thế gian, kể cả Long Vương, Kim Sí Điều Vương...

Sotāpattiphalaṃ varam: Nghĩa là dù cho Đức Vua tối thượng, thọ hưởng nhân sản như thế nào, cũng không thể thoát khỏi địa ngục.

Còn Bạc Tu Đà Hườn sát trừ được ba kiết sử, thì đoạn tận được bốn cảnh khổ. Dù có dễ duôi mấy, bạc Tu Đà Hườn cũng chẳng thọ sanh quá 7 kiếp. Vì thế quả Tu Đà Hườn cao tột hơn tất cả mọi tài sản thế gian này.

Dứt Pháp thoại, nhiều người chứng đạt quả như Tu Đà Hườn...

Dịch Giả Căn Đè

*Muốn con thọ giới, phải cho tiền,
Để dụ con mình tạo phước duyên.
Công tử ham vàng, chăm thính pháp,
Đắc ngay sơ quả, được vui yên,
Từ nay, công tử hết ham vàng,
Cha cứ đem cho, thấy ngỗ ngang,
Tài sản thánh nhân còn quý trọng
Hơn bao sự nghiệp của trần gian,
Phật dạy: làm Vua cõi thượng thiên,
Hoặc trên mặt đất nắm vương quyền,
Hoặc làm bá chủ trên tam giới,
Thì cũng không bằng quả tối tiên.*

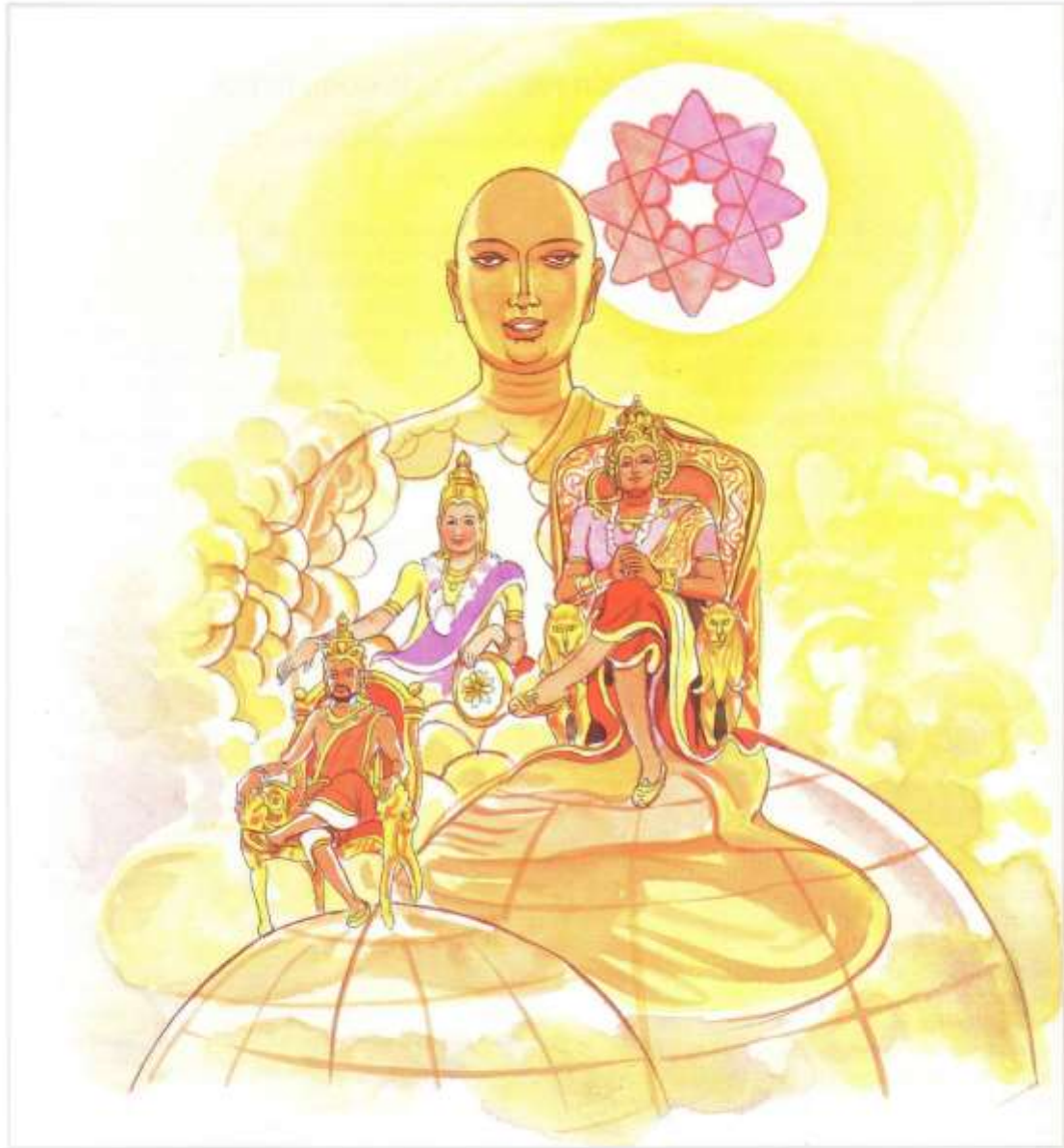
DỨT TÍCH CÔNG TỬ KĀLA



DỨT PHẨM THẾ GIAN – LOKA VAGGA

DỨT PHẨM 13





178. Đạt quả Dự lưu còn cao quý hơn nhiều so với sanh Thiên.

XIV. PHẨM PHẬT ĐÀ

BUDDHA VAGGA

- 16 bài kệ: Pháp cú 179-195

- 9 Tích truyện



XIV.1- CON GÁI MA VƯƠNG

(*Māradhūtā*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 170-180)

179. “Yassa jitaṃ nāvajīyati,
Jitaṃ yassa, no yāti koci loke.
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,
Aparaṃ kena padena nessatha”.

*“Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi
Bậc không để dấu tích?”.*

180. “Yassa jālinī visattikā,
Taṇhā natthi kuhiñci netave;
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,
Aparaṃ kena padena nessatha”.

*“Ai giải tỏa lưới tham,
Ái phược hết dốt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi
Bậc không để dấu tích?”.*

Kệ Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài vừa chứng ngộ Đạo Quả, Ngài ngồi dưới cội Bồ Đề, đề cập đến ba nàng Ma nữ là con gái của Ma Vương.

Được biết rằng: Trong kinh thành xứ Kuru, có Bà la môn tên là Māgandiyā. Ông có được một nàng con gái xinh đẹp, tên là Māgandiyā, với sắc đẹp kiêu sa lộng lẫy của nàng, rất nhiều Vương Tôn Công Tử, đã cho người đến cầu hôn nàng, nhưng Bà la môn Māgandiyā khước từ tất cả, với lời nói rằng:

- Các vị không xứng đáng với nhan sắc xinh đẹp của con gái tôi.

Một hôm, theo phong tục của Bà la môn, Māgandiyā đi đến đền thờ đền của mình. Bây giờ, theo thông lệ của chư Phật, vào khi trời hừng sáng, Đức Thế Tôn dùng Phật Tuệ quán sát thế gian, nhìn thấy hình ảnh Bà la môn Māgandiyā trong Phật trí. Ngài quán xét: “*Đây là do nhân nào?*”. Ngài thấy được duyên lành quả vị A La Hán của hai vợ chồng Māgandiyā.

Khi trời sáng, Đức Thế Tôn vận mặc y phục, tay cầm y bát ngự đến đền thờ Thần Lửa để tế độ vợ chồng Bà la môn Māgandiyā.

Bấy giờ, khi Bà la môn Māgandiyā vừa đến đền thờ Thần Lửa, ông nhìn thấy Phật tướng trang nghiêm, vô cùng đẹp với 32 Đại Nhân tướng hiển lộ, ông khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Trong thế gian, ta chưa từng thấy được ai có sắc diện thanh tú đẹp đẽ như vị Sa môn này. Vị này quả thật xứng đáng với sắc đẹp diễm kiều của con gái ta. Vậy ta hãy gả con gái của ta cho vị ấy vậy.

Thế rồi, ông Māgandiyā đi đến gần Đức Thế Tôn, nói rằng:

- Thưa ông Sa môn anh tuấn, tôi có được đứa con gái, tên là Māgandiyā, nó rất tuyệt mỹ, rất xứng đáng làm vợ Ngài. Tôi sẽ gả nó cho Ngài để nó được phụng sự Ngài. Ngài hãy đợi tôi nơi này, tôi sẽ dẫn nó đến đây.

Nghe y nói như thế, Bạc Đạo Sư không tán thán cũng không ngăn cản. Bà la môn Māgandiyā trở về nhà nói với vợ rằng:

- Này Bà ơi! Nay tôi trông thấy một người rất xứng đáng với con gái của mình. Chúng ta sẽ gả Māgandiyā cho người ấy.

Vợ chồng Bà la môn Māgandiyā bảo Māgandiyā trang điểm cực kì diễm lệ, rồi cùng nhau đi đến nơi ngụ của Đức Bổn Sư, đại chúng hiếu kì cũng rủ nhau đến xem người mà Māgandiyā vừa tán tụng.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn không đứng tại nơi ấy, Ngài để lại dấu chân để tế độ hai ông Bà la môn, rồi đi đến một nơi gần đó không xa mấy. Tương truyền rằng: Dấu chân chư Phật chỉ xuất hiện nơi mà Ngài chú nguyện rằng: “*Người này hãy nhìn thấy dấu chân Như Lai tại nơi này*”. Rồi Ngài đạp xuống để lưu lại dấu chân, ngoài ra thì không hề lưu lại dấu chân Phật.

Khi hia vợ chồng Māgandiyā đi đến, không thấy Bạc Đạo Sư, người vợ hỏi chồng rằng:

- Này ông, người ấy đâu rồi?

- Tôi có dặn rằng: Ông hãy đứng chờ đợi nơi đây mà.

Bà la môn Māgandiyā nhìn quanh quất, chợt ông nhìn thấy dấu chân được lưu lại của Đức Thế Tôn, nên reo lên rằng:

- Đây rồi, dấu chân này của người ấy, người ấy đã để dấu lại cho chúng ta đây.

Vợ Māgandiyā là người tinh tường về khoa chiêm tướng, quan sát dấu chân Phật rồi, bà nói với chồng rằng:

- Ông ơi! Việc mà ông định gả Māgandiyā cho người này, không có được đâu, vì đây là dấu chân của người không còn thọ hưởng dục.

- Này bà, sự hiểu biết về khoa chiêm tướng của bà, ví như cá lội trong lu nước mà thôi. Chính tôi đã nói với vị Sa môn ấy rằng: Tôi sẽ đem con gái mình gả cho Ngài. Vị ấy đã im lặng nhận lời rồi kia mà.

- Thưa ông! Tuy ông đã nói như thế, nhưng đây chính là dấu chân của Bạc đã đoạn lìa phiền não rồi.

Bà ngâm tiếp kệ ngôn rằng:

“*Người ái dục với nhiều phiền não thì dấu chân lồm vào giữa. Người nhiều sân hận thì dấu chân nặng về gót. Người tham ái thì dấu chân thiên nặng về đầu ngón*”

chân. Người có bàn chân bằng phẳng như thế này, là người đã chấm dứt phiền não rồi”.

Thôi đi bà, bà chớ có ồn ào như thế. Chúng ta sẽ tìm thấy vị Sa môn anh tuấn kia thôi.

Hai vợ chồng Bà la môn Māgandiyā đi tìm, thấy được Bậc Đạo Sư ông liền chỉ cho vợ thấy rằng:

- Này bà, đây chính là vị Sa môn mà tôi đã nói đấy.

Ông đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, thưa rằng:

- Thưa vị Sa môn! Tôi sẽ gả con gái chúng tôi cho Ngài. Đây là con gái tôi, có tên là Māgandiyā.

Khi ấy, Đấng Như Lai không nói rằng: “*Như Lai đâu có cần đến con gái người*”. Ngài lại phán dạy Bà la môn ấy thế này:

- Này ông Bà la môn! Như Lai sẽ nói với ông điều như vậy, ông có chịu nghe chăng?

- Vâng, thưa ông Đại Sa môn.

Đức Thế Tôn liền thuật lại câu chuyện từ khi Ngài rời Hoàng Cung Kapilavatthu ra đi tìm đạo giải thoát, cho đến khi Ngài thắng phục được Ma nữ, tóm tắt câu chuyện như sau:

Đức Đại Bồ Tát từ bỏ Vương vị, lên ngựa Kanthaka có chàng hầu cận trung tín là Channa làm bạn đồng hành, Ngài ra đi xuất gia tìm đạo giải thoát khổ. Bấy giờ, Ma Vương đứng tại cổng Hoàng Thành khuyên dụ Đấng Đại Hùng rằng:

- Này Siddhattha! Người hãy quay trở lại đi, kể từ hôm nay trở đi, sau 7 ngày nữa người sẽ là vị Vua Chuyển Luân Vương, những Bảo vật của Đức Vua Chuyển Luân như Thiên báu luân, Tượng báu, Mã báu, Ngọc báu, Nữ báu, Cư sĩ báu và Tướng quân báu sẽ xuất hiện cho người đây.

- Này Ma Vương! Ta cũng vẫn rõ biết sẽ có những báu vật ấy, nhưng ta có cần chi những báu vật ấy. Ta cần đạo giải thoát mà thôi.

- Nếu vậy, người ra đi xuất gia như thế, có ích lợi gì cho người?

- Ta xuất gia để trở thành bậc Toàn Giác Vô Thượng, nhằm cứu vớt chúng sanh khỏi khổ.

- Nếu vậy, từ hôm nay trở đi, ta sẽ theo dõi người. Nếu người khởi lên tầm cầu một trong ba loại tầm cầu như dục tầm... ta sẽ có cách đối phó với người vậy.

Kể từ hôm ấy, Ma vương luôn theo dõi tâm Bồ Tát để tìm sơ hở của Ngài, hòng bắt lỗi Đấng Đại Hùng. Trọn cả 6 năm dài như thế, y không thể tìm được lỗi lầm dù chỉ là chút ít của Ngài. Sau 6 năm tinh cần khổ hạnh, Ngài đã ép xác quá mức trong khổ hạnh, nhưng không thể chứng đạt Đạo Quả Giải Thoát. Thế rồi, nhân nghe được tiếng thiên cầm ba dây: Cầm quá dây đàn sẽ đứt, chùn quá thì âm thanh không thể du dương đúng điệu hòa âm thù diệu hòa hợp với nhau. Ngài từ bỏ hai cực đoan là khổ hạnh và lợi dưỡng, thực hành theo Trung đạo.

Dưới cội Bồ Đề, sau khi chiến thắng Ma Vương cùng binh tướng, trong đêm rằm tháng Vesak, Ngài chứng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác quả vị. Ngồi dưới cội Bồ Đề an hưởng hạnh phúc giải thoát.

Vào tuần lễ thứ năm, Ngài ngự đến cội cây Ajapālanigrodha, khi ấy Ma Vương đang sầu khổ ngồi ven đường, vạch lên 16 vạch so sánh sự thua kém của mình với Đức Đại Giác. Ma Vương suy nghĩ:

- Bấy lâu nay, ta hằng theo dõi Siddhattha để tìm lỗi y, nhưng không tìm được lỗi lầm nào cả. Nay y đã thoát ra khỏi quyền lực của ta rồi.

Bấy giờ, ba nàng Thiên Nữ là con gái của Ma Vương, thấy vắng cha, các cô tìm gặp Ma Vương, suy nghĩ rằng:

- Vương Phụ của Ta đang trú nơi nào nhỉ?

Ba Thiên Nữ thấy cha mình đang ngồi bên vệ đường, đi đến bạch hỏi rằng:

“Thưa cha! Vì sao cha lại sầu não như thế?”

Ma Vương tường thuật lại câu chuyện cho ba nàng Thiên Nữ ấy nghe. Các nàng nói với Ma Vương rằng:

- Thưa cha! Cha chớ nên sầu não nữa, chúng con sẽ làm cho Siddhattha ở trong quyền lực của chúng con, rồi sẽ dẫn về cho cha.

- Nay các con! Không một ai trong thế gian này còn có thể làm cho vị ấy rơi vào quyền lực được nữa đâu.

- Thưa cha! Chúng con là nữ nhân, chúng con sẽ quyến rũ y vào cạm bẫy ái dục, luyến ái... Rồi chúng con sẽ dẫn y về cho cha. Xin cha đừng bận lòng, khi cha có được các người con đây quyền lực như chúng con.

Ba nàng Thiên Nữ ấy có tên là Tanha, Aratī và Hāgā. Sau khi từ giả Ma Vương, ba nàng đi đến cội cây Ajapālanigrodha, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi thưa rằng:

- Kính bạch Bậc Đại Sĩ! Chúng em sẽ phục vụ Ngài.

Đức Thế Tôn lặng yên, nhắm mắt, Ngài chẳng đoái hoài gì đến các Thiên Nữ ấy. Các Ma nữ suy nghĩ: *“Nam nhân thường có sự yêu thích sai biệt, một số ái luyến những nữ nhân mới lớn, một số thì thương yêu những góa phụ một con, trung niên, còn số khác thì ưa chuộng những song phụ lớn tuổi. Thế thì, chúng ta sẽ quyến rũ y bằng nhiều hình tướng nữ nhân, bằng nhiều cách khéo gợi dục cảm nơi y”*.

Ba nàng Thiên Nữ ấy hóa thân thành hàng ngàn cách, từ những thiếu nữ còn xuân, song phụ một con, hai con, cho đến hạng tuổi trung niên... đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, thưa rằng:

- Kính thưa bậc Đại Sĩ! Chúng tôi đến phục vụ Ngài đây.

Cả sáu lần như thế, nhưng Đức Thế Tôn chẳng màng đến lời của ba Thiên Nữ, tâm Ngài đang hướng đến pháp tận diệt mọi phiền não ái vi tế tiềm hiện. Rồi Ngài phán với các Ma Nữ rằng:

- Các người hãy đi đi, các người tìm được lợi ích gì mà cố gắng làm như thế chứ. Việc làm của các người chỉ có thể quyến rũ được người còn ái dục thôi. Như Lai đã

tận diệt mọi tham ái phiền não rồi. Các người mong Như Lai rơi vào quyền lực của các người do nhân nào được chứ.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

179. “Yassa jitaṃ nāvajīyati,
Jitaṃ yassa, no yāti koci loke.
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,
Apadaṃ kena padena nessatha”.

“*Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi
Bậc không để dấu tích?*”.

180. “Yassa jālinī visattikā,
Taṇhā natthi kuhiñci netave;
Taṃ buddhamanantagocaraṃ,
Apadaṃ kena padena nessatha”.

“*Ai giải tỏa lưới tham,
Ái phục hết dốt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi
Bậc không để dấu tích?*”.

179. Người mà cuộc chinh phục (dục vọng) không thể thất bại trên thế gian này, không (dục vọng nào) đã bị khắc phục còn theo người ấy. Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thật vô cùng tận. Người sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào?

180. Người không còn bị ái dục, hỗn tạp và rối ren dẫn dắt đến kiếp sống nào. Oai lực của vị Phật không dấu vết ấy thực vô cùng tận. Người sẽ dẫn dắt Ngài bằng đường lối nào?

CHÚ GIẢI:

Yassa jitaṃ nāvajīyati: Nghĩa là bản chất phiền não dư ái... mà Đức Chánh Đẳng Giác đã chinh phục bằng Đạo Tuệ rồi, Ngài không còn trở lui lại, tức là đã chinh phục rồi thì không còn điều ác nào khởi lên được do nương vào phóng dật.

No yāti (tách thành: No+uyyāti) là không theo đuổi.

Giải rằng: Các phiền não như ái... dù là chút ít trong đời, cũng không hề có được ở phía sau, tức là phiền não mà bậc Chánh Đẳng Giác đã diệt trừ rồi, sẽ không còn được bậc ấy theo đuổi nữa.

Anantagocaraṃ: Nghĩa là bậc có cảnh giới vô tận bằng khả năng của bậc Toàn Giác, có cảnh giới vô tận.

Hai câu: Kena padena... nghĩa là: Các dấu vết như ái... dù chỉ là chút ít cũng không hề có đối với vị Chánh Đẳng Giác. Các người sẽ dùng dấu vết gì để quyền rũ vị ấy được?

Phân tích kệ ngôn thứ hai: Gọi là ái, tức là jālinī (lưới dẹt) vì nhận thấy rằng: Ái được so sánh như tấm lưới, bởi ý nghĩa bao trùm, cột, trói chặt. Gọi là Visattikā vì có đặc tánh là thường dẫn đi trong các cảnh như sắc, thanh, vị, hương... được so sánh như vật thực độc, như hoa độc, như trái cây độc, như vật dụng tầm chất độc.

Giải rằng: Ái như thế không thể có đối với vị Phật, để có thể đưa Ngài đi vào cảnh giới nào khác được cả. Các người sẽ dùng dấu vết, vết tích nào đối với vị Phật ấy được?

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Chư Thiên giác ngộ Pháp nhãn. Ba nàng Thiên Ma Nữ biến mất tại chỗ.

Sau khi thuyết lên Pháp thoại này xong, Bạc Đạo Sư phán dạy Bà la môn Māgandiyā rằng:

- Này Māgandiyā! Thời trước Như Lai đã trông thấy thân của Ba Ma Nữ như vàng ròng tinh anh sáng ngời, không có sự ứ nhiễm như mật, đàm, mủ... dù là như thế, trong thời ấy Như Lai cũng không hề có sự thỏa thích trong dâm pháp, hưởng hò chỉ thân xác của con người đầy rẫy 32 thể trược, như túi da chứa đựng những trược chất phân, nước tiểu... được trang điểm xinh đẹp bên ngoài. Con người dù có nằm trước ngưỡng cửa, chân Ta dù có bấn chằng nữa, Ta cũng không hề có ý muốn dẫm chân lên, đụng vào người của nàng ấy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn:

“Sự thỏa thích trong dâm pháp không hề có, cho dù đó là nàng Tanhā, nàng Aratī, nàng Rāgā. Còn xác thân con người chứa đựng đầy phân và nước tiểu. Làm thế nào ta có sự thỏa thích trong dâm pháp được. Thậm chí chân của ta còn chẳng hề muốn đụng vào thân nàng ta nữa là”.

Dứt là , hai ông bà Māgandiyā đấ quả A Na Hàm.

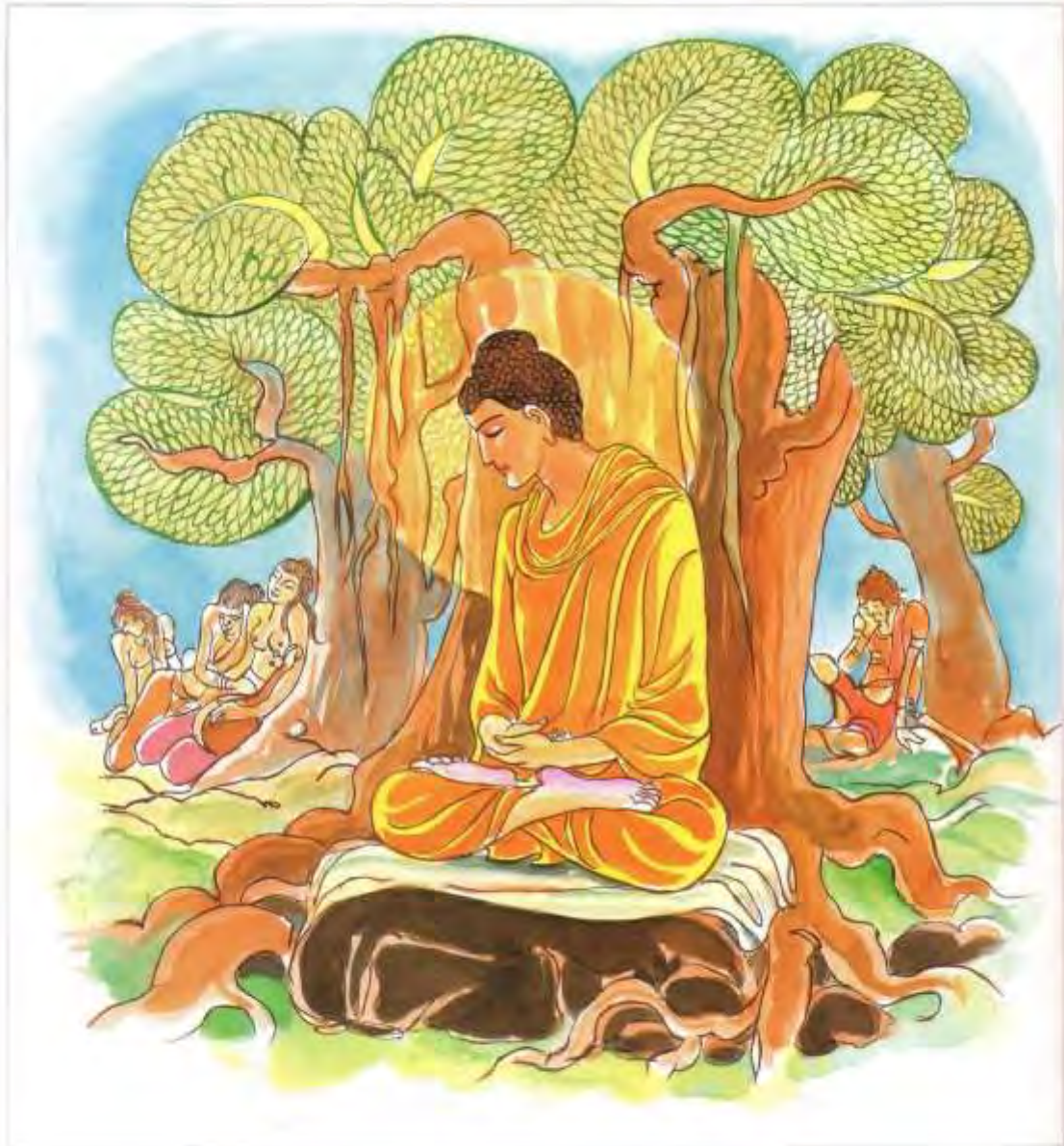


Dịch Giả Cẩn Đề

*Vào thất thứ năm, đức Phật đà,
Đang ngồi tịnh tọa gốc cây đa,
Bỗng nhiên ma nữ, ba nàng, đến,
Quyết bắt Ngài về nạp mạng cha.
Không ngờ ái dục Phật trừ rồi,
Nữ sắc đâu còn sức cuốn lôi,
Ma quái chỉ toàn là ảo ảnh,
Đàn bà cũng xác chưa tanh hôi!
Nghe pháp, vợ chồng đắc Bất lai,
Nhưng cô gái đẹp bị chê bai,
Tức mình, từ đó sanh thù hận
Sau gặp dịp thuê kẻ mắng Ngài.*

DỨT TÍCH CON GÁI MA VƯƠNG





179. Sự chiến thắng của Phật quả là chiến thắng viên mãn, không thể đảo ngược lại và không ai phá hoại được cả.



180. Khi đạt Phật quả (giác ngộ) mọi tham ái đều tiêu vong. Không còn lưới giăng cũng không còn ai bị mắc lưới nữa.

XIV.2- THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO (*Yamakapaṭihāriyatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 181)

“Ye jhānapasutā dhīrā,
Nekkhammūpasame ratā;
Devāpi tesam pihayanti,
Sambuddhānam satīmatam”.

“*Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư Thiên đều ái kính,
Bậc chánh giác, chánh niệm*”.

Kệ Pháp Cú này được Đức Bôn Sur thuyết lên, khi Ngài trú tại thành Sankassa, đề cập đến nhiều vị Chư Thiên và nhân loại tại cửa thành Sankassa.

Một thời, có vị Trưởng giả trong thành Rājagaha, ông ta cho giăng lưới có hình như chiếc chai bể, để giữ an toàn khu vực tắm riêng mình và giữ lại những đồ vật do vô ý làm rớt xuống nước bị trôi đi như là: y phục... chẳng hạn.

Một hôm, khi đi tắm sông, ông bỗng trông thấy một khúc gỗ trầm hương đỏ trôi tấp vào lưới giăng và mắc vào đó. Nguyên trên thượng lưu sông Gangā, có một cây Trầm hương mọc dựa mé thượng nguồn, dần dần nước xoáy gốc trầm hương, cây trầm hương ngã xuống, một đoạn trầm có vòng tròn bằng cái nồi rơi trên một tảng đá, bị đá cắt dần rồi đứt ra, sóng đánh vào và rút dần ra, khúc trầm ấy rơi vào dòng sông Gangā, xuôi theo dòng nước trôi xuống miền hạ lưu sông, dính mắc vào lưới của Trưởng giả ấy. Vị Trưởng giả hỏi tùy tùng rằng: “*Cái gì thế?*”.

Khi biết là khúc lõi trầm hương. Ông cho mang lên, quán sát biết đây là loại trầm hương đỏ quý giá. Trưởng giả này chẳng phải là người có chánh kiến, cũng không rơi vào tà kiến của ngoại giáo. Ông ta không theo một đạo giáo nào cả, khi nhặt được khúc gỗ trầm quý giá đó, ông khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Loại trầm hương đỏ này, nơi gia tộc ta có nhiều. Ta cần thiết chi đến loại trầm hương này.

Rồi ông lại khởi lên ý tưởng rằng: “*Hiện nay trong thành Rājagaha có nhiều người tự xưng mình là bậc A La Hán. Riêng ta thì chẳng biết giáo phái nào có được vị A La Hán. Vậy ta hãy cho tiện khúc gỗ trầm này làm thành bát, treo giữa hư không cao khoảng 60 hắc tay (30m), cho rao truyền rằng: Bậc nào là Thánh A La Hán thì hãy bay lên nhận lấy bát ấy. Người nào nhận được bát bằng thần thông lực thì ta cùng với vợ con sẽ theo người ấy*”.

Ông cho tiện khúc gỗ trầm hương đỏ thành cái bát, rồi thực hành theo ý tưởng của mình, xong rồi cho gia nhân đánh trống rao truyền khắp kinh thành Rājagaha rằng:

“*Trong thế gian này, bậc nào là A La Hán, vị ấy hãy đến nhận lấy bát này đi*”.

Nghe được tin ấy, cả Giáo chủ của sáu ngoại đạo, cho người đến thảo luận riêng với Trưởng giả ấy rằng:

- Này Trưởng giả, cái bát ấy rất xứng đáng với Giáo chủ của chúng tôi, ông hãy dâng bát ấy đến Giáo chủ chúng tôi đi.

- Thưa các Ngài! Giáo chủ của Ngài hãy dùng thần thông bay lên lấy bát ấy đi.

Ông đã từ khước dâng bát bằng cách như vậy. Đến ngày thứ sáu, Giáo chủ ngoại đạo Nigantha là Niganthanātaputta bày mưu cùng các đệ tử rằng:

- Các con hãy đến tán dương oai đức của ta với Trưởng giả ấy, rằng: “*Bát trâm này xứng đáng với Giáo chủ của chúng tôi, ông chớ vì cái bát có giá trị nhỏ mọn này mà để Giáo chủ chúng tôi phải hiển lộ thần thông như thế*”.

Nhóm đệ tử Nigantha làm theo lời thầy dạy, nhưng vị Trưởng giả đã trả lời rằng:

- Người nào có khả năng thần thông, hãy bay lên hư không mà nhận bát ấy.

Rồi Nātapliputta bàn với đệ tử rằng:

- Khi ta đưa tay chân lên, giả vờ như muốn bay đi lấy bát, các con hãy ôm ta lại, thưa rằng: “*Thưa thầy! Thầy làm chi như thế, xin thầy đừng phô diễn khả năng thượng pháp của bậc A La Hán, chỉ vì cái bát có giá trị nhỏ nhoi như vậy*”. Rồi nắm lấy tay, chân của ta xuống.

Xong rồi, Giáo chủ Niganthanātapliputta đi đến Trưởng giả nói:

- Này Đại Trưởng giả! Bát trâm này chỉ xứng đáng với ta, chẳng xứng đáng với ai khác đâu. Ông chớ nên vui thích sự bay lên không trung của ta chỉ vì nguyên nhân cái bát có giá trị nhỏ nhoi này. Ông hãy dâng bát ấy đến ta đi.

- Thưa Ngài, nếu Ngài cần thì Ngài hãy bay lên lấy bát ấy đi.

- Nếu thế thì, ông hãy xem đây.

Niganthanātapliputta giả vờ đưa cao chân tay, như muốn thi triển thần thông bay đi lấy bát, chúng đệ tử Niganthanātapliputta lập tức chạy đến, nắm lấy tay chân của y, nói rằng:

- Thưa thầy, thầy làm chi thế? Có ích lợi chi cho thầy khi phải phô diễn thần thông lực với Đại chúng chỉ vì cái bát nhỏ nhoi này chứ.

Rồi họ kéo tay chân của Niganthanātapliputta xuống. Khi ấy, y nói với Trưởng giả rằng:

- Này Đại Trưởng giả! Các đệ tử của ta không cho ta phô diễn thần thông. Vậy ông hãy cho ta cái bát trâm ấy đi.

- Thưa Ngài, nếu muốn bát ấy, thì Ngài hãy cứ bay lên lấy vậy.

Bọn ngoại đạo dù cho cố dùng đủ mọi phương cách, thủ thuật như thế cũng không lấy được bát. Vào sáng ngày thứ bảy, Tôn giả Moggallāna cùng Tôn giả Pindolabhāradvāja, hai vị trú ở tầng đá đen (kālanilā) nơi ngoại thành Rājagaha cùng đi vào thành Rājagaha khát thực. Hai Ngài nghe đại chúng bàn luận cùng nhau rằng:

- Trưởng giả cho treo bát cao khoảng 60 hắc tay, loan báo rằng: Vị nào là Thánh A La Hán hãy đến nhận lấy bát ấy. Nhưng đã bảy ngày rồi chẳng có ai lấy được bát ấy cả. Chẳng lẽ trong thế gian này không có bậc A La Hán sao nhỉ?

- Lại nữa, thời trước cả 6 vị Giáo chủ danh tiếng, tự xưng là bậc A La Hán trong thế gian, thế mà cũng không thể dùng thần thông bay lên để lấy bát trăm ấy. Cả thời gian bảy ngày trôi qua như thế, không có ai phô diễn năng lực của Bậc A La Hán cho chúng ta được mục kích. Như thế, hôm nay chúng ta biết rằng: Trong thế gian này không có bậc A La Hán đâu.

Nghe vậy, Tôn giả Moggallāna hỏi Tôn giả Pindolabhāradvāja:

- Này Hiền giả! Hiền giả có nghe sự bàn luận của chúng dân trong thành Rājagaha chẳng?

- Thưa Hiền giả! Tôi có nghe.

- Này Hiền giả! Họ đã khích bác Phật Giáo. Hiền giả là người có thần thông lực, hãy bay lên nhận bát ấy và làm loạn nghi đại chúng đi, mang lại niềm tin cho những ai chưa tin ngưỡng, làm tăng trưởng niềm tin cho người đã có đức tin.

- Thưa Hiền giả! Hiền giả là bậc được Đức Thế Tôn ban cho danh hiệu là Tối thắng đệ nhất về thần thông. Xin Hiền giả hãy đi lấy bát ấy đi. Nếu Hiền giả không đi lấy thì tôi sẽ đi lấy vậy, vì đó là phận sự của tôi.

- Này Hiền giả Pindolabhāradvāja! Hiền giả hãy lấy bát ấy đi.

Được tôn giả Moggallāna cho phép, Tôn giả Pindolabhāradvāja nhập vào Tứ Thiên, ước nguyện thi triển thần thông, khi xả thiên Ngài dùng hai ngón chân kẹp lấy một tảng đá lớn khoảng 3 gāvuta, bay lên hư không như người ta kẹp lấy mảnh bông gòn, Tôn giả bay quanh kinh thành bảy vòng. Tảng đá như cái lọng lớn che kín một vùng kinh thành khoảng 7 gāvuta. Thị dân kinh hoàng rằng: “*Tảng đá sẽ rớt đè chúng tôi*”. Họ tìm lấy thúng, nia... để che trên đầu, thấy chúng dân kinh hoàng, Tôn giả Pindolabhāradvāja hiện rõ thân, Ngài vẫn kẹp chặt tảng đá trong hai ngón chân. Đại chúng thấy được Tôn giả, liền kêu lên rằng:

- Thưa Tôn giả Pindolabhāradvāja! Ngài giữ chặt lấy tảng đá ấy, đừng để rơi xuống đè chết chúng tôi.

Tôn Giả Pindolabhāradvāja thấy chúng dân kinh hoàng như thế, Ngài vận thần thông đưa tảng đá trở về nơi cũ, rồi bay đến lấy bát trăm đang treo cao 60 hắc tay ấy. Vị Trưởng giả mục kích được cảnh tượng hy hữu, đứng theo nguyện vọng của mình, ông đi đến đánh lễ Tôn Giả Pindolabhāradvāja, rước bát trăm ấy và bạch:

- Xin thỉnh Ngài hãy ngự vào nhà của con.

Khi Tôn Giả ngự vào nhà của Trưởng giả, ngồi lên chỗ ngồi đã được soạn sẵn, Trưởng giả cho đặt vào bát trăm ấy bốn loại vật thực có đầy đủ hương vị tối thắng, cúng dường đến Tôn Giả. Tôn giả thọ lãnh xong rồi, trở ra hướng về Tịnh Xá Jetavana.

Khi ấy, có những người dân phải ra ngoại thành làm việc trong rừng, hay đồng ruộng, trở về nghe thị dân tán dương và thuật lại cảnh tượng hy hữu ấy. Những người không có duyên mục kích hiện cảnh thần thông lực của Tôn Giả, đã hội lại với nhau, đến bạch xin Trưởng Lão hãy thi triển thần thông như ban sáng, rằng:

- Xin Ngài hãy thể hiện thần thông cho chúng tôi xem đi.

Tôn Giả Pindolabhāradvāja đành phải thi triển lại神通 lực như ban sáng để làm lắng yên sự náo động của nhóm người ấy. Đức Thế Tôn nghe được tiếng ồn ào náo nhiệt của nhóm người hiếu kỳ ấy, Ngài phán hỏi Đại Đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Tiếng ồn ào náo nhiệt ấy là do nhân chi thể?

Đại Đức Ānanda thuật lại mọi sự việc, khi biết được rằng: “*Bạch Thế Tôn! Đó là tiếng thỉnh cầu của Đại chúng, thỉnh Tôn Giả Pindolabhāradvāja thi triển lại神通 lực như ban sáng*”.

Đức Thế Tôn cho gọi Tôn giả Pindolabhāradvāja đến, hỏi rằng:

- Này Bhāradvāja! Có thật chăng, được nghe rằng người đã làm như thế, như thế?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Này Bhāradvāja! Tại sao người lại làm như thế, tại sao người lại phô diễn năng lực Thượng nhân pháp chỉ vì cái bát trầm có giá trị nhỏ nhoi này.

Sau khi khiển trách Tôn Giả Pindola xong, Ngài thuyết pháp thoại, rồi dạy đập bỏ bát trầm ấy, tán nhuyễn ra dùng làm thuốc nhỏ mắt. Do nhân đó, duyên đó Bạc Đạo Sư chế định học giới cấm Tỳ khuru không được phô diễn神通 lực.

Bọn ngoại giáo được tin rằng: “*Sa môn Gotama cho đập bỏ bát trầm, tán nhuyễn dùng làm thuốc nhỏ mắt, rồi chế định học giới, không cho Tỳ khuru phô diễn神通*”. Chúng liền đi rao truyền trong kinh thành rằng:

- Chúng ta gìn giữ Pháp của mình, nên mới không phô diễn năng lực bậc A La Hán chỉ vì bát trầm có giá trị nhỏ nhoi như thế. Sa môn Gotama đã cấm chế độ tử mình dùng神通, vậy thì giờ đây chúng ta sẽ thi triển神通 đấu với Sa môn Gotama vậy.

Bọn ngoại đạo biết được rằng: “*Các đệ tử của Đức Thế Tôn, khi Ngài chế định học giới rồi, dù có chết các Ngài cũng chẳng hề vi phạm, luôn bảo vệ học giới*”. Nên chúng bảo nhau: “*Chúng ta đã có cơ hội làm giảm uy danh của Sa môn Gotama rồi*”, do vậy chúng mới trôn tráo lên tiếng thách thức, thi đấu神通 như vậy. Nghe bọn ngoại đạo tuyên bố như thế, Đức Vua Bimbisāra lo lắng, Ngài đi đến Tịnh Xá Veluvana bạch hỏi với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Được biết rằng Ngài chế định học giới cho chư Tỳ khuru: Không được thi triển, phô diễn năng lực神通 phải chăng?

- Thật như thế, này Đại Vương.

- Hiện nay bọn ngoại giáo đã tuyên bố rằng: chúng sẽ thi triển神通 để đấu với Ngài. Giờ đây Đức Thế Tôn phải làm sao?

- Nếu bọn ngoại đạo muốn dùng神通 đấu với Như Lai, Như Lai sẽ thể hiện神通.

- Bạch Thế Tôn! Có phải Ngài đã chế định học giới ấy rồi?

- Này Đại Vương! Thật vậy Như Lai chế định học giới cho đệ tử Như Lai, chứ chẳng phải chế định học giới ấy cho mình.

- Bạch Thế Tôn! Điều học Ngài chế định chỉ cho riêng đệ tử Ngài, chứ riêng Ngài thì không bỏ cuộc trong học giới ấy sao?

- Này Đại Vương! Như Lai sẽ hỏi Đại Vương về vấn đề này. Này Đại Vương! Vườn Thượng Uyển của Hoàng gia trong thành này có chăng?

- Bạch Thế Tôn có!

- Đại Vương có ra lệnh: Người ngoài vào vườn hái hoa quả, người ấy sẽ bị hình phạt chăng?

- Bạch Thế Tôn có!

- Nếu người khác vi phạm đi vào vườn Thượng Uyển hái trái, hái hoa thì Đại vương sẽ làm sao?

- Bạch Ngài! Trẫm sẽ trừng phạt kẻ ấy, vì đã sai lệnh của Trẫm.

- Này Đại Vương! Nếu như Đại Vương vào vườn Thượng Uyển hái lấy những quả chín như xoài... để dùng, thì Ngài có phạm tội chăng?

- Bạch Thế Tôn, không!

- Vì sao vậy, này Đại Vương khi Ngài ra lệnh: Không ai được vào vườn Thượng Uyển hái hoa, trái, người khác vào thì phạm tội, còn riêng Ngài thì không?

- Bạch Thế Tôn! Trẫm ra lệnh ngăn cấm như thế, là ngăn cấm người khác, chứ riêng Trẫm thì không bị ràng buộc bởi sự ngăn cấm ấy.

- Cũng vậy, này Đại Vương! Đấng Như Lai chế định điều học là dành cho đệ tử mình, riêng Như Lai là bậc Pháp Vương không hề bị ràng buộc do sự ngăn cấm ấy. Này Đại Vương, điều học mà Như Lai chế định cho đệ tử có oai lực đến trăm ngàn koti thế giới, cũng như hình phạt của Đại Vương có năng lực trong 300 do tuần quốc độ của mình. Hình Phạt ấy không có hiệu lực đối với Đại Vương như thế nào, thì học giới mà Như Lai chế định cho đệ tử, Như Lai chẳng bị ràng buộc vào trong đó như thế ấy. Do vậy, Như Lai sẽ tự thân thi triển thần thông vậy.

Nghe Đức Thế Tôn tự thân thi triển thần thông, bọn ngoại đạo lo lắng, bàn luận cùng nhau rằng:

Giờ đây, chúng ta bị tổn hại rồi, nghe rằng: Sa Môn Gotama tự thân thi triển thần thông, ông chỉ chế định học giới cho hàng đệ tử mà thôi, chứ riêng Sa Môn Gotama chẳng bị ràng buộc trong điều học này. Giờ đây chúng ta phải làm sao đây?

Thế rồi, Đức Vua Bimbisāra đi đến tịnh xá Veļuvana, bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

“Bạch Thế Tôn! Khi nào Ngài thể hiện thần thông?”

- Này Đại Vương! Còn bốn tháng nữa, vào ngày rằm tháng sáu, Như Lai sẽ thi triển thần thông.

- Bạch Thế Tôn! Ngài sẽ thực hiện thần thông ở nơi đâu?

- Như Lai sẽ thi triển thần thông tại thành Sāvattthī.

Hỏi rằng: Vì sao Bậc Đạo Sư định thời gian xa như vậy?

Đáp rằng: Vì kinh thành Sāvattthī là nơi chư Phật quá khứ đã dùng thần thông nhiếp phục ngoại đạo. Lại nữa, Ngài dự định thời gian dài như vậy, để đại chúng có dịp tụ hội với nhau. Và trong đời chư Phật chỉ có một lần Ngài thể hiện Song Thông Lực mà thôi.

Bọn ngoại đạo nghe được tin này, chúng bàn tính với nhau rằng:

- Được nghe nói rằng: Sa môn Gotama còn bốn tháng nữa sẽ thi thố thần thông tại thành Sāvattthī. Bây giờ, chúng ta hãy bám sát theo Sa môn Gotama. Đại chúng thấy thế có hỏi, thì chúng ta đáp rằng: ‘Chúng tôi có tuyên bố thi triển thần thông với Sa môn Gotama, nay Sa môn Gotama toan trốn chạy, nên chúng tôi phải truy đuổi theo ông ta’.

Bấy giờ, Bạc Đạo Sư sau khi ngự vào kinh thành Rājagaha khát thực xong, khi Ngài trở ra thì bọn ngoại đạo cử người theo sau bám sát Ngài. Khi bọn chúng bị đại chúng hỏi rằng: “*Vì sao các ông theo sát Đức Thế Tôn như thế?*”. Chúng trả lời rằng: “*Vì chúng tôi tuyên bố sẽ dùng thần thông đấu với Sa môn Gotama, nay ông ấy toan trốn, nên chúng tôi phải theo sát như thế*”.

Đại chúng suy nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ được mục kích hết thần thông của Đấng Thập Lực”.

Đức Thế Tôn từ giã thành Rājagaha tuân tự du hành đến thành Sāvattthī. Bấy giờ, bọn ngoại giáo theo phía sau Ngài, khi đi đường chúng quyên góp tài vật của các giáo dân mà rằng: Hãy bỏ ra 100 đồng vàng, hãy bỏ ra 1000 đồng vàng. Chúng tích trữ được số tài sản lớn, bỏ ra trăm ngàn đồng vàng kiến tạo mái nhà nóc nhọn bằng gỗ sālā, lợp nóc nhà bằng hoa sen xanh. Rồi tuyên bố với chúng dân thành Sāvattthī rằng: “*Chúng tôi sẽ dùng nơi này thi triển thần thông với Sa môn Gotama*”.

Được tin Đức Thế Tôn ngự về quốc độ Kosala của mình, Đức Vua Pasenadi đi vào Jetavana, đánh lễ Đức Thế Tôn rồi bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hiện nay bọn ngoại đạo đã kiến tạo ngôi nhà nóc nhọn, lợp bằng hoa sen xanh, chính nơi ấy chúng tuyên bố sẽ dùng thần thông đấu với Ngài. Bạch Thế Tôn! Trẫm sẽ kiến tạo mái nhà dăng đến Ngài.

- Nay Đại Vương! Chớ phí sức như thế, Như Lai sẽ có người làm nhà rồi.

- Bạch Thế Tôn! Ngoài Trẫm ra, ai có năng lực làm được việc ấy?

- Nay Đại Vương! Thiên Vương Đế Thích sẽ đảm nhận việc đó cho Như Lai.

- Bạch Thế Tôn! Nếu thế, Ngài sẽ thể hiện thần thông tại nơi nào?

- Nay Đại Vương! Tại cây xoài Ganda.

Chúng ngoại giáo được biết: Sa môn Gotama sẽ thi triển thần thông tại cây xoài Ganda. Chúng liền cho những người hộ độ của mình, thuê tiền nhổ tất cả những cây xoài, dù chỉ là cây con mới vừa mọc trong ngày, khắp thành Sāvattthī ném bỏ. Cả một do tuần thành phố quanh đó không có cây xoài nào cả, chúng đem những cây xoài nhổ bỏ đó ném vào rừng.

Vào ngày rằm tháng sáu, sáng hôm ấy Đức Thế Tôn ngự vào thành Sāvattthī để khát thực. Bấy giờ, nơi vườn Thượng Uyển của Đức Vua Pasenadi, có một cây xoài

già cần cỗi, người giữ vườn Thượng Uyển tên là Ganda, y nhìn thấy giữa chùm lá có một đàn kiến vây quanh, ngạc nhiên y trèo lên xem xét thì thấy rằng đàn kiến vây chung quanh một trái xoài độc nhất, xoài đang chín, có mùi thơm ngát. Y hái trái xoài ấy xuống, dự định mang vào Hoàng Cung dâng lên Đức Vua Pasenadi. Trên đường đi đến Hoàng Cung, Ganda trông thấy Đức Thiện Thệ đang ngự đi trì bình, y khởi tâm tịnh tín, nghĩ rằng:

- Đức Vua dùng trái xoài này, Ngài cũng chỉ ban thưởng cho ta 8 hoặc 16 đồng Kahāpana mà thôi. Số tiền ấy chỉ có lợi cho ta vài tháng mà thôi. Nếu giờ đây ta cúng dường xoài này đến Đức Thế Tôn, ta sẽ được lợi ích suốt thời gian lâu dài. Phước báu ấy sẽ hộ trì ta vô lượng kiếp.

Rồi y tín thành dâng xoài ấy đến Đức Thế Tôn. Bạc Đạo Sư đưa mắt nhìn lại Đại đức Ānanda. Hiểu ý Đức Thế Tôn, Trưởng Lão Ānanda mang chiếc bát mà Tứ Thiên Vương cúng dường, Đức Thế Tôn dùng bát ấy thọ nhận trái xoài từ tay người giữ vườn Ganda. Ngài tỏ ý muốn ngồi tại nơi ấy, Đại đức Ānanda trải tọa cụ ra, cung thỉnh Đức Thế Tôn ngự lên. Rồi Tôn giả Ānanda dùng nước ép nước xoài ra dâng lên Đức Đạo Sư. Đức Thế Tôn thọ dụng nước xoài xong, Ngài bảo người giữ vườn Ganda rằng:

- Này Ganda! Ngươi hãy gieo trồng hạt xoài này đi.

Ganda đào khoảng đất xốp, rồi gieo hạt xoài xuống đó, lấp đất lại. Đức Thế Tôn ngự đến Ngài dùng nước rửa tay mình trên chỗ ấy. Khi Ngài vừa rửa tay xong, xoài nứt mọng, mọng lên và tăng trưởng nhanh chóng, chỉ trong thời gian ngắn cây xoài trở thành một cây cổ thụ, thân xoài to bằng cán cày, cao 50 hắc tay (25m). Cây xoài ấy có năm tầng, một ngọn mọc thẳng, còn bốn ngọn kia xuôi theo bốn bốn hướng, mỗi ngọn dài khoảng 50 hắc tay. Ngay khi ấy, xoài trở nên sum suê, ra hoa kết trái, rồi chín vàng, rơi rụng xuống, chư Tỳ Khưu đi đến sau, lượm những trái xoài chín mọng ấy dùng.

Đức Vua Pasenadi được nghe tin: “*Một cây xoài kỳ diệu vừa phát sanh*”. Ngài sợ bọn ngoại giáo cho người chặt bỏ đi, nên phái quân sĩ đến canh giữ, với lệnh truyền rằng: “*Cấm bất kì ai chặt phá cây xoài này*”.

Cây xoài ấy được mang tên là Ganda, vì là của ông Ganda trồng lên. Bọn còn đồ nghe tin có cây xoài kỳ diệu như thế, tìm đến xem, nhặt lấy những quả xoài chín ăn, hưởng được hương vị thơm ngọt của trái xoài, nên mắng chửi nhóm ngoại đạo rằng:

- Bọn ngoại đạo ác độc này, chúng được tin Sa Môn Gotama thể hiện thần thông trên cây xoài, nên chúng cho người đến phá tất cả xoài trong thành Sāvattthī này. Thậm chí những cây con vừa mọc, chúng cũng chẳng tha. Chúng khiến chúng ta không được nếm hương vị thù diệu của xoài như xoài Ganda này.

Bọn còn đồ tức giận, đi tìm kiếm bọn ngoại giáo, dùng hạt xoài ném vãi vào chúng.

Bấy giờ, nơi Thiên Cung Đạo Lợi, Đức Đê Thích biết rằng: Hôm nay Đức Bổn Sư sẽ thi triển thần lực để nhiếp phục ngoại giáo. Ngài ra lệnh cho Thiên Tử Vātavalāhaka (Thần Gió) rằng:

- Người hãy nổi cuồng phong, thổi bay tróc ngôi nhà mái nhọn của ngoại đạo đi, hãy ném nóc nhà ấy vào đồng rác trong thành Sāvattthī. Rồi Đế Thích ra lệnh tiếp cho Thiên Tử Suriya rằng:

- Người hãy chiếu ánh sáng mặt trời thật mãnh liệt vào chúng ngoại đạo, khiến cho chúng trở nên nóng nẩy.

Ngài phán bảo thêm Thiên Tử Vātavalāhaka rằng:

- Khi bọn ngoại đạo bị nắng chiếu rục vào người, mồ hôi tuôn đổ, người hãy nổi gió cuốn bụi tấp vào bọn chúng.

Hai vị Thiên Tử vâng lệnh Thiên Vương thực hành y như thế, bấy giờ nhóm ngoại đạo đang nhể nhại mồ hôi, một cơn gió cuốn bụi vây quanh bọn chúng, người của chúng giống như con mối đờ, ngôi nhà nóc nhọn của chúng bị trận cuồng phong dữ dội thổi bay mất, ngôi nhà rơi vào đồng rác lớn trong thành Sāvattthī.

Đức Đế Thích lại ra lệnh cho Thiên Tử Vassavalāhaka (Thần làm mưa) rằng: *“Người hãy làm mưa rơi trên người bọn ngoại đạo đi”*. Thiên Tử vâng lệnh, bây giờ, thân hình chúng ngoại đạo giống như con bò đốm. Chúng bị nhiệt bức khi dứt cơn mưa, ánh sáng mặt trời càng gắt chiếu vào người, chúng bỏ chạy tứ tán, chẳng còn tha thiết chuyện đầu thần thông. Khi ấy, có gã nông dân là người hộ độ cho giáo chủ Pūranakadasspa, y suy nghĩ rằng:

- Chắc giờ này Giáo chủ của ta đang thi triển thần thông, vậy ta hãy đến xem Thần lực của Giáo chủ ta.

Y thả bò ra, mang theo sợi dây cột bò cùng với cái nồi cháo, trên đường đi đến thành, y trông thấy vị Giáo chủ của mình đang chạy trốn, y liền gọi rằng:

- Bạch Ngài! Tôi đến để xem Ngài thi triển thần thông đây. Ngài bỏ chạy đi đâu thế?

- Người cần thiết chi với thần thông chứ, hãy trao sợi dây và cái nồi cháo cho ta ngay đi.

Pūrana cầm lấy nồi cháo cùng với sợi dây mà gã nông dân đệ tử vừa trao cho, chyaj thẳng ra bờ sông, cột nồi vào cổ mình rồi nhảy xuống sông để tránh sự nhiệt bức bởi ánh mặt trời, bọt nước bắn lên tung tóe, Pūrana mệnh chung dưới dòng sông ấy và rơi vào A Tỳ địa ngục.

Vào xế chiều, Đức Như Lai ngự trong Hương thất, Ngài suy nghĩ rằng:

“Đây là giờ hợp lẽ, Như Lai sẽ thể hiện Phật Lực”.

Đấng Như Lai hóa hiện ra con đường kinh hành bằng ngọc Maṇi trên hư không. Chỗ tận cùng của con đường là tận cùng của vũ trụ về phương Tây.

Hội chúng thấy được kinh hành lộ bằng ngọc Maṇi như thế, vô cùng hoan hỷ, tụ tập lại nơi ấy một khoảng rộng lớn đến cả 36 do tuần. Rồi từ trong Hương thất, Đức Thế Tôn ngự ra, tiến về phía cây xoài Ganda. Khi ấy một cận sự nữ đã chứng đạt Bất Lai Quả, đi đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Xin ngài chớ nhọc sức làm chi, khi Ngài có được đưa con gái như con. Con sẽ thể hiện thần thông thay thế Ngài.

- Này Ganranī! Người sẽ thể hiện thần thông như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ biến vũ trụ này thành nước, nhưng mọi chúng sanh đều an toàn, con sẽ lặn trong nước ấy như con ngỗng trời, nổi lên ở ranh giới vũ trụ về phương Đông, phương Nam, phương Tây và phương Bắc, sau cùng con nổi lên ở giữa quả địa cầu cho đại chúng tận tường. Khi sự kiện xảy ra như thế, đại chúng sẽ nói: “*Nàng là ai?*”. Con sẽ đáp rằng: “*Tôi là một cận sự nữ của Đức Thế Tôn, tên Gharanī*”. Đại chúng sẽ nghĩ rằng: Chỉ là một cận sự nữ mà có được thần lực như thế, thì còn nói gì đến oai đức của Đức Thế Tôn chứ. Và bọn ngoại đạo không kịp trông thấy Ngài, họ đã trốn chạy mất.

- Này Gharanī! Như Lai biết người có khả năng thể hiện thần thông như thế. Nhưng vòng vương miện này họ không dành cho người đâu.

Ngài khước từ lời thỉnh cầu của nàng Gharanī. Nàng suy nghĩ: Bạch Đạo Sư từ chối ta, chắc có người khác có khả năng thần thông để thể hiện rồi.

Và nàng lui đứng sang một bên. Bạch Đạo Sư quán xét rằng:

- Thật vậy, trong hàng cận sự nữ của Như Lai, cũng có được đạo hạnh như thế.

Rồi Ngài quán xét thấy được rằng:

“*Đệ tử của Đấng Như Lai sẽ rống tiếng rống sư tử giữa đại chúng 36 do tuần này*”.

Chư Thánh đệ tử Thịnh Văn ấy lần lượt tỏ bày rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông như thế này...

Trước mặt Đức Thế Tôn, giữa đại chúng rộng cả 36 do tuần ấy, các Ngài đã rống lên tiếng rống của con sư tử đang thời sung sức.

Được nghe lại rằng: Trong hàng cận sự nam, có Trưởng giả Cūla Anāthapiṇḍika suy nghĩ rằng:

- Khi Đức Thế Tôn có được người con trai như ta, là bậc Bất Lai Quả, Ngài chẳng can chi vất vả cả.

Ông liền bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ hoán hiện như vị Phạm Thiên cao lớn khoảng 12 do tuần, phát ra Phạm âm vang như sấm động giữa đại chúng. Mọi người đều nghe rõ ràng phạm âm, sẽ nói rằng:

- “*Đây là âm thanh của Phạm Thiên, được ông Cūla Anāthapiṇḍika phát ra bởi thần lực*”.

Bọn ngoại giáo sẽ nghĩ rằng:

“*Thần lực của gia chủ, chỉ là một cận sự của Đức Thế Tôn thôi, mà còn có oai lực như thế, thì còn nói chi đến oai lực siêu việt của Đức Thế Tôn chứ. Và chúng chưa kịp nhìn thấy Ngài, đã kinh hoàng bỏ chạy trốn*”.

- Này Cūlānāthapiṇḍika! Như Lai vẫn biết người sẽ thực hiện được điều đó. Nhưng đây không phải là phận sự của người. Đây là việc làm của Đấng Như Lai.

Đức Thế Tôn từ chối sự thỉnh cầu của gia chủ Cūlānāthapiṇḍika, không chấp thuận cho ông thể hiện thần thông.

Kế đến có vị sa di ni, tuổi vừa lên 7 nàng đã chứng đạt Tuệ Phân Tích, đến đánh lễ Đức Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện pháp thần thông.

- Này Vīrā! Ngươi sẽ làm như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ mang quả núi Sineru, núi Luân Vi và núi Hy Mã đặt giữa đại chúng này, rồi từ những quả núi ấy, con chui ra nhẹ nhàng, bay lượn giữa hư không như con hạc chứa vàng. Đại chúng sẽ hỏi nhau rằng: “*Người này là ai thế?*”. Con sẽ trả lời rằng: “*Ta là Sa di ni Vīrā*”. Đại chúng sẽ suy nghĩ rằng: “*Vị Sa di ni mới 7 tuổi mà có đại thần lực như thế, thì còn nói gì đến oai lực Đức Như Lai chứ*”. *Bọn ngoại giáo sẽ kinh hoàng, không kịp nhìn thấy Ngài đã bỏ chạy trốn mất*”.

- Này Sa di ni Vīrā! Như Lai biết ngươi có thể thực hiện được điều đã nói. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Đến Sa di Cunda, là bậc Lưu Tận chứng đạt Tuệ Phân Tích, Ngài cũng vừa tròn bảy tuổi, đến đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thể hiện thần thông lực.

- Này Sa di Cunda! Ngươi sẽ làm như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ nắm lấy Hồng quân lớn, làm thành cột cờ của cõi Diêm Phù, rung mạnh cho trái Hồng quân rơi rụng xuống, đại chúng nhất loạt dừng. Và con sẽ hóa hiện hoa mạn đà rơi như mưa để cúng dường Đức Thế Tôn.

- Này Cunda! Như Lai biết rằng ngươi sẽ thực hiện được những điều như ngươi đã nói. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Tiếp theo là vị Thánh Nữ đệ nhị của Đức Thế Tôn là nàng Uppalavannā, bước ra đánh lễ Đức Thế Tôn, bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ thực hiện thần thông lực.

- Này Uppalavannā! Ngươi sẽ làm thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ hóa thành vị Chuyển Luân Vương, có hội chúng vây quanh rộng 6 do tuần. Vị Vua Chuyển Luân với đầy đủ 7 báu ấy cùng đại chúng rộng lớn đi đến đây đánh lễ Đức Thế Tôn.

- Này Uppalavannā! Như Lai biết ngươi sẽ thực hiện được điều ngươi vừa nói. Nhưng đây không phải là phận sự của ngươi.

Tiếp đến, Trưởng lão Moggallāna, vị Thượng Thủ Thịnh Văn đệ nhị bước đến đánh lễ Đức Thế Tôn, xin phép Ngài cho thi triển thần thông.

- Này Moggallāna! Ngươi sẽ thực hiện được điều gì?

- Bạch Thế Tôn! Con sẽ đặt núi Sineru ở giữa đôi hàm răng, rồi con nhai núi ấy như nhai hạt cải.

- Ngươi còn thực hiện được điều gì nữa?

- Con sẽ đặt quả địa cầu này vào lòng tay trái, đặt tất cả sinh chúng trên quả địa cầu vào lòng tay phải.

- Người còn làm chi nữa?

- Con sẽ dùng núi Sineru làm thành các lọng, che cho quả địa cầu, rồi một tay cầm lấy núi Sineru như cầm lọng trong tay, đi kinh hành giữa hư không.

- Này Moggallāna! Như Lai biết người thực hiện được những điều như thế. Nhưng đây không phải là phận sự của người.

Trưởng lão Moggallāna suy nghĩ: Có lẽ Đức Đạo Sư biết người sẽ thể hiện thần thông rồi. Trưởng lão lui ra đứng vào nơi thích hợp. Bây giờ, Đức Thế Tôn phán dạy Trưởng lão Moggallāna rằng:

- Này Moggallāna! Vòng hoa này không phải dành cho người hay bất cứ ai trong đại chúng. Vì rằng: Phận sự nào của Như Lai, thì không một ai có thể làm thay được. Không một ai có thể nhận lãnh phận sự Như Lai trong hiện tại đây, không phải là điều kỳ diệu, mà trong thời quá khứ, việc làm của Như Lai, khi ta sanh làm hạng người vô nhân là bàng sanh, việc làm của Ta cũng chẳng có ai có thể thay thế làm được rồi.

- Bạch Thế Tôn! Câu chuyện ấy như thế nào vậy?

Theo lời thỉnh cầu chư Tỳ khưu, Đấng Như Lai thuyết giảng lên Túc Sanh Kanhavisabha với chi tiết như sau:

“Công việc nặng có trong thời nào, con đường khó khăn trong thời nào. Chính trong thời ấy, người chủ bò Kanha, chính bò Kanha ấy giải quyết được công việc ấy mà thôi”.

Rồi Ngài thuyết lên Bốn Sanh ly kỳ Nandavisābha chi tiết như sau: *“Người chỉ nên nói lời tao nhã, không nói lời thô ác. Khi Bà la môn nói lời tao nhã, bà Nanda mới kéo được chiếc xe nặng được, khiến Bà la môn ấy được tài sản. Bà la môn ấy có tâm thỏa thích vì nhận được tài sản lớn”.*

Sau khi thuyết giảng xong Bốn Sanh, Đức Thế Tôn ngự lên con đường kinh hành bằng Ngọc Mani ở giữa 24 do tuần đại chúng, phía trái phía phải, trước sau là 12 do tuần đại chúng. Tất cả đều trông thấy rõ ràng như hiện ra trước mắt mình. Đức Thế Tôn hiển lộ Song Thông Lục giữa đại chúng ấy.

Bậc trí nên hiểu Song Thông Lục ấy theo ý nghĩa Pāli như vậy:

- Thế nào là Song Thông Tuệ của Đấng Như Lai? Tuệ này chỉ có đối với bậc Chánh Đẳng Giác, không phổ cập đến Thánh Văn Đại Đệ Tử. Hàng Thánh Văn không thể nào có được Song Thông Tuệ. Trong cùng một lúc, Ngài an trú vào hai đề mục, từ kim thân Ngài lửa và nước cùng tuôn ra, bên phải phun lửa, bên trái tuôn nước, bên trái tuôn lửa thì bên phải phun nước. Phía trên ra lửa, phía dưới ra nước, phía trên tuôn nước, phía dưới phun lửa. Phía trước hiện lửa, phía sau hiện nước, phía trước hiện nước, phía sau hiện lửa. Mắt này phun lửa, mắt kia phun nước và ngược lại. Tai này ra lửa tai kia ra nước và ngược lại. Đầu thượng y bên này ra lửa, đầu thượng y bên kia ra nước và ngược lại. Ngón tay tuôn lửa, kẽ tay tuôn nước và ngược lại. Lòng tuôn nước thì chân lòng tuôn lửa và ngược lại. Hông này ra lửa thì hông kia ra nước và ngược lại. Chân này ra lửa thì chân kia ra nước và ngược lại. Hay là thân trên có màu

xanh, thân dưới có màu đỏ và ngược lại... Hào quang sáu màu xanh-đỏ-vàng-trắng-cam và dợn sóng tuôn ra như vàng tuôn chảy không ngớt từ nồi nấu vàng, khắp cả mười muôn triệu thế giới đều sáng ngời Phật Quang.

Đức Thế Tôn hóa hiện một vị Phật Chánh Đẳng Giác giống như Ngài. Khi hiện thân đi thì hóa thân ngồi, đứng hoặc nằm và ngược lại khi hóa thân đi thì hiện thân đứng, nằm hay ngồi... Hiện thân vẫn đạo thì hóa thân đáp, hóa thân vẫn pháp thì hiện thân trả lời. Đây là Song Thông Tuệ của Đức Chánh Đẳng Giác. Bạc Đạo Sư ngự đi trên kinh hành lộ ngọc Maṇi, Ngài thể hiện song thông trí như thế, nêu lên ý nghĩa rằng: Kim thân phía trên phun lửa là do định lực từ Tejokasina (đề mục lửa), kim thân phía dưới phun nước là do định lực Āpokasina (đề mục nước), hay bên phải có màu xanh là do định lực đề mục Xanh (Nilakasina), nên trái có màu đỏ là do định lực Lohitakasina (đề mục Đỏ)... Lửa phun ra từ nước, nước tuôn ra từ lửa. Ánh sáng xanh từ trong ánh sáng đỏ phát ra, ánh sáng đỏ từ trong ánh sáng xanh hiện khởi...

Trưởng lão Sāriputta có giải rằng:

Ý nghĩa của những câu văn này cũng như thế. Song Thông Lực này là: Lửa không lẫn với nước, nước chẳng phải lẫn với lửa. Và cả nước với lửa ấy đã xông tới tận Phạm Thiên Giới, rồi lan rộng khắp mọi Luân Vi trong vũ trụ. Vì thế, Trưởng Lão Sāriputta mới giải rằng: “Channam Vannānam... hào quang sáu màu của Bạc Đạo Sư phóng ra khắp vũ trụ như khoáng chất vàng tuôn chảy từ nồi luyện kim, thấu đến tận Phạm Thiên Giới rồi phản chiếu khắp cùng vũ trụ, ánh sáng đều đồng nhất rực rỡ ví như: Diêm phù này là trung tâm, tựa cội Bồ Đề được đóng cứng với những cọc sắt, từ nơi ấy phát ra ánh sáng lan rộng khắp nơi đồng nhất như nhau.

Ngày hôm ấy, Đức Đạo Sư đi kinh hành trên Ngọc lộ, thuyết pháp thoại giữa đại chúng bằng cách vấn đáp với vị Phật hóa thân, làm cho đại chúng thêm hiểu nghĩa văn thâm mật của Phật Ngôn rõ ràng. Tiếng tán dương vang dội, tiếng Sādhū từ đại chúng vang rền như tiếng sấm nổ giữa trời quang đảng. Bạc Đạo Sư dùng Phật tuệ quán xét cơ tính chúng sanh của đại chúng ấy, Ngài thấu hiểu tâm chúng sanh đủ cả 16 chi phần. Tâm Chư Phật diễn tiến rất nhanh như thế, người tịnh tín với Pháp nào và loại thần thông nào, Ngài thuyết lên Pháp ấy và loại thần lực ấy, tùy theo cơ tánh từng chúng sanh. Ngài thuyết pháp hợp theo cơ tánh ấy. Khi Ngài thể hiện Song thông lực và thuyết pháp thoại như thế, chúng sanh đắc chứng đạo quả không thể kể đến số lượng được. Vì sao Ngài lại hóa thân thêm một vị Phật nữa? Vì rằng: Ngài biết rõ rằng: Giữa Đại chúng này, không một ai có thể giải đáp những câu hỏi thuộc về Phật Giới, cũng không một ai có thể đặt được một câu hỏi thuộc cảnh giới Phật Tuệ. Do đó, Ngài phải hóa thân thêm một vị chánh Đẳng Giác như Ngài, khi vị Hóa thân hỏi thì Hiện thân đáp. Nên để nêu lên ý nghĩa này, các Luận Giải Sư đã nói: “Đức Phật hóa thân đi kinh hành thì Đức Phật hiện thân ngồi tham thiền...”

Có đến 22 koti (220 triệu) chúng sanh đắc Pháp do thấy được Song Thông Trí mà Bạc Đạo Sư thể hiện cùng với sự nghe Pháp Bảo từ hai vị Phật ấy.

Sau khi thể hiện Song Thông Lực rồi, Đức Thế Tôn suy nghĩ rằng:

- Chư Phật quá khứ, sau khi dùng thần thông nhiếp phục ngoại đạo rồi, Ngài ngự đi đâu? Nhập hạ tại nơi nào?

Với Phật Trí, Ngài thấy rằng: Sẽ an cư tại cõi Dao Lợi, thuyết lên Tạng Thắng Pháp để tế độ Phật mẫu.

Sau khi hiểu rõ điều này, Ngài đưa chân phải lên đỉnh núi Yugandhara, núi Sineru dường như chạy đến hạ thấp xuống thình rằng: “Xin Bậc Đại Giác hãy đặt chân Ngài lên đỉnh này”. Ngài đưa chân trái lên đỉnh Sineru, núi Sineru dường như vươn thẳng người, đưa Ngài đến cõi Dao Lợi. Khoảng cách ba bước chân ấy là sáu mươi tám trăm ngàn do tuần (6.800.000). Hai chân Ngài đều duỗi thẳng ra như bình thường ngự đi trì bình. Không nên nghĩ rằng: Đức Thế Tôn đưa chân lên cao rồi đặt xuống, vì khi Ngài đưa chân tới trước thì các đỉnh núi như chạy đến đỡ chân Ngài, khi chân Ngài rời khỏi thì như chạy trở về vị trí cũ. Đức Đế Thích trông thấy Bậc Đạo Sư ngự đến, Ngài suy nghĩ rằng:

- Đức Thế Tôn Ngài ngự lên đây để an cư mùa mưa, Ngài sẽ ngự nơi tảng đá vàng Pandukambala. Khi Đức Thế Tôn ngự đến nơi này, Chư Thiên sẽ phục vụ Ngài, các Thiên Nhân không thể có sự dễ dãi trong phận sự ấy được. Nhưng tảng đá Pandukambala này dài 60 do tuần, rộng 50 do tuần, cao 15 do tuần, Đức Thế Tôn ngự lên trên đó quả thật là trống rỗng.

Hiểu được tư tưởng ấy của Đức Đế Thích, Đức Thế Tôn liền trải tọa cụ ra, phủ trọn vẹn tảng đá vàng Pandukambala, rồi ngự ngồi trên ấy. Thiên chúa lại suy nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn trải tọa cụ như thế, nhưng Ngài chỉ ngồi chút ít thôi”.

Biết được ý nghĩ này, Đức Thế Tôn liền thu tảng đá Pandukambala vừa dận với tọa cụ và Ngài ngồi vừa vặn với tọa cụ ấy, giống như vị Tỳ khưu mặc phần tảo y ngồi thường nhật trên tọa cụ của mình.

Đức Đế Thích mục kích cảnh tượng thù diệu ấy, Ngài vô cùng hoan hỷ, đánh lễ Đức Thế Tôn, Ngài phán rằng:

- Nay Đế Thích, người chớ nghĩ rằng Ngài vàng này rộng lớn đối với Như Lai. Như Lai hành pháp độ với vô lượng kiếp, mong chứng đạt Vô Thượng Chánh Đẳng Giác, thì không phải là nhỏ đâu.

Bây giờ, nơi nhân giới, đại chúng bỗng nhiên thấy Đức Thế Tôn biến mất, ví như ánh mặt trời cùng mặt trăng cùng vụt tắt. Đại chúng than khóc rằng:

- Bậc Đạo Sư đã ngự đến núi Cittakūta hay núi Kreylāsa hoặc núi Yugandhara mất rồi, từ nay chúng ta không còn được thấy Ngài nữa, Bậc Chánh Đẳng Giác không còn trở về với chúng ta.

Nhóm khác thì sầu khổ than khóc rằng:

- Bậc Đạo Sư là bậc hàng an trú nơi thanh vắng, tán thán nơi an tịnh, nay Ngài đã ngự đến nơi khác, vì Ngài nghĩ rằng: “*Ta đã thể hiện Song Thông như vậy với đại chúng*”. Hẳn là chúng ta không còn được chiêm bái Ngài nữa rồi. Họ nói lên kệ ngôn rằng:

“*Ngài là bậc Thượng Trí, Ngài vui thích nơi thanh vắng, không còn trở lại thế gian này nữa. Chúng ta không còn thấy Bậc Chánh Đẳng Giác, bậc chúa tể của thế gian, bậc cao quý hơn cả nhân thiên*”.

Đại chúng liền đi đến bạch hỏi Trưởng Lão Moggallāna rằng:

- Bạch Ngài, Đức Đạo Sư của chúng tôi đang ngụ trú nơi nào?

Quán xét rõ việc Đức Thế Tôn an cư mùa mưa nơi cõi Đạo Lợi, Trưởng Lão Moggallāna đáp rằng:

- Các người nên đến hỏi Tôn giả Anuruddha, bậc đệ nhất Thiên Nhân trong hàng Thánh Văn.

Sở dĩ, Đại đức Moggallāna không trả lời, và khuyên dạy thính chúng đến hỏi Tôn Giả Anuruddha, vì Ngài muốn cho đại chúng hiểu rằng: Các Công hạnh của Thánh Thánh Văn thật thù diệu, và làm công hạnh của chư Thánh Thánh Văn được hiển lộ.

Đại Chúng đi đến bạch hỏi Trưởng Lão Anuruddha rằng:

- Bạch Ngài, Đức Đạo Sư của chúng tôi ngụ nơi nào?

- Ngài đang an ngụ trên cõi Đạo Lợi, nơi tảng đá Pandukambala là ngai vàng của Thiên Vương Đế Thích, để tuyên thuyết Tạng Thắng Pháp tế độ Mẫu hậu Māyā.

- Bạch Ngài! Bao giờ Đức Đế Thế Tôn trở về nhân giới?

- Ngài sẽ thuyết tạng Thắng Pháp trọn cả ba tháng trường (tính theo cõi nhân loại). Rồi Ngài sẽ trở về nhân giới trong ngày Tụ Tứ (Mahāpavāranā).

Đại chúng bàn nhau rằng: “*Chúng ta sẽ không rời khỏi nơi này nếu chưa gặp Đức Đạo Sư trở về*”. Và họ cư ngụ tại nơi ấy. Tương truyền rằng: Đại chúng dùng hư không làm màn, lấy mặt đất làm chiếu trải, nhưng cả đại hội chúng to lớn như thế cũng không làm cho mặt đất nơi ấy trở nên chật và ô nhiễm, mặt đất gồ ghề ở nơi ấy bỗng trở nên bằng phẳng cho đại chúng và rộng rãi. Sự sạch sẽ luôn hiện đến với đại chúng. Trước đó, Bạc Đạo Sư đã phán dạy Tôn Giả Moggallāna rằng:

- Nay Moggallāna! Ngươi hãy thuyết pháp đến đại chúng ấy. Còn gia chủ Cūla Anāthapiṇḍika hãy bố thí vật thực đến đại chúng.

Trưởng giả Cūla Anāthapiṇḍika bố thí đến đại chúng cơm, cháo, vật thực, cau, trà, vật thơm, vật thoa và vật trang điểm cho đại chúng cả sáng lẫn chiều, hay trong mỗi giờ. Đại thí ấy được thực hiện cả ba tháng trọn vẹn như thế. Riêng Tôn Giả Moggallāna thì thuyết lên Pháp thoại, giải đáp những thắc mắc, đoạn nghị cho đại chúng đến chứng kiến Thần Thông của Đức Phật tại nơi ấy.

Nơi Thiên Giới Đạo Lợi, Chư Thiên trong 10 muôn triệu thế giới được biết Đức Thế Tôn an cư tại cõi Đạo Lợi nên cùng nhau vân tập đến cõi Đạo Lợi ấy, nên các Luận Giải Sư đã ghi rằng:

- Trong thời Đức Phật là bậc cao quý nhất trong nhân, thiên giới, Ngài ngụ nơi tảng đá vàng Pandukambala, dưới cội cây Pāricchattaka ở Đạo Lợi Thiên. Bây giờ, Chư Thiên trong 10 muôn triệu thế giới Sa bà cùng nhau tụ hội đến đánh lễ Đức Chánh Đẳng Giác. Khi Ngài ngụ trên đỉnh núi Sineru ấy, không một Thiên nhân nào sáng rực hơn Đức Chánh Đẳng Giác, chỉ có Đức Chánh Đẳng Giác hừng sáng ngời hơn tất cả Thiên nhân.

Đức Thế Tôn ngụ giữa ngai vàng Kambala như thế, Đức Đế Thích hiểu biết với trí của mình rằng: “*Đức Thế Tôn ngụ đến cõi Đạo Lợi này, với mục đích là tế độ Mẫu*

hậu Māyā của Ngài”. Tự thân Đức Đế Thích đi đến cung trời Tusitā cung thỉnh Thiên Tử Māyā từ nơi cung trời Tusitā ngự xuống cõi Đạo Lợi, và ngồi bên tay phải của Đức Thế Tôn.

Khi ấy, có hai vị Thiên Tử là Indaka cũng ngồi phía bên phải Đức Thế Tôn và Thiên Tử Anruka thì ngồi phía tay trái của Ngài. Khi Chư Thiên có đại oai lực đi đến, Thiên nhân nào kém oai lực thì phải đứng dậy nhường chỗ ngồi lui ra sau. Và Thiên Tử Ankura phải lui ra xa cả 12 do tuần, trái lại Thiên Tử Indaka vẫn ngồi yên một chỗ. Thấu rõ sự kiện này như thế nào rồi, nhưng Bạc Đạo Sư muốn cho Chư Thiên thấy rõ oai lực thù diệu của ân đức Phật Đạo rằng: *“Vật thí mà tín gia cúng dường đến bậc đáng cúng dường trong Phật Giáo, tuy vật thí dù nhỏ chút ít vẫn có đại oai lực thù thắng, có đại quả báu”*. Ngài phán hỏi Thiên Tử Anruka rằng:

- Này Ankura! Ngươi thọ sanh vào cảnh Thiên Giới này là do phước thiện nào thế?

- Bạch Thế Tôn! Khi còn là nhân loại, con hằng bố thí đến chúng nhân, con đã cho xây lò bếp dùng nấu vật thực bố thí, dài đến 12 do tuần. Con hành thí sự ấy suốt cả 10 ngàn năm như thế. Quả thiện ấy cho con được tái sanh vào cảnh giới này.

- Này Indaka! Ngươi tái sanh cõi Đạo Lợi là do quả thiện nào?

- Bạch Thế Tôn! Khi còn là người, con cúng dường đến Trưởng Lão Anuruddha một vá com. Do nhân ấy, con được thọ sanh về cõi này.

- Này Ankura! Ngươi đã hành thí sự suốt 10 ngàn năm, xây lò bếp dài 12 do tuần. Thế vì sao, hiện nay trong hội chúng này, ngươi lại lui ra xa đến 12 do tuần như thế?

Thật vậy, các Luận Giải Sư đã thuyết lên rằng:

Bạc Chánh Đẳng Giác thay Thiên Tử Ankura và Indaka, Ngài tán dương sự cúng dường bậc đáng tôn kính, đáng cúng dường trong câu Phật Ngôn này: *“Này Ankura! Ngươi đã bố thí rất nhiều trong khoảng thời gian dài 10 ngàn năm, xây bếp lò dài cả 12 do tuần. Nhưng khi đến hội chúng Thiên nhân này, vì sao ngươi lại lui xa 12 do tuần như thế?”*.

Âm thanh vi diệu của Đức Thế Tôn xuyên suốt cả kinh thành Sudassana là thành phố Chư Thiên cõi Đạo Lợi, lan đến nhân giới. Đại chúng đó đã nghe được Phật âm vi diệu ấy.

Nghe Bạc Đạo Sư phán hỏi như thế, Thiên Tử Ankura buồn rầu đáp:

- Bạch Thế Tôn! Con cầu mong được gì nơi quả phước ấy, vì con tạo phước vào thời không có Phật Pháp, không có bậc đáng cúng dường. Dạ Xoa Indaka chỉ cúng dường chút ít, nhưng được cúng dường vào thời có Phật Pháp, cúng dường đến bậc đáng cúng dường nên vị ấy có nhiều oai lực hơn con. Ví như vàng trắng rực sáng trong chòm sao như thế.

(Trong những câu văn ấy, chữ Dajjā đổi thành Datvā nghĩa là đã cho). Nghe Thiên Tử Ankura bạch như thế, Đức Thế Tôn phán hỏi Thiên Tử Indaka rằng:

- Này Indaka! Vì sao chỉ với chút ít vật thí như thế, mà người có đại oai lực, người không lui ra như vậy?

- Bạch Thế Tôn! Con đã cúng dường đến bậc đáng cúng dường, ví như người nông dân gieo hạt vào ruộng màu mỡ, dù chỉ là ít hạt giống nhưng được nhiều kết quả.

Sau khi nêu lên sự kiện cúng dường đến bậc đáng cúng dường như thế. Thiên Tử Indaka bạch tiếp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù là hạt giống nhiều, nhưng gieo vào ruộng xấu khô cằn thì kết quả không sung mãn, không thể làm người nông dân ấy hài lòng hoan hỷ như thế nào, cũng vậy người bố thí nhiều đến những kẻ ác giới thì quả phước không được sung mãn, thí nhân ấy hằng không được hoan hỷ với quả ấy. Trái lại, tuy ít hạt giống, nhưng được gieo vào ruộng tốt, đúng thời mưa thuận gió hòa, thì quả sẽ sung mãn, khiến người nông dân hoan hỷ hả dạ. Cũng như thế ấy, thí vật tuy chút ít, nhưng được dâng cúng đến bậc đáng cúng dường là bậc có giới đức, chắc chắn quả ấy sẽ cho người làm thí sự hoan hỷ như thế.

Hỏi rằng: Tiền nghiệp của Thiên Tử Indaka ấy là thế nào?

Đáp rằng: Được biết Thiên Tử Indaka đã cúng dường một vá com đến Trưởng Lão Anuruddha, khi Ngài đang trì bình khát thực trong thành. Nên quả phước của vị ấy có nhiều quả báu hơn sự bố thí của Thiên Tử Ankura xây bếp lò cả 12 do tuần, bố thí suốt thời gian 10 ngàn năm. Do đó, Thiên Tử Indaka mới bạch như thế.

- Này Ankura! Sự lựa chọn bậc đáng cúng dường rồi cúng dường, thí sự ấy thường có nhiều quả báu. Ví như hạt giống mà được gieo xuống ruộng tốt như vậy.

Nhưng người không làm như thế, do vậy thí sự của người mới không có quả tối thắng.

Rồi Ngài nêu lên ý nghĩa để làm sáng tỏ vấn đề này:

“Sự bố thí mà người đã bố thí trong chỗ nào có quả nhiều, người nên lựa chọn rồi bố thí trong chỗ ấy. Sự lựa chọn để cúng dường mà Đức Thiện Thệ tán dương là thí sự đến bậc đáng cúng dường hiện hữu trong thế gian, sẽ có quả nhiều, ví như hạt giống được gieo vào ruộng tốt không cỏ dại”.

Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có ái là độc hại. Vì vậy sự thí mà người đã bố thí đến người đã đoạn tận ái có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có sân hận là độc hại. Vì vậy sự thí mà người đã bố thí đến người đã đoạn tận sân có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, người có si mê là độc hại. Vì vậy sự thí mà người đã bố thí đến người đã đoạn tận si có nhiều quả.

Ruộng có cỏ là độc hại, chúng sanh có tham là độc hại. Vì vậy sự thí mà người thí đến bậc đã đoạn tận tham có nhiều quả.

Dứt kệ ngôn, hai Thiên Tử Ankura và Indaka đều an trú vào Dự Lư Quả.

Thế rồi, Bạc Đạo Sư ngồi giữa Đại chúng thiên nhân, đề cập đến Phật mẫu rằng:

- Mẫu hậu hãy đến đây, lắng nghe Pháp Như Lai. Như Lai sẽ đền đáp công ơn của người đã nuôi dưỡng Như Lai trong vòng luân hồi.

Ngài nghĩ tiếp: Công ơn của Mẫu hậu Māyā đối với Ta thật là vĩ đại. Vậy ta phải dùng Pháp môn nào để đền đáp cho xứng đáng ơn nghĩa thâm sâu kia? Ngài thấy rằng chỉ có Thắng Pháp Tạng mới xứng đáng với công ơn của Bà Māyā nuôi dưỡng Ngài khi Ngài còn lang thang trong vòng luân hồi. Và Ngài khởi đầu thuyết lên Tạng Thắng Pháp rằng: “*Kusalādharmā, akusalādharmā, abyākatā dhammā...*”. Đức Thế Tôn thuyết Tạng Diệu Pháp theo cách này trọn cả ba tháng. Trong khi Ngài ngự đi khát thực thì Ngài hóa thân một vị Phật như Ngài và vẫn tiếp tục thuyết Pháp với sự chú nguyện rằng: “*Vị Phật hóa thân này sẽ thuyết pháp cho đến khi Như Lai trở về*”.

Rồi Ngài ngự đến rừng Tuyết Lãnh, đánh răng bằng cây chà răng của rừng ấy ở hồ Anotatto trong rừng Anāgalatā. Ngài ngự đi khát thực ở xứ Kuru (Bắc Cru Lưu Châu), khi khát thực xong, Ngài ngự về ngôi nhà lớn nơi thành Sankassa. Khi ấy, Tôn Giả Sāriputta quán:

- “*Bậc Đạo Sư hiện đang trú tại đâu?*”. Khi biết Đức Thế Tôn đang ngự tại thành Sankassa, Trưởng Lão đi đến phục vụ Đức Thế Tôn.

Đức Thế Tôn khi thọ thực xong, Ngài phán dạy Trưởng Lão Sāriputta rằng: “*Này Sāriputta! Hôm nay ta sẽ thuyết Pháp như thế như thế. Ngươi hãy thuyết lại ý nghĩa này đến 500 vị tân Tỳ khưu vừa mới xuất gia của ngươi đi*”.

- Thừa vâng! Bạch Thế Tôn.

Tương truyền rằng: Có 500 thiện gia tử khi được chứng kiến Song Thông Lục của Đức Thế Tôn, phát tâm tịnh tín mãnh liệt nơi Phật Lục, cả 500 vị đã xin xuất gia ngay khi ấy, và Tôn Giả Sāriputta đã tiếp độ cho 500 vị thiện gia tử ấy trong trú xứ của mình. Lời dạy của Đức Thế Tôn là Ngài ám chỉ đến 500 tân Tỳ khưu ấy.

Sau khi phán dạy xong, Đức Thế Tôn ngự lên cõi Đạo Lợi, vị Phật hóa thân biến mất và Đức Phật tiếp tục thuyết lên Pháp thoại Thắng Pháp. Riêng Ngài Sāriputta trở về trú xứ của mình, thuyết lên Pháp mà Đức Đạo Sư vừa tóm tắt cho mình đến các vị tân Tỳ khưu một cách rộng rãi. Khi vừa mãn ba tháng an cư thì nhóm Tỳ khưu ấy đã thông suốt trọn vẹn 7 bộ Thắng Pháp.

Được nghe lại rằng: Trong thời Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa, có một đàn dơi 500 con trú tại một hang động trong núi. Bấy giờ, có hai vị Tỳ khưu trong Giáo Pháp Đức Phật Kassapa cũng trú ngụ nơi động ấy, khi các Ngài kinh hành hay ngồi lại cùng nhau, hằng tụng niệm Abhidhamma. Đàn dơi ấy bắt lấy cảnh thanh ấy, với ấn tượng rằng đây là Pháp chư Phật. Đàn dơi ấy không thể hiểu rằng: “*Đây là uân, đây là xứ, đây là Giới...*”, chúng chỉ bắt lấy tiếng tụng niệm làm cảnh với ấn tượng là lời Phật dạy mà thôi. Sau khi mệnh chung, cả 500 con dơi ấy tái sanh lên Thiên giới, thọ hưởng Thiên sản trọn một kiếp Phật. Mạng chung từ Thiên giới, 500 vị Thiên Tử tái sanh vào nhân giới trong thời Phật hiện tại, ở trong thành Sāvattihī. Nhân dịp mục kích được quang cảnh hy hữu của Song Thông Trí của Đấng Như Lai. Cả 500 thiện gia tử ấy khởi tâm tịnh tín, xin xuất gia trong Pháp Luật của Đức Thế Tôn, và Trưởng Lão Sāriputta đã tế độ 500 thiện gia tử ấy trong trú xứ của mình. Và trong ba

tháng an cư mùa mưa ấy, 500 vị Tỳ khuru ấy thông suốt trọn vẹn 7 bộ Thắng Pháp trước những vị Tỳ khuru kia.

Đức Thế Tôn thuyết trọn vẹn Tạng Thắng Pháp trên cõi Đạo Lợi rỗng rã ba tháng dài (tính theo cõi nhân loại), đã mang đến Đạo Quả cho 80 koti Chư Thiên, và Hoàng hậu Māyā chứng đạt được Pháp Nhân Dự Lưu Quả.

Còn bảy ngày nữa là đến ngày Đại Lễ Tự Tứ, đại chúng rộng 36 do tuần ấy, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Từ hôm nay trở đi, đến ngày thứ bảy là ngày Đại Lễ Tự Tứ. Đức Thế Tôn sẽ ngự về nơi nào?

Họ đi đến Trưởng Lão Moggallāna bạch rằng:

- Bạch Ngài! Chúng tôi muốn biết ngày trở về của Đức Thế Tôn, nếu chúng tôi chưa được chiêm bái Ngài, chúng tôi sẽ không rời khỏi nơi đây đâu.

- Nay đại chúng, thôi được.

Trưởng Lão Moggallāna chú nguyện rằng: “*Đại chúng hãy trông thấy ta đi đến cõi Đạo Lợi, diện kiến với Đức Thế Tôn*”.

Ngài độn thổ, đi đến chân núi Sineru, rồi theo triền núi đi dần lên, giống như sợi chỉ vàng xỏ vào viên ngọc trai đỏ. Ngài đi lên đỉnh núi Sineru, đại chúng thấy rõ ràng như đang thấy cảnh Ngài đi trên núi Sineru trước mặt, Trưởng Lão đi được 1 do tuần, 2 do tuần... Tôn Giả Moggallāna đi đến Thiên Cung Đạo Lợi, đến tảng đá Pandukambala, đánh lễ dưới chân Ngài với sự cung kính cực điển, bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hội chúng muốn yết kiến Ngài, nếu chưa được chiêm bái Ngài, họ sẽ không rời chỗ ấy. Bạch Thế Tôn! Xin Ngài mở lòng bi mẫn ngự về nhân giới.

- Nay Moggallāna! Sư huynh người là Tôn giả Sāriputta hiện nay đang ở nơi nào?

- Bạch Thế Tôn! Vị ấy đang trú tại thành Sankassa.

- Nay Moggallāna! Kể từ hôm nay trở đi, đến ngày thứ bảy, Như Lai sẽ ngự về nhân giới, tại chân thành Sankassa. Đại chúng muốn yết kiến Đấng Như Lai thì hãy đến nơi ấy.

Từ Sāvattī đến thành Sankassa chỉ cách nhau 30 do tuần, chẳng cần phải chuẩn bị lương thực chi cho lắm. Người hãy thông báo cho đại chúng biết như thế. Đại chúng hãy thọ trì Trai giới rồi đến nghe pháp vậy.

- Lành thay! Bạch Thế Tôn.

Trưởng Lão Moggallāna trở lại nhân giới, tuyên ngôn lại lời dạy của Đức Thế Tôn cho đại chúng biết. Vào ngày Đại Tự Tứ, Bạc Đạo Sư phán bảo Đức Thiên Chúa rằng:

- Nay Đại Vương! Như Lai sẽ ngự về nhân giới.

Thiên chúa liền hóa hiện ba thang trời, một thang ngọc Maṇi ở giữa, một thang bạc và một thang vàng ở hai bên, chân thang đặt ở chân thành Sankassa, đầu thang ở

đỉnh núi Sineru. Thang vàng ở bên phải dành cho Chư Thiên, thang bạc bên trái dành cho Phạm Thiên, Đấng Như lai ngự đi giữa thang ngọc Maṇi.

Từ đỉnh núi Sineru Đức Thế Tôn ngự đi giữa thang ngọc ấy. Ngài đưa mắt nhìn lên trên, thấu suốt cõi Phạm Thiên như tụ hội lại thành một điểm, Ngài đưa mắt nhìn xuống, thấu suốt cõi địa ngục A Tỳ như thu lại thành một điểm. Cả 10 muôn triệu thế giới như thu thành một điểm trong Phật Lực của Ngài như vậy. Chư Thiên thấy được nhân loại và Phạm Thiên, nhân loại thấy được Chư Thiên cùng Phạm Thiên dường như đang đứng đối diện với nhau. Đức Thế Tôn phóng hào quang 6 màu tỏa đi khắp muôn trùng vũ trụ. Cả 36 do tuần đại chúng ấy, thấy được oai lực tuyệt diệu hy hữu của Đức Phật, đều khởi tâm ước muốn thành vị Chánh Đẳng Giác vị lai.

Bấy giờ, Phạm Thiên ngự đi nơi thang bạc cảm lộng cho cho Đức Thế Tôn, Đức Đế Thích ngự đi nơi thang vàng ôm bát hầu Ngài. Càn Thát Bà Pancasikha cầm thiên cầm Baluva màu vàng xinh đẹp, tấu lên những thiên khúc, ca hát cúng dường Bạc Đạo Sư, Thiên Tử Mātalisangāhaka cầm vật thơm và tràng hoa tung lên hư không cúng dường Đức Thiện Thệ, hoa thiên Mạn Đà của Chư Thiên cúng dường rơi như mưa, Thiên Tử Suyāma cầm quạt Vālavijavī quạt hầu Đức Đạo Sư...

Đức Thế Tôn ngự về nhân giới, tại chân thành Sankassa. Trưởng Lão Sāriputta đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, tán thán tướng hảo quang minh của Đức Thế Tôn, vì đây Phật Tướng hiển lộ thù diệu như thế này, Trưởng Lão chưa từng trông thấy bao giờ cả. Trưởng Lão thốt lên kệ hoan hỷ tán thán như vậy:

“Bạc Đạo Sư với Phật âm du dương, với lời tao nhã. Ngài là bậc Thầy của Chư Thiên và nhân loại. Từ Cung trời Đâu Suất Ngài hạ sanh về nhân giới cũng không có được quang cảnh thù thắng như thế này đây. Ta chưa từng thấy tướng hảo của một ai chói sáng rực như Ngài, không ai so sánh được với Phật Thân”.

Rồi Tôn Giả Sāriputta bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay cả nhân thiên đều hoan hỷ cung nghinh Ngài trở về nhân giới.

Đức Đạo Sư phán dạy Tôn Giả Sāriputta rằng:

- Này Sāriputta! Một vị Phật đầy đủ ân đức tối thượng, thường là nơi kính mến của Chư Thiên và nhân loại như thế.

Rồi nhân đó, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ye jhānapasutā dhīrā,
Nekkhammūpasame ratā;
Devāpi tesam pihayanti,
Sambuddhānaṃ saṭṭimatam”.

*“Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư Thiên đều ái kính,
Bậc chánh giác, chánh niệm”.*

181. Bậc trí chuyên cần hành thiền, đã thỏa thích trong sự an tịnh của hạnh khước từ (tức Níp Bàn), những vị Phật giác tỉnh toàn hảo như vậy, chỉ đến Chư Thiên cũng hết lòng ngưỡng mộ.



CHÚ GIẢI:

Ye jhānapasutā: nghĩa là đầy đủ sự chuyên cần về 2 loại thiền là Lakkhaṇūpanijjhāna và Ārammaṇūpanijjhāna, bằng sự ghi nhớ, sự an trú, sự chú nguyện, sự xả thiền và sự quán xét. Bậc xuất gia học giả không nên chấp rằng: “*Nekkhamma*” trong kệ ngôn Nekkhammūpasame ratā này, chính câu Nekkhamma đó là chỉ về sự hoan hỷ với Níp Bàn, là nơi đoạn tận phiền não.

Devāpi: nghĩa là Chư Thiên và nhân loại thường hoan hỷ, tức mong mỗi được như bậc Chánh Giác.

Satīmatam: nghĩa là Chư Thiên cùng nhân loại mong muốn thành Đấng Chánh Giác rằng: “*Ngài có tướng hảo quang minh thù thắng như thế, ta cũng nên thành vị Phật vị lai*”. Như vậy, gọi là sự hoan hỷ với Bậc Chánh Đấng Giác, là người có ân đức lớn như vậy, bậc tròn đủ chánh niệm và giác tỉnh.

Dứt kệ ngôn có đến 30 koti chúng sanh đạt Pháp Nhân. Cả 500 vị tân Tỳ khưu đệ tử của Trưởng Lão Sāriputta cũng chứng đạt A La Hán.

Tương truyền rằng: Sự thể hiện Song Thông Tuệ rồi an cư tại cung trời Đao Lợi, thuyết Tạng Thắng Pháp tế độ Phật Mẫu, ngự về nhân giới nơi cổng thành Sankassa, đó là cổ lệ của chư Phật Quá khứ. Chỗ đi tích dấu chân phải nơi Ngài ngự xuống có tên là Sineru. Đức Đạo Sư đứng tại chính nơi ấy giảng giải về cơ tánh trí của chúng sanh rằng:

Phàm nhân chỉ biết cơ tánh của mình và đồng bậc, không thể biết được trí của Bậc Tu Đà Hườn, Bậc Dự Lưu chỉ biết được căn cơ của hàng Dự Lưu, không biết được căn cơ của bậc Nhất Lai. Bậc Nhất Lai chỉ biết được căn cơ của hàng Nhất Lai, không biết được căn cơ của bậc Bất Lai. Bậc Bất Lai chỉ biết được căn cơ của hàng Bất Lai không biết được căn cơ của bậc A La Hán. Bậc A La Hán Nhứt Minh... Tam Minh... Lục Thông... Tuệ Phân Tích, Chư Thánh Đại Đệ Tử không biết được căn cơ của Tôn Giả Moggallāna. Tôn Giả Moggallāna không thấu rõ cơ tánh của Tướng Quân Chánh Pháp Sāriputta. Tôn Giả Sāriputta không thể giải được căn cơ của bậc Độc Giác Phật. Chư Độc Giác Phật không thể giải được căn cơ của Bậc Chánh Đấng Giác.

Rồi Ngài phán lên một câu hỏi, Ngài đưa mắt nhìn khắp bốn phương tám hướng, hướng trên hướng dưới, các thế giới tụ về một điểm. Chư Thiên, nhân loại, Phạm Thiên cả đến Long Vương, Kim Sí Điều ở hướng dưới đều chấp tay bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không một ai trong hội chúng này giải đáp được, xin Ngài từ bi quán xét hội chúng này.

Bậc Đạo Sư suy nghĩ: “*Sāriputta thường vất vả, vì vị ấy nghe được câu hỏi của Đức Như Lai, nhưng câu hỏi ấy thuộc về Phật Giới Trí*”. Rằng: “*Này người vô phiền! Người có trí tuệ phòng hộ mình, khi Như Lai hỏi về sự diễn tiến của người có đầy đủ các Pháp và các Bậc Hữu Học nhiều trong thế gian. Hãy nói lên sự diễn tiến ấy cho Như Lai*”.

Là người đã đoạn tận hoài nghi về câu hỏi: “*Tuy rằng, Bậc Đạo Sư hỏi đến sự diễn tiến của Đạo Hành (Patipadā) của bậc Hữu Học và Bậc Vô Học. Dù là như thế, nhưng ta không thể nắm lấy được ý nghĩa trong câu hỏi của Như Lai, Ngài đang đề cập đến vấn đề nào trong các Pháp như Uẩn, Xứ, Giới, Đế... Khi nhận được Phật ý,*

ta mới có thể diễn đạt thuận theo câu hỏi mà Ngài vừa nêu ra được”. Khi Bạc Đạo Sư không vạch ra đường lối, thì Ngài Sāriputta không thể giải đáp được, Đức Như Lai suy nghĩ: “Như Lai hãy vạch ra đường lối cho Sāriputta”. Ngài phán rằng:

- Này Sāriputta! Ngươi hãy quán xét sự thật này đi.

Được nghe rằng! Khi nhận được đường lối rồi. Khi Ngài Sāriputta nhận lấy ý của Đức Như Lai, sẽ nói lên ý nghĩa về uẩn... được.

Câu hỏi của Đức Như Lai, làm phát sanh đến Tôn Giả Sāriputta cả trăm, cả ngàn, cả trăm ngàn ý, cùng với sự vạch ra đường lối của Đức Như Lai. Khi ấy, Ngài Sāriputta mới trả lời được câu hỏi của Đức Thế Tôn.

Được biết rằng: Ngoại trừ Đức Thế Tôn, không một Thánh Thinh Văn nào có Đại Trí như Trưởng Lão Sāriputta. Vì rằng: Tôn Giả Sāriputta từng rống lên tiếng rống sư tử đang thời sung sức trước mặt Đức Thế Tôn giữa hội chúng rằng:

- Bạch Thế Tôn! Dù cho có mưa suốt cả đại kiếp này, con vẫn có thể đếm được số lượng hạt mưa. Con vẫn biết được bao nhiêu hạt rơi xuống biển, chùng này hạt mưa rơi trên đất, chùng này hạt mưa rơi trên núi...

- Này Sāriputta! Như Lai biết rằng ngươi có được khả năng như thế ấy.

Gọi là điều ví dụ để so sánh với trí tuệ của Tướng Quân Chánh Pháp không có được. Do vậy, Tôn Giả Sāriputta đã bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Cát trong địa đại, nước trong sông Gangā luôn được tràn đầy từ suối nguồn, sông rạch, nhưng cũng không so sánh được sự hiểu biết của con.

Ý nghĩa của câu ấy như vậy: Bạch Thế Tôn! Bạc Đại Thượng Trí, bậc nương nhờ của thế gian. Điều hiểu biết (chỉ một điều) của con, người lấy ra một hạt cát. Nhưng cát trên địa cầu này có thể hết mà sự hiểu biết của con không hết. Hay là, mỗi một điều hiểu biết của con sánh với 1 giọt nước sông Gangā được làm tràn đầy bởi suối nguồn, sông rạch, nước sông Gangā có thể hết, nhưng sự hiểu biết của con thì không hết. Hay là mỗi mảnh đá vụn được so sánh một điều hiểu biết của con, núi đá trên địa cầu này có thể hết, nhưng sự hiểu biết của con thì không hết.

Tuy là bậc Đại Trí như thế, nhưng Tôn Giả Sāriputta vẫn không nắm được gốc ngọn của vấn đề mà Đức Thế Tôn phán hỏi theo cơ tánh của vị Phật. Chỉ khi nào nhận được đường lối Đức Phật vạch ra, bấy giờ vị ấy mới giải đáp được thấu đáo.

Được nghe như thế, chư Tỳ Khuru bàn luận cùng nhau rằng:

“Bạc Đạo Sư đã hỏi câu nào rồi, mọi người không thể giải đáp được, chỉ có Bạc Tướng Quân Chánh Pháp mới có thể giải đáp được mà thôi”.

Nghe chư Tỳ Khuru bàn luận như thế, Bạc Đạo Sư phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ Khuru! Chẳng phải chỉ trong kiếp này Sāriputta giải đáp được câu hỏi của Đức Như Lai, câu hỏi mà đại chúng không một ai có thể giải được. Trong quá khứ, vị ấy cũng đã từng là như thế rồi.

Rồi Ngài thuyết lên Bốn Sanh với đầy đủ chi tiết rằng:

“Người đi đến nơi tụ họp rồi, dù cả ngàn người vô trí, tuy có quán sát cả 100 năm, người ấy cũng không thấu đáo được ý nghĩa của Phật ngôn. Duy chỉ bậc trí là cao quý hơn cả”.

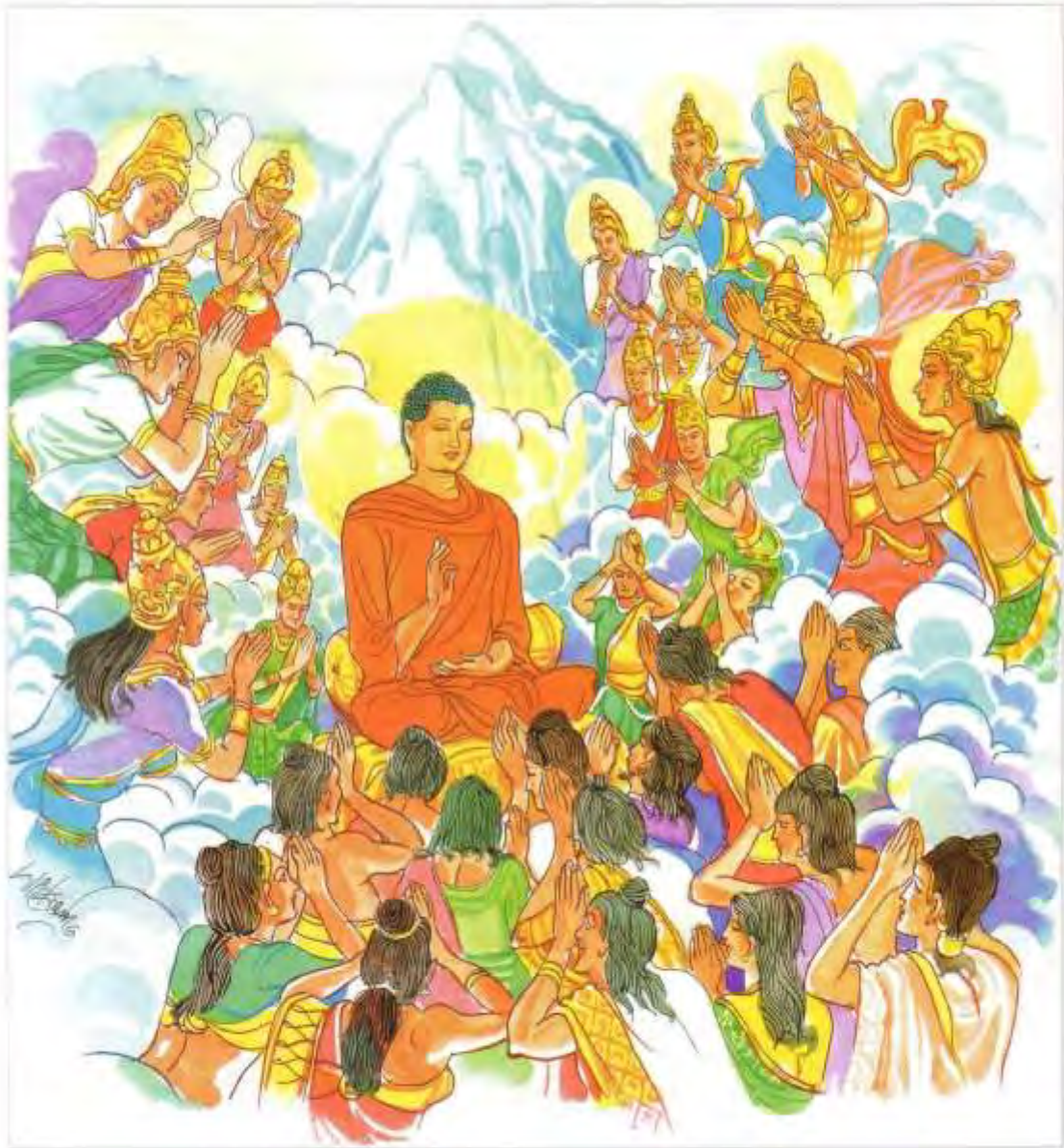


Dịch Giả Cẩn Đề

*Phật cảm tinh văn dụng phép thần,
Khiến cho ngoại đạo được lên chân:
Phen này, ta sẽ khoe tài giỏi,
Thách thức Cô Đàm, gạt thế nhân.
Bất ngờ, Phật hứa sẽ thi tài
Gần Xá Vệ thành, dưới gốc xoài,
Dân chúng rần rần rần theo ngoại đạo,
Để xem họ sẽ thắng hay Ngài.
Ngoại đạo quyên tiền cất trại xong,
Khoe rằng: Ta sẽ hiện thần thông.
Thiên Vương khiến các thần mưa gió,
Thối sập tan nhà, hóa đất không!
Phật được Ganh Đô cúng quả xoài,
Hột vùi xuống đất mọc lên ngay,
Thành cây to lớn năm mươi hắc,
Năm hướng, năm cành, quả thật sai!
Thinh văn lớn nhỏ đến xin Ngài,
Cho họ biểu dương chút ít tài,
Ngài bảo: Không ai làm được cả,
Vì là phận sự của như Lai.
Đức Phật ngự lên lộ báu hành
Khắp mình nước lửa tỏa chung quanh
Hòa quang lục sắc huy hoàng chói,
Thuyết pháp từng hồi, độ chúng sanh.
Ngài lên Đạo Lợi độ mẫu thân,
Thuyết Vi Diệu Tạng bày thành phần,
Suốt ba tháng hạ, rồi ngự xuống
“Xăng cách Xá” thành gặp chúng dân.*

DỨT TÍCH THỂ HIỆN SONG THÔNG NHIẾP NGOẠI ĐẠO





181. Chư Phật thích sống thiên định viễn ly được cả Chư thiên ái kính.

XIV.3- LONG VƯƠNG ERAKAPATTA

(*Erakapattanāgarājavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 182)

**“Kiccho manussapaṭilābho
Kicchaṃ maccāna jīvitam
Kicchaṃ saddhammassavanam
Kiccho buddhānamuppādo”.**

***“Khó thay được làm người!
Khó thay sống vui tươi!
Khó thay nghe diệu pháp!
Khó thay Phật ra đời!”.***

Kệ ngôn Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại thành Bāranasī, đề cập đến Long Vương Erakapatta.

Tương truyền rằng: Vào thời Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, Long Vương Erakapatta là một vị Tỳ Khuru trẻ, một khi đi thuyền trên dòng sông Gangā, dòng nước chảy xiết, khiến thuyền trôi băng băng, kinh hãi vị ấy nắm lấy bụi cỏ tranh để giữ lại, vô ý làm đứt cọng cỏ tranh ấy. Vì vô ý cho rằng đây là lỗi nhẹ, vị ấy không sám hối, có ý nghĩ rằng: “*Đây chỉ là lỗi nhỏ bé*”.

Tuy hành Sa môn pháp hết 20 ngàn năm, nhưng khi gần lâm chung, vị ấy có cảm tưởng nhiều cọng cỏ tranh đang cứa vào cổ mình, tâm bứt rứt vì lỗi lầm ấy sanh khởi, vị ấy muốn sám hối lỗi lầm, nhưng hại thay vào khi ấy chẳng có vị nào là Tỳ khuru ở quanh đó, vị ấy khởi lên nhiệt não rằng: “*Ôi! Giới của ta đã bất tịnh rồi*”.

Mạng chung, vị ấy tái sanh làm Long Vương, có thân hình to lớn như chiếc thuyền. Có tên gọi là Long Vương Erakapatta, khi sanh ra, Long Vương nhìn thấy mình mang thân là loài thú, phát sanh nhiệt não rằng:

- Ta đã hành Sa môn Pháp trọn 20 ngàn năm, lại phải tái sanh vào hạng vô nhân như thế này ư?

Thời gian sau, Long Vương Erakapatta có được một nàng Long Nữ, y huấn luyện con gái mình ca múa điêu luyện, rồi y đặt Long Nữ lên cái mang phùng rộng của mình, nổi lên một sông Gangā, cho nàng Long Nữ nhảy múa. Được biết rằng: Y khởi lên sự suy nghĩ rằng: “*Bằng cách cho con gái ta hát đối, ta sẽ biết được Bậc Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trên thế gian này chưa? Người nào đáp đối lại được câu đối của con ta, ta sẽ nhường cả Long Cung cho người ấy ngự trị*”.

Thế là, cứ mỗi nửa tháng, vào ngày Uposatha, y cùng con gái nổi lên giữa sông Gangā hát đối:

Nàng Long Nữ đứng trên chiếc mang phùng rộng của Long Vương, nhảy múa rồi hát lên rằng:

“*Người lớn như thế nào được gọi là vua? Như thế nào gọi là vua có bụi trên đầu? Như thế nào gọi là không có bụi? Như thế nào gọi là người ngu?*”.

Toàn dân trên cõi Diêm Phù đều hiểu rõ câu chuyện rằng: Nếu hát đối được câu hát đối của Long Nữ, sẽ được cưới nàng và làm chủ Long Cung, nên đều đi đến sông

Gangā, vận dụng trí tuệ để tìm câu hát đối lại câu hát của Long Nữ. Nhưng họ đều bị nàng Long Nữ vạch rõ những chỗ sai lầm trong câu hát đối với họ.

Cứ như thế, rồi nữa tháng thì Long Vương nổi lên một lần, suốt cả thời gian dài không một ai giải đáp câu hát đối đó được.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn Gotama đã xuất hiện trong thế gian, Ngài ban cho chúng sanh Bất Tử Lộ. Theo thông lệ, vào hừng sáng Ngài dùng Phật trí quán xét thế gian, tìm người hữu duyên lành nên tế độ, thấy được duyên lành của thanh niên Uttara và Long Vương Erakapatta. Ngài quán rằng: “*Đây là do nhân gì thế?*”. Ngài thấy rằng: “*Hôm nay, Long Vương Erakapatta cùng con gái nổi lên hát đối trên mặt sông Gangā. Thanh niên Uttara sẽ học lấy lời giải của Đấng Như Lai, chàn sẽ chứng ngộ Dự Lưu Quả. Long Vương Erakapatta sẽ hiểu biết rằng: Đức Chánh Đẳng Giác đã xuất hiện trong thế gian*”. Long Vương sẽ đi đến đánh lễ Như Lai, nhân đó Như Lai sẽ thuyết lên pháp thoại giữa đại chúng, dứt kệ ngôn có 84 ngàn chúng sanh chứng đạt Đạo Quả. Long Vương trú vào Tam quy.

Vào buổi sáng hôm ấy, sau khi vận mặc y, Ngài cầm bát ngự đến gần bờ sông Gangā, gần nơi Long Vương Erakapatta sắp nổi lên, Ngài ngồi dưới gốc cây phượng vĩ, đây là một trong 7 cây phượng nổi tiếng của cõi Diêm Phù, gần thành Bārānasī. Bấy giờ, dân chúng cùng nhau mang câu hát đối của Long Nữ ra bàn luận, chàng thanh niên Uttara cũng đi đến bờ sông, nơi Long Vương cùng Long Nữ nổi lên để hát đối, mong chiếm được nàng Long Nữ yêu kiều ấy. Trông thấy chàng từ xa đi đến, khi chàng trông thấy Đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây phượng vĩ, Uttara đi để đánh lễ Đức Thế Tôn, xong rồi ngồi vào nơi phải lễ, Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Này Uttara! Ngươi đi đâu thế?

- Bạch Thế Tôn! Con đi đến nơi Long Vương Erakapatta sắp nổi lên để hát đối cùng với Long Nữ.

- Ngươi có biết câu hát để đối lại câu hát của Long Nữ ấy chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Con biết.

- Ngươi hãy hát lên xem nào?

Thanh niên Uttara hát lên câu hát đối theo trí tuệ của y đã nghĩ ra, Bạc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Này Uttara! Đó không phải là lời giải đáp câu hát đối của Long Nữ đâu. Này Uttara, ngươi hãy đọc câu hát này, đó là lời giải đáp.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Này Uttara! Khi Long Nữ hát đó xong, ngươi hãy hát lại rằng: “*Người chế ngự được sáu căn gọi là Vua, Đức Vua có dục vọng gọi là có bụi trên đầu. Người không có dục vọng gọi là người bỏ trần cá. Người có dục vọng gọi là người ngu*”.

Câu hát đó của Long Nữ, theo Pāli là như vậy:

“*Kiṃsu edhipatīrājā Kiṃsu rājā rajassiro Kedham su?*”.

Người như thế nào gọi là Vua? Như thế nào gọi là Vua có bụi trên đầu? Như thế nào gọi là vua không có bụi.

Câu Đáp giải là:

“Chavārādhīpatī Rajamāno rajassiro Arajaṃ”.

Người làm chủ được sáu căn và cả sáu cảnh như sắc... dù chỉ một căn cũng không thể xâm nhập được, người ấy gọi là Vua. Vị Vua có dục vọng gọi là có bụi trên đầu. Người có dục vọng gọi là người ngu.

Bậc Đạo Sư dạy câu hát đáp ấy cho chàng thanh niên Uttara xong rồi, Ngài phán rằng:

- Này Uttara! Khi người hát lên câu hát giải đáp này rồi, Long Nữ sẽ hát đố tiếp rằng: “Cái gì người ngu bị cuốn trôi? Bậc trí thường giải trừ như thế nào? Ta hỏi chàng, hãy vui lòng trả lời câu hỏi của ta”.

Khi ấy, người hãy đáp lại như vậy: *“Người ngu bị dòng nước tức dục bộc... cuốn trôi. Bậc trí thường giải trừ (bộc lưu) ấy với sự tinh tấn. Bậc trí hằng không có sự trôi buộc, Ngài gọi là người có sự an lạc khỏi bị trôi buộc”.*

Câu này có ý nghĩa như vậy:

“Người ngu thường bị bộc lưu (phiền não ví như dòng nước), có bốn loại bộc là: Dục bộc, hữu bộc, kiến bộc và vô minh bộc cuốn trôi chúng sanh. Bậc trí thường giải trừ bộc lưu ấy với sự tinh cần, tức là Sammāpādhāna (Tứ Chánh cần). Bậc trí không có sự trôi buộc như dục kết... Ngài gọi người như thế là người có sự an lạc khỏi trôi buộc”.

Chàng thanh niên Uttara đang học thuộc câu hát đối như thế, thì chứng đạt được Quả vị Tu Đà Hườn. Khi học thuộc kệ ngôn rồi, chàng đánh lễ Đức Thế Tôn, từ giả ra đi đến nơi Long Vương nổi lên.

Chàng đứng giữa đại chúng đông đảo, khi ấy Long Nữ đang nhảy múa, hát rằng: *“Người như thế nào gọi là Vua?”*. Chàng Uttara đáp rằng: *“Người làm chủ được sáu căn gọi là Vua”*.

Long Nữ hát tiếp rằng:

“Như thế nào gọi là Đức Vua có bụi trên đầu?” - “Đức Vua có dục vọng, gọi là có bụi trên đầu”...

Long Nữ lại hát đố tiếp câu thứ hai rằng:

“Cái gì người ngu bị cuốn trôi?...”

Thanh niên Uttara đáp lại rằng:

- Người ngu bị dòng nước cuốn trôi...

Nghe được những lời hát giải đáp của thanh niên Uttara, Long Vương Erakapatta biết rằng: Đức Phật đã khởi hiện trên thế gian, tâm y vô cùng hoan hỷ rằng: *“Ta chưa từng được nghe câu kệ giải đáp này suốt cả khoảng thời gian dài không có Đức Phật, nay có được kệ ngôn này, hẳn là Đức Phật đã xuất hiện”*. Y liền tuyên bố giữa đại chúng rằng:

- Này quý vị, Đức Phật đã hiện khởi trên thế gian rồi.

Y hoan hỷ dùng đuôi đập mạnh xuống nước, nước dạt thành hai ngọn sóng lớn cuốn tấp lên hai bên bờ, đại chúng khoảng 1 usebha cả hai bên bờ đều rơi xuống nước, Long Vương dùng mang của mình để đại chúng lên trên đó như là lên chiếc thuyền, rồi đưa đại chúng lên bờ. Long Vương tìm đến thanh niên Uttara, hỏi rằng:

- Này chàng trẻ tuổi! Bạc Đạo Sư hiện đang ngụ nơi đâu?

- Ngài đang ngụ dưới gốc cây phượng vĩ, là một trong bảy cây phượng nổi tiếng, gần thành Bārānasī.

- Hãy đến đây chàng trẻ tuổi, chàng hãy đưa ta đến nơi ngụ của Đức Thế Tôn. Long Vương đi vào giữa hào quang sáu màu, đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi đứng lặng mà khóc. Bạc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Long Vương! Chuyện chi người lại sầu thảm như thế?

- Bạch Thế Tôn! Trước đây con là một vị Tỳ khưu trong Giáo Pháp của Đức Thế Tôn hiệu Kassapa, con đã hành Sa môn Pháp trọn cả 20 ngàn năm, Sa môn Pháp ấy không thể hộ trì cho con được, chỉ vì con đã dễ duôi, không sám hối tội làm đứt cọng cỏ tranh. Nay con lại phải sanh vào Bàng sanh giới, là hạng người vô nhân, thuộc loài bò trườn, không được làm người để được nghe Chánh Pháp, không được gặp Phật như Ngài suốt cả một thời gian dài rồi.

Nghe Long Vương bạch như thế, Bạc Đạo Sư phán rằng:

- Này Long Vương! Quả thật như thế, được sanh làm người là điều khó. Được nghe Chánh pháp là điều khó, được thấy Đức Phật là điều khó. Cả ba điều này, người hằng khó đạt được.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

Kiccho manussapaṭilābho	<i>“Khó thay được làm người!</i>
Kicchamaṃ maccāna jīvitamaṃ	<i>Khó thay sống vui tươi!</i>
Kicchamaṃ saddhammassavanamaṃ	<i>Khó thay nghe diệu pháp!</i>
Kiccho buddhānamuppādo”.	<i>Khó thay Phật ra đời!”.</i>

182. Được sanh làm người quả thật hiếm hoi. Kiếp sống làm người quả thật khó. Nghe được chân lý tối thượng quả là khó. Hy hữu thay, có được vị Phật ra đời”.

CHÚ GIẢI:

Ý nghĩa kệ ngôn này nên hiểu như sau:

“*Được xác thân làm người là khó*”, vì được sanh làm người rất khó, người cần phải tinh cần với nhiều thiện pháp.

“*Sự sống thọ của chúng sanh thật là khó*”, vì rằng phải làm những việc làm hằng ngày để duy trì được mạng sống, sự sống này quá mỏng manh.

“*Được nghe Chánh Pháp cũng là điều khó*”, vì khó tìm người nói pháp, cả kiếp cũng khó tìm được.

Lại nữa, được gặp Phật ra đời cũng là điều khó vô cùng, vì phải có hành đủ Pháp độ với sự tinh tấn nhiều. Và khi người có được pháp độ như thế rồi, cũng chẳng phải

gặp được vị Chánh Đẳng Giác xuất hiện, có khi phải trải qua thời gian cả ngàn koti kiếp.

Dứt pháp thoại có 84 ngàn chúng sanh an trú vào Thánh Quả. Lẽ ra, Long Vương Erakapatta cũng chúng đạt Dự Lưu, nhưng vì phải mang thân thú, Long Vương ấy có năm chướng ngại với thân Rồng là phải xuất hiện nguyên hình tương với năm trường hợp: khi tái sanh, khi lột da, khi ngủ mê, khi giao hợp cùng Long nữ cùng chúng và khi chết. Vì Long Vương khó mang thân Rồng đi đây đi đó, nên Long Vương Erakapatta thường hóa thân thành thanh niên để đi.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Kiếp trước làm sư rũi lỗ tay
Bứt chằm cỏ lát, bỏ đi ngay.
Vì không sám hối, sau sa đọa,
Mang lột Long Vương, khổ lắm thay!
Muốn biết chừng nào Phật ra đời,
Cho con hát đố kén chồng người,
Đến khi gặp Phật và nghe pháp,
Tủi hổ thân mình, nước mắt rơi!
Thân người khó được lắm ai ơi,
Sống được lâu dài khó chẳng chơi,
Pháp Phật được nghe là chuyện khó.
Khó mà gặp Phật tỏ ra đời.*

DỨT TÍCH LONG VƯƠNG ERAKAPATTA





182. Sinh làm người thật khó và hiểm thay. Cũng vậy, Phật Pháp thật hiểm có thay.

XIV.4- VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA
(Ānandattherassapañhavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 183-184-185)

- | | |
|---|---|
| 183. “Sabbapāpassa akaraṇaṃ,
Kusalassa upasampadā,
Sacittapariyodapanam,
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ”. | <i>“Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy”.</i> |
| 184. “Khantī paramaṃ tapo titikkhā,
Nibbānaṃ, paramaṃ vadanti buddhā,
Na hi pabbajito parūpaghātī,
Na samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto”. | <i>“Chư Phật thường giảng dạy,
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng,
Niết bàn quả tối thượng,
Xuất gia không phá người,
Sa môn không hại người”.</i> |
| 185. “Anūpavādo anūpaghāto,
Pātimokkhe ca saṃvaro,
Mattaññutā ca bhattasmiṃ,
Pantañca sayanāsanam,
Adhicitte ca āyogo,
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ”. | <i>“Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh,
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy”.</i> |

Kệ ngôn Pháp cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự an tại Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Trưởng Lão Ānanda.

Tương truyền rằng: Một hôm Trưởng Lão Ānanda ngồi nơi chỗ ngự ban ngày, khởi lên suy nghĩ rằng:

- Bậc Đạo Sư chỉ tuyên thuyết về bảy sự kiện của mỗi vị Phật là: Cha, mẹ, tuổi thọ, cây Bồ Đề, cuộc đại hội, Thượng Thích Văn và đại thí chủ. Nhưng Ngài không nói gì về Uposatha, Uposatha của chư Phật quá khứ có giống như Uposatha của Đức Thế Tôn hiện tại chăng? Hay là có sự khác biệt nhỉ?

Trưởng Lão bèn đi đến nơi ngự của Đức Thế Tôn, đánh lễ Bậc Đạo Sư xong rồi, trình lên sự suy nghĩ của mình. Đức Thế Tôn giảng rằng: “Chư Phật quá khứ có sự khác biệt về thời gian, nhưng lời dạy thì không sai khác. Bậc Chánh Đẳng Vipassī cứ bảy năm Ngài hành Uposatha 1 lần, vì lời Giáo giới của Ngài chỉ ban trong 1 ngày được tồn tại cả 7 năm. Bậc Chánh Đẳng Giác Sikhā và Đấng Chánh Đẳng Giác Vessaphū cứ 6 năm Ngài hành Uposatha 1 lần, vì lời Giáo giới của các Ngài chỉ trong 1 ngày được tồn tại suốt 6 năm. Bậc Chánh Đẳng Giác Kakusandha và Đấng Chánh Đẳng Giác Koṇāgamana cứ mỗi năm Ngài hành Uposatha 1 lần, lời giáo giới của Ngài chỉ trong 1 ngày được tồn tại suốt 1 năm. Đấng Chánh Đẳng Giác Kassapa thì cứ 6 tháng Ngài ban hành Giáo giới 1 lần, vì lời Giáo Giới trong 1 ngày của Ngài có được sự tồn tại suốt 6 tháng...”.

Đức Thế Tôn thuyết lên sự sai biệt thời gian ban Giáo giới của chư Phật quá khứ, rồi Ngài dạy rằng:

- Còn Uposatha của Đấng Như Lai hiện tại, cứ nửa tháng thì hành một lần, vì lời dạy của Như Lai chỉ trong một ngày được tồn tại suốt nửa tháng. Này Ānanda! Còn tất cả lời giáo giới của chư Phật đều như nhau cả.

183. “Sabbapāpassa akaraṇaṃ,
Kusalassa upasampadā,
Sacittapariyodapanam,
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ”.

“Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy”.

184. “Khaṇṭī paramaṃ tapo titikkhā,
Nibbānaṃ, paramaṃ vadanti buddhā,
Na hi pabbajito parūpaghātī,
Na samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto”.

“Chư Phật thường giảng dạy,
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng,
Niết bàn quả tối thượng,
Xuất gia không phá người,
Sa môn không hại người”.

185. “Anūpavādo anūpaghāto,
Pātimokkhe ca saṃvaro,
Mattaññutā ca bhattasmiṃ,
Pantañca sayanāsaṇaṃ,
Adhicitte ca āyogo,
Etaṃ buddhāna sāsanaṃ”.

“Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy”.

183. Không làm điều ác. Trau dồi việc thiện. Thanh lọc tâm. Đó là lời Giáo Huấn của chư Phật.

184. Hành Pháp nhẫn nại là khổ hạnh cao thượng nhất. Níp Bàn là tối thượng, chư Phật dạy. Đúng vậy, người gây tổn hại cho kẻ khác không phải là bậc xuất gia. Bậc Sa Môn không hề áp bức ai.

185. Không lăng mạ, không gây tổn hại, tự thu thúc đúng theo Giới Luật Căn Bản, ẩm thực tiết độ, sống ăn dật, chuyên cần chú niệm cao thượng. Đó là Giáo Huấn của chư Phật.



CHÚ GIẢI:

Sabbapāpassa: Tức là mỗi điều ác pháp.

Làm cho thiện pháp phát sanh, kể từ khi xuất gia cho đến khi chứng đắc A La Hán Quả, và khi tạo thiện pháp phát sanh rồi hãy làm cho tăng trưởng thiện pháp ấy, gọi là upasampadā.

Giữ tâm cho trong sạch thoát ra năm pháp cái, gọi là Sacittapariyodapanam.

Etaṃ buddhāna sāsanaṃ: Đây là lời dạy của chư Phật.

Khaṇṭī: Gọi là sự kiên trì, tức nhẫn nại. Đây là hạnh cao thượng trong Giáo Pháp.

Nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā: Cả ba bậc Toàn Giác, Độc Giác và Thinh Văn Giác thường nói về Níp Bàn là pháp cao thượng.

Na hi pabbajito: Người tác hại chúng sanh khác bằng những vật như dao, gươm, gậy, trượng... gọi là người gây hại kẻ khác, không gọi là bậc xuất gia.

Samaṇo: Người áp bức chúng sanh khác, không phải là bậc Sa môn.

Tự mình không chỉ trích và không bảo kẻ khác chỉ trích, gọi là anūpavādo.

Pātimokkhe tức là Giới làm chủ. Sự gìn giữ gọi là Saṃvaro. Người biết tri túc, biết đủ gọi là mattaññutā.

Panthañ tức là vắng lặng.

Adhicitte nghĩa là tâm an trụ, tức là tâm tương ưng với 8 bậc thiện.

Āyogo: Gọi là tinh cần.

Ētaṃ: Nghĩa là lời dạy của chư Phật trong kệ ngôn này.

Đức Thế Tôn nói về Giới thuộc khẩu bằng anūpavāda, nói về Giới thuộc về thân là anūpaghāta, nói về giới thuộc thu thúc lục căn bằng câu này: Pātimokkha ca saṃvaro. Nói về Giới nuôi mạng chân chánh và Giới quán tưởng khi thọ lãnh tứ sự bằng câu Mattaññutā, nói về chỗ ngụ thanh vắng bằng câu pantasehāsana. Nói về Tám bậc Thiện bằng Adhicitta. Cả ba điều học này, Ngài đã nói lên như thế.

Dứt kệ ngôn, nhiều vị Tỳ Khưu chứng đắc Thánh Quả như là Quả Dự Lưu.



DỨT TÍCH VỀ CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA





183. Không làm mọi điều ác. Hãy thực hiện hạnh lành. Làm trong sạch tâm ý. Đây là lời dạy của Chư Phật.



184. Nhẫn nhục là hạnh tu tập tối thượng. Bậc chân tu không bao giờ hại người khác.



185. Tiết độ ăn uống, tinh cần tu học, sống theo giới luật, không làm hại ai, tức là hoàn thành ý nguyện của Đức Phật.

XIV.5- VỊ TỖ KHUỒ KHỔNG HOAN HỖ

(*Anabhiratabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 186-187)

186. “Na kahāpaṇavassena,
Titti kāmesu vijjati;
Appassādā dukhā kāmā,
Iti viññāya paṇḍito”.

“Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các dục khó thỏa mãn.
Dục đặng nhiều ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí”.

187. “Api dibbesu kāmesu,
Ratiṃ so nādhigacchati;
Taṇhakkayarato hoti,
Sammāsambuddhasāvako”.

“Đệ tử bậc chánh giác,
Không tìm thấy dục lạc,
Dầu là dục Chư Thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt”.

Kệ ngôn Pháp cú này Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến vị Tỳ khưu không hoan hỷ (trong đời sống Phạm Hạnh).

Vào thời Đức Phật, có vị Tỳ khưu xuất gia, thọ Cụ túc giới, vị Tê Độ Sư bảo rằng:

- Hiền giả hãy đến nơi ấy để học xiên thuật (uddana).

Vị Tỳ khưu ấy vâng lời. Khi song thân vị ấy lâm trọng bệnh, muốn gặp mặt con, nhưng không có người đến nhắn tin được, song thân vì thương nhớ vị Tỳ khưu ấy, nên khi sắp lâm chung, bảo lại với người em trai rằng:

- Này em, em hãy dâng y bát đến con trai ta nhé.

Song thân vị ấy trao lại người em số tiền là 100 Kahāpana rồi mệnh chung.

Khi vị Tỳ khưu trở về, người chú quỳ dưới chân vị ấy mà than khóc rằng:

- Bạch Ngài! Vì sầu muộn do thương nhớ Ngài, nên song thân của Ngài đã qua đời. Cha Ngài có trao lại cho Ngài số tiền là 100 Kahāpana, vậy tôi sẽ phải làm thế nào với món tiền này đối với Ngài đây.

- Này chú! Thôi được, tôi chẳng cần chi số tiền ấy đâu.

Thời gian sau, vị ấy suy nghĩ: “*Lợi ích chi mà ta phải đi bát từng nhà để nuôi mạng sống, ta có thể nhờ vào 100 Kahāpana để nuôi mạng sống cũng được. Vậy ta hãy hoàn tục đi*”.

Thế là, vị ấy không còn hoan hỷ trong đời sống phạm hạnh nữa, y bỏ trì tụng kinh điển và bỏ rơi việc Thiên Định, chẳng bao lâu y trở nên ốm o gầy còm, chư Tỳ khưu trẻ và các Sa di hỏi thăm, vị ấy bày tỏ ý mình rằng: “*Tôi bị cảm dục, tôi muốn hoàn tục*”.

Chư Tỳ khưu cùng các Sa di mang vị Tỳ khưu ấy đến trình bạch cùng với Đức Thế Tôn. Bậc Đạo Sư phán hỏi rằng:

- Này Tỳ khuru! Có thật chăng? Được nghe nói rằng người bị cảm dục nên muốn lia bỏ đời sống phạm hạnh.

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Này Tỳ khuru! Vì sao người lại hành động như thế? Người có chi làm duyên để nuôi mạng chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có.

- Vậy người có cái chi?

- Thưa con có được 100 Kahāpana, bạch Thế Tôn.

- Nếu thế, người hãy mang một số sỏi, người hãy tính thử xem. Người có thể nuôi mạng sống với số Kahāpana bấy nhiêu chăng? Hay là không thể đủ nuôi mạng sống.

Vị Tỳ khuru ấy mang sỏi đến, Bạc Đạo Sư phán dạy y rằng:

- Người hãy bỏ ra 50 đồng vàng mua vật thực trước, bỏ ra 25 đồng vàng mua đôi bò, bỏ ra bao nhiêu đây để mua hạt giống, bấy nhiêu đây để mua ách và cày, bấy nhiêu mua cuốc, bấy nhiêu mua rựa và búa. Khi người tính như vậy rồi, thì 100 Kahāpana này cũng không đủ được.

Rồi Bạc Đạo Sư phán dạy vị Tỳ khuru ấy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Số Kahāpana mà người có được quá ít, người nhờ số Kahāpana này để tâm cầu thì làm sao thỏa mãn được. Được nghe rằng: Thời trước bậc trí làm Vua Chuyển Luân, chỉ cần vỗ tay thì mưa bảy báu rơi xuống ngập đến ngang lưng trong khoảng 12 do tuần, dù cho vị Chuyển Luân Vương ấy làm chúa nữa cõi Đạo Lợi suốt khoảng thời gian của 36 vị Đế Thích, nhưng cũng không hề thỏa mãn, phải mệnh chung.

Theo lời thỉnh cầu của chư Tỳ khuru, Đức Thế Tôn thuyết lên Bốn Sanh Đức Vua Mandhātu theo chi tiết rằng:

“Mặt trời và mặt trăng (thường xoay tròn) rơi sáng các hướng như thế nào, tất cả chúng sanh sống trên trái đất này thường là kẻ nô lệ của Vua Mandhātu như vậy”.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

186. “Na kahāpaṇavassena,
Titti kāmesu vijjati;
Appassādā dukhā kāmā,
Iti viññāya paṇḍito”.

*“Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các dục khó thỏa mãn.
Dục đắng nhiều ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí”.*

187. “Api dibbesu kāmesu,
Ratiṃ so nādhigacchati;
Taṇhakkayarato hoti,
Sammāsambuddhasāvako”.

*“Đệ tử bậc chánh giác,
Không tìm thấy dục lạc,
Dầu là dục Chư Thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt”.*

186-187. Trận mưa bạc mưa vàng không làm cho hạnh tri túc phát sanh đến người dục lạc. Khoái lạc vật chất đem lại chút ít êm đềm và nhiều đau khổ. Biết như

thế, người thiện khí không tìm được thỏa mãn trong khoái lạc, dầu ở cảnh giới trời. Hàng môn đệ của Đấng Toàn Giác hoan hỷ tận diệt ái dục.



CHÚ GIẢI:

Kahāpaṇavassena: Nghĩa là bậc trí vỗ tay khiến cho mưa bảy báu rơi xuống, mưa bảy báu này Ngài gọi là Kahāpaṇavassena trong bài kệ này. Gọi là dục và phiền não dục cũng không sao thỏa mãn được, dù là mưa bảy báu. Chính sự tham dục ấy khó được thỏa mãn như vậy.

Appassādā: Tức là có sự vui ít, vì giá trị của dục ví như giấc mộng...

Dukkhā: Tức gọi là khổ thì có nhiều, chắc chắn do tác động của khổ đưa đến như trong bài kinh Đại khổ uẩn...

Iti viññāya: Tức là biết rõ các dục với điều như thế.

Api dibbesu: Nghĩa là nếu có ai mời thiên dục, dù như vậy, các Ngài vẫn không hoan hỷ trong các dục ấy, giống như Ngài Samiddhi được Chư Thiên mời.

Taṇhakkhayarato: Nghĩa là người hoan hỷ nhất với A La Hán và Níp Bàn, tức là mong muốn A La Hán với Níp Bàn.

Vị Tỳ khưu hành giả chứng quả được nghe do Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác thuyết. Đó gọi là đệ tử của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Dứt Pháp thoại vị Tỳ khưu ấy chứng Quả Dự Lưu. Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích cho thánh chúng.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Cha chết, còn tiền để lại sư,
Trăm đồng, không thiếu, cũng không dư,
Sư toan hoàn tục, tòn sinh kế,
Bất mãn đòi tu mãi nhẫn từ.
Phật chỉ cho sư cách tính tiền,
Năm mươi đồng chẵn để ăn liền,
Lúa, bò hăm bốn và hăm bốn,
Cày, cuốc, rìu, sau sẽ tậu riêng...
Phật dạy: Bấy nhiêu có đủ gì?
Dầu mưa vàng bạc lút chân đi,
Cũng chưa thỏa mãn lòng tham dục!
Bậc trí không còn tham ái si...*

DỨT TÍCH VỊ TỖ KHUỜ KHÔNG HOAN HỖ





186. Bọn người kia không hề thỏa mãn dù được trận mưa vàng hay sống buông thả theo dục lạc vô độ.



187. Các đệ tử chân chánh của Đức Phật không ham muốn dù là dục lạc Thiên giới.

XIV.6- QUỐC SƯ AGGIDATTA

(*Aggidattapurohitavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 188-189-190-191-192)

188. “Bahum ve saraṇaṃ yanti,
Pabbatāni vanāni ca;
Ārāmarukkhacetyāni,
Manussā bhayatajjitā”.

“Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp”.

189. “Netam kho saraṇaṃ khemaṃ,
Netam saraṇamuttamaṃ;
Netam saraṇamāgamma,
Sabbadukkhā pamuccati”.

“Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau”.

190. “Yo ca buddhañca dhammañca,
Saṅghañca saraṇaṃ gato;
Cattāri ariyasaccāni,
Sammappaññāya passati”.

“Ai quy y Đức Phật,
Chánh Pháp và chư Tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được bốn Thánh đế”.

191. “Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ,
Dukkhasa ca atikkamaṃ;
Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ,
Dukkūpasamagāmiṇaṃ”.

“Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ não tận”.

192. “Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ,
Etaṃ saraṇamuttamaṃ;
Etaṃ saraṇamāgamma,
Sabbadukkhā pamuccati”.

“Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau”.

Kệ Pháp Cú này, Đức Bốn Sư thuyết lên khi Ngài ngự trú tại Jetavana, đề cập đến vị Quốc Sư của Đức Vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Aggidatta là vị Quốc Sư của Vua Mahākosala. Khi vua băng hà, ngai vương được trao lại cho Đức Vua Pasenadikosala, Đức Vua Pasenadi suy nghĩ rằng: “*Aggidatta là Quốc Sư của Vương Phụ*”, nên Ngài vẫn ban cho vị ấy địa vị cũ, khi Quốc Sư Aggidatta đến, Đức Vua đứng dậy tiếp nghinh một cách tôn kính, thỉnh ngồi ngang hàng và phán rằng:

- Thưa Thầy! Xin Thầy hãy ngự vào nơi này.

Khi ấy, Quốc Sư Aggidatta suy nghĩ:

- Đức Vua này rất tôn kính ta, nhưng ta không thể nào làm hài lòng Đức Vua mãi mãi được. Lại nữa, Đức Vua là người còn trẻ, phải là người đồng trang lứa mới hợp với Ngài, đem lại sự an lạc và thoải mái khi Ngài cùng vị ấy bàn chuyện. Còn ta nay đã già, thôi ta hãy xin Ngài được phép xuất gia đi.

Quốc Sư Aggidatta xin Đức Vua cho mình được xuất gia, mặc cho Đức Vua nài nỉ can ngăn, sau cùng Đức Vua đành chiều theo ý của Aggidatta. Quốc Sư cho người

đánh trống truyền rao khắp kinh thành, mang tài sản của mình ra bố thí tất cả trọn bảy ngày, rồi ra đi xuất gia.

Bây giờ, có 10 ngàn tùy tùng của Quốc Sư cũng xuất gia theo hầu hạ Aggidatta. Du sĩ Aggidatta cùng với đại chúng tùy tùng tuần tự du hành đến xứ Anga, Magadha, Kuru, ban lời giáo huấn rằng:

- Nay các con! Người nào khi có đục tâm... sanh khởi, người ấy đến bờ sông, múc một nôi cát đem lại đây.

- Thưa thầy! Vâng.

Thế là, trong khi đục tâm... sanh khởi, người đệ tử ấy múc nôi cát ở bờ sông mang đến đổ vào một nơi. Thời gian sau, đồng cát trở nên to lớn, khi ấy có con Long Vương đến nơi đồng cát ấy mà trú ngụ. Dân xứ ba xứ lớn là Anga, Magadhu và Kuru đã hộ độ cúng dường các du sĩ ấy mỗi tháng. Aggidatta đã dạy cho nhóm đệ tử nương nhờ rằng:

- Các người hãy nương vào núi, rừng, chùa miếu, đền vắng, cội cây để được thanh tịnh. Các người sẽ được chấm dứt đau khổ với cách nương nhờ như vậy.

Bây giờ, Đức Đạo Sư đang ngụ trú nơi Jetavana trong thành Sāvattthī. Vào rạng đông, Ngài dùng Phật nhãn quán xét thế gian, thấy được hình ảnh của Aggidatta cùng chúng đệ tử của ông trong vòng tuệ của Ngài, Ngài biết được rằng: “*Những người này có duyên lành đắc A La Hán Quả*”. Vào buổi chiều, Ngài phán gọi Trưởng Lão Moggallāna rằng:

- Nay Moggallāna! Người có thấy Bà la môn Aggidatta dạy đại chúng của mình theo con đường phi pháp, là con đường phi giải thoát, không phải là con đường đưa đến bờ kia chăng? Người hãy đến ban lời giáo huấn bọn họ đi.

- Bạch Thế Tôn! Nhóm đại chúng ấy quá đông, một mình con không thể chinh phục được. Nếu Ngài ngự đến thì sẽ chinh phục được nhóm ấy dễ dàng.

- Nay Moggallāna! Như Lai sẽ đi cùng với người, người hãy đến nơi ấy trước đi.

Trưởng Lão Moggallāna vừa đi vừa suy nghĩ:

- Hội chúng này quá đông, họ có nhiều sức mạnh, nếu ta nói lời chi nghịch ý họ, họ sẽ nổi lên bênh vực nhau. Vậy ta hãy dùng thần lực của mình khiến cho mưa đá rơi xuống, khi những người ấy bị mưa đá sẽ chạy về trú trong Tịnh Xá của mình.

Trưởng Lão đi đến Tịnh thất của Aggidatta nói rằng:

- Nay Aggidatta.

Nghe tiếng Trưởng Lão, Aggidatta hỏi lại: “*Ai đó?*”, vì y phát sanh ngã mạn trong tâm rằng: Trong thế gian này, không ai dám gọi ta là Aggidatta tục danh như thế. Vậy ai đã dám gọi tên ta như thế chứ?

- Nay Bà la môn! Là Ta đây.

- Nay ông! Ông vừa nói chi thế?

- Nay Bà la môn! Ông hãy soạn nơi nghỉ cho ta đi, ta sẽ nghỉ lại nơi đây một đêm.

- Này ông, nơi đây không có chỗ nghỉ, mỗi tịnh thất chỉ vừa cho một người mà thôi.

- Này Aggidatta! Lẽ thường! Người đến chỗ người, bò đến chỗ bò, bậc xuất gia thì đến nơi trú của bậc xuất gia. Ông chớ nên xử sự với ta như thế. Ông hãy cho ta chỗ ngụ đi.

- Thế ông là bậc xuất gia hay sao?

- Đúng thế, ta là bậc xuất gia.

- Nếu ông là bậc xuất gia, thì túi Sa môn cụ của ông đâu?

- Ta có thật đấy, nhưng ta thấy rằng túi Sa môn cụ mang theo công cênh, khó đi, do đó ta chỉ mang theo một số ít tư cụ Sa môn mà thôi, để đi du hành. Này bà la môn y cụ Sa môn ta mang theo trong tâm đây.

Nghe vậy, Bà la môn Aggidatta phát khởi sân tâm với Trưởng Lão:

- Ông không có đem theo vật dụng hay sao?

- Này Aggidatta! Người chớ có sân hận với ta, hãy cho ta một chỗ trú đêm nay đi.

- Ở đây không có chỗ cho người.

- Vậy thì, nơi đồng cát ấy có ai nghỉ chẳng?

- Ở đó có con Long Vương Ahichatta hung ác trú đấy.

- Thế thì, ông hãy cho ta chỗ ấy đi.

- Không được, vì Long Vương ấy hung dữ lắm.

- Không sao cả, ông hãy cho ta chỗ ấy đi.

- Nếu ông muốn nơi ấy thì tùy ông.

Trưởng Lão đi đến đồng cát, Long Vương Ahichatta trông thấy Trưởng Lão đi đến, nó nổi cơn hung ác, suy nghĩ rằng: Vị Sa Môn này không biết có ta nơi này, toan chiếm chỗ trú của ta, ta sẽ phun khói làm vị này chết ngạt đi.

Long Vương liền phun khói độc ra, toan sát hại Trưởng Lão. Trưởng Lão suy nghĩ: *“Long Vương này tưởng rằng: Chỉ có ta có thể phun khói được, không ai có thể làm được như nó”*. Ta sẽ phun khói ra thu phục nó.

Trưởng Lão vận thần lực phun khói ra đối kháng với luồng hung khói của Long Vương. Cả hai luồng khói bốc cao thấu đến Phạm Thiên Giới, nhưng hai luồng khói ấy chẳng tác hại gì đến ai cả, chỉ tác hại riêng đến Long Vương mà thôi. Long Vương không thể chịu đựng được sức mạnh của Trưởng Lão, liền phun lửa ra, Trưởng Lão liền nhập vào hỏa giới, phun lửa ra đấu với lửa Long Vương, ngọn lửa bốc cao lên Phạm Thiên Giới, rồi đốt vào thân của Long Vương. Long Vương như một thân đuốc rực sáng khổng lồ. Các du sĩ thấy cảnh ấy, suy nghĩ rằng:

- Long Vương hung dữ này sẽ thiêu đốt vị Sa môn kia, thật y chết cũng phải, vì chẳng chịu nghe lời chúng ta.

Bây giờ, Đại đức Moggallāna dùng thần lực của mình, chinh phục được Long Vương, Ngài ngồi trên đồng cát. Long Vương dùng thân khoanh tròn đồng cát, phùng mang ra thật lớn che trên đầu Đại Đức như mái che lớn.

Các du sĩ đi đến đồng cát với sự suy nghĩ rằng:

- Chúng ta hãy đến xem ông Sa môn này chết chưa?

Khi trông thấy Trưởng Lão ngồi trên đồng cát, được Long Vương che chở như thế, phát sanh tâm kính phục, chấp tay đánh lễ tán dương rằng: “*Thưa Ngài Đại Sa Môn! Long Vương không làm hại Ngài được sao?*”.

- Các người không thấy Long Vương đang che trên đầu của ta, với mang lớn y bảo vệ ta đó sao?

Các du sĩ đồng thanh tán thán rằng:

- Thật kỳ diệu thay! Bạch Ngài, thần lực của vị Sa môn này là như vậy, vị Sa môn đã chinh phục được Hung Long.

Các du sĩ đứng vây quanh Trưởng Lão với lời chúc tụng như thế. Đức Thế Tôn ngự đến, Trưởng Lão trông thấy Đức Thế Tôn từ xa đang ngự đến, Ngài đứng lên đánh lễ Đức Thế Tôn. Các du sĩ hỏi Trưởng Lão rằng:

- Bạch Ngài! Vị Sa môn này còn cao quý hơn Ngài nữa sao?

- Thật vậy, vì Ngài là Bạc Đạo Sư của Ta! Ta chỉ là đệ tử của Ngài mà thôi.

Đức Thế Tôn ngồi yên trên đồng cát, các du sĩ chấp tay đánh lễ và tán dương Ngài rằng:

- Thần lực của vị đệ tử mà như thế thì còn nói gì đến thần lực của Bạc Đạo Sư như Ngài nữa chứ.

Đức Thế Tôn cho phán gọi Aggidatta đến phán dạy rằng:

- Này Aggidatta! Người đã giáo huấn môn đệ và các tín thí hộ độ người như thế nào?

Bạch Thế Tôn! Con đã giáo giới đại chúng tùy từng như vậy: “*Các người hãy nương vào nơi núi, rừng, đền, miếu... vì rằng: các người nương vào đó sẽ được thanh tịnh, sẽ chấm dứt được đau khổ*”.

- Này Aggidatta! Người đã đi đến các chỗ như núi rừng... nương dựa vào những nơi ấy không thể thoát khổ được. Còn nương vào Phật, Pháp, Tăng sẽ thoát khỏi khổ trong luân hồi. Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

188. “Bahum ve saraṇaṃ yanti,
Pabbatāni vanāni ca;
Ārāmarukkhacetyāni,
Manussā bhayatajjitā”.

“Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp”.

189. “Netam kho saraṇaṃ khemaṃ,
Netam saraṇamuttamaṃ;
Netam saraṇamāgamma,
Sabbadukkhā pamuccati”.

“Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau”.

190. “Yo ca buddhañca dhammañca,
Saṅghañca saraṇaṃ gato;
Cattāri ariyasaccāni,
Sammappaññāya passati”.

“Ai quy y Đức Phật,
Chánh Pháp và chư Tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được bốn Thánh đế”.

191. “Dukkhaṃ dukkhasamuppādaṃ,
Dkkhassa ca atikkamaṃ;
Ariyaṃ caṭṭhaṅgikaṃ maggaṃ,
Dukkhūpasamaḡaminam”.

“Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy đường Thánh tám ngành,
Đưa đến khổ não tận”.

192. “Etaṃ kho saraṇaṃ khemaṃ,
Etaṃ saraṇamuttamaṃ;
Etaṃ saraṇamāḡamma,
Sabbadukkhā pamuccati”.

“Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau”.

188. Con người kinh hãi đi tìm nơi nương tựa ở nhiều nơi núi, rừng, vườn, cây cối và đèn miếu.

189. Không, đó không phải là nơi nương tựa an toàn, không phải là nơi nương tựa tối thượng. An náu như vậy không thể thoát khỏi phiền não.

190-191-192. Người đi tìm nơi nương tựa nơi Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Già, có tri kiến chân chánh để nhận thức Tứ Đế: Khổ, nguồn khổ, vượt khỏi khổ và Bát chánh đạo dẫn đến sự diệt khổ.

Đó quả thật là nơi nương tựa an toàn. Đó quả thật là nương tựa tối thượng. Tìm đến các nơi nương tựa ấy ắt thoát ra khỏi mọi phiền não.



CHÚ GIẢI:

Bahum: là bahū nghĩa là nhiều.

Câu pabbatāni vanāni ca: nghĩa là những người đó bị nguy hiểm, muốn thoát khổ, hoặc muốn được con, muốn được tài sản, danh vọng... thường đi vào nương nơi những ngọn núi Isigilivepulla và Vebhāra... hay các khu rừng như rừng Mahāvana, Gosingasālavana... hay những cội cây, đèn tháp như Udenacetiya, Gotamacetiya...

Hai câu Netam saraṇamāḡamma, sabbadukkhā pamuccati: nghĩa là nương tựa chỗ không an toàn, không cao quý, vì rằng tất cả chúng sanh có sự sanh, già... là lẽ thường, dù một người nương tựa nơi đó thì không thể thoát khỏi khổ được như sanh, già...

Yo ca buddhañca dhammañca: nghĩa là Đức Thế Tôn nói chỗ nương tựa không an toàn, không cao quý, Ngài đề cập đến nơi nương tựa an toàn và cao quý.

Ý nghĩa của câu **Yo ca buddhañca dhammañca...** như vậy: Người cư sĩ hay bậc xuất gia cũng thế, nhờ vào Niệm Xứ tức là ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng... rằng: “Nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng... rằng: Đức Thế Tôn là bậc A La Hán Chánh Đẳng Giác, nương tựa nơi Phật, Pháp, Tăng đó là sự nương tựa cao quý. Sự nương nhờ vào rừng, núi... của người vẫn còn tâm phiền não, khiến cho dao động với những điều như sự đánh lễ của ngoại đạo... Nhưng Đức Thế Tôn tuyên thuyết rằng sự nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng ấy là những đối tượng không còn bị dao động với cung kính,

lợi đặc, danh vọng... Ngài tuyên bố rằng hãy nương tựa vào Thánh Quả, Đạo Tuệ, rằng:

“*Hãy liễu ngộ Tứ Thánh Đế bằng trí tuệ chân chánh*”. Vì rằng: Do nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng sẽ liễu ngộ được những điều như thế. Đó là chỗ nương tựa tối thượng và an ổn, nương tựa như thế mới thoát khỏi luân hồi.

Do vậy, Đức Thế Tôn mới phán rằng: “*Etam khosaranam khemaṃ!*”.

Dứt pháp thoại, các du sĩ chứng đắc quả A La Hán cùng với tuệ phân tích, đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn xin xuất gia sống đời phạm hạnh trong Giáo Pháp của Ngài. Đức Thế Tôn đưa tay phán:

- Hỡi các Tỳ khuru, hãy đến đây, thực hành phạm hạnh đi.

Lập tức, râu tóc các du sĩ rụng mất, các tư cụ sa môn xuất hiện cho các vị ấy, tuy mới xuất gia nhưng các Ngài có Tăng tướng như vị Trưởng Lão trăm tuổi hạ.

Hôm ấy, cũng là ngày Uposatha, dân chúng xứ Anga, Magadha và Kura mang lễ vật đến cúng dường các du sĩ, thấy các du sĩ ấy đã xuất gia, có sự suy nghĩ rằng: “*Bà la môn Aggidatta của chúng ta cao thượng hơn Sa môn Gotama hay Sa môn Gotama cao thượng hơn Bà la môn của chúng ta nhỉ?*”. Và họ lại xác nhận trong tâm:

- Có lẽ Aggidatta lớn hơn, vì Sa môn Gotama phải đến nơi ngụ của Bà la môn Aggidatta.

Với tâm mình, Đức Thế Tôn biết được suy nghĩ của đại chúng, Ngài phán rằng:

- Này Aggidatta! Người hãy đoạn nghĩ cho đại chúng đi.

Tôn giả Aggidatta bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con cũng đang muốn như thế.

Rồi vị ấy bay lên hư không cao độ 1 cây thốt nốt, hạ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, rồi lại bay lên cao độ 2 cây thốt nốt, rồi hạ xuống đánh lễ Đức Thế Tôn. Vị ấy làm như thế 7 lần đến độ cao khoảng 7 cây thốt nốt, đánh lễ Đức Thế Tôn, và tuyên bố rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc Đạo Sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Đại chúng vô cùng hoan hỷ, tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên Pháp thoại sách tấn, khích lệ làm hoan hỷ đại chúng. Rồi Ngài cùng đại chúng Tỳ Khuru trở về Jetavana.

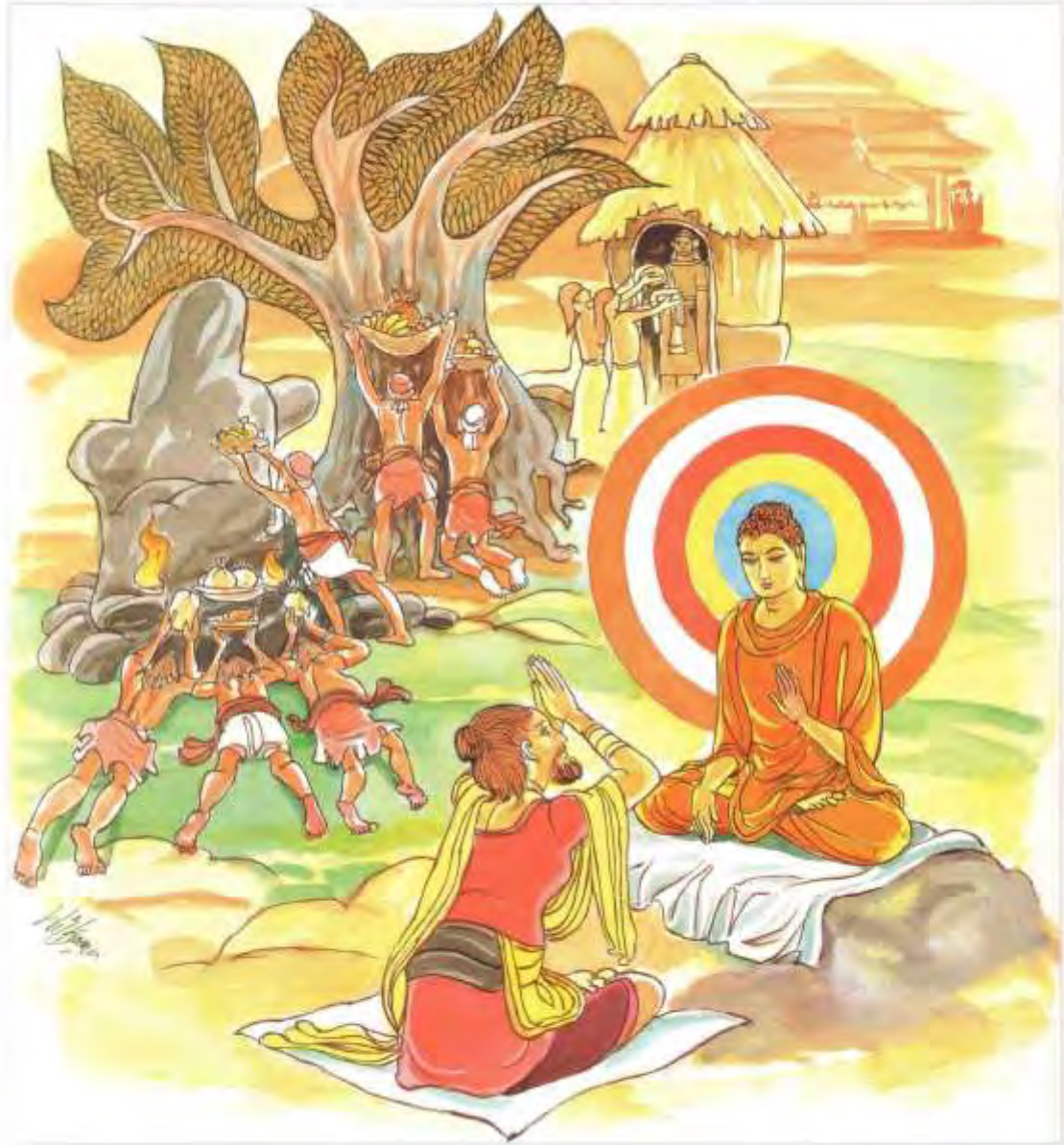


Dịch Giả Cẩn Đề

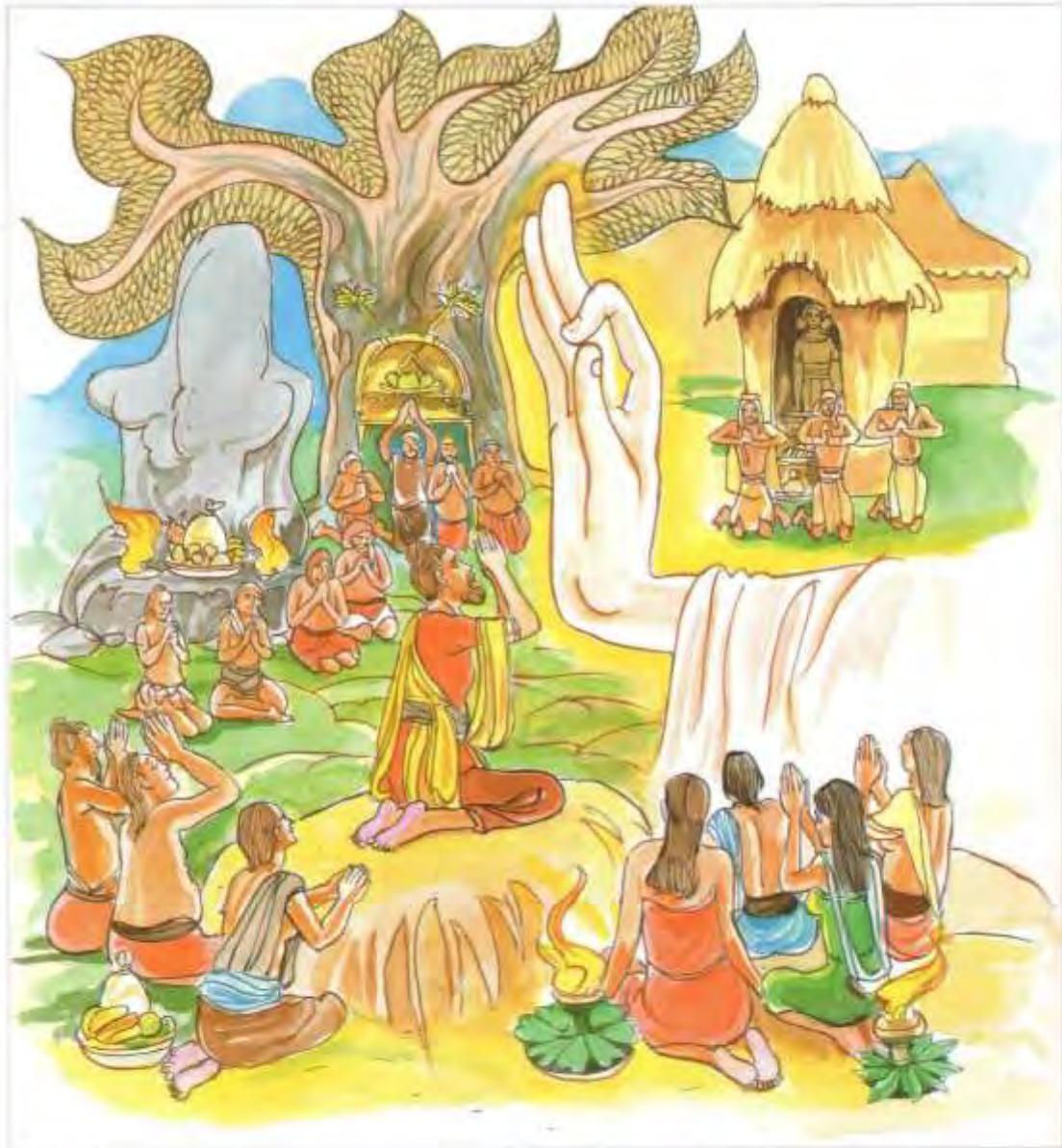
*Mười ngàn đạo sĩ nhắm theo gương,
Hỏa thí làm nên một đạo trường.
Họ lấy núi, rừng, vườn, thợ tháp,
Làm nơi diệt khổ để mà nương.
Phật sai Đại đức Mục Kiên Liên,
Thâu phục Long Vương tại nhân tiên,
Để độ mười ngàn tu sĩ ấy,
Quy y Tam Bảo hợp tiền duyên,
Phật kêu Hỏa Thí, dạy ông rằng:
Hãy sớm nương nhờ Phật Pháp Tăng,
Minh sát khổ đau, qua tập, diệt,
Mở đường Bát Chánh, để siêu thăng!
Bấy nhiêu lời pháp đủ cho ông
Với cả mười ngàn đạo sĩ đồng.
Đắc quả Vô sanh, phân tích tuệ,
Tu bằng y bát bởi thần thông...*

DỨT TÍCH QUỐC SỰ AGGIDATTA

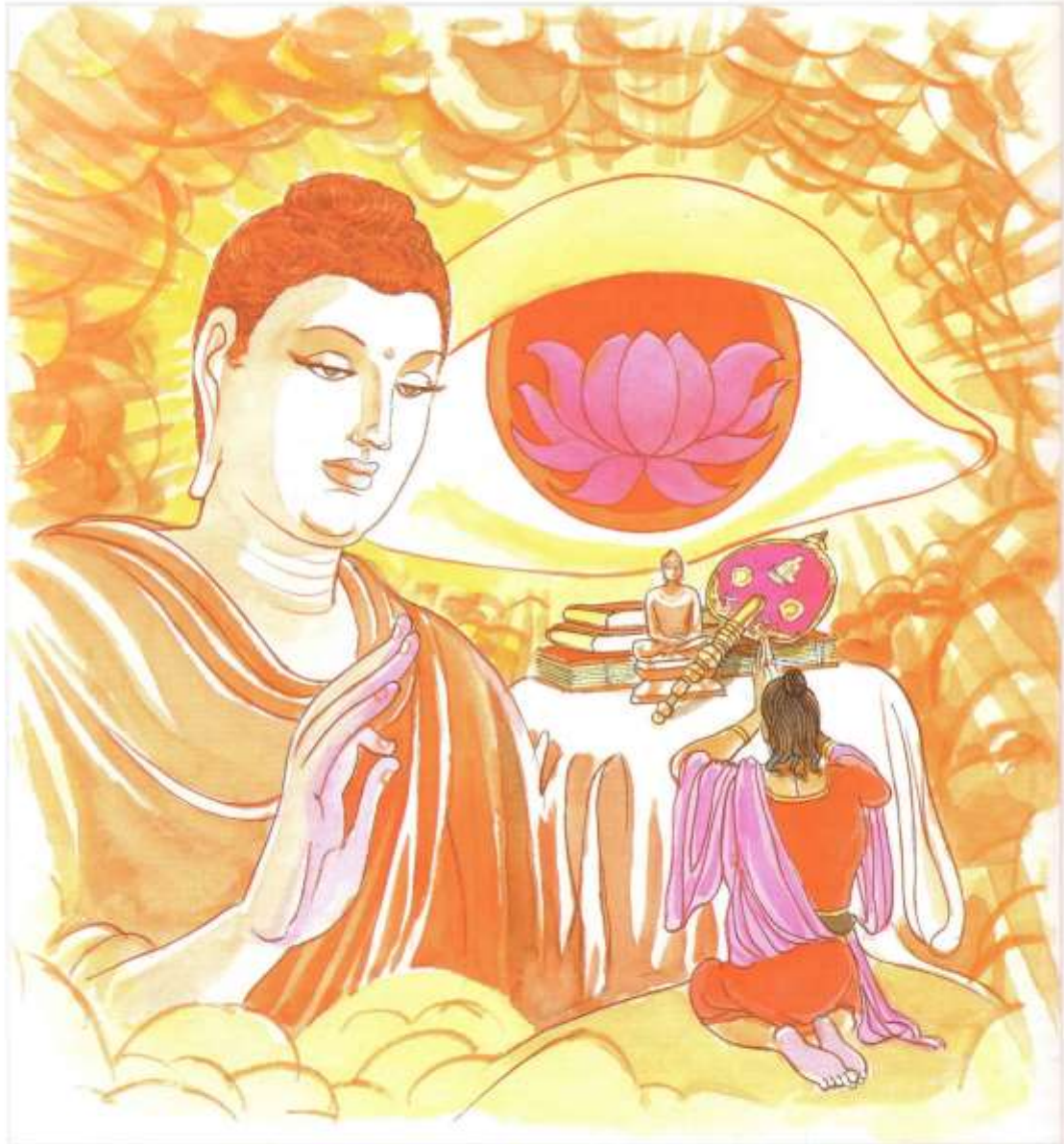




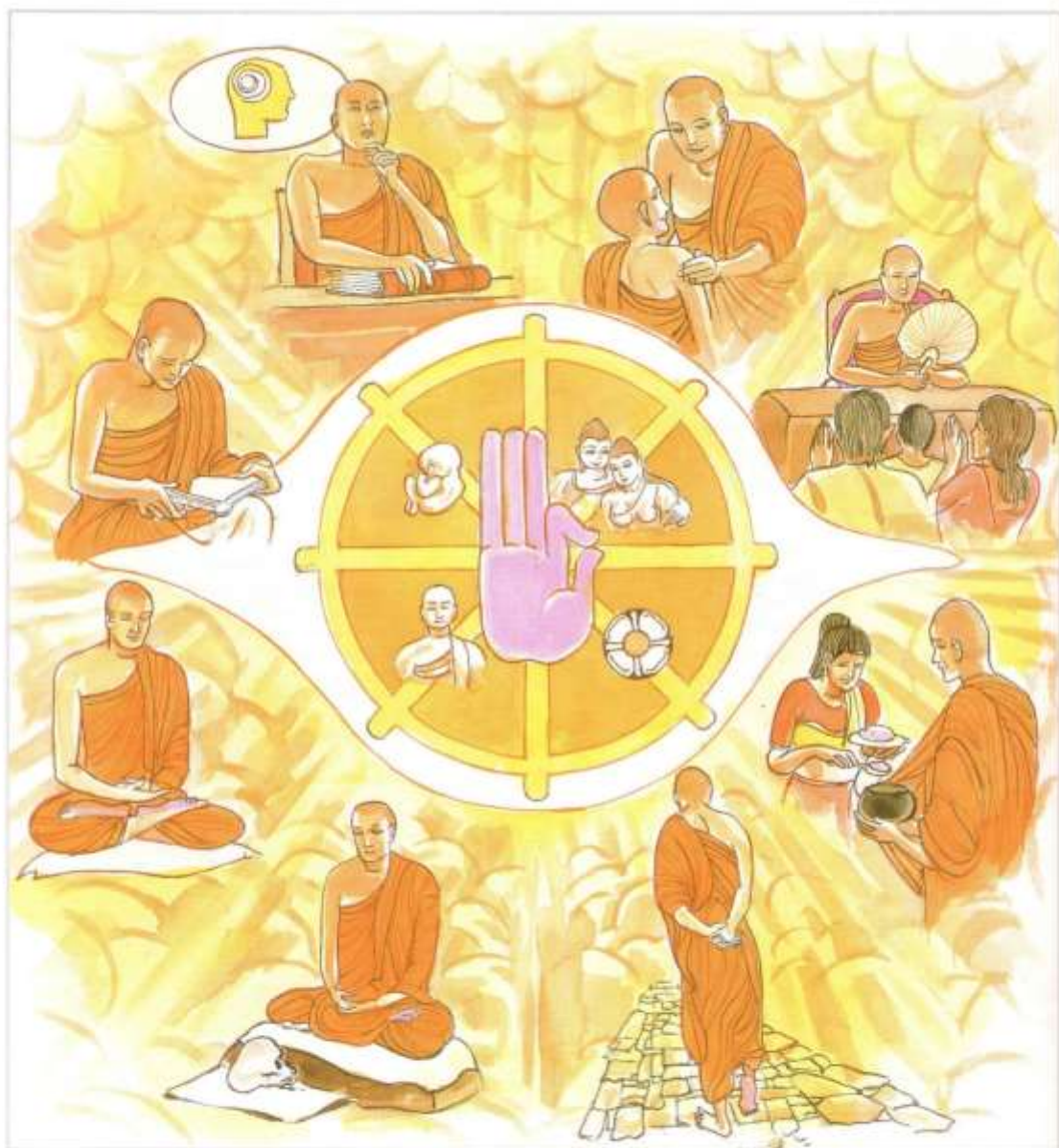
188. Loài người lo sợ tìm nơi nương tựa trong núi non, rừng rậm, vườn cây hay đền đài.



**189. Quy y ấy không ổn, không quy y tối thượng,
quy y các chỗ ấy, không thoát mọi khổ đau.**



**190. Ai quy y Đức Phật, Chánh Pháp và chư Tăng,
Ai dùng chánh tri kiến, thấy được bốn Thánh đế.**



**191. Thấy khổ và khổ tập, thấy sự khổ vượt qua.
Thấy đường Thánh tám ngành, đưa đến khổ não tận.**



**192. Thật quy y an ổn, thật quy y tối thượng.
Có quy y như vậy, mới thoát mọi khổ đau.**

XIV.7- CÂU HỎI TRƯỞNG LÃO ĀNANDA (Ānandattherassapañhavatthu)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 193)

“Dullabho purisājañño,
Na so sabbattha jāyati;
Yattha so jāyati dhīro,
Tama kulaṃ sukhamedhati”.

“*Khó gặp bậc thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có.
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc*”.

Khi Đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, đề cập đến các câu hỏi của Đại đức Ānanda, Ngài thuyết lên kệ ngôn này.

Được nghe rằng: Một hôm, Trưởng Lão Ānanda ngồi trên chỗ ngồi ban ngày, khởi lên sự suy nghĩ rằng:

- Bậc Đạo Sư phán dạy rằng: Voi thuần chủng thì sanh vào dòng Chaddanta hay Uposatha, ngựa thuần chủng thì sanh vào dòng Sindhava hay dòng Valāhaka, bò thuần chủng thì sanh vào dòng Dakkhināpathajampada... Đó là Ngài nói đến sanh chủng của những chúng sanh cao quý là voi thuần chủng... Còn Bậc Đại Nhân thì sanh vào dòng nào nhỉ?

Rồi Trưởng Lão đi vào Yết Kiến Bậc Đạo Sư, đánh lễ Ngài, Bạch hỏi về vấn đề đấy. Đức Thế Tôn phán rằng:

- Này Ānanda! Bậc Đại Nhân không sanh cùng khắp, mà chỉ giáng sanh vào miền trung tâm (thế giới). Nơi có chu vi là 300 do tuần đường kính, rộng 900 do tuần. Khi tái sanh thì không sanh vào gia tộc có dòng dõi thấp kém, thường chỉ sanh vào dòng cao quý nhất trong thời ấy như là dòng Hoàng Gia hay là dòng Bà la môn cao thượng.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Dullabho purisājañño,
Na so sabbattha jāyati;
Yattha so jāyati dhīro,
Tama kulaṃ sukhamedhati”.

“*Khó gặp bậc thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có.
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc*”.

193. Khó tìm được hạng người trí tuệ cao siêu. Người như thế không sanh ra tại nơi nào. Nơi nào có người thiện trí đản sanh, gia đình ấy dồi dào hạnh phúc.



CHÚ GIẢI:

Dullabho: nghĩa là Bậc Đại Nhân là người khó tìm, giống như voi thuần chủng... Bậc Đại Nhân không sanh ra nơi cùng khắp, tức là nơi biên địa hay trong gia tộc dòng hạ liệt, mà chỉ sanh vào trong gia tộc thuộc dòng Bà la môn cao quý hay dòng sát Đế lý là giai cấp cao quý nhất đương thời, là nơi tôn kính, nhận lãnh sự đánh lễ của đại chúng, chỉ sanh nơi trung tâm địa cầu mà thôi.

Bậc Đại Nhân, tức là bậc đại trí tuệ tột cùng, nghĩa là Bậc Chánh Đẳng Giác khi tái sanh như vậy, thường sanh vào gia tộc nào thì gia tộc ấy hằng được sự an lạc dồi dào.

Dứt Pháp thoại nhiều người chứng đạt Thánh Quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

Phật dạy nơi sanh thú các nòi

Kẻ từ ngựa đến bò, voi...

Nhưng chưa giải chỗ sanh người tốt,

Xin Phật từ bi giải rạch rồi!

Phật đáp theo lời đã hỏi han:

Thánh nhân xuất hiện ở trần gian,

Chỉ trong một xứ miền Trung Ấn,

Dòng dõi vua, quan, cấp quý sang!

Rất khó tao hùng bậc thánh nhân,

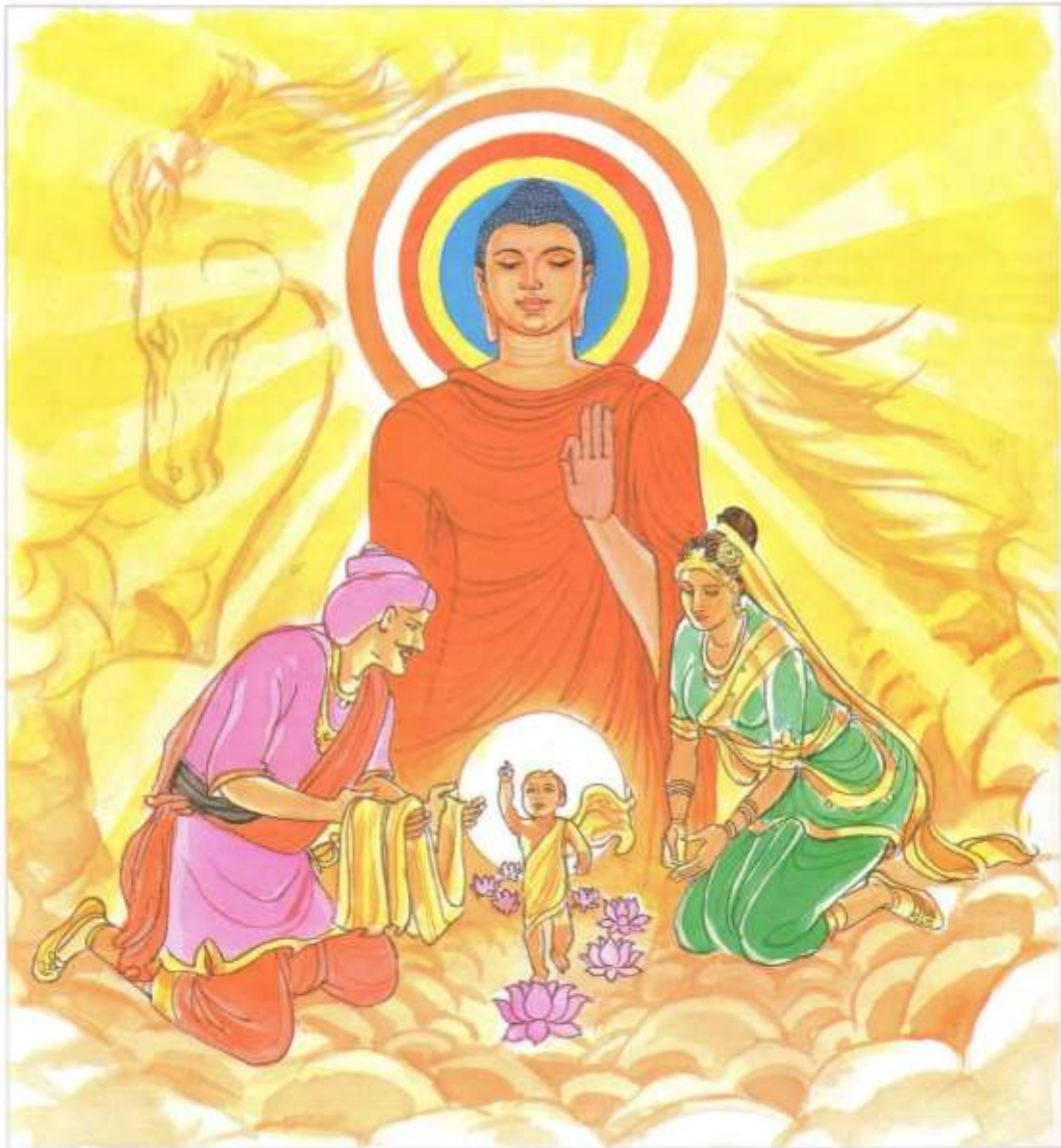
Khác chi gặp gỡ vật cam trân,

Nơi nào kẻ trí sanh, nơi đó,

Hạnh phúc gia đình đủ thập phân.

DỨT TÍCH CÂU HỎI CỦA TRƯỞNG LÃO ĀNANDA





193. Bạc trí đức hi hữu sinh ra đời hướng dẫn mọi loài đến an lạc.

XIV.8- CHUYỆN CHƯ TỖ KHƯU

(*Sambalulabhikkhuvatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp cú câu 194)

“Sukho buddhānamuppādo,
Sukhā saddhammadesanā;
Sukhā saṅghassa sāmaggī,
Samaggānaṃ tapo sukho”.

“*Vui thay, Phật ra đời!*
Vui thay, Pháp được giảng!
Vui thay, Tăng hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!”

Kệ ngôn này được Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập về sự bàn luận của các vị Tỳ Khưu.

Một hôm, Chư Tỳ khưu gồm có 500 vị, ngồi trong Giảng Đường bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư Hiền! Điều chi là an lạc trong đời này?

Một số cho rằng: Sự an lạc sánh với Vương quyền thì không có. Một số lại cho rằng: Sự an lạc sánh với dục thì không có. Hay có ý kiến rằng: Sự an lạc sánh với vật thực thì không có.

Nơi Hương thất với thiên nhĩ thuần tịnh siêu nhân, Đức Thế Tôn nghe được câu chuyện luận bàn ấy, Ngài nghĩ rằng:

- Đây là thời phải lẽ, Như Lai sẽ đoạn nghi cho Tăng chúng.

Từ nơi Hương Thất, Ngài ngự đến Giảng đường ngồi vào nơi được soạn sẵn, Ngài phán dạy chư Tỳ Khưu rằng:

- Này các Tỳ khưu! Các người đang bàn luận gì về câu chuyện?

Đang hội họp về đề tài gì?

- Bạch Thế Tôn, về câu chuyện như vậy, như vậy...

- Này các Tỳ khưu! Tất cả sự an lạc ấy đều liên quan đến khổ trong vòng luân hồi cả. Chỉ có sự giảng sanh của chư Phật, sự giảng giải Giáo Pháp, sự hòa hợp Tăng chúng là nhân an lạc trong đời.

Rồi Ngài tuyên thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sukho buddhānamuppādo,
Sukhā saddhammadesanā;
Sukhā saṅghassa sāmaggī,
Samaggānaṃ tapo sukho”.

“*Vui thay, Phật ra đời!*
Vui thay, Pháp được giảng!
Vui thay, Tăng hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!”

194. Hạnh phúc thay chư Phật giảng sanh. Hạnh phúc thay giáo pháp cao minh. Hạnh phúc thay Tăng Già hòa hợp. Hạnh phúc thay Giới luật của người đồng tu.



CHÚ GIẢI:

Buddhānamuppādo: Chư Phật khi giảng sanh thường tế độ đại chúng thoát khỏi mọi sự trở ngại như ái... Do đó sự giảng sanh của chư Phật mới gọi là nhân đem lại an lạc. Tất cả chúng sanh đều có pháp là khổ, là sanh, là già ... Sự giảng pháp của Bạc Thánh Nhân thường mang lại sự thoát ra khỏi khổ như khổ sanh, khổ già... Do đó, sự giảng pháp của bậc Chân Nhân mới gọi là nhân đem lại an lạc.

Là người có tâm đồng nhau gọi là sự hòa hợp. Sự hòa hợp ấy là nhân đem lại an lạc.

Lại nữa, sự học Phật ngôn hay sự thọ trì hạnh đầu đà hoặc sự hành Sa môn Pháp của người hòa hợp, tức là người có tâm đồng nhau là nhân đem lại an lạc. Do vậy, Bạc Đạo Sư mới phán dạy rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Ngày này các người còn hội họp cùng nhau, cùng đồng hành sự thì ngày ấy chư Tỳ khuru Tăng chúng chỉ có cường thịnh, không bị suy yếu.

Dứt pháp thoại có rất nhiều Tỳ Khuru chứng ngộ Vô Lậu quả Giải thoát. Pháp thoại mang lại nhiều lợi ích ho đại chúng.



Dịch Giả Căn Đề

“Có chi hạnh phúc nhất trên đời?”

Tăng chúng bàn nhau thử đáp lời,

Người nói: làm Vua là sướng nhất!

Được yêu, hoặc cơm thịt ngon xơi!

Phật dạy: Tỳ khuru sống lục hòa,

Hành chung tăng sự, chớ chia ra,

Tăng càng tăng trưởng khi đoàn kết,

Khỏi sự suy tàn, đáng ngợi ca:

“Hạnh phúc thay chư Phật giảng sinh!

Hạnh phúc thay chánh Pháp xương minh!

Hạnh phúc thay tăng già hòa hiệp!

Hạnh phúc thay tứ chúng tu hành!”

DỨT CHUYỆN CHƯ TỶ KHUƯ





194. Đức Phật dẫn sanh, hoằng dương Đạo Pháp, hòa hợp Tăng già – những sự kiện này đều đem lại an lạc.

XIV.9- BẢO THÁP CỦA ĐẮNG KASSAPA

(*Kassapadasabalassa suvaṇṇacetiyavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 195-196)

195. “Pūjārahe pūjayato,
Buddhe yadi va sāvake;
Papañcasamatikkante,
Tiṇṇasokapariddave”.

“Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sâu bi”.

196. “Te tādise pūjayato,
Nibbute akutobhaye;
Na sakkā puññaṃ,
Saṅkhātum, imettamapi kenaci”.

“Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được”.

Kệ Pháp Cú này được Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài du hành, đề cập đến Bảo Tháp của Đức Chánh Đẳng Giác Kassapa.

Một thời, Đức Thế Tôn cùng hội chúng Tăng Tỳ Khuru 500 vị, khởi sự du hành, rời khỏi kinh thành Sāvathī đi đến thành Bārānāsī. Tuần tự du hành, Ngài trú tại một ngôi đền gần làng Todeyyagāma ở giữa đường. Đức Thế Tôn ngự tại ngôi đền ấy và Ngài phán bảo vị Dhammabhandāgārika (Vị Thủ Kho Chánh Pháp, tức là Ngài Ānanda) rằng: “*Này Ānanda! Hãy gọi người đang cày ruộng đến đây*”.

Bà la môn ấy đi đến nơi Phật ngự, ông không đánh lễ Đức Đạo Sư mà lại đánh lễ ngôi đền, rồi bước đứng sang một bên, Đức Thế Tôn phán hỏi rằng:

- Này Bà la môn! Người nghĩ rằng: Nơi này là nơi nào?

- Thưa Ngài Sa môn Gotama! Tôi đánh lễ ngôi đền này vì nghĩ rằng là bảo tháp theo tục lệ của chúng tôi.

Đức Thế Tôn khiến tâm của Bà la môn ấy hoan hỷ, Ngài phán:

- Lành thay! Này Bà la môn, người đánh lễ nơi này là tốt đẹp lắm.

Chư Tỳ khuru nghe vậy, khởi lên sự hoài nghi rằng:

- Vì lẽ nào Đức Thế Tôn làm cho Bà la môn ấy hoan hỷ như thế.

Để đoạn nghi cho Tăng chúng, bấy giờ Đức Thế Tôn liền thuyết giảng bài kinh Ghātikāra (trong Trung Bộ Kinh). Rồi Ngài dùng thần thông hóa thiện ngôi Bảo Tháp vàng của Đấng Thập Lực Kassapa cao 1 do tuần, ngôi Bảo tháp vàng ấy lơ lửng giữa hư không, đại chúng chiêm ngưỡng Bảo Tháp như là Bảo Tháp đang ở trước mặt mình.

Ngài phán dạy Bà la môn ấy rằng:

- Này Bà la môn! Sự cúng dường đến Bậc đáng cúng dường như Bảo Tháp này thì rất xứng đáng.

Rồi Ngài tuyên thuyết về bốn hạng người xứng đáng được lập tháp thờ là: Đấng Chánh Đẳng Giác, Đấng Độc Giác Phật, Bạc Ứng Cúng A La Hán và Vua Chuyển Luân Vương. Theo ý nghĩa mà Ngài thuyết trong Kinh Đại Bát Níp Bàn. Rồi Ngài thuyết giảng chi tiết về ba loại Bảo Tháp là Sāricatīya – Uddisacetīya – Paribhogacetīya.

Sau cùng, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

195. “Pūjārahe pūjayato,
Buddhe yadi va sāvake;
Papañcasamatikkante,
Tiṇṇasokapariddave”.
*“Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi”.*

196. “Te tādise pūjayato,
Nibbute akutobhaye;
Na sakkā puññam,
Saṅkhātuṃ, imettamapi kenaci”.
*“Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được”.*

195-196. Người tôn kính những bậc xứng đáng thọ lãnh sự tôn kính, chư Phật hay chư Thánh Văn đệ tử, những bậc đã khắc phục mọi chướng ngại và đã thoát khỏi mọi phiền não âu sầu – công đức của người tôn kính cúng dường bậc an tịnh, bậc vô úy thật là vô lượng.



CHÚ GIẢI:

Người dâng cúng dường gọi trong kệ ngôn này là Pūjārahe pūjayato. Câu nói của người đáng cúng dường đến Bạc đáng cúng dường nghĩa là: Người cúng dường bằng cách như đánh lễ... hoặc bằng tứ vật dụng.

Đức Thế Tôn thuyết giảng người đáng cúng dường là Buddha, nghĩa là chư Phật... là bậc Chánh Đẳng Giác.

Tadi tức là yadivā. Có lời giải rằng: Attavā tức là vậy thì. Câu nói chư Phật Độc Giác mà Ngài phán dạy trong kệ ngôn này (hoặc là chư Thánh Văn Giác đệ tử). Câu nói: Người đã vượt qua Pháp chướng ngại, nghĩa là các pháp chướng ngại tức là ái, tà kiến, mạn mà các Ngài đã vượt qua. Câu nói: Người đã thoát khỏi sầu muộn tức là bậc không còn sầu muộn, nghĩa là đã vượt qua cả hai thức. Bạc đáng cúng dường mà Đức Thế Tôn đã phán dạy trong câu Vidasana. Câu nói: Các Bạc đáng cúng dường như Đức Phật... Câu nói: Người như vậy tức là người có đầy đủ ân đức như đã nói trên. Câu nói: Người đã Níp Bàn. Nghĩa là đã Níp Bàn do đã dập tắt phiền não như ái dục...

Câu nói: Không còn nguy hiểm bất cứ ở đâu từ nơi sanh hữu hay cảnh hữu đối với các bậc Thánh, là bậc đáng cúng dường. Do đó các Ngài mới không còn gọi là không còn sự nguy hiểm bất cứ ở nơi đâu. Đó là Bạc không còn nguy hiểm ở bất cứ nơi nào.

Câu nói: Không ai có thể ước lường quả phước, nghĩa là không ai có thể kể được số lượng. Nếu có câu hỏi rằng: Đếm như thế nào? Thì hãy đáp rằng: Không ai có thể

đếm được quả phước này là có được bao nhiêu đây, có được khoảng chừng này, quả phước kia có số lượng khoảng chừng bấy nhiêu.

Chữ Api ghép trong câu Kenaci. Nghĩa là: Không có người nào hoặc bằng cách nào đếm được.

Trong hai câu này, câu nói NGƯỜI, tức là người có như Phạm Thiên.

Câu nói: Cách đếm, tức là đếm bằng ba cách: Cách ước lượng, cách cân và cách đong. Cách ước lượng là theo như thế này: Khoảng chừng bao nhiêu đây, gọi là ước lượng. Cách làm cho ngang bằng gọi là cân. Cách làm cho đầy gọi là đong.

Không ai có thể đếm được quả phước của người cúng dường đến bậc đáng cúng dường như thế nào, tức là cúng dường đến Đức Phật... ba cách đếm này không thể đếm được quả dị thực thiện. Bởi vì nó có quá nhiều, có vô số lượng. Quả thí của người cúng dường trong hai trường hợp ra sao?

Quả phước của người cúng dường đến Đức Phật...khi Ngài còn tại tiền thì như thế. Nhưng quả phước của người cúng dường đến Đức Phật đã Níp Bàn có sự sai khác nhau chăng? Cũng không có sự sai khác nhau đâu. Vì rằng, Đức Đế Thích có nói lên kệ ngôn trong bộ Thiên Cung Sự rằng:

“Khi Bậc Chánh Đẳng Giác còn tại tiền hay Ngài đã Níp Bàn rồi cũng thế. Nếu tâm đồng nhau thì quả thí cũng đồng nhau, vì rằng nhân tạo phước do sự tịnh tín nơi tâm, tất cả chúng sanh đều sanh về nhàn cảnh như vậy”.

Dứt kệ ngôn, Bà la môn ấy chứng đắc Pháp nhãn Dự Lưu.

Ngôi Bảo Tháp Vàng cao 1 do tuần ấy, đứng giữa hư không trọn cả bảy ngày. Về sau, đại chúng trở lại cố tục của mình. Ngôi Bảo Tháp đã trở về nơi cũ do Phật Lực, trên nền cẩm thạch của Bảo Tháp ở chính tại nơi ấy, đã hiện ra trở lại như xưa.

Trong hội chúng ấy có khoảng 84 ngàn chúng sanh chứng ngộ Pháp.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Dân thành điên đảo tại Ma xui
Ôm bát về không Phật vẫn vui
Lại độ nữa ngàn cô thiếu nữ,
Có duyên, chánh tín, chẳng hề lui,
Phật ví mình như Đại Phạm Thiên,
Suốt ngày toại hưởng lạc trường miên,
Có đâu bận trí vì con đời?
Ma chỉ chuyên lo chuyện ảo huyền!*

DỨT TÍCH BẢO THÁP CỦA ĐỨC PHẬT KASSAPA



DỨT PHẨM PHẬT ĐÀ-BUDDHA VAGGA

DỨT PHẨM 14





195. Ai biết kính trọng các Bạc Ứng Cúng, Đức Phật hay đệ tử Ngài, đó là các bậc đã vượt khỏi mọi ưu bi.



196. Ai tôn sùng những bậc an tịnh và vô úy, sẽ đạt công đức vô lượng.

XV. PHÂM AN LẠC

SUKHA VAGGA

- 11 bài kệ: Pháp cú 197-208

- 8 Tích truyện



XV.1- HAI HOÀNG TỘC TRANH GIÀNH NƯỚC

(*Nātakānaṃ Rahala Vūpasamana*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 197-198-199)

197. “Susukhaṃ vata jīvāma,
Verinesu averino;
Verinesu manussesu,
Viharāma averino”.

*“Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!”.*

198. “Susukhaṃ vata jīvāma,
Āturesu anāturā;
Āturesu manussesu,
Viharāma anāturā”.

*“Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh giữa ốm đau!
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau”.*

199. “Susukhaṃ vata jīvāma,
Ussukesu anussukā;
Ussukesu manassesu,
Viharāma anussukā.”

*“Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn ràng;
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng”.*

Kệ Pháp Cú này, Đức Bổn Sư thuyết ra khi ngự giữa hai Hoàng Tộc Thích Ca, đề cập đến sự tranh chấp nước của quyền thuộc.

Tương truyền rằng: Hai họ Hoàng Tộc Sakya và Koliya đã hiệp tác nhau đập một cái đập chung để dẫn nước từ sông Rohinī vào giữa hai thành Kapilavatthu và Koliya, và trồng trọt hoa màu trên những cánh đồng ở hai bên bờ sông.

Đến tháng Jettha mūla (tháng 6-7 dương lịch) năm ấy, nhận thấy các vụ mùa bị thất nhiều, hai bên nông dân hai bờ sông hợp nhau lại. Dân thành Koliya lên tiếng trước rằng:

- Nếu nước sông này dẫn nước chia đôi để tưới cả hai bên sông thì không đủ cho các vị lẩn cho bên chúng tôi. Vụ mùa của chúng tôi sắp chín tới, chỉ cần một lần tưới nữa thôi. Vậy các vị hãy dành trọn nước sông này cho chúng tôi sử dụng đi.

Nhóm dân họ Thích cũng nói rằng: Sau khi các vị gặt lúa chín, chát đầy kho lẫm rồi, chẳng lẽ chúng tôi lại lấy vàng, bạc, ngọc bích, ngọc tuyền và tiền bạc ra, xách theo thúng rỗ hoặc túi bao mà đi đến nhà các người. Vụ mùa của chúng tôi cũng chỉ cần một lần tưới nữa thôi. Vậy hãy nhường cả nước sông này cho chúng tôi.

- Chúng tôi nhất định không nhường được.

- Chúng tôi cũng không cho các vị lấy hết nước dòng sông này.

Cuộc bàn luận đi đến nơi bế tắc. Một người đứng lên đánh đối phương, người này đánh trả lại. Thế là cuộc xô xát bành trướng ra, hai họ trong Hoàng gia đánh nhau, cùng với những lời lẽ bêu xấu nhau kịch liệt. Những người dòng Koliya nói:

- Đây những người dân thành Kapilavatthu, các người hãy dắt con cái đi đi. Những kẻ nào sống chung với em gái mình, giống như chó nhà và chó rừng, thì những voi, ngựa, khiên, vũ khí mà những kẻ ấy có được, sẽ làm gì được chúng tôi.

Những người dòng Thích Ca cũng mắng lại rằng:

- Đây các kẻ hủi! Các người hãy dắt con cái đi đi. Những kẻ hủi khôn nạn, vô hại, giống như loài thú ở trên cây táo, thì những voi, ngựa, khiên và vũ khí của những kẻ ấy làm gì được chúng tôi.

Hai nhóm nông dân này đem câu chuyện tranh chấp này báo cáo lên cho hai Hoàng Tộc biết tin.

Các chiến sĩ Thích Ca lập tức nai nịt gọn gàng, mang vũ khí ra đi và hét lớn rằng:

- Chúng ta sẽ biểu diễn tài nghệ của những người sống với em, chị gái mình cho bọn chúng nó thấy.

Các chiến sĩ Koliya cũng nai nịt gọn gàng, mang vũ khí ra đi và hét lớn rằng:

- Chúng ta sẽ biểu diễn tài lực của những người cù sống trên cây táo cho chúng nó thấy.

Sáng hôm ấy, Đức Bổn Sư quán xét thế gian theo thông lệ, vì nhìn thấy những quyền thuộc của Ngài. Ngài tự nghĩ: *“Nếu ta không can thiệp thì những người này sẽ giết hại lẫn nhau. Ta phải đến đó mới được”*.

Thế rồi, Ngài theo đường hư không đến đứng giữa dòng sông Rohinī. Ngồi kiết già giữa hư không.

Các quyền thuộc trông thấy Đức Bổn Sư liền ném vũ khí xuống đất và đánh lễ Ngài. Đức Bổn Sư bèn hỏi mỗi bên rằng:

- Tâu Đại Vương! Vì sao có cuộc tranh chấp này.

- Bạch Ngài! Trẫm không được biết.

- Vậy thì ai biết bây giờ đây?

Hai vua đáp: *“Có lẽ Phó Vương”*. Khi hai vị Phó Vương bị hỏi thì đáp là: *“Có lẽ quan Tổng binh biết”*, lần theo thứ tự từ trên xuống, cuối cùng cũng đến các nông dân, họ đáp: *“Bạch Ngài, đây là cuộc tranh giành nước sông Rohinī”*. Đức Thế Tôn hỏi hai vị vua:

- Tâu Đại vương! Nước đáng giá bao nhiêu?

- Bạch Ngài, nước giá rẻ lắm.

- Tâu Đại Vương! Các Chiến Sĩ Sát Đế lỵ giá bao nhiêu?

- Bạch các Ngài! Các chiến sĩ Sát Đế Ly giá rất cao.

- Thế thì, vì nước có giá trị rẻ như thế lại đem đánh đổi bằng các chiến sĩ Sát Đê Ly. Như vậy có thích đáng chăng?

Mọi người đều im lặng, Đức Phật gọi hai vị vua đến phán rằng:

- Tâu Đại Vương! Vì sao Ngài lại làm như thế? Nếu hôm nay Như Lai không ngự đến đây, thì máu các người nhuộm xuống dòng sông rồi. Các Ngài đã làm điều không xứng đáng, các Ngài sống trong thù hận, trú trong ba pháp hận thù, còn Như Lai sống không thù hận. Các Ngài sống trong tham ái, còn Ta sống không tham ái.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

197. “Susukham vata jīvāma,
Verinesu averino;
Verinesu manussesu,
Viharāma averino”.

“Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!”.

198. “Susukham vata jīvāma,
Āturesu anāturā;
Āturesu manussesu,
Viharāma anāturā”.

“Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh giữa ốm đau!
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau”.

199. “Susukham vata jīvāma,
Ussukesu anussukā;
Ussukesu manussesu,
Viharāma anussukā.”

“Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn ràng;
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng”.

197. Hạnh phúc thay! Sống không thù hận giữa hận thù. Giữa những người hận thù, Ta sống không thù hận.

198. Hạnh phúc thay! Ta sống mạnh khỏe giữa ốm đau. Giữa những người bệnh tật, Ta sống không ốm đau.

199. Hạnh phúc thay! Ta sống không tham ái. Giữa những người dục vọng ta sống không tham ái.



CHÚ GIẢI:

Susukham: Sutthusukham: Sự an vui tốt đẹp. Đại ý của bài kệ này là: Những người sư sĩ tại gia, không phải bậc xuất gia, sống bằng một nghề nào như y sĩ... hằng nói “*chúng ta sống an vui*”. Những người nào nghĩ: “*Chúng ta là những người không thù hận trong số những người thù hận với tâm hận thù, là những người không bệnh tật do không phiền não trong số những người bệnh tật là phiền não. Là những người không tham ái tìm cầu ngũ dục, những người ấy có thể nói là hạnh phúc thay*”.

Hai kệ ngôn sau cũng cùng chung một ý nghĩa như thế. Cuối thời pháp, nhiều đức đấng Thánh Quả, như là Tu Đà Hườn quả.

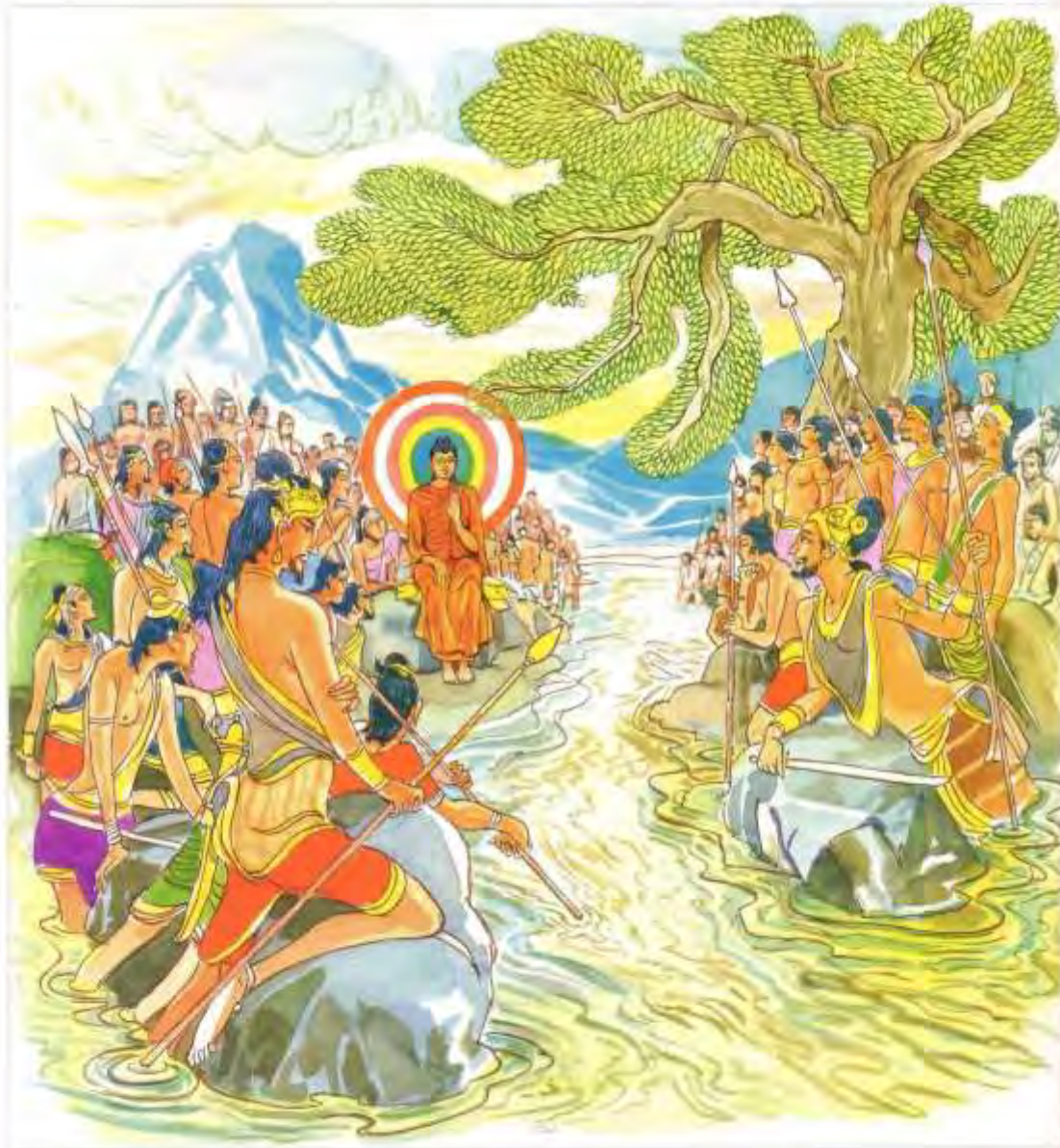


Dịch Giả Cẩn Đề

*Hai họ Hoàng Gia suýt giết nhau
Bởi tranh chút nước tưới hoa màu
Khi thương lựa nói lời ngon ngọt
Lúc giận moi tìm lý lẽ sâu.
Trước múa tay chân còn phải quấy
Sau khoe gươm giáo hết đuôi đầu.
“Máu đào một giọt hơn ao nước”
Phật giảng hòa ngay, khỏi đợi lâu”.*

DỨT TÍCH HÒA GIẢI GIA TỘC





**197. Hạnh phúc thay! Sống không thù hận giữa hận thù.
Giữa những người hận thù, Ta sống không thù hận.**



198. Đối với những ai không có bệnh, có thể sống an lạc ngay giữa đám người bệnh hoạn.



199. Chúng ta sống an lạc, không dao động giữa quần sanh vô cùng dao động.

XV.2- MA VƯƠNG TRÊU PHẬT

(*Māra*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 200)

“Susukham vata jīvāma,
Yesam no natthi kiñcanam;
Pītibhakkhā bhavissāma,
Devā ābhassarā yathā”.

“*Vui thay chúng ta sống,
Không gì, gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như Chư Thiên Quang Âm*”.

Pháp Cú này được Đức Bôn Su thuyết ra khi ngự trong làng Bà la môn Pañcasālā, đề cập đến Ma Vương.

Một lần nọ, nhân thấy 500 cô gái có duyên lành để đác quả Tu Đà Hườn, Đức Bôn Su bèn ngự đến gần làng ấy. Những cô gái này nhân ngày lễ sao, đã đi xuống sông tắm, tắm xong trang điểm chu tất rồi đồng đi thẳng một mạch về nhà. Đức Bôn Su cũng đi vào làng ấy khát thực. Ma vương đã nhập vào toàn thể thôn dân, khiến Đức Bôn Su không được để bát chút nào cả, dầu là một muỗng cơm.

Sau khi làm như thế, Ma Vương đứng trước cổng làng, chờ Đức Bôn Su ôm bát ngự ra, nói trêu gheo rằng:

- Ông Sa Môn! Ông không được vật thực chi phải chăng?
- Này Ma Vương! Vì sao ngươi lại khiến Như Lai không được vật thực?
- Bạch Ngài! Thế thì xin Ngài hãy quay trở lại làng đi.

Nghe rằng: Ma Vương tính thầm: “*Nếu Sa môn Gotama trở lại làng, ta sẽ nhập vào thôn dân, khiến cho họ vỗ tay cười chế nhạo trước mặt ông ta*”. Ngay khi ấy, thì 500 cô gái đi đến cổng làng, gặp được Đức Đạo Sư, đến đánh lễ Ngài rồi đứng qua một bên.

Ma Vương lại trêu gheo Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, không được vật thực chắc Ngài phải khổ vì sự đói dữ lắm phải chăng?
- Này Ác ma! Mặc dù hôm nay Như Lai chẳng được chút chi cả, nhưng ta sẽ toại hưởng phỉ lạc suốt ngày giống như vị trời Phạm Thiên ở cõi Quang Âm vậy.

Rồi Đức Đạo Sư thuyết lên kệ ngôn sau:

“Susukham vata jīvāma,
Yesam no natthi kiñcanam;
Pītibhakkhā bhavissāma,
Devā ābhassarā yathā”.

“*Vui thay chúng ta sống,
Không gì, gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như Chư Thiên Quang Âm*”.

CHÚ GIẢI:

Yesam no: Không có mối buộc ràng nào cả, trong số những dây trói buộc ràng chúng ta, nhất là luyến ái.

Pītibhakkhā: Chư Thiên cõi Quang âm có hỷ lạc làm cơm nên sống tự tại như thế nào, thì ta cũng sẽ có cơm hỷ lạc như thế ấy.

Cuối thời pháp, năm trăm thiếu nữ chúng đấng Tu Đà Hườn.

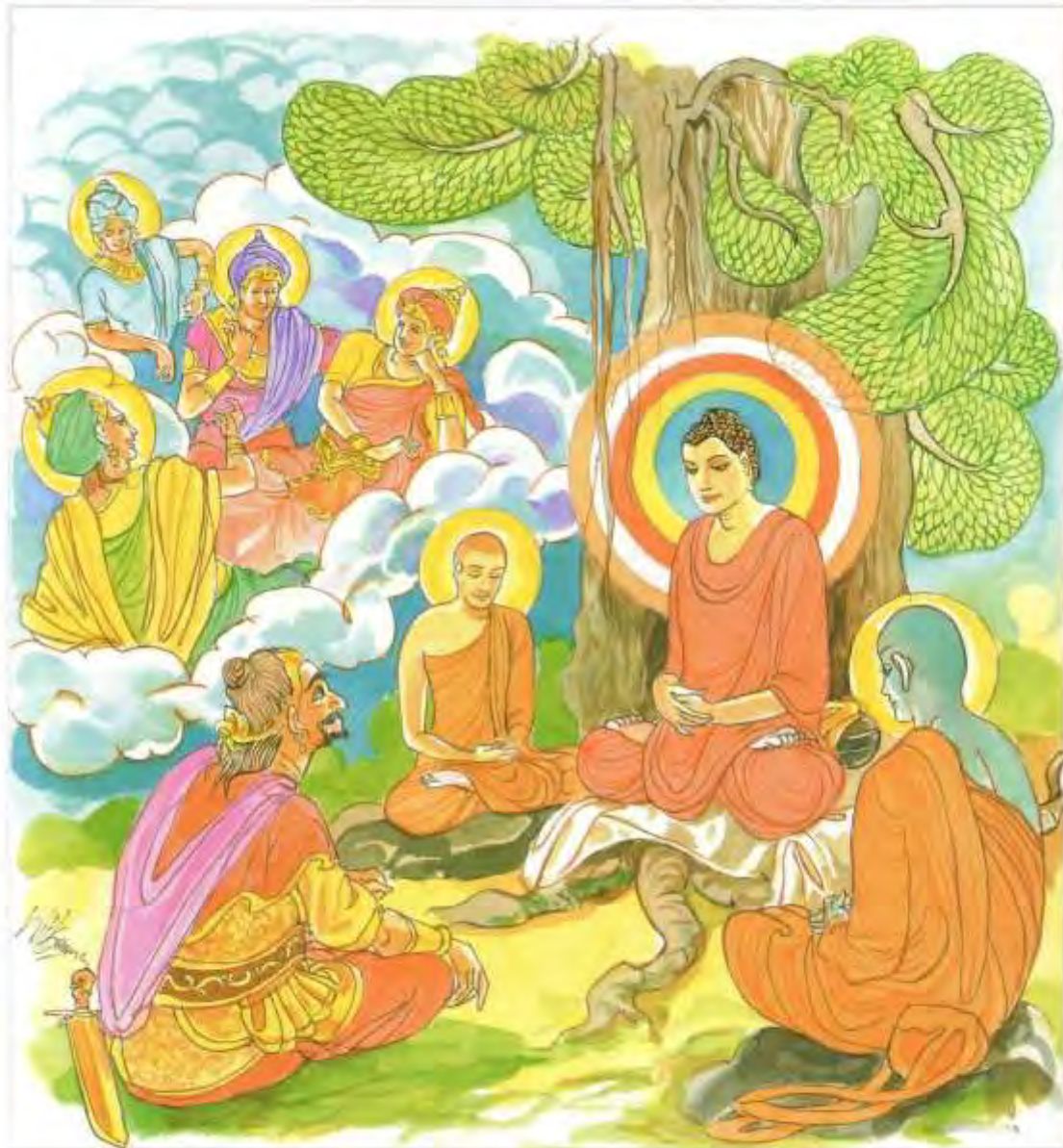


Dịch Giả Cẩn Đề

*Dân thành điên đảo tại ma xui
Ôm bát về không, Phật vẫn vui
Lại độ nữa ngàn cô thiếu nữ
Có duyên, chánh tín chẳng hề lui
Phật ví mình như Đại Phạm Thiên
Suốt ngày toại hưởng lạc trường miên
Có đâu bận trí vì cơn đời
Ma chẳng chuyên lo việc hão huyền.*

DỨT TÍCH VƯƠNG TRÊU PHẬT





200. Chúng ta sống đầy an lạc dù không có tài sản gì. Chúng ta được nuôi dưỡng bằng niềm hoan hỷ như Chư Thiên.

XV.3- ĐỨC VUA KOSALA BẠI TRẬN

(*Kosalaraññoparājaya*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 201)

“Jayam veram pasavati,
Dukkham seti parājito;
Upasanto sukham seti,
Hitvā jayaparājayam”.

“Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc,
Bỏ sau mọi thắng bại”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Su đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến sự bại trận của Vua Pasenadi.

Tương truyền rằng: Đức Vua Kosala chiến đấu với cháu mình là Đức Vua Ajātasattu, gần làng Kāsika đã bị bại trận ba lần liên tiếp. Đến lần thứ ba, Đức Vua tự nghĩ: “Trẫm không thắng được đứa con nít miệng còn hôi sữa. Vậy Trẫm còn sống để làm gì?”.

Đức Vua bèn tuyệt thực, nằm liệt trên Long sàng.

Tin này được lan truyền khắp kinh thành, chư Tăng trình lên Đức Thế Tôn: “Bạch Ngài! Được tin rằng Đức Vua Kosala ngự giá thân chinh gần thành Kāsika, bị đánh bại ba lần, và bây giờ rút binh trở về. Ngài âu sầu nên tuyệt thực nằm liệt giường, vì nghĩ rằng: Đã không thắng nổi đứa con nít miệng hôi sữa, thì Trẫm còn sống làm gì?”.

Nghe Chư Tăng thuật lại câu chuyện, Đức Bôn Su phán dạy:

- Này các Tỳ khưu! Người thắng cũng bị thù oán, người bại cũng chịu đau khổ.

Rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Jayam veram pasavati,
Dukkham seti parājito;
Upasanto sukham seti,
Hitvā jayaparājayam”.

“Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc,
Bỏ sau mọi thắng bại”.



CHÚ GIẢI:

Jayam: Người thắng ắt bị thù oán.

Parājito: Người bị thắng tức là kẻ bại, ắt chịu khổ trong bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi. Lúc nào cũng khổ, luôn luôn tự hỏi:

Chừng nào ta mới có thể trả thù rửa hận.

Upasanto: Ở giữa hai người trên đây. Bậc Lộ Tận đã làm an tịnh phiền não tham ái, đã dứt bỏ sự thắng và bại, luôn luôn được an vui trong cả bốn oai nghi.

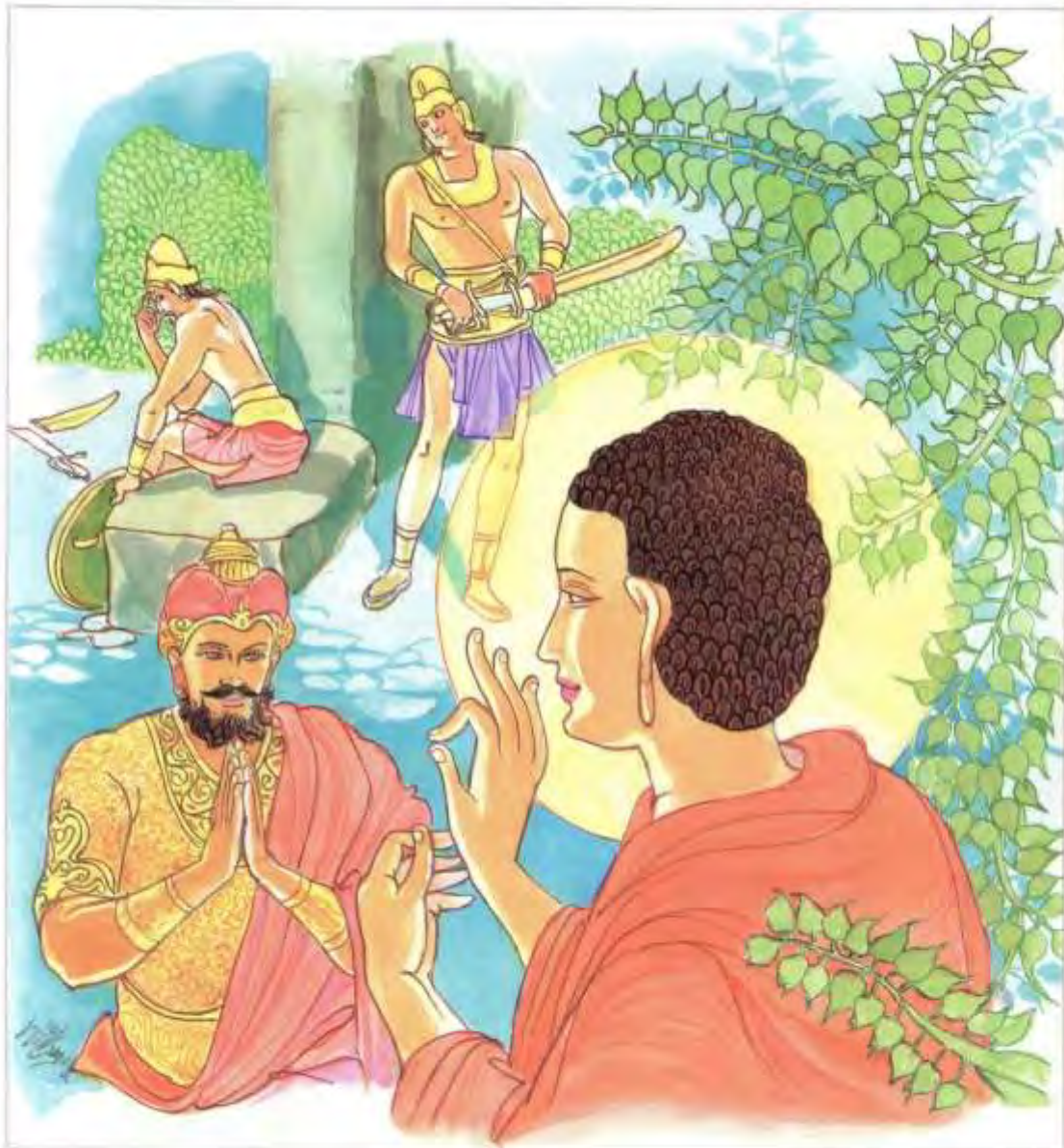
Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Nhà Vua tham đất, nỡ quên tình
Chẳng đánh người dưng, đánh cháu mình.
Ba lượt ra quân, ba lượt bại
Nghĩ càng tủi nhục, có gì vinh
Hai đảng ra sức giết giành nhau
Thắng lợi sinh thù, bại khổ đau
Chẳng thắng, chẳng thua, lòng tịnh lạc
Người quen tri túc khôe làm sao.*

DỨT TÍCH ĐỨC VUA KOSALA





**201. Chiến thắng sinh thù hận. Kẻ chiến bại chịu khổ sầu.
Miền ai tịnh vượt lên cảnh thắng bại.**

XV.4- MỘT THIẾU NỮ GIA GIÁO

(*Aññatarakuladārikāvattu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 202)

“Natthi rāgasamo aggi,
Natthi dosasamo kali;
Natthi khandhasamā, dukkhā,
Natthi santiparam sukham”.

“Lửa nào sánh lửa than?
Ác nào bằng sân hận?
Khổ nào sánh khổ uẩn,
Lạc nào bằng tịnh lạc”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Su thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nàng thiếu nữ con nhà gia giáo.

Tương truyền rằng: Cha mẹ của thiếu nữ này đã nhận lễ cầu hôn của nhà trai, và đã thỉnh Đức Thế Tôn đến thọ bát vào ngày gả con lấy chồng.

Đức Thế Tôn cùng với Tăng chúng tùy tùng ngự đến và an tọa vào chỗ ngồi được soạn sẵn. Cô dâu đi qua lại, lo phục dịch chư Tăng, nhất là lọc nước để dâng đến Tăng. Chàng rể thì cứ đứng nhìn cô dâu. Chàng nhìn cô dâu với tâm tham ái, phiền não dục khởi lên trong tâm chàng, bị sự si mê thắng phục, chàng không lo phục dịch Đức Phật cùng với 80 vị Đại Trưởng Lão, mà giơ tay ra định ôm lấy cô dâu. Đức Bôn su nhìn thấy tư tưởng của chàng ta, khiến chàng không còn trông thấy cô dâu nữa, không thấy được cô dâu chàng ta đành đứng yên nhìn Đức Bôn Su. Khi chàng đứng nhìn Đức Bôn Su như vậy, Ngài bảo:

- Nay cận sự nam, không có lửa nào sánh bằng lửa tham ái, không có ác nào sánh bằng ác sân hận, không có khổ nào bằng khổ giữ gìn ngũ uẩn, không có sự an vui nào bằng sự an vui của Níp Bàn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Natthi rāgasamo aggi,
Natthi dosasamo kali;
Natthi khandhasamā, dukkhā,
Natthi santiparam sukham”.

“Lửa nào sánh lửa than?
Ác nào bằng sân hận?
Khổ nào sánh khổ uẩn,
Lạc nào bằng tịnh lạc”.



CHÚ GIẢI:

Natthi rāgasamo: Tuy không thấy khói hoặc lửa ngọn hoặc than lửa đỏ, nhưng lửa tham ái có thể cháy rần rần trong nội tâm con người, sự tàn phá thiêu đốt của nó không có thứ lửa nào khác sánh kịp.

Kali: Không có tội lỗi nào bằng tội của sân.

Khandhasamā: Khandhehi samā là bằng ngũ uẩn, không có thứ khổ nào khác có thể sánh bằng khổ ngũ uẩn.

Cũng không có sự an lạc nào, có thể sánh với sự an lạc của Níp Bàn. An lạc Níp Bàn là tối thượng.

Cuối thời pháp, cô dâu và chàng rể chúng đắ quả vị Tu Đà Hườn.
Ngay lúc đó, Đức Thế Tôn thu hồi Phật lực và hai người đã thấy mặt nhau trở
lại.

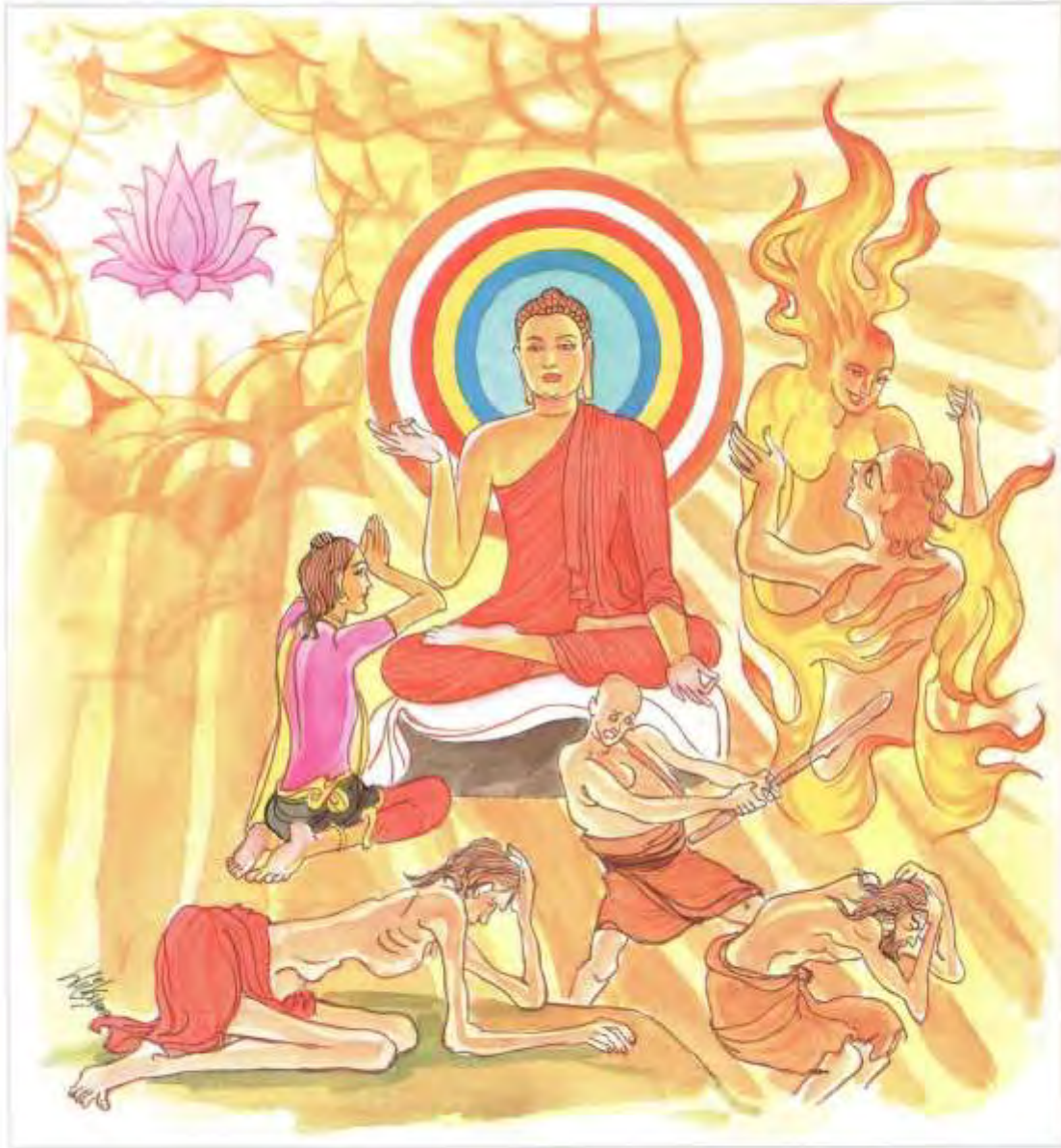


Dịch Giả Cẩn Đề

*Ngày lễ vua quy thỉnh Phật Đà
Nàng dâu chẳng bận tiếp thông gia
Hộ tãng sợ trể phần cơm nước
Chàng rể mong chờ kiệu đuốc hoa
Lửa ái nung lòng trai khó nhịn
Âm từ mát dạ khổ mau qua
Mắt mờ lại sáng vì Sơ quả
Người đẹp còn đây, há cách xa.*

DỨT TÍCH THIẾU NỮ CON NHÀ GIA GIÁO





202. Không lừa nào bằng tham dục, không tai hại nào bằng sân hận. Không khổ nào bằng bản thân. Chỉ Niết Bàn là cực lạc.

XV.5- ÔNG THIÊN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT (*Añnatara-upāsakavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 203)

“**Jighacchāparamā rogā,
Saṅkhāraparamā, dukhā.
Etaṃ ñatvā yathābhūtaṃ,
Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ**”.

“**Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết bàn, lạc tối thượng**”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Su đã thuyết khi ngự tại thành Ālavī, đề cập đến một thiện nam.

Lần nọ, Đức Thế Tôn tịnh tọa trong Hương thất ở Jetavana, vào buổi sáng Ngài quán xét thế gian, Ngài thấy được duyên lành của người đàn ông nghèo khó, nên Ngài ngự đến thành Ālavī với 500 Tỷ khuru tùy tùng.

Dân thành Ālavī liền cung thỉnh Đức Thế Tôn. Được tin Đức Thế Tôn ngự đến, người đàn ông nghèo khó ấy cũng có ý định đến nghe Pháp của Ngài, nhưng trong ngày ấy con bò của y sút chuồng chạy mất, người ấy suy nghĩ: “*Ta nên đi kiếm bò hay là đi nghe Pháp?*” rồi y quyết định “*Ta hãy tìm bò mang về chuồng, rồi hãy đi nghe Pháp*”. Từ bình minh, người ấy đã ra đi khỏi nhà tìm con bò, dân thành Ālavī đã cung thỉnh chư Tăng có Đức Phật là vị Thượng thủ thọ thực nơi Trai thí đường, sau khi Ngài thọ thực xong, họ xin thỉnh Bát của Đức Bôn Su để yêu cầu Ngài phúc chúc phước, Đức Bôn Su phán dạy:

- Chỉ vì một người mà Như Lai vượt khoảng đường xa 30 do tuần đến đây để tiếp độ y. Hiện y đang vào rừng để kiếm con bò đi lạc, khi nào người ấy đến, Như Lai sẽ thuyết pháp.

Rồi Ngài im lặng. Người đàn ông nghèo kiếm được con bò xong, đưa nó trở về với đàn bò, rồi tự nhủ rằng: “*Nếu không có duyên chi khác, ta hãy đi đánh lễ Đức Bôn Su*”. Mặc dù đang đói bụng, nhưng y không có ý định trở về nhà mà lật đật tìm đến đánh lễ Đức Bôn Su, và đứng qua một bên.

Chờ người ấy đứng yên, Đức Bôn Su hỏi người phụ lo việc trai tăng rằng:

- Vật thực của chư Tăng còn chút chi chãng?
- Bạch Ngài! Còn có đủ ạ.
- Nếu vậy, hãy dọn cơm cho người này dùng đi.

Sau khi mời người đàn ông nghèo ngồi nơi Đức Bôn Su chỉ dạy, người hộ Tăng chăm lo khoản đãi người ấy với cháo, vật thực cúng dường thượng vị loại cứng loại mềm. Sau khi dùng bữa xong, người đàn ông ấy súc miệng (người ta bảo rằng: Ngoài ra chỗ này, khắp nơi khác trong Tam Tạng không có ghi chép việc Đức Phật lo lắng về vấn đề cơm nước như thế). Sự khổ thân vừa được yên thì tâm của y cũng được tịnh lặng.

Cuối thời Pháp, người ấy chứng đắc Tu Đà Hườn quả. Sau khi phúc chúc xong, Đức Thế Tôn đứng dậy ra đi, đại chúng theo sau tiễn đưa Đức Bôn Sư một lối đường rồi quay trở lại.

Chư Tăng đang đi với Đức Thế Tôn, tham phiến rằng:

- Này chư Hiền! Hãy xem việc làm của Đức Thế Tôn đó, trong những thời khắc thì không có chuyện như vậy, nhưng lần này Ngài đã vì một người đàn ông nghèo, mà lo lắng bảo người hộ Tăng dâng hộ cháo cơm.

Đức Bôn Sư quay lại, đứng hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các thầy đang bàn chuyện chi thế?

Khi nghe rõ mọi sự, Ngài bảo rằng:

- Phải đó, này các Tỳ khuru! Sỡ dĩ ta vượt đường dài cả 30 do tuần mà đến đây, vì ta thấy được duyên lành của ông Thiện nam này. Ông ta đang đói bụng quá sức, vì từ sáng sớm đã thức dậy vào rừng để tìm con bò đi lạc. Đang khổ vì đói, đâu có người thuyết pháp, người ấy cũng không thể lãnh hội được Pháp. Vì nghĩ vậy, nên ta đã làm như thế. Này các Tỳ khuru, không có bệnh nào sánh bằng bệnh đói cả.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Jighacchāparamā rogā,
Saṅkhāraparamā, dukhā.
Etaṃ ñatvā yathābhūtaṃ,
Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ”.

“Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết bàn, lạc tối thượng”.



CHÚ GIẢI:

Jighacchāparamā rogā: Mọi bệnh khác chỉ chữa một lần là dứt tuyệt hoặc tạm thời biến mất. Còn chứng đói bụng thì thường xuyên phải chữa trị mãi. Đối với tất cả chứng bệnh khác, bệnh đói này là tối thượng.

Saṅkhāra: Pháp hành, ám chỉ ngũ uẩn.

Etaṃ ñatvā: Không có bệnh nào bằng bệnh đói, không có khổ nào bằng khổ ngũ uẩn. Bậc hiền trí biết rõ vấn đề như thật, nên làm cho thấu rõ Níp Bàn.

Nibbānaṃ paramaṃ sukhaṃ: Sự an vui của Níp Bàn ưu việt cao thượng hơn tất cả mọi sự an vui.

Cuối thời pháp nhiều Tỳ Khuru chứng Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Bệnh đói to hơn các bệnh thường
Phàm nhân vì nó phải tư tương
Chú nghèo đến trễ cam lòng đói
Đức Phật từ bi nghĩ xót thương
Cơm Tăng một bữa tạm no lòng
Sơ quả sanh liền khỏi đợi mong
Tứ chúng nào hay vì lẽ khó
Đường xa, Phật chẳng ngại hoài công.*

DỨT TÍCH ÔNG THIỆN NAM ĐƯỢC ĂN CƠM PHẬT





**203. Đói là bệnh tối trọng. Sanh tử luân hồi là đại khổ.
Vượt khỏi hai cảnh này, Niết Bàn là cực lạc.**

XV.6- ĐỨC VUA PASENADI BỐT ĂN

(*Pasenadikosalavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 204)

“*Ārogyaparamā lābhā,
Santutṭhiparamaṃ dhanam;
Vissāsaparamā nāti,
Nibbānaṃ paramaṃ, sukhaṃ*”.

“*Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng.
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết bàn, lạc tối thượng*”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết lên khi Ngài ngự nơi Jetavana, đề cập đến Đức Vua Pasenadi.

Một thời, Đức Vua Pasenadi thường dùng cơm hấp chung với canh và các món ăn khác. Một hôm, sau khi độ điểm tâm sáng, Đức Vua không thắng được sự hôn trầm vì ăn quá no, bèn ngự giá đến bãi yết Đức Bôn Sư rồi đi bách bộ trước mặt Ngài với vẻ mệt mỏi, mặc dù buồn ngủ hết sức nhưng không dám nằm dài xuống. Đức Vua ngồi qua một bên. Khi ấy, Đức Bôn Sư hỏi Đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương! Có phải chưa được nghỉ ngơi thoải mái mà Đại Vương đã đến nơi đây chăng?

- Bạch Ngài, phải, sau bữa cơm Trẫm rất đau khổ nặng nề.

Đức Bôn Sư bèn nói với Đức Vua rằng:

- Tâu Đại Vương, sự thọ thực quá nhiều hằng có cái khổ như thế.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn.

Sau bài kệ này, Đức Bôn Sư dạy tiếp rằng:

- Tâu Đại Vương! Phàm trong sự ăn uống, con người phải biết tiết độ. Người biết tiết độ trong ăn uống hằng được sự an vui.

Rồi Ngài dạy thêm câu kệ ngôn:

“Người sẽ lâu già, bảo trì được tuổi thọ”.

Đức Vua không thể học thuộc được bài kệ này, Đức Bôn Sư bảo Hoàng diệt Sudassana đang đứng bên đó: “*Hãy học thuộc bài kệ này*”. Sau khi Sudassana học thuộc bài kệ. Đức Bôn Sư được Sudassana hỏi rằng:

- Bạch Ngài, con sẽ làm gì với kệ ngôn này?

- Khi nào Đức Vua độ cơm đến vắt cuối cùng, Hoàng diệt nên đọc lên bài kệ này, Đức Vua sẽ thấu rõ nghĩa lý của nó, sẽ ném bỏ vắt cơm cuối cùng. Và lại, trong vắt cơm ấy có được bao nhiêu hạt cơm, thì đến giờ nấu cơm cho Đức Vua, hãy bảo đầu bếp bớt ra bấy nhiêu hạt gạo.

- Lành thay, bạch Ngài.

Thế rồi, suốt cả hai buổi sáng và chiều, khi Đức Vua ngự thiện đến vắt com cuối cùng, hoàng đế Sudassana liền đọc lên bài kệ ấy. Trong vắt com cuối cùng được bỏ đếm được bao nhiêu hạt com thì bảo bót ra bấy nhiêu hạt gạo.

Mỗi lần được nghe kệ ngôn, Đức Vua ban thưởng Sudassana ngàn đồng vàng. Thời gian sau, Đức Vua tận được thói quen tri túc với một đấu gạo (độ 1 lít) mỗi bữa ăn và được an vui, nhưng Long thể có ốm bết.

Thế rồi, một hôm Đức Vua đến bái yết Đức Bôn Sư, bạch rằng:

- Bạch Ngài, bây giờ Trẫm được an vui. Hơn thế nữa, Trẫm còn có thể săn đuổi thú, bắt được hươu nai và ngựa rừng nữa. Lúc trước Trẫm hay chiến đấu với cháu Trẫm, nhưng mới đây Trẫm gả Công nương Kim Cương cho Hoàng đế. Trẫm đã ban công chúa làng Kāsi để công chúa có thể làm hò tẩm. Sự tranh chấp giữa Hoàng đế và Trẫm đã chấm dứt. Nhờ vậy, Trẫm càng được an vui. Hôm trước viên bảo ngọc của Hoàng gia bị mất cắp, nay nó được tìm thấy, trở về với Trẫm, do đó Trẫm càng thêm an vui. Muốn được tình thân thiện với các Thịnh Văn của Ngài, do đó Trẫm lại càng được an vui hơn.

- Tâu Đại Vương! Thật vậy, vô bệnh là lợi tối thượng, biết tri túc là được bạc tiền, tình thân mật là những quyền thuộc tốt nhất, sự an vui của Níp Bàn không có gì sánh được.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“*Ārogyaparamā lābhā,
Santutthiparamaṃ dhanam;
Vissāsaparamā ñāti,
Nibbānaṃ paramaṃ, sukhaṃ*”.

“*Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng.
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết bàn, lạc tối thượng*”.



CHÚ GIẢI:

Ārogyaparamā: Trạng thái vô bệnh là tối thượng. Quả vậy, những người có bệnh đau đang có lợi cũng giống như không có lợi, bởi thế, tất cả đều có đèn cho người vô bệnh, vì thế Đức Bôn Sư đã dạy sự vô bệnh là lợi tối thắng.

Santutthiparamaṃ dhanam: Người sư sĩ hoặc bậc xuất gia nào có sự vui thích đến lợi lộc của mình hoặc tài sản của mình, sự vui thích ấy là biết đủ hay tri túc. Nó là của cải cao thượng hơn những thứ của cải khác.

Vissāsaparamā ñāti: Ví như mẹ, cha của một người nào mà đối với họ không có tình thân mật thì mặc dầu không phải là bà con, họ hàng, người thân mật cũng là quyền thuộc tối thượng. Do đó, Đức Bôn Sư đã nói tình thân mật là quyền thuộc tối thượng vậy.

Không có sự an vui nào sánh bằng sự an vui của Níp Bàn, nên nói Níp Bàn là lạc tối thượng vậy.

Cuối thời Pháp nhiều người đắc chứng Đạo Quả Dự Lưu.



Dịch Giả Cẩn Đề

Lợi dưỡng như Vua dễ phát phì,
Nặng nề Long Thế, chẳng vui chi
Ngôi lo mệt mỏi, sanh buồn ngủ
Đừng sợ hôn trầm ráng sức đi.
Phật dạy bớt cơm bằng giọng kệ
Cháu mình nhắc cậu với bài thơ.
Uống ăn tiết độ, người tinh tiến
Vô bệnh, nương nhờ hạnh xả ly.

DỨT TÍCH ĐỨC VUA PASENADI BỐT ĂN





**204. Sức khỏe là lợi tối thắng. Tri túc là tài sản tối cao.
Niết Bàn là cực lạc tối thượng.**

XV.7- ĐẠI ĐỨC TISSA CÚNG DƯỜNG CAO THƯỢNG

(*Tissattheravatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 205)

“Pavivekarasaṃ pitvā,
Rasaṃ upasamassa ca;
Niddaro hoti nippāpo,
Dhammapītirasaṃ pivāṃ”.

“*Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hãi, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ*”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại thành Vesāli, đề cập đến vị Tỳ khuru.

Khi Đức Thế Tôn tuyên bố rằng:

- Này các Tỳ khuru! Từ nay đến bốn tháng nữa, Như Lai sẽ viên tịch Níp Bàn.

Nghe xong như vậy, cả 700 vị Tỳ khuru ở gần Ngài phát sanh kinh cảm, cả chư Thánh Thinh Văn Lộ Tận cũng phát sanh sự động tâm về pháp hữu vi vô thường. Những Tỳ khuru phạm không cầm được nước mắt. Chư Tỳ khuru họ thành từng nhóm, đi quanh hỏi ý kiến nhau:

“*Chúng ta phải làm gì đây?*”.

Khi ấy, có vị Tỳ khuru tên là Tissa, tự nghĩ rằng: “*Nghe nói còn bốn tháng nữa, Đức Bôn Sư sẽ Đại Níp Bàn, thế mà ta chưa diệt được tham ái, ta sẽ phải nỗ lực hành đạo đắc quả A La Hán, trong khi Đức Bôn Sư còn tại tiền*”.

Thế rồi, vị ấy nguyện hành Sa môn pháp trong cả bốn oai nghi, sống hạnh độc cư, không thân cận với chư Tăng, hoặc không trò chuyện với Tỳ khuru nào cả. Chư Tăng nói với vị ấy rằng:

- Này hiền giả Tissa! Tại sao hiền giả lại làm như thế?

Vị ấy cũng chẳng màng nghe chuyện chư Tăng nói. Chư Tăng bèn đem chuyện này mách lại với Đức Bôn Sư.

- Bạch Ngài! Đại Đức Tissa trình bày việc mình suy nghĩ lên Đức Bôn Sư, Ngài tán thán, nói rằng:

- Này các Tỳ khuru! Những vị nào yêu mến Ta, hãy noi gương của Tissa này. Dầu ai cúng dường hương hoa, tràng hoa đến ta, ta không gọi là họ cúng dường Ta cao thượng. Trái lại, những ai hành đạo đúng theo chánh pháp, chính họ là người cúng dường Ta cao thượng vậy.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“Pavivekarasaṃ pitvā,
Rasaṃ upasamassa ca;
Niddaro hoti nippāpo,
Dhammapītirasaṃ pivāṃ”.

“*Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hãi, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ*”.



CHÚ GIẢI:

Pavivekarasam: Vị phát sanh từ nơi thanh vắng, ám chỉ sự an vui của trạng thái độc cư.

Pitvā: Do sự hành thiền làm cho thấu rõ Tứ Đế, nhất là Khổ đế mà nếm được hương vị độc cư nhàn tịnh.

Rasaṃ upasamassa ca: Nếm vị của Níp Bàn tịnh lạc, không còn phiền não.

Niddaro hoti: Do được uống hai thứ nước cam lồ độc cư và nhàn lạc.

Dhammapāṭirasam pivam: Nhờ 9 Pháp Thánh mà phỉ lạc phát sanh. Người hưởng được thứ gì phỉ lạc của bậc Thánh Nhân thì không còn buồn rầu đau khổ, quấy ác nữa.

Cuối thời Pháp Đại Đức Tissa đăc A La Hán, kỳ dư đại chúng thính pháp đều hưởng được hưởng được lợi ích.



Dịch Giả Cần Đề

Nhân lành tuy có, thiếu công phu

Đại Đức cầu mong quả đăc thù.

“Cõi Phật”, Phật về trong bốn tháng

Đời ta, ta sẽ ở bao thu.

Cúng dường hạ cấp đành buông bỏ

Hành đạo cao nhân quyết tiến tu

Tặng chăng thấu tình, đem xử lý

Thầy khen một miếng, khỏe chăng ru?

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA





205. Nhờ thọ hưởng độc cư và hoan hỷ an tịnh qua Giáo Pháp, ta đạt đến thanh tịnh.

XV.8- THIÊN VƯƠNG ĐẾ THÍCH SĂN SÓC PHẬT

(*Sakhavatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 206-208)

206. “Sādhu dassanamariyānaṃ,
Sannivāso sadā sukho;
Adassanena bālānaṃ,
Niccameva sukhī siyā”.

“Lành thay, thấy thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc.
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc”.

207. “Bālasaṅgatacārī, hi,
Dīghamaddhāna socati;
Dukkho bālehi saṃvāso,
Amitteneva sabbadā;
Dhīro ca sukhasaṃvāso,
Ñātīnaṃva samāgamo”.

“Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.
Khổ thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.
Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con”.

208. “Tasmā hidhīraṅca
Paññaṅca bahussutaṅca,
Dhorayhasīlaṃ vatavantamariyaṃ;
Taṃ tādisaṃ sappurisaṃ
Sumedhaṃ, bhajetha
Nakkhattapathaṃva candimā”.

“Do vậy: Bạc hiền trí, trí tuệ
Bạc nghe nhiều, trì giới,
Bạc tự chế, Thánh nhân;
Hãy gần gũi, thân cận
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Sư đã thuyết ra khi ngự tại làng Beluva, đề cập đến Vua Trời Đế Thích.

Khi thân ngũ uẩn của Đức Như Lai mòn mỏi, sắp hết tuổi thọ, Ngài bịnh kiết lỵ. Thiên Vương Đế Thích biết tin này thì tự nghĩ:

- Ta phải xuống thăm Đức Bôn Sư và săn sóc chữa bịnh cho Ngài.

Liên đó, Thiên Vương rời bỏ thân xác Trời cao lớn ba phần tư do tuần, xuống đánh lễ Đức Thế Tôn, lấy hai tay xoa bóp chân Ngài.

Khi ấy, Đức Thế Tôn phán hỏi: Ai đó?

- Bạch Ngài! Trẫm là Đế Thích.

- Đại Vương xuống đây làm chi?

- Bạch Ngài, Trẫm xuống săn sóc chữa bịnh cho Ngài.

- Nay Đế Thích, đối với Chư Thiên, mùi hôi của con người ở cách xa từ 100 do tuần trở lại, giống như xác thú đeo dính nơi cổ. Thôi, Thiên Vương hãy đi đi, Ta đã có chư Tỳ khuru nuôi bịnh rồi.

- Bạch Ngài! Dù có đứng cách xa tám muôn bốn ngàn do tuần, Trẫm cũng ngửi được mùi hương giới đức của Ngài mà đến đây. Một mình Trẫm sẽ săn sóc cho Ngài khi Ngài đang bị bịnh.

Thiên Vương không để ai khác lấy tay sờ đến chậu phần của thân Đức Thế Tôn, mà tự mình đội lên đầu mang đi, không nhăn mặt chút nào cả, y như đang đội một chậu hương thơm.

Đức Đế Thích đã nuôi bệnh Đức Bôn Sư như thế và khi Ngài mạnh khỏe trở lại, Thiên Vương mới từ giã ra đi.

Chư Tỳ khuru đề khởi câu chuyện thảo luận rằng:

- Ôi! Lớn thay là sự yêu kính của Đức Thiên Vương đối với Đức Bôn Sư. Sự vinh quang cõi Trời như thế mà dám bỏ, để đi nuôi bệnh cho Đức Thế Tôn. Đội chậu phần của thân Ngài, mang đi mà không chút nhăn mặt, giống như đội một chậu hương thơm vậy.

Khi nghe chư Tỳ khuru thảo luận như thế, Đức Bôn Sư phán hỏi:

- Này các Tỳ khuru! Các người đang bàn luận về chuyện gì thế?

- Bạch Ngài, chuyện như vậy...

Nghe vậy, Đức Bôn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Chuyện ấy chẳng có chi lạ. Thiên Vương Đế Thích yêu kính Như Lai, vì nhờ Ta mà Thiên Vương Đế Thích rời bỏ thân xác già cũ, nghe thuyết pháp rồi đắc Tu Đà Hườn, đổi lấy trạng thái Đế Thích trẻ. Có lần, Thiên Vương Đế Thích cùng với Càn thất bà Pañcasikha đi trước, Thiên Vương tìm đến ta, băn khoăn lo sợ sự chết và ngồi trong động đá Indasāla, chính giữa đại chúng Chư Thiên tùy tùng, ta đã thuyết giảng lên kệ ngôn rằng:

(Này Vāsava, hãy hỏi Ta. Bất cứ vấn đề nào mà ông muốn hỏi. Ta sẽ trả lời rõ ràng tất cả).

Và Ta đã thuyết pháp thoại đoạn nghi cho Đế Thích. Cuối thời Pháp một trăm bốn mươi triệu chúng sanh chứng đắc Pháp nhãn, và chính cả Đức Đế Thích cũng chứng đạt quả Tu Đà Hườn ngay tại chỗ ngồi và trở thành Đế Thích trẻ. Ta đã giúp cho Thiên Vương nhiều như thế, cho nên không lạ gì khi Thiên Vương yêu mến ta.

Này các Tỳ khuru! Sự gặp gỡ các bậc Thánh Nhân cũng là sự an vui. Trái lại với những kẻ ngu, tất cả mọi sự đều là khổ.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn:

206. “Sāhu dassanamariyānaṃ,
Sannivāso sadā sukho;
Adassanena bālānaṃ,
Niccameva sukhi siyā”.

*“Lành thay, thấy thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc.
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc”.*

207. “Bālasaṅgatacārī, hi,
Dīghamaddhāna socati;
Dukkho bālehi saṃvāso,
Amitteneva sabbadā;
Dhīro ca sukhasaṃvāso,
Ñātīnaṃva samāgamo”.

*“Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.
Khổ thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.
Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con”.*

208. “Tasmā hidhīrañca
Paññañca bahussutañca,
Dhorayhasīlaṃ vatavantamariyaṃ;
Taṃ tādisaṃ sappurisaṃ
Sumedhaṃ, bhajetha
Nakkhattapathaṃva candimā”.

“Do vậy: Bậc hiền trí, trí tuệ
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân;
Hãy gần gũi, thân cận
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như Trăng theo đường sao”.



CHÚ GIẢI:

Sādhū: Lành thay, tốt đẹp thay.

Sannivāso: Chẳng những chỉ gặp gỡ các vị ấy thôi, mà việc sống chung, ngồi chung một chỗ với các vị ấy, cùng được làm chung những phận sự lớn nhỏ của các vị ấy cũng là tốt cả.

Bālasaṅgatacārī: Người nào sống chung với kẻ ngu.

Dīghamaddhānam: Người ấy khi bị bạn ngu rủ: Lại đây, chúng ta cùng hành đạo chích. Đồng tình với bạn rồi đi đào tường khoét vách, rủ bị bắt hành phạt như bị chặt tay, thì ắt là phải buồn khổ lâu dài.

Sabbadā: Cũng như người đoàn kết sống chung với kẻ thù tay cầm gươm bén nhọn, hoặc với loài rắn độc bị khổ luôn luôn, người chung sống với kẻ ngu cũng như vậy mãi.

Dhīro ca sukhasaṃvāso: Ở đây, người sống chung an vui, nghĩa là người sống một chỗ với bậc hiền trí thì được an vui. Tại sao?

Ñāṭṭanaṃva samāgamo: Ở đây, người đoàn tụ với các quyến thuộc thân yêu được an vui như thế nào, người ấy cũng được an vui như thế ấy.

Tasmā hi: Vì lẽ rằng sống chung với kẻ ngu là khổ, sống chung với bậc hiền trí là an vui, cho nên người trí có đầy đủ nghị lực, người có đủ phàm trí cùng thánh trí, người đa văn thông suốt các bộ kinh, người đã đắc quả A La Hán, người khép mình trong giới luật, người có giới đức đang hộ trì giới, người có thọ các chi Pháp Đầu Đà, bậc Thánh nhân đã xa lìa hết mọi phiền não, bậc thiện trí thức có trí tuệ sáng chói cỡ ấy, ta hãy nương tựa, thân cận những người như vậy, giống như mặt trăng noi theo đường tinh khiết của sao đi trong hư không.

Cuối thời pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Phật đau kiệt lý, khiến Vua Trời
Tự xuống lo nuôi khỏi đói mời.
Giới Thánh lòng ghi hằng cảm mến
Phản phàm, đầu đội tạm quên hôi.
Gần hiền mới thấy vui vị đạo
Xa trí, còn nghe khổ tại đời.
Tặng chúng luận bàn câu chuyện lạ
“Yêu thì phải vậy, bạn vàng ơi”.*

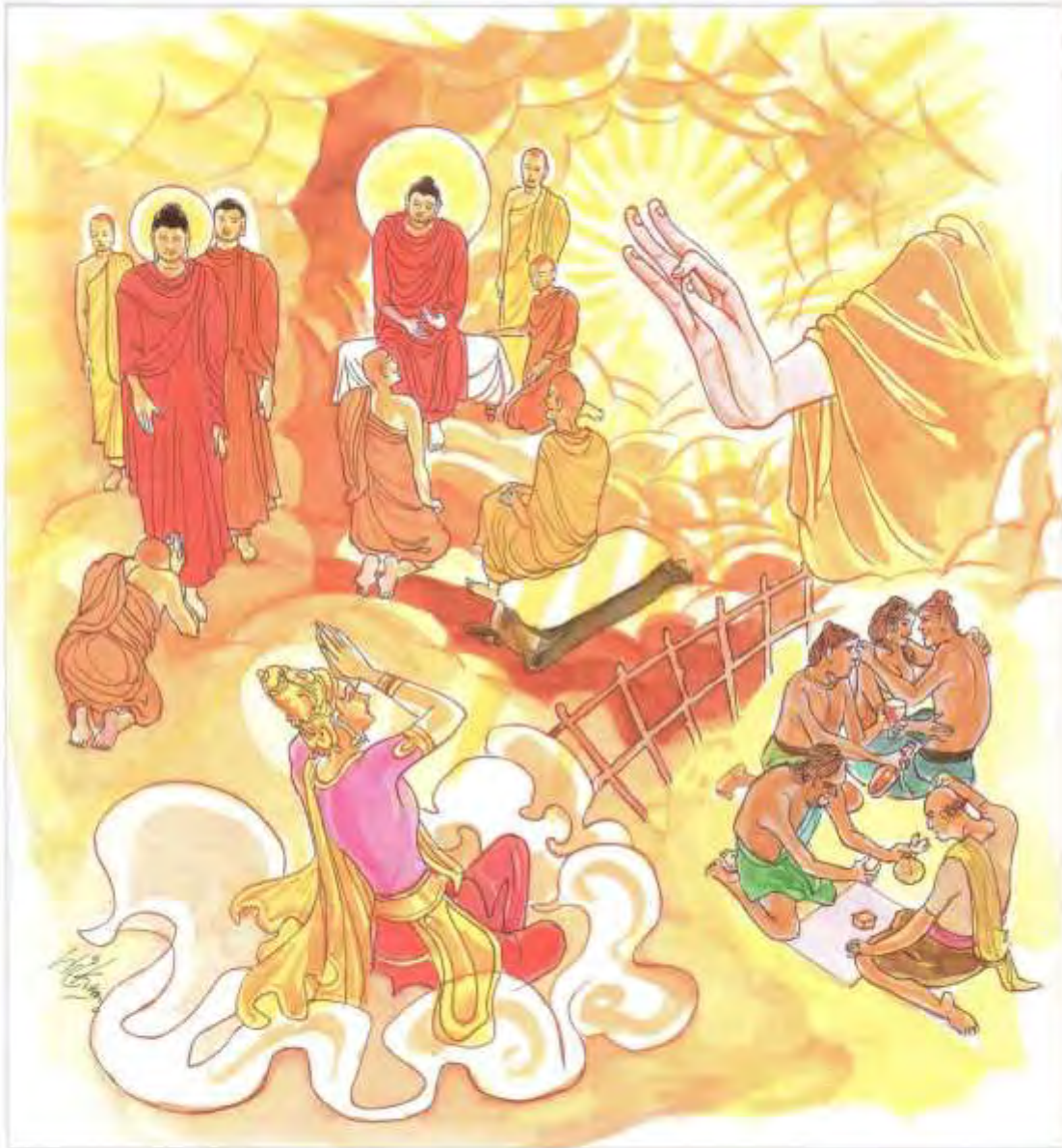
DỨT TÍCH ĐỂ THÍCH CHĂM SÓC PHẬT



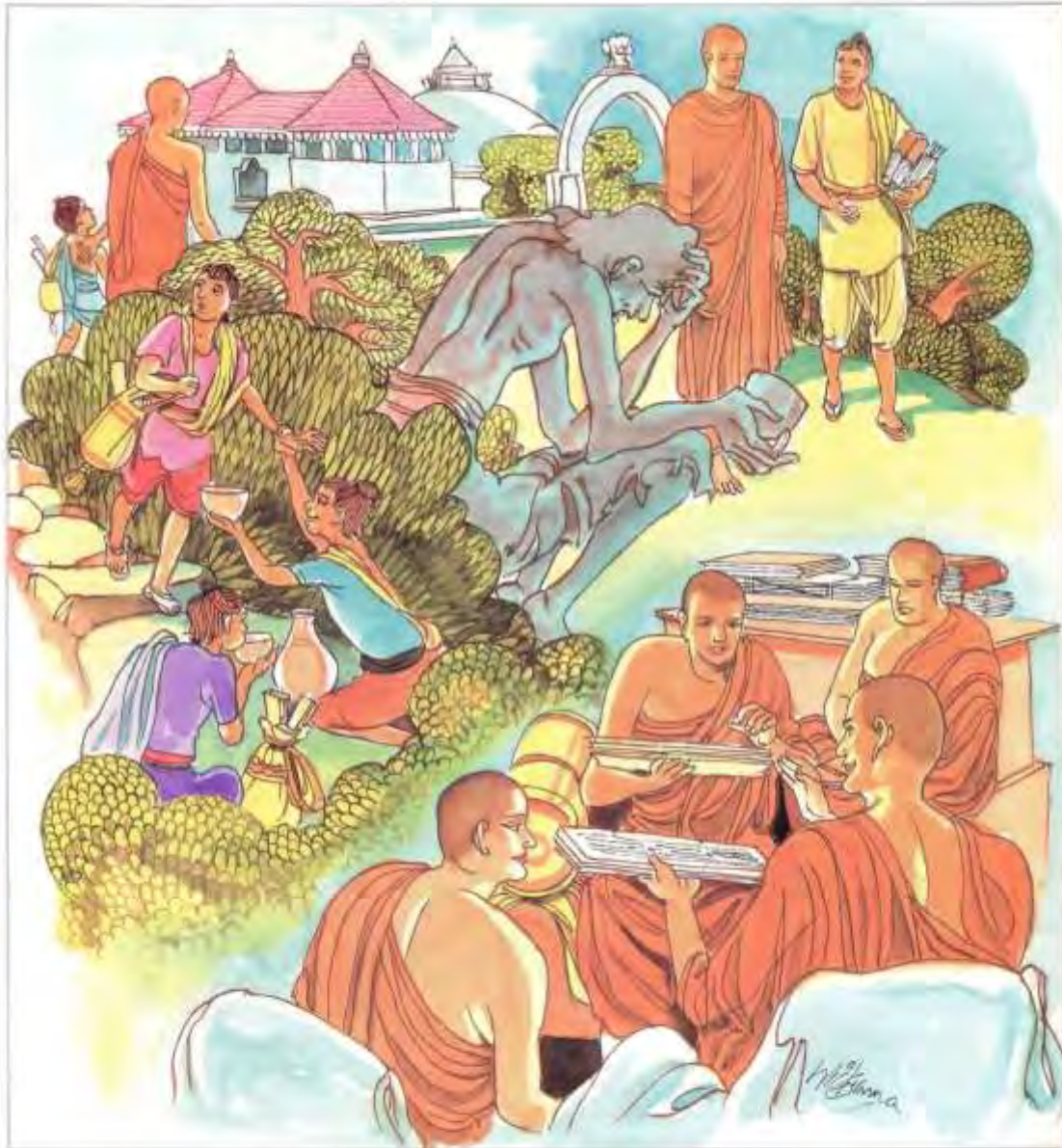
DỨT PHẨM AN LẠC-SUKHA VAGGA

DỨT PHẨM 15





**206. Sống gần các Thánh nhân luôn được hạnh phúc.
Tránh xa các ngu nhân thường được an tịnh.**



**207. Bầu bạn với đám người ngu, ta sẽ chịu khổ đau mãi.
Các bậc trí thức, như quyền thuộc, là nguồn an lạc cho ta.**



**208. Vậ ta hã thân cận các bậc trí hiền thiện,
kiên tâm như trăng theo đường sao.**

XVI. PHẨM HỖ ÁI

PIYA VAGGA

- 12 Bài kệ: Pháp cú 209-220

- 9 Tích truyện



XVI.1- BỘ BA CHA - MẸ - CON XUẤT GIA

(Ayoge Yuñjamāttānanti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 209-210-211)

209. “Ayoge yuñjamattānaṃ,
Yogasmiñca ayojayaṃ;
Atthaṃ hitvā piyaggāhī,
Pihetattānuyoginaṃ”.

“Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên
Bỏ đích, theo hỷ ái,
Ganh tị bậc tự chuyên”.

210. “Mā piyehi samāgañchi,
Appiyehi kudācanaṃ;
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ,
Appiyānañca dassanaṃ”.

“Chớ gần gũi người yêu,
Trợn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau”.

211. “Tasmā piyaṃ na kayirātha,
Piyāpāyo hi pāpako;
Ganhā tesam na vijjanti,
Yesam natthi piyāpiyaṃ”.

“Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác;
Nhưng ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng”.

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến ba người xuất gia.

Tương truyền rằng: Trong một gia đình ở thành Sāvattihī, có được đứa con trai duy nhất mà cha mẹ rất thương yêu quý mến.

Một hôm, trong khi chư Tỷ khưu được thỉnh mời đến nhà, đang tụng kinh phúc chúc và thuyết pháp, cậu con nghe xong, liền phát tâm muốn xuất gia, mới xin cha mẹ cho mình được xuất gia. Nhưng hai ông bà không chấp nhận lời con mình. Cậu trai tự nghĩ rằng:

“Chờ dịp cha mẹ ta không để ý, ta sẽ thoát ra ngoài mà đi xuất gia”.

Rồi khi người cha rời khỏi nhà thì dặn vợ ở nhà lo gìn giữ đứa con. Còn người mẹ khi đi ra thì cũng dặn chồng hãy lo gìn giữ con như vậy.

Một hôm, khi người cha đi khỏi, bà mẹ suy nghĩ: “Ta phải gìn giữ con trai ta”. Thế rồi, bà ngồi dưới đất mà quay chỉ, sau khi dùng hai chân chặn hai bên ngạch cửa ra vào. Cậu con trai suy nghĩ: “Ta sẽ gạt mẹ ta mà ra đi mới được”. Cậu nói với mẹ rằng:

- Mẹ thân ơi! Xin mẹ hãy tránh qua một bên đặng cho con đi cầu.

Bà mẹ rút chân, cậu đi ra ngoài được, lật đật chạy đến chùa tìm các vị Tỳ khuru: “*Bạch các Ngài! Xin cho con được xuất gia*”.

Sau khi yêu cầu, cậu được xuất gia với chư Tỳ khuru ấy. Khi người cha trở về hỏi người vợ rằng:

- Con trai ta đâu rồi?

- Minh ơi! Con nó mới vừa ở đây mà.

Người cha tìm quanh quất không thấy con mình, nghĩ rằng: “*Chắc có lẽ nó đến chùa để xuất gia rồi*”.

Khi đến chùa thấy con trai mình đã xuất gia, người cha than khóc kêu gào: “*Con ơi! Sao con đành giết cha như vậy?*”.

Nhưng một lát sau, ông tự nghĩ: “*Con trai ta đã xuất gia, bây giờ ta còn ở nhà mà làm gì?*”.

Thế rồi, tự mình ông cũng xuất gia với các Tỳ khuru. Còn bà mẹ ở nhà cũng tự nghĩ rằng: “*Sao con trai và chồng ta đi lâu quá vậy? Có lẽ cả hai cha con đến chùa xuất gia rồi chăng?*”.

Khi đến chùa tìm chồng con, bà thấy cả hai đều xuất gia cả rồi, thì nghĩ thầm: “*Cả hai người này đã xuất gia cả rồi, ta còn ở lại nhà có ích lợi chi đâu?*”. Tự mình, bà cũng đến Tịnh Xá của Chư Tỳ khuru ni mà xin xuất gia.

Tuy đã xuất gia, nhưng cả ba người này không thể tách rời nhau. Dầu ở chùa hoặc ở Tịnh Xá của chư Ni, họ cũng ngồi chung nhau một chỗ, nói chuyện cùng nhau suốt ngày. Do đó, chư Tăng và chư Ni đều lấy làm gai mắt. Một hôm, chư Tăng đem hành động của ba người bạch trình lên Đức Thế Tôn, Ngài cho gọi bọn họ đến và hỏi:

- Nghe nói các người đã hành động như thế, có phải chăng?

- Bạch Thế Tôn! Có thật như vậy.

- Tại sao các người lại làm như thế? Việc làm ấy không thích đáng với các bậc xuất gia.

- Bạch Ngài! Chúng con không thể sống xa nhau được.

- Kể từ khi xuất gia về sau, việc làm như thế không còn phù hợp nữa. Sự xa cách những người thương và sự gần gũi những người không thương đều là khổ cả. Bởi thế, đối với chúng sanh hoặc các pháp hữu vi ta không phân biệt là thương hay ghét cái chi cả.

Rồi Đức Bôn Sư thuyết lên kệ ngôn như sau:

209. “*Ayoge yuñjamattānaṃ,
Yogasmiñca ayojayaṃ;
Atthaṃ hitvā piyaggāhī,
Pihetattānuyoginaṃ*”.

“*Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên
Bỏ đích, theo hỷ ái,
Ganh tị bậc tự chuyên*”.

210. “*Mā piyehi samāgañchi,
Appiyehi kudācanaṃ;
Piyānaṃ adassanaṃ dukkhaṃ,*

“*Chớ gần gũi người yêu,
Trợn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,*

Appiyānañca dassanam”.

211. “Tasmā piyaṃ na kayirātha,
Piyāpāyo hi pāpako;
Ganthā tesam na vijjanti,
Yesam natthi piyāppiyam”.

Oán phải gặp cũng đau”.

*“Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác;
Nhưng ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng”.*



CHÚ GIẢI:

Ayoge: Việc không đáng cố gắng, không đáng cố ý làm, như sáu chỗ không thường đến, nhất là nhà gái điếm⁽¹⁾ là những chỗ không chú tâm niệm tưởng, mà mình lại năng lui tới, nhớ tưởng.

Yogasmīñ: Và trong chỗ khác đáng lưu tâm, đáng cố gắng, mình lại không cố gắng.

Atthaṃ hitvā: Từ khi xuất gia trở về sau, được lợi ích thọ trì tam học nhất là học giới cao thượng, lại bỏ lợi ích ấy đi.

Piyaggāhī: Người bám chặt, luyện ái ngữ trần dục lạc.

Pihetattānuyoginam: Những người xuất gia hành đạo rồi hoàn tục trở về trạng thái cư sĩ, về sau thấy những người tự lực tinh tấn, kiện toàn Giới, Định, Tuệ được Chư Thiên và nhân loại lễ bái cúng dường cũng hâm mộ, ước ao: *Ôi! Phải chi ta là những người ấy.*

Appiyehi: Với những chúng sanh hoặc đồ vật (hữu vi) mà ta yêu, ta chẳng nên hội họp, bất cứ lúc nào dù chỉ trong giây lát. Với những người và đồ vật mà ta không yêu thích cũng vậy. Tại sao thế? Bởi vì ái ly tức là sự xa cách, không gặp gỡ những người hay đồ vật thương mến và oán mà phải gần gũi, gặp gỡ những người hay vật mà không yêu thích đều là khổ cả.

Tasmā: Vì lẽ cả hai vật thương và ghét đều là khổ cả, cho nên ta chớ yêu ai hoặc ghét vật chi cả.

Piyāpāyo: Sự biệt ly, cách xa nhân vật ta thương yêu.

Pāpako: Thấp kém, tội lỗi.

Ganthā tesam na vijjanti: Những người không yêu, không tham lam, dứt được dây ràng buộc xác thân, những người không ghét thì không sân hận, cũng dứt được dây ràng buộc thân. Những người ấy đã bỏ được hai mối dây ràng buộc thì kể như bao nhiêu triền phục khác cũng cởi bỏ được cả. Bởi vậy, ta không nên thương ghét chi cả.

¹ Người xuất gia không nên đến thường 6 chỗ là:

- 1- Vasiyāgocara: Đến nhà điếm.
- 2- Vidhavagocara: Đến nhà đàn bà góa
- 3- Thālāgocara: Đến nhà phụ nữ lỡ thời
- 4- Bhikkunigocara: Đến chỗ Tỷ Khuru ni
- 5- Pandakāgocara: Đến nhà người lại cái

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả. Còn bộ ba người với nhau đã nói: “Chúng ta không thể sống xa nhau”. Thế rồi, họ lại hoàn tục trở về nhà.

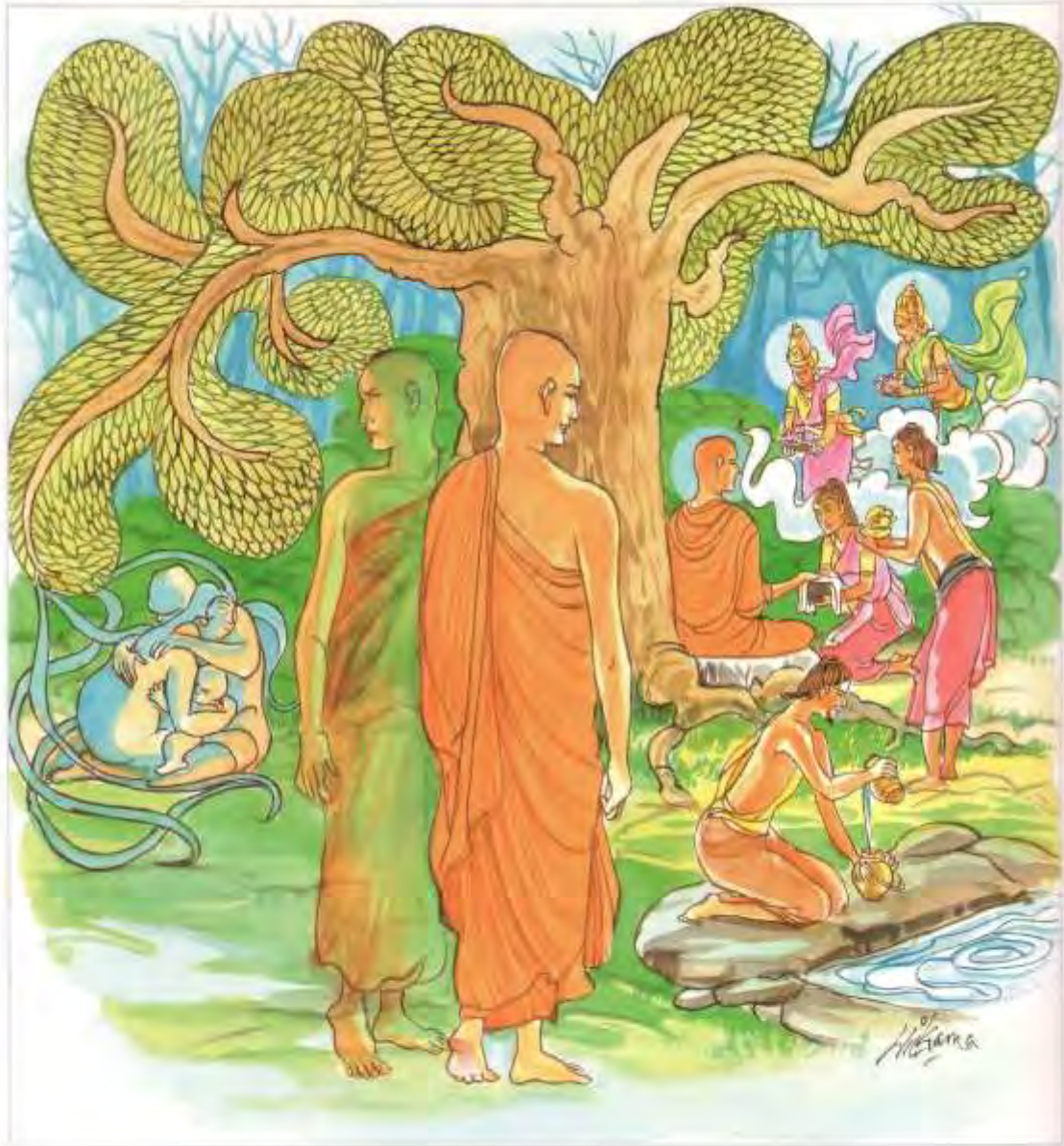


Dịch Giả Cần Đề

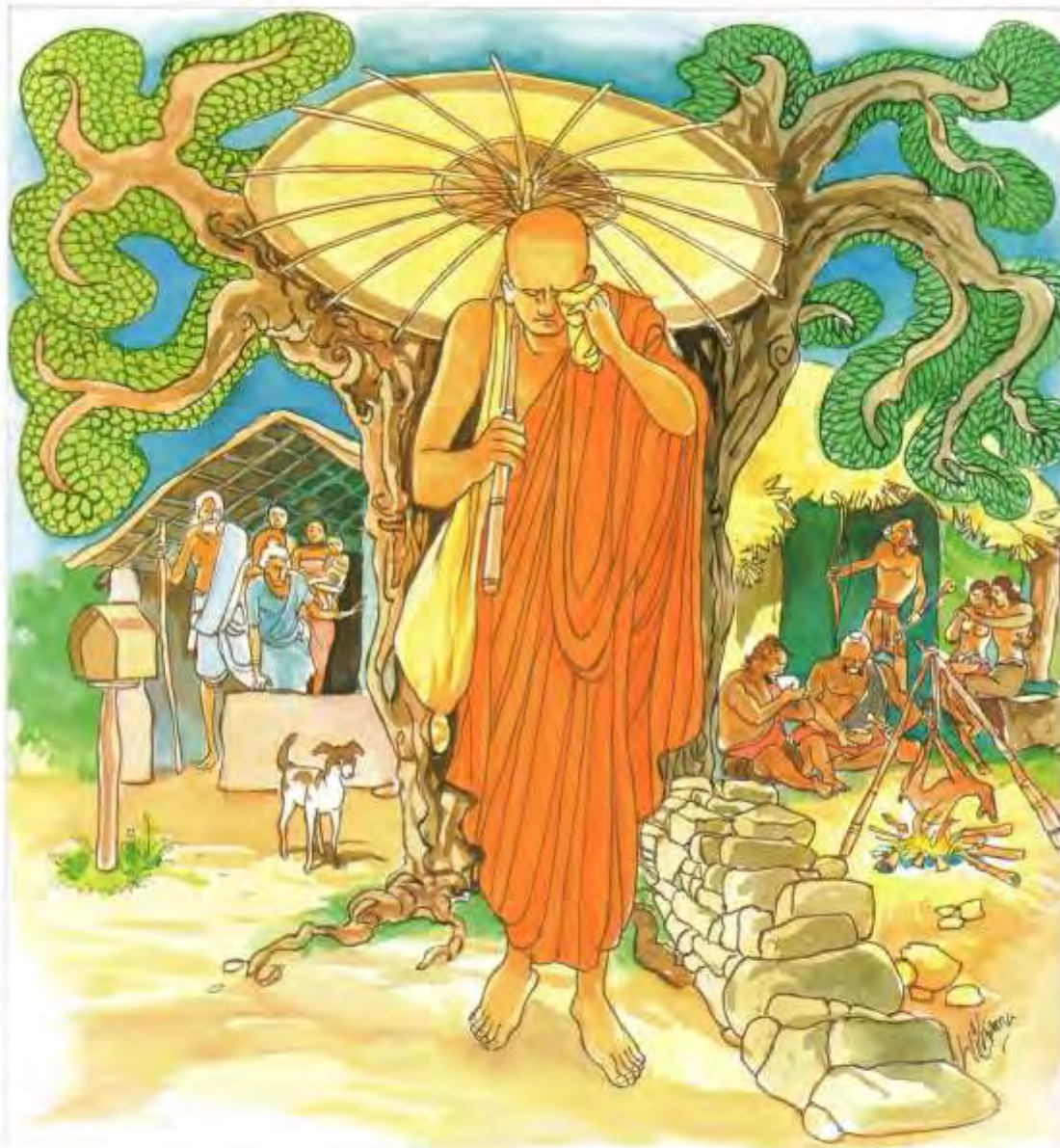
*Ghét với thương chi cũng khổ sâu
Ba người thân thuộc mãi lo âu
Xuất gia chẳng bưng điều ly biệt
Hoàn tục nào qua cuộc bể dâu.
Chánh Pháp an lành tu há dễ
Trần gian lẩn quẩn sống bao lâu
Cái vòng lẩn quẩn làm sao thoát.
Bốn Đế hành thâm, rõ nhiệm màu.*

DỨT TÍCH BỘ CHA - MẸ - CON XUẤT GIA

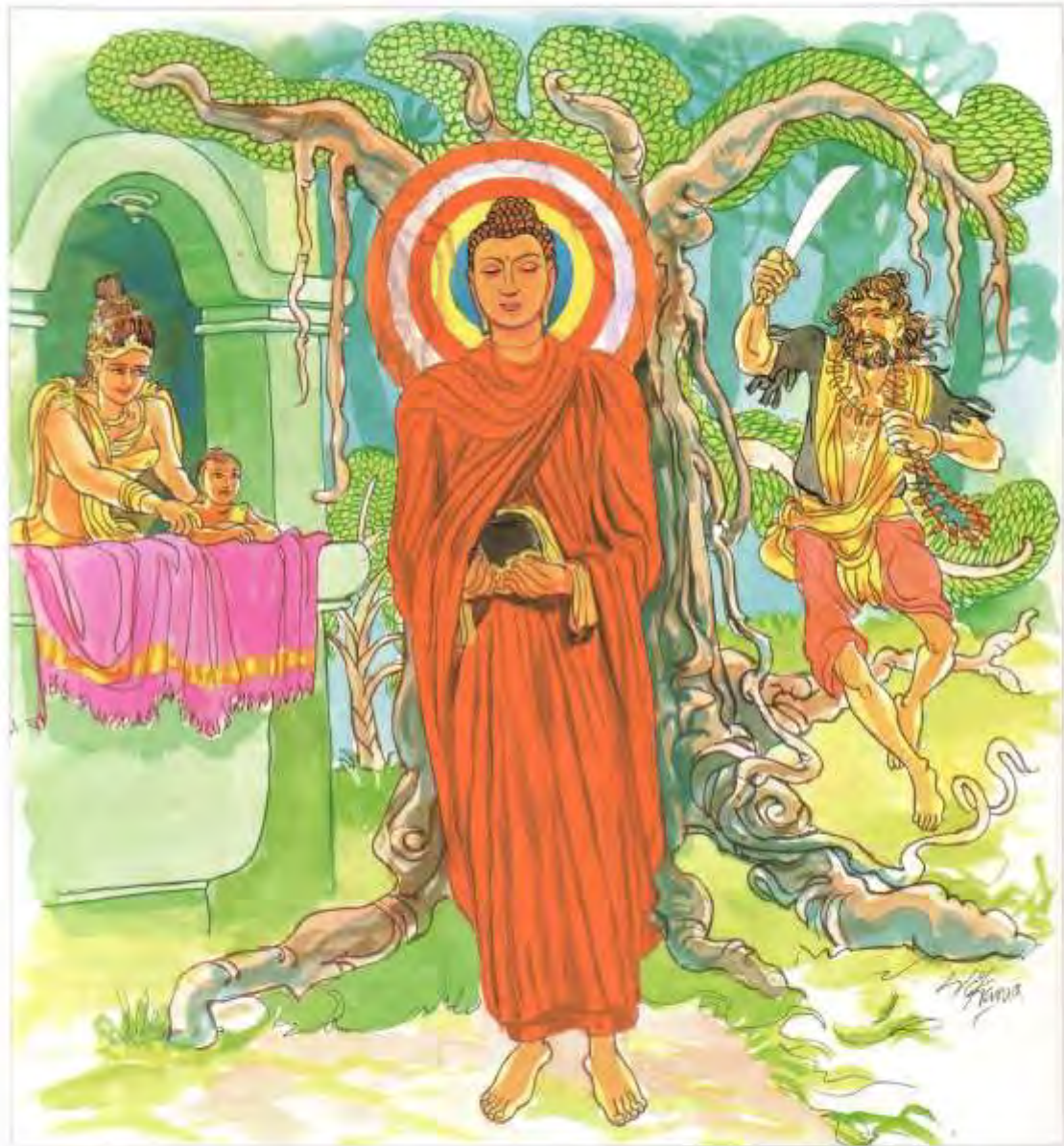




**209. Không chuyên tâm hoặc chuyên tâm sai lầm, kẻ mưu cầu
dục lạc ganh ghét người nhiệt thành tinh tấn.**



210. Không gặp người thân yêu thật khổ đau, gặp người oán ghét cũng đau khổ. Do vậy đừng gặp gỡ cả hai hạng người ấy.



211. Hãy rời bỏ mọi ý tưởng yêu ghét, khi được giải thoát mọi dây ràng buộc, ta không còn chịu khổ đau vì xa cách.

XVI.2- MỘT GIA TRƯỞNG KHÓC CON

(*Piyato jāyateti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 212)

“*Piyato jāyatī soko,
Piyato jāyatī, bhayaṃ;
Piyato vippamuttassa,
Natthi soko kuto bhayaṃ*”.

“*Do ái sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?*”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Su thuyết ra khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến một người gia trưởng nọ.

Ông gia trưởng này quá buồn khổ vì cái chết của đứa con trai mình, hằng đi đến bãi tha ma mà than khóc kể lể, nhưng không giảm được lòng thương nhớ con.

Đức Bôn Su khi quán sát thế gian trong buổi sáng sớm, thấy ông gia trưởng có duyên đặc đạo Tu Đà Hườn. Sau khi đi khát thực về, Ngài cùng nhóm Sa môn tùy tùng đi đến nhà của gia trưởng ấy.

Nghe báo tin, có Đức Bôn Su cùng chư Tăng ngự đến, ông tự nghĩ: Chắc Ngài muốn chuyện trò thân mật với ta.

Ông cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng vào nơi được soạn sẵn, thỉnh ngồi xong, đánh lễ Ngài và tự ngồi xuống một bên.

Đức Bôn Su liền hỏi ông rằng:

- Này thiện nam, sao ông buồn vậy?

- Bạch Ngài! Con buồn vì cái chết của con con.

- Này Thiện nam! Ông chớ nên sầu muộn, cái mà chúng ta gọi là sự chết này, chẳng phải chỉ có ở nơi này, không phải chỉ có ở nơi kia, không phải chỉ để riêng cho một người, mà để chung cho tất cả chúng sanh trong hoàn vũ. Không có một pháp hữu vi nào là thường tồn cả, bởi vậy không nên khóc than sầu muộn, mà trái lại phải chú ý quán xét về sự chết một cách hợp lý rằng: “*Vật phải chết, vật phải tan rã đã tan rã rồi*”.

(*Maranadhamman matam, bhijjadhamman bhinnam*).

Các bậc hiền trí xưa đã không than khóc khi đứa con yêu chết, mà chỉ dùng chánh niệm tham thiền quán tưởng rằng: Vật phải chết đã chết, vật phải tan rã đã tan rã.

- Bạch Ngài, bậc hiền trí nào đã làm như vậy? Và làm trong thời nào? Xin Ngài hoan hỷ giải rành cho con được biết.

Theo lời yêu cầu của gia trưởng, Đức Bôn Su thuật Bôn Sanh bằng kệ ngôn rằng:

Cũng như con rắn lột bỏ da cũ, con người lột bỏ xác thân mà đi qua cảnh giới khác.

Xác thân trống rỗng bỏ lại đó, người chết đã ra đi. Trong khi cái xác nó bị thiêu, nó không nghe lời than khóc của thân quyến. Bởi vậy, tôi không thương tiếc nó, mặc nó đi đâu thì đi.

Sau khi giải rộng Bốn Sanh Uraga có năm chương. Đức Bốn Sư dạy tiếp: Thưở xưa các bậc hiền trí đã xử sự như thế khi đưa con yêu chết, chớ không như ông bây giờ đã bỏ bê mọi việc trong nhà, bỏ cả ăn uống mà khóc than suốt ngày đêm. Chẳng những thế, các bậc hiền trí còn tham thiền quán tưởng đề mục chết, không buồn rầu khóc lóc, vẫn ăn uống như thường và chăm lo công việc của mình.

Vậy ông đừng ôm ấp ý nghĩ: “Đưa con thân yêu của ta đã chết” nữa. Sỡ dĩ có sự buồn khổ ấy nổi lên, chỉ vì nó có chỗ nương là tình yêu mới đẩy lên được.

Rồi Ngài ngâm lên bài kệ rằng:

“Piyato jāyatī soko,
Piyato jāyatī, bhayaṃ;
Piyato vippamuttassa,
Natthi soko kuto bhayaṃ”.

*“Do ái sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?”.*



CHÚ GIẢI:

Sự ưu tư, sự sợ hãi là nguồn gốc của vòng sanh tử luân hồi, sau khi sanh lên, bao giờ cũng nương theo sự ái luyến người và vật mà sanh lên. Một khi đã giải thoát sự thân ái rồi tự nhiên cả hai thứ phiền não trên đây không có nữa.

Cuối thời Pháp, ông gia trưởng mất con chứng đắc quả Tu Đà Hườn. Kỳ dư thính chúng đều hưởng sự lợi ích từ pháp thoại.

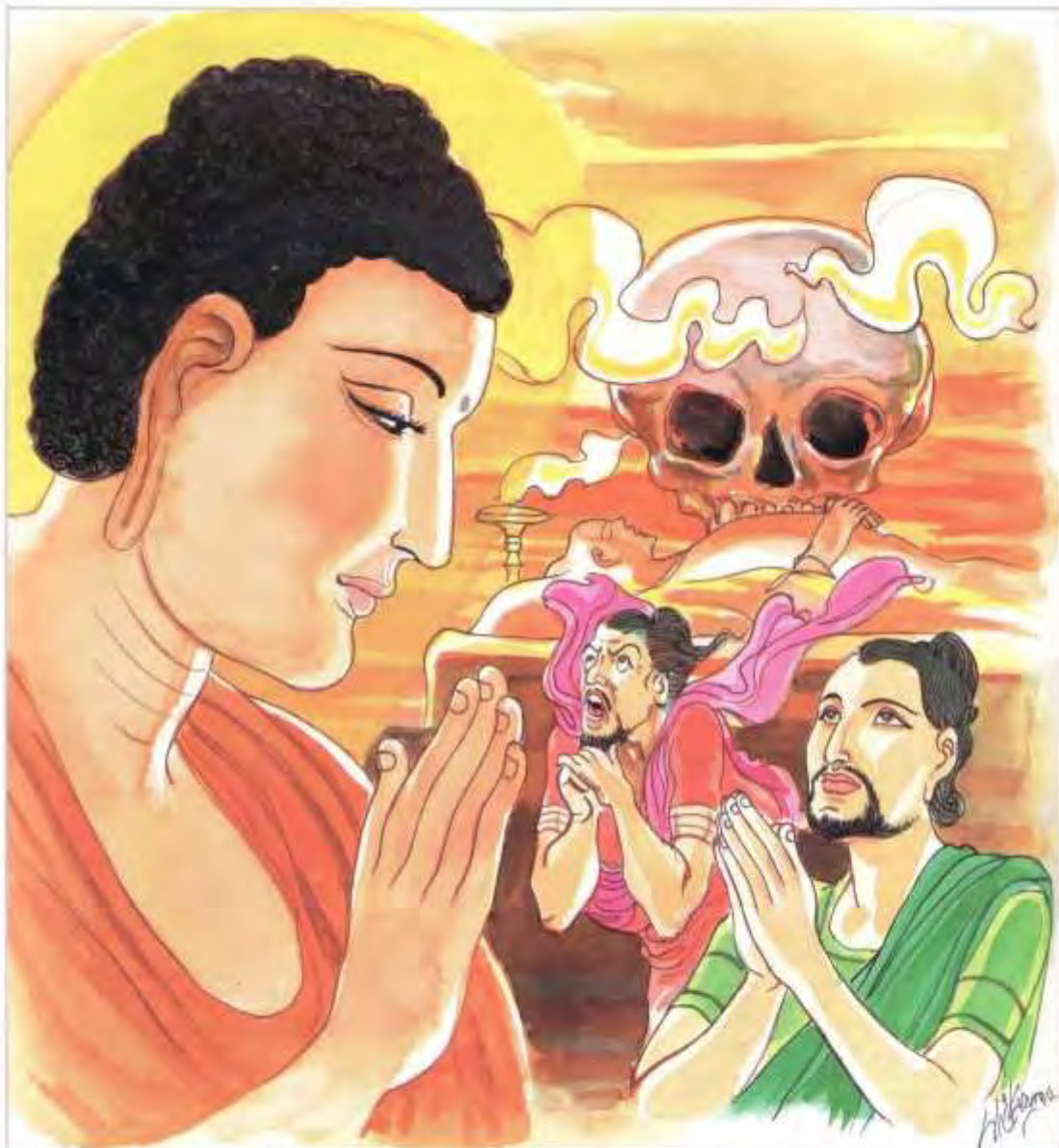


Dịch Giả Cẩn Đề

*Con sớm chết đi để lại cha
Khóc thương mắng trẻ, tội cha già
Ngày ngày bỏ ngủ, thân rình xác
Bữa bữa quên ăn, phé việc nhà
Kiếp trước tạo duyên lành cúng Phật.
Đời này rảnh nợ khổ tìm ma
Luyên lưu dứt được nhờ nghe Pháp
Đắc quả đầu tiên lúc tại gia.*

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ KHÓC CON





**212. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ mỗi thân thiết.
Không thân thiết sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**

XVI.3- TÍN NỮ VISĀKHĀ KHÓC CHÁU GÁI

(*Pemato jāyateti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 213)

“Pemato jāyatī soko,
Pemato jāyatī bhayaṃ;
Pemato vippamuttassa,
Natthi soko kuto bhayaṃ.”

“Ái luyén sinh sàu uu,
Ái luyén sinh sọ hãi.
Ái giải thoát ái luyén
Không sàu, đàu sọ hãi?”.

Pháp cú này, Đức Bôn Sur thuyết khi Ngài trú tại Jetavana, đề cập đến Bà Visākhā.

Tương truyền rằng: Bà Visākhā thường giao phó cho cô cháu gái tên là Sudattī là cháu nội, thay bà mà lo việc hộ Tăng ở nhà bà. Một thời gian sau, cô ấy chết, sau khi an táng xác cháu gái rồi, bà không thể ngăn được khổ sầu, liền đi đến bái yết Đức Bôn Sur và ngồi khóc, mặt tràn đầy nước mắt, trông rất sầu thảm.

- Này Visākhā! Vì sao ngươi lại sầu thảm như vậy?

Bà Visākhā tỏ thật tâm trạng mình, rồi nói rằng:

- Bạch Ngài! Đứa cháu gái thân yêu của con đã chết, nó có nét hạnh đoan trang, thành tín. Con sẽ không còn gặp được người cháu gái như thế nữa đâu.

- Này Visākhā! Trong thành Sāvattthī này có được bao nhiêu người?

- Bạch Ngài! Con nghe Ngài nói: Trong thành Sāvattthī có được 70 triệu người.

- Nếu tất cả số này đều đáng được nàng yêu như cháu gái của nàng, nàng có đồng ý chăng?

- Bạch Ngài, con đồng ý.

- Hằng ngày trong thành Sāvattthī này có bao nhiêu người chết?

- Bạch Ngài, nhiều lắm.

- Nếu vậy, ngươi phải khóc than suốt cả ngày lẫn đêm, chứ không có lúc nào vui khổ được phải chăng?

- Bạch Ngài! Con đã hiểu ý Ngài rồi.

Đức Thế Tôn khuyên nhủ bà Visākhā:

- Vậy thì, ngươi đừng phiền muộn nữa. Sự ưu tư hoặc sự sợ hãi đều từ luyén ái mà sanh ra.

Rồi Ngài nói lên kệ ngôn rằng:

“Pemato jāyatī soko,
Pemato jāyatī bhayaṃ;
Pemato vippamuttassa,
Natthi soko kuto bhayaṃ.”

“Ái luyén sinh sàu uu,
Ái luyén sinh sọ hãi.
Ái giải thoát ái luyén
Không sàu, đàu sọ hãi?”.

CHÚ GIẢI:

Pemato: Sự luyến ái, tiếc thương con cái đã mất.

Ngoài chữ pemato này, ý nghĩa kệ ngôn này giống như câu kệ trên.

Cuối thời Pháp nhiều người đắc Thánh Quả, nhất là Dự Lưu.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Buồn thay tín nữ Visākhā
Khóc cháu còn xuân, đủ nét na
Góp mặt, chung lòng làm thí chủ
Thay tay để bát hộ Tăng Già
Bóng tiền đã vắng nơi trần tục
Người càng thân chỗ xuất gia
Phật dạy: Khó sanh từ luyến ái
Không yên, lo sợ chẳng sanh mà.*

DỨT TÍCH VISĀKHĀ KHÓC CHÁU





**213. Khổ ưu và sợ hãi xuất phát từ luyện ái.
Không luyện ái sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**

XVI.4- CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ GIÀNH KỶ NỮ

(*Ratīyā jāyateti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 214)

“Ratīyā jāyatī soko,
Ratīyā jāyatī bhayaṃ;
Ratīyā vippamuttassa,
Natthi soko kuto bhayaṃ”.

“*Hỷ ái sinh sầu ưu,*
Hỷ ái sinh sợ hãi.
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?”.

Pháp cú này, Đức Bôn Su thuyết khi Ngài trú tại ngôi Giảng đường nóc nhọn gần thành Vesālī, đề cập nhóm Vương Tử Licchavī.

Tương truyền rằng: Trong một ngày lễ hội, các vương tử Licchavī rủ nhau trang điểm lộng lẫy không ai bằng, rồi ra đi khỏi thành để đến vườn Thượng Uyển. Lúc Đức Bôn Su vào thành đi bát, thấy các Vương Tử, Ngài gọi các Tỳ khuru và bảo rằng:

- Này các Tỳ khuru! Hãy nhìn xem các Vương Tử Licchavī kia. Các thầy nào chưa từng trông thấy Chư Thiên nơi Cung Đạo Lợi thì hãy nhìn các Vương Tử này.

Nói rồi, Ngài ngự đi vào thành. Các Công Tử khi đi đến công viên có dắt theo một nàng kỹ nữ, vì ghen tuông tranh giành quyền làm chủ cô ấy, các Vương Tử đã đánh đập nhau máu chảy thành sông. Khi ấy người ta đặt các Vương Tử trên những chiếc cáng rồi khiêng các vị ấy trở về thành.

Bây giờ, Đức Bôn Su sau khi thọ thực xong, vừa ra khỏi cổng thành, chư Tăng trông thấy các Vương Tử bị khiêng đến, thì bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài! Các Vương Tử Licchavī từ lúc sáng sớm trang điểm lộng lẫy giống như Chư Thiên ra khỏi thành. Bây giờ vì tranh nhau cô kỹ nữ mà phải ra nông nỗi này đây.

- Này các Tỳ khuru! Sự ưu tư, sự lo sợ khi sanh lên đều nương vào hỷ ái mà sanh ra.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ratīyā jāyatī soko, *“Hỷ ái sinh sầu ưu,*
Ratīyā jāyatī bhayaṃ; *Hỷ ái sinh sợ hãi.*
Ratīyā vippamuttassa, *Ai giải thoát hỷ ái,*
Natthi soko kuto bhayaṃ” *Không sầu, đâu sợ hãi?”.*

CHÚ GIẢI:

Ratīyā: Sự đam mê ngũ trần dục lạc. Kỳ dư bài kệ này có ý nghĩa giống như hai kệ ngôn trước.

Cuối Pháp thoại, nhiều Tỳ Khuru chứng đạt Thánh Quả, nhất là Dự Lưu Quả.

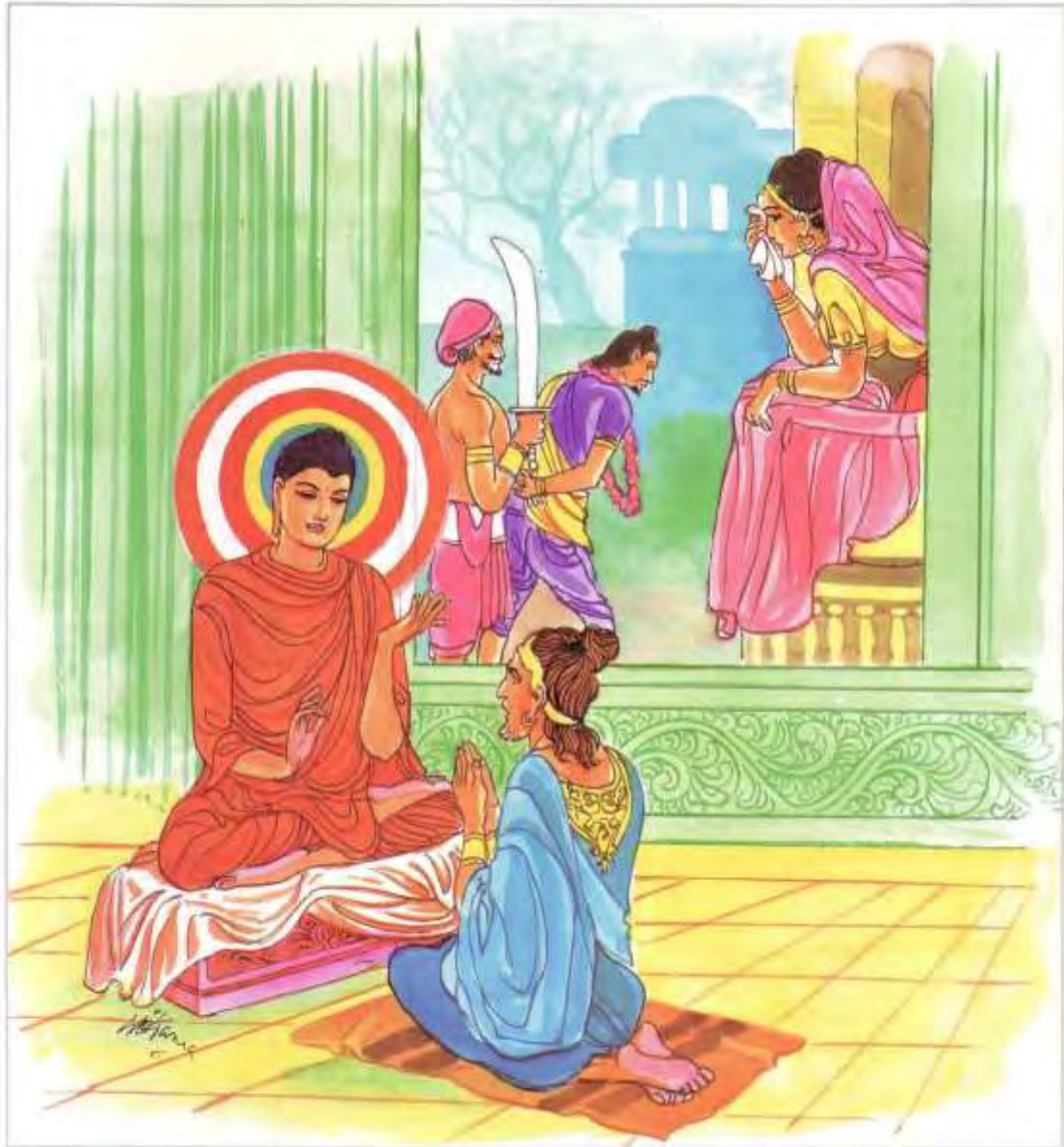


Dịch Giả Cẩn Đề

*Các Vua Lực sĩ giống Chư Thiên
Ngày lễ đua nhau dạo ngự viên
Muốn hưởng ngũ trần, tranh quốc sắc
Thành toan nhất cử lập vương quyền
Ai thua ai thắng đều mang bệnh
Kẻ thị cùng phi, thầy đảo điên
Kỷ ái coi chừng nguy hiểm lắm
Sợ nó, từ nó khởi liên miên.*

DỨT TÍCH CÁC VƯƠNG TỬ LICCHAVĪ





**214. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ đam mê.
Không đam mê sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**

XVI.5- CÔNG TỬ ANITTĀGANDHA

(*Kāmato jāyateti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 215)

**“Kāmato jāyatī soko,
Kāmato jāyatī bhayaṃ;
Kāmato vippamuttassa,
Natthi soko kuto bhayaṃ”.**

**“Dục ái sinh sâu u,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sâu, đâu sợ hãi?”.**

Pháp cú này, Đức Bổn Sư thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến công tử Anitthāgandha (không quen hơi nữ nhân).

Tương truyền rằng: Anitthāgandha từ cõi Phạm Thiên hạ sanh vào nhân giới, tái sanh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Sāvattihī. Từ ngày chào đời cho đến về sau, cậu không chịu gần phụ nữ, nếu nữ nhân ẵm cậu thì cậu la khóc lên. Khi cho cậu bú, người mẹ phải lấy vải bao phủ kín ngực mình lại.

Khi Anitthāgandha đến tuổi trưởng thành, cha mẹ cậu bảo rằng:

- Này con, cha mẹ sẽ lo việc hôn nhân cho con.
- Con không cần đến nữ nhân.

Hai ông bà nài nỉ nhiều lượt, nhưng cậu vẫn một mực chối từ, sua cùng cha mẹ khuyên cậu rằng:

- Này con, nếu con không chịu có vợ, gia đình ta sẽ tuyệt tự. Vậy con hãy để cha mẹ tìm vợ cho con.

Chàng cho gọi 500 người thợ bạc đến nhà, lấy 1000 đồng vàng Nikkha, đặt họ làm một pho tượng mỹ nhân bằng vàng thật xinh đẹp theo ý của cậu. Rồi thưa với cha mẹ rằng:

- Được rồi! Nếu cha mẹ tìm được một nữ nhân xinh đẹp y như pho tượng này, con sẽ tuân theo lời cha mẹ ngay.

Cậu nói xong, đưa pho tượng vàng ra. Ông bà Trưởng giả cho mời các vị Bà la môn danh tiếng đến nhà và nhờ cậy họ rằng:

- Con trai tôi là bậc đại phúc. Chắc thế nào cũng phải có một thiếu nữ đã từng làm phước chung với nó. Quý vị hãy mang pho tượng này đi và hãy tìm đem về một nữ nhân cực kỳ xinh đẹp như pho kim tượng này vậy.

- Lành thay.

Các ông mai lãnh sứ mạng ra đi kiếm cô dâu, vân du hết nơi này sang nơi nọ, sau cùng họ đi đến thành Sāgaka, trong xứ Madda.

Bấy giờ, trong thành ấy có một cô Tiểu Thư, tuổi vừa cập kê, nhan sắc tuyệt đẹp. cha mẹ cô cho cô ở trên lầu bảy của ngôi lầu đài 7 tầng.

Các vị Bà la môn đặt pho tượng xuống bên lề đường rồi đi đến bãi tắm, ngồi xuống một bên, nghĩ rằng:

- Nếu ở đây có được nàng thiếu nữ đẹp như pho tượng, thì khi thấy pho tượng, dân chúng sẽ nói: *“Pho tượng này tuyệt đẹp, chẳng khác nào Tiểu Thư con gái của nhà đó”*.

Sau khi bà nữ mẫu của tiểu thư ấy, tắm cho nàng xong, đưa nàng trở về nhà, bà trở ra bên tắm để tắm. Thấy pho tượng vàng, bà lầm tưởng là tiểu thư, nên nói với pho tượng: *“Ôi! Người thật là khó dạy, ta vừa tắm cho mi xong rồi đi ra, mi đã đi ra đây trước ta rồi”*. Bà giơ tay đánh vào pho tượng, thấy chai cứng, bà biết rằng mình đã lầm, bèn nói: *“Ta đã lầm tưởng pho tượng này là con gái của ta. Sự thật nó là cái chi vậy cả”*.

Khi ấy, nhóm Bà la môn hỏi bà nữ mẫu rằng:

- Bà ơi! Con gái bà giống pho tượng này lắm ư?
- So với con gái tôi thì pho tượng này có giá trị chi đâu.
- Vậy con gái bà đâu? Bà hãy chỉ chúng tôi *“coi mắt”* xem nào.

Bà vú cùng với khách về nhà, giới thiệu khách với ông Trưởng giả. Hai ông bà niềm nở tiếp chuyện cùng khách, rồi cho gọi nàng tiểu thư xuống, nàng đến đứng gần pho tượng vàng, pho tượng vàng bị sắc đẹp của nàng lán át, chẳng còn rực sáng được như trước.

Các ông mai tặng pho tượng vàng cho hai ông bà Trưởng giả, làm lễ vật đính ước, rồi vội vã trở về báo tin vui đến hai ông bà Trưởng giả thành Sāvattī.

Hai ông bà rất hài lòng, lại phái mấy ông Bà la môn đi rước cô dâu về cho mau cùng với nhiều lễ vật trọng hậu.

Công tử Anitthāgandha được tin: Tìm được cô gái có nhan sắc mỹ lệ, còn xinh đẹp hơn pho tượng vàng của cậu. Chỉ nghe có bấy nhiêu, tình yêu đã chớm nở trong lòng của công tử. Cậu giục cha mẹ rằng: *“Hãy rước cô dâu về cho mau”*.

Cô dâu được rước đi bằng xe, nhưng người cô mảnh mai, yếu ớt quá, không chịu nổi sự dằn xóc, nên bị trúng gió cảm sương, đến nửa đường thì chết.

Công tử sốt ruột chờ mong, hỏi thăm không ngớt: *“Cô dâu đến chưa?”*. Nghe câu hỏi một cách si tình như thế, các bạn bè thân quyến không ai nói rõ sự thật cho cậu biết ngay, đợi vài ngày sau, khi chàng bết rạo rục, mới báo tin là cô dâu đã chết. Công tử kêu lên: *“Trời ơi! Ta đã vô duyên, không được kết đôi với giai nhân tuyệt sắc thế này ư?”*. Cõi lòng tràn ngập ưu tư, công tử nghe sầu khổ nặng nề, giống như núi đá đè lên mình.

Đức Bôn Su thấy được duyên lành của công tử, nhân khi đi bát, Ngài đến đứng trước cửa nhà công tử. Khi ấy, cha mẹ cậu thỉnh Đức Bôn Su vào nhà và cung kính cúng dường, sót bát. Sau khi xong bữa, Đức Bôn Su hỏi:

- Công tử Anitthāgandha đâu rồi?
- Bạch Ngài! Nó đã bỏ ăn nằm liệt giường trong thư phòng.

- Hãy cho gọi cậu ấy ra đây.

Công tử bước ra đánh lễ, chào Đức Bồn Sư xong rồi, ngồi xuống một bên, Đức Bồn Sư phán hỏi:

- Này công tử! Trông cậu có vẻ buồn rầu lắm phải không?

- Dạ phải, bạch Ngài một giai nhân tuyệt sắc đã chết ở dọc đường. Hay tin này, con phát sanh buồn khổ, cơm canh cũng không muốn ăn.

- Này công tử! Công tử có biết tại sao mà công tử phát sanh buồn khổ chẳng?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Này công tử! Tại vì ái dục mà sự buồn khổ của cậu mới sanh lên, sự ưu tư hay sợ hãi đều do dục ái mà sanh lên cả.

Nói rồi, Ngài ngậm lên kệ ngôn rằng:

“Kāmato jāyatī soko, “Dục ái sinh sầu ưu,
Kāmato jāyatī bhayaṃ; Dục ái sinh sợ hãi,
Kāmato vippamuttassa, Ai thoát khỏi dục ái,
Natthi soko kuto bhayaṃ”. Không sầu, đâu sợ hãi?”.

CHÚ GIẢI:

Kāmato: Từ hai thứ dục ái là vật dục (vatthukāma) và phiền não dục (kilesakāma) mà phát khởi lên.

Cuối thời Pháp, công tử Anitthāgandha đắc quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cần Đề

Phạm Thiên đọa lạc xuống hồng trần

Không thích mùi hơi xác nữ nhân

Vú nọ vẫn nhồm khi khát sữa

Lòng cha quen chịu lúc cầu thân.

Tưởng đâu đã thoát đường dâm dục

Xem lại còn mang nợ ái ân...

Có khóc vì tang người đẹp huyệt

Dự Lưu Đạo quả mới lên lần

DỨT TÍCH CÔNG TỬ ANITTHĀGANDHA





**215. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ tham dục.
Không tham dục sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**

XVI.6- ÔNG BÀ LA MÔN THẤT HỨA

(*Taṇhāya jāyateti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 216)

“*Taṇhāya jāyatī, soko,
Taṇhāya jāyatī bhayaṃ;
Taṇhāya vippamuttassa,
Natthi soko kuto bhayaṃ*”.

“*Tham ái sinh sầu uu,
Tham ái sinh sợ hãi.
Ai giải thoát tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?*”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Su thuyết ra khi Ngài trú ngụ tại Jetavana, đề cập đến vị Bà la môn mất mùa.

Tương truyền rằng: Ông Bà la môn ấy là người tà kiến, một hôm ông ra bờ sông dọn đất ruộng. Đức Bôn Su quán thấy ông có duyên lành đạo quả, nên đi đến gần ông ta. Mặc dù nhìn thấy Đức Bôn Su, ông chẳng tỏ vẻ gì cung kính Ngài, cứ lặng thinh.

Đức Bôn Su mở lời trước, hỏi rằng:

- Này ông Bà la môn! Ông đang làm gì đó?

- Tôi dọn đất, này Sa môn Gotama ạ.

Đức Bôn Su chỉ nói bấy nhiêu, rồi Ngài ngự đi. Qua ngày sau, Ngài lại đến chỗ Bà la môn đang cày ruộng và hỏi:

- Này Bà la môn! Ông đang làm chi đó?

- Tôi cày đất ruộng, này Sa môn Gotama ạ.

Nghe vậy, Đức Bôn Su lại ngự đi. Từ đó cứ mỗi ngày là mỗi lần Đức Bôn Su đến hỏi thăm Bà la môn về việc làm của ông.

Nghe đáp: “*Tôi đang gieo mạ... tôi đang cấy lúa... tôi đang giữ ruộng...*” Đức Bôn Su cũng đi luôn.

Thế rồi, một hôm Bà la môn nói với Đức Bôn Su rằng:

- Này Ngài Gotama! Kể từ ngày tôi dọn đất ruộng cho đến nay đều được ông đến hỏi thăm. Nếu sau này tôi được mùa tôi sẽ chia phần cho ông, nếu chưa dưng cúng cho ông, tôi chưa ăn đâu. Từ nay về sau ông là bạn của tôi đây.

Thế rồi, thời gian sau, lúa mùa của ông rất trúng, ông tính thầm: “*Lúa của ta trúng lắm, ngày mai ta sẽ kêu công nhân gặt*”. Và ông sắp đặt sẵn mọi việc để mai gặt lúa. Nhưng đêm ấy, mưa to gió lớn đã phá tan mùa màng của ông. Đám ruộng của ông trống trơn, coi như là bị phá sạch.

Ngay từ ngày đầu tiên, Đức Bôn Su đã biết trước rằng:

Mùa lúa của Bà la môn này sẽ hư hoại thôi. Sáng hôm ấy, ông Bà la môn tự nghĩ thầm: “*Ta sẽ đi xem ruộng lúa*”.

Nhưng khi đến ruộng, thấy ruộng lúa trống trơn, ông ta phát tâm buồn chán quá, suy nghĩ rằng: “*Sa Môn Gotama có đến thăm ruộng này kể từ này ta mới dọn đất về*

sau, và ta đã hứa với ông ấy. Nếu lúa trổ mùa, ta sẽ chia phần đến ông. Nếu chưa cùmg dượng đến ông thì tôi chưa ăn. Từ nay về sau, ông là bạn của tôi đấy. Thế mà điều mong ước của ta không đạt được sự thành tựu”.

Ông Bà la môn bỏ ăn uống, nằm liệt trên giường.

Khi ấy, Đức Bồn Sư đến trước nhà của ông. Nghe tin có Đức Bồn Sư đến, ông bảo người nhà rằng: “Hãy đưa bạn ta vào đây và hãy tiếp đãi Ngài cho đàng hoàng tử tế”. Gia nhân làm theo lời của Bà la môn ấy. Sau khi an tọa, Đức Bồn Sư phán hỏi rằng:

- Nay ông Bà la môn! Ông có biết vì đâu mà sự buồn khổ phát sanh lên cho ông không?

- Tôi không biết được, này Sa môn Gotama ạ. Nhưng ông có biết chăng?

Phải rồi, này Bà la môn! Khi nào sự ưu tư hoặc sự sợ hãi phát sanh, nó chỉ xuất ra từ sự tham ái (taṇhā) mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Taṇhāya jāyatī, soko,	“Tham ái sinh sầu ru,
Taṇhāya jāyatī bhayaṃ;	Tham ái sinh sợ hãi.
Taṇhāya vippamuttassa,	Ai giải thoát tham ái,
Natthi soko kuto bhayaṃ”.	Không sầu, đâu sợ hãi?”.



CHÚ GIẢI:

Taṇhāya: Mỗi thứ tham ái trong sáu cửa đều do nơi dục ái làm gốc mà phát khởi lên.

Cuối thời Pháp, ông Bà la môn chứng đắc Thánh Quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả cần Đề

*Từ lúc ban đầu lúa mới gieo
Bao nhiêu mộng ước phải sanh theo
Đến khi sắp gặt đầy hi vọng
Một tối mưa giông!... nghĩ chán phèo.
Chủ ruộng chưa quen mặt chữ ngờ
Một mình Đức Phật rõ tri cơ
Bởi nhân khát ái mà lo sợ
Hết sợ lo, nhờ quả Tối sơ.*

DỨT TÍCH ÔNG BÀ LA MÔN THẤT HỨA





**216. Khổ ưu và sợ hãi phát xuất từ khát ái.
Không khát ái sẽ không còn khổ ưu và sợ hãi.**

XVI.7- NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH ĐẾN NGÀI KASSAPA (*Sīladassanasampannanti*)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 217)

**“Sīladassanasampannaṃ,
Dhammatṭhaṃ saccavedinaṃ;
Attano kamma kubbānaṃ,
Taṃ jano kurute piyaṃ”.**

***“Đủ giới đức, chánh kiến
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính”.***

Pháp cú này, Đức Bốn Sư thuyết ra, khi Ngài an ngự tại Jetavana, đề cập đến 500 cậu bé dâng bánh.

Một lần nọ, nhằm ngày đại lễ, Đức Thế Tôn cùng 80 vị Đại Trưởng Lão và 500 Tỳ khuru Tăng ngự vào thành Sāvattṭhī để khát thực. Ngài gặp 500 đứa trẻ mang 500 giỏ bánh lên vai ra đi khỏi thành, về hướng vườn Thượng Uyển. Thấy Ngài, lũ trẻ đánh lễ Ngài rồi đi luôn chớ không có lời mời vị Tỳ khuru nào thọ bánh cả.

Khi chúng đã đi qua, Đức Bốn Sư hỏi chư Tăng:

- Này các Tỳ khuru! Các thầy có muốn độ bánh chăng?
- Bạch Ngài, bánh đâu mà độ.
- Các thầy không thấy 500 đứa trẻ ấy sao? Chúng xách 500 giỏ bánh vừa đi qua đây.
- Bạch Ngài! Lũ trẻ đó không có dâng bánh đến ai cả.
- Này các Tỳ khuru! Mặc dù các đứa trẻ ấy không dâng bánh đến Ta hay các thầy, nhưng vị Tỳ khuru chủ của bọn trẻ ấy đang đi đến phía sau Ta. Các thầy hãy độ bánh rồi đi.

Chư Phật không hề có tâm ganh tỵ hoặc sân hận đối với một nhân vật nào, bởi vậy Đức Phật đã nói như thế.

Rồi Ngài đưa chư Tăng đến ngồi trong bóng mát của một cội cây bên vệ đường.

Lũ trẻ trông thấy Đại Đức Mahākassapa từ phía sau đi đến, chúng phát tâm hoan hỷ, yêu mến Đại Đức. Do phỉ lạc phát sanh khắp thân rất lạ, chúng đặt giỏ bánh xong, mọp năm vóc đánh lễ dưới chân Đại Đức, rồi nâng các giỏ bánh lên nói với Đại Đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hãy thọ bánh đi.
- Này các con! Có Đức Bốn Sư cùng Tăng chúng đang ngự bên cội cây kia. Các con hãy mang lễ vật đi đến chia sót bát cho chư Tăng đi.
- Lành thay! Bạch Đại Đức.

Sau khi đi giáp vòng, bọn trẻ đi đến Đại Đức và dâng bánh đến Ngài, rồi đứng một bên nhìn Đại Đức. Khi bọn trẻ thấy Đức Bốn Sư và chư Tăng độ xong bánh, chúng mang nước đến dâng cúng Đại Đức.

Chư Tỳ khuru than phiền rằng: “*Mấy cậu bé này dưng cúng cũng chọn mặt. Chính Đấng Chánh Đẳng Giác cùng các vị Đại Trưởng Lão chúng không hỏi, vừa thấy Đại Đức Mahākassapa, chúng liền mang cả giỏ bánh đến cúng dường*”.

Đức Bôn Sư nghe chư Tăng bàn tán, bèn giải thích rằng:

- Này các Tỳ khuru! Một Tỳ khuru như con trai là Mahākassapa thì Chư Thiên và nhân loại cùng ái mộ. Một người như vậy, ai cũng hoan hỷ cúng dường bốn món vật dụng.

Rồi Ngài nói lên lời kệ ngôn rằng:

“ <i>Sīladassanasampannaṃ,</i>	“ <i>Đủ giới đức, chánh kiến</i>
<i>Dhammaṭṭhaṃ saccavedinaṃ;</i>	<i>Trú pháp, chứng chân lý,</i>
<i>Attano kamma kubbānaṃ,</i>	<i>Tự làm công việc mình,</i>
<i>Taṃ jano kurute piyaṃ”.</i>	<i>Được quần chúng ái kính”.</i>



CHÚ GIẢI:

Sīladassanasampannaṃ: Có đầy đủ Tứ thanh tịnh giới và Tương ưng đạo quả, tức là đầy đủ chánh tri kiến.

Dhammaṭṭhaṃ: An trú trong 9 Pháp Thánh, có nghĩa là làm cho thấu rõ Pháp Siêu Thế.

Saccavedinaṃ: Người giác ngộ chân lý, do đã làm thấu rõ 16 chi của Tứ Diệu Đế.

Attano kamma kubbānaṃ: Phận sự của mình là Tam Học: Giới-Định-Huệ, phải làm cho tròn.

Taṃ jano: Con người ấy, đại chúng phàm phu yêu mến, muốn gặp gỡ muốn lễ bái và muốn dâng cúng tứ vật dụng.

Cuối thời pháp, cả 500 đứa bé đều đắc chứng Tu Đà Hườn.

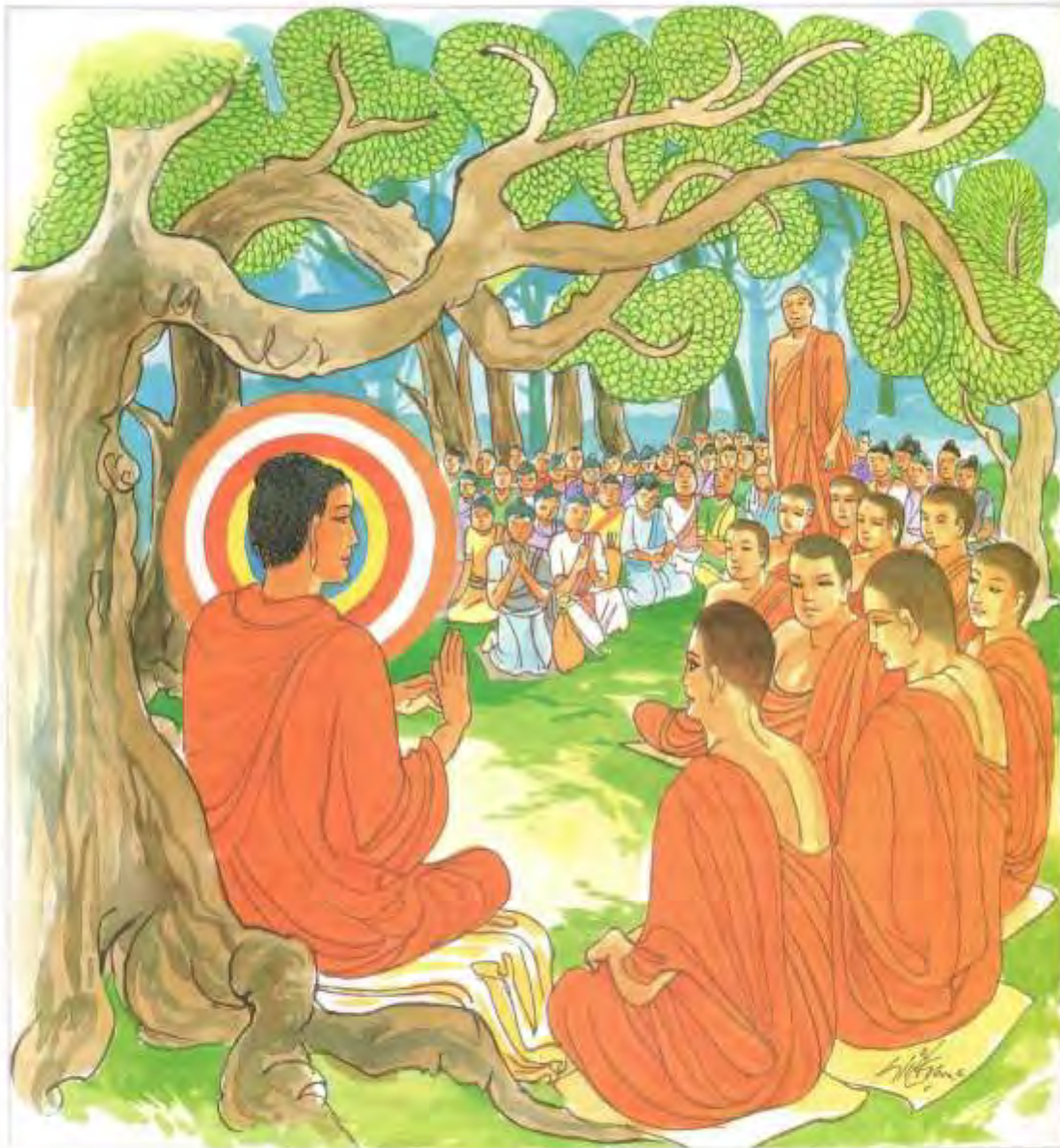


Dịch Giả Cẩn Đề

*Đầu tiên gặp Phật chẳng vui mừng
Đại Đức đi sau lại cúng dâng
Tánh trẻ đã ưa nào lựa mặt
Tăng già không mộ mới xây lưng.
Ca Diếp đến sau Đức Thích Ca
Có duyên được bánh hộ Tăng già
Xưa gieo nay gặt tùy nhân quả
Đáng mến thay, người thật xuất gia.*

DỨT TÍCH NĂM TRĂM CẬU BÉ DÂNG BÁNH





217. Đạt vẹn toàn về đức hạnh và tri kiến, chú tâm vào phận sự của mình, người như vậy được quần chúng ái mộ.

XVI.8- ĐẠI ĐỨC A NA HÀM

(Chandajatoti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 218)

“Chandajāto anakkhāte,
Manasā ca phuṭo siyā;
Kāmesu ca appaṭibaddhacitto,
Uddhamsototi vuccati”.

“Ước vọng pháp ly ngôn
Ý cảm xúc thượng quả
Tâm thoát ly các dục,
Xứng gọi bậc Thượng Lưu”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Đại Đức đã đắc quả A Na Hàm.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, các Tỳ khuru đệ tử đã hỏi Đại Đức sư phụ câu hỏi rằng: “Bạch Ngài! Ngài đã đắc quả đặc thù chưa?”

Đại Đức tự nghĩ: “Quả Bất Lai thì hàng cư sĩ tại gia cũng có thể đắc. Vậy để khi nào đắc quả Vô Sanh (A La Hán) rồi, ta sẽ nói chuyện với các đệ tử ta”.

Đang còn đắn đo e dè, chưa nói gì cả, thì Đại Đức mệnh chung, tái sanh lên cõi Tịnh Cư Thiên.

Khi ấy, các đệ tử khóc lóc thở than, rồi đến bái kiến Đức Bôn Sư, ngồi xuống một bên mà vẫn còn khóc.

Đức Bôn Sư bèn hỏi các vị ấy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Có gì mà các thầy lại khóc?

- Bạch Ngài, Tể Độ Sư của các con đã mệnh chung.

- Này các Tỳ khuru! Dầu sao các thầy cũng chớ nên sầu não, vì đó là lẽ thường.

- Bạch Ngài, chúng con vẫn biết như thế, tuy nhiên chúng con có hỏi, Tể Độ Sư của chúng con có chứng đạt quả vị đặc thù nào chưa, Tể Độ Sư không trả lời chi cả, kể đến khi mạng chung. Do đó chúng con mới buồn khổ.

Đức Bôn Sư giải rằng: Này các Tỳ khuru, chớ nên buồn khổ, thầy Tể Độ của các thầy đã đắc A Na Hàm, những tự nghĩ rằng: *Quả Bất Lai này, cư sĩ tại gia có thể chứng đạt được, đợi khi nào ta chứng đắc A La Hán rồi, ta sẽ nói cho chúng đệ tử nghe.* Đang ngàn ngại, chưa kịp nói thì Thầy Tể Độ các người đã mệnh chung, tái sanh về cõi Tịnh Cư. Hãy vui lên đi, này các Tỳ khuru! Thầy của các người đã giải thoát tâm khỏi sự ràng buộc của ngũ trần, thành bậc Thượng Lưu bang rồi.

Nói rồi, Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Chandajāto anakkhāte,
Manasā ca phuṭo siyā;
Kāmesu ca appaṭibaddhacitto,
Uddhamsototi vuccati”.

“Ước vọng pháp ly ngôn
Ý cảm xúc thượng quả
Tâm thoát ly các dục,
Xứng gọi bậc Thượng Lưu”.



CHÚ GIẢI:

Chandajāto: Do sự ước ao mong mỏi, muốn làm phát sanh, khát cầu mãnh liệt.

Anakkhāte: Níp Bàn là pháp ly ngôn, bởi vì không thể nói, hay làm hoặc tả được rằng: Màu sắc như thế này, hình dáng như thế này.

Manasā ca phuṭo siyā: Tâm phải thấm nhuần, sung mãn ba đạo quả thấp.

Appaṭibasshacitto: Tâm đã thoát khỏi sự ái luyến ngũ trần do nhờ A Na Hàm đạo.

Uddhamṣoto: Một Tỳ khuru như thế, sau khi tái sanh vào Vô Phiền thiên (avihā), từ đó trở đi, do ảnh hưởng của sự liên kết sanh lên tới Sắc Cứu Cánh thiên (Akanittha), gọi là Thượng Lưu Bang. Thầy Tể Độ của các thầy đã đạt được như thế.

Cuối thời pháp, các Tỳ khuru ấy chứng đắc A La Hán Quả.

Đại chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích Pháp thoại ấy.



Dịch Giả Cần Đề

Cư sĩ tu còn đắc Bất Lai

Tỳ khuru cũng vậy, có chi tài.

Cầu mong quả tột cùng La Hán

Mới xứng làm gương để dạy ai...

Thầy tịch mà không trối tiếng chi

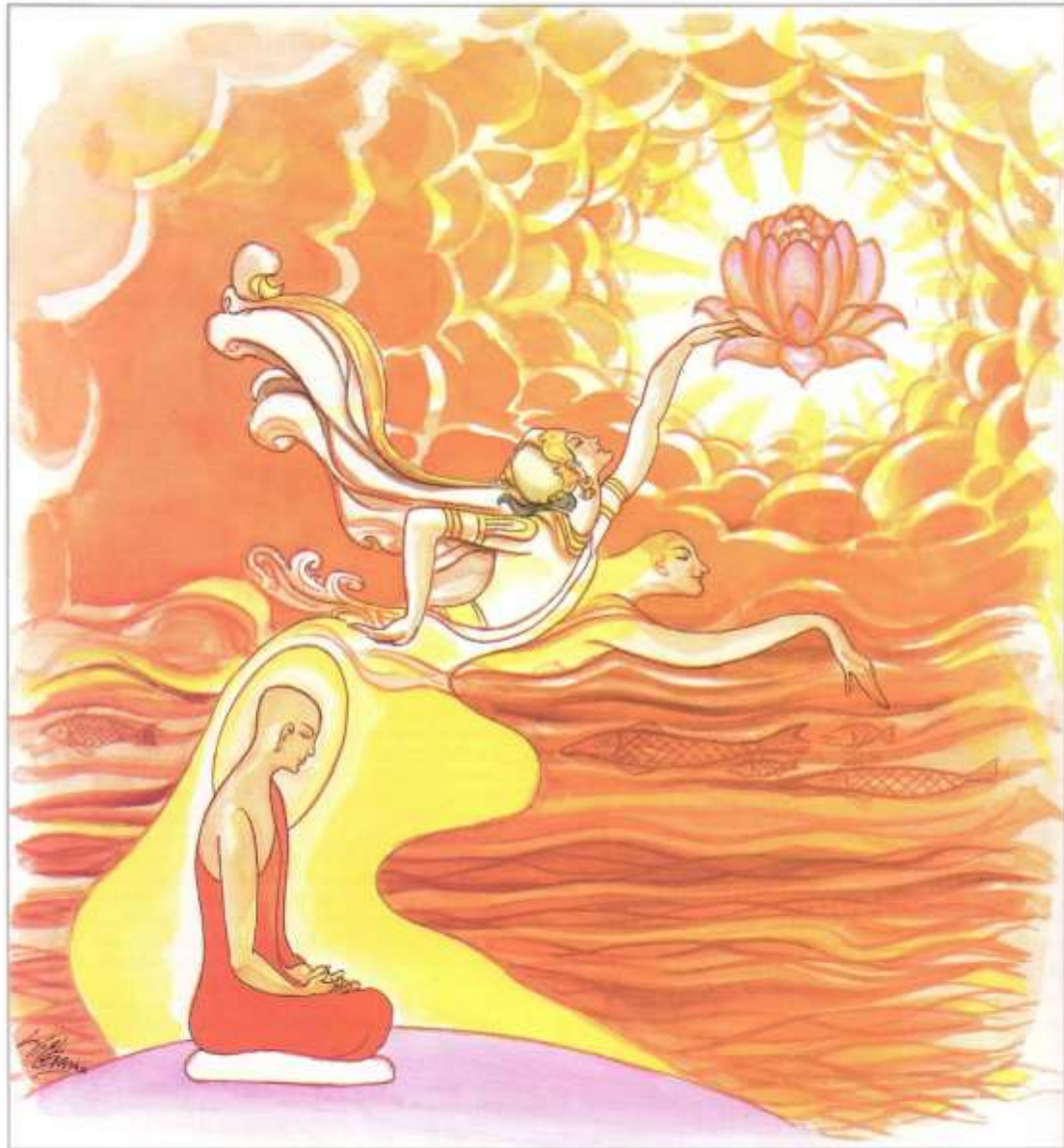
Trò ngu tưởng quấy, lại sâu bi

Nghe lời Phật giải liền tiêu khổ

Đắc quả Vô Sanh, lẹ cấp kỳ.

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC BẤT LAI





**218. Chuyên tâm hướng về Niết bàn, giải thoát mọi dục lạc.
Vị ấy được gọi là bậc thượng lưu.**

XVI.9- NANDIYA VỀ TRỜI

(*Cirappavasinti*)



KỆ NGÔN: (Pháp cú câu 219-220)

219. “*Cirappavāsiṃ purisaṃ,
Dūrato sotthimāgataṃ;
Ñātimittā suhajjā ca,
Abhinandanti āgataṃ*”.

“*Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng*”.

220. “*Tatheva katapuññampi,
Asmā lokā paraṃ gataṃ;
Puññāni paṭigaṇhanti,
Piyaṃ ñātīva āgataṃ*”.

“*Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia.
Như thân nhân, đón chào*”.

Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết khi Ngài ngự tại Isipatana (Chư Tiên Đạo Xứ), đề cập đến chàng Nandiya.

Tương truyền rằng: Tại thành Bārānasī, có chàng Nandiya, là con trai của một gia đình có đức tin nơi Tam Bảo. Chàng cũng có đức tin như thế, là người hộ Tăng đắc lực, đứng theo sở cầu của cha mẹ. Khi trưởng thành, cha mẹ chàng tìm người nữ môn đăng hộ đối với gia tộc, định cưới con gái của cậu chàng tên là Revatī đem về nhà, nhưng nàng này lại là người không có đức tin nơi Tam Bảo, không quen bố thí, thọ trì giới nên chàng Nandiya không ưng cưới nàng làm vợ. Mẹ chàng báo với nàng Revatī rằng:

- Này con gái cưng, trong nhà này, nơi ngồi của chư Tăng con nên lau chùi sạch sẽ, sắp đặt sẵn ghế ngồi kê chân cho có thứ tự. Khi chư Tăng đến, con hãy xin rước bát, thỉnh chư Tăng ngồi và lọc nước hộ Tăng bằng đồ lọc, chư Tăng độ cơm xong, con hãy rửa bát cho Ngài. Làm được như thế con mới trở nên là người bạn đường của con trai ta.

Nàng Revatī chịu nghe lời mẹ chồng dạy, để cho chàng Nandiya hài lòng nàng, khi ấy bà báo tin cho con trai biết, chàng đáp rằng: “*Lành thay!*”. Được chàng nhận lời rồi, hai họ định ngày lành tháng tốt cử hành lễ hôn phối.

Chàng Nandiya nói với người vợ mới cưới rằng:

- Nếu em chăm lo phục vụ chư Tăng và cha mẹ anh đàng hoàng tử tế, thì em sẽ được trọn quyền ở trong nhà này. Vậy em hãy siêng năng cần mẫn đi nhé.

Nàng Revatī vâng lời chồng, đáp: “*Lành thay!*”.

Nàng xử sự được như thế, chỉ trong vài ngày đầu như là người có chánh kiến, có đức tin đầy đủ. Nàng chăm lo quán xuyến hết công việc trong nhà, và có được hai con với chàng Nandiya. Khi cha mẹ chàng qua đời, nàng nắm hết mọi quyền trong nhà, trọn quyền là nữ chủ nhân của gia tộc. Từ ngày cha mẹ khuất bóng, Nandiya trở thành một đại thí chủ, thiết lập việc để bát thường xuyên đến Tỳ khưu, và đồng thời bày ra

việc thí thực tại nhà của mình cho những kẻ nghèo khó và những khách lữ hành đi đến.

Thời gian sau, được nghe Đức Bôn Su thuyết pháp thoại, chàng Nandiya suy tư đến quả phước của việc bố thí trú xứ là chỗ ngụ đến Tăng, chàng cho xây cất Đại Tự Insipatana, bốn nhà khách gồm có bốn căn phòng, lại cho kê giường, ghế, lót chiếu xong rồi, cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng với chư Tăng đến cúng dường, cử hành đại lễ thí chỗ ngụ. Ngay khi nước thí vừa rơi vào tay Đức Thế Tôn thì đồng thời trên cõi Chư Thiên Đạo Lợi nổi lên tòa Thất Bảo Thiên Lâu, cao 100 do tuần, dài và rộng 12 do tuần, làm toàn 7 báu và chứa đầy những nhóm Ngọc Nữ xinh đẹp.

Một lần nọ, Đại Đức Moggallāna du hành lên thiên giới, Ngài dừng chân tại tòa Thất Bảo Lâu ấy và hỏi Chư Thiên đến gần mình rằng: “*Tòa Thiên lâu này chứa đầy những nhóm Ngọc Nữ, phát sanh lên cho người có phước nào thế?*”.

Chư Thiên liền nói cho Đại Đức biết chủ tòa Thiên Lâu ấy:

- Bạch Ngài! Con trai của một gia tộc Trưởng giả tên là Nandiya cất chùa dâng đến Tăng Tứ phương có Đức Bôn Su làm tọa chủ, nên tòa Thiên Lâu này phát sanh đến y, do phước báu của cậu ấy.

Cả đoàn Thiên Nữ trông thấy Đại Đức bèn đi xuống lầu, ra khỏi lầu đài đến đánh lễ Đại Đức và bạch rằng:

- Bạch Ngài, chúng con là những nàng hầu của thanh niên Nandiya đã sanh lên đây mà không gặp chàng, chúng con rất là vô phước. Vì chúng con rất mong mỗi gặp chàng, xin Đại Đức hãy khuyên chàng mau về nơi đây, ví như người đập bỏ nồi đất để nhận lấy bát vàng, bỏ sản nghiệp nhân giới để hưởng được tài sản cõi Chư Thiên.

Đại Đức từ Thiên giới trở lại cõi người, đến bái yết Đức Bôn Su, bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài, có phải trong khi con người còn sống ở nhân gian, những thiện nghiệp của họ đã tạo cũng kết quả thanh tài sản có sẵn nơi Thiên Giới được chăng?

- Này Moggallāna! Chính người đã thấy tận mắt phước báu của Nandiya đã thanh tựu cõi Đạo Lợi phải chăng? Tại sao người còn hỏi lại Như Lai.

- Bạch Ngài, quả có thật như thế.

- Này Moggallāna! Vì có gì mà thầy lại nói như vậy? Ví như đứa con trai hay đứa em trai vắng nhà lâu ngày, từ xứ xa trở về, đứng tại cổng làng. Bất cứ ai trông thấy nó, cũng lật đật về báo cho nhà biết tin: “*Có cậu ấy trở về*”. Tức nhiên thân bằng quyến thuộc của người ấy rất vui mừng hơn hở, vội vã ra đi tiếp đón cậu: “*Chào cậu, cậu mới về*”. Cùng như thế ấy, người nữ hoặc nam đã tạo thiện nghiệp ở đây, sau khi từ già cõi đời này, đi tái sanh ở cảnh giới khác, sẽ được Chư Thiên mang theo 10 thứ lễ vật của trời, hoan hỷ đến tranh nhau tiếp rước, nói rằng: “*Để tôi rước trước, để tôi rước trước*”.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

219. “*Cirappavāsīm purisaṃ,
Dūrato sotthimāgatam;
Nātimitā suhajjā ca,*

*“Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,*

Abhinandanti āgatam”.

220. “Tatheva katapuññampi,
Asmā lokā param gatam;
Puññāni paṭigaṇhanti,
Piyam ñātīva āgatam”.

Hân hoan đón chào mừng”.

*“Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia.
Như thân nhân, đón chào”.*



CHÚ GIẢI:

Cirappavāsīṃ: Cūrappavuttham: Người ly hương ở hải ngoại đã lâu.

Dūrato sotthimāgatam: Sau khi làm nghề buôn hoặc làm công chức thuê huê lợi, hoặc lãnh tiền lương, lần hồi có nhiều của cải, sống đầy đủ an toàn rồi, từ xứ xa trở về quê cũ.

Ñātimittā suhajjā ca: Những quyền thuộc là người cũng một dòng họ và những thân bằng là bạn mới gặp gỡ kết tình thâm giao.

Abhinandanti āgatam: Khi thấy người cũ, họ nói: “*Cậu ấy đã về kìa*”, bằng lời nói, hoặc nắm tay chân, hay chấp tay chào, rồi rước về nhà, họ còn hân hoan hậu đãi bằng nhiều cách, như mang quà đến tặng.

Tatheva: Bởi lẽ đó, người đã tạo phước từ cõi này sang đời khác, sẽ được các phước ở cõi Trời chờ đợi, hoan hỷ tiếp đón như cha mẹ ruột, đem cho 10 thứ tặng phẩm của Trời là tuổi thọ, sắc đẹp, sự an lạc, danh vọng, quyền thế cùng với ngũ dục trường dưỡng cõi Trời là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Piyam ñātīva: Giống như những thân nhân trong đời này và tất cả họ hàng quyền thuộc đều đến tiếp rước.

Cuối thời pháp nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Cốc dâng tặng ngụ lúc sanh tiền
Phước đã thành ngay ở Thượng thiên
Ngọc nữ bán khoán chờ khách tục
Cao lâu sừng sững đợi người tiên
Mâm vàng đổi lấy thê ngàn lượng
Bát đất quăng đi, bớt mấy tiền.
Nhấn chủ là chàng Nandiya
Thông qua Đại Đức Mục Kiên Liên.*

DỨT TÍCH CHÀNG NANDIYA



DỨT PHẨM HỖ ÁI – PIYA VAGGA

DỨT PHẨM 16





219. Những người làm thiện sự được chào mừng đến thiên giới cũng giống như người đi xa lâu ngày được quyến thuộc đón mừng.



220. Các phước báo đón chờ người thiện hạnh ở đời sau cũng như các thân nhân chờ đón người trở về cố hương.

XVII. PHẨM PHÃN NỘ KODHA VAGGA

- 13 Bài kệ: Pháp cú 221-234

- 8 Tích truyện



XVII.1- THÍCH NỮ ROHINĪ (Kodham Jaheti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 221)

**“Kodham jahe vippajaheyya
Mānaṃ, saṃyojanaṃ
Sabbamatikkameyya;
Taṃ nāmarūpasmimasajjamānaṃ,
Akiñcanaṃ nānupatanti dukkhā”.**

***“Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước danh sắc,
Khổ không theo vô sản”.***

Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại chùa Nigrodha, đề cập đến Thích Nữ Rohinī.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, Đại đức Anuruddha cùng với 500 Tỷ khuru tùy tùng về thành Kapilavatthu.

Khi hay tin Đại Đức về, những thân quyến của Đại Đức đều đến thăm Đại Đức, trừ ra người em gái của Ngài là Công chúa Rohinī. Đại Đức hỏi các quyến thuộc rằng: - “Nàng Rohinī ở đâu rồi?”.

- Bạch Ngài, ở nhà.

- Tại sao nàng ấy không đến?

- Bạch Ngài, nàng ấy nói: “*Khấp mình tôi bị bệnh lác*”, vì mắc cỡ nên nàng ấy không đến.

- Hãy cho gọi nàng ấy đến đây!

Khi nàng Rohinī vận kín y phục, che khắp mình rồi, đi đến Đại Đức hỏi rằng: - “*Này Rohinī! Vì sao nàng không đến?*”.

- Bạch Ngài, khắp mình tôi nổi lác, bởi vậy tôi mắc cỡ không đến nơi này.

- Thế thì nàng cần phải làm phước thiện đi.

- Bạch Ngài! Tôi phải làm gì đây?

- Nàng hãy cất lên một Tăng đường đi.

- Tôi lấy chi để cất lên Tăng đường bây giờ?

- Nàng há chẳng có đồ trang sức ư?

- Bạch Ngài có, nhưng không đủ.

- Giá có được là bao nhiêu?

- Bạch Ngài, lỏi chừng 10 ngàn đồng vàng.

- Nếu vậy, nàng hãy xuất hết tiền ấy ra cất Tăng đường đi.

- Bạch Ngài! Tôi sẽ nhờ ai kiến tạo Tăng đường bây giờ?

Đại Đức nhìn những thân bằng đứng cạnh đó bảo rằng:

- Các thân quyến hãy đảm trách việc này với nàng Rohinī đi.

- Còn Ngài, Ngài sẽ làm việc chi?

- Ta cũng lưu ngụ tại nơi đây. Vậy các thân quyến hãy mang vật liệu đến cho nàng Rohinī.

- Lành thay! Lành thay.

Rồi họ chở vật liệu xây dựng đến, Đại đức trông coi việc cất Tăng đường, đề nghị cùng nàng Rohinī rằng:

- Nàng hãy cho cất Tăng đường hai tầng. Từ lúc cho đóng ván để xây dựng tầng trên, lập tức nàng hãy quét dọn sạch tầng dưới, cho lót chỗ ngồi và chăm lo đổ đầy nước vào nơi chứa thường xuyên.

- Lành thay, bạch Ngài.

Nàng Rohinī bỏ ra toàn bộ nữ trang của mình, mướn cất một Tăng đường hai tầng, khi tầng trên bắt đầu xây dựng, nơi tầng dưới nàng thường xuyên quét dọn sạch sẽ, các Tỳ khưu thường xuyên trú ngụ tại nơi ấy.

Trong khi nàng Rohinī quét dọn Tăng đường thì bệnh lác của nàng giảm bớt. Đến khi cất xong Tăng đường, nàng cung thỉnh Đức Phật và chư Tăng ngự đến Tăng đường, rồi cúng dường vật thực thượng vị cúng, mềm đến chư Tăng có Đức Phật là tọa chủ.

Khi độ xong bữa, Đức Phật hỏi:

- Cuộc trai thí này của ai vậy?

- Bạch Ngài, của nàng Rohinī.

- Cô ấy đâu rồi?

- Bạch Ngài, ở trong nhà.

- Hãy cho gọi nàng ấy đến đây.

- Bạch Thế Tôn, nàng Rohinī không chịu đến.

- Hãy gọi nàng ấy đến, nhân danh Như Lai vậy.

Dù không muốn đến, nhưng vì lệnh của Đức Phật gọi, nên nàng Rohinī phải đến, đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi xuống một bên, Ngài phán hỏi rằng:

- Này Rohinī! Vì sao nàng lại không đến đây?

- Bạch Ngài, vì con bị bệnh lác, con mắc cỡ nên không dám đến.

- Nàng có biết vì sao bệnh ấy lại phát sanh lên cho nàng chăng?

- Bạch Ngài! Con không biết.
- Bệnh ấy phát sanh do nương vào sự phẫn nộ của nàng.
- Bạch Ngài, con đã làm cái chi?
- Nếu thế, nàng hãy lắng nghe.

Thế rồi, Đức Bôn Sư thuyết lại Bôn Sanh rằng: Thưở xưa, có bà Hoàng Hậu của Quốc Vương Bārānasī, bà kết oan trái với một cô vũ nữ của Đức Vua. Bà nghĩ rằng: “*Ta sẽ làm cho nó phải khổ*”. Bà sai người đi hái một loại trái cây có chứa chất ngứa (kacchu) đem về, nghiền nát ra thành bột, Hoàng hậu cho đòi nàng vũ nữ ấy đến cung mình, đồng thời cho người lén rắc bột ngứa lên giường, ghế, áo chàng, mũng, mền... của cô ấy, bà lại giả vờ giỡn chơi, rắc bột ngứa vào mình nàng vũ nữ ấy. Ngay khi ấy, nàng vũ nữ nổi lên nhiều mụn ngứa, cô vừa gãi vừa làm việc hay vũ múa, khi lên giường nằm, cũng bị chất bột ngứa tẩm vào người, mặc áo cũng vương phải bột ngứa... Nàng chịu đau khổ vô cùng. Hoàng Hậu ấy nay chính là nàng Rohinī.

Sau khi nhắc lại tiền tích, Đức Bôn Sư dạy rằng:

- Này Rohinī, đó là bất thiện nghiệp mà cô đã tạo trong lúc trước. Quả thật vậy, phẫn nộ hay ganh tỵ, dù cho chút ít, cũng không hề thích đáng cả.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Kodham jahe vippajaheyya
Mānaṃ, saṃyojanaṃ
Sabbamatikkameyya;
Taṃ nāmarūpasmimasajjamānaṃ,
Akiñcanaṃ nānupatanti dukkhā”.

“*Bỏ phẫn nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước danh sắc.
Khổ không theo vô sản*”.



CHÚ GIẢI:

Kodham: Tất cả các mức độ của sự phẫn nộ và chín lớp ngã mạn đều bỏ cả (Kho tàng Pháp bảo tạng 130)

Saṃyojanaṃ: Cả mười kiết sử, nhất là dây ràng buộc về tình dục (Kāmarāga) đều được giải thoát hết.

Asajjamānaṃ: Alaggamānaṃ: là không bị dính mắc. Người nào cố chấp sắc của ta, thọ của ta... tức là cố chấp danh sắc và thở than, khóc lóc khi danh sắc tan rã, người ấy gọi là dính mắc trong danh sắc. Người không cố chấp như thế, gọi là không dính mắc. Người ấy không bị dính mắc do không có tình dục, không gặp nỗi khổ bất ngờ xảy đến cho mình.

Cuối thời Pháp nhiều người chứng đắc Thánh Quả, nhất là Quả Dự Lưu, nàng Rohinī cũng chứng đạt quả Tu Đà Hườn. Ngay khi ấy toàn thân nàng tỏa rực màu vàng y.

Sau khi từ trần, nàng được sanh về cõi Trời Đao Lợi, chỗ giáp ranh của bốn vị Thiên Tử, nhan sắc nàng mỹ miều, khả ái. Bốn vị Thiên Tử thấy nàng đều phát sanh lòng luyến ái, vị nào cũng nói: “*Nàng này sanh trong ranh giới của tôi*”. Để giải

quyết vụ tranh chấp này, họ đưa nhau đến trước Thiên Vương Đế Thích, yêu cầu phán xử:

- Tâu Thiên Vương! Xin Ngài xét đoán giữa chúng tôi, xem ai đáng được nàng Thiên nữ này.

Đức Đế Thích trông thấy Thiên nữ Rohinī cũng sanh lòng yêu mến, nên phán rằng:

“Từ khi trông thấy Thiên nữ này, tâm của quý vị sanh khởi ra sao?”.

Một vị Thiên Tử đáp:

“Từ bây giờ, tâm của tôi rộn ràng như trống trận, không thể nào im lặng được”.

Vị thứ hai đáp: *“Tâm của tôi cuộn cuộn chảy nhanh như thác đổ”*.

Vị thứ ba nói: *“Từ lúc thấy nàng này, cặp mắt tôi lồi ra như cua”*.

Vị thứ tư đáp: *“Tâm của tôi thì giống như phướn treo trên Thánh tháp, không thể nào đứng yên được”*.

Đức Đế Thích bèn nói với bốn vị Thiên Tử:

“Quý vị ơi! Tâm của quý vị thật là nồng nhiệt. Tuy nhiên đối với Trẫm, nếu được Thiên nữ này Trẫm mới sống, còn không được thì trẫm sẽ băng hà”.

Chư thiên đồng thanh: *“Tâu Đại Vương, Ngài không cần phải chết”*. Nói rồi, họ nhường Thiên Nữ lại cho Đức Đế Thích và ra đi.

Thiên nữ là người yêu mến của Đức Đế Thích. Mỗi khi nàng đề nghị:

- Chúng ta hãy đi dự cuộc vui đó.

Đức Đế Thích không thể nào từ chối, bác bỏ lời nói của nàng.

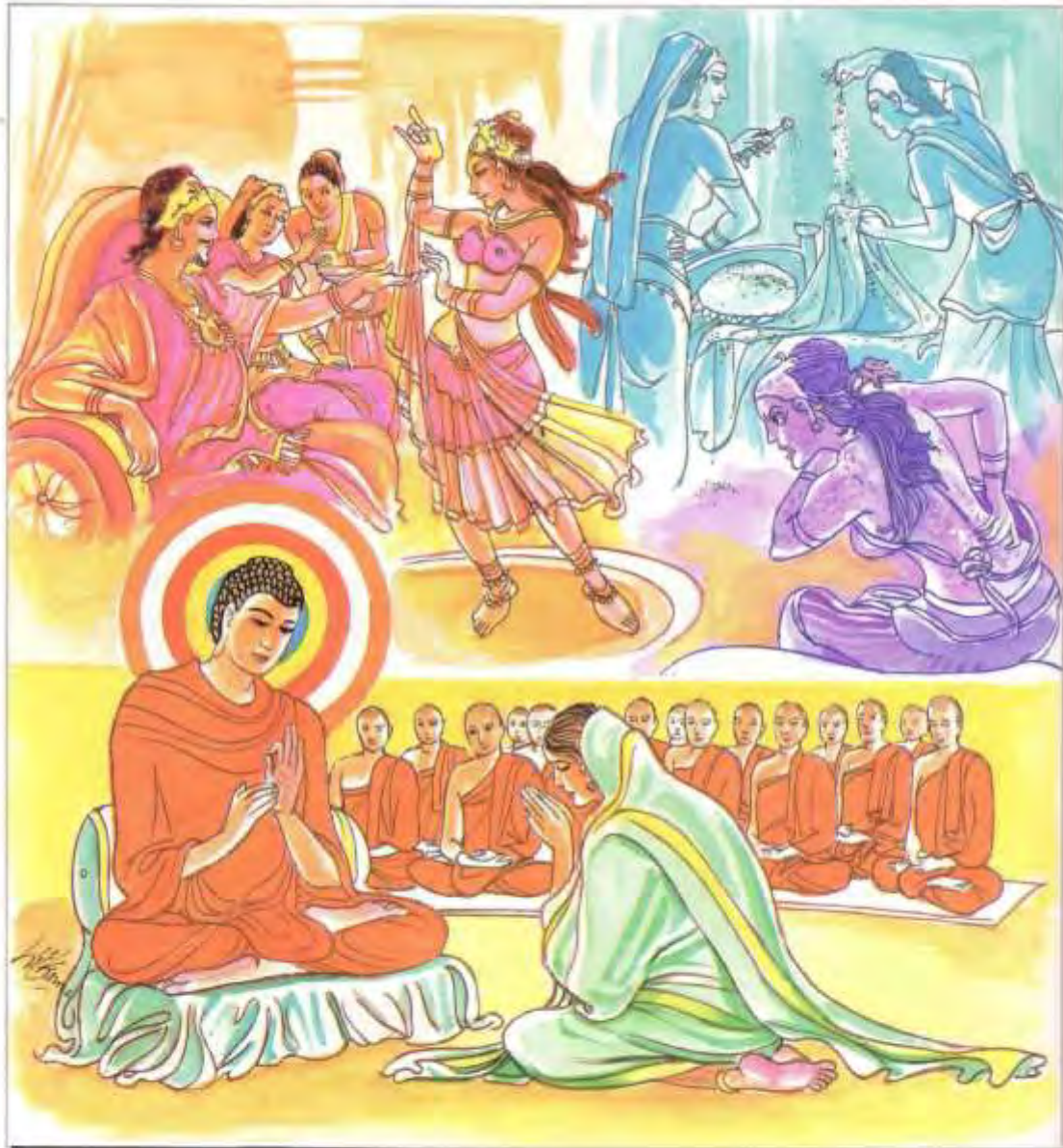


Dịch Giả Cẩn Đề

*Vì nhân hại vũ nữ sân mình
Thích nữ không ngờ quả lác sinh
Xấu mặt, ngăn mừng Tăng Đại Đức
Hở mày gặp Phật cao minh
Quét chùa tẩy sạch lòng sân hận
Dọn cốc trừ tan ý ghét ganh
Sắc đẹp khi lên trời Đạo Lợi
Làm Vua Đế Thích cũng si tình...*

DỨT TÍCH THÍCH NỮ ROHINĪ





**221. Hãy từ bỏ ngã mạn và phần nộ; thoát ly mọi triền phược.
Ta sẽ không còn bị khổ trong tâm trí.**

XVII.2- TỖ KHUỒ ĐỒN CẦY RỪNG

(Yo Ve Appatitam Kodhanti)



KỆ NGỒN: (Pháp Cú câu 222)

**“Yo ve uppatitam kodham,
Ratham bhantamva vāraye,
Tamaham sārathim brūmi,
Rasmiggāho itaro jano”.**

**“Ai chặn đợc phần nộ,
Như đừng xe đàng lãn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ”.**

Kệ ngôn này đợc Đức Bỗn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Tháp Aggālava, đề cập đến một vị Tỳ khuru nộ.

Từ khi Đức Thế Tôn cho phép chư Tỳ khuru Tăng ngự trong các cốc ngoài ranh chùa, các thí chủ nhất là các Trưởng giả ở thành Vương Xá (Rājagaha) lo xây cất cốc cúng dường, một vị Tỳ khuru ở Alāvī quyết định tự mình cất cốc cho mình, vị ấy tìm thấy một cây rừng thích hợp, nên đốn hạ cây ấy. Nơi ấy là nơi trú ngụ của một vị Thiên nữ, nàng có một đờa con trai còn bé thơ. Thiên nữ ẵm con, hiện ra trước mặt vị Tỳ khuru, yêu cầu rằng:

- Thưa chủ! Xin chủ đừng đốn phá đền đài của tôi. Tôi không thể ẵm con đi lang thang vì không có chỗ trú ngụ đợc.

- Ta không thể nào tìm đợc cây khác tốt bằng cây này đợc.

Rồi không cần đếm xỉa gì đến lời của Thiên nữ, vị ấy tiếp tục đốn cây, Thiên Nữ suy nghĩ: “*Nếu nhìn thấy đờa bé này, chắc Ngài sẽ đừng tay*”. Cô bèn để đờa con trai mình nằm trên nhánh cây. Tuy nhiên vị Tỳ khuru vung búa lên rồi, và không thể điều khiển kèm lại đợc, theo đà búa đã chặt đứt cánh tay đờa bé. Thiên nữ nổi giận dữ dội, đờa cao hai tay định đập chết vị Tỳ khuru, nhưng nàng tự nghĩ:

- Tỳ khuru này là người có giới đức, nếu ta giết chết người, ta sẽ phải rơi vào địa ngục. Và lại, khi ấy các thọ thần khác thấy vậy sẽ theo gương này, sẽ tự nhủ khi thấy có Tỳ khuru đốn cây của mình rằng: “*Đã có một Thọ thần đó, giết chết vị Tỳ khuru trong trường hợp như vậy rồi*”, rồi họ sẽ sát hại Tỳ khuru. Và lại, Tỳ khuru này là người có chủ, vậy ta hãy đem chuyện này nói lại cho chủ của ông ta.

Khi hạ tay xuống, nữ Thọ thần vừa đi vừa khóc, đến đánh lễ Đức Bỗn sư rồi đứng nép qua một bên. Đức Bỗn Sư bèn hỏi Thọ thần rằng:

- Có chuyện gì thế, này Thiên nữ.

- Bạch Ngài! Một vị Thinh Văn của Ngài đã làm như thế này. Con nổi giận toan giết ông ta, nhưng con suy nghĩ lại, dần tâm sân hận xuống và đi đến đây trình lên Ngài.

Vị nữ Thọ thần thuật lại trọn vẹn câu chuyện lên Đức Thế Tôn. Nghe xong Đức Thế Tôn phán rằng:

- Lành thay! Lành thay! Này Thiên nữ, việc nàng dần đợc tâm sân đang khởi lên như thế, ví như người kèm chế đợc chiếc xe đàng chạy nhanh, thật là tốt đẹp vậy.

Nói rồi, Ngài ngậm lên kệ ngôn rằng:

“Yo ve uppatitaṃ kodhaṃ, “Ai chặn được phần nô,
Rathaṃ bhantaṃva vāraye, Như dùng xe đang lăn,
Tamaḥaṃ sārathim brūmi, Ta gọi người đánh xe,
Rasmiggāho itaro jano”.” Kẻ khác, cầm cương hò”.”



CHÚ GIẢI:

Uppatitaṃ: Uppannaṃ: Đã nổi dậy, đã sanh khởi.

Rathaṃ bhantaṃva: Ví như người đánh xe thông thạo có thể thắng đứng chiếc xe đang chạy rất mau tùy theo ý muốn như thế nào, thì người nào có thể kèm hãm lại được con giặc dữ đang nổi dậy cũng như thế ấy.

Tamaḥaṃ: Người ấy, Ta gọi là người đánh xe.

Itaro jano: Người khác, chẳng hạn như Quốc Vương, Phó Vương tuy cũng là người đánh xe, nhưng chỉ xứng đáng là kẻ cầm cương thôi, không phải là người đánh xe thiện xảo.

Mặc dầu chứng quả Tu Đà Hườn, nhưng Thiên Nữ vẫn đứng khóc. Đức Bôn Su hỏi nàng:

- Này Thiên nữ, cái gì thế?

- Bạch Ngài! Đền đài của con đã tan nát, bây giờ con sẽ làm gì đây?

- Được rồi, Thiên Nữ đừng bi lụy nữa. Ta sẽ cho cô một ngôi đền để ở, Ngài chỉ một cây Đại thọ trong vòng chùa Kỳ Viên, gần Hương thất mà vị Thọ thần nơi ấy vừa mệnh chung hôm qua, nói rằng:

- Ở nơi ấy, là nơi trú của cô, là nơi cô tịch với nàng vậy.

Nữ thọ thần vui mừng đến nơi ấy. Từ đó về sau, Chư Thiên Đại Thần lực có đến cũng không dám chiếm đoạt nơi trú của nàng, vì biết rằng ngôi đền này được Đức Thế Tôn ban cho nàng Thiên nữ ấy.

Nhân dịp này, Đức Thế Tôn chế định học giới, cấm các Tỳ khưu phá hoại thảo mộc.

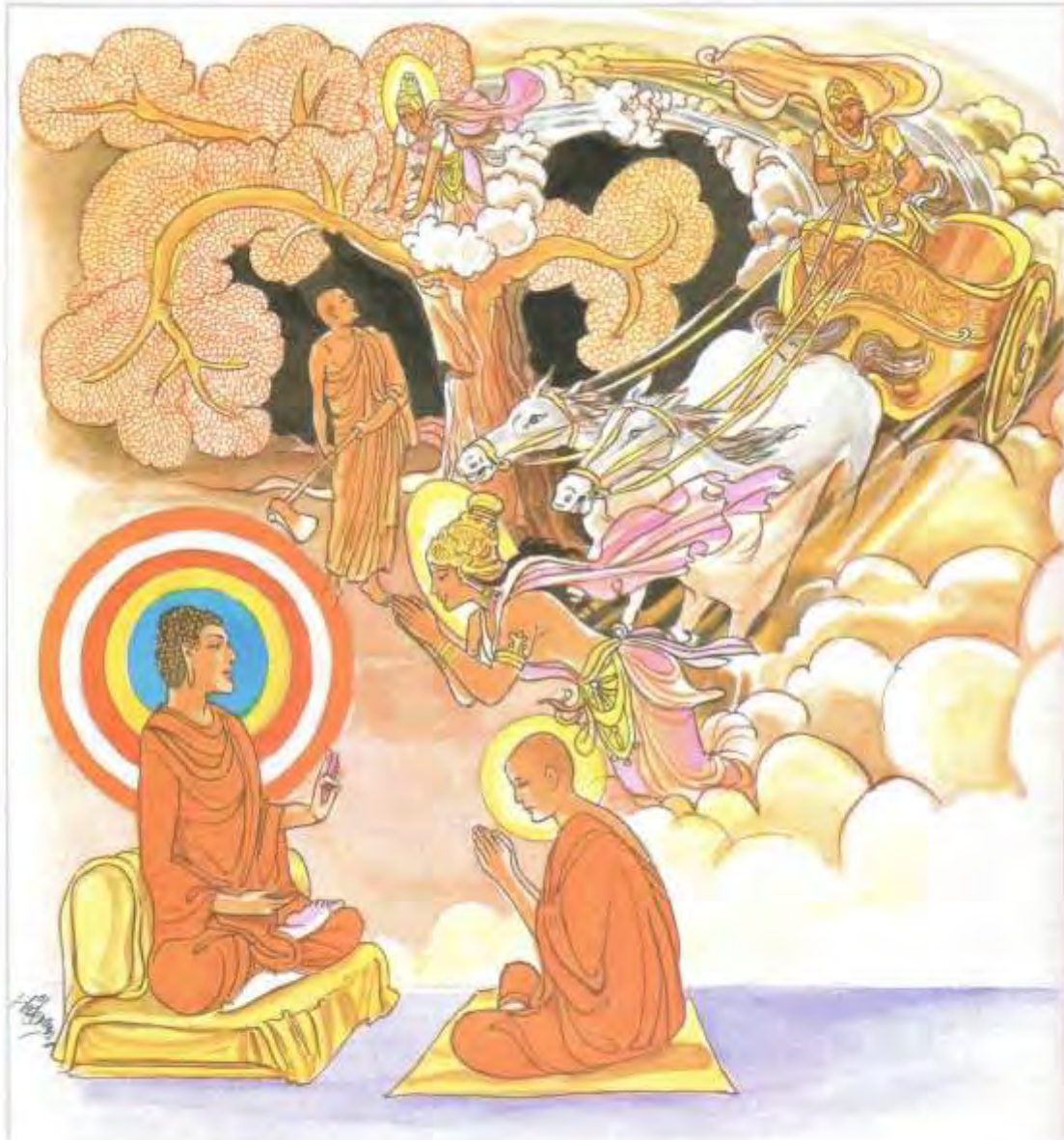


Dịch Giả cần Đề

*Luật cấm Tỳ khưu việc đốn cây
Trước tiên, phạm lỗi tại ông này
Con thân bé bỏng đang nằm đó
Búa bén to sầm vụt chém đây
Nhờ tỉnh, dần tâm thừa thắng Phật
Nếu mê, nổi giận giết ngay Thầy...
Oan gia ráng mở đờng nên buộc
Trong rũi làm sao cũng có may.*

DỨT TÍCH TỶ KHƯU ĐÓN CÂY RỪNG





222. Người nào kiềm hãm được phần nộ bùng lên tức là tự điều thân với sự chế ngự toàn vẹn.

XVII.3- TÍN NỮ UTTARĀ

(*Akkodhena jine kodhanti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 223)

**“Akkodhena jine kodham
Asādhum sādhunā jine
Jine kadariyaṃ dānena
Saccena alikavādinam”.**

**“Tìr bi thắng sân hận.
Hiền thiện thắng hung tàn.
Bồ thí thắng xan tham.
Chân thật thắng hư ngụy”.**

Pháp Cú này, Đức Bôn Sur đã thuyết ra khi Ngài trú tại Veluvana, khi thọ thực tại nhà của nàng Uttarā, đề cập đến nàng.

Câu chuyện này tuần tự diễn tiến như sau:

Tương truyền rằng: Trong thành Rājagaha, có một người nghèo khổ tên là Punṇa, làm thuê cho Trưởng giả Sumana mà sống qua ngày. Vợ và con của anh đều có tên là Uttarā, đều làm công trong nhà Trưởng giả. Một ngày nọ, trong thành Rājagaha có tin loan truyền rằng:

- Trong bảy ngày liền, mọi người được nghỉ lễ và ăn chơi.

Nghे tin này, sáng hôm sau, Trưởng giả Sumana thấy Punṇa đi đến bèn hỏi anh rằng:

- Này Punṇa! Những công nhân của ta đều nghỉ lễ để vui chơi, còn người thì thế nào?

- Thưa chủ! Việc nghỉ lễ để vui chơi là việc của những người giàu có. Còn trong nhà tôi, ngày mai này không có gạo để nấu cháo, thì tôi nghỉ lễ làm chi. Tôi sẽ bắt bò đi cày.

- Ở phải! Ngươi hãy bắt bò khỏe và lấy cái cày.

Punṇa đi về nhà bảo vợ: “Này em! Dân thành sẽ vui chơi trong bảy ngày lễ hội, còn mình thì nghèo quá phải đi làm thuê. Vậy hôm nay, em hãy lấy gạo nhiều gấp đôi, nấu cơm rồi mang ra đồng cho anh nhé”.

Dặn vợ xong, anh mang bò ra ruộng cày.

Lúc bấy giờ, sau bảy ngày nhập Đại Định, Trưởng lão Sāriputta vừa xuất định trong ngày ấy, Ngài phán xét rằng: “Hôm nay ta sẽ tế độ ai đây?”. Hình ảnh Punṇa lọt vào võng trí của Ngài.

“Anh ta có đức tin và cúng dường đến ta chăng?”. Được biết rằng có và nhờ đó Punṇa sẽ có quả báo lớn.

Khi quán xét xong rồi, Đại Đức đáp y mang bát đi đến chỗ Punṇa đang cày ruộng, Ngài đứng trên bờ ruộng nhìn về phía lùm cây.

Punṇa trông thấy Đại Đức, phát tâm tịnh tín, bỏ cày xuống đánh lễ Đại Đức với cách ngũ thể đầu địa và nghĩ rằng: “Chắc Ngài cần dùng cây đánh răng”. Y liền làm

cây đánh răng đúng theo Pháp rồi dâng lên Đại Đức. Khi ấy, Đại Đức trao Bát và đồ lọc nước cho y. Punṇa suy nghĩ: “*Chắc Ngài cần dùng nước*”. Anh đi lấy nước, lọc nước xong cúng dâng đến Đại Đức. Đại Đức suy nghĩ:

- Punṇa này ở nhà cuối xóm, nếu ta đến nhà anh, vợ anh không thể gặp được ta. Chi bằng ta hãy nán chờ nơi này giây lát.

Ngài dùng trí quán xét, khi biết vợ Punṇa đang trên đường mang cơm đến cho chồng, Ngài bèn đi thẳng vào thành Rājagaha.

Nàng Uttarā gặp Đại Đức giữa đường, tự nghĩ rằng:

- Đôi khi ta có vật để bát mà không gặp Ngài, đôi khi mình gặp Ngài mà chẳng có chi để bát. Hôm nay vừa được gặp Ngài vừa có vật đặt bát, không biết Ngài có tế độ mình hay chăng?

Đặt mâm cơm xuống, Vợ Punṇa đánh lễ Đại Đức xong, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài từ bi tế độ cho kẻ tội đời của Ngài, đừng lưu ý vật thực này ngon hay dở.

Đại Đức đưa bát ra, nàng Uttarā một tay bung com, một tay sót com và bát. Khi được nửa phần com, Đại Đức bảo:

- Thôi vừa rồi.

Ngài lấy tay che miệng bát lại.

Thí chủ van lơn rằng: “Bạch Ngài! Một bữa ăn không thể chia làm hai phần được. Ngài khỏi tế độ kẻ tội đời này trong đời này, nhưng xin Ngài hãy tế độ trong đời vị lai. Con muốn dâng tất cả com này cho Ngài không còn để dư sót lại.

Nói rồi, thí chủ sót bát trộn vụn cho Ngài và phát nguyện rằng:

“*Mong sao con đạt được Pháp mà Ngài đã giác ngộ*”. Đại Đức phúc chúc rằng: “*Mong cho người được như vậy*”. Đại Đức tụng lên bài kệ hoan hỷ phước, rồi Đại Đức đi đến một nơi mát mẻ, có nước uống, nước rửa tay chân, Ngài ngồi xuống độ com.

Vợ Punṇa quay về nhà nấu phần com khác cho chồng. Punṇa cày được độ nữa mẩu ruộng, y đói bụng quá, bèn mở bờ ra thả đi ăn, rồi vào ngồi trong một bóng mát của một cây to, nhìn ra lộ.

Vợ Punṇa mang cơm ra cho chồng, nhìn thấy Punṇa đang ngồi trong một bóng mát, hướng nhìn ra lộ, tự nghĩ rằng: “Anh ấy đang đói bụng và đang ngồi chờ mình. Nếu anh ấy trách mắng mình: “Sao lâu quá vậy?” và dùng roi đánh mình thì sẽ làm mất lợi ích. Vậy ta hãy lên tiếng trước”. Nàng nói với chồng rằng:

- Anh ơi! Hôm nay anh nên phát tâm trong sạch đừng phá tan phần phước mà em đã tạo. Hồi sáng, khi mang cơm ra ruộng cho anh, dọc đường gặp Trưởng Lão Sāriputta, em đã cúng dường phần com ấy đến Ngài, rồi trở về nấu lại phần com cho anh. Mong anh hãy phát tâm trong sạch đi.

Punṇa hỏi lại: “*Em vừa nói cái chi thế?*”. Khi nghe vợ lặp lại, anh hoan hỷ nói rằng: “*Này em! Việc mình đã làm là cúng dường đến Đại Đức phần com ấy là phải*

lắm. Chính anh cũng đã cúng dường Ngài cây đánh răng cùng nước súc miệng, rửa mặt sáng hôm nay”.

Vội tâm trong sạch thỏa thích khi nghe vợ nói, Punṇa dùng cơm xong, thân mệt mỏi, Punṇa nằm xuống gác đầu lên đùi vợ mà ngủ.

Khi ấy, thừa ruộng mà Punṇa vừa cày được từ ban sáng, tất cả đất nát đều trở thành vàng sáng rực như một đồng hoa Kanikāra.

Khi thức dậy, nhìn thấy cảnh tượng ấy, Punṇa bảo vợ rằng:

- Này em! Thừa ruộng hình như hóa thành vàng cả, có lẽ vì anh hoa mắt do đói bụng mà thấy như vậy phải chăng?

- Anh à! Chính em cũng thấy như anh vậy.

Punṇa đứng dậy, đi đến thừa ruộng, cầm lấy cục đất đập vào cán cày, biết đất thành vàng, thì kêu lên: *“May thật, việc đặt bát cúng dường đến Ngài Pháp Chủ đã trở quả ngay hôm nay. Nhưng bấy nhiêu vàng đây, ta không thể cất hưởng trọn vẹn được.*

Punṇa lấy vàng đựng vào mâm cơm mà vợ anh mang cơm ra cho anh, đi thẳng vào Hoàng cung, chờ được lệnh Vua, anh vào yết kiến Đức vua. Đức vua phán hỏi: *“Cái chi đây? Khanh?”.*

- Tâu Bệ hạ! Hôm nay đất mà thân vừa cày lên bỗng hóa thành vàng, xin Bệ hạ hãy cho chở về Hoàng Cung đi.

- Khanh là ai?

- Dạ! Thần là Punṇa.

- Hôm nay khanh đã làm gì?

- Sáng hôm nay con có cúng dường cây chà răng cùng nước đến Đức Pháp Chủ Sāriputta và vợ con thì cúng dường cơm là phần của con đến Ngài.

Nghe vậy, Đức vua tán thán rằng: *Vậy thì, việc cúng dường của khanh đến Đức Sāriputta đã trở quả rồi đó. Này khanh! Giờ đây Trẫm phải làm gì bây giờ?”.*

- Xin Bệ hạ cho người mang mấy ngàn cỗ xe bò đến ruộng mà chở vàng về.

Đức vua cho người đánh xe bò mang vàng về. Trong khi chất vàng lên xe, các viên chức Triều đình bảo nhau rằng: *“Đây là vàng của Đức vua”.* Tự nhiên các thỏi vàng biến thành đất hết. Mọi người lạ lùng, trở về báo lại cho Đức vua biết, Đức vua phán hỏi rằng:

- Thế các khanh đã nói những gì?

- Tâu Bệ hạ! Chúng thần chỉ nói là *“Đây là vàng của Đức vua”.*

- Này chư khanh! Đó không phải là tài sản của Trẫm, mà là của Punṇa. Hãy đi, khi cầm lên nói rằng *“Đây là tài sản của Punṇa”.*

Các quan làm theo lời của Đức vua, tự nhiên những cục đất họ cầm trên tay đều hóa thành vàng. Họ chở tất cả vàng về đổ thành một đồng giữa sân rộng, cao đến 80 hắc tay. Đức vua cho triệu tập thị dân vào Hoàng cung và phán hỏi rằng:

- Trong thành này, có ai là người có được tài sản như vậy chăng?

- Tâu Bệ hạ! Chẳng có ai cả.

- Vậy nên ban thưởng cái chi cho người có được tài sản như vậy?

- Tâu Bệ hạ! Nên ban thưởng danh vị Trưởng giả cho người ấy.

- Vậy thì Trẫm phong cho Punṇa tước vị Trưởng Giả Bahudhana (Đa Kim).

Rồi Đức vua ân tứ cho Punṇa nhiều phẩm vật với chiếc lọng Trưởng giả. Punṇa tâu với Đức vua rằng:

- Tâu Bệ hạ! Bấy lâu thần ở nương vào gia tộc của Trưởng giả Sumana. Xin Bệ hạ hãy ban nơi ngụ cho Thần đi.

Đức vua chỉ tay về hướng Nam của ngôi nhà Trưởng giả Sumana, ở khoảng đất trống, nói về Punṇa rằng:

- Khanh hãy nhìn theo đây. Về phía tay mặt, khanh thấy có lùm cây rậm rạp. Hãy dọn sạch nơi đó và cất nhà ở đi.

Chỉ vài ngày sau, Punṇa đã cho cất xong ngôi nhà tại chỗ Đức vua ban cho. Nhân dịp khánh thành ngôi biệt dinh cùng với lễ thọ phong danh vị Trưởng giả được cử hành cùng một ngày, Trưởng giả Punṇa cho thỉnh chư Tăng Tỳ khưu có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến dự, cúng dường vật thực đến Đức Phật và chư Tăng.

Khi thọ thực xong, Đức Thế Tôn tùy hỷ bằng thời pháp thoại Tuần Tụ Pháp (Anupubbe katham). Đứt thời pháp, Trưởng giả Punṇa cùng vợ và con gái là nàng Uttarā, cả ba người chứng đạt Thánh Quả Tu Đà Hườn.

Thời gian sau, Trưởng giả Sumana định cưới Tiểu Thư Uttarā cho con trai mình, nhưng Punṇa từ chối rằng:

- Tôi không gả con đâu.

Ông Trưởng giả thành Rājagaha năn nỉ rằng:

- Xin ông đừng làm vậy, bấy lâu nay Ngài vẫn ở chung với chúng tôi, nay được phú quý vinh hoa rồi! Xin hãy gả cho con trai tôi đi.

- Ông là người tà kiến. Con gái tôi không thể sống xa Tam Bảo được. Không bao giờ tôi gả con cho con ông được đâu.

Khi ấy, nhiều công tử, Trưởng giả... xúm nhau thuyết phục Punṇa:

- Xin Ngài đừng đoạn tình hữu nghị như vậy, hãy gả con gái cho con trai ông ấy đi.

Sau cùng, Trưởng giả Punṇa chấp thuận lời yêu cầu, chọn ngày rằm tháng Āsakha (tháng 6 âm lịch) để gả con.

Từ ngày Uttarā về nhà chồng, cô không còn được dịp thân cận chư Tăng hoặc Ni, không được cúng dường, đặt bát đến chư Tăng hoặc được nghe Pháp từ các Ngài.

Trải qua hai tháng rười như thế, cô hỏi những nữ tỳ rằng:

- Bây giờ, còn bao nhiêu ngày nữa là ngày ra hạ?

- Thưa cô! Còn nữa tháng nữa.

Nghe vậy, Uttarā liền gửi thư cho cha, nói rằng:

- Tại sao vớt con vào một nhà tà kiến như vậy? Thà bắt con làm nữ tỳ của kẻ khác, còn hơn là gả con về một gia đình tà kiến như vậy. Kể từ ngày con về làm dâu đến nay, con không hề gặp được một vị Tỳ khuru nào cả, hoặc là được cúng dường một lần nào cả.

Khi nhận được thư con gái như thế, Punṇa xót thương nàng Uttarā, than rằng:

“Khổ thân con gái ta thật”.

Trưởng giả Punṇa cho con gái mình 15.000 đồng vàng Kahāpana với phong thư có lời dạy rằng: *“Trong thành này có nàng kỹ nữ tên là Sirimā, nhận tiếp khách với giá một ngàn đồng vàng mỗi đêm. Với số tiền này, con hãy rước nàng về hầu hạ chồng con nữa tháng, để con được rảnh rang làm phước thiện”.*

Nàng Uttarā liền cho rước nàng Sirimā đến nhà, bảo với nàng:

- Này cô! Cô hãy nhận số tiền này và cố gắng tiếp đãi bạn của tôi trong thời gian nữa tháng đi.

- Được thôi.

Nàng Uttarā đưa kỹ nữ Sirimā đến gặp chồng mình. Chồng nàng thấy nàng Sirimā xinh đẹp liền hỏi rằng: *“Có chuyện gì thế?”*.

- Thưa anh! Trong nữa tháng này, anh hãy để bạn em hầu hạ anh, còn em muốn được đi nghe Pháp và cúng dường đến Bạc Đạo Sư và Tăng chúng.

Chồng nàng say đắm nhan sắc của Sirimā, nên nhận lời ngay.

Nàng Uttarā liền cung thỉnh Tỳ khuru Tăng có Đức Phật là vị Thượng Thủ, bạch rằng:

- Bạch Ngài! Trong nữa tháng này, xin thỉnh Ngài thọ bát tại nhà của con, đừng ngự đến nơi nào khác.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, nàng Uttarā hoan hỷ nghĩ rằng:

- Từ đây cho đến ngày Lễ Tự Tứ (Pavāranā), ta may mắn nghe được phục vụ Đức Thế Tôn cùng Chư Tăng và được nghe Pháp thoại từ các Ngài.

Nàng Uttarā thường đến nhà bếp dọn dờ, chỉ bảo các nữ tỳ rằng:

“Hãy nấu cháo như vậy, hãy nướng bánh như vậy...”

Bây giờ, còn ngày mai nữa là đến ngày Lễ Tự Tứ, chồng nàng chợt nhớ đến nàng Uttarā, nghĩ thầm rằng:

“Chẳng biết nàng Uttarā đang làm gì nhỉ?”. Chàng ngó xuống nhà bếp, thấy nàng Uttarā đang tát bột, sửa soạn lễ Trai Tăng để cúng dường đến Đức Phật và chư Tăng vào ngày mai, mình nàng đầm ướt mồ hôi, đầu cô thì lấm lem tro bụi, chàng nghĩ rằng: *“Cô này thật là lảng trí, ở nơi như vậy mà không biết hưởng thụ, lại thỏa thích làm việc hầu hạ mấy ông Sa môn”*. Nghĩ vậy, chàng tức cười rồi bỏ đi nơi khác. Thấy vậy, nàng Sirimā hiếu kỳ, đi đến nơi vừa đứng của công tử, nhìn xuống thấy

nàng Uttarā, nàng Sirimā suy nghĩ: *“Chàng ta cười vì thấy được vợ mình là nàng Uttarā, hẳn hai người có tình ý chi đây”*. (Người ta nói rằng: Trong thời gian nửa tháng ấy, trong nhà với vai trò Tiểu thiếp nhưng nàng Sirimā đã quên hẳn đi, cứ ngỡ rằng mình bà chủ nhân của ngôi nhà).

Nàng Sirimā liền cọt oan trái với nàng Uttarā rằng:

- Ta sẽ làm cho nó khổ sở mới được.

Từ nhà trên, nàng đi xuống bếp đến nơi chiên bánh, nàng múc một muống bơ sôi, đi thẳng đến nàng Uttarā. Thấy nàng Sirimā đi đến, nàng Uttarā suy nghĩ rằng: *“Bạn ta đã giúp ta thật hữu ích! Côi Sa bà vẫn còn chật hẹp. Côi Phạm Thiên vẫn còn thấp kém so với ân đức của bạn ta đã giúp ta. Nhờ có cô mà ta được tạo phước cúng dường chư Tăng và nghe Pháp. Nếu như ta có tâm sân hận với nàng thì bơ này sẽ làm hại ta, bằng không thì xin cho ta không bị khổ sở do bơ này”*. Rồi nàng rải từ tâm đến nàng Sirimā. Tuy bị Sirimā tạt bơ sôi lên đầu, nhưng bơ ấy khi chạm vào nàng thì trở nên nguội lạnh. *“Có lẽ bơ này bị nguội”*, nghĩ vậy, Sirimā lại múc một muống bơ khác tạt vào người Uttarā. Các nữ tỳ trông thấy la lên rằng: *“Hãy rút đi, đồ ác độc. Người đã tạt bơ nóng lên người chủ chúng ta thật không phải lẽ”*. Vừa la hét, vừa xúm nhau lại, các nữ tỳ dùng tay chân đánh đá vào người nàng Sirimā, nàng ta ngã xuống đất, quá bất ngờ, nàng Uttarā không ngăn cản kịp, bèn ngã nằm trên người của Sirimā che cho nàng và đẩy lui bọn nữ tỳ ra. Và nàng khuyên giải rằng: *“Sao bạn lại tạo ác nghiệp nặng như thế?”*.

Nàng Uttarā còn pha nước ấm tắm cho nàng Sirimā, dùng dầu được tinh chế hằng trăm lần xức vào những nơi bầm của nàng Sirimā.

Khi ấy, nàng Sirimā mới ý thức được địa vị của mình nơi nhà ấy, tự nghĩ rằng: *“Ta đã gây tội ác nặng nề, khi ta tạt bơ nóng vào người nàng, khi chồng nàng cười với nàng. Thay vì oán hận ta, bảo bọn nữ tỳ bắt bớ ta, nàng lại dùng thân che chở ta, quát lui nhóm nữ tỳ khi họ đang áp đảo ta, nàng còn pha nước tắm cho ta, thoa xức dầu. Nếu ta không sám hối tội lỗi với nàng, chắc đầu ta sẽ vỡ thành bảy mảnh”*.

Nàng liền mọp dưới chân của Uttarā, nói rằng:

- Xin cô từ bi xá lỗi cho tôi đi.

- Tôi là con có cha, nếu cha tôi tha thứ cho cô thì tôi sẽ tha thứ cho cô.

- Thưa vâng! Xin cô tha lỗi cho tôi đi, rồi tôi sẽ tìm đến Trưởng giả Punṇa xin sám hối nữa.

- Này cô! Trưởng giả Punṇa chỉ là cha của tôi trong vòng sinh tử, người cha mà tôi muốn nói là người đã vượt ngoài sinh tử.

- Ai là cha cô? Là người vượt khỏi sanh tử.

- Chính là Đức Chánh Biến Tri.

- Tôi chưa từng được diện kiến với Ngài, tôi phải làm sao đây.

- Ta sẽ đưa nàng đến yết kiến Ngài. Ngày mai Đức Thế Tôn sẽ cùng 500 Tỷ khuru Tăng đến đây. Hãy mang lễ vật tùy theo sức mình đến cúng dường và sám hối cùng với Ngài đi.

- Lành thay! Thưa cô chủ.

Nàng Sirimā đứng dậy, trở về nhà của mình, ra lệnh cho 500 nữ tỳ của nàng phải sẵn sàng chuẩn bị đủ thứ vật thực để cúng dường. Nàng Sirimā đi đến nhà nàng Uttarā nhưng nàng không dám đặt bát cúng dường vật thực đến Đức Phật và chư Tăng. Nàng Uttarā thu nhận tất cả những lễ vật, rồi nàng cúng dường đến Đức Phật và Tăng chúng thế cho nàng Sirimā.

Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong, nàng Sirimā cùng 500 nữ tỳ phủ phục dưới chân Ngài xin sám hối tội lỗi, Ngài phán hỏi:

- Con đã phạm lỗi chi?

Bạch Ngài! Hôm qua con đã làm như thế này, thế này. Nhưng nàng Uttarā đã ngăn cản nữ tỳ đang áp đảo và hành hạ con, nàng lại còn giúp đỡ cho con nữa. Khi con hối lỗi, xin sám hối với nàng, thì nàng bảo nếu Ngài tha thứ cho con thì nàng mới tha thứ.

- Này Uttarā! Con có nói như thế chẳng?

- Bạch Ngài có! Hôm qua bạn con đã tạt bơ nóng vào đầu của con.

- Lúc ấy, tâm của con như thế nào?

- Bạch Ngài! Con rải tâm từ đến nàng Sirimā, tự nghĩ rằng: “*Cõi ta bà này còn hẹp, cõi Phạm Thiên còn thấy kém so với ân đức của bạn ta. Nhờ nàng Sirimā, ta được dịp cúng dường và nghe pháp từ nơi Đức Thế Tôn và Tăng chúng trọn nửa tháng nay. Nếu như ta có tâm sân hận với nàng thì bơ này sẽ làm hại ta, còn như tâm ta không có sân hận với nàng thì bơ sôi này không làm phỏng mình ta được*”.

- Lành thay! Lành thay. Này Uttarā, cần phải thắng phục sự phẫn nộ như vậy. Thật thế, nên thắng phục người nóng giận bằng sự vô sân, nên thắng phục kẻ mắng nhiếc, phỉ báng mình bằng sự từ hòa dịu ngọt. Nên thắng kẻ bòn xén rít rón bằng sự bố thí tài sản của mình. Nên thắng kẻ dối trá hư ngụy bằng sự chân thật.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Akkodhena jine kodham	“ <i>Từ bi thắng sân hận.</i>
Asādhūṃ sādhanā jine	<i>Hiền thiện thắng hung tàn.</i>
Jine kadariyaṃ dānena	<i>Bố thí thắng xan tham.</i>
Saccena alikavādinam”.	<i>Chân thật thắng hư ngụy”.</i>



CHÚ GIẢI:

Akkodhena: Gặp người đang nóng giận, con nên lấy tâm từ hòa mà thắng họ.

Asādhū: Gặp người không tốt, con lấy tâm hiền lành mà thắng phục họ. Bởi thế ta mới nói: “*Lấy từ thắng sân hận, ... lấy chơn thắng hư ngụy*”.

Cuối thời pháp, nàng Sirimā và 500 nữ tỳ chúng đạt Quả Dự Lưu.



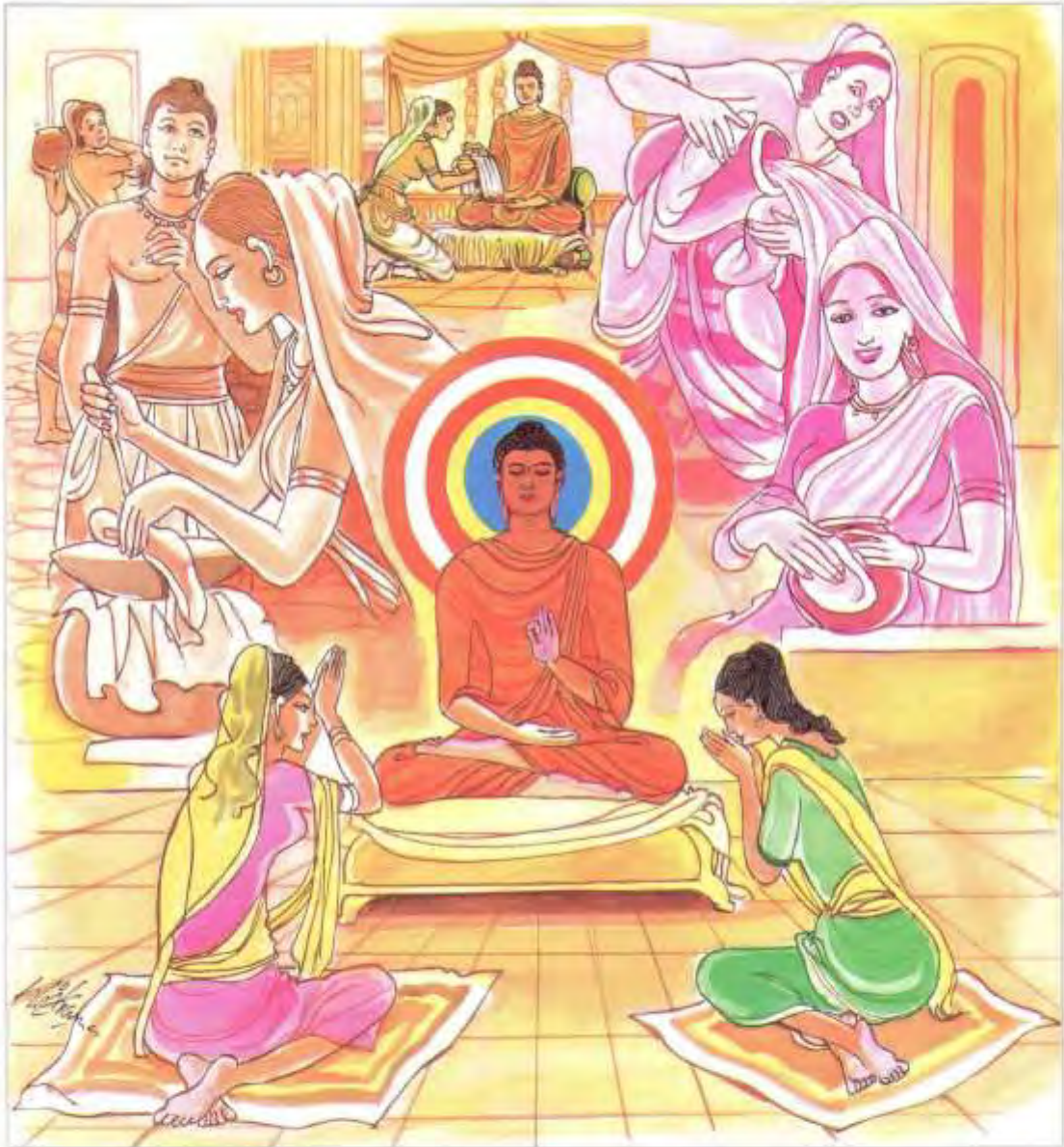
Dịch Giả Cẩn Đề

*Thân nghèo há nghĩ chuyện vui say
Ngày lễ, Punṇa vẫn ráng cày
Bụng đói, giờ trưa mong vợ đến
Đường xa, gói mồi, sợ chồng đay
Hai người áo rách duyên tròn đủ
Một đồng vàng y, quả trở đầy
Trưởng Giả Đa Kim nhờ Pháp Chủ
Càng tin tưởng, càng nhớ ơn thầy.*

*Dùng tâm mát mẻ thắng tâm sân
Bơ nóng vô mình, chẳng hại thân
Tiểu thiệp ganh chồng toan bỏ nghĩa
Chánh thể mến bạn, cứ hàm ân
Đức hạnh cảm hóa người ngu ác
Đạo cả dung thông kẻ độn đần
Gái điểm vào dòng thành Phật tử
Nhờ con Bá Hộ giúp tròn nhân.*

DÚT TÍCH TÍN NỮ UTTARĀ





223. Hãy lấy tình thương thắng hận thù, lấy thiện thắng ác, lấy bố thí thắng xan tham và lấy chân thật thắng dối trá.

XVII.4- MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO

(*Saccaṃ bhaṇe*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 224)

“Saccaṃ bhaṇe na kujjheyya,
Dajjā appampi, yācito.
Etehi tīhi thānehi,
Gacche devāna santike”.

“*Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới*”.

Kệ ngôn Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến câu hỏi của Trưởng Lão Moggallāna.

Một thưở nọ, Đại Đức đi du ngoạn trên cõi Trời, thấy một Thiên Nữ có nhiều oai lực đang đứng tại cửa đền.

Thiên nữ ấy đi đến đánh lễ Đại Đức, Đại Đức bèn hỏi rằng:

- Này Thiên Nữ! Sự vinh hiển của cô thật lớn thay. Chẳng hay cô đã làm việc chi mà được phước như vậy.

- Bạch Ngài, xin Ngài đừng hỏi tôi việc phước nhỏ nhen ấy.

(Người ta nói rằng: Vì thiên nữ hồ thẹn với phước báu nhỏ nhặt của nàng nên nói thế).

Tuy nhiên, Đại Đức cứ hỏi lại mãi. Sau cùng thiên nữ bèn đáp:

- Tôi chẳng bao giờ biết làm phước bố thí hoặc cúng dường lễ bái, cũng chẳng màng nghe Pháp chi cả. Tất cả việc tôi làm là chỉ giữ lời chân thật mà thôi.

Đại Đức lại lần lượt đi đến các tòa thiên cung khác và hỏi thăm các thiên nữ về thiện nghiệp của các nàng. Tuy giấu quanh như thiên nữ trước, nhưng cuối cùng các nàng cũng thừa rằng:

- Bạch Ngài! Tôi không có làm phước bố thí chi cả. Trong thời Đức Phật Kassapa, tôi là một nữ nô lệ. Chủ tôi là người hung hăng, bạo ngược. Ông ta luôn có ý nghĩ cầm roi đánh hoặc gây cầm tay đánh bẻ đầu người khác. Có lắm lúc tôi nổi giận, nhưng lại nghĩ rằng: “*Ông ta là chủ của mây, ông ta có quyền hỏi tội mây giữa đại chúng, hoặc xẻo mũi, xẻo tai mây, mây không được quyền giận chủ mây*”. Tôi đã tự nguyện khuyến cáo như thế và đã kèm chế được sự nóng giận. Do đó mà tôi được sự vinh hiển này.

Một thiên nữ khác bạch rằng:

- Bạch Ngài, thưở trước tôi là người giữ ruộng lúa, tôi có dăng một cây mía đến vị Tỳ khưu...

Cô khác thì: “*Tôi có dăng một trái Timbarasaka⁽¹⁾*”.

¹ Còn gọi là Tinduka, là cây Dinapuroa thường mọc ở miền nhiệt đới.

Cô khác nói: “*Tôi có dâng trái dưa chuột...*” Cô khác thì: “*Tôi có dâng một nắm trái Nimba*⁽¹⁾.”

Bằng những lời lẽ như vậy, mỗi thiên nữ cho biết sự cúng dường nhỏ mọn của mình. Tất cả đều kết luận rằng: Do lẽ đó, chúng tôi được sự vinh hiển này.

Khi nghe rõ các tiền nghiệp của chư thiên nữ ấy, Đại Đức từ cung trời trở về, đánh lễ Đức Thế Tôn và bạch hỏi rằng:

- Bạch Ngài! Có thể nào chỉ với lời chân thật, chỉ dập tắt sự nóng giận, chỉ cúng dường vật rất hèn mọn như trái Timbarūsaka... mà được hưởng sự vinh hiển của chư thiên chăng?

- Này Moggallāna! Tại sao người còn hỏi Như Lai? Vậy các thiên nữ há chẳng giải rõ cái lý này cho người nghe rồi hay sao?

- Vâng! Bạch Ngài, con tin tưởng rằng chỉ làm bấy nhiêu đó cũng có thể hưởng được phước lộc chư thiên.

- Này Moggallāna! Dầu chỉ nói lời chân thật, chỉ dứt bỏ sự sân hận, chỉ cúng dường chút ít. Người ấy cũng có thể thọ sanh lên thiên giới được như thế cả.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Saccam bhāṇe na kujjheyya,	“Nói thật, không phẫn nộ,
Dajjā appampi, yācito.	Của ít, thí người xin,
Etehi tīhi thānehi,	Nhờ ba việc lành này,
Gacche devāna santike”.	Người đến gần thiên giới”.



CHÚ GIẢI:

Saccam bhāṇe: Nói năng, thuyết giảng lẽ thật, trú vững trong sự chân thật.

Na kujjheyya: Đừng giận hờn người khác.

Yācito: Tiếng người ăn xin đây ám chỉ những người xuất gia, có giới đức. Những người tuy không mở miệng xin “*hãy cho chút ít*” nhưng đến tại nhà người cũng có nghĩa là đi xin. Gặp người đi xin có giới đức như vậy, dầu cho chút ít vật thí hãy cho theo sức của mình.

Etehi tīhi: Trong ba việc lành đó, bất cứ việc nào cũng đưa người lên thiên giới cả.

Cuối thời pháp, nhiều Tỳ khuru chứng Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.



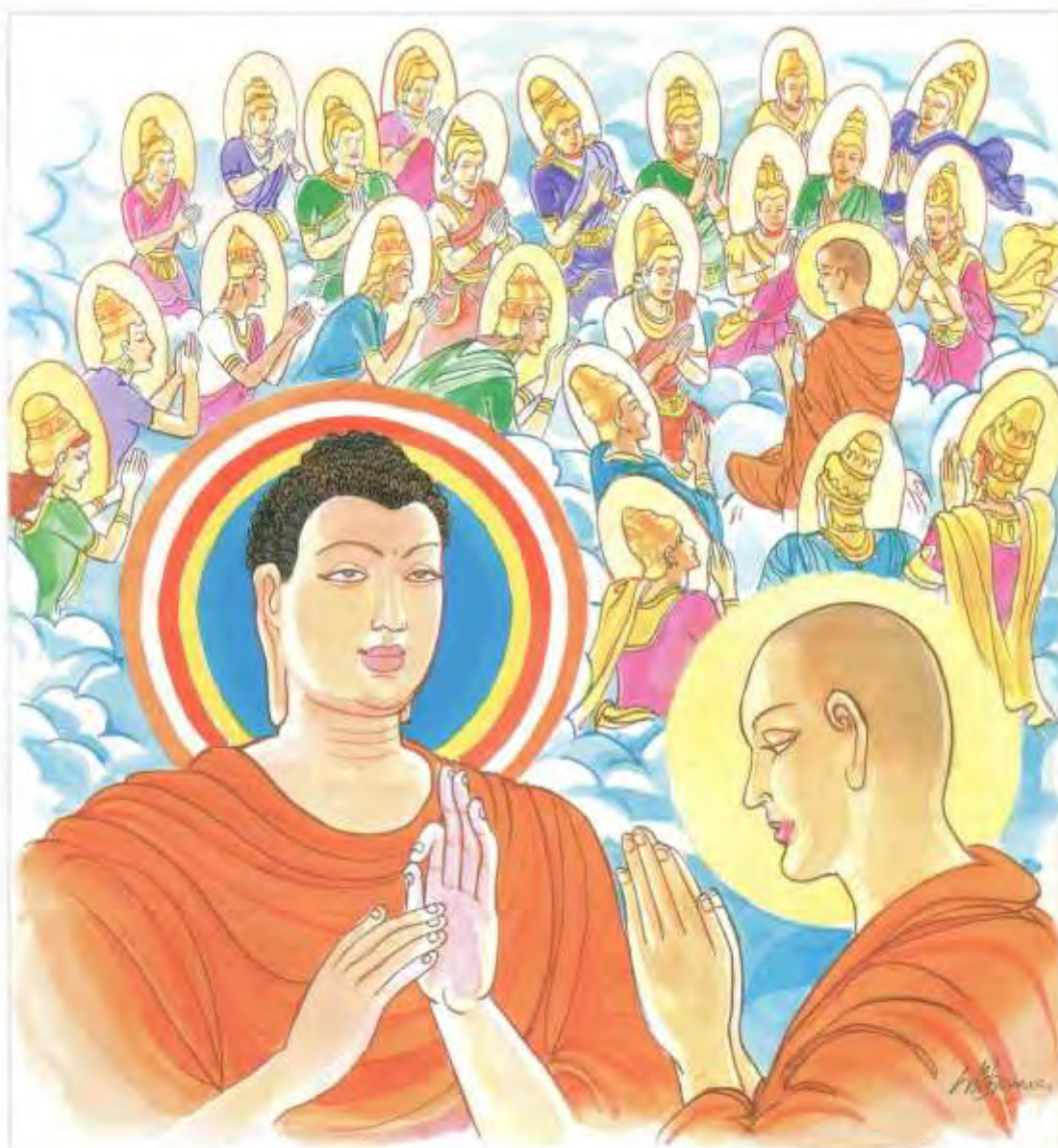
¹ Cây ở miền Bắc Ấn Độ, trái hột làm dầu thơm.

Dịch Giả Cẩn Đề

*Muốn biết làm sao được thiện duyên
Sanh lên hưởng phước lộc chư thiên
Hãy nghe Phật dạy ba điều thiện
Đúng với lòng tin Đức Mục Liên
Chân thật là nhân sắp đứng đầu
Kẻ là tất giận, chớ câu mâu
Sau cùng dưng cúng, tuy rằng ít
Đến bậc ăn xin chẳng vọng cầu.*

DỨT TÍCH MOGGALLĀNA VẤN ĐẠO





224. Hãy nói chân thật, không phần nộ. Khi được cầu xin, hãy bố thí dù có ít ỏi. Đây là con đường lên cõi Thiên.

XVII.5- CHƯ TĂNG VẤN ĐẠO

(*Ahimsakā yeti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 225)

“*Ahimsakā ye munayo,
Niccamaṃ kāyena saṃvutā.
Te yanti accutaṃ tñānaṃ,
Yattha gantvā na socare*”.

“*Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự
Đạt được cảnh bất tử,
Đến đây, không ưu sầu*”.

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên khi Ngài ngự tại Añjanavana, gần thành Sāketa, đề cập đến câu hỏi của vị Tỳ khưu.

Tương truyền rằng: Khi Đức Thế Tôn với đoàn Tăng lữ vào thành Sāketa khát thực, một lão Bà la môn từ trong thành đi ra, gặp Đức Thập Lực, liền nằm mọp xuống dưới chân Ngài, nắm chặt lấy hai cổ chân Ngài và nói rằng:

- Con ơi! Con há chẳng phải có phận sự phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già ư? Tại sao bấy lâu nay con không về thăm mẹ của con. Mãi đến giờ đây cha mới gặp mặt con. Con hãy trở về thăm mẹ của con.

Ông nắm lấy tay Đức Thế Tôn dắt về nhà mình. Đức Bôn Sur ngự đến đó, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn cùng với chư Tỳ khưu.

Bà vợ ông Bà la môn ấy cũng đi đến nằm trước chân Đức Thế Tôn và nói:

- Này con ơi! Bấy lâu nay con đi đâu? Con há chẳng phải có phận sự phụng dưỡng cha mẹ lúc tuổi già ư?

Rồi bà bảo các con trai, con gái hãy ra đánh lễ: “*hãy đánh lễ anh các con đi*”. Với tâm thỏa thích, hai ông bà cúng dường đến Tăng chúng có Đức Phật là vị Thượng thủ, rồi bạch rằng:

- Bạch Ngài! Xin thỉnh Ngài thường xuyên thọ bát tại nơi đây.

- Này Bà la môn! Chư Phật không bao giờ thường xuyên thọ bát ở một nơi như vậy.

“*Nếu vậy thì những ai đến thỉnh Ngài, xin Ngài hoan hỷ bảo họ đến với chúng tôi*”.

Kể từ đó, những người đến thỉnh Đức Thế Tôn, Ngài đều dặn dò: “*Hãy báo tin cho ông Bà la môn biết nhé*”. Họ đến báo ông rằng:

- Ngày mai chúng tôi sẽ thỉnh Đức Thế Tôn đến nhà trai tăng.

Hôm sau, ông Bà la môn mang com canh từ nhà mình đến nơi ngự của Đức Thế Tôn. Những ngày không có ai thỉnh thì Đức Thế Tôn ngự thọ thực tại nhà của ông bà Bà la môn ấy.

Hai ông bà cúng dường Đức Thế Tôn và nghe pháp từ Đấng Như Lai như thế, thời gian sau chứng đắc quả A Na Hàm.

Chư Tỳ khưu câu hội cùng nhau trong Giảng đường bàn luận:

- Này các hiền giả! Ông Bà la môn ấy biết Đức vua Suddhodana là cha và Hoàng hậu Māyā là mẹ Đức Như Lai. Đã biết thế, mà ông bà còn gọi Đức Như Lai là “*Con của chúng ta*”. Và Đức Thế Tôn lại chấp nhận như thế chứ? Tại sao vậy nhỉ.

Đức Thế Tôn nghe chư Tăng thắc mắc, bèn giải thích rằng:

- Này các Tỳ khưu! Hai ông bà gọi Như Lai là con trai của chúng ta, là hai ông bà đã kêu con của mình thật vậy.

Rồi Ngài dẫn tiền tích rằng: Này các Tỳ khưu! Vào thời quá khứ, Bà la môn này là cha ta liên tiếp 500 kiếp, làm dưỡng ta 500 kiếp liên tiếp, làm ông nội ta 500 kiếp liên tiếp. Còn bà Bà la môn đã 500 kiếp liên tiếp là mẹ ta, 500 kiếp làm cô ta, và 500 kiếp liên tiếp làm bà nội ta. Thế là ta được trưởng dưỡng trong tay ông bà Bà la môn một ngàn năm trăm kiếp như thế.

Sau khi giải rõ tiền tích, Đức Thế Tôn ngâm lên kệ ngôn.

Đức Thế Tôn an cư suốt ba tháng hạ, nhờ gia đình ấy hộ độ. Mãn mùa an cư, hai ông bà chúng đạt A La Hán Quả và viên tịch Vô Dư. Thiện tín làm ma chay cúng dường hai ông bà trọng thể, cho xe tang rước thi hài hai ông bà đem ra chỗ hỏa táng. Đức Thế Tôn cũng dắt 500 Tỳ khưu tùy tùng đi đến lò thiêu xác. Đại chúng nghe tin cha mẹ của Đức Phật đã Níp Bàn, rủ nhau ra khỏi thành, đi theo đưa đám xác. Đức Thế Tôn đứng trong một nhà mồ, gần nơi hỏa táng, nhiều người đến đánh lễ Ngài xong rồi, tỏ lời phân ưu cùng Ngài rằng:

- Bạch Ngài! Xin Ngài đừng buồn vì cha mẹ mình đã khuất bóng.

Thay vì phản đối họ rằng: “*Chớ nên nói như thế*”, Đức Thế Tôn quán xét duyên lành của hội chúng, rồi Ngài thuyết lên pháp thoại hợp cơ tánh căn duyên trong hoàn cảnh đặc biệt này.

Đức Thế Tôn thuyết lên Lão Kinh (Jarāsutta). Cuối thời Pháp có tám muôn ngàn chúng sanh chúng đắc Pháp Nhãn. Chư Tỳ khưu không biết ông bà Bà la môn đã viên tịch, nên bạch hỏi Phật:

- Bạch Ngài! Hai ông bà sẽ thọ sanh về nơi nào vậy?

- Này các Tỳ khưu! Những bậc Tịnh giả Vô Học như thế không còn cảnh giới tái sanh. Những bậc như thế chỉ có Vô Dư Níp Bàn, là Bất diệt (Accutam) là Bất Tử (Amatam).

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Ahimsakā ye munayo,
Niccama kāyena samvutā.
Te yanti accutam thānam,
Yattha gantvā na socare”.

“Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự
Đạt được cảnh bất tử,
Đến đây, không ưu sầu”.



CHÚ GIẢI:

Munayo: Chỉ bậc Tịnh giả Vô học đã đắc Đạo Quả nhờ lối tu hành hoàn hảo.

Kāyena: Lời kinh thì vắn tắt, nhưng theo Lý thì cả ba là thân, khẩu, ý đều phải thu thúc.

Accutam: Bất hoại, thường tồn (massatam)

Thānaṃ: Chỗ vững bền, không xao động, chỗ vĩnh cửu, trường tồn.

Yattha: Nơi đó, ám chỉ Níp Bàn là nơi không còn sầu bi, khóc lóc nữa.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khuru chứng Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

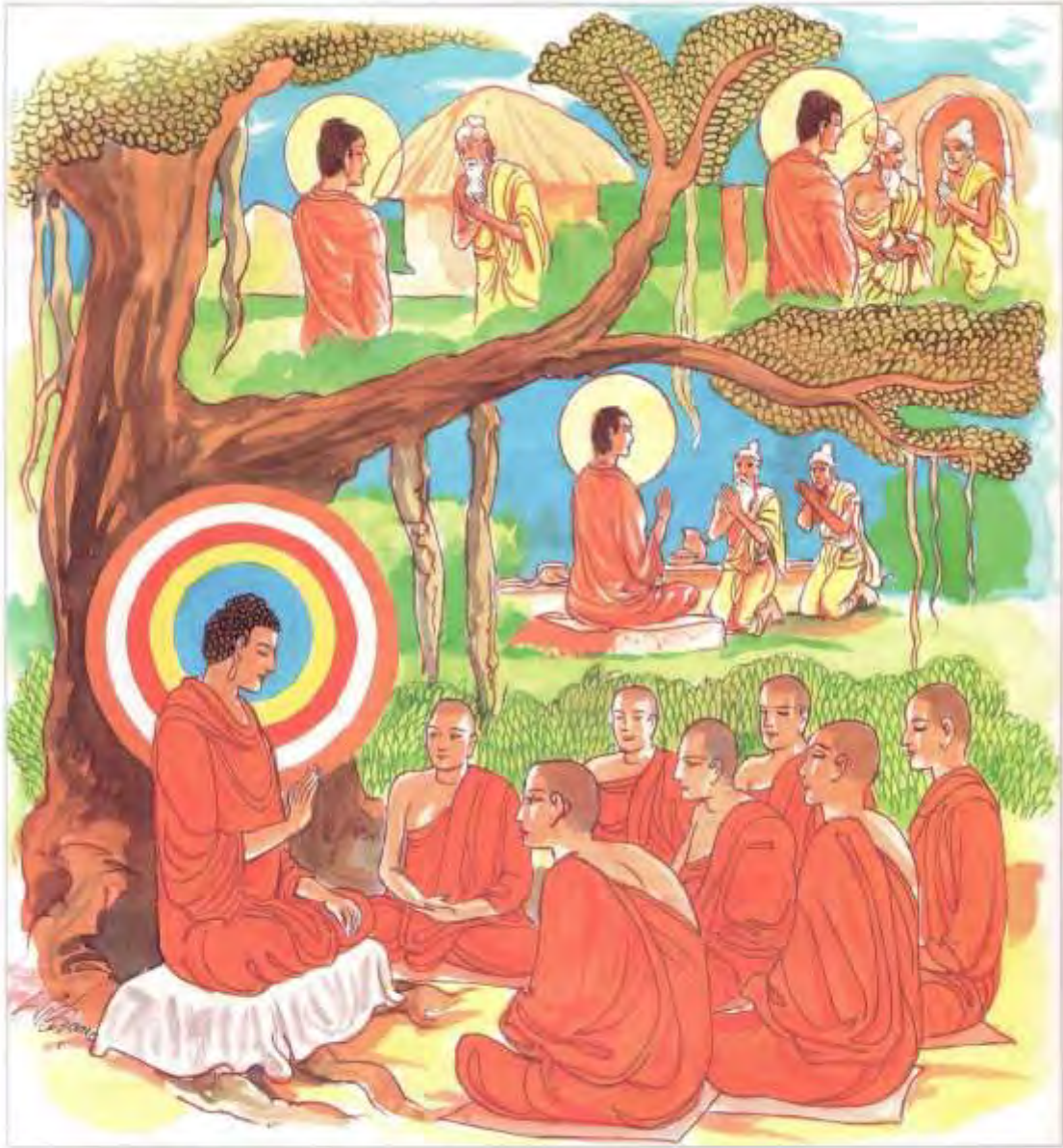


Dịch Giả Cẩn Đề

*Ba ngàn kiếp sống, rõ lâu xa
Áp ủ tình thâm mẹ với cha
Ai dễ nào quên con, cháu cũ
Dầu nay cách biệt, chẳng chung nhà
Phật không phủ nhận tiếng kêu con
Tình đã phai pha nghĩa vẫn còn
Độ mẹ cha già xưa khỏi khổ
Ba trăng, bốn Quả kịp vuông tròn.*

DỨT TÍCH CHỮ TẶNG VẤN ĐẠO





225. Thường xuyên chế ngự bản thân và không hại ai, các bậc trí đạt đến Niết bàn bất tử sâu.

XVII.6- NỮ TỖ PUNṆĀ

(*Puṇṇadāsivatthu*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 226)

“Sadā jāgaramānānaṃ,
Ahorattānusikkhinaṃ;
Nibbānaṃ adhimuttānaṃ,
Atthaṃ gacchanti āsavā”.

“*Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu*”.

Kệ ngôn này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại núi Gijjhakūta, đề cập đến cô Punṇā là nữ tỳ của Trưởng giả trong thành Rājagaha.

Tương truyền rằng: Một hôm chủ giao cho cô Punṇā đãi lúa rất nhiều. Giã lúa đến tối mịt, cô phải đốt đèn lên. Để nghỉ xả hơi, cô bước ra ngoài để hóng gió cho mát, mình mẩy cô đắm đĩa mò hôi.

Thời ấy, Ngài Dabba Mallaputta là người có phận sự sắp xếp chỗ ngự cho chư Tăng. Sau khi nghe dứt pháp thoại, Ngài nhập hỏa giới, triển khai thân thông ngón tay trở của Ngài sáng rực giống như ngọn đuốc cháy sáng, Ngài dẫn đường đưa chư Tăng về nơi chỗ ngụ. Nhờ có ánh sáng từ ngón tay trở của Ngài, cô Punṇā trông thấy chư Tăng đi trên núi. Cô tự nghĩ: “*Như ta đây, vì hoàn cảnh khổ ép ngặt, mãi đến giờ này chưa ngủ được. Còn mấy Ngài Đại Đức tại sao cũng chưa đi ngủ?*”. Rồi nàng kết luận rằng: “*Trên đó, chắc có vị Tỳ khưu nào bị bệnh hoặc bị tai hại vì rắn rít*”.

Với sự lầm tưởng như vậy, sáng hôm sau cô Punṇā lấy cám nhồi với nước trong lòng bàn tay, làm thành bánh cám nướng lên trên lửa than. Bánh chín, nàng định ăn bánh, nhưng vì còn mức nước nơi bến nước, nên nàng mang theo ra bến nước.

Đức Thế Tôn ngự vào thành khát thực, Ngài gặp nàng Punṇā đang đi ra, nhìn thấy Đức Như Lai, cô nghĩ thầm rằng: “*Trong mấy ngày khác khi gặp Ngài thì không có vật đặt bát, khi có vật đặt bát lại không gặp Ngài. Hôm nay ta có vật đặt bát lại vừa gặp Ngài, nếu Ngài đừng chê khen vật thực dở hay ngon, ta sẽ yêu cầu: Xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh, con xin dâng bánh này đến Ngài*”.

Để vò nước xuống một bên, nàng Punṇā đánh lễ Đức Bôn Su rồi bạch rằng:

“*Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thọ lãnh vật thí thô kệch này, rồi ban phước tế độ cho con*”.

Đức Thế Tôn đưa mắt nhìn Đại Đức Ānanda. Đại Đức liền rút cái bát mà Tứ Đại Thiên Vương đã dâng, trao đến Đức Thế Tôn. Ngài đưa bát ra thọ lãnh bánh.

Sau khi đặt bánh vào bát của Đức Thế Tôn, cô Punṇā đánh lễ Ngài với năm vóc gieo mình xuống đất, nguyện rằng: “*Bạch Ngài, mong sao con chứng đạt được Pháp mà Ngài đã chứng ngộ*”.

Đức Thế Tôn chúc rằng: “*Hãy được như vậy đi*”. Rồi Ngài phúc chúc đến nàng Punṇā. Khi ấy, nàng ấy nghĩ thầm rằng: “*Mặc dầu Đức Thế Tôn thọ bánh và ban phước cho ta, nhưng chắc Ngài sẽ không độ bánh đó đâu. Thế nào rồi, khi đến chỗ*”

vắng Ngài sẽ ném bỏ bánh ấy cho quạ hay cho chó ăn. Rồi Ngài ngự đến dinh quan Đại thân nào đó để được com ngon quý thượng vị”.

Với tâm thông Đức Thế Tôn quán xét biết rõ ý nghĩ của Punṇā, Ngài đưa mắt nhìn Đại Đức Ānanda, tỏ ý muốn ngồi. Đại Đức bèn xếp y lót làm tọa cụ dâng lên Ngài, Đức Bôn Sư ngồi ngay gần cổng thành mà thọ thực.

Chư thiên khắp cõi Sa bà ép lấy dưỡng tố (ojā) trời, giống như người ép mật ong, rồi trộn vào trong bánh cám cúng dường đến Đức Đạo Sư. Còn nàng Punṇā thì ngẩn ngơ đứng nhìn Đức Thế Tôn thọ thực. Khi Đức Thế Tôn thọ thực xong, Đại Đức Ānanda dâng nước đến Ngài, rồi Ngài gọi Punṇā đến hỏi rằng:

- Này Punṇā! Vì sao cô lại chỉ trích các Thỉnh Văn của Như Lai.

- Bạch Ngài! Con đâu dám chỉ trích các Ngài.

- Đêm qua cô đã nghĩ gì khi nhìn thấy Thỉnh Văn của Như Lai?

- Bạch Ngài! Con chỉ nghĩ rằng: “*Như ta vì hoàn cảnh ép buộc nên giờ này chưa thể đi ngủ được, còn chư Đại Đức vì sao chưa đi ngủ? Chắc có vị nào bị bệnh hay bị tai hại vì loài bò sát chằng?*”.

- Này Punṇā! Nàng vì hoàn cảnh không ngủ được, còn Thỉnh Văn của Như Lai sờ dĩ không ngủ được là vì phải tinh tấn giác tỉnh luôn luôn.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sadā jāgaramānānaṃ, Ahorattānusikkhinaṃ; Nibbānaṃ adhimuttānaṃ, Atthaṃ gacchanti āsavā”.	“ <i>Những người thường giác tỉnh, Ngày đêm siêng tu học, Chuyên tâm hướng Niết bàn, Mọi lậu hoặc được tiêu</i> ”.
--	--



CHÚ GIẢI:

Ahorattānusikkhinaṃ: Cả ngày lẫn đêm đều lo tu tập Giới, Định, Tuệ

Nibbānaṃ adhimuttānaṃ: Chú ý trọn vẹn vào đối tượng Níp Bàn.

Atthaṃ gacchanti: Nơi những người như vậy, tất cả các lậu hoặc đều hoại diệt, trở thành không.

Cuối thời pháp, nữ tỳ Punṇā chứng đắc Dự Lưu Quả ngay tại chỗ đang đứng. Kỳ dư hội chúng thính pháp đều được hưởng lợi ích.

Sau khi độ xong bữa ngọ với bánh cám nướng trên lửa hồng, Đức Thế Tôn trở về Tịnh Xá. Chư Tỳ khuru câu hội tại Giảng đường, bàn luận cùng nhau rằng:

- Này chư đạo hữu! Khó thay là việc làm của Đức Chánh Biến Tri đã làm, Ngài đã độ xong bữa ngọ với bánh cám nướng của nàng nữ Tỳ Punṇā cúng dâng.

Đức Bôn Sư ngự đến phán hỏi rằng: “*Này các Tỳ Khuru! Hôm nay các thầy đang luận bàn về vấn đề gì thế?*”.

- Bạch Ngài, chuyện này...

Nghe xong, Đức Thế Tôn dạy rằng: “*Này các Tỳ khuru, không phải chỉ hiện nay thôi. Xưa kia Ta cũng đã thọ thực bằng bánh cám của nàng này dâng cúng như thế rồi*”.

Nói đoạn, Ngài ngâm lên bài kệ dẫn chứng tích xưa rằng:

Đức Bổn Sư thuật lại chi tiết trong Bổn Sanh Kundaksindhavapotaka (Jātaka 234)



Dịch Giả Cẩn Đề

*Bàn thiền đêm vắng rọi đèn cao
Tặng chúng giờ khuya vẫn thức thao
Khiến gái Punnā lòng thắc mắc
“Có khi rắn cắn vị Sư nào?”
Người ta tinh tấn mãi hành thiền
Há dám chờ đêm để ngủ yên
Giác ngộ lý này, cô tớ gái
Tự nhiên đắc quả Nhập Lưu liền.
Xuống độ dân nghèo đủ thiện căn
Bánh thô, cám nướng Phật ưng ăn
Đời nay chiếu lại phim tuồng cũ
Nào có chi mà gọi khó khăn.*

DỨT TÍCH NỮ TỖ PUNNA





226. Luôn luôn tỉnh giác tu tập suốt ngày đêm, những vị tằm cầu Niết bàn được giải thoát mọi lậu hoặc.

XVII.7- THIỆN NAM ATULA

(*Porāṇāmatanti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 227-228-229-230)

227. “Porāṇametam atula,
Netam ajjatanāmiva;
Nindanti tuṇhimāsīnam,
Nindanti bahubhāṇinam;
Mitabhāṇimpi nindanti,
Natthi loke anindito”.

“A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê,
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời”.

(Tỳ khuru Pháp Minh)

228. Na cāhu na ca bhavissati
na cetaahi vijjati,
ekantaṃ nindito poso
ekantaṃ vā pasamsito.

Xưa, vị lai, và nay,
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Yañce viññū pasamsanti
anuvicca suve suve,
acchiddavuttiṃ medhāviṃ
paññāsīlasamāhitam.

Sáng sáng, thẩm xét kỹ,
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ giới định tuệ.

230. Nekkham jambonadasseva
ko tam ninditumarahati,
devā pi nam pasamsanti
brahmunā pi pasamsito.

Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

(HT Minh Châu)

Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến cận sự nam Atula.

Atula là một thiện nam cư ngụ trong thành Sāvattihī, đứng đầu một nhóm 500 thiện nam khác. Một hôm, ông ta dẫn đoàn tùy tùng của mình đi chùa nghe pháp. Muốn nghe Đại Đức Revata thuyết pháp, ông đến đánh lễ Đại Đức rồi ngồi xuống chờ đợi. Nhưng Đại Đức giữ hạnh độc cư, thỏa thích ở nơi thanh vắng một mình như sư tử chúa, bởi thế, Ngài chẳng thuyết chỉ đến thiện nam Atula cả.

Ông ta nổi giận đứng dậy nói: “Đại Đức này không có gì để thuyết cả”. Rồi ông ta đến với Đại Đức Sāriputta đứng nép qua một bên sau khi đã đánh lễ Ngài.

- Này cận sự nam! Ông đến đây với ý gì?

- Bạch Ngài! Con đưa những thiện nam này đi nghe Pháp và dẫn gặp Ngài Revata. Nhưng vị ấy chẳng có chi để thuyết cho con nghe cả, nên con giận bỏ đi đến gặp Ngài. Xin Ngài hãy thuyết pháp cho chúng con nghe.

- Nếu vậy, các người hãy ngồi xuống, lắng tâm nghe pháp.

Đại Đức liền thuyết về Vi Diệu Tạng. Atula suy nghĩ: “*A Tỳ Đàm luận rất là sâu xa, tế nhị, thế mà Đại Đức giải dài dòng, nào có ích lợi gì cho chúng ta đâu*”.

Tâm ông phát sân hận, liền dẫn đoàn tùy tùng đi tìm Đại Đức Ānanda. Đại Đức hỏi:

- Cái gì thế? Này ông thiện nam.

- Bạch Ngài! Chúng con tìm đến Đại Đức Revata nghe pháp, nhưng chẳng nghe được lời nào cả. Chúng con bỏ đi tìm đến Đại Đức Sāriputta, Đại Đức lại thuyết quá nhiều về Vi Diệu Tạng, pháp này rất vi tế sâu xa, có ích gì cho chúng con đâu. Nên chúng con bỏ Ngài Sāriputta đi đến đây. Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho chúng con nghe đi.

- Nếu vậy, các người hãy ngồi xuống nghe Pháp đi.

Đại Đức Ānanda thuyết lên thời Pháp ngán, nhưng giải thật rành mạch cho hội chúng dễ hiểu. Nhưng họ cũng không hài lòng, bỏ đi tìm đến Đức Đạo Sư, đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi nép một bên. Đức Thế Tôn phán hỏi:

- Này các cận sự! Vì sao các người đến đây?

- Bạch Ngài, chúng con muốn nghe Pháp.

- Nhưng các người đã được nghe Pháp rồi mà.

- Bạch Ngài! Ban đầu chúng con đến Ngài Revata, nhưng Đại Đức chẳng thuyết chi cả. Giận Đại Đức chúng con tìm đến Đại Đức Sāriputta, thì Đại Đức thuyết quá nhiều về Vi Diệu Tạng, chúng con nghe không thấu. Chúng con lại tìm đến Đại Đức Ānanda, nhưng Đại Đức lại thuyết cho chúng con nghe thời Pháp ngán ngủi, chúng con lại bất mãn rủ nhau đến đây.

- Này Atula! Từ xưa đến giờ con người vẫn có thói quen chê trách kẻ lạng thính, kẻ nói nhiều và kẻ ít nói như vậy rồi. Không một ai là khỏi bị chê trách hoặc là khỏi bị khen ngợi. Dầu là vua chúa đi nữa vẫn có người chê trách và vẫn có người khen tặng. Cho đến địa đại, mặt trăng, mặt trời, hư không hoặc ngay Đấng Chánh Biến Tri đang ngồi thuyết pháp giữa hội chúng, cũng có một số người chê và một số người khen. Sự chê và khen của kẻ ngu si thì không giới hạn. Nhưng các bậc hiền trí, hàng thức giả thì chê đáng gọi là chê, khen đáng gọi là khen.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

227. “*Porāṇametam atula,
Netam ajjatanāmiva;
Nindanti tuṇhimāsīnaṃ,
Nindanti bahubhāṇinaṃ;
Mitabhāṇimpi nindanti,
Natthi loke anindito*”.

*“A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê,
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời”.*

(Tỳ khuru Pháp Minh)

228. *Na cāhu na ca bhavissati
na cetaṛahi vijjati,*

*Xưa, vị lai, và nay,
Đâu có sự kiện này,*

ekantaṃ nindito poso
ekantaṃ vā paṣaṃsito.

229. Yañce viññū paṣaṃsanti
anuvicca suve suve,
acchiddavuttiṃ medhāvīṃ
paññāsīlasamāhitam.

230. Nekkhaṃ jambonadasseva
ko taṃ ninditumarahati,
devā pi naṃ paṣaṃsanti
brahmunā pi paṣaṃsito.

*Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.*

*Sáng sáng, thăm xét kỹ,
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ giới định tuệ.*

*Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.
(HT Minh Châu)*



CHÚ GIẢI:

Porāṇametam (Purānakam etam) chuyện ấy đã xưa, đã có từ xưa.

Atula: Tên gọi cận sự nam.

Netam ajjatanāmiva: Chuyện chê hay khen này không phải vừa mới sanh lên đâu. Quả vậy, người làm thính thì bị chê rằng: Ông đó cứ ngồi làm thính hoài, giống như câm, như điếc, như không biết chi hết vậy. Người nói nhiều cũng bị chê rằng: “Ông này sao cứ nói lòng vòng mãi, không có chỗ tận cùng, giống như gió thổi qua tàu lá thốt nốt vậy”. Người nói quá ít cũng bị chỉ trích rằng: “Ông này nói có một hai tiếng rồi làm thính, trông như lời nói của mình là vàng bạc vậy”. Như thế thì khắp nơi trên thế giới, không đâu không có người bị chê trách.

Na cāhu: Trong quá khứ không có, trong hiện tại cũng không có, trong tương lai cũng sẽ không có.

Yañce viññū: Việc chê hay khen của hạng người ngu xuẩn không giới hạn. Còn việc nào mà bậc hiền trí hằng quán xét biết rõ là việc chê hay khen, rồi mới chê hoặc khen. Đó là việc khen chê đúng đắn.

Acchiddavattim: Có đầy đủ sự nuôi mạng thanh tịnh và học giới không sút mẻ. Bậc trí quả (kedhavī) là bậc có đầy đủ trí tuệ và hương vị chánh pháp. Bậc hiền trí khen ngợi bậc đã thanh lọc, bậc không ô nhiễm, như đồng tiền vàng sáng chói. Ai dám chê bậc ấy?

Davāpi: Dầu là chư thiên hay nhân loại hiền trí đều tán dương bậc trí giả ấy.

Bhāṇimpi: Chẳng những nhân thiên mà thôi, luôn cả Đại Phạm Thiên trong 10 ngàn thế giới cũng khen ngợi vị ấy nữa.

Cuối thời pháp, 500 cận sự nam chứng đắc quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Nói nhiều, nói ít, hoặc làm thính
Đều bị cười chê, chẳng vị tình
Ví gặp nhà Vua hay Đức Phật
Nhưng ông ngã mạn vẫn xem khinh
Miệng thế gièm pha khó liệu lường
Tỳ khưu giới hạnh rắng tìm nương
Gặp ai cao kiến, nên cầu học
Hạnh sáng như vàng, Phật tán dương.
Dắt dẫn người nghe Pháp Nhiệm mầu
Sao lòng tự mãn cứ câu mâu
Năm trăm thính giả nhờ không giận
Qua Mặt “ĀGHĀ” chứng quả mầu.*

DÚT TÍCH THIỆN NAM ATULA





227. Rằng không nói gì đã bị chê trách, rằng nói cho nhiều cũng bị chê trách, rằng nói ít thôi vẫn bị chê trách.



228. Ở trên đời này khó mà có được ai đó không bị chê trách điều gì.



229. Sau khi xem xét ngày ngày, những người tri thức ngợi khen vị có hành vi không bị sứt mẻ, sáng suốt, được đầy đủ trí tuệ và giới hạnh.



230. (Vị ấy) tự như đồng tiền bằng vàng ròng, ai xứng đáng để chê vị ấy? Chính chư Thiên cũng khen ngợi vị ấy. Vị ấy còn được khen ngợi bởi Phạm Thiên.

XVII.8- NHÓM TỖ KHU'U LỤC SƯ

(*Kāyappakopanti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 231-232-233-234)

231. “Kāyappakopam rakkheyya, Kāyena saṃvuto siyā; Kāyaduccaritaṃ hitvā, Kāyena sucaritaṃ care”.	<i>“Giữ thân đừng phẫn nộ, Phòng thân khéo bảo vệ, Từ bỏ thân làm ác, Với thân làm hạnh lành”.</i>
232. Vacipakopam rakkheyya, Vācāya saṃvuto siyā, Vacīduccaritaṃ hitvā, Vācāya sucaritaṃ care.	<i>Giữ lời đừng phẫn nộ, Phòng lời khéo bảo vệ, Từ bỏ lời thô ác, Với lời, nói điều lành.</i>
233. Manopakopam rakkheyya, Vācāya saṃvuto siyā, Vacīduccaritaṃ hitvā, Vācāya sucaritaṃ care.	<i>Giữ ý đừng phẫn nộ, Phòng ý khéo bảo vệ, Từ bỏ ý nghĩ ác, Với ý, nghĩ hạnh lành.</i>
234. Kāyena saṃvutā dhīvā, Atho vācāya saṃvuta dhīrā, Manasā saṃvuta dhīrā, Te ve supariṣaṃvutā.	<i>Bậc trí bảo vệ thân, Bảo vệ luôn lời nói, Bảo vệ cả tâm tư, Ba nghiệp khéo bảo vệ.</i>

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến nhóm Lục Sư Tỳ khưu.

Một hôm, nhóm Lục Sư mang guốc, tay cầm gậy đi khua trên đường kinh hành. Đức Bôn Sư nghe tiếng guốc khua lộp cộp, Ngài hỏi Đại Đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Tiếng kêu chi thế?

- Bạch Ngài! Nhóm Lục Sư mang guốc gõ đi kinh hành, mới có tiếng khua lộp cộp vậy.

Nhân dịp này, Đức Thế Tôn chế định học giới, dạy rằng:

“Vị Tỳ Khuru cần giữ gìn thân, khẩu, ý của mình”.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

231. “Kāyappakopam rakkheyya, Kāyena saṃvuto siyā; Kāyaduccaritaṃ hitvā, Kāyena sucaritaṃ care”.	<i>“Giữ thân đừng phẫn nộ, Phòng thân khéo bảo vệ, Từ bỏ thân làm ác, Với thân làm hạnh lành”.</i>
232. Vacipakopam rakkheyya, Vācāya saṃvuto siyā, Vacīduccaritaṃ hitvā, Vācāya sucaritaṃ care.	<i>Giữ lời đừng phẫn nộ, Phòng lời khéo bảo vệ, Từ bỏ lời thô ác, Với lời, nói điều lành.</i>

233. Manopakopam rakkheya,
Vācāya saṃvuto siyā,
Vacīduccaritaṃ hitvā,
Vācāya sucaritaṃ care.

*Giữ ý đừng phần nộ,
Phòng ý khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.*

234. Kāyena saṃvutā dhīvā,
Atho vācāya saṃvuta dhīrā,
Manasā saṃvuta dhīrā,
Te ve supārisaṃvutā.

*Bậc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói,
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.*

CHÚ GIẢI:

Kāyappakopam: Hãy ráng giữ ba thân ác hạnh (sát sanh, trộm cắp, tà dâm).

Kāyena saṃvuto: Sau khi ngăn chặn lối vào ác hạnh trong thân môn, có được sự thu thúc, sự đóng chặt các môn rồi, là đã dứt bỏ thân ác hạnh, chỉ còn thân thiện hạnh. Con người làm được hai việc (cải ác, tòng thiện) một lúc. Bởi vậy mới nói: Xa lìa thân làm ác, dùng thân làm hạnh lành.

Trong những bài kệ tiếp theo về thân khẩu ý ta cũng nên hiểu theo ý như vậy.

Kāyena saṃvutā dhīrā: Bậc hiền trí không phạm giới sát, đạo, dâm, gọi là đã điều phục thân, không phạm giới vọng ngữ, lường thiệt, thô ngữ, hý ngữ gọi là đã điều phục khẩu không tham, sân, tà kiến gọi là đã điều phục ý. Các bậc ấy là những bậc khéo tự điều phục, khéo tự giữ gìn, khéo thu thúc, đóng chặt lục căn trong thế gian này vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đạt Thánh Quả.



Dịch Giả Căn Đê

Sáu Sư mang guốc, gậy cầm tay.

Đạp đá kinh hành, khiến Phật hay

Dạy chúng Tăng gìn thân, khẩu, ý

Ngài ban việc cầm chuyện thầy lay.

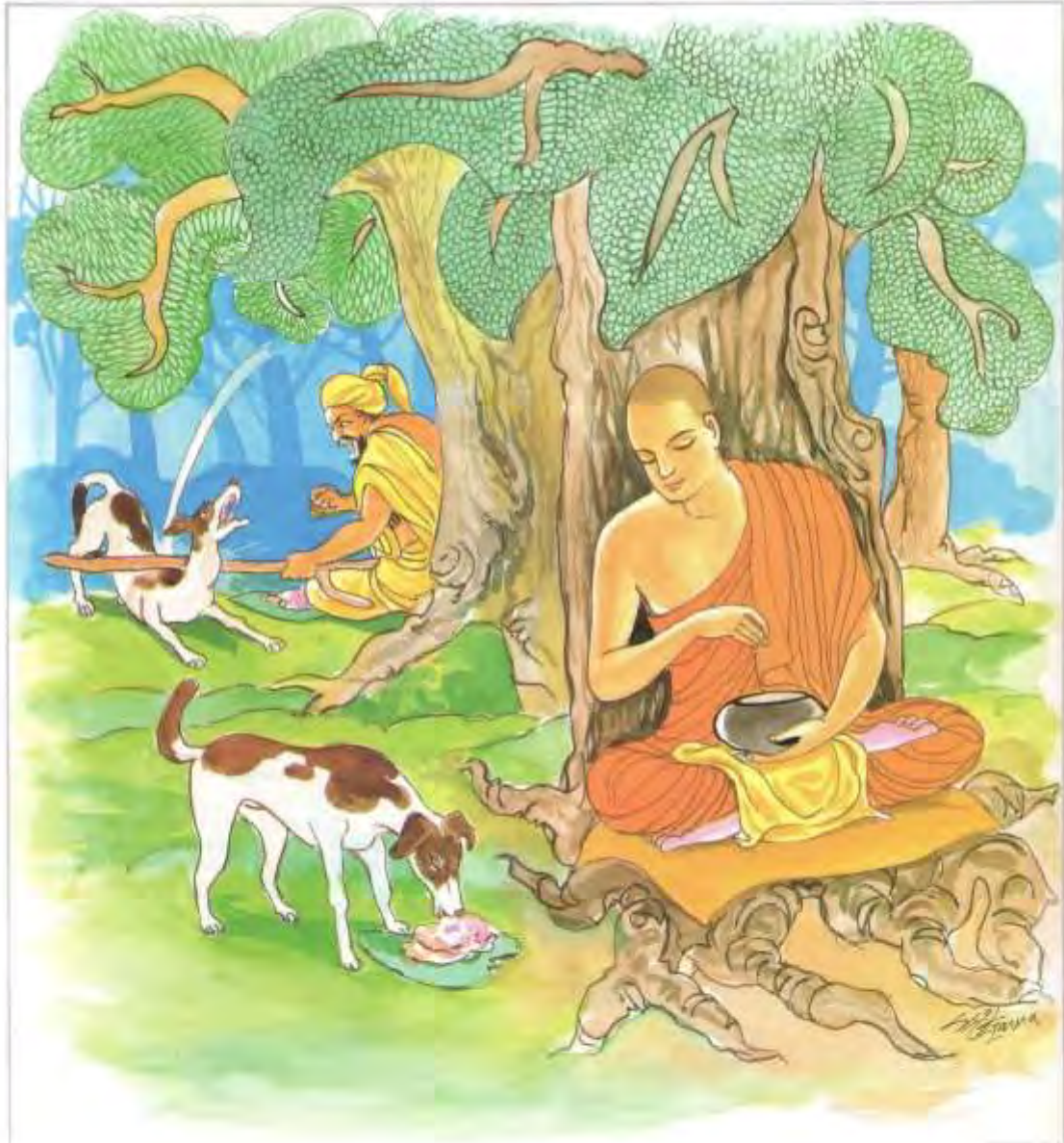
DỨT TÍCH NHÓM TỖ KHUÛ LỤC SỰ



DỨT TÍCH PHẦN NỘ - KODHA VAGGA

DỨT PHẦN 17

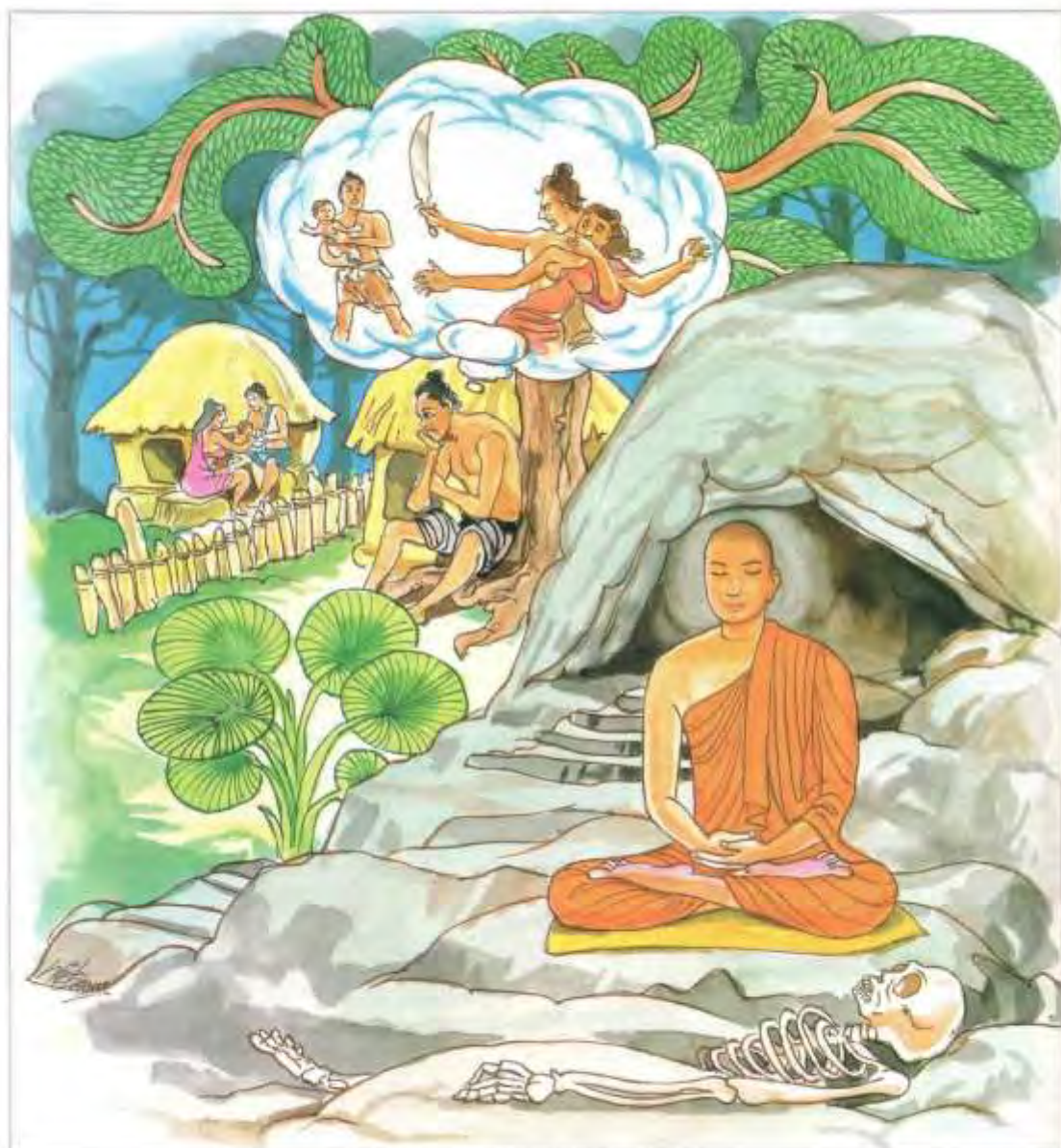




231. Hãy tránh xa ác hạnh về thân. Hãy sống đời thiện hạnh vẹn toàn.



**232. Hãy tránh xa ác hạnh về lời. Hãy sống đời chế ngự
toàn vẹn về ngôn ngữ.**



233. Hãy tránh xa ác hạnh về ý. Hãy sống đời chế ngự toàn vẹn về tâm ý.



234. Những ai chế ngự về ý tưởng, lời nói và hành động mới thực sự tu tập viên mãn.

XVIII. PHẨM CẦU UẾ
(MALA VAGGA)

18 bài kệ: Pháp Cú số 235-253

12 tích truyện



XVIII.1- CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ
(Goghātaraputta)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 235-236-237-238)

235. “Paṇḍupalāsova dānisi,
Yamapurisāpi ca te upaṭṭhitā.
Uyyogamukhe ca tiṭṭhasi,
Pātheyyampi ca te na vijjati”.

*“Ngươi nay giống lá héo,
Điêm sứ đang chờ ngươi,
Ngươi đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương”.*

236. “So karoḥi dīpamattano,
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;
Niddhantamalo anaṅgaṇo,
Dibbaṃ ariyabhūmiṃ upehisi”

*“Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa Chư Thiên”.*

237. “Upanītavayo ca dānisi,
Sampayātosī yamassa santike;
Vāso te natthi antarā,
Pātheyyampi ca te vijjati”.

*“Đời ngươi nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương”.*

238. “So karoḥi dīpamattano,
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;
Niddhantamalo anaṅgaṇo,
Na punaṃ jātijaraṃ upehisi”.

*“Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già”.*

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người con trai của ông hàng bò.

Tương truyền rằng: Ở thành Sāvattḥī có ông hàng bò, sau khi giết bò lấy thịt ngon đem cho người nấu nướng, rồi cùng vợ con ngồi ăn thịt ấy. Phần thịt còn dư ông mới bán lấy tiền. Trong suốt 15 năm hành nghề như thế, ông không hề có được một lần nào cúng dường một muống cháo hoặc một muống cơm đến Đức Bổn Sư đang ngự trong một ngôi chùa gần đó. Ông ta có một tật xấu là: Vắng thịt thì không dùng cơm được.

Một hôm, sau khi lấy phần thịt dành cho mình, giao cho vợ để nấu vật thực cho mình. Phần thịt còn lại ông bán hết cả, rồi ông đi tắm. Khi ấy có một người bạn đi đến báo với vợ ông ta rằng:

- Chị hãy bán cho tôi một chút ít thịt. Tôi vừa có khách.

- Thịt bán không còn. Bạn anh đã bán hết rồi, hiện giờ anh đang đi tắm.

- Chị đừng nên từ chối, còn cục thịt nào thì hãy để cho tôi đi.

- Trừ thịt dành cho anh ra, không còn thịt nào khác nữa.

Bạn người đồ tể suy nghĩ: “*Không còn thịt ngoài thịt dành cho anh ta. Mà bạn ta không có thịt thì không dùng cơm, chắc chắn anh ta không nhường thịt này cho ta đâu*”. Thế là, người bạn ấy lấy ngay phần thịt ấy đi, không hỏi han gì cả.

Khi người đồ tể tắm xong, trở về, vợ ông dọn cơm và vật thực là vài thức rau nấu với gia vị. Ông ta hỏi rằng:

- Còn thịt đâu?

- Không có ông à.

- Trước khi đi, tôi há chẳng phải đưa thịt cho bà rồi còn gì?

- Bạn của ông đến nói rằng: Nhà có khách, và cần thịt. Mặc dầu tôi đã nói rằng hết thịt rồi, đây là phần thịt dành cho ông dùng nhưng bạn ông vẫn cứ lấy đi mất rồi.

- Không có thịt, tôi không ăn cơm, bà hãy dọn cơm đi.

- Biết làm sao bây giờ, thôi ông hãy dùng cơm đi.

- Tôi không ăn cơm đâu.

Bảo vợ dọn dẹp cơm rồi, ông đồ tể cầm dao nhỏ ra đi phía sau nhà. Nơi đó có con bò đang bị cột đứng tại đó. Ông đến gần con bò, thọc tay vào miệng, kéo lưỡi bò ra, đưa con dao cắt phẳng khúc lưỡi bò, xách vào bảo vợ nướng cho mình dùng. Bà vợ nướng lưỡi bò trên lửa, ông dùng mỗi vắt cơm với một miếng lưỡi bò vừa nướng chín. Đột nhiên lưỡi ông ta chột đứt ngang, rớt xuống đĩa cơm. Ngay lúc ấy ông thọ quả ác trong hiện tại xứng với việc làm của mình, máu từ miệng chảy ra như suối, ông bò lê vào nhà, rống lên như bò bị hành hình.

Cậu con trai của ông đang đứng gần đó, bà mẹ bảo cậu rằng:

- Này con! Hãy nhìn xem, ác nghiệp của ông đồ tể đã hiện, con khỏi lo cho mẹ, hãy bỏ chạy đi hầu cứu vãn hạnh phúc của mình.

Cậu con trai vì quá sợ chết, liền lạy từ giã mẹ rồi chạy trốn, thoát khỏi nơi ấy, cậu đi đến xứ Takkasilā. Ông đồ tể thì bò quanh trong nhà, rống lên như bò rống, khi chết bị rơi vào địa ngục A Tỳ.

Khi đến Takkasilā, cậu học nghề thợ bạc. Một hôm, thầy có việc đi xa làng, bảo học trò rằng: “*Con hãy làm một món nữ trang như thế này, thế này...*”. Cậu làm đúng theo lời chỉ của thầy, khi trở về nhìn thấy món trang sức cậu ta làm, người thầy suy nghĩ:

- Thanh niên này, giờ đây đến nơi nào sống cũng được rồi.

Khi cậu tới tuổi thành nhân, thầy cậu gả cho cậu con gái của mình. Về sau, gia tộc cậu sung mãn, có đầy đủ con trai, con gái. Các người con khi trưởng thành, lại tìm về thành Sāvattihī sinh sống, với sự thành thạo nghiệp nghề, và trở nên những người có chánh tín trong sạch. Cha của họ thì vẫn ở tại thành Takkasilā đến tuổi già mà không có chút phước thiện nào cả. Các người con bàn tính:

- Cha chúng ta đã già rồi, chúng ta hãy rước người về ở với chúng ta đi.

Rồi họ lại rủ nhau: “*Chúng ta hãy làm phước trai tăng để cầu an cho cha chúng ta*”. Họ cung thỉnh chư Tỳ khưu có Đức Phật là vị tọa chủ đến nhà thọ bát.

Qua ngày sau, khi Đức Phật và chư Tăng ngự đến tư gia, họ cúng dường vật thực như cơm, nước, bánh trái... đến Tăng. Chờ Tăng thọ thực xong, họ thưa với Đức Bôn Su rằng: “*Bạch Ngài! Cuộc lễ Tăng thí này, chúng con làm để cầu an cho cha chúng con được sống lâu, xin Ngài hoan hỷ tụng kinh phúc chúc cho cha chúng con*”.

Đức Bôn Su bèn kêu ông lão mù rằng: “*Này thiện nam! Nay ông tuổi thọ đã cao, xác thân đã chín muồi như chiếc lá vàng, ông không có phước lành làm tư lương để sang qua thế giới khác. Ông hãy tự nương nhờ lấy mình để gắng trở nên bậc hiền trí, đừng làm kẻ ngu si*”.

Rồi Ngài tụng kinh phúc chúc như sau:

235. “*Paṇḍupalāsova dānisi,
Yamapurisāpi ca te upatthitā.
Uyyogamukhe ca tiṭṭhasi,
Pātheyyampi ca te na vijjati*”.

“*Người nay giống lá héo,
Diêm sử đang chờ người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương*”.

236. “*So karohi dīpamattano,
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;
Niddhantamalo anaṅgaṇo,
Dibbaṃ ariyabhūmiṃ upehisi*”

“*Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ câu ướ, thanh tịnh,
Đến Thánh địa Chư Thiên*”.



CHÚ GIẢI:

Paṇḍupalāsova dānisi: Này thiện nam, ông giờ đây chẳng khác gì lá vàng khô đã lìa cành, rụng gần tới đất rồi.

Yamapurisā: Sử giả của Diêm Vương. Thành ngữ này ám chỉ sự chết, câu này có nghĩa là sự chết đang chờ người.

Uyyogamukhe: Người đang đứng trước của sự sụp đổ, của diệt vong.

Pātheyyam: Tư lương là vật thực đem theo ăn dọc đường của khách lữ hành. Câu này có nghĩa là: người sang qua cảnh giới khác mà không có việc lành để làm tư trang, tư lương.

So karohi: Bởi vậy, như người bị đắm thuyền giữa biển khơi mà thiết lập được một hòn đảo để trú vững trên đó, người hãy cố gắng làm các việc lành cho thật mau lẹ, để tự tạo một hòn đảo giữa biển đời, hãy ráng tu hành cho mau thành bậc thông minh. Người nào tránh được tử thần, có thể tùy thời làm các việc lành, người đó xứng danh là bậc hiền trí, hãy ráng làm người thông minh như vậy, chớ đừng làm kẻ dốt nát ngu si.

Dibbaṃ ariyabhūmiṃ: Một khi đã hành tinh tấn như vậy rồi, các thứ phiền não như ái dục (rāga), câu ướ (mala) đều trừ bỏ được, thành người không câu ướ, do không có sự nhơ bản tinh thần, thành người vô nhiễm (amangano) vô phiền (nikkilesa) thì người sẽ đạt đến năm tầng Trời Tịnh Cư (Suddhāvāsa) chẳng sai.

Cuối thời Pháp, ông thiện nam chứng quả Tu Đà Hườn. Kỳ dự thính chúng đều được hưởng lợi ích của thời Pháp.

Các thí chủ lại thỉnh Đức Bôn Su qua ngày sau đến thọ bát. Sau buổi lễ, Đức Bôn Su thọ thực xong, Ngài sắp tùy hỷ phước thì gia chủ bạch rằng:

- Bạch Ngài! Cuộc lễ này chúng con làm để cầu an cho thân phụ chúng con, chúc thọ đến thân phụ. Xin Ngài hoan hỷ tụng phước lành cho người.

Và Đức Bôn Su lại thuyết lên tiếp hai kệ ngôn rằng:

237. “Upanītavayo ca dānisi,
Sampayātosī yamassa santike;
Vāso te natthi antarā,
Pātheyyampi ca te vijjati”.

“Đời người nay sắp tàn,
Tiến gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư tưởng”.

238. “So karoḥi dīpamattano,
Khippaṃ vāyama paṇḍito bhava;
Niddhantamalo anṅaṇo,
Na punaṃ jātijaraṃ upehisi”.

“Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già”.

Upanītavayo: Upa, tiếp đầu ngữ có nghĩa là rơi xuống, đi xuống, tàn tạ, 5 Nitavayo là tuổi thọ đã luống qua, đã mất đi. Bây giờ người đã trải qua ba lứa tuổi (ấu, trung và lão niên), người đã đứng trước mặt sự chết rồi.

Sampayātosī yamassa santike: Người đã đứng giáp mặt với sự chết rồi.

Vāso te natthi antarā: Những người đi đường xa mà làm công việc nọ, việc kia, họ tạm cư trú dọc theo đường. Nhưng người đi qua cảnh giới khác thì không được như thế. Thật vậy, không thể nào đi qua cảnh giới khác, các người có thể nói xin trì hoãn lại vài ba ngày để cho tôi kịp làm phước bố thí, để cho tôi kịp nghe Pháp... Tự nhiên, vừa chết nơi đây đã thọ sanh nơi cảnh giới khác lập tức. Do đó mới nói: Giữa đường không có trạm nghỉ ngơi.

Pātheyyam: Danh từ này tuy có đề cập đến rồi, nhưng Đức Bôn Su đã lặp đi lặp lại cốt để nhấn mạnh ý nghĩa của nó cho ông thiện nam lưu ý.

Jātijaraṃ: Sanh lão. Chỗ này nên hiểu có thêm bệnh và tử nữa cho đủ tứ khổ.

Hai kệ ngôn trước thuyết về A Na Hàm Đạo. Hai câu kệ này là nói về A La Hán Đạo. Ở đây, chẳng khác nào nhà vua vất cơm vào miệng trao tặng cho con. Nhưng Hoàng Tử chỉ cầm lấy vất cơm vừa với miệng mình thôi. Cũng như thế, dầu Đức Bôn Su có thuyết pháp đề cập đến đạo cao, nhưng thiện nam ấy cũng tùy theo duyên, theo sức mà chứng đắc quả thấp là Tu Đà Hườn. Lần sau thì ông chứng A Na Hàm, kỳ dự đại chúng đều hưởng được lợi ích của thời pháp.



Dịch Giả Cẩn Đề

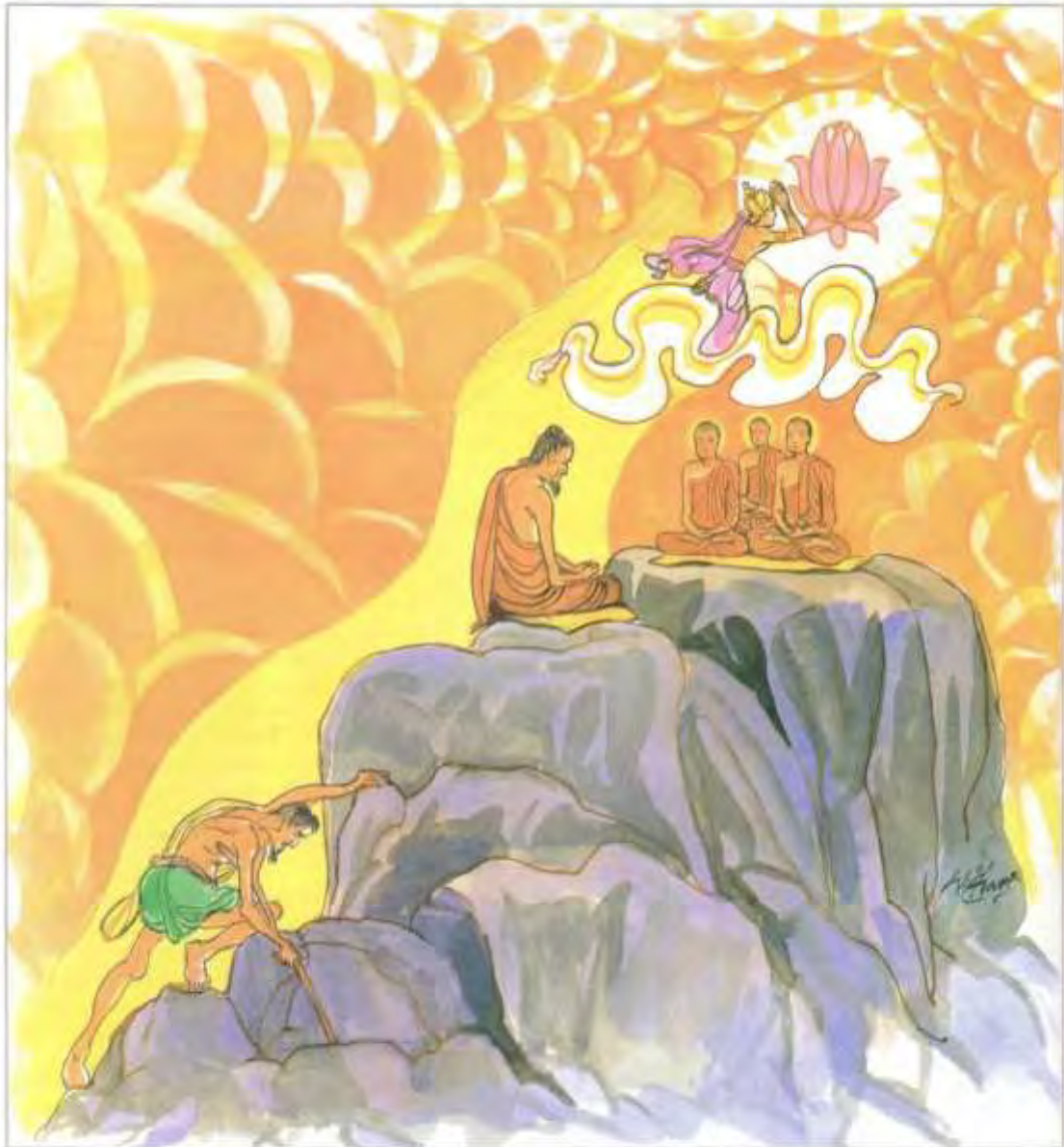
*Mổ bò, khi chết hiện thân bò
Quả ác hành cha, khiến mẹ lo
Xúi trẻ bỏ nhà qua đất khách
Thay nghề thợ bạc, phát tài to
Đời ông dẫn xuống đến đời cha
Tiền của gom vào chẳng thí ra
Con cái sau tìm nương chánh pháp
Quy y Phật Bảo hộ Tăng Già.
Hai buổi cầu an chúc thọ ông
Phật ban Tam quả dễ như không
Ý bình cha ác cùng con thiện
Học đủ ba thầy, đạo lý thông.*

DỨT TÍCH CON TRAI ÔNG HÀNG BÒ





235. Những người không chuẩn bị trước thần chết cũng như ngọn lá héo tàn, phải từ giã cuộc đời với bàn tay trắng.



236. Hãy sáng suốt nỗ lực tinh cần. Hãy tự mình làm hòn đảo cho chính mình. Chư vị tất nhiên sẽ đến nơi thanh tịnh.



237. Nay đến lúc đời sắp tàn trước cửa thần chết, người lại không chuẩn bị gì để lên đường không có trạm dừng nghỉ.



238. Hãy nhanh chóng sáng suốt tự làm hòn đảo cho chính mình, đoạn trừ cấu uế và thoát ly lão tử.

XVIII.2- ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ

(*Aññatarabrāhmaṇa*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 239)

**“Anupubbena medhāvī,
Thokaṃ thokaṃ khāṇe khāṇe;
Kammāro rajatasseva,
Niddhame malamattano”.**

**“Bậc trí theo tuần tự
Từng sát na trừ dần
Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cấu uế nơi mình”.**

Kệ Pháp Cú này Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến ông Bà la môn nọ.

Tương truyền rằng: Một lần nọ, ông Bà la môn ấy vào sáng tinh sương, đã ra khỏi thành, chợt ông trông thấy chư Tỳ khuru đứng đắp y. Ngay tại chỗ chư Tỳ khuru đứng đắp y, cỏ mọc rậm rì, khi ấy một đường viền y của một vị Tỳ khuru đang đắp bị kéo lê trên cỏ và bị thấm ướt bởi những giọt sương đêm. Thấy vậy, Bà la môn nghĩ thầm: *“Cần phải làm sạch cỏ chỗ này mới được”*. Qua ngày sau, ông mang cuộc đến làm sạch cỏ nơi ấy và san bằng phẳng như cái sân phơi lúa.

Qua ngày sau, ông đến nơi ấy lại thấy đường viền y của chư Tỳ khuru kéo lê trên đất, lấm bụi vào y, ông suy nghĩ: *“Cần phải rải cát lên nơi này mới được”*. Và ông đã thực hiện việc ấy.

Một lần khác, nhìn thấy chư Tỳ khuru bị nóng bức, mồ hôi chảy tươm ra khi đứng đắp y. Ông suy nghĩ: *“ta cần cát một cái rọp che mát tại nơi này mới được”*. Ông thuê người đến che thành một rọp che mát tại nơi ấy. Hôm sau, khi ông đến thì trời đang vần vũ, mưa tạt vào y của chư Tỳ khuru đứng trong rọp ấy, ông lại suy nghĩ: *“Nơi đây, ta cần cho người dựng lên một gian phòng kín đáo và lớn”*. Sau khi mượn người dựng xong đại sảnh, ông suy nghĩ rằng: *“Giờ đây, ta nên làm lễ khánh thành gian phòng lớn này”*.

Ông thỉnh Tỳ khuru Tăng có Đức Phật là vị Thượng Thủ đến ngồi vào nơi được soạn sẵn trong đại sảnh ấy, dâng vật thực cúng dường xong, chờ Đức Bổn Sư thọ thực xong, ông thỉnh bát Ngài và mong Ngài phúc chúc cho ông. Ông bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài! Trong khi con đứng tại chỗ này, đã trông thấy Chư Tỳ khuru đã như thế...như thế này. Và con đã làm như thế này...như thế này...

Ông thuật lại mọi việc đến Đức Thế Tôn. Khi nghe dứt câu chuyện, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Bà la môn! Bậc được gọi là hiền trí vẫn giữ mực chặm rãi, từ tốn, tuần tự làm việc lành để giải trừ sự cấu uế của các ác hạnh của mình như thế đó.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

**“Anupubbena medhāvī,
Thokaṃ thokaṃ khāṇe khāṇe;**

**“Bậc trí theo tuần tự
Từng sát na trừ dần**

*Kammāro rajatasseva,
Niddhame malamattano”.*

*Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cấu uế nơi mình”.*



CHÚ GIẢI:

Anupubbenā: Lần lượt theo thứ tự.

Medhāvī: Bạc viên mãn trí, nếm được hương vị của Chánh Pháp rồi.

Khāṇe khāṇe: Từng dịp, từng dịp làm lành.

Kammāro rajatasseva: Cũng như người thợ vàng, không thể nào chỉ một lần mỡ nung đốt, nghiền nát, lọc bỏ chất dơ được của vàng để làm thành món nữ trang được, nhiều lần lọc bỏ chất bẩn lẫn trong vàng mới có thể làm thành món nữ trang. Cũng như thế ấy, bậc hiền trí phải làm lành nhiều lượt để tống trừ những ô nhiễm, cấu uế, nhất là tham ái từ nơi mình. Có như thế mới giải trừ được những ô nhiễm, phiền não, uế trước.

Cuối thời pháp, ông Bà la môn chứng đắc Quả Tu Đà Hườn, đại chúng thính Pháp cũng được nhiều lợi ích.



Dịch Giả Căn Đề

Từ từ chậm rãi tiến dần lên

Việc nhỏ an bài, việc lớn lên

Bạc trí kiên tâm trừ cấu uế

Đầu tiên lập chí phải cho bền

Như ông Phạm Chí trước ban nền

Dẫy cỏ vừa xong, rải cát lên

Cát rạ tiện bề Sư đụt nắng

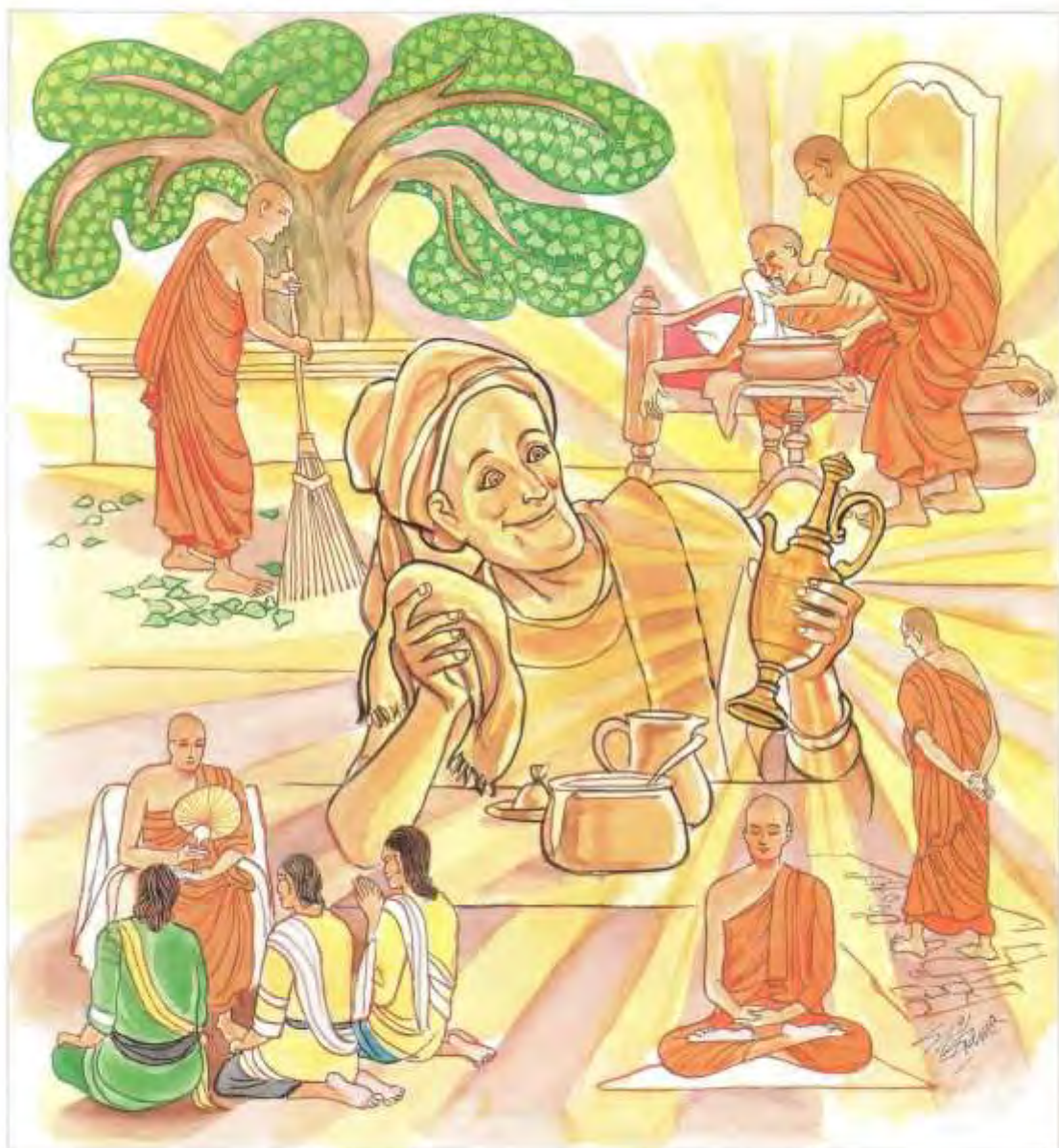
Cho làm phòng rộng, cũng không quên

Nhân lễ khánh thành nghe Pháp Phật

Thời lai Tuệ Nhãn tự nhiên thông.

DỨT TÍCH ÔNG BÀ LA MÔN TUẦN TỰ





239. Hãy đoạn trừ cấu uế dần dần từng tí một, giống như người thợ bạc lọc bụi dơ.

XVIII.3- ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y

(*Ayasāva malaṃ samuṭṭhāyāti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 240)

“*Ayasā’va malaṃ samuṭṭhitam,
Taduṭṭhāya taṃ’eva khādati.
Evaṃ atidhonacāriṇam,
Sakakammāni nayanti duggatiṃ*”.

“*Như sét do sắt sanh,
Trở lại ăn thân sắt,
Ác nghiệp mình tự tạo,
Đẫn mình đến cõi ác*”.

Kệ Pháp Cú này được Đức Bôn Su thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Tissa.

Tương truyền rằng: Một thiện gia tử con nhà lễ giáo, sau khi xuất gia thọ Cụ túc giới, được gọi là Đại Đức Tissa.

Thời gian sau, Đại Đức an cư mùa mưa trong một ngôi chùa miền quê và được dâng tấm vải thô dài tám tấc (hattha). Khi mãn mùa an cư, xong lễ Tự Tứ rồi, Đại Đức mang tấm vải ấy gởi người chị. Người chị lại nghĩ rằng: “*Tấm vải này không xứng với em trai ta*”. Nàng dùng dao rọc vải ra từng mảnh, rồi bỏ vào cối giã nhuyễn, sau đó se chỉ lại, gởi thợ dệt dệt thành tấm vải mịn. Phần Đại Đức Tissa đi tìm kim chỉ rủ vải vị Sa di trẻ biết may y đi đến nhà chị, bảo rằng:

- Chị hãy đưa vải cho tôi, tôi sẽ may thành y để mặc.

Người chị rút tấm vải mịn chín hắc tay, trao cho Đại Đức. Đại Đức trải y ra, nói rằng:

- Tấm vải của tôi thô và chỉ có tám hắc. Còn tấm này mịn mà lại dài chín hắc, đây không phải là tấm vải của tôi, tôi không dùng đến nó. Hãy đưa tôi tấm vải mà tôi đã trao cho chị.

- Bạch Ngài! Đó chính là tấm vải của Ngài, Ngài hãy lấy đi.

Đại Đức không chịu nhận, khi ấy người chị mới bày tỏ sự thật các việc mình làm và dâng vải đến Đại Đức rằng:

- Bạch Ngài, tấm vải này thuộc về Ngài, xin Ngài hãy lấy đi.

Đại Đức mang vải về chùa, khiến Sa di may y. Chị Ngài cúng dường vật thực đến các vị Sư may y. Khi y may xong, nàng còn dâng cúng thêm một bữa ăn thịnh soạn.

Đại Đức nhìn lá y mới sanh tâm ưa thích nó lắm, nghĩ thầm rằng: “*Ngày mai ta sẽ mặc tấm y này*”. Đại Đức xếp y lại, phơi y trên sào phơi y.

Đêm ấy, Đại Đức bị trúng thực, đau bụng mà chết, tái sanh làm con rận trong chiếc y ấy. Người chị hay tin Đại Đức chết, nàng khóc than lăn lộn dưới chân chư Tỷ khưu.

Sau khi hỏa táng xác Đại Đức Tissa xong, chư Tăng quyết định: “*Vì Đại Đức không có người nuôi bệnh nên chiếc y này thuộc về Tăng chúng. Vậy chúng ta hãy bắt thăm đi*”.

Con rận trong lá y chạy lảng xảng qua lại, kêu rằng:

- Mấy ông này cướp đoạt tài sản của ta.

Mặc dầu đang an tọa trong hương thất, Đức Thế Tôn với thiên nhĩ, nghe được tiếng kêu thét của con rận, Ngài dạy Đại Đức Ānanda rằng:

- Này Ānanda! Hãy bảo chư Tỳ khuru giữ chiếc y của Tissa lại, qua bảy ngày sau hãy chia nhau.

Đại Đức Ānanda làm theo lời Đức Bôn Su dạy.

Đến ngày thứ bảy, con rận chết tái sinh lên cung trời Đâu Suất, qua ngày thứ tám Đức Bôn Su ra lệnh:

- Các Tỳ khuru vâng lệnh. Thế rồi trong Giảng đường, chư Tỳ khuru cùng nhau bàn luận rằng: “*Tại sao Đức Bôn Su bảo phải giữ y lại bảy ngày, đến ngày thứ tám mới cho phép sử dụng?*”.

Đức Bôn Su ngự đến hỏi:

- Này các Tỳ khuru! Hôm nay các thầy ngồi đây thảo luận về vấn đề gì?

- Bạch Thế Tôn, về chuyện như vậy... như vậy...

Nghe vậy, Đức Thế Tôn giải rằng:

- Này các Tỳ khuru! Thầy Tissa đã tái sinh làm con rận trong chiếc y của mình. Khi các thầy chia y ấy, con rận chạy lảng xảng, la lên rằng: “*Những ông này cướp giết y của tôi*”. Nếu các thầy lấy chiếc y ấy, nó sẽ phát sanh tâm oán hận rồi phải sa địa ngục. Do đó, ta bảo giữ y lại sau bảy ngày rồi hãy chia. Bây giờ Tissa đã thọ sanh về cõi trời Tusitā rồi, cho nên ta cho phép thầy sử dụng chiếc y ấy.

- Bạch Ngài! Thật là đáng sợ cho tâm tham ái (taṇhā).

- Thật vậy! Này các Tỳ khuru, đối với các chúng sanh, tham ái thật là đáng sợ. Như sét sanh từ sắt lại ăn mòn ngay cả sắt, làm cho hư hoại, trở thành vật vô dụng như thế nào thì tham ái (taṇhā) sau khi sanh khởi giữa những chúng sanh, làm cho họ phải rơi vào đọa xứ địa ngục, đẩy họ xuống hố diệt vong như thế ấy.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn:

“*Ayasā’va maḷaṃ samuṭṭhitam,
Taduṭṭhāya taṃ’eva khādati.
Evaṃ atidhona-cāriṇaṃ,
Sakakammāni nayanti duggatiṃ*”.

“*Như sét do sắt sanh,
Trở lại ăn thân sắt,
Ác nghiệp mình tự tạo,
Dẫn mình đến cõi ác*”.



CHÚ GIẢI:

Ayasā: Ayato: Do nơi, từ nơi sắt.

Samuṭṭhāya: Samuṭṭhāhitvā: Sau khi pháp sanh lên.

Taduṭṭhāya: Sau khi sanh lên từ nơi đó.

Atidhonacāriṇaṃ: Tiếng Dhonā chỉ những người khôn ngoan, sáng suốt, biết dùng trí tuệ quán tưởng rồi mới thọ tứ sự. Atidhonacāriṇaṃ là những người vi phạm giới quán tưởng.

Đại ý bài kệ này nói rằng: Ví như sét từ nơi sắt sinh ra, lúc sinh ra như vậy rồi, sét sẽ trở lại ăn mòn sắt.

Cũng như thế, những người thọ tứ vật dụng mà không quán tưởng. Trong khi thọ dụng mà không quán tưởng, họ đã tạo ra ác nghiệp từ nơi ấy, do họ phát khởi lên ngã sở, ngã mạn. Chính nó đưa họ đến khổ cảnh.

Cuối thời pháp nhiều vị Tỳ khuru chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Căn Đề

Chuyển kiếp còn tham giữ lá y

Bảy hôm làm rận quả sân si

Thầy thương đợi đến Trời Đâu Suất

Bạn sợ e sa ngục Đại Tỳ

Kẻ thế vẫn tưởng: Sanh hữu hạn

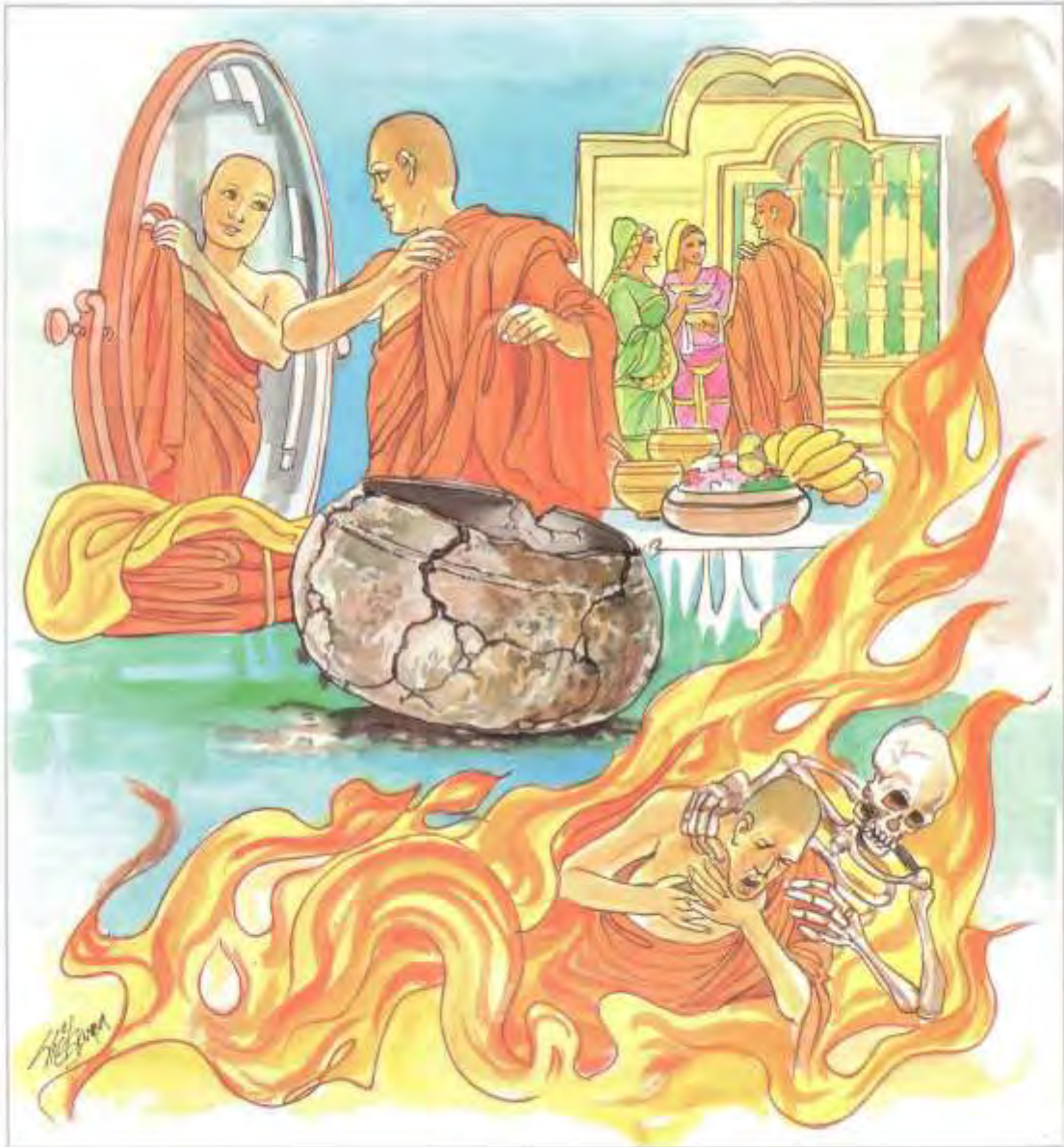
Người tu chưa biết: Tử vô kỳ

Lâm chung một phút quên tưởng niệm

Khổ cảnh luân hồi, khó thoát ly.

DÚT TÍCH ĐẠI ĐỨC TISSA GIỮ Y





240. Ri sét ăn mòn sắt dần, giống như ác nghiệp ăn mòn người phạm giới đức.

XVIII.4- ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI DỐT PHÁP

(*Assajjhāyamalā mantati*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 241)

**“Asajjhāyamalā mantā,
Anuṭṭhānamalā gharā;
Malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ,
Pamādo rakkhato malaṃ”.**

***“Không tụng làm nhóp kinh,
Không siêng làm bản nhà,
Biếng nhác làm như thân,
Phóng dật làm tâm uế”.***

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến Đại Đức Loḷudāyi.

Tương truyền rằng: Trong thành Sāvattihī có đến 50 triệu Thánh Thinh Văn, trước buổi ngọ thì cúng dường trai thực, sau ngọ thì mang lễ vật như là bơ trong, dầu ăn, mật ong, mật mía... đi đến chùa cúng dường và nghe Pháp. Khi nghe Pháp xong, trên đường về, các vị ấy ca tụng ân đức của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna.

Bấy giờ Đại Đức Loḷudāyi nghe các thính giả đàm luận cùng nhau, đã xen vào nói rằng:

- Các ông chỉ nghe pháp hai vị ấy thuyết mà đã tán tụng như thế. Nếu được nghe Pháp từ nơi ta thì còn tán thán đến chừng nào nữa.

Mọi người nghe lời của Đại Đức như thế, nghĩ rằng:

- Ngài này hẳn là một Pháp Sư, chúng ta cũng nên nghe Pháp từ nơi Ngài vậy.

Một hôm, các thính giả trên yêu cầu Đại Đức:

- Bạch Ngài! Hôm nay sau khi cúng dường trai thực xong, buổi chiều chúng tôi sẽ đến chùa nghe Pháp. Xin Ngài hãy hoan hỷ thuyết pháp đến chúng tôi.

Đại Đức im lặng nhận lời. Đến giờ thính pháp, thính giả cung thỉnh Đại Đức:

- Bạch Ngài! Xin Ngài hoan hỷ thuyết pháp cho chúng tôi nghe đi.

Đại Đức Loḷudāyi lên Pháp tọa ngồi, phe phẩy quạt lông, nhưng không nhớ ra một câu Pháp Cú nào, bèn nói rằng:

- Ta sẽ tụng chú, vị khác hãy lên thuyết pháp đi.

Rồi Đại Đức leo xuống Pháp tọa.

Khi vị Pháp Sư thuyết pháp xong, thiện tín thỉnh Đại Đức lên Pháp tọa tụng chú thuật. Một lần nữa, Đại Đức lại bí lối nên thối thác rằng:

- Ta sẽ tụng vào ban đêm. Bấy giờ vị khác hãy tụng trước đi.

Nói rồi Đại Đức bước xuống khỏi Pháp tọa.

Khi vị tụng kinh ban ngày dứt rồi, đến thời ban đêm thính giả thỉnh Đại Đức Loḷudāyi. Té ra vị ấy cũng chẳng nhớ được chi nên nói rằng:

- Ta sẽ tụng vào lúc hừng sáng. Bấy giờ vị khác tụng đi.

Rồi lại rời khỏi Pháp tọa.

Và khi trời hừng sáng, thính chúng lại tỉnh Đại Đức. Lúc ấy Đại Đức cũng chẳng nhớ được chút chi cả. Đại chúng phần nộ, cầm lấy gậy đá hăm dọa Đại Đức rằng:

- Này ông sư dốt, khi chúng tôi tán dương hai Ngài Sāriputta và Moggallāna thì ông nói thế này thế nọ. Bây giờ sao ông không giỏi thuyết pháp đi.

Thấy dáng hùng hổ của đại chúng, Đại Đức kinh sợ bỏ chạy, bị đại chúng rượt theo bèn gót. Trong lúc hoảng hốt, Đại Đức hụt chân té xuống hầm phân. Đại chúng bàn luận rằng:

- Khi nghe chúng ta tán thán ân đức của hai Ngài Sāriputta và Moggallāna, Đại Đức Loḷudāyi ganh tỵ, khoác loác khoe khoang tài thuyết pháp của mình. Đến khi người ta tỉnh câu, nói rằng: “*Chúng tôi muốn nghe pháp*”. Đại Đức lên Pháp tọa cả bốn lần mà không tìm được pháp chi để thuyết cả. Giờ đây, Đại Đức lại rơi xuống hầm phân như thế.

Đức Thế Tôn ngự đến, phán hỏi rằng:

- Này các Tỳ khuru! Các Thầy đang bàn luận việc chi thế?

- Bạch Ngài, chuyện này... chuyện này...

Nghe xong, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này chư Tỳ khuru! Chẳng phải chỉ bây giờ, mà xưa kia thầy ấy cũng bị lún chìm trong phân rồi vậy.

Rồi Ngài ngâm kệ bốn sanh rằng:

*“Catuppado ahaṃ samma tvampi samma catuppado
Ehi sīha nivattassu kinnu bhīto palāyasi
Asuci pūtilomosi duggandho vāyasi sūkara
Sace yujhitukāmosi jayaṃ samma dadāni teti”.*

*“Chúa ơi! Chúa có bốn chân
Tôi cũng bốn cẳng, ta gần ngang nhau
Lại đây, Sư tử anh hào
Có chi mà sợ chạy nhiều thế kia
Heo ơi! Mình chú thúì tha
Lông chú dơ dáy thật là quá hôi
Xin nhường chú thắng cho rồi
Nếu như chú muốn cùng tôi tranh tài”.*

Sau khi thuyết xong Bốn Sanh, Đức Bốn Sư cho biết rằng Sư tử khi trước nay là Đức Sāriputta, còn con heo chính là Đại Đức Loḷudāyi. Xong rồi Đức Thế Tôn phán dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Loḷudāyi chỉ học rất ít Pháp mà không bao giờ lo ôn tập. Pháp nào dầu học ít, một khi đã học được nếu không ôn tập ắt trở thành nhóp nhúa vậy.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn như sau:

“Asajjhāyamaḷā mantā,
Anuṭṭhānamalā gharā;
Malaṃ vaṇṇassa kosajjaṃ,
Pamādo rakkhato malaṃ”.

“Không tụng làm nhóp kinh,
không siêng làm bản nhà,
biếng nhác làm nhơ thân,
Phóng dật làm tâm uế”.



CHÚ GIẢI:

Asajjhāyamaḷā: Bất luận là Kinh pháp hoặc học nghề nghiệp chi nếu không thường ôn tập, thực hành, thì nó sẽ tiêu lần hoặc đứt đoạn không dễ nhớ ra, bởi vậy mới nói: “Không tụng làm nhóp kinh”.

Người là cư sĩ hoặc bậc xuất gia mà biếng nhác không lo chăm sóc, gìn giữ thân thể hoặc đồ vật dụng, thì thân sẽ có màu sắc xấu xa, bởi vậy mới nói: “Biếng nhác làm nhơ thân”.

Người chần giữ bò cái mà dễ duôi, cứ lo ngủ hoặc lo chơi thì bầy bò không phát triển, dễ bị hao hụt vì thú dữ, trộm cướp làm thiệt hại. Hoặc bò vào ăn mất lúa ruộng của người khác, chủ bị bắt bớ, đền bồi. Chính mình là người chần cũng bị hành phạt hoặc bị mắng nhiếc.

Cũng vậy, bậc xuất gia không lo thu thúc lục căn, dễ duôi để cho phiền não làm sa đọa, rồi phải hoàn tục xa lìa giáo pháp. Bởi vậy mới nói: “Phóng dật làm tâm uế”. Vì lẽ nó dẫn dắt người ấy đến chỗ hư hỏng, dơ bẩn nên gọi là nhơ uế vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều vị Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Căn Đề

*Nếu dốt thì cam chịu dốt đi
Huênh hoang bịp chúng có hay gì
Bốn lần thỉnh Pháp, chưa thềm thuyết
Một trận ăn đòn, đã chạy thi
Vì thích cầu cao, sa hố phản
Bởi ưu tật đổ, mất màu y
Gần thầy sao chẳng chuyên cần học
Lại móng hư danh, nghĩ cũng kỳ!...*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC LOḶUDĀYI





241. Không trì tụng kinh làm hồng kiến thức. Giải đãi phá hoại đời sống gia đình. Thiếu quan tâm làm hại dung sắc.

XVIII.5- MỘT CÔNG TỬ BỊ CẢM SÙNG

(*Malitthiyā duccharitanti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 242-243)

242. Malitthiyā duccharitaṃ,
Maccheraṃ dadato malaṃ;
Malā ve pāpakā dhammā,
Asmiṃ loke paramhi ca.

*Tà hạnh như đàn bà,
Xan tham như kẻ thối,
Tội ác là vết như,
Đời này và đời sau.*

243. tato malā malataraṃ,
Avijjā paramaṃ malaṃ;
Ataṃ malaṃ pahatvāna,
Nimmalā hotha bhikkhavo.

*Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh như tối thượng,
Hãy trừ bỏ như ấy,
Thành Tỳ kheo vô cầu.*

Pháp Cú này được Đức Bôn Sur thuyết ra khi Ngài ngự tại Veluvana, đề cập đến chàng công tử nọ.

Tương truyền rằng: Công tử ấy đã cưới vợ là một tiểu thư môn đăng hộ đối. Từ ngày về nhà chồng, cô vợ cứ tà hạnh mãi, công tử xấu hổ về việc làm của vợ, không thể đến gặp gỡ tiếp xúc cùng ai cả, nên cắt đứt luôn cả sự viếng thăm và hộ độ cúng dường Đức Phật. Thế rồi, sau vài ngày chàng lại viếng thăm Đức Bôn Sur, sau khi đánh lễ Ngài xong rồi, ngồi qua một bên, Ngài hỏi công tử:

- Này công tử! Đạo này sao người ít đến đây vậy?

Công tử liền đem việc nhà ra giải bày cùng Đức Thế Tôn, Ngài dạy rằng:

- Này công tử! Xưa kia ta đã từng dạy rằng: Đàn bà giống như sông rạch và bậc hiền trí không nên giận nữ nhân. Nhưng vì người do cỗi luân hồi khuất lập nên không thấu đáo đó thôi.

Công tử thỉnh Ngài thuyết giảng Bôn Sanh, Ngài ngâm lên rằng:

*“Yethānadī ca pantho ca pānāgāraṃ sabbā papā
Evaṃ lokitthiyo nāma velā tālaṃ navijjattī”.*

*“Đàn bà như thể rạch, sông
Đường đi, động đá, nhà công, quá chớ
Đàn bà thế tục bản như
Lãng loạn sá kể ngày giờ chi đâu”.*

Sau khi thuyết xong Bôn Sanh, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này công tử! Tà hạnh trác nét là vết như của nữ nhân, sự bón rít là vết như của tín thí, nghiệp ác là vết như làm hại chúng sanh cả đời này và đời sau. Vô minh là vết như tối thượng của tất cả vết như.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn rằng:

242. Malitthiyā duccharitaṃ,
Maccheraṃ dadato malaṃ;

*Tà hạnh như đàn bà,
Xan tham như kẻ thối,*

Malā ve pāpakā dhammā,
Asmiṃ loke paramhi ca.

*Tội ác là vết nhơ,
Đời này và đời sau.*

243. tato malā malataram,
Avijjā paramaṃ malam;
Ataṃ malam pahatvāna,
Nimmalā hotha bhikkhavo.

*Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh như tối thượng,
Hãy trừ bỏ như ấy,
Thành Tỳ kheo vô cầu.*

CHÚ GIẢI:

Duccaritaṃ : Aticaro: Tà hạnh, chỉ sự lãng loạn trác nết, gian dâm, ngoại tình. Phàm đàn bà ngoại tình bị chồng đuổi trở về cùng cha mẹ, cũng bị mắng rằng: “*Mày không nên làm ô nhục, tội bại gia phong, nhục nhã tông đường...*”. Rồi bị cha mẹ đuổi ra khỏi gia tộc, nữ nhân ấy sống bơ vợ khổ sở vô cùng. Do đó mới nói rằng: “*Tà hạnh là như nữ nhân*”.

Dadato: Đền thí chủ (dāyakassa). Người nào khi mới cày ruộng đã lập nguyện rằng “*Nếu lúa trúng kỳ này, ta sẽ làm phước Trai Tăng hoặc rút thẻ để bát chảng hạn*”. Nhưng khi gặt hái có kết quả tốt đẹp, lại phát sanh tâm bòn xén, ngăn chặn tâm bố thí. Do ảnh hưởng tâm bòn xén thắng được tâm xả ly, người ấy không được hưởng ba phước lộc là nhân sản, thiên sản và Níp Bàn. Do đó mới nói rằng: Sự bòn xén là vết nhơ của bố thí.

Trong các câu khác đều có một lý chung như vậy.

Pāpakā dhammā: Chỉ những pháp bất thiện, là vết nhơ của chúng sanh từ đời này đến những đời sau.

Tato: Từ vết nhơ đã nói trên.

Malataram: Ta sẽ thuyết về vết nhơ tối thượng cho các người nghe.

Avijjā: Vô minh, dốt nát, các thầy vứt bỏ vết nhơ Vô minh mà thành bậc Vô nhiễm (nimmalā).

Cuối thời Pháp, nhiều thánh giả chứng đắc Thánh Quả, nhất là Quả Dự Lưu.

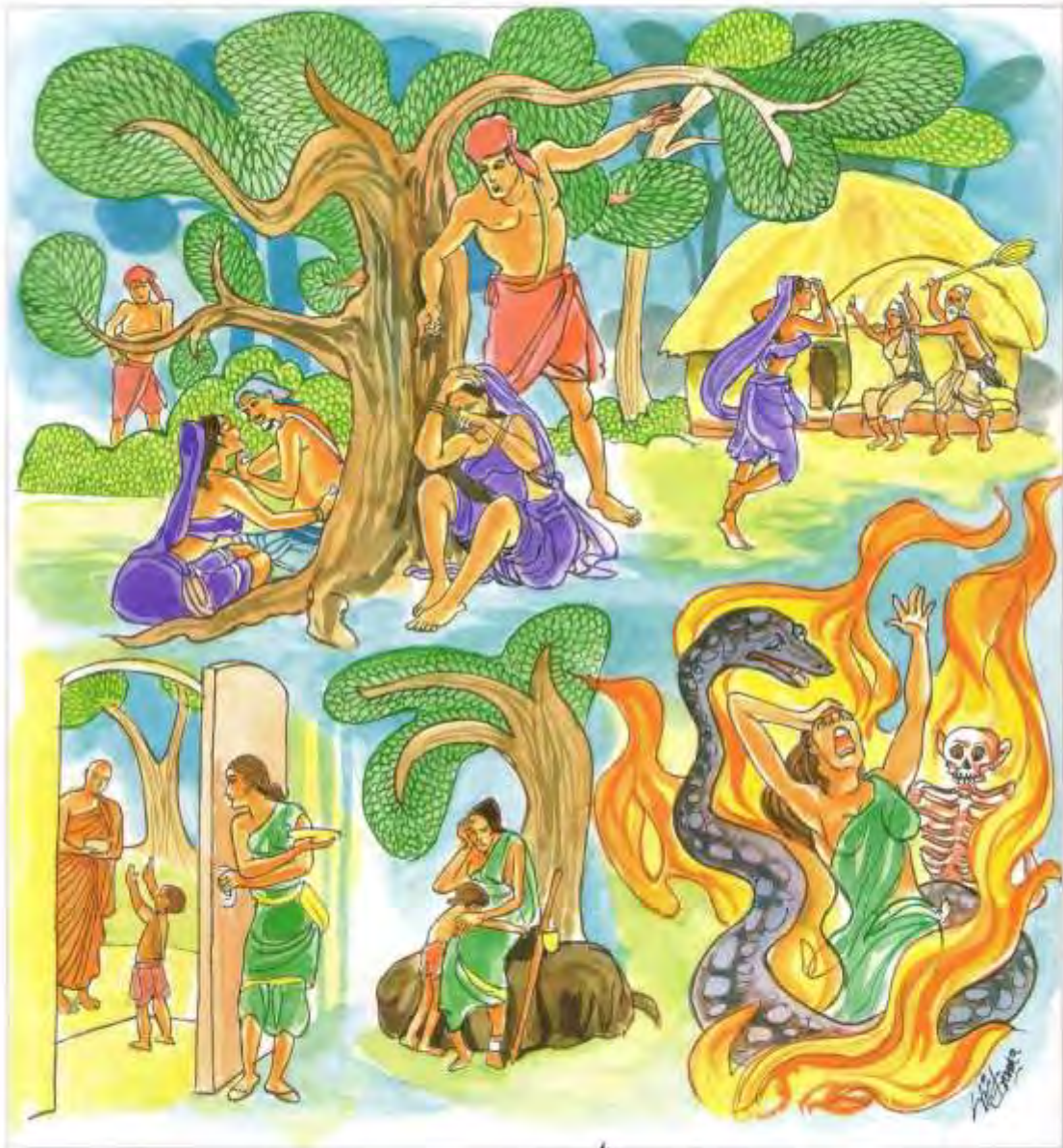


Dịch Giả Cẩn Đề

*Không may vợ phải thứ đàn bà
Trắc nét, lãng loàn thật xấu xa
Tủ phận lảng giềng không tiếp xúc
Buồn duyên bạn lữ, chẳng giao hòa...
Chơn ngôn Phật dạy bình tâm xét
Chánh lý thầy khuyên mở tuột ra
Nghệp báo, cửa nhà, con ấy nợ
Đa tình, trẻ đẹp, vợ oan gia.*

DỨT TÍCH CÔNG TỬ BỊ CẢM SÙNG





**242. Tà hạnh làm hồng đàn bà. Tính keo kiệt làm hồng người bồ thí.
Mọi ác pháp phá hoại đời này lẫn đời sau.**



243. Vô minh là cái uế nguy hiểm nhất. Này các Tỳ kheo, hãy đoạn trừ vô minh và trở thành các bậc vô cầu.

XVIII.6- TỖ KHUU CŪLASĀRI TÀ MẠNG
(Sujīvaṃ ahirikenāti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 244-245)

244. “Sujīvaṃ ahirikena,
Kākasūrena dhamṣinā;
Pakkhandinā pagabbhena,
Saṃkiliṭṭhena jīvitam”.

*“Sống không biết tầm quý,
Sống lỗ mãng như quạ,
Sống chê bai khoác lác,
Sống ngạo mạn nhiễm ô”.*

245. “Hirīmatā ca dujjīvaṃ
Niccaṃ sucigavesinā
Alīnen’ appagabbhena
Suddhājīvena passatā”.

*“Sống vô cầu khiêm tốn,
Sống thường cầu thanh tịnh,
Sống thanh tịnh sáng suốt,
Khó thay đời sống ấy”.*

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết lên, khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ Khuru Cūlasāri là đệ tử theo hầu Đại Đức Sāriputta.

Tương truyền rằng: Một ngày nọ, sau khi làm nghề thầy thuốc, Tỳ khuru Cūlasāri được dâng cúng thực phẩm ngon quý, đang ôm bát ra công thành, giữa đường gặp Đại Đức, bèn thưa rằng:

- Bạch Ngài, vật thực này con có được nhờ làm y sĩ. Ở nơi khác Ngài sẽ không có được loại vật thực này đâu. Xin thầy hãy thọ dụng vật thực này. Với nghề thầy thuốc, con sẽ cúng dường Ngài vật thực ngon quý như vậy luôn luôn.

Đại Đức nghe dứt mấy lời của đệ tử, Ngài im lặng bỏ đi luôn. Chư Tỳ khuru về đến chùa, đem chuyện này bạch với Đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

- Nay các Tỳ khuru, người xuất gia mà vô tầm vô quý, giống như con quạ, sống theo 21 pháp tà mạng để được sung sướng. Còn bậc có đầy đủ tầm quý thì hằng sống vất vả cực khổ.

Nói rồi Ngài ngâm lên kệ ngôn:

244. “Sujīvaṃ ahirikena,
Kākasūrena dhamṣinā;
Pakkhandinā pagabbhena,
Saṃkiliṭṭhena jīvitam”.

*“Sống không biết tầm quý,
Sống lỗ mãng như quạ,
Sống chê bai khoác lác,
Sống ngạo mạn nhiễm ô”.*

245. “Hirīmatā ca dujjīvaṃ
Niccaṃ sucigavesinā
Alīnen’ appagabbhena
Suddhājīvena passatā”.

*“Sống vô cầu khiêm tốn,
Sống thường cầu thanh tịnh,
Sống thanh tịnh sáng suốt,
Khó thay đời sống ấy”.*



CHÚ GIẢI:

Ahirikenā: Sống mà không có sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi. Tỳ khuru không có tầm quý, gặp người nữ không phải mẹ cũng nhận làm mẹ mình, người nam không

phải cha cũng nhận là cha mình, hoặc dùng lời nói hay hành vi tung bọ người thế theo 21 pháp tà mạng, có thể sống sung sướng.

Kākasūrena: Sống bạo dạn như con quạ, như là con quạ lỗ mãng (sūrakāko) muốn xốt vật thực như cháo... trong nhà khá giả, thường đậu lên trên mái nhà cao như đầu tường..., sợ người ta biết ý đồ của mình nên giả vờ như không có ý nhìn vật chi cả, hoặc giả vờ ngủ, chờ người ta sơ ý, không lưu tâm gìn giữ, nói chuyện cùng nhau, nó bay xuống cực nhanh xốt đồ ăn đầy miệng rồi bay vụt đi. Cũng như thế, kẻ vô tâm vô quý cùng các Tỳ khuru vào làng để biết những nơi nào có cúng dường vật dụng. Sau khi khát thực về, chư Tỳ khuru quán tưởng, rồi tham thiền chú tâm trên đề mục thiền định, hoặc quét sạch Tăng đường. Kẻ vô tâm vô quý thì chẳng làm việc ấy, chỉ thừa cơ Tăng vào làm, sợ chư Tăng để ý mình, dầu đang nhìn cũng giả cách không nhìn, giả vờ như ngủ hoặc như đang thắt dây lưng, đang xếp y... rồi nói rằng: “*Tôi bận việc này...*”. Từ chỗ ngồi đi vào làng, đến một nhà trong số những nhà được Tăng chỉ định từ sáng sớm. Mặc dầu gia chủ đã khép kín cửa, vị ấy cũng đưa tay mở cửa đi vào. Khi thấy vị Sa môn, dù muốn dù không, gia chủ cũng phải mời ngồi, tiếp hộ com cháo, dâng cúng vật theo khả năng có được của mình. Sau khi thọ thực rồi, còn tàn thực thì kẻ vô tâm vô quý bỏ vào bát mang về. Kẻ vô tâm vô quý sống một cách sung sướng như thế, thật đáng gọi là con quạ lỗ mãng.

Dhamsinā: Khi nghe chư Tăng nói: “*Đại Đức tên đó là vị Tỳ khuru tri túc, thiếu dục...*” thì lại chê rằng: “*Như vậy có gì đáng khen đâu? Chúng ta há chẳng phải cũng là những Sa môn tri túc thiếu dục sao?*” cốt ý hạ bớt giá trị ân đức của kẻ khác và tự đề cao mình. Mọi người nghe vậy, tưởng lầm rằng: “*Vị này cũng là bậc có giới đức trong sạch, tri túc, thiếu dục*”. Rồi họ nghĩ đến sự cúng dường. Nhưng từ đó về sau, kẻ hay chê bai cũng không lấy được niềm tin của hàng thức giả, vì thế lợi lộc cũng suy tàn. Kẻ hay chê bai (dhamsī) phá hoại lợi lộc của chính mình và của người khác như thế đó.

Pakkhandinā: (Sống khoác lác), kẻ khoác lác thì hay mạo nhận những công việc của người khác là công việc chính mình. Như buổi sáng sớm chư Tăng chia nhau thành từng nhóm làm công việc nọ việc kia, như quét sân Thánh tháp chẳng hạn, làm xong việc rồi, ngồi tịnh tham thiền giây lát mới đứng dậy vào làng khát thực. Lúc bấy giờ kẻ khoác lác mới dậy súc miệng rửa mặt khoác y vàng lên mình, nhỏ thuốc vào hai mắt, xúc dầu... trang điểm thân thể xong, giả vờ lấy chổi quét sân chùa, nhưng chỉ quét qua loa vài cái thôi.

Ngay trước cổng chùa, những người đến từ sáng sớm với ý định “*Chúng ta sẽ lễ bái Thánh tháp, chúng ta sẽ dâng cúng tràng hoa*”. Trông thấy vị Sa môn đang quét thì nghĩ rằng: “*Nhờ có vị này chăm nom, sân sóc ngôi chùa mới được sạch sẽ như vậy, chúng ta chớ nên lãng quên vị ấy*”. Nói rồi, họ làm phước cúng dường đến ông ta. Do khéo giả vờ mà kẻ khoác lác sống được an vui hạnh phúc.

Pagabbhena: Nhờ có đủ tư cách bạo dạn bằng thân, khẩu, ý do dám liều lĩnh.

Sankilittṭhena jīvitam: Con người sống nếp sống như thế nào, đáng gọi là sống nhiễm ô. Sống như thế là sống xấu xa tội lỗi.

Hiramatā ca: Người có đầy đủ tâm quý thì sống khó khăn. Thật vậy: Những ai không phải là cha mẹ ruột, người ấy không mạo nhận: “*Đây là cha mẹ của tôi*”. Từ

vật dụng không hợp lẽ đạo, người ấy thì như phần ấu. Khi đói khát, người ấy đi khát thực với tâm bình đẳng đi bát từng nhà mà nuôi mạng sống và sống một nếp sống đạm bạc, đơn sơ.

Sucigavesinā: Sống thường cầu thanh tịnh cả ba nghiệp thân, khẩu, ý.

Alīnena: Sống hoạt động, không làm biếng.

Suddhājīvena passata: Người như thế đáng gọi là người sống trong sạch. Do nếp sống thanh bạch như thế, người ấy càng nhớ rõ, hiểu rành nếp sống thanh bạch, rồi cam chịu sống vất vả khổ cực với nếp sống đạm bạc đơn sơ. Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn. Hai mươi một pháp tà mạng của vị Tỳ khưu, có ghi trong Tứ Thanh Tịnh giới của Ngài Bửu Chơn. Đây kể sơ lược⁽¹⁾.



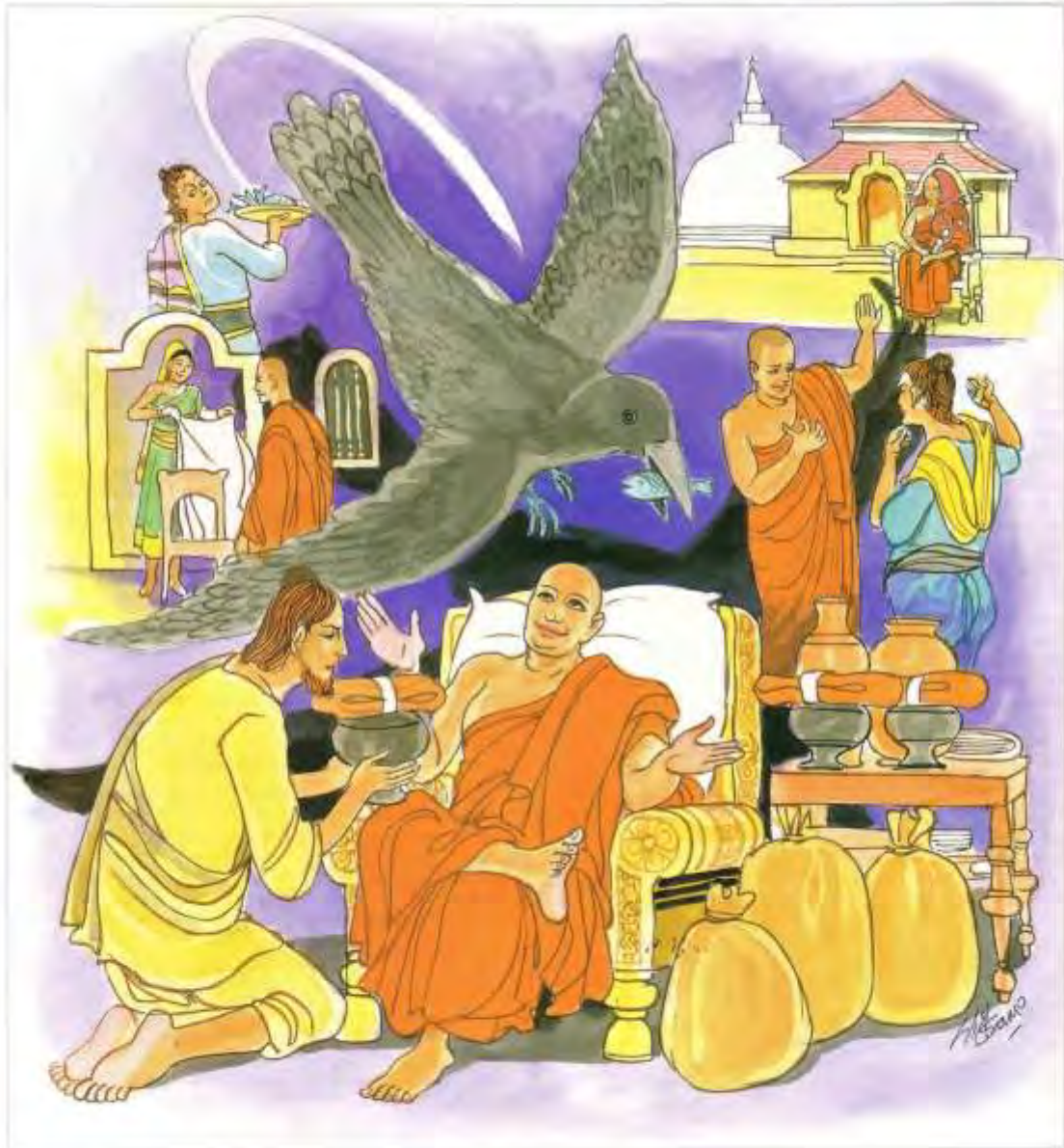
DỊCH GIẢ CẢN ĐỀ

*Tu thật, làm sao cũng chịu nghèo
Giả thì hồng mắt hạnh Tỳ khưu
Mỗi ngày quán tưởng, tùy duyên sống
Hàng bữa tham thiền, liệu sự đeo
Tà mạng, lòng no ăn giống quạ
Chánh tâm, bụng đói như nhữ như mè
Thánh phàm hai hạng, xưa từng vậy
Rằng khổ, rằng vui chớ trả treo...*

DỨT TÍCH TỖ KHƯU CŪLASĀRI



¹ 1- Cho tre, 2- Cho lá, 3- Cho hoa, 4- Cho trái, 5- Cho cây đánh răng, 6- Cho nước rửa mặt, 7- Cho vật tắm gội, 8- Cho phần sấp, 9- Cho đất sét, 10- Nịnh bợ, 11- Nói nửa thật nửa đùa, 12- Giúp đỡ, 13- Làm công nhân, 14- Làm thầy thuốc, 15- Đem tin, 16- Làm tay sai, 17- Cho ăn bát trước, 18- Cho qua cho lại, 19- Làm thầy địa lý, 20- Xem thiện văn, 21- Xem tướng coi tay.



244. Dễ thay sống trơ tráo, lỗ mãng như quạ diều, miệng bêu rêu, ngạo mạn. Lòng ô nhiễm, tự kiêu.



245. Khó thay sống khiêm tốn. Thanh tịnh tâm vô tư, giản dị đời trong sạch, sáng suốt trọn kiếp người.

XVIII.7- NĂM CẬN SỰ NAM (VỚI NAM GIỚI)

(*Yo pāṇamatimāpetīti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 246-247-248)

246. “Yo pāṇaṃ atiteti Musāvādañ ca bhāsati Loke adinaṃ ādiyati Paradārañ ca gacchati”.	“Ai sống hại sinh linh, Nói láo trong đời này, Lấy của người không cho Qua lại với vợ người”.
247. “Surāmerayapānañ ca Yo naro anuyuñjati Idh’evam eso lokasmiṃ Mūlaṃ khaṇati attano”.	“Lại rượu chè say sưa, Người sống đời sống ấy, Tất chính ngay đời này, Tự đào bỏ thiện căn”.
248. “Evaṃ bho purisa jānāhi Pāpadhammā asaññatā Mā taṃ lobho adhammo ca Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ”.	“Vậy người hãy nên biết, Chế ác chẳng dễ gì, Chớ tham lam phi pháp, Mà trường khô lụy thân”.

Pháp cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài trú tại Tịnh xá Jetavana, đề cập đến năm ông thiện nam.

Trong năm ông, có một vị giữ giới sát sanh, bốn vị kia mỗi vị giữ một giới khác nhau.

Một hôm cả năm người tranh luận cùng nhau rằng: “Tôi giữ được giới khó giữ nhất”. Rồi họ mang câu chuyện trình lên Đức Thế Tôn. Nghe xong câu chuyện, Đức Thế Tôn không xác định là giới nào khó giữ nhất, là kém nhất mà Ngài lại dạy rằng:

- Tất cả năm giới đều khó hành trì như nhau.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

246. “Yo pāṇaṃ atiteti Musāvādañ ca bhāsati Loke adinaṃ ādiyati Paradārañ ca gacchati”.	“Ai sống hại sinh linh, Nói láo trong đời này, Lấy của người không cho Qua lại với vợ người”.
247. “Surāmerayapānañ ca Yo naro anuyuñjati Idh’evam eso lokasmiṃ Mūlaṃ khaṇati attano”.	“Lại rượu chè say sưa, Người sống đời sống ấy, Tất chính ngay đời này, Tự đào bỏ thiện căn”.
248. “Evaṃ bho purisa jānāhi Pāpadhammā asaññatā Mā taṃ lobho adhammo ca Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ”.	“Vậy người hãy nên biết, Chế ác chẳng dễ gì, Chớ tham lam phi pháp, Mà trường khô lụy thân”.



CHÚ GIẢI:

Yo pānaṃ atiteti: Bằng một lối nào trong sáu payoga (phương thế) bằng thân, khẩu hoặc ý cắt đứt mạng căn của kẻ khác.

Musāvādaṃ: Người nào nói lời dối trá và phá nát lợi ích của những người khác.

Loke adinaṃ ādiyati: Bằng một cách nào trong các cách trộm cắp trong thế gian này mà lấy cắp vật người khác gìn giữ.

Paradāraṇ ca gacchati: Làm điều sai quấy khi xâm phạm những tài vật có kẻ khác bảo vệ.

Surāmerayapānaṃ: Bất cứ thứ rượu hay thứ nước có chất say nào.

Anuyuñjati: Hằng sống nương vào, hằng thực hành làm cho phát sanh, phát triển.

Mūlaṃ khaṇati: Khởi căn nói đến đời sau, chính trong kiếp hiện tại đây, tài sản nào như ruộng vườn, nhà cửa... đã tạo được bằng tiền, không biết khuếch trương thêm lại tuôn ra bán lần mà uống rượu là tự mình đang đào gốc tài sản của chính mình để rồi trở thành kẻ bần cùng, nghèo khổ xin ăn.

Evam bho: Người vi phạm năm giới cấm được kêu gọi thân mật là bho.

Pāpadhammā: Những pháp thấp hèn tội lỗi.

Asaññatā: Người vô độ, không tiết chế thân, khẩu lại mãi miết trong sự buông lung, người vô tư lự (acittako).

Lobho adhammo ca: Tham và sân hận đều là bất thiện cả hai.

Ciraṃ dukkhāya randhayuṃ: Chớ phạm ngũ giới nhất là sát sanh, để khỏi sa vào cảnh khổ như địa ngục, lâu dài không được siêu thoát.

Cuối thời pháp cả năm thiện nam đều chứng đạt Tu Đà Hườn quả. Thính chúng câu hội cũng đạt được nhiều lợi ích.

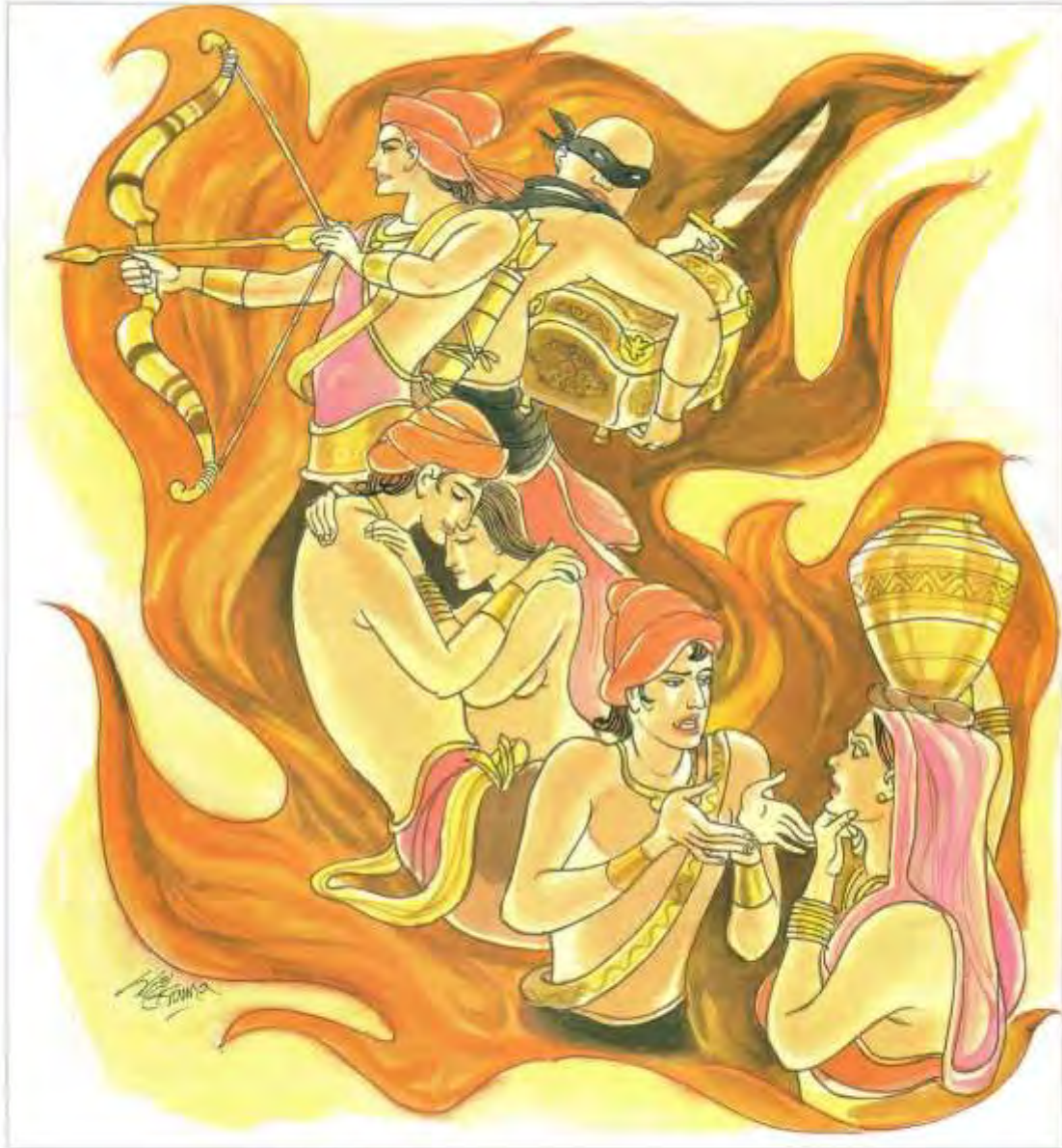


Dịch Giả Cần Đề

*Năm giới đầu tiên nếu chẳng gìn giữ
Đừng hòng thoát khỏi ngục U minh
Sát sanh, trộm cắp đều nên sợ
Uống rượu, tà dâm thật đáng kinh
Nói dối, cười chơi, thường uống tiếng
Rửa ngay, thọc xéo chỉ làm thinh
Cư gia khó bước vô dòng Thánh
Lỗi tại tham sân, khiến lụy mình.*

DỨT TÍCH NĂM THIỆN NAM GIỮ GIỚI





246. Ở đời ai sát sanh, lão thoát không chân thật, lừa đảo trộm tài vật, gian díu vợ người ta...



247. ...và người nào đam mê việc uống rượu và chất lên men, kẻ ấy đào bới gốc rễ của chính mình ở ngay tại nơi đây, trên thế gian này.



248. Bạc thiện hơn nên biết, không tự chế là ác, đừng dễ tham, phi pháp, dìm người khổ triền miên.

XVIII.8- TISSA NHÀ SƯ TRẺ (HAY CHÊ)

(Dadāti ve yathasaddhanti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 249-250)

249. “Dadāti ve yathāsaddham
Yathāpasādanam jano
Tattha yo yathāsaddham
Paresam pānabhojane
Na so divā vā rattim vā
Samādhim adhigacchati”.

*“Do tín tâm, hỷ tâm,
Loài người mới bỏ thí
Kẻ sanh lòng đố kỵ,
Vật thực cúng đến người,
Ngày đêm không an tịnh”.*

250. “Yassa cetam sammucchinna
Mūlaghaccham samūhāta
Save diva vā rattim vā
Samādhim adhigacchati”.

*“Những ai đã đoạn tận
Dứt trừ tâm ganh tỵ,
Ban ngày lẫn ban đêm,
Tâm hằng được tịnh lạc”.*

Pháp Cú này Đức Bôn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Tỳ khuru Tissa.

Người ta nói rằng: Vị Sa môn trẻ này thường hay chê sự cúng dường, bỏ thí của Trưởng giả Anāthapiṇḍika, của Bà Visākhā, chê luôn cả sự bỏ thí của 50 triệu Thánh Thinh Văn, cho đến cuộc Vô song thí của Đức Vua Pasenadi cũng bị vị ấy chê tuốt. Vào trong Phước xá, nếu được vật nguội thì vị ấy chê là vật thực quá nguội, được vật thực nóng thì lại chê là đồ nóng. Thí chủ đặt bát thì bị vị ấy quở rằng: “Sao lại đặt bát ít thế?”. Còn nêu dâng nhiều thì bị nói rằng: “Có lẽ trong nhà này không còn chỗ cất giữ vật thực sao? Nên họ không biết cúng dường vừa phải để Tỳ khuru vừa đủ nuôi mạng thôi, lại dâng cúng quá nhiều cháo cơm như thế này, thật là phí phạm quá”.

Tuy nhiên, khi nói đến quyền thuộc của mình, nhà sư lại đổi giọng khen ngợi rằng: “Ồ! Ngôi nhà của quyền thuộc chúng tôi thật là quán nước, tha hồ chư Khách Tăng từ bốn phương tựu đến”.

Thật sự thì, vị sư trẻ này vốn là con của người gác cổng thành, nhân đi chung với nhóm thợ mộc, phiêu du khắp nơi, đến thành Sāvathī, rồi y xin xuất gia.

Khi chư vị Tỳ khuru thấy vị sư trẻ này cứ chê sự bỏ thí cúng dường của người khác thì nghĩ rằng: “Chúng ta hãy tìm hiểu sự thật về ông sư này đi”. Chư khách tăng hỏi vị ấy rằng:

- Này hiền giả! Quyền thuộc của hiền giả ở đâu?
- Ở nơi làng ấy, nơi trú xứ ấy.

Chư vị Tỳ khuru phái vài vị Tỳ khuru trẻ đi dò hỏi. Các vị đi đến làng ấy, được thôn dân cung thỉnh vào ngồi trong Ký túc xá. Chờ đợi họ cúng dường vật thực xong, các vị hỏi rằng:

- Có vị sư trẻ tên Tissa, gốc người ở làng này đi xuất gia. Ở đây, ai là thân nhân của vị ấy?

Những người dân nghĩ rằng: “Làng này không có ai là con nhà vọng tộc đi xuất gia cả, vì sao các vị này lại hỏi như thế?”.

Họ bạch rằng:

- Bạch Ngài! Chúng tôi có nghe rằng một cậu con trai của người giữ công thành, sau khi phiêu lưu cùng với nhóm thợ mộc đã xuất gia rồi. Có lẽ Ngài hỏi về vị ấy phải chăng?

Các vị Tỳ khuru biết được vị Sa môn trẻ Tissa kia không có quyền thuộc giàu sang, thế lực ở tại đó, nên trở về thành Sāvattthī thuật lại với Tăng chúng rằng:

- Bạch các Ngài! Thầy Tissa không phải nói thật, đã bày chuyện vô cớ, nói nhảm nhí mà thôi.

Chư Tăng mang câu chuyện bạch trình lên Đức Thế Tôn, Ngài phán dạy rằng:

- Nay chư Tỳ khuru! Chẳng phải bây giờ Tissa mới khoe khoang khoác lác. Thưở xưa, y cũng đã từng như thế rồi.

Chư Tỳ khuru thỉnh cầu Đức Bôn Sư thuyết giảng Bôn sanh, Ngài thuật lại tiền tích với kệ ngôn rằng:

*“Bahumpi so vikattheyya aññam janapadam gato
Anvāgantvāna dūseyya bhuñja bhoge kaṭāhakāti”.*

*“Khoe khoang khoác lác lung tung
Đã qua xír lạ ai lùng mà lo
Hại thay, bị kẻ theo dò...
Kaṭāhaka, ăn no đi nò!...”*

Sau khi thuật xong Bôn sanh Kaṭāhaka, Đức Bôn Sư dạy rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Nếu vị nào cảm thấy hổ thẹn vì được người dưng cúng ít hoặc nhiều, thô đạm hoặc thanh quý, hoặc không được cúng dường sau khi mình đã dâng phần mình cho những người khác, thì thiền định (ghānam) hoặc Minh sát (Vipassanā) hoặc Đạo quả (Maggaphalāni) không phát sanh đến vị ấy.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

249. “Dadāti ve yathāsaddham Yathāpasādanam jano Tattha yo yathāsaddham Paresam pānabhojane Na so divā vā rattim vā Samādhim adhigacchati”.	<i>“Do tín tâm, hỷ tâm, Loài người mới bố thí Kẻ sanh lòng đố kỵ, Vật thực cúng đến người, Ngày đêm không an tịnh”.</i>
--	---

250. “Yassa cetam sammucchinam Mūlagaccham samūhātam Save diva vārattim vā Samādhim adhigacchati”.	<i>“Những ai đã đoạn tận Dứt trừ tâm ganh tỵ, Ban ngày lẫn ban đêm, Tâm hằng được tịnh lạc”.</i>
---	--

CHÚ GIẢI:

Dadāti ve yathāsaddham: Con người ta khi dâng cúng món chi dầu thô bạc hay thanh quý cũng đều tùy theo đức tin của mình mà dâng cúng cả.

Tathā padānam: Người phát tâm trong sạch đối với các vị Đại Đức Trưởng Lão... khi dâng cúng đến các vị ấy là dâng cúng tùy tâm trong sạch của mình.

Tattha: Trong sự bố thí (vật thí) của người khác, có trạng thái hổ thẹn sanh lên, nghĩ rằng: “*Ta được ít, ta được đồ thô bạo*”.

Samādhim: Ban ngày hoặc ban đêm, người ấy không đắc thiên định như cận định, chánh định hoặc Đạo quả.

Yassa cetam: Người nào đã cắt đứt, đã nhổ bật gốc rễ trạng thái bất thiện, có tên là sự hổ thẹn trong những chỗ ấy và đắc A La Hán đạo tuệ. Người ấy là người chứng đạt thiên định ấy.

Cuối thời Pháp nhiều vị Tỳ khưu chứng Thánh Quả, nhất là quả vị Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cẩn Đề

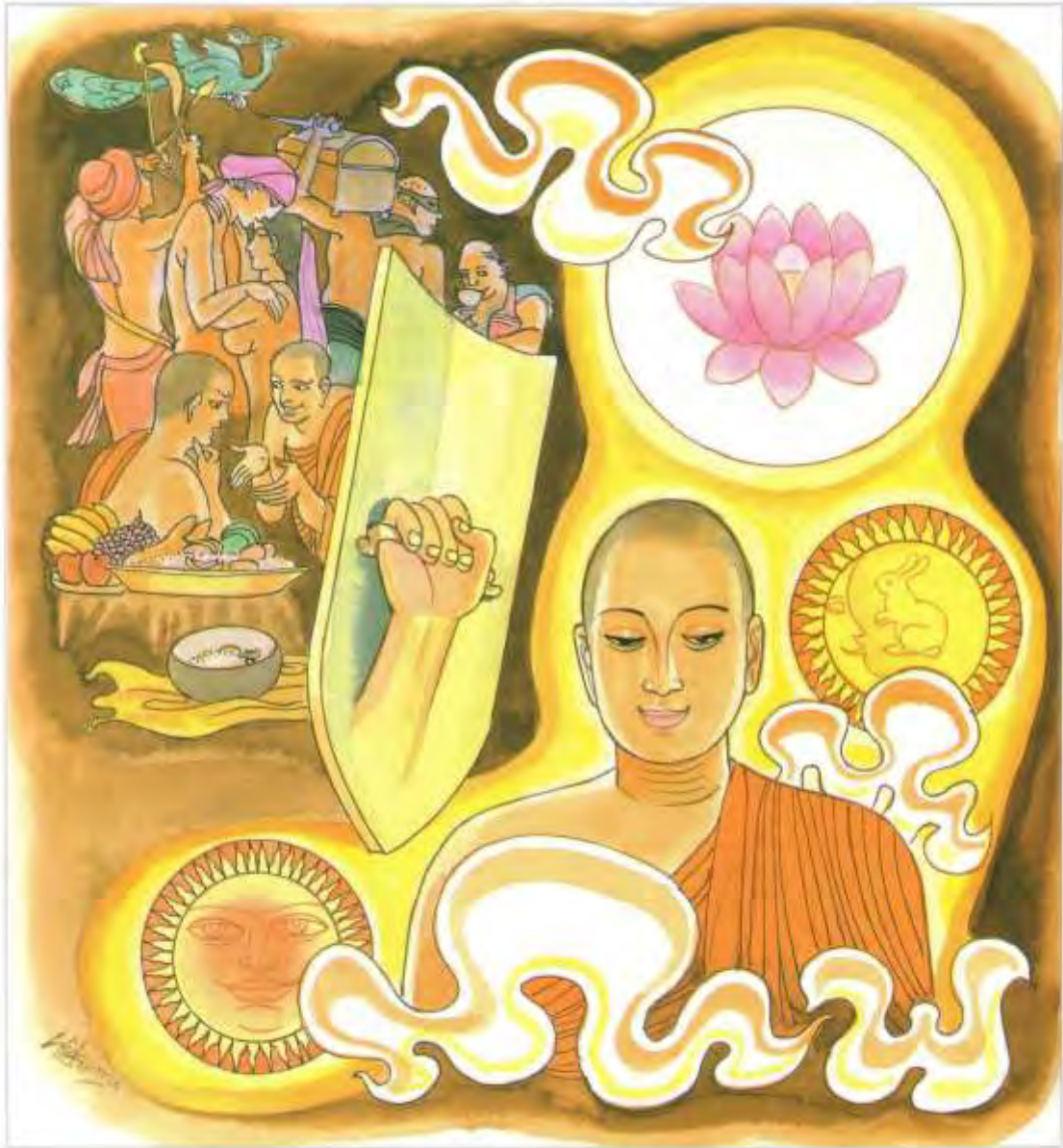
*Ai ngờ Sư trẻ gốc nhà quê
Lại giả làm sang cứ nhúng trề
Thọ ít, than phiền dâng ít quá
Dâng nhiều, trách móc: thọ nhiều ghê
Bày điều quyến thuộc ta giàu có
Đặt chuyện anh em tớ bộn bề
Rốt cuộc để lòi gương mặt mốc
Chê người, sao khỏi bị người chê?...*

DỨT TÍCH NHÀ SƯ TRẺ HAY CHÊ





249. Do tín tâm hoan hỷ, nên người ta bỏ thí, ai đem lòng ganh tị, miếng ăn uống của người, kẻ ấy trong tâm tư, ngày đêm chẳng an tịnh.



**250. Ai nhỏ, chặt gốc rễ; tận diệt thói ghét ghen;
người ấy cả ngày đêm; tâm thường được an tịnh.**

XVIII.9- NĂM CẬN SỰ NAM THÍNH PHÁP

(*Natthi rāgasamo aggīti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 251)

**“Natthi rāgasamo aggi
Natthi dosasamo gaho
Natthi mohasamaṃ jālaṃ
Natthi taṇhāsamā nadi”.**

***“Không lửa nào bằng tham!
Không chấp nào bằng sân!
Không lưới nào bằng si!
Không sông nào bằng ái!”.***

Pháp Cú này được Đức Bổn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến năm cận sự nam.

Năm cận sự nam này muốn đi nghe Pháp, bèn rủ nhau đến chùa, đánh lễ Đức Bổn Sư rồi ngồi nép lại một bên nghe Pháp. Tâm bậc Chánh Đẳng Giác không bao giờ khởi lên, nghĩ rằng: “*Đây là Sát Đế Ly, đây là Bà La Môn, người này là Trưởng Giả, kẻ ấy là Thủ Đà La (dòng nô lệ). Đây là người giàu, nọ là kẻ nghèo. Đối với người này ta sẽ thuyết pháp cao siêu, đối với người kia ta sẽ thuyết trung bình. Còn đối với người này ta sẽ không thuyết*”. Dầu bất cứ đối tượng nào, thuyết pháp nào, Ngài vẫn giữ lấy Pháp làm trọng yếu, thuyết Pháp như Thiên Hà đổ từ cao xuống vậy (*ākāsaṅgā*).

Trong khi Đức Như Lai đang thuyết giảng Pháp như thế: Năm cận sự nam có năm trạng thái khác nhau: Một ông thì ngủ gật, một ông thì dùng ngón tay xúi dưới đất, ông kia thì ngồi lắc một cái cây, một ông nhìn lên trời, chỉ có một vị ngồi chăm chú lắng nghe Pháp mà thôi.

Đang quạt hầu Đức Thế Tôn, Đại Đức Ānanda nhìn thấy những hành động ấy, bèn bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Ngài, Ngài thuyết pháp cho các người này nghe, ví như trời sấm sét trong trận mưa to, thế mà họ lại hành động như thế này thế nọ trong khi Ngài đang thuyết giảng Pháp.

- Này Ānanda! Người không biết gì về những cận sự nam này ư?

- Bạch Ngài! Con không biết.

- Trong những ông ấy, người ngồi ngủ gật đã từng là rắn năm trăm kiếp và mỗi kiếp đều tựa đầu lên mang mà ngủ. Bây giờ ông ta vẫn mê ngủ như thế. Không có tiếng nói nào của ta lọt vào tai ông ta cả.

- Bạch Ngài! Xin Ngài giải rõ sự tái sanh của ông ta tuần tự diễn tiến hay là có bị gián đoạn?

- Này Ānanda! Có khi ông sanh làm người, có khi ông sanh làm chư Thiên, có khi làm Long Vương. Sự tái sanh của ông ta nhiều vô số kể, không thể biết chính xác số lượng. Nhưng trong năm trăm kiếp liên tục, ông đã sanh làm rắn và cứ mê ngủ như thế, cho đến kiếp này vẫn còn mê ngủ như thế.

Người dùng tay xúi đất kia, đã sanh làm con trùn năm trăm kiếp liên tục, cứ lo đào đất mãi. Bây giờ do thói quen từ trước, ông ta cứ lo xúi đất như thế, tiếng của Như Lai không vào tai ông ta được.

Ông đang ngồi lác cây, thì đã từng là khỉ liên tục năm trăm kiếp, vì thói quen tạp nhiễm như thế, ông ta cứ lo lác cây chớ không lắng nghe Pháp Như Lai.

Còn ông Bà la môn nhìn trời do đã từng là nhà thiên văn trọn năm trăm kiếp liên tục. Giờ đây do thói quen tạp nhiễm nên cứ ngồi nhìn trời như thế. Tiếng nói của ta không lọt vào tai của ông.

Vị Bà la môn ngồi nghe Pháp chăm chú kính cẩn, thì đã từng sanh liên tiếp năm trăm kiếp là vị Bà la môn trì tụng Tam Phệ Đà, chuyên việc tham thiền niệm chú, bây giờ cũng ngồi kính cẩn nghe Pháp, giống như đang niệm chú vậy.

- Bạch Ngài! Pháp của Ngài thuyết banh da xẻ thịt, thấu tận xương tủy. Tại sao trong khi Ngài thuyết pháp, mấy ông này lại không chăm chú nghe?

- Này Ānanda! Người ngỡ rằng Pháp Như Lai thuyết là dễ nghe lắm sao? Dễ lãnh hội lắm sao?

- Bạch Ngài! Ngài cho rằng Pháp ấy khó lãnh hội lắm sao?

- Thật như vậy, này Ānanda.

- Tại sao vậy? Bạch Ngài.

- Này Ānanda! Những chúng sanh này đã trải qua vô số trăm ngàn kiếp trái đất, chưa từng nghe tiếng Đức Phật, Đức Pháp, Đức Tăng, cho nên bây giờ không thể nghe được Pháp của ta thuyết đây.

Trong vòng luân hồi vô thủy, những chúng sanh này chỉ thường nghe ngôn ngữ của cảm thú dưới mọi hình thức, bởi vậy họ quen la cà tại những nơi mà người ta ăn uống vui chơi, ca hát, nhảy múa. Họ không thể nào nghe Pháp được.

- Bạch Ngài! Tại có nào mà họ không thể nghe Pháp được.

- Này Ānanda! Không thể nghe Pháp được tại vì tham (Rāga), tại vì sân (Dosa), tại vì si (Moha). Không có lửa nào bằng lửa tham, một thứ lửa không thấy tro than mà hằng thiêu đốt chúng sanh. Lửa nung từ bảy mặt trời sanh lên trong Hoại kiếp của trái đất để thiêu đốt cháy tan thế gian này, thứ lửa ấy có lúc thiêu đốt, có lúc không có để thiêu đốt. Còn lửa tham thì không lúc nào là không thiêu đốt cả. Bởi thế mới gọi rằng: “*Không có lửa nào bằng lửa tham, không chấp nào bằng sân, không lưới nào bằng si, không sông nào bằng sông ái*”.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Natthi rāgasamo aggi
Natthi dosasamo gaho
Natthi mohasamaṃ jālam
Natthi taṇhāsamaṃ nadi”.

“*Không lửa nào bằng tham!
Không chấp nào bằng sân!
Không lưới nào bằng si!
Không sông nào bằng ái!*”.



CHÚ GIẢI:

Rāgasamo aggi: Mặc dầu bên ngoài không thấy có khói, nhưng sức thiêu đốt của tham phát khởi bên trong không có lửa nào sánh bằng.

Dosasamo: Mặc dầu Dạ xoa, con trăn, con sấu... có thể cầm giữ quán chặt, gáp cái xác thân này, nhưng so với sự sân thì sự nắm chắc hay cố chấp, không có lưới nào bằng lưới si.

Tañhā samā: Các sông rạch, khi nước lớn, khi nước ròng và khi cạn hết cũng đều có thể thấy rõ được. Còn khát ái (*tañhā*) không có khi đầy tràn hoặc khô cạn. Luôn luôn lúc nào cũng thấy nó thiếu thốn. Về sự khó làm cho đầy của khát ái, không có sông nào sánh bằng.

Cuối thời Pháp, ông cận sự nam chăm chú nghe Pháp chứng đắc quả Tu Đà Hườn. Hội chúng cũng được hưởng nhiều sự lợi ích.



Dịch Giả Cẩn Đề

- Ông ngồi nhắm mắt ngáy o o...
Mặc Pháp cao siêu cứ ngủ khò
Thở trước đã từng quen tánh rắn
Năm trăm kiếp ngủ ít buồn lo.
- Ông ngồi sỏi đất chẳng nghe kinh
Tánh cũ thường quen lủ xuống sinh
Sợ đói đêm ngày, trùn kiếm đất
Ngờ đâu đất vẫn ở quanh mình
- Ông lắc cây kia giữ tánh xưa
Năm trăm kiếp khi nét không chừa
Ngồi nghe thuyết Pháp tai dờng điếc
Tâm động, người ông cứ đẩy đưa.
- Ông này ngồi cứ ngó trên không
Quen tánh xem trời, đoán kiết hung
Tai chẳng buồn nghe Kinh Phật thuyết
Tâm còn bận nghĩ chuyện mông lung.
- Còn ông kính cẩn ráng nghe kinh
Do biết tham thiền, đắc quả linh
Được Phật nhắc vài câu Pháp Cú
Năm trăm kiếp đạo đủ công trình.

DỨT TÍCH NĂM ÔNG THIỆN NAM NGHE PHÁP





251. Lửa nào cho bằng cái lửa tham lam, chấp nào cho bằng cái chấp tức giận, lưới nào cho bằng cái lưới vô minh, sông nào cho bằng cái sông ái dục.

XVIII.10- TRƯỞNG GIẢ MENḌAKA

(*Sudassaṃ vajjamaññesanti*)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 252)

“Sudassaṃ vijjaṃ aññesaṃ
Attano pana duddasaṃ
Paresaṃ hi so vajjāni
Opuṇāti yathā bhusaṃ
Attano pana chādeti
Kalim’va kitavā saṭho”.

“Thấy lỗi người thì dễ,
Thấy lỗi mình mới khó,
Lỗi người ta phan tìm,
Như tìm trấu trong gạo.
Còn lỗi mình thì dẫu,
Như thợ săn dẫu mình”.

Pháp Cú này, Đức Bổn Sư đã thuyết ra khi Ngài ngự tại Jāṭiyā gần thành Bhaddiya, đề cập đến Trưởng Giả Menḍaka (Miên Dương).

Tương truyền rằng: Trong khi đi vân du trong xứ Aṅguttara, Đức Thế Tôn quán thấy: Ông Trưởng giả Menḍaka cùng vợ là Candapadumā (Nguyệt Liên), con trai Dhanañjaya (Tài Thắng), người dâu Sumanadevī (Tổ Tâm Nương Tử), cô cháu gái Visākhā (Thiện Chi) và người đầy tớ Puṇṇa (Viên Mãn), tất cả đều có duyên lành với Thánh Quả Tu Đà Hườn. Nên Ngài ngự đến thành Bhaddiya, an cư trong rừng Jāṭiyā, Trưởng giả Menḍaka hay tin Đức Thế Tôn đã ngự đến rồi.

Vì sao có tên là Menḍaka? Người ta đồn rằng: Phía sau nhà của Trưởng Giả, trong một khoảng đất Karīsa (lối 8 mẫu) có nhiều con cừu (Miên dương trừu) bằng vàng, lớn cỡ con voi, con ngựa và con bò mộng, đội đất hiện ra đứng nối đuôi nhau, đầu lưng cùng nhau chập cả khoảng đất. Trong miệng chúng có những cuộn chỉ. Khi nào cần dùng năm món thuốc như bơ, sữa, mật, đường, dầu hoặc vải vóc, y phục hay vàng ròng, vàng thô... người ta móc cuộn chỉ trong miệng con dê ra, chỉ một con cũng đủ số lượng sữa, bơ, đường... hay vàng ròng, vàng thô cần dùng đủ cho tất cả dân trong cõi Diêm Phù Đề. Nên Trưởng giả có tên gọi là Menḍaka (Miên Dương).

Ông đã tạo thiện nghiệp gì trong quá khứ?

Theo truyền thuyết, vào thời Đức Phật Vipassī, ông có người cậu là Trưởng giả Avarajavā và ông cũng đồng tên như cậu của mình.

Bấy giờ, người cậu dự kiến xây dựng một Hương thất. Ông đến gặp mặt cậu và đề nghị:

- Thừa cậu, hai cậu cháu mình hợp tác nhau mà làm nhé.
- Cậu không muốn làm chung với ai cả. Cậu chỉ làm một mình thôi.

Bị cậu từ chối không cho hợp tác, ông nghĩ thầm: “*Khi nào Hương thất này cất xong thì ta sẽ cất thêm một cái Tượng đình (Kuñjarasāla)*”. Thế rồi, ông khiến người mang vật liệu từ rừng về, dựng thành một cây trụ cần vàng, một cây cần bạc, một cây cần ngọc Maṇi. Tất cả những cột kèo, đòn tay, ngạch cửa cái, cửa sổ, mái hiên, nóc, mái lợp ông cũng đều cho cần bằng vàng, bạc và ngọc Maṇi như thế. Rồi đối diện với Hương thất, ông cho dựng lên ngôi tượng đình của Đức Như Lai toàn bằng bảy báu. Trên nóc Tượng đình có ba cái tháp nhọn bên dưới bằng vàng khối, bên trên bằng

ngọc San hô. Ngay chính giữa tượng đình, ông cho làm một cái nhà bằng Bảo ngọc và cho thợ làm bốn con trờu bằng vàng kê dưới chân Pháp tọa. Làm thêm hai con trờu để làm ghé kê chân và sáu con khác cũng bằng vàng bao quanh ngôi Giảng Pháp đường. Bên dưới Pháp tọa ông cho dệt bằng chỉ thường, lớp giữa là chỉ vàng và bên trên là chỉ bạc, còn chỗ dựa lưng của Pháp tọa là gỗ Chiên đàn.

Khi hoàn tất ngôi Tượng đình, ông tổ chức lễ khánh thành, cung thỉnh Đức Thế Tôn cùng với sáu triệu tám trăm ngàn Tỳ khưu đến dự lễ, rồi cúng dường vật thực suốt bốn tháng. Đến ngày cuối, ông cúng dường Tam y đến toàn thể Chư Tăng, mỗi bộ có giá trị là cả ngàn đồng Kahāpana.

Trong thời Đức Phật Vipassī, ông đã tạo phước lành như thế, nên luân chuyển hai cõi nhân thiên cho đến hiền kiếp (Bhaddakappa) này. Ông tái sinh vào một đại gia tộc Trưởng giả ở thành Bārāṇasī và được phong chức Trưởng giả nơi thành ấy.

Một hôm, trong lúc vào cung hầu Đức vua, ông gặp vị Quân Sư tế tự, hỏi rằng:

- Thưa Quân Sư! Ngài vẫn thường xem thiên văn để tiên đoán Quốc sự đấy chứ?
- Phải rồi, tôi vẫn thường làm việc này, ngoài ra tôi còn có đảm nhận việc gì khác đâu.
- Xin Quân Sư cho biết tình hình trong nước như thế nào?
- Sẽ có một thiên tai nặng nề.
- Thiên tai chi thế?
- Nạn đói sẽ hoành hành, Trưởng giả ạ.
- Chùng nào mới có nạn đói?
- Kể từ nay cho đến ba năm nữa.

Được nghe lời tiên đoán của vị Quân Sư tế tự, Trưởng giả thành Bārāṇasī đốc thúc người nhà làm thật nhiều ruộng, xuất hết tiền của hiện đang có mua trữ thóc gạo, cho xây dựng 2500 kho, vừa chứa lúa, đồ đầy kho vừa ấy. Khi kho hết chỗ chứa lúa, ông cho đồ đầy các lu, hũ... và cho đào hố chôn dưới đất. Số còn dư sau cùng ông cho nhào trộn cùng đất sét rồi trét lên vách nhà.

Thời gian sau, khi có nạn đói, ông cho lấy số lúa được tích trữ ra mà dùng. Khi số lúa để dành trong các kho lẫm, các đồ đựng đã hết sạch. Trưởng giả cho triệu tập tất cả gia nhân đến, bảo:

- Các người hãy vào trong núi mà sống chung với nhau. Đến thời hết nạn đói thì trở về, ai muốn về với ta thì về, bằng không thì cứ ở luôn nơi đó đi.

Bấy giờ, chỉ còn có người nô lệ tên Punṇa là ở lại phục dịch hầu hạ chủ mà thôi. Gia tộc chỉ còn lại tổng cộng là năm người: hai ông bà Trưởng giả, cậu công tử, cô dâu và người tớ Punṇa. Dùng số lúa chôn dưới đất đã hết, bà Trưởng giả đập số đất sét trét tường ra, lọc lấy những hạt thóc để nấu cơm, cháo sống qua ngày. Khi nạn đói kéo dài, số hạt thóc trét tường cũng hết, chỉ còn lại độ nửa ālahaka lúa, giã ra được một lon gạo. Bà Trưởng giả tự nghĩ: *“Trong thời đói kém, kẻ trộm cướp rất nhiều”*. Vì sợ trộm cướp bà bỏ gạo vào cái vò, đem chôn dưới đất.

Khi Trưởng giả đi châu Vua về, ông bảo vợ rằng:

- Bà ơi! Tôi đói bụng quá, có chi cho tôi ăn không?

Thay vì nói “*Không có chi*”, vợ ông lại nói:

- Thưa ông! Còn một lon gạo.

- Bà để ở đâu?

- Tôi chôn dưới đất vì e sợ trộm cắp.

- Vậy bà hãy đào lên lấy chút ít nấu cơm đi.

- Nếu tôi nấu cháo thì sẽ dùng được hai bữa. Còn nấu cơm thì chỉ dùng được một bữa thôi. Vậy tôi sẽ nấu cái chi đây thưa ông?

- Chúng ta chỉ còn nước ăn cơm rồi chờ chết, chớ còn làm cái chi nữa đâu. Bà hãy nấu cơm đi.

Bà trưởng giả lấy gạo nấu cơm, rồi chia làm năm phần, xúc trong nồi ra một phần đầy một bát của ông Trưởng giả, để trước mặt ông.

Bấy giờ, trong núi Gandhamādana (Hương Đàn) có vị Độc Giác Phật vừa xuất thiên Diệt. Theo truyền thuyết, trong lúc nhập Đại Định, vị Độc Giác Phật không bị sự áp bức của đói khát do nhờ mãnh lực thiên định. Nhưng khi xuất khỏi định, sự đói khát phát khởi mãnh liệt, như có lửa đốt phía bụng dưới các Ngài. Bởi thế, các Ngài quán xét nơi nào có được vật thực là Ngài sẽ đến ngay nơi đó để thọ nhật vật thực. Trong ngày ấy, người cúng dường đến vị ấy sẽ được quả sanh khởi ngay trong hiện tại mau chóng, chẳng hạn như sẽ trở thành vị Trưởng giả hay trở thành quan Đại Thần... Khi Đức Phật Độc Giác dùng thiên nhãn quán xét cõi Diêm Phù, thấy nạn đói đang hoành hành và hình ảnh năm người trong gia tộc Trưởng giả lọt vào võng trí của Ngài, thấy cả năm người chỉ còn có một lon gạo để nấu cơm. Ngài tự hỏi: “*Những người này có đức tin và cúng dường đến ta chăng?*”. Khi quán thấy họ có đức tin và có sự cúng dường vật thực đến mình. Đức Phật Độc Giác từ núi Gandhamādana ngự xuống, đứng trước nhà ông Trưởng giả.

Thấy Ngài, Trưởng giả phát tâm trong sạch, nghĩ rằng: “*Vì kiếp trước ta không làm phước bố thí, nên kiếp này gặp phải cảnh đói khát như thế này. Phần cơm này chỉ hộ trì ta sống được một bữa, nhưng nếu ta cúng dường nó đến Ngài, nó sẽ có lợi ích cho ta vô số kiếp trái đất*”.

Thế rồi, Trưởng giả dời bát cơm qua một bên, đánh lễ dưới chân Đức Độc Giác với ngũ thể đầu địa, đoạn rước Ngài vào nhà, thỉnh Ngài ngồi nơi được soạn sẵn, dùng nước rửa chân Ngài, đặt ghế thấp bằng vàng cho Ngài gác chân. Xong rồi đem cúng dường bát cơm của mình đến Đức Độc Giác Phật. Khi ông rót được phân nửa bát cơm thì Đức Phật Độc Giác dùng tay ngăn lại. Trưởng giả thưa rằng:

- Bạch Ngài! Một lon gạo nấu thành cơm, được chia cho năm người, đây là phần của con, không thể xẻ phần này ra làm hai được. Con không xin Ngài ban phước trong hiện tại, con chỉ cúng dường Ngài cả phần cơm này để lợi ích trong vị lai.

Nói rồi, Trưởng giả cúng dường trọn bát cơm đến Đức Độc Giác Phật, xong rồi ông phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Trong các cảnh giới Luân hồi, xin cho con đừng bao giờ gặp lại cảnh nạn đói như đây. Hơn nữa, từ nay về sau cho con có đủ phương tiện, khả năng bố thí lúa gạo cho tất cả cư dân trong toàn cõi Diêm Phù. Xin cho con khỏi phải làm lụng vất vả để nuôi sống. Sau khi cho người quét sạch 2500 kho lúa, con gọi đầu ngay trước những kho lúa ấy, khi ngẩng lên trời thì trận mưa lúa Sāli đổ từ trên hư không tràn ngập vào các kho vựa. Và trong những cảnh giới tái sanh, xin cho những người này sẽ là vợ, là con trai, là con dâu, là nô nhân như trong hiện tại đây.

Bà Trưởng giả suy nghĩ: “*Trong khi chồng ta nhịn đói xót ruột, ta không thể nào no bụng riêng mình được*”. Rồi bà cũng đem phần cơm của mình cúng dường đến Đức Phật Độc Giác, phát nguyện rằng:

- Bạch Ngài! Xin cho con từ nay trở đi, dầu tái sanh ở cảnh giới nào, đừng bao giờ cho con gặp lại cảnh đói khủng khiếp như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng bố thí cơm đến tất cả cư dân trong toàn cõi Diêm Phù, bằng cách đặt một nồi cơm trước mặt, con xúc cơm bô thí cách mấy nồi cơm vẫn đầy tràn lại như cũ, cho đến khi con đứng dậy mới thôi. Xin cho những người này sẽ là chồng con, con trai con, con dâu con và nô bộc của con y như quan hệ bây giờ.

Công tử con Trưởng giả cũng dâng phần cơm của mình lên Đức Phật Độc Giác và phát nguyện rằng:

- Xin cho con đừng bao giờ gặp lại nạn đói như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng, chỉ với một túi tiền đựng ngàn đồng, con có thể bố thí cho tất cả cư dân trên cõi Diêm Phù, dầu cho con có bô thí bao nhiêu, túi tiền vẫn không vơi. Xin cho những người này hãy là cha, là mẹ, là vợ, là nô bộc của con như quan hệ trong hiện tại này mãi mãi.

Cô dâu của Trưởng giả cũng dâng cúng phần cơm của mình đến Đức Phật Độc Giác và nguyện rằng:

- Xin cho con đừng bao giờ gặp nạn đói như vậy nữa. Xin cho con có quyền năng bố thí cho tất cả mọi người trên cõi Diêm Phù này, xin cho thúng mễ cốc mà con dùng bố thí chẳng bao giờ vơi. Trong các cảnh giới con tái sanh xin cho những người này là cha chồng, là mẹ chồng, là chồng và nô bộc của con như trong hiện tại đây.

Người tớ Punṇa cũng dâng phần cơm của mình đến Đức Phật Độc Giác, phát nguyện rằng:

- Xin cho con đừng gặp cảnh đói như vậy nữa. Xin cho tất cả những người này hãy là chủ của con mãi mãi.

- Khi con cày một đường cày thì mỗi bên lại có thêm ba đường cày ruộng cỡ một aminaṇa.

Trong ngày ấy, người tớ Punṇa có thể nguyện kết quả là vị Đại Thần được nhưng vì lòng mến chủ nên tự nguyện “Xin cho những người này mãi là chủ của con” như vậy.

Khi mọi người cúng dường và phát nguyện xong rồi, Đức Phật Độc Giác chúc phúc:

- Mong cho được như vậy.

Rồi tụng lên kệ ngôn mà chư Độc Giác hằng tụng chúc phúc khi thọ thực. Ngài suy nghĩ rằng: *“Ta có phận sự khiến cho những gia chủ này phát tâm hoan hỷ và tịnh tín hơn nữa. Mong cho những người này trông thấy ta về đến núi Gandhamādana”*. Ngài theo đường hư không về núi. Cả năm người chứng kiến như đang diễn ra trước mắt mình. Về đến núi Ngài mang phần cơm ra cúng dường đến 500 vị Độc Giác Phật. Nhờ thần lực của Ngài, cả 500 vị Độc Giác dùng cơm ấy vẫn không hết. Cả năm người chứng kiến quang cảnh ấy càng tịnh tín và hoan hỷ thêm lên.

Qua khỏi giờ Ngọ rồi, bà Trưởng giả đem nồi đi rửa, xong rồi đem cất. Ông Trưởng giả vì bụng còn cào do đói nên đi ngủ, đến xế chiều ông thức giấc nói với vợ rằng:

- Bà ơi! Tôi đói quá, bà coi dưới đáy nồi còn dư sót cơm chăng?

Dầu biết rằng đã rửa nồi cất rồi nhưng bà Trưởng giả không nói là *“Không còn gì đâu”*, mà lại nói:

- Để tôi giờ coi thử.

Bà đứng dậy đi đến cái nồi, giờ nắp nồi ra. Lạ thay! Trong nồi đầy ắp cơm trắng, mùi thơm như nụ hoa lài. Cơm nở vun lên đầy nắp nồi lên cao.

Thấy vậy, toàn thân bà Trưởng giả phát sanh phỉ lạc, bảo rằng:

- Ông ơi! Hãy dậy xem này, tôi đã rửa nồi cất đi rồi. Thế mà bây giờ trong nồi, cơm trắng xuất hiện thơm như những nụ hoa lài. Việc phước thiện quả thật đáng nên làm, việc bố thí thật đáng nên làm. Ông hãy ăn cơm đi.

Rồi bà mang cơm cho cả Trưởng giả, mình, công tử, con dâu và nô lệ Puṇṇa dùng. Mặc dầu cơm được xúc dùng no đủ nhưng vẫn đầy tràn trở lại như cũ không hề vơi đi một muống nào cả.

Cũng ngay trong lúc ấy, những kho lúa của Trưởng giả khi trước tràn đầy như thế nào, thì nay lại tràn đầy như thế ấy. Trưởng giả cho người lan truyền khắp thành Bārāṇasī rằng:

- Trong nhà Trưởng giả có cơm trắng phát sanh. Ai thiếu hụt lúa gạo hãy đến đó mà lãnh đi.

Thế là, tất cả dân trong cõi Diêm Phù nhờ ông Trưởng giả mà thoát khỏi nạn đói, được sống còn.

Sau khi mệnh chung, tất cả sanh về Thiên giới. Đến thời hiện tại, từ nơi Thiên giới Trưởng giả hạ sanh vào một gia tộc Trưởng giả trong thành Bhaddiya. Bà Trưởng giả cũng tái sanh vào một gia đình cự phú. Khi trưởng thành, hai người được thành gia tộc với nhau như quan hệ trong thưở trước. Do phước của tiền nghiệp, phía sau nhà Trưởng giả nổi lên những con trầu bằng vàng như đã nói ở trước. Cậu công tử, cô dâu và chàng nô bộc Puṇṇa cũng sum họp trong gia tộc như lời nguyện ước khi xưa.

Một hôm, để trải nghiệm quả phước của mình, sau khi cho người quét sạch một ngàn năm trăm kho lúa, ông gọi đầu tạt tại cửa kho, xong rồi ngược mắt nhìn lên hư không. Tất cả các kho lúa tự nhiên đầy ắp lúa Sāli đỏ như đã thuật ở trước.

Ông Trưởng giả muốn trải nghiệm phước của bà Trưởng giả nên bảo rằng:

- Các người hãy thử nghiệm quả phước của mình xem sao?

Bà Trưởng giả trang điểm thật xinh đẹp, đeo tất cả những nữ trang lên mình, ngay trước mặt đại chúng, bà đong một đấu gạo đầy đủ nấu một nồi cơm, bà ngồi lên chỗ đã soạn sẵn tại phòng khách tiết, tay cầm muống vàng, bà gọi lớn rằng:

- Ai cần dùng cơm hãy đến nơi đây.

Bất cứ người nào mang chén, tô... bà đều múc đầy cơm trắng vào cả. Bà cho cơm như thế suốt cả ngày mà nồi cơm trắng không hề vơi, vẫn tràn đầy như cũ.

Trong những kiếp trước nàng Candapadumā đã từng cúng dường đến chư Tỳ khưu Tăng của các vị Cổ Phật, cũng như bây giờ, bà tay trái bung nồi cơm, tay phải cầm muống sót cơm đầy bát dâng đến chư Tăng. Nhờ vậy mà lòng bàn tay trái của bà có hình hoa sen, còn bàn tay phải có hình mặt trăng tròn, nên bà có tên là Candapadumā. Hơn nữa, bà đã từng cầm đồ lọc nước đi tới đi lui, lọc nước hộ chư Tỳ khưu Tăng. Nhờ vậy lòng bàn chân phải của bà có hình mặt trăng, còn lòng bàn chân trái thì có hình cánh hoa sen.

Bấy giờ, công tử tên là Dhanañcaya cũng gọi đầu, lấy túi tiền có đựng ngàn đồng vàng của mình ra, tuyên bố rằng:

- Những ai cần tiền hãy đến đây.

Tất cả mọi người đến, cầm các thứ đồ đựng, đều được cậu cho đầy đủ, nhưng túi tiền vẫn còn nguyên vẹn ngàn đồng Kahāpana.

Đến nàng dâu Sumanadevī, cô cũng trang điểm và đeo tất cả nữ trang rồi bung thúng lúa ra ngồi ngoài sân trống rạo lớn:

- Những ai cần dùng mẽ cốc hãy đến đây.

Mọi người cầm thúng, đồ đựng đưa ra, tất cả đều được nàng cho đầy đủ, nhưng thúng lúa không hề vơi đi chút nào cả.

Người tớ Puṇṇa cũng trang điểm bằng đủ thứ đồ trang sức, rồi mặc bò vào ách vàng, dây giàng vàng, tay cầm roi vàng, in dấu năm ngón tay của bàn tay xòe có thoa hương liệu lên mình bò và buộc dây lên sừng con bò những chén chung bằng vàng. Xong rồi, anh mới dắt bò ra ngoài ruộng, bắt đầu cày. Lập tức lớp đất mặt lật lên thành bảy luống cày: ba luống bên này, ba luống bên kia và một luống ngay chính diện.

Thế là, từ nơi Trưởng giả, chúng dân cõi Diêm Phù được lãnh nào là mẽ cốc, nào là vàng thô, vàng ròng, đủ thứ tùy theo nhu cầu, sở thích.

Khi Trưởng giả là người đại phúc như thế, hay tin Đức Thế Tôn ngự đến, ông quyết định: “*Ta sẽ đi nghinh tiếp Đức Bốn Sư*”. Ra khỏi nhà, dọc đường ông gặp các nhóm du sĩ ngoại đạo. Họ hỏi ông:

- Này gia trưởng! Tại sao ông là người theo thuyết hữu vi mà lại đi tìm Sa môn Gotama là người chủ trương thuyết Vô vi?

Đầu họ có ngăn cản, Trưởng giả cũng không màng nghe theo họ, cứ thế đi đến gặp Đức Bốn Sư, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Khi ấy, Đức Bốn Sư thuyết lên tuân tự Pháp cho ông ta.

Cuối thời Pháp, Trưởng giả Mendaka đăc quả Tu Đà Hườn. Ông kể lại chuyện các nhóm ngoại đạo nói xấu Đức Thế Tôn, cốt để ngăn cản không cho ông viếng Đức Thế Tôn.

- Nay gia trưởng, đối với những chúng sanh này, dầu lỗi của họ có lớn đến đâu họ cũng không thấy. Còn người khác không có lỗi gì, họ cũng bịa đặt ra mà nói như là sàng sây trấu vậy.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Sudassam vijjam aññesaṃ
Attano pana duddasaṃ
Paresaṃ hi so vajjāni
Opunāti yathā bhusaṃ
Attano pana chādeti
Kalim’va kitavā saṭho”.

“Thấy lỗi người thì dễ,
Thấy lỗi mình mới khó,
Lỗi người ta phan tìm,
Như tìm trấu trong gạo.
Còn lỗi mình thì dấu,
Như thợ săn dấu mình”.



CHÚ GIẢI:

Sudassam: Một mảy may tội lỗi của người khác cũng dễ thấy, ta có thể thấy được dễ dàng. Trái lại, tội lỗi của chính mình dầu hết sức to lớn ta cũng khó thấy được.

Paresaṃ hi: Bởi lẽ đó, Tỳ khuru ở giữa Tăng chúng hằng nêu lên những tội lỗi của những vị khác mà bắt bẻ, y như người ta sàng sây trấu trong gạo vậy.

Kalim’va kitavā saṭho: Ở đây tiếng Kali ám chỉ xác thân con người mà loài chim sợ, không dám đến gần, tiếng Kitvā chỉ sự nguy trang như dùng nhánh, lá cây che giấu thân mình, là xảo thuật của người săn chim. Người thợ săn chim muốn bắt chim làm thịt phải nguy trang, che giấu thân mình như thế nào, thì người che giấu lỗi mình cũng như thế đó.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đăc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

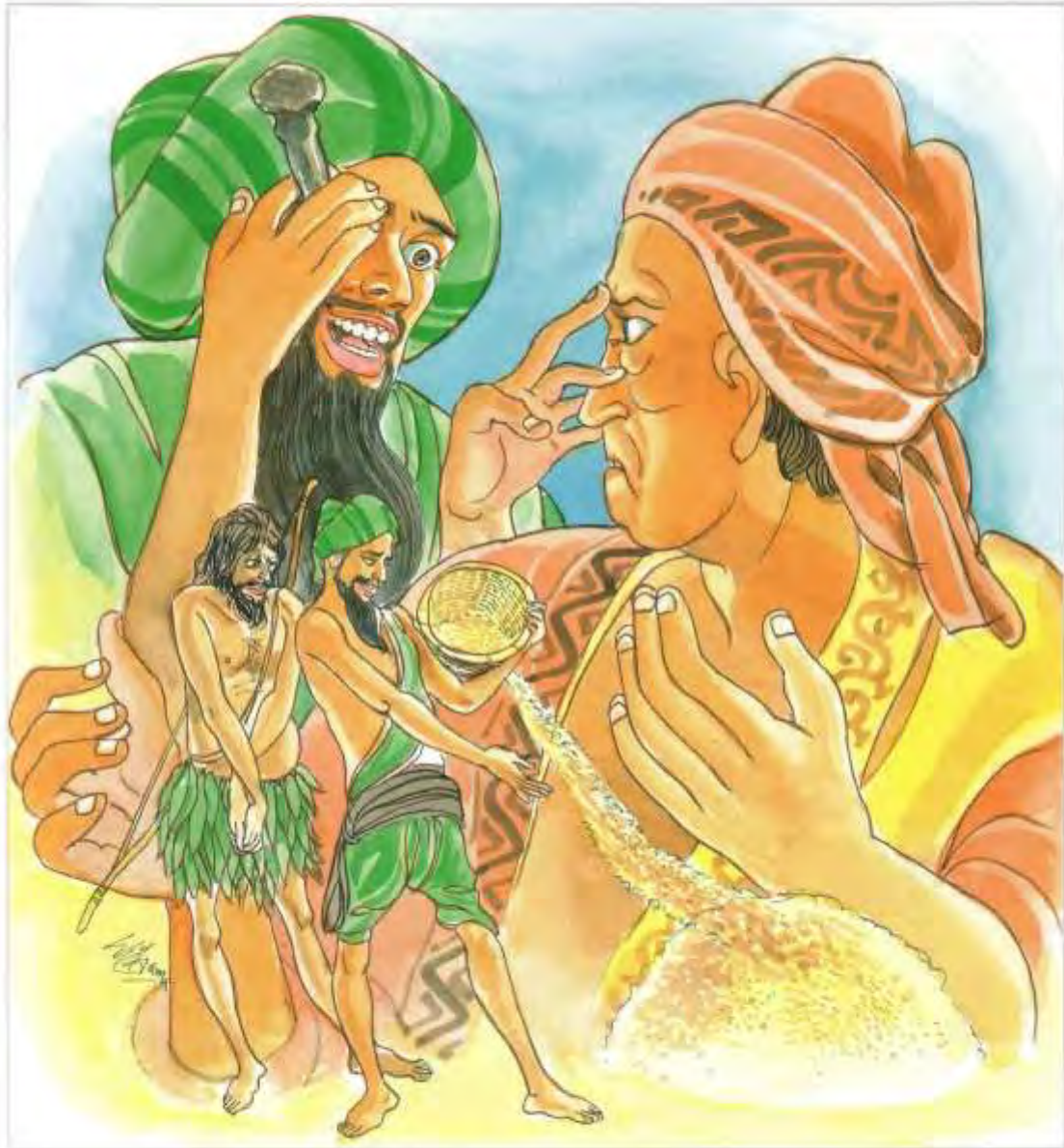


Dịch Giả Cẩn Đề

Năm người nhịn đói chẳng rời nhau
Khỏi chết mà còn nhẹ khổ đau
Kiếp trước chung tình giờ khốn khổ
Đời sau hiệp mặt buổi sang giàu
Bạc vàng bố thí hoài không hết
Lúa thóc quy hoàn mãi, rất mau
Chồng, vợ, con dâu, thêm tở giỏi
Gương ông Trương giả sáng lâu lâu
Kẻ nói xấu người để tự khoe
Miên Dương có trí chẳng thềm nghe
Xưa từng Hộ Pháp nay tìm Phật
Chứng quả ban đầu thật khỏe re.

DỨT TÍCH TRƯỞNG GIẢ MENDKA





252. Lỗi người thật dễ thấy. Lỗi mình khó thấy thay! Lỗi người thì có bói, như sàng sảy trấu mảy. Lỗi mình thì cố dấu, như bầy chim, núp ngay.

XVIII.11- ĐẠI ĐỨC UJJHĀNASAÑÑĪ

(*Paravajjānupassissāti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 253)

“Paravajjānupassissa,
Niccamaṃ ujjhānasaññino,
Āsavā tassa vaḍḍhanti,
Ārā so āsavakkhayā”.

“Ai thấy rõ lỗi người,
Thường sanh lòng nóng giận,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng,
Rất xa lậu hoặc trừ”.

Pháp Cú này được Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến vị Đại Đức Ujjhānasaññī (Ưa Bắt Lỗi).

Tương truyền rằng: Vị Đại Đức này hay đi đây đi đó, tìm lỗi chư Tỷ khưu, nói rằng: “Ông này mặc y như thế này, ông kia khoác y vai trái như thế kia”. Chư Tỷ khưu mách với Đức Bổn Sư rằng:

- Bạch Ngài! Có vị Đại Đức Ujjhānasaññī thường hành động như thế đó.

- Này các Tỷ khưu! Người đứng ở địa vị trưởng, khi ban huấn từ để giáo hóa thì không gọi là người ưa bắt lỗi. Còn người có tâm đi tìm lỗi người để chỉ trích, là người vạch lá tìm sâu thì trong tám bậc thiên, dầu một bậc cũng không phát sanh đến người đó, mà toàn là lậu hoặc tăng trưởng lên thôi.

Nói rồi, Đức Bổn Sư ngâm lên kệ ngôn rằng:

“Paravajjānupassissa,
Niccamaṃ ujjhānasaññino,
Āsavā tassa vaḍḍhanti,
Ārā so āsavakkhayā”.

“Ai thấy rõ lỗi người,
Thường sanh lòng nóng giận,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng,
Rất xa lậu hoặc trừ”.

CHÚ GIẢI:

Ujjhānasaññino: “Phải mặc y nội như vậy, phải mặc y vai trái như vậy...”
Người nào mà ưa đi tìm lỗi người để chỉ trích thế nọ, thế kia, thì một trong tám bậc thiên định không phát triển đến người đó mà các lậu hoặc lại tăng trưởng. Bởi lẽ đó, người ấy rất xa cái gọi là A La Hán lậu tận. Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc quả Thánh, nhất là Tu Đà Hườn quả.



Dịch Giả Cẩn Đề

*Phải được làm Sư mới dạy trò
Không thì chớ để nặng lòng lo...
Càng hay chỉ trích tâm càng động
Lỗi nhỏ nơi người lại thấy to
Bắt lỗi ai chi tự xét mình
Tâm từ thanh tịnh, miệng làm thinh
Tám thiên, tám quả, may còn đạt
Lậu hoặc nhờ đây hết tái sinh.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC ƯA BẮT LỖI





253. Tìm thấy lỗi người thì hay chỉ trích. Kẻ nào như vậy thì xấu thêm lên, và càng xa cách “trạng huống hết xấu”.

XVIII.12- DU SĪ SUBHADDA

(*Ākāseva padaṃ natthīti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 254-255)

254. “Ākāse padaṃ natthi
Samaṇo natthi bāhire
Papañcābhiratā pajā
Nippapañcā tathāgatā”.

*“Hư không không dấu vết
Ngoại đạo không Sa môn
Chúng sanh thích hư vọng
Như Lai vọng diệt trừ”.*

255. “Ākāse padaṃ natthi
Samaṇo natthi bāhire
Saṅkhārā sassatā natthi
Natthi Buddhānaṃ iñjitam”.

*“Hư không không dấu vết
Ngoại đạo không Sa môn
Hữu vi không thường trú
Chư Phật không loạn động”.*

Pháp Cú này Đức Thế Tôn thuyết ra khi Ngài ngự tại rừng Ta la xứ Kusināra, đề cập đến du sĩ Subhadda, khi Ngài ngoạ thiền trên giường của xứ Malla, tại Upavattana.

Tương truyền rằng: Trong thời quá khứ, khi em trai của Subhadda trong một mùa lúa đã làm phước cúng dường chín lần những sản phẩm đầu tiên thì chính Subhadda không thích làm phước, nên cứ trì hoãn mãi, nhưng rốt cuộc cũng làm phước. Do đó, ông không gặp được Đức Phật trong thời giác ngộ đầu tiên và thời giác ngộ khoảng giữa của Ngài. Tuy nhiên vào lúc hậu thời giác, khi Đức Bôn Sư sắp Níp Bàn, Subhadda tự nghĩ:

- Ta vẫn thắc mắc về ba nghi vấn mà ta chưa hỏi Sa môn Gotama, vì ta cho là ông ta còn trẻ quá. Nhưng giờ đây, là thời Sa môn Gotama sắp viên tịch, nếu ta không hỏi ông thì sau này ta phải hối tiếc.

Khi ông vào gần Đức Bôn Sư, Đại Đức Ānanda tìm lời ngăn cản ông, nhưng Đức Bôn Sư đã cho phép ông được dịp may gặp Ngài. Ngài bảo:

- Nay Ānanda đừng cản ngăn Subhadda, hãy để cho thầy ấy vào gặp Như Lai.

Nghe vậy, Subhadda vén màn bước vào trong, ngồi tại chân giường và hỏi Đức Bôn Sư ba câu rằng:

- Thưa Sa Môn Gotama, trên hư không có dấu vết gì chăng? Ngoài Phật giáo có Sa Môn chăng? Pháp hữu vi có thường tồn chăng?

Đức Thế Tôn chỉ rõ những vật ấy là không thật hữu, rồi Ngài dạy hai kệ ngôn rằng:

254. “Ākāse padaṃ natthi
Samaṇo natthi bāhire
Papañcābhiratā pajā
Nippapañcā tathāgatā”.

*“Hư không không dấu vết
Ngoại đạo không Sa môn
Chúng sanh thích hư vọng
Như Lai vọng diệt trừ”.*

255. “Ākāse padaṃ natthi

“Hư không không dấu vết

Samaṇo natthi bāhire
Saṅkhārā sassatā natthi
Natthi Buddhānaṃ iñjitaṃ”.

Ngoại đạo không Sa môn
Hữu vi không thường trú
Chư Phật không loạn động”.



CHÚ GIẢI:

Padam: Trên hư không này không có vết tích của ai cả, ví như ta không thể làm hiển lộ vật gì không có màu sắc, hình dáng ra sao cả.

Bāhino: Ngoài Giáo Pháp của Như Lai, không có hạng Sa Môn chứng đắc Bốn Đạo và Bốn Quả.

Pajā: Chúng sanh trên thế gian này vui thích trong những Pháp chướng ngại cho sự giải thoát, nhất là ái dục (Taṇhā).

Nippapañca: Như Lai không còn chướng ngại vì đã cắt đứt tận và mọi chướng ngại trong bờ giác ngộ dưới cội Bồ Đề.

Saṅkhārā: Trong ngũ uẩn, không có một uẩn nào là thường tồn cả.

Iñjitaṃ: Trong các tâm vọng động, cố chấp rằng các pháp hữu vi là thường tồn, như tâm ái dục, ngã mạn, tà kiến... Chư Phật không có một vọng tâm nào cả.

Cuối thời Pháp, du sĩ Subhadda đắc quả A Na Hàm, Tứ chúng hiện diện nơi ấy cũng hưởng được lợi ích.



Dịch Giả Cần Đề

*Chần chờ, chậm gặp Đức Như Lai
Những thắc mắc này biết hỏi ai
Phật sắp Níp Bàn, cơ hội chót
Bỏ qua, sau sẽ hận lâu dài
Phật vẫn trông chàng Sú Phách Đa
“Thinh Văn tối hậu của đời ta,
Ānanda cứ để chàng vào hỏi
Dứt hết hoài nghi đấng quả đā”.
“Hư không không giữ dấu chân bay
Chẳng có Sa môn ngoài đạo này
Ngũ uẩn thường tồn không thể có
Tam không, Phật đã giải cho thầy!” ...*

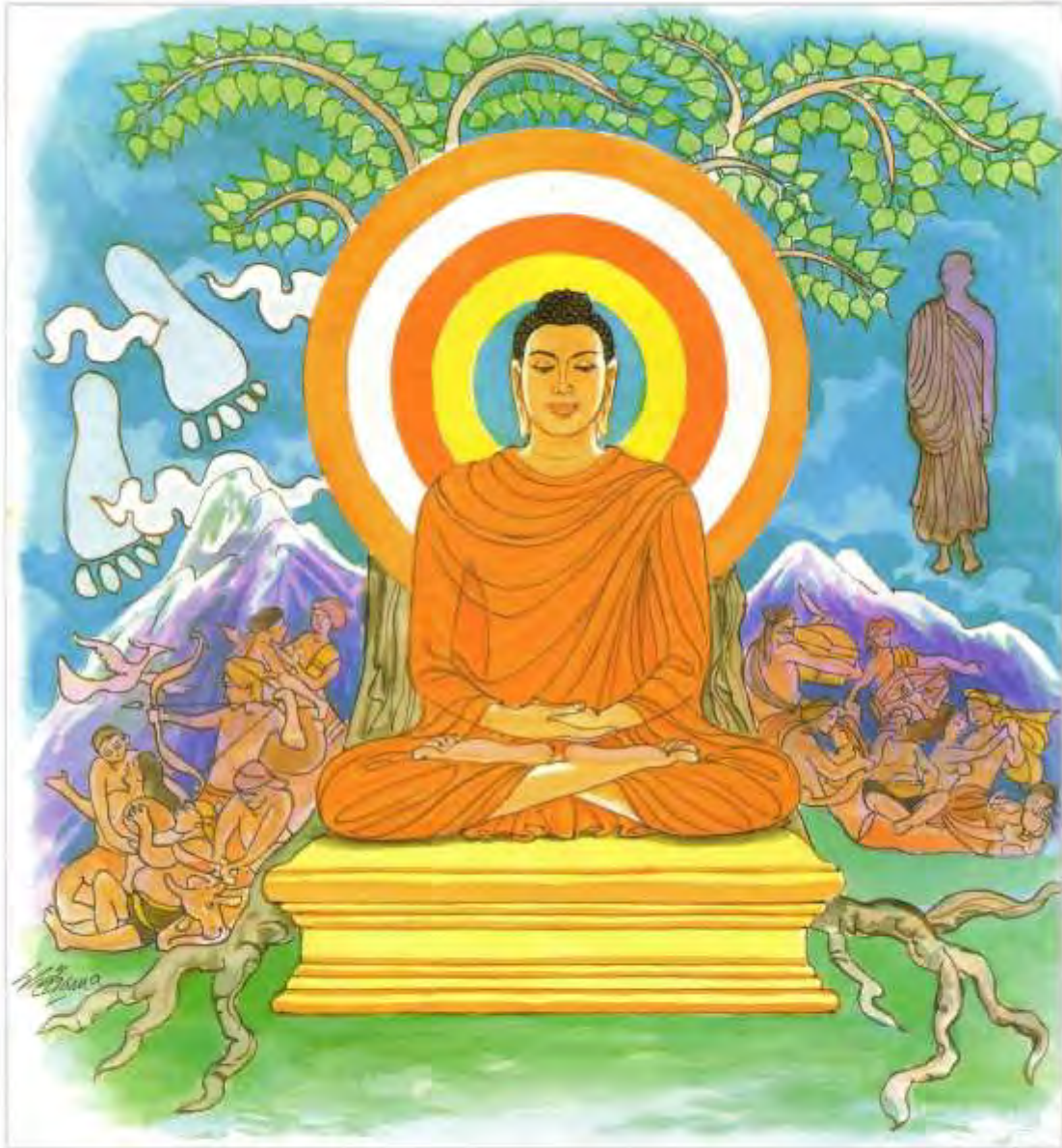
DÚT TÍCH DU SĨ SUBHADDA



DÚT PHẨM CẦU UẾ - MALA VAGGA

DÚT PHẨM 18





254. Hư không không dấu vết, ngoại đạo không sa môn, nhân loại thích chướng ngại. Như Lai thoát chướng phiền.



**255. Hư không không dấu vết, ngoại đạo không Sa môn,
hữu vi không thường trú, Chư Phật không loạn động.**

XIX. PHẨM PHÁP TRỤ (DHAMMAṬṬHA VAGGA)

16 bài kệ: Pháp Cú số 256-271

9 tích truyện



XIX.1- CÁC QUAN TÒA

(*Na tena hoti dhammaṭṭhoti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 256-257)

256. “Na tena hoti dhammaṭṭhe
Yen’atthaṃ sahasā naye
Ye ca atthaṃ anattañ ca
Ubho nicchayya paṇḍito”.

“Người đâu phải Pháp trụ
Nếu xử sự khinh suất
Kẻ trí cần phân biệt
Đâu chánh đâu tà vậy”.

257. “Asāhasena dhammena
Samena nayatī pare
Dhammassa gutto medhavī
Dhammaṭṭho’ti pavuccati”.

“Không khinh suất, đúng pháp
Công bằng dẫn đến người
Kẻ trí hộ trì Pháp
Thật xứng danh Pháp trụ”.

Pháp Cú này Đức Bôn Su thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các quan Thẩm Phán.

Một ngày nọ, chư Tỳ khưu đi khát thực ở cổng thành phía Bắc của Sāvattī, khi đi bát xong, các vị ấy xuyên qua trung tâm thành phố và đi về chùa. Ngay lúc ấy, trời kéo mây vần vũ rồi đổ mưa. Vào ngay trong tòa án phía trước mặt, chư Tăng thấy các quan tòa ăn hối lộ rồi tước đoạt quyền làm chủ của các sở hữu chủ, thì nghĩ rằng: “Than ôi! Máy ông này làm việc trái đạo. Vậy mà bấy lâu nay ta cứ tưởng là máy ông xử đoán công minh chánh trực chớ”.

Tạnh mưa, chư Tăng về chùa đánh lễ Đức Bôn Su, ngồi xuống một bên và tường thuật việc mình đã mục kích. Đức Bôn Su phán rằng:

- Nay các Tỳ khưu! Người nào chiều theo tham dục xấu xa, xử đoán một cách thô bạo, thì không đáng gọi là Pháp trụ. Người nào thấu triệt tội lỗi tùy theo tội nặng nhẹ mà xử phạt công minh, không thô bạo, thì đáng gọi là Pháp trụ vậy.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

256. “Na tena hoti dhammaṭṭhe
Yen’atthaṃ sahasā naye
Ye ca atthaṃ anattañ ca
Ubho nicchayya paṇḍito”.

“Người đâu phải Pháp trụ
Nếu xử sự khinh suất
Kẻ trí cần phân biệt
Đâu chánh đâu tà vậy”.

257. “Asāhasena dhammena
Samena nayatī pare
Dhammassa gutto medhavī

“Không khinh suất, đúng pháp
Công bằng dẫn đến người
Kẻ trí hộ trì Pháp

Dhammattho'ti pavuccati”.

Thật xứng danh Pháp trụ”.

CHÚ GIẢI:

Tena: Do những lẽ trên đây

Dhammattho: Người là quan tòa mà xử phạt thiên vị, theo ý riêng mình, thì không xứng danh là Pháp trụ (người công bình).

Yena: Do lẽ nào.

Attham: Cần phải xử đoán rồi quyết định là có.

Sahasā naye: Người chiều theo tham dục, dùng cách thô bạo như nói dối mà xử phạt. Như người chiều theo ái dục mà binh vực bà con, bạn hữu của mình, nói dối rằng họ là sở hữu chủ, khi họ không phải là sở hữu chủ thật. Người chiều theo sân hận gặp kẻ thù của mình thì cũng nói dối phủ nhận quyền làm sở hữu chủ của họ.

Còn người chiều theo si mê, sau khi đã ăn của đút lót, hối lộ rồi, ngồi xử kiện, giả tuồng như tâm đang bận nghĩ đến việc khác, nhìn bên này bên kia và nói dối rằng: “Người này thắng, người này bại”. Còn người thiên vị vì sợ hãi thì cho dù người quyền cao chức trọng thất thế chẳng nữa, cũng tuyên bố cho người ấy được kiện bằng cách thô bạo, ức hiếp như vậy. Người xử kiện như vậy không phải là Pháp trụ.

Yo ca attham anattañca: Hữu lý và vô lý hay phi lý, chơn và ngụy, chánh và tà.

Ubho niccheyya: Nếu là bậc hiền trí, sau khi kết đoán cả hai bên nguyên và bên bị, xem bên nào chân thật, bên nào giả trá rồi mới quyết định.

Asāhasena: Không dùng cách nói dối.

Dhammena: Xử đoán đúng theo lẽ công, không có sự thiên vị nhất là vì tham.

Samena: Bằng lẽ công dặt dẫn người, ai thắng nói thắng, ai bại nói bại, tùy theo tội mà lên án xử phạt.

Dhammassa gutto: Bậc hiền trí đã chứng đắc Pháp hỷ, là người hộ trì Pháp, gìn giữ pháp, hằng xử đoán đúng theo lẽ công bằng, đáng gọi là Pháp trụ.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

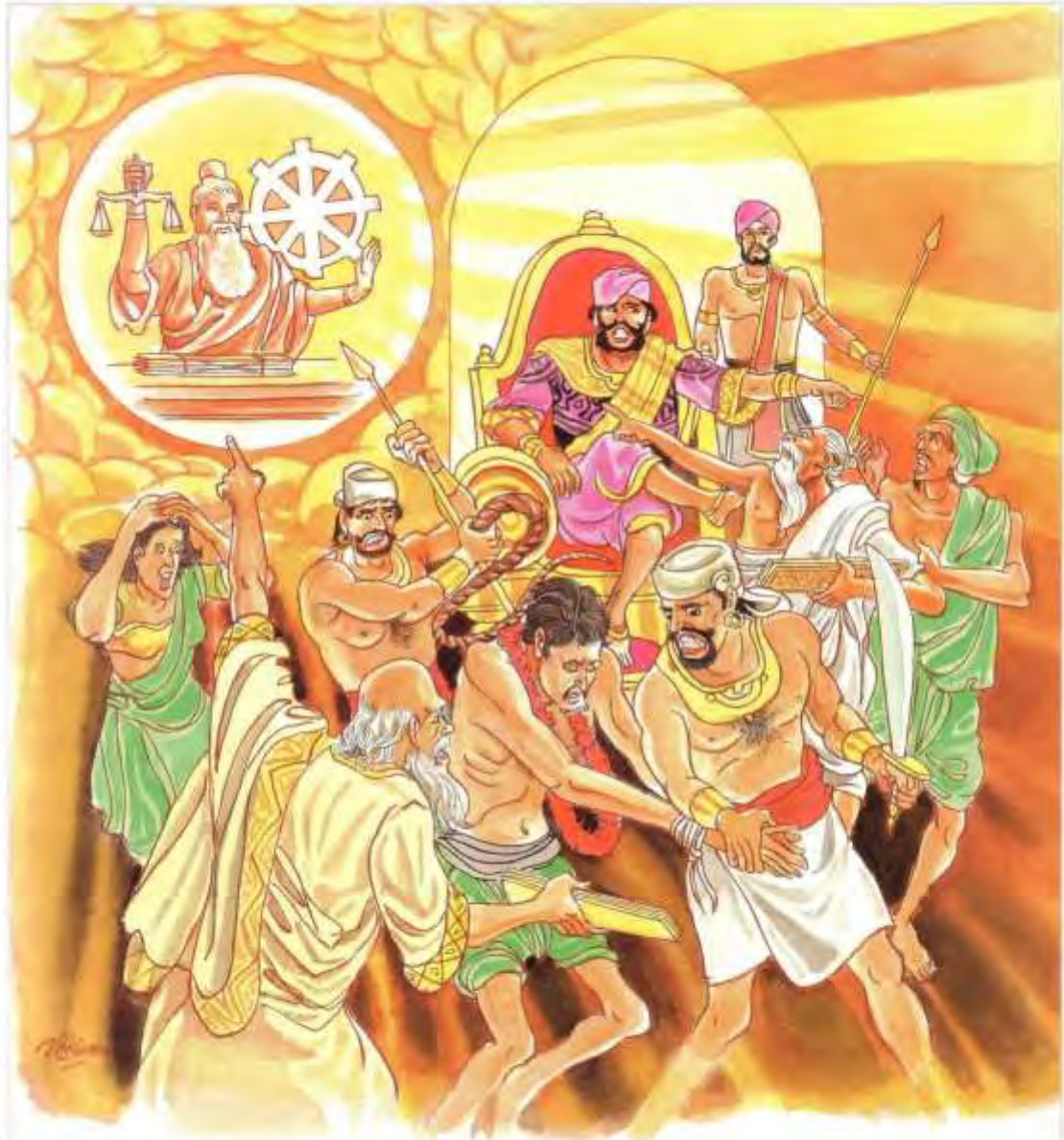


Dịch Giả Cẩn Đề

*Làm tòa xử đoán chẳng công minh
Bởi bốn điều tư phải vị tình
Thương, ghét, sợ, mê chưa dứt bỏ
Cầm cân bên trọng lại bên khinh
Bạc trí không hề bỏ lẽ công
Thân, sơ, quý, tiện cũng xem đồng
Chánh tà thấu triệt, tâm bình đẳng
Pháp trụ là người đạo lý thông.*

DỨT TÍCH CÁC QUAN TÒA





256. Người ấy thiếu công bình, vì phân xử vội vã. Bậc trí nên xét cả hai trường hợp chánh tà.



257. Bạc trí hướng dẫn người, vô tư và đúng pháp. Người bảo vệ luật pháp, hẳn tôn trọng pháp luật.

XIX.2- NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI (*Natena Paṇḍito Hotīti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 258)

258. “Na tena paṇḍito hoti
Yāvatā bahu bhāsati
Khemī averī abhayo
Paṇḍito’ti pavuccati”.

“*Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh kẻ trí
An tịnh, không oán sợ
Mới xứng danh kẻ trí*”.

Pháp cú này, Đức Bôn Sư đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhóm Tỳ khuru Lục Sư.

Tương truyền rằng: Nhóm sáu Tỳ khuru này hằng đi la cà đến các chùa hoặc các làng, gây sự rối loạn trong trai đường.

Một hôm, sau khi thọ thực trong làng trở về chùa, chư Tăng hỏi các vị Tỳ khuru trẻ và các Sa di rằng:

- Này các đạo hữu, các đạo hữu thấy trai đường này ra sao?
- Bạch Ngài! Xin các Ngài đừng hỏi.

Nhóm Lục Sư bàn luận cùng nhau rằng: “*Chỉ có chúng ta là khôn khéo, chỉ có chúng ta là bậc hiền trí. Chúng ta sẽ đánh, sẽ đổ rác lên đầu mấy ông này rồi đuổi tống họ đi*”.

Thế rồi, nhóm ấy nắm lấy lưng chúng tôi, đổ rác lên đầu chúng tôi, làm rối loạn cả trai đường.

Chư Tăng đến gặp Đức Bôn Sư, phúc trình lên Ngài chuyện ấy. Đức Bôn Sư dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Ta không gọi kẻ nói nhiều và làm phiền người khác là bậc hiền trí. Ta chỉ gọi người an tịnh, không oán thù, không sợ sệt là bậc hiền trí mà thôi.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ ngôn rằng:

258. “Na tena paṇḍito hoti
Yāvatā bahu bhāsati
Khemī averī abhayo
Paṇḍito’ti pavuccati”.

“*Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh kẻ trí
An tịnh, không oán sợ
Mới xứng danh kẻ trí*”.



CHÚ GIẢI:

Yāvatā: Kẻ nào vì mình mà nói nhiều ở giữa Tăng chúng, kẻ ấy không phải là bậc hiền trí. Kẻ nào tự mình an tịnh, không có năm sự oán hận, là kẻ không oán hận, đã hết sợ sệt, dầu gặp Đức vua cũng không sợ, kẻ ấy đáng gọi là kẻ trí.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

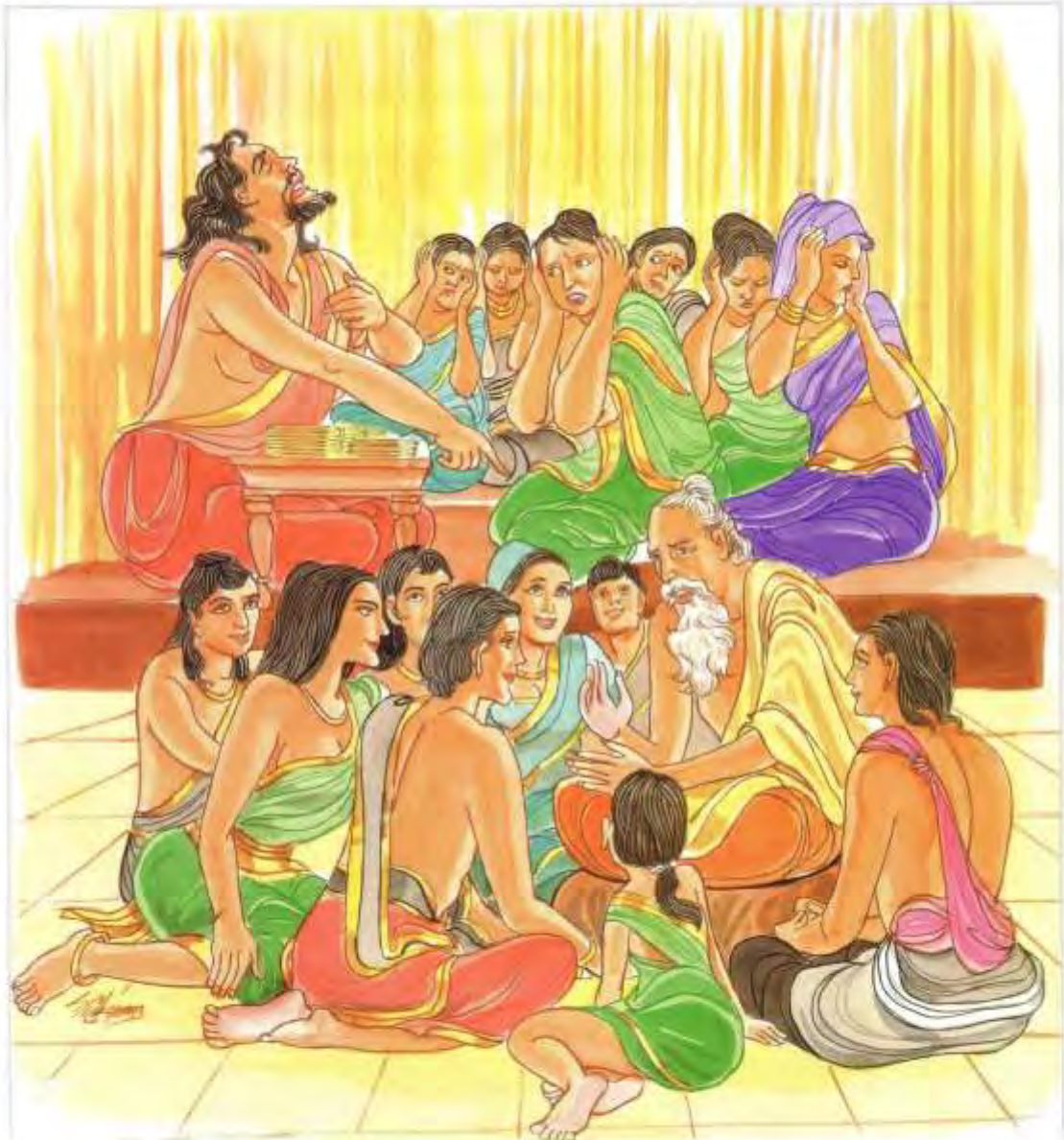


Dịch Giả Cẩn Đề

*Nhóm sáu Tỳ khuru quý rỏi chùa
Hiếp nhiều Tăng khách, sợ hơn thua
Ý mình Đại Đức xưng hiền trí
Đuổi chúng Sa di chẳng thẹn thù
Há phải nói nhiều gọi trí đâu?
Trí hiền, tâm tịnh, sạch lo âu
Không hay ganh tỵ, không thù oán
Không để cho ai phải khổ sầu.*

DỨT TÍCH NHÓM LỤC SƯ GÂY RỐI





258. Không phải vì nói nhiều, là xứng danh bậc trí. Người an tâm, vô úy, thân thiện là hiền tài.

XIX.3- ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA

(*Na tāvatā dhammadharoti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 259)

“Na tāvatā dhammadharo
Yāvatā bahu bhāsati
Yo ca appaṃ pi sutvāna
Dhammaṃ kāyena passati
Sa ve dhammadharo hoti
Yo dhammaṃ nappamajjati”.

“*Không phải vì nói nhiều
Mới xưng danh Pháp Hộ
Những ai tuy nghe ít
Nhưng tâm hành chánh Pháp
Không buông lung chánh Pháp
Mới xưng danh Pháp Hộ*”.

Pháp Cú này được Đức Bổn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana. Đề cập đến vị Lậu Tận Minh có tên Ekudāna.

Tương truyền rằng: Đại Đức một mình tịnh cư trong khu rừng nọ. Ngài chỉ thuộc lòng một kệ ngôn “Tự thuyết (Udāna)” như vậy:

“*Adhīcetaso appamajjato munino monapathesu sikkhato
Sokāna bhavanti tādino upasantassa sadā satīmototi*”.

“*Với tâm cao thượng, chí cần chuyên
Học tập đường tu tịnh, định thiền
Bậc đặc tâm hành, thường chánh niệm
Như trên những chỗ chứa ưu phiền*”.

Tương truyền rằng: Trong ngày lễ Phát lồ, Đại Đức lớn tiếng kêu gọi người nghe Pháp, rồi đọc bài kệ trên đây. Chư thiên đồng thanh tán dương, tiếng vang rền như nổ tung cả địa đại.

Về sau cũng trong ngày lễ Phát lồ, có hai vị Tỳ khưu thuộc lòng Tam Tạng, mỗi vị dắt theo 500 tùy giả, đi đến chỗ ngự của Đại Đức. Thấy chư khách Tăng đến, Đại Đức rất hoan hỷ, nói rằng:

- Lành thay hôm nay được chư Tăng quang lâm đến đây. Chúng tôi sẽ được nghe Pháp trong dịp được gần gũi với các Ngài.
- Nhưng này Hiền giả! Ở đây có thánh giả chăng?
- Bạch các Ngài! Trong ngày thuyết pháp, khu rừng này vang dội tiếng hoan hô của chư thiên.

Hai vị Pháp sư Tam Tạng thuyết pháp nhưng không có vị thiên nhân nào tán dương cả. Hai vị trách Đại Đức rằng:

- Này Hiền hữu! Hiền hữu nói trong ngày lễ Phát lồ, chư thiên trong khu rừng này đã tán dương vang dội. Nhưng thế này là nghĩa làm sao?
- Bạch các Ngài, trong những ngày khác quả có như thế. Nhưng hôm nay tôi cũng không biết tại sao vậy.
- Nếu thế thì, Hiền giả thử thuyết pháp xem sao?

Đại Đức cầm quạt ngồi trên Pháp tọa thuyết bài kệ đã thuộc lòng như trước. Chư thiên đồng thanh hoan hô vang dậy. Khi ấy, hai đoàn Tăng lữ của hai Đại Đức Tam Tạng Pháp Sư trách móc rằng:

- Trong khu rừng này, chư thiên chỉ coi mặt mà tán thán, ca tụng. Hai Ngài Tam Tạng Pháp Sư thuyết bằng ấy Pháp mà chư thiên chẳng có một lời khen ngợi, còn vị Đại Đức già này chỉ thuyết có một bài kệ mà chư thiên lại lớn tiếng hoan hô.

Khi trở về chùa, chư Tăng đem sự kiện này bạch với Đức Bôn Sư, Ngài dạy rằng:

- Nay các Tỳ khưu, người học được nhiều hoặc thuyết ra nhiều Pháp, Ta không gọi là Pháp Hộ (Dhammadharo). Người chỉ thuộc lòng một câu kệ mà thấu triệt chơn lý, mới xứng danh là Pháp Hộ vậy. Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

“Na tāvatā dhammadharo
Yāvatā bahu bhāsati
Yo ca appaṃ pi sutvāna
Dhammaṃ kāyena passati
Sa ve dhammadharo hoti
Yo dhammaṃ nappamajjati”.

“Không phải vì nói nhiều
Mới xứng danh Pháp Hộ
Những ai tuy nghe ít
Nhưng tâm hành chánh Pháp
Không buông lung chánh Pháp
Mới xứng danh Pháp Hộ”.

CHÚ GIẢI:

Yāvatā: Không phải do nơi học nhớ cho nhiều Phật ngôn và Chú giải... rồi đem thuyết giảng cho nhiều mà xứng đáng gọi là Pháp Hộ. Người bảo tồn dòng giống của mình mới là người giữ gìn gia phong.

Appampi: Người dầu chỉ nghe ít Pháp, nhưng chú ý theo dõi nghĩa lý của Pháp, rồi vâng giữ hành theo Pháp, do danh sắc (nāmakāya) mà hiểu rõ các trạng thái vui, khổ... thấy được Pháp Tứ Đế, Người ấy chính là Pháp Hộ vậy.

Yo dhammaṃ nappamajjati: Người nào từng mong mỏi: Hôm nay ta sẽ giác ngộ, rồi chuyên cần tinh tấn mãi, không dễ duôi Pháp, người ấy cũng là Pháp Hộ nữa.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khưu chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.

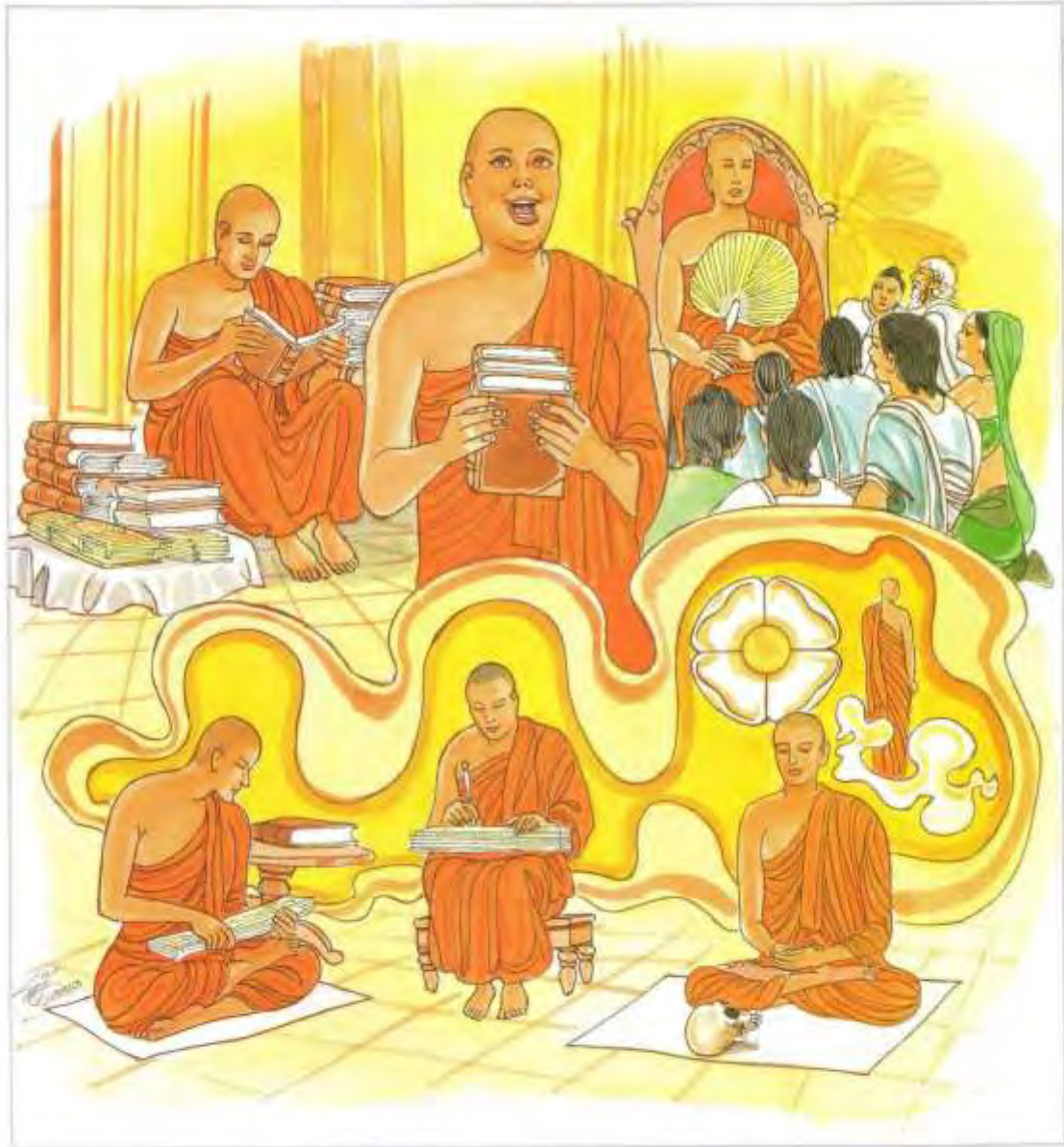


Dịch Giả Cẩn Đề

*Tuy thuộc một bài kệ bốn câu
Nhưng hành chứng đắc tuệ cao sâu
Còn hơn giải thích rành Tam Tạng
Mà chỉ phô trương pháp khẩu đầu
Nhà Sư sợ khổ, chẳng đi hành
Đeo núi chùa chiền, bám lợi danh
Học hỏi cho nhiều Kinh Pháp thuyết
Thua Ngài nhất Kệ ở rừng xanh.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC EKUDĀNA





259. Không phải vì nói nhiều, là thọ trì chánh pháp. Người nghe ít diệu pháp, nhưng trực nhận viên dung, chánh pháp không buông lung, là thọ trì chánh pháp.

XIX.4- ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA

(*Na tena thero hotī*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 260-261)

260. “Na tena thero hoti
Yanassa palitaṃ siro
Paripakko vayo tassa
Moghajīṇṇoti vuccati”.

*“Không phải vì bạc đầu
Mà được gọi Trưởng Lão
Chỉ có tuổi tác cao
Danh chỉ xứng “Lão ngu”.”*

261. “Yamhi saccaṃ ca dhammo ca
Ahimsā saññamo damo
Sa ve vantamalo dhīro
Thero iti pavuccati”.

*“Ai chân thật đúng pháp
Bất hại biết chế phục
Kẻ trí không cầu uế
Mới xứng danh Trưởng lão”.*

Pháp Cú này, Đức Bôn Sư thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Đại Đức Lakuṇṭaka Bhaddiya.

Một hôm nọ, khi vị Đại Đức ấy đến hầu hạ Đức Thế Tôn, Ngài vừa đi ra thì có ba mươi vị Tỳ khuru ở rừng về, thấy Đại Đức các Tỳ khuru vào đánh lễ Đức Bôn Sư rồi ngồi xuống.

Thấy duyên lành đặc quả A La Hán của nhóm Tăng này, Đức Bôn Sư nêu lên một câu hỏi như vậy:

- Các thầy có gặp vị Đại Đức từ nơi đây vừa đi ra chăng?
- Bạch Ngài! Chúng con không thấy.
- Các thầy há chẳng thấy vị ấy ư?
- Bạch Ngài, chúng con có trông thấy một Sa di.
- Này các Tỳ khuru, đó là một vị Đại Đức, chứ không phải là Sa di đâu.
- Bạch Ngài! Ông ta còn quá trẻ mà.

- Này các Tỳ khuru! Ta không gọi Thera⁽¹⁾ (Đại Đức hay Trưởng Lão) vì lẽ tuổi cao hạ lớn, vì lẽ được ngồi ở chỗ ngồi của các Thượng tọa. Ai thấu triệt Tứ Diệu Đế, không có tâm nào hại đại chúng, người ấy mới xứng danh Thera đó thôi.

Nói rồi, Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

260. “Na tena thero hoti
Yanassa palitaṃ siro
Paripakko vayo tassa
Moghajīṇṇoti vuccati”.

*“Không phải vì bạc đầu
Mà được gọi Trưởng Lão
Chỉ có tuổi tác cao
Danh chỉ xứng “Lão ngu”.”*

¹ Danh từ này ngày xưa đồng nghĩa với bhikkhu, dầu mới thọ Cụ Túc cũng được gọi là Thera. Về sau, chư Tăng tu lâu lại chỉ định Thera là Tỳ khuru 10 hạ, Anuthera là Tỳ khuru dưới 10 hạ và Mahā thera là Tỳ khuru trên 10 hạ.

261. “Yamhi saccañ ca dhammo ca
Ahimsā saññamo damo
Sa ve vantamalo dhīro
Thero iti pavuccati”.

“Ai chân thật đúng pháp
Bất hại biết chế phục
Kẻ trí không cầu ướ
Mới xứng danh Trưởng lão”.



CHÚ GIẢI:

Paripakko: (Chín muối) là già nua, đã đến tuổi lão rồi.

Moghajjīṇo: Người không có những pháp hành trong Pháp vị Thượng nhân thì chỉ là già sông, là lão rỗng (Tucchajjīṇo).

Saccañca: Nơi người nào đã hiểu rõ 16 lý, đã dùng trí tuệ làm cho thấu rõ bốn chân lý, ắt phải có Chín pháp Siêu thế.

Ahimsa: Trạng thái vị nào, không làm hại, không bạo động. Phải có thiền chứng về Tứ vô lượng tâm là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Saññamo namo: Người có sự kèm chế, thu thúc trong Giới Luật và thu thúc lục căn.

Vantamalo: Đã tẩy sạch sét như bản.

Dhīro: Người có đầy đủ nghị lực, quả quyết.

Thera: Người có điều để xứng danh là Trưởng Lão.

Cuối thời Pháp, nhóm Tỳ khưu ấy chứng đắc A La Hán.



Dịch Giả Cận Đề

*Chẳng đợi già nua mới xứng danh
Thủ tòa, Đại Đức, bậc đàn anh
Già nua, ngu dốt, tên già rỗng
Đầu bạc không, sao gọi lão thành
Trẻ, nhưng Tứ Đế hiểu thật rành
Vô não, không làm hại chúng sanh
Lậu Tận, Phật khen, kêu Trưởng Lão
Níp Bàn tu chứng lúc đầu xanh.*

DỨT TÍCH ĐẠI ĐỨC LAKUṆṬAKA BHADDIYA





260. Không phải vì bạc đầu, là xứng danh Trưởng lão. Vị ấy dù tuổi cao, nhưng là sư già hão!



**261. Sống chân thật, chánh hạnh, vô hại, điều phục mình, bậc trí
trừ cầu uế, là Trưởng lão cao minh.**

XIX.5- NHIỀU VỊ TỖ KHUU THAM VỌNG

(*Na vākkaraṇamattenāti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 262-263)

262. “Na vākkaraṇamattena
Vaṇṇapokkharatāya vā
Sādhurūpo naro hoti
Issukī maccharī saṭho”.

*“Không phải nói lưu loát
Không phải sắc mặt đẹp
Mà thành người lương thiện
Nếu con người ganh tỵ
Xan tham và dối trá”.*

263. “Yassa cetam samucchinam
Mūlagaccham samūhatam
Sa vantadoso medhavī
Sādhurūpo’ti vuccati

*“Chỉ những ai cắt tuyệt
Nhỏ tận gốc đoạn trừ
Người trí tận diệt sân
Mới phải người lương thiện”.*

Pháp Cú này, Đức Bôn Su đã thuyết lên khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ Khưu.

Một thורה, khi nhìn thấy các Tỳ khưu trẻ và các vị Sa di lo hầu hạ các vị A Xà Lê (Ācariya) của mình như: giặt, nhuộm y, và làm việc lật vật hộ các Ngài, thì một số Đại Đức đề nghị với nhau rằng: “Chúng ta tuy có tài thuyết pháp nói đạo nhưng rất cuộc chẳng được ai phục dịch cả... Hay là bây giờ chúng ta hãy đến bạch với Đức Bôn Su như vậy: “Bạch Ngài, chúng con thông thạo về Kinh điển, Phật ngôn. Xin Ngài ra chỉ thị cho các Tỳ khưu trẻ và các Sa di rằng: “*Dầu học Pháp với thầy khác, các con cũng phải đến nhờ các thầy này bổ túc cho rồi mới nên ôn tập*”. Làm như vậy, ắt lẽ lộc chúng ta sẽ tăng trưởng.

Thế rồi, các Đại Đức ấy đến bạch với Đức Bôn Su như vậy.

Sau khi nghe lời các Đại Đức bạch, Đức Bôn Su biết ngay rằng: “*Theo Giáo Pháp này, nếu theo truyền thống là đúng. Nhưng các vị này chỉ chú trọng phần lễ lộc mà thôi*”. Do đó, Ngài phán dạy rằng:

- Ta không gọi các thầy là Lương thiện (sādhupūpā) chỉ vì các thầy có tài biện thuyết thiện xảo. Người nào đã cắt đứt các pháp bất thiện, nhất là ganh tỵ bằng A La Hán đạo, người ấy thật là người lương thiện.

Nói rồi Ngài ngâm lên hai bài kệ rằng:

262. “Na vākkaraṇamattena
Vaṇṇapokkharatāya vā
Sādhurūpo naro hoti
Issukī maccharī saṭho”.

*“Không phải nói lưu loát
Không phải sắc mặt đẹp
Mà thành người lương thiện
Nếu con người ganh tỵ
Xan tham và dối trá”.*

263. “Yassa cetam samucchinam
Mūlagaccham samūhatam
Sa vantadoso medhavī

*“Chỉ những ai cắt tuyệt
Nhỏ tận gốc đoạn trừ
Người trí tận diệt sân*

Sādhurūpo'ti vuccati

Mới phải người lương thiện”.

CHÚ GIẢI:

Na vākkaraṇamattena: Không phải bằng lời nói, không phải bằng cái tướng có đầy đủ thiện xảo về khoa nói như hùng biện...

Vaṇṇapokkharatāya vā: Hoặc dung nhan có đầy đủ sắc đẹp mỹ miều khả ái.

Naro: Do các lẽ trên đây, người có tâm ganh tỵ lợi lộc của kẻ khác, có đủ cả năm pháp bốn xên (là āsāve, kula, lābha, vaṇṇa, dhamma macchariyam) nhập theo phe phái xảo trá, lường gạt, không phải là người lương thiện.

Yassa cetam: Người chứng A La Hán đạo tuệ cắt đứt tận gốc rễ các tội lỗi nhất là ganh tỵ, không tái sanh, người đã xa lìa tội lỗi, có đầy đủ trí tuệ hưởng thụ Pháp hỷ, gọi là người lương thiện.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn.

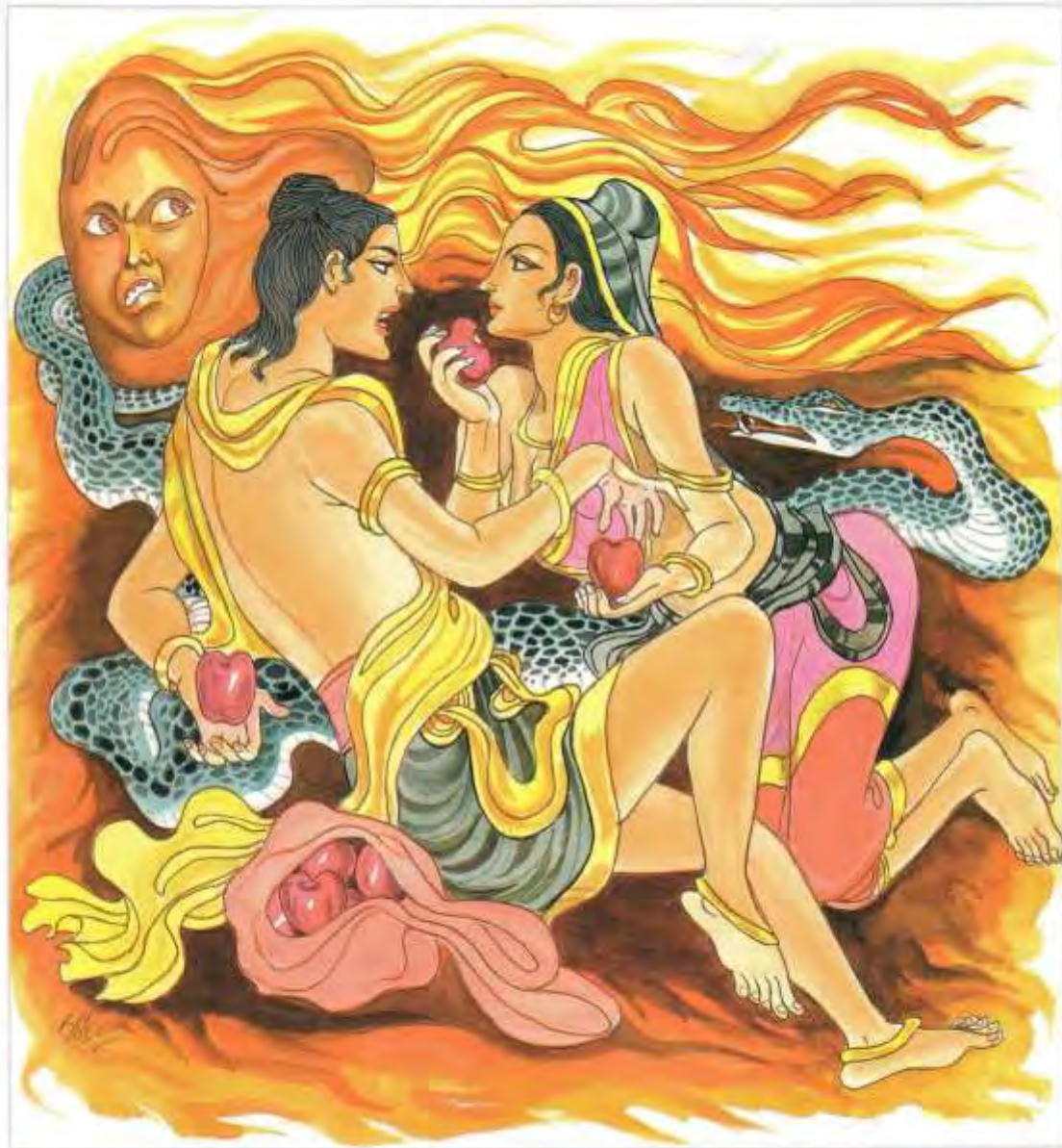


Dịch Giả Căn Đề

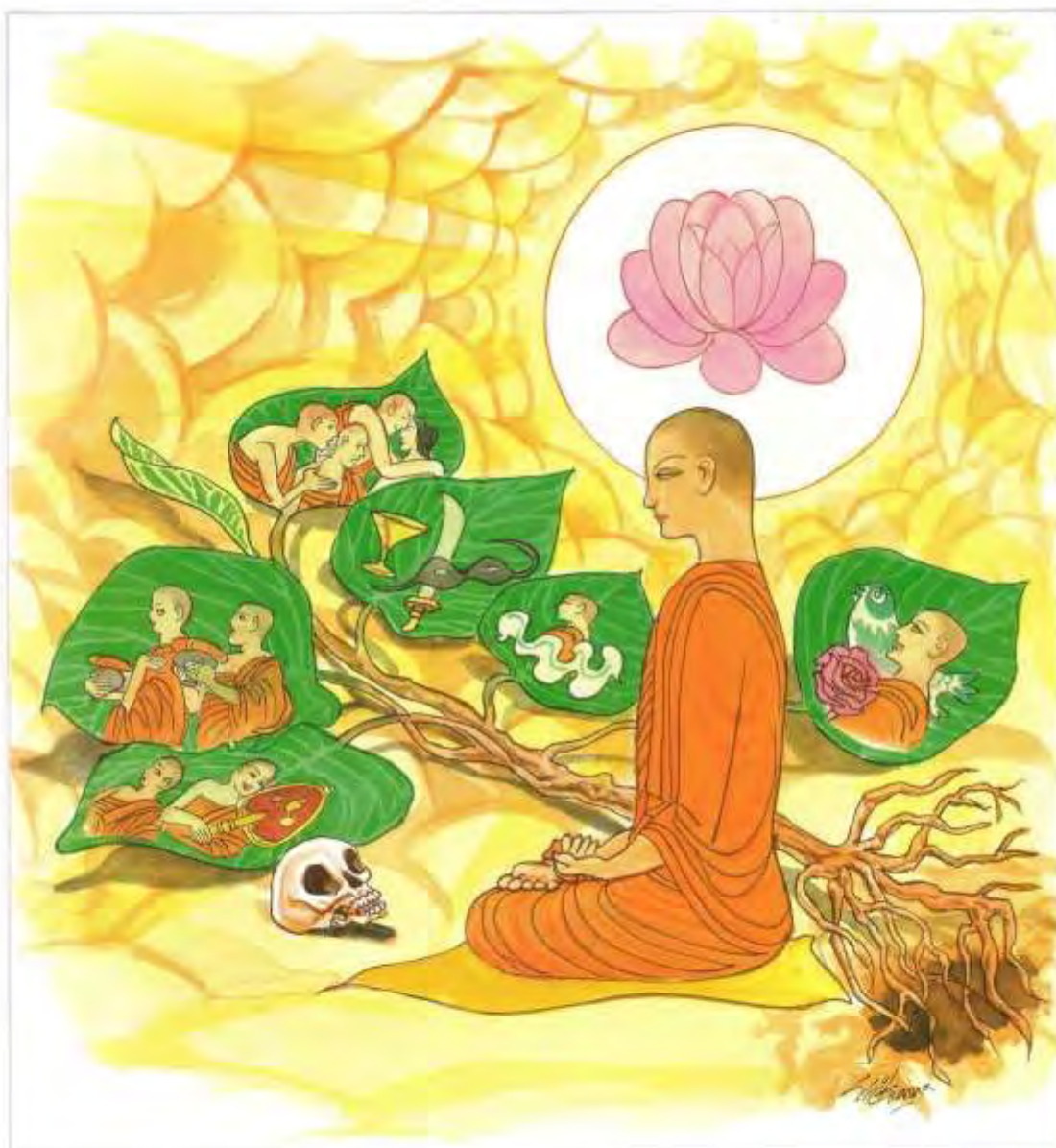
*Lương thiện là tâm chánh thiện lương
Không do môi miệng lưỡi khéo trảm đường
Tỳ khuru mặt đẹp lòng đen xấu
Chẳng phải Tăng đồ Phật tán dương
Ai khéo trừ tan gốc rễ phàm
Đoạn lìa sân hận với xan tham
Không tâm dối trá cùng ganh tỵ
Thật xứng danh là Phật hiếu nam.*

DỨT TÍCH NHIỀU TỶ KHUU THAM VỌNG





**262. Không phải tài hùng biện, hay vóc dáng đường đường,
là ra bạc hiền lương, nếu ganh, tham, dối trá!**



263. Nhổ chặt sạch gốc rễ, dập tắt tâm tham lường, bậc trí diệt sân hận, là xứng danh hiền lương.

XIX.5- HATTHAKA TRỚ TRÊU

(*Na muṇḍakena samaṇoti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 264-265)

264. “Na muṇḍakena samaṇo
Abbato alikaṃ bhaṇaṃ
Yechālobhasamāpanno
Samaṇo kimbhavissati”.

“*Không tự chế, nói láo
Dầu cạo tóc trọc đầu
Ai còn đầy dục ái
Sao được gọi Sa môn*”.

265. “Yo ca sameti pāpāni
Aṇuṃ thūlāni sabbaso
Samitattā hi pāpānaṃ
Samaṇo’ti pavucceti”.

“*Ai trờn tiết điều ác
Không luận nhỏ hay lớn
Điều phục được ác pháp
Xứng danh là Sa môn*”.

Pháp cú này được Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến Hatthaka.

Tương truyền rằng: Mỗi khi tranh luận với ngoại đạo mà đuối lý thì Hatthaka đề nghị rằng:

- Mấy người hãy đến nơi đó, vào giờ đó, rồi chúng ta sẽ tiếp tục bàn cãi với nhau.

Thế rồi, vào giờ đó thầy đến nơi hẹn trước và nói với mọi người rằng:

- Hãy coi đó, nhóm ngoại đạo quá sợ tôi nên không dám đến, thấy chưa. Như vậy, đủ chứng minh rằng họ chịu thua.

Hatthaka dùng cách trớ trêu như vậy mà xử sự với đối phương mỗi lần tranh luận khi bị đuối lý, lẽ ra thì Hatthaka nên nhận mình thua.

Đức Bôn Sư nghe chuyện Hatthaka trớ trêu như thế, bèn cho gọi đến và phán hỏi rằng:

- Này Hatthaka! Nghe nói thầy đã hành động như thế có thật chăng?

- Bạch Ngài! Có thật như vậy.

- Tại sao thầy làm như vậy? Người nói dối như thế, nếu đi đây đi đó với cái đầu trọc thì không xứng danh là bậc Sa môn. Người nào làm yên lặng các ác pháp dầu nhỏ hoặc lớn, người ấy mới thật sự là một Sa môn.

Nói rồi, Đức Bôn Sư thuyết lên kệ ngôn rằng:

264. “Na muṇḍakena samaṇo
Abbato alikaṃ bhaṇaṃ
Yechālobhasamāpanno
Samaṇo kimbhavissati”.

“*Không tự chế, nói láo
Dầu cạo tóc trọc đầu
Ai còn đầy dục ái
Sao được gọi Sa môn*”.

265. “Yo ca sameti pāpāni
Aṇuṃ thūlāni sabbaso

“*Ai trờn tiết điều ác
Không luận nhỏ hay lớn*

Samitattā hi pāpānaṃ
Samaṇo'ti pavucceti”.

*Điều phục được ác pháp
Xứng danh là Sa môn”.*

CHÚ GIẢI:

Muṇḍakena: chỉ với đầu trọc thôi.

Abbato: Trông rỗng, không có Giới luật và pháp hành đầu đà chi cả.

Alikam bhaṇaṃ: Nói vọng ngữ trong những cảnh giới thiên chưa đạt đến, lòng còn đầy tham xan, chỉ đạt tới cảnh ái dục thì làm sao gọi là Sa môn.

Sameti: Người nào làm yên lặng các ác pháp, dầu nhỏ hoặc lớn, người ấy mới đáng gọi là Sa môn.

Cuối thời Pháp, nhiều người chứng đắc Thánh Quả, nhất là quả Tu Đà Hườn.



Dịch Giả Cẩn Đề

Tên Hatthaka thật đúng thay

Miệng mồm tráo trở bèn tay

Đến nơi hẹn trước người tranh luận

Để nói: “Người thua, sợ đến đây”.

Phật quở: “Tỳ khuru nghịch lối này

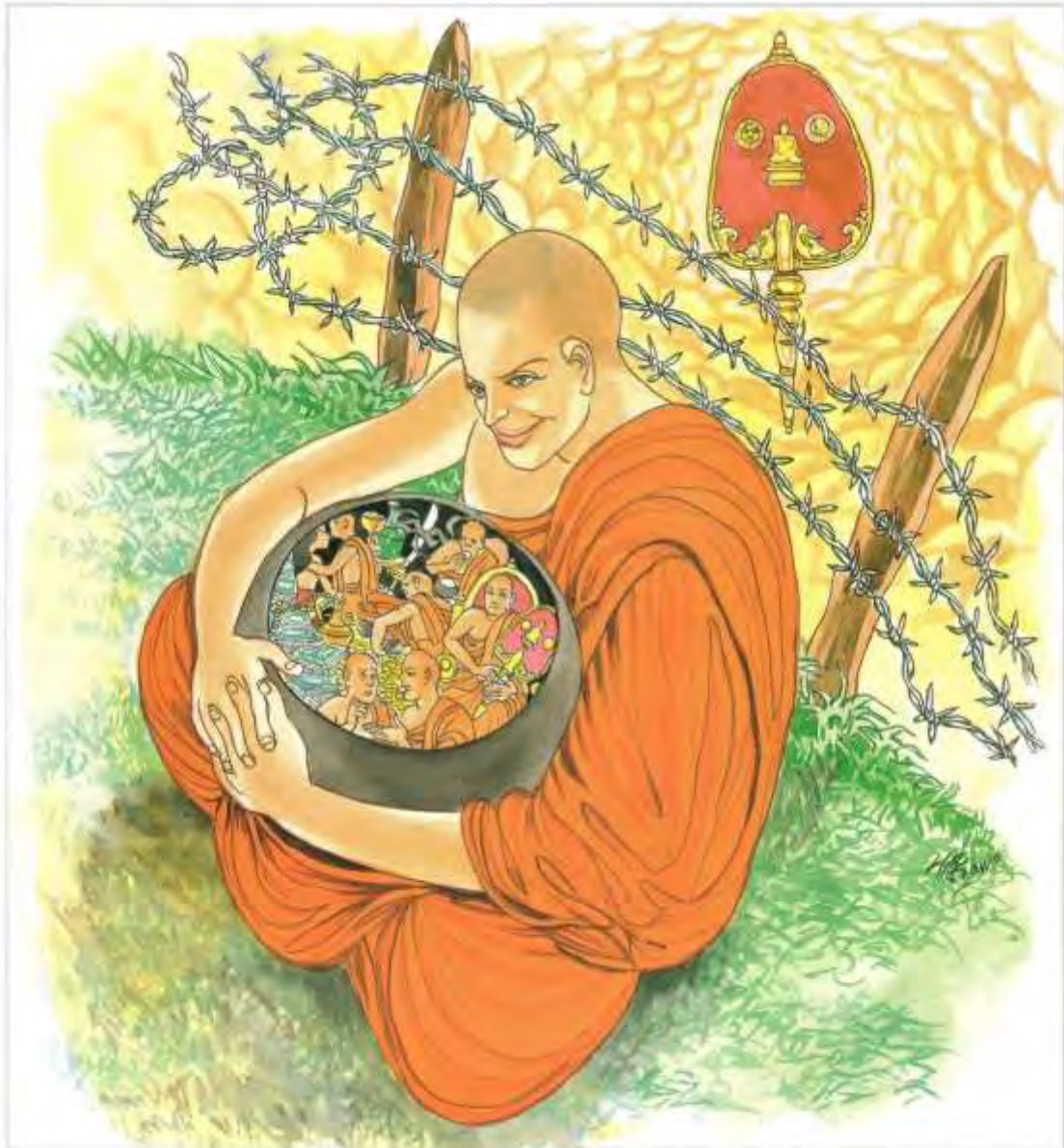
Tăng già cả dám chịu như lây

Sa môn phải nói lời chân thật

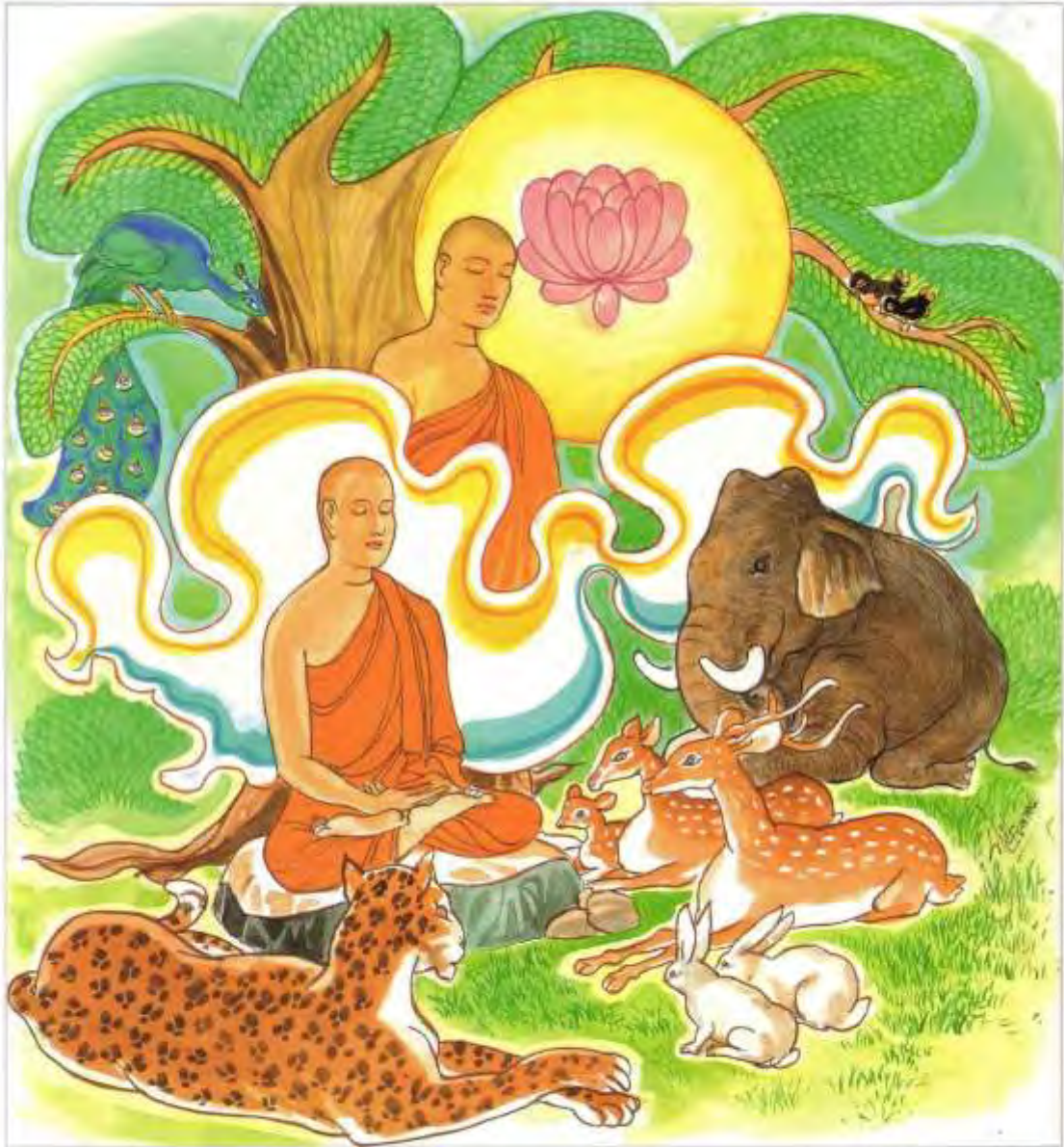
Đầu trọc không, chưa đủ gọi thầy”.

DỨT TÍCH HATTHAKA TRỞ TRÊU





264. Không phải dầu cạo nhẵn, là nên danh sa môn, nếu bụng lung láo khoét, đầy tham dục tâm hôn!



265. Ai hàng phục trọn vẹn, mọi ác nghiệp tế thô, vị ấy là sa môn, nhờ trừ nghiệp thô tế.

XIX.6- THẦY BÀ LA MÔN KHÁT SĨ

(Na tena bhikkhu so hotīti)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 266-267)

266. “Na tena bhikkhu hoti
Yāvatā bhikkhate pare
Vissam dhammam samādāyā
Bhikkhu hoti na tāvatā”.

*“Chỉ mang bình khát thực
Đâu phải là Tỳ khuru
Phải theo Giới pháp bốn
Mới xứng danh Tỳ khuru”.*

267. “Yo’ dha puññañ ca pā pañca
Bāhetvā brahmacariyavā
Sañkhāya loke carati
Sa ve bhikkhū’ ti vuccati”.

*“Ai bỏ cả thiện ác
Chuyên tu hành thanh tịnh
Lấy hiểu biết ở đời
Mới xứng danh Tỳ khuru”.*

Pháp cú này, Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến một thầy Bà la môn nọ.

Tương truyền rằng: Thầy Bà la môn này đã xuất gia tu theo Giáo phái ngoại đạo. Lúc đi khát thực, thầy tự nghĩ: “*Sa môn Gotama gọi các Thinh Văn hằng đi khát thực của mình là Tỳ khuru. Vậy thì ta đây cũng phải được gọi là Tỳ khuru*”. Thầy ấy đến gặp Đức Bôn Sư nói rằng:

- Thưa Sa môn Gotama, tôi cũng đi khát thực và nuôi mạng, vậy thầy cũng nên gọi tôi là Bhikkhu.

- Này Bà la môn! Ta không gọi là Tỳ khuru chỉ vì việc đi khát thực mà thôi. Không phải một người thọ trì đủ các pháp về mặt hình thức mà xứng danh là Tỳ khuru đâu. Người hằng suy xét tất cả pháp hữu vi, người ấy mới xứng danh là Tỳ khuru.

Rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn rằng:

266. “Na tena bhikkhu hoti
Yāvatā bhikkhate pare
Vissam dhammam samādāyā
Bhikkhu hoti na tāvatā”.

*“Chỉ mang bình khát thực
Đâu phải là Tỳ khuru
Phải theo Giới pháp bốn
Mới xứng danh Tỳ khuru”.*

267. “Yo’ dha puññañ ca pā pañca
Bāhetvā brahmacariyavā
Sañkhāya loke carati
Sa ve bhikkhū’ ti vuccati”.

*“Ai bỏ cả thiện ác
Chuyên tu hành thanh tịnh
Lấy hiểu biết ở đời
Mới xứng danh Tỳ khuru”.*



CHÚ GIẢI:

Yāvatā: Chỉ bấy nhiêu đó, là chỉ có một việc ôm bát đi khát thực thì không đáng gọi là Tỳ Khuru.

Visam: Các Pháp khác nhau. Đây ám chỉ cho toàn thể giới hạnh mà một vị Tỳ khuru phải thọ trì, chớ chỉ một hạnh đi khát thực không thôi, chưa đủ được gọi là Tỳ khuru.

Yodha: (Yo idha): Người nào trong Giáo Pháp này, vượt qua cả phước và tội, đi trên con đường phạm hạnh cao thượng.

Saṅkhāya: Bằng trí tuệ sáng suốt.

Loke: Trong thế gian nhất là ngũ uẩn: Đây là nội uẩn, đây là ngoại uẩn. Tất cả Pháp đều thông suốt như vậy, người dùng trí tuệ mà phá vỡ phiền não, đáng gọi là Tỳ khuru.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

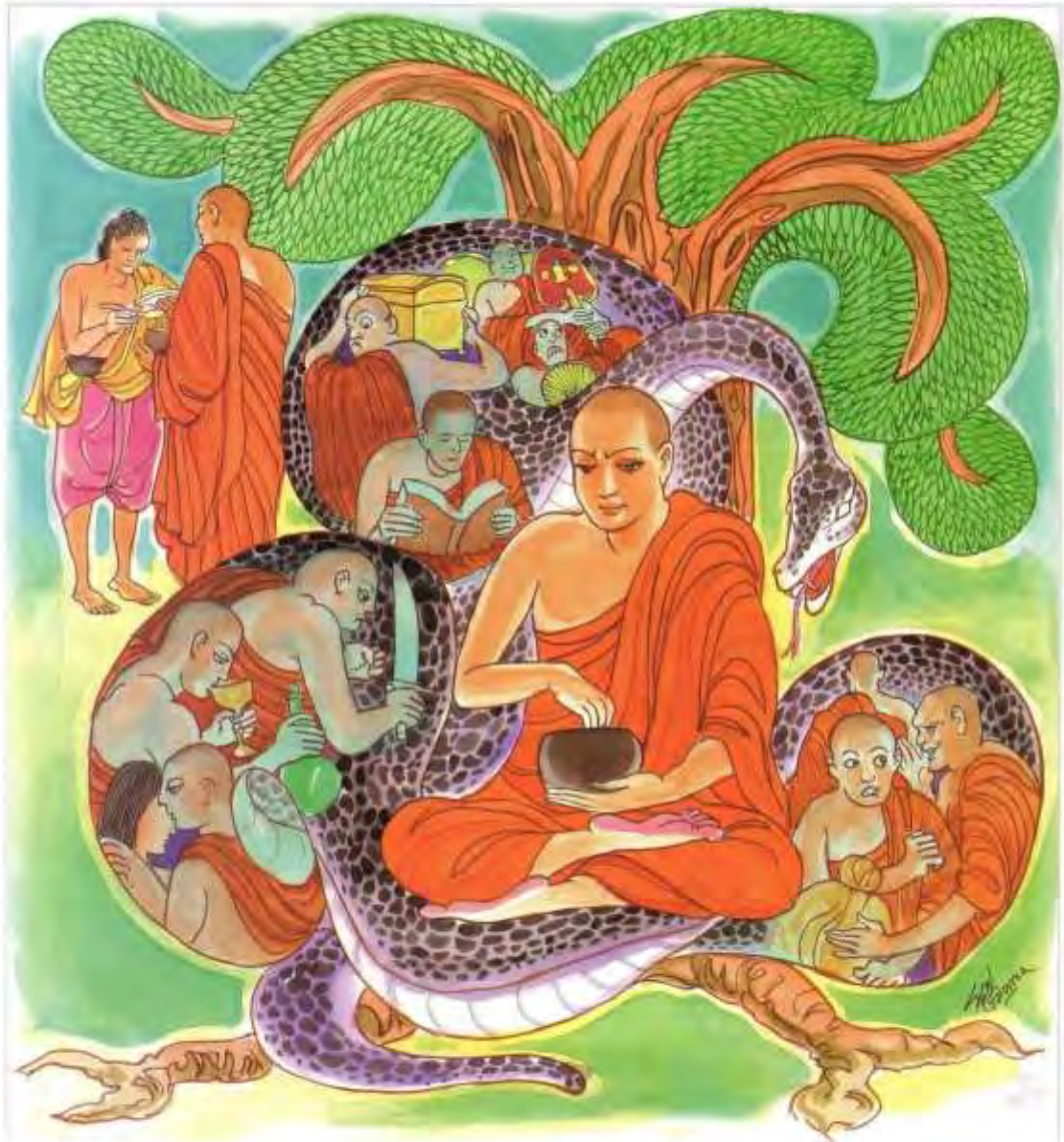


Dịch Giả Cẩn Đề

*Tỳ khuru có nghĩa kẻ xin ăn
Nhưng phải tu thiền, giữ giới răn
Chẳng giống Bàn môn cùng Khất cái
Biết mình cao thượng, bậc Thinh Văn
Ngoại đạo trì bình nhận bạc tiền
Món ăn sống sít chẳng hề kiêng
Thọ nhiều, tích trữ rồi đem bán
Phá giới, làm hoen ố cửa thiền...*

DỨT TÍCH KHÁT SĨ BÀ LA MÔN





266. Không phải đi khát thực, là đích thực tỳ kheo, bậc đích thực tỳ kheo, là sống theo giới luật.



267. Ai siêu việt thiện ác, sống đức hạnh tuyệt vời, thấu triệt được lẽ đời, là tỳ kheo đích thực.

XIX.7- NGOẠI ĐẠO LÀM THINH

(*Na manenāti*)



KÊ NGÔN: (Pháp Cú câu 268-269)

268. “Na monena munī hoti
Mūḷharūpo aviddasu
Yo ca tulaṃ’va paggayha
Varaṃ ādāya paṇḍito”.

*“Im lặng nhưng ngu đần
Đâu được gọi Tịnh giả
Như người cầm cán cân
Kẻ trí chọn điều lành”.*

269. “Pāpāni parivajjeti
Sa munī tena so munī
Yo munāti ubho loke
Munī tena pavuccati”.

*“Từ bỏ các ác pháp
Mới thật là Tịnh giả
Ai thật hiểu hai đời
Mới xứng danh Tịnh giả”.*

Pháp Cú này được Đức Bôn Sư thuyết ra khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến các ngoại đạo.

Tương truyền rằng: Sau khi thọ thực ở một nơi nào, các tu sĩ ngoại đạo thường chúc phúc cho thí chủ như vậy: “*Xin cho người được bình yên, xin cho người được hạnh phúc, xin cho người tăng thêm tuổi thọ. Ở nơi nọ có sinh lây, ở nơi nọ có gai góc, người không nên đi đến chỗ như vậy...*”.

Trong thời kỳ Giác ngộ đầu tiên, sự tụng kinh phúc chúc chưa được Đức Thế Tôn cho phép, nên các Tỳ khuru sau khi thọ thực tại nhà gia chủ là ra đi, chớ không chúc phúc cho gia chủ chi cả. Các tín gia bất mãn than phiền rằng: “*Gần các tu sĩ ngoại đạo, chúng ta còn được nghe chúc phúc. Riêng các Sa môn Thích Tử đây chỉ làm thình ra đi*”.

Chư Tỳ khuru đem việc này bạch trình với Đức Bôn Sư, Ngài dạy rằng:

- Này các Tỳ khuru! Từ rày về sau ở trong trai đường hoặc nơi nào khác, Ta cho phép các thầy phúc chúc tùy theo sở thích và trò chuyện cởi mở với thí chủ khi ngồi gần bên họ.

Chư Tăng tuân theo lời dạy như vậy. Khi các thiện tín được nghe những lời phúc chúc, họ càng tinh tấn thêm hằng mời thỉnh và cúng dâng lễ vật đến Chư Tăng.

Các nhóm ngoại đạo than phiền rằng: “*Chúng ta là những bậc Tịnh giả. Chúng ta giữ sự im lặng. Còn các Thinh Văn của Sa môn Gotama hay thuyết giảng dài dòng trong các trai đường hoặc những chỗ khác tương tự như vậy*”.

Khi nghe những lời chỉ trích của nhóm ngoại đạo, Đức Bôn Sư nói:

- Này các Tỳ khuru, Ta không gọi là Tịnh giả (Muni) chỉ vì người ấy giữ sự im lặng. Quả thật, có một số người vì không biết mà không nói, một số khác vì thiếu sự tín nhiệm và một số khác nữa lại cống cao ngã mạn sợ e người khác học được những tri kiến quan trọng của họ. Là vì họ bỏn xẻn pháp. Bởi vậy, Ta không gọi là Tịnh giả chỉ vì lẽ họ giữ sự im lặng. Theo Ta, ai làm Tịnh giả, làm im lặng được các pháp bất thiện, người ấy mới xứng danh Tịnh giả.

Rồi Ngài thuyết lên hai kệ ngôn rằng:

268. “Na monena munī hoti
Mūlharūpo aviddasu
Yo ca tulaṃ’va paggayha
Varam ādāya paṇḍito”.

“Im lặng nhưng ngu đần
Đâu được gọi Tịnh giả
Như người cầm cân cân
Kẻ trí chọn điều lành”.

269. “Pāpāni parivajjeti
Sa munī tena so munī
Yo munāti ubho loke
Munī tena pavuccati”.

“Từ bỏ các ác pháp
Mới thật là Tịnh giả
Ai thật hiểu hai đời
Mới xứng danh Tịnh giả”.



CHÚ GIẢI:

Na monena: Tịnh giả là người đã làm im lặng tình dục bằng sự im lặng của Đạo Tuệ, bằng sự im lặng của Pháp hành (patipadā). Ở đây ám chỉ sự làm thinh, không nói.

Mūlharūpo: Là người rỗng không.

Aviddasa: Là người vô trí.

Người như vậy dầu có im lặng chẳng nữa cũng không phải là Tịnh giả. Hoặc là người mà chỉ có sự rỗng không, vô trí thì không đáng gọi là Tịnh giả.

Yo ca tulaṃ’va paggayha: Ví như người cầm cân lấy ra bên dư đưa vào bên thiếu như thế nào, thì cũng như thế ấy, bậc hiền trí lấy bên dư là ác pháp bỏ ra, châm đầy thiện pháp vào bên thiếu. Nói cách khác, bậc hiền trí hăng bỏ tấc các pháp cao nhân quý báu là Giới, Định, Tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến và mang theo mình, đồng thời xa lánh các tội ác, các nghiệp bất thiện.

Sa munī: Bậc ấy đáng gọi là Tịnh giả.

Tena so munī: Tại sao bậc ấy gọi là Tịnh giả. Vì mấy lẽ đã giải trên, nên bậc ấy gọi là Tịnh giả vậy.

Yo munāti ubho loke: Người nào đã cân nhắc kỹ mọi thế giới, nhất là ngũ uẩn. Theo cách này biết rõ cả hai thế gian pháp.

Munī tena pavuccati: Do lí lẽ trên mà gọi bậc ấy là Tịnh giả vậy.

Cuối thời Pháp, nhiều Tỳ khuru chứng đắc Thánh Quả, nhất là Tu Đà Hườn quả.

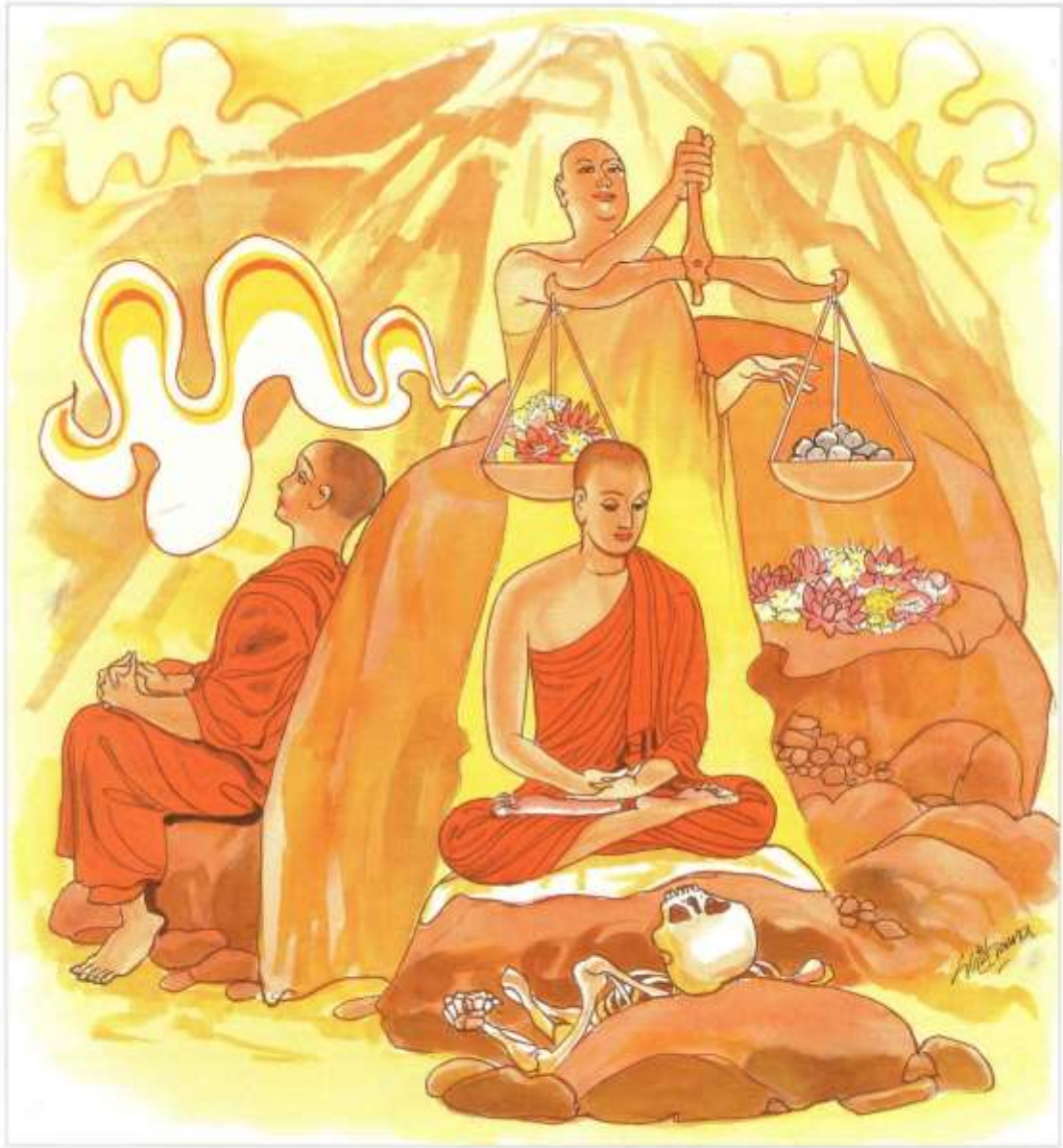


Dịch Giả Cần Đề

*Tận trừ tam độc, tuệ cao thâm
Không vì danh lợi phê tuồng giả
Một mực làm thinh, giống kẻ câm
Tịnh khẩu thì không nói bá xàm
Nói điều hữu ích, chống sân tham
Nương theo chánh mạng, xa tà kiến
Cám khẩu là xa lánh tục phàm.
Tịnh Giả, người tu tịnh nơi tâm.*

DỨT TÍCH NGOẠI ĐẠO LÀM THINH





268. Im lặng nhưng ngu si, đâu phải là hiền trí, như cầm cân công lý, bậc trí chọn điều lành.



**269. Từ bỏ mọi ác pháp, là xứng danh bậc trí, người được gọi
hiền sĩ, am hiểu cả hai đời.**

XIX.8- NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA

(*Na tena ariyo hotīti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 270)

“Na tena ariyo hoti
Yena pāṇāni hiṃsati
Ahimsā sabbapāṇānam
Ariyo’ti pavuccati”.

“*Còn sát hại chúng sanh
Đâu được gọi Hiền Thánh
Không hại mọi chúng sanh
Xứng danh bậc Hiền Thánh*”.

Pháp Cú này Đức Bôn Sur đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến người dân chải tên Ariya.

Một hôm, quán thấy Ariya này có duyên lành đắc quả Tu Đà Hườn. Đức Bôn Sur dẫn chư Tỳ khuru đi khát thực trong làng ở phía Bắc thành Sāvattthī rồi trở về chùa.

Ngay lúc bấy giờ, người dân chải đang lo câu cá. Khi trông thấy Tỳ khuru Tăng có Đức Phật dẫn đầu, người ấy buông bỏ cần câu và đứng im.

Đức Bôn Sur dừng chân không xa chỗ Ariya đứng và quay lại hỏi Đại Đức Sāriputta và các vị khác rằng:

- Thầy tên gì?

Chư Tỳ khuru lần lượt đáp tên mình như là: “Con là Sāriputta, con là Moggallāna...”.

Người câu cá nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn hỏi tên các vị Tỳ khuru, có lẽ Ngài sẽ hỏi đến tên ta chẳng sai”.

Đức Thế Tôn biết được tâm ý của y, liền hỏi rằng:

- Này thiện nam, ông tên là chi?

- Bạch Ngài! Con tên Ariya (Thánh nhân)

Nghe vậy, Đức Bôn Sur cải chính rằng:

- Này Thiện nam, sát sanh như ông không xứng danh là Ariya. Bậc Ariya thì tâm đầy đủ từ bi, không bao giờ có lòng nào hại chúng sanh.

Nói rồi Ngài thuyết lên kệ ngôn:

“Na tena ariyo hoti
Yena pāṇāni hiṃsati
Ahimsā sabbapāṇānam
Ariyo’ti pavuccati”.

“*Còn sát hại chúng sanh
Đâu được gọi Hiền Thánh
Không hại mọi chúng sanh
Xứng danh bậc Hiền Thánh*”.



CHÚ GIẢI:

Bằng sự vô não hại, như trên đã nói, người nào não hại chúng sanh thì vì lẽ đó không phải Ariya (Bậc Thánh Nhân). Còn người nào bằng cách vô hại, không dùng

tau chân, gây gộc... mà đối với tất cả chúng sanh, trú tâm trong thiền định nhất là niệm tâm từ mà xa lìa được não hại (bạo động), người ấy chính là bậc Ariya vậy.

Cuối thời Pháp, người câu cá chứng quả Tu Đà Hườn, thính chúng hiện diện cũng được nhiều lợi ích.



Dịch Giả Cẩn Đề

Ariya là bậc Thánh Nhân

Giống như Vô Não đã dùng chân

Không còn sát hại sinh linh nữa

Bỏ kiếm quay về với Phật thân

Ariya này ném cá câu

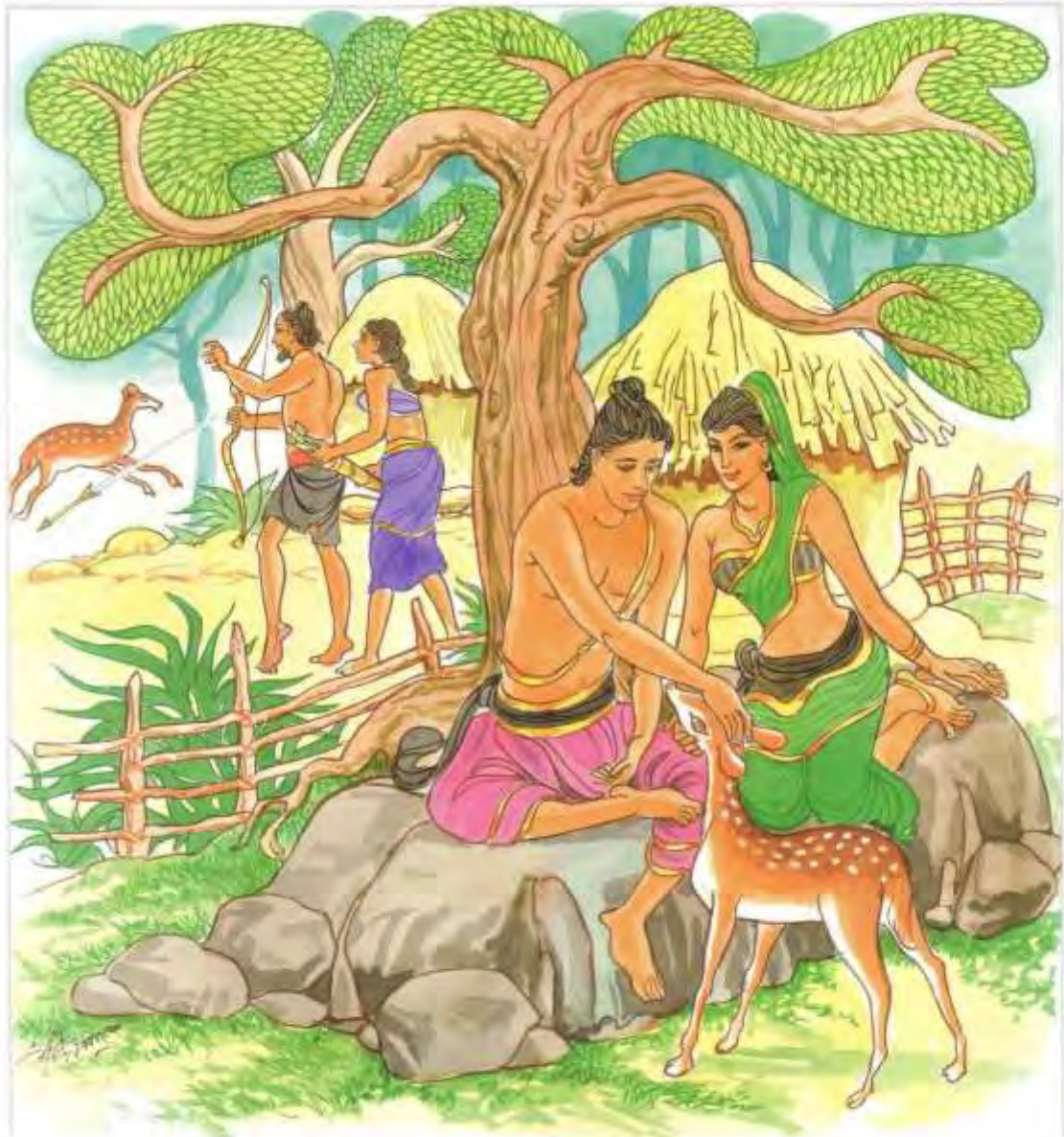
Đứng im nghe Phật hỏi cơ mâu

Dứt liền niệm ác, tâm Vô não

Hiệp đủ nhân duyên, đắc quả đầu.

DỨT TÍCH NGƯỜI DÂN CHÀI TÊN ARIYA





270. Sát hại sanh linh thì đâu có phải là bậc cao quý. Mà bậc cao quý thì phải là người không tổn hại ai.

XIX.9- NHIỀU VỊ TỖ KHU' TỰ MÃN

(*Na sīlabbata mattenāti*)



KỆ NGÔN: (Pháp Cú câu 271-272)

271. “Na sīlabbatamattena
Bāhusaccena vā puna
Atha vā samādhilābhena
Vivicca sayanena vā”.

“*Chẳng phải giữ giới cấm
Cũng chẳng phải nghe nhiều
Hoặc chứng được thiền định
Sống cô độc một mình*”.

272. “Phusāmi nekkhammasukham
Aputhujjanasevitam
Bhikkhu vissāsam āpādi
Appatto āsavakkhayam”.

“*Tự xem đã thọ hưởng
Hạnh phúc giải thoát lạc
Phàm phu chưa hưởng được
Tỳ khuru chớ bằng lòng
Nếu lậu hoặc chưa diệt*”.

Pháp Cú này Đức Bôn Su đã thuyết khi Ngài ngự tại Jetavana, đề cập đến nhiều vị Tỳ khuru đầy đủ giới hạnh.

Tương truyền rằng: Trong các Tỳ khuru này có một số nghĩ rằng: “*Chúng ta là bậc Cù Túc giới, chúng ta là bậc Đa Văn, chúng ta cư ngụ nơi xa xôi hẻo lánh, chúng ta đã chứng đắc thiền định. Đối với chúng ta quả A La Hán không khó đắc. Ngày nào chúng ta muốn, chúng ta sẽ đắc A La Hán trong ngày đó*”.

Cùng một lối như vậy, các Tỳ khuru đắc A Na Hàm cũng tự nghĩ rằng: “*Bây giờ, đối với chúng ta quả A La Hán không khó đắc*”.

Tuy nhiên, một ngày nọ, tất cả các Tỳ khuru đều đến yết kiến Đức Bôn Su. Đánh lễ xong rồi ngồi xuống, Đức Bôn Su bèn hỏi:

- Nay các Tỳ khuru! Các thầy đã đạt đến mục đích cứu cánh của bậc xuất gia giải thoát chưa?

- Bạch Ngài! Chúng con đã đạt đến trình độ như thế, như thế... Bởi vậy, chúng con có thể đạt đến quả vị A La Hán ngay lúc nào mà chúng con muốn. Với ý nghĩ như vậy, chúng con sống bình an.

Nghe chư Tăng đáp như thế, Đức Bôn Su cảnh tỉnh rằng:

- Nay các Tỳ khuru! Một Tỳ khuru xứng đáng không nên chỉ ý vào chỗ mình đã thọ trì đầy đủ Tứ thanh tịnh giới, hoặc hạnh đầu đà, hoặc chỉ ý thị vào chỗ đã hưởng hỷ lạc cả A Na Hàm quả mà vội cho rằng: “*Hiện nay đời sống của ta ít có khổ não*”. Ngày giờ nào chưa đạt đến mức lậu tận thì chớ nên khơi lên cái tâm nghĩ rằng: “*Ta được an vui*”.

Nói rồi, Ngài ngâm kệ rằng:

271. “Na sīlabbatamattena
Bāhusaccena vā puna

“*Chẳng phải giữ giới cấm
Cũng chẳng phải nghe nhiều*”

Atha vā samādhilābhena
Vivicca sayanena vā”.

*Hoặc chứng được thiền định
Sống cô độc một mình”.*

272. “Phusāmi nekkhammasukham
Aputhujjanasevitam
Bhikkhu vissāsam āpādi
Appatto āsavakkhayam”.

*“Tự xem đã thọ hưởng
Hạnh phúc giải thoát lạc
Phàm phu chưa hưởng được
Tỳ khuru chớ bằng lòng
Nếu lậu hoặc chưa diệt”.*

CHÚ GIẢI:

Sīlabbatamattena: Do nơi sự giữ Tứ Thanh Tịnh giới hoặc thọ trì mười ba chi đầu đà, hoặc là do sự nghe nhiều học rộng, hoặc thuộc lòng cả Tam Tạng kinh.

Samādhilābhena: Do đắc tám tầng thiền.

Nekkhammasukham: Hỷ lạc của bậc A Na Hàm. Bởi vậy mới nói ta hưởng hạnh phúc của A Na Hàm.

Aputhukkanasevitam: Phàm phu không được hưởng, nhưng Thánh nhân thì hưởng được.

Bhikkhu: Này Tỳ khuru! Đây là gọi một Tỳ khuru nào trong đó.

Vissāsamāpādi: Chớ tin cậy, bằng lòng. Như trên đã nói: Này Tỳ khuru, việc thọ trì Cụ Túc Giới và đắc thiền định, theo Ta vẫn còn ít ỏi, nhỏ nhen, nếu chưa đắc quả Lậu Tận.

Chưa đắc A La Hán, một Tỳ khuru xứng đáng chưa bằng lòng. Ví như phân, dầu chỉ chút ít cũng có mùi hôi thúi như thế nào thì biết là cảnh giới tái sanh dầu nhỏ nhen chút ít cũng là khổ.

Cuối thời Pháp, các Tỳ khuru ấy đều đắc quả A La Hán. Thính chúng câu hội nơi đó cũng hưởng được lợi ích của thời Pháp.



Dịch Giả Cần Đề

*Chưa đến tận cùng mục đích tu
Chớ nên hưởng đãi việc công phu
Bao giờ đắc quả A La Hán
Mới chắc từ đây thoát ngục tù...
Giữ giới tu thiền chẳng đủ đâu
Đầu đà thêm học vấn cao sâu
A Na Hàm hỷ làm chi đó
Nếu vẫn còn vương “hữu” khổ sầu.*

DỨT TÍCH NHIỀU VỊ TỶ KHƯU TỰ MÃN



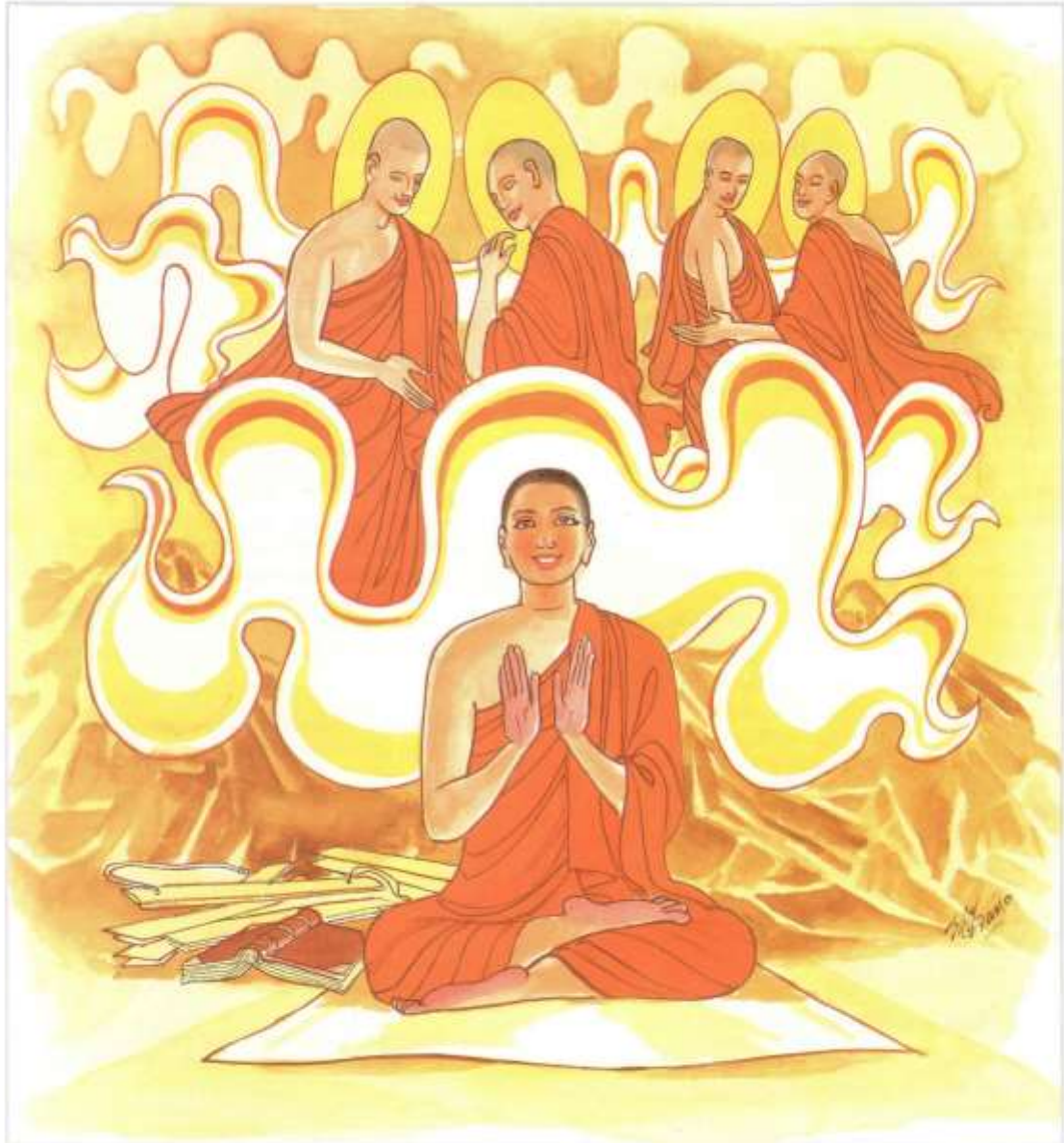
DỨT PHẨM PHÁP TRỤ - DHAMMADAṬṬHA VAGGA

DỨT PHẨM 19





271. Không phải giữ giới luật, khổ hạnh hay học nhiều, Thiền định, hay ăn dật, mà sanh tâm tự kiêu.



**272. “Ta hưởng phúc xuất thế. Phạm phu hưởng được nào”.
Tỳ kheo, chớ tự mãn. Lậu hoặc hãy triệt tiêu.**